

LAI RAI CHÉN RƯỢU
GIANG HỒ

HUỲNH NGỌC CHIẾN

LAI RAI
CHÉN RƯỢU
GIANG HỒ

TẢN MẠN VỀ VÕ HIỆP KIM DUNG



CÔNG TY SÁCH THỜI ĐẠI

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI TỰA

Sau khi giao bản thảo cuốn *Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ* để in lần thứ ba, tôi nghĩ đó sẽ là bản in cuối cùng với những bài viết cuối cùng.

Tình cờ, tháng 9/2018 đại đức Thích Nhuận Châu, trong một chuyến đi giảng dạy Phật học tại Huế, đã tìm về Quảng Nam thăm tôi, chỉ để động viên tôi viết tiếp về Kim Dung, theo hướng triển khai tư tưởng Phật giáo trong *Kinh Kim Cương*. Đó là một cuộc gặp gỡ bất ngờ và lý thú vì chúng tôi chỉ biết nhau qua thư từ và sách vở.

Sau buổi mạn đàm hôm ấy, tôi viết bài *Tân Mạn Về Ảnh Hưởng Của Kinh Kim Cương Trong Tác Phẩm Kim Dung*, và, trong đợt tái bản với NXB Hồng Đức lần này, tôi sắp nó nằm ở vị trí thứ hai cho đúng trình tự của chủ đề cuốn sách. Bài đó xin được xem như một chút gợi hứng cho những cây bút trẻ viết về đề tài này, về ảnh hưởng của Phật giáo mà trong cuốn *Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ* vẫn chỉ mới bàng bạc như chút mây trời.

Tháng 10, năm 2019.

LỜI TỰA BẢN IN LẦN THỨ NHẤT¹

Tiểu luận này là tuyển tập những bài viết của tôi về Kim Dung, đăng trên các báo Kiến thức ngày nay, Pháp luật. Tôi có bổ sung thêm một vài bài, và có sửa chữa đôi chút cho phù hợp, khi in ra dưới dạng sách. Viết về Kim Dung, với tôi, là cách để nói lên những suy niệm riêng của mình. Và cũng là cách nói hộ cho rất nhiều người khác, những gì họ mà họ đã ấp ủ từ lâu trong tâm niệm. Đọc các tác giả lớn như Kim Dung, ta phải nên luôn luôn tư niệm một điều “Nhà tư tưởng luôn luôn suy tư về một điều duy nhất”.

Tác phẩm Kim Dung làm người đọc say mê không chỉ ở cốt truyện hấp dẫn, nghệ thuật kể chuyện tài hoa, hoặc ở chỗ đưa người đọc đến với một thế giới rộng lớn bao la và thiên nhiên huyền bí, mà còn ở chỗ nó đặt ra những vấn đề trầm trọng cho tư tưởng. Các bộ sách đồ sộ của ông âm thầm kết tập vô số dư vang, dưới ánh sáng lung linh của Đông Phương Sơ Thủy, và mở ra một thông đạo thênh thang cho tư tưởng, để đón nhận nhiều dư hưởng mệnh mông khác từ bốn phương vọng lại. Để lịch hành trên thông đạo đó, thì cách hay nhất là đọc trực tiếp các tác phẩm của ông, bởi vì

¹ Lời tựa cho bản in của NXB Văn Học, năm 2002.

*“Shakespeare will never be made by the study of Shakespeare”*¹
(Chân tướng của Shakespeare sẽ không bao giờ hiển lộ bởi Shakespeare học). Điều đó cũng đúng với Kim Dung, và đúng với các tác giả lớn khác, suốt dưới vòm trời Đông Tây kim cổ.

Đi vào thế giới Kim Dung bằng những suy niệm chân thành, chúng ta sẽ dễ nhận ra mỗi *“nhất dĩ quán”* trong hàng chục bộ sách của ông. Nhưng nhận ra ở mức độ nào, hoặc nhận ra được điều gì, thì điều đó còn tùy thuộc vào cơ duyên của từng người. Và đi vào thế giới Kim Dung cũng có nhiều thể cách: hoặc bốn cột phiêu bổng, hoặc trầm ổn túc mục, hoặc lai rai khoái hoạt, hoặc đắm chiêu tư niệm.

Và xin mượn lời thi sĩ Bùi Giáng để kết thúc cho phần tựa:

“Đọc truyện vũ hiệp là một trong những phép tu dưỡng kí ức và khơi dẫn nguồn vui ẩn mật trong mình. Đọc theo lối hồn nhiên, hoặc vừa đọc vừa suy gẫm. Chuông lục, kiếm thế, nội kinh phát ra có thể là tinh thể của tinh thần phát hiện.

Riêng đối với bạn thi sĩ, sách vũ hiệp có thể giúp bạn làm thơ lai láng một cách không ngờ. Điều đó không có chi lạ: ban sơ vũ học, văn học, thi nhạc cùng phát khởi tại một cội nguồn: nguyên nguyên của tinh thần xuất phóng”.²

Như thế phải chăng là đã nói rất nhiều?

Quảng Nam, cuối năm con Rồng, 2000

¹ **R.W. Emerson**, Self-Reliance, The Havard Classics, 1937, tr.80

² Kim Kiếm điều linh, NXB Văn Tấn, 1967, (Lời cuối sách)

LỜI TỰA BẢN IN LẦN THỨ HAI¹

Đã hơn sáu năm rồi, kể từ xuất bản cuốn “*Lai rai chén rượu giang hồ*”, đời tôi đã trải qua những cuộc “*biển dâu*” kinh dị mà trước đây tôi vẫn chưa thể hình dung trong trí tưởng; và do đó tôi thấy yêu thêm *cõi giang hồ*. Cõi giang hồ quả là chốn kiếm đao vô tình giết người trong chớp mắt, đầy dẫy những cảnh tàn bạo kinh người, nhưng nó khác hẳn với *cõi người ta* ở một điểm cực kỳ quan trọng: đó là nó không giành chỗ cho sự dễ tiện. Khách giang hồ luôn trọng nghĩa và thủ tín, họ có thể tàn nhẫn hiếu sát, nhưng họ không bao giờ dễ tiện. Đó là một trong những lý do sách kiếm hiệp vẫn luôn mê hoặc tôi từ bé.

Chính qua cuốn “*Lai rai chén rượu giang hồ*” mà tôi được biết thêm những người bạn trẻ còn tha thiết với cái học phương đông. Lần tái bản này, tôi gộp hết những bài viết về Kim Dung in thành một tập để đánh dấu ngày tôi không viết về Kim Dung nữa. Nếu Kim Dung còn có gì để viết, thì tôi tin rằng chính các bạn trẻ đó sẽ là những người cầm bút trong tương lai.

Tôi cho đăng lại nguyên văn những đoạn mà khi đăng

¹ Lời tựa cho bản in của NXB Văn Nghệ TPHCM, năm 2006.

báo đã bị lược bỏ, hoặc bổ sung sửa đổi lại một đôi chỗ. Xin chân thành cảm ơn các bạn trẻ chưa quen biết, trong các năm qua, đã đưa những bài viết này lên mạng để đến với nhiều độc giả, và chân thành cảm ơn ý kiến đánh giá của các bạn, khen cũng như chê. Với tôi, bài viết đến được với nhiều bạn đọc là đủ. Do đây là tập hợp những bài báo, không phải là một tác phẩm “*ngiên cứu*” về Kim Dung, nên có một đôi chỗ trùng lặp, dù rất nhỏ nhưng vẫn mong bạn đọc cảm thông.

Cảm ơn những độc giả đã chia sẻ cùng tôi những suy tư về Kim Dung. Đúng hay sai, điều đó không quan trọng, mà điều quan trọng nhất là chúng ta đã cùng đến với Kim Dung như một cái cớ giúp ta tìm về những chân trời mệnh mông diệu vợi, để gặp thêm những điều huyền mật còn ẩn tàng trong cõi nhân sinh.

Sài Gòn, Mạn hạ, năm Bính Tuất 2006

LỜI TỰA

BẢN IN LẦN THỨ BA ¹

Nội dung sách trong lần in này của NXB Trẻ, so với lần in trước thì có thêm bài bàn về ni cô Viên Tính trong *Phi Hồ Ngoại Truyện*. Đây là bài cuối cùng tôi viết về Kim Dung trong tạp chí *Kiến thức Ngày Nay*.

Đã hơn 15 năm trôi qua, kể từ khi tôi chia sẻ tâm tư cùng bao suy niệm với bạn đọc về Kim Dung trên tạp chí *Kiến thức Ngày Nay*. Một quãng đời đã mất, nhưng nó không khép lại trong quên lãng, mà cứ âm thầm xuất hiện theo kiểu lai rai ngẫu nhĩ tình cờ đây đó, để rồi đến hôm nay lại có cơ hội “tái xuất giang hồ”.

Cảm hứng của tôi về Kim Dung vẫn không hề cạn, dù không viết thêm bài nào nữa về ông. Từ năm 2006, tôi không viết về Kim Dung nữa, với mong mỗi câu chuyện Kim Dung sẽ được tiếp tục bởi những cây bút trẻ, sôi nổi hơn, uyên bác hơn, có điều kiện hơn. Vì với tôi, Kim Dung vẫn là một tác giả lớn, còn nhiều điều để khám phá.

Cùng Kim Dung, ta trải qua bao cuộc tranh chấp đoạt lợi tranh danh đầy máu lửa chốn võ lâm, trải qua bao chuyện thị

¹ Đây là lời tựa cho bản in của NXB Trẻ, năm 2016.

phi ân oán kinh người, đắm chìm theo những mối tình trái ngang đầy nước mắt, như một người trong cuộc, để rồi một ngày nhìn lại, thấy tất cả đều như một giấc mộng hư huyền. Nhưng còn đọng mãi trong tôi lời nói của Phương Chứng đại sư, khi đáp lễ Lệnh Hồ xung khi cảm tạ ơn cứu mạng:

Nói làm chi đến đại ân đại đức hay thâm cừu đại hận? Ân đức là duyên mà oán cừu cũng là duyên; cừu hận không nên giữ trong lòng, mà ân đức cũng không cần phải giữ trong lòng. Mọi chuyện thế gian đều như khói tỏa mây bay trước mắt; sau cuộc trăm năm, còn có chi là ân đức oán cừu?

Thuyết thậm ma đại ân đại đức, thâm cừu đại hận! Ân đức thị duyên, oán cừu diệt thị duyên, cừu hận bất khả chấp trước, ân đức diệt bất tất chấp trước. Trần thế chi sự, giai như quá nhãn vân yên; bách tuế chi hậu, cánh hữu thậm ma ân đức cừu oán! 說甚麼大恩大德, 深仇大恨? 恩德是緣, 冤仇亦是緣, 仇恨不可執著, 恩德亦不必執著。塵世之事, 皆如過眼雲煙, 百歲之後, 更有甚麼恩德仇怨?

Cùng đích của việc đọc Kim Dung phải chăng là để ghi nhớ câu nói đó trong lòng, để làm hành trang đi giữa cuộc trăm năm?

Sài Gòn, ngày 16 tháng 8 năm 2015

GHI CHÚ

Nhằm giúp các bạn trẻ làm quen với một vài khái niệm triết học Đông phương, tôi cho in kèm nguyên văn của một số câu thơ và các đoạn trích dẫn, để các bạn tiện tham khảo. Những câu thơ Hán hoặc Việt, không có trích xuất xứ đều là thơ của tác giả.

Trước 1975, tác phẩm Kim Dung thường được tìm đọc qua bản dịch của dịch giả tài hoa Hàn Giang Nhạn. So với bộ nguyên tác Kim Dung mà tôi được đọc qua, thì có một số thay đổi nhỏ về tên gọi các nhân vật quen thuộc. Điều đó không quan trọng lắm, nhưng tôi xin liệt kê một vài tên để các bạn đọc, vốn đã quen với các tên nhân vật qua bản dịch, khỏi ngỡ ngàng khi đọc cuốn tiểu luận này.

Tên trong bản dịch cũ

Tên trong nguyên tác

Vương Ngọc Yến

Vương Ngũ Yên

Triều Dương thần giáo

Nhật Nguyệt thần giáo

Hàn Thiên Chính

Ân Thiên Chính

Hàn Ly

Ân Ly

Tiểu Siêu

Tiểu Chiêu

Triệu Minh

Triệu Mẫn

Long mộc đảo

Hiệp khách đảo

TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG NHÌN QUA LĂNG KÍNH TRIẾT HỌC TRUYỀN THỐNG PHƯƠNG ĐÔNG

Tại phương Đông, triết học hoàn toàn không phải là những khái niệm xa lạ với cuộc sống, nó không tự đóng khung trong những tháp ngà để mọi người phải “*kính nhi viễn chi*”¹ mà trái lại nó hòa nhập vào tận từng hơi thở của cuộc sống thường ngày. Người phương Tây thường nói: “Ăn trước rồi mới triết lí sau”, người phương Đông cho rằng trong công việc ăn uống, sinh hoạt đời thường tự nó đã mang tính triết lí rồi. Trong lịch sử phát triển văn hóa phương Đông, đã có nhiều giai đoạn người ta khó lòng chứng kiến được sự nở rộ đến kì diệu của các trào lưu Trà đạo, Hoa đạo, Kiếm đạo, hội họa thi ca... nếu như chúng không được gợi hứng trực tiếp ít nhiều từ Lão giáo và Phật giáo Thiền tông. Thế nhưng hoa đạo, trà đạo hay hội họa... dẫu cao diệu đến đâu chẳng nữa cũng chỉ là sự biểu hiện của tâm dưới ánh sáng của các tâm hồn giác ngộ; chỉ trong Kiếm đạo, sinh mệnh mới thực sự treo lơ lửng trên đường tơ kẻ tóc. Vấn đề sinh tử không còn được nêu lên để trầm tư suy tưởng như một công án nữa, mà biên giới giữa tử và sinh giờ đây có khi chỉ cách nhau trong

¹ Kính sợ mà xa lánh (Luận ngữ- Ung giả VI)

một *sát na*¹. Từ đó triết học cũng hóa thân vào các kiếm pháp thượng thừa.

Kim Dung là một trong những người đầu tiên bước ra khỏi con đường sáo mòn của tiểu thuyết kiếm hiệp cổ điển vốn mang nặng phong cách của loại tiểu thuyết chương hồi về hình thức lẫn mô-típ sáng tạo, trong đó các nhân vật chính diện lẫn phản diện thường na ná theo một khuôn khổ ước lệ như nhau. Kim Dung là người tiên phong trong việc soi sáng các tư tưởng triết học truyền thống phương Đông dưới một khía cạnh hoàn toàn mới lạ: *võ thuật*. Ngay từ các tác phẩm đầu tiên như *Thư Kiếm Ân Cừ Lục* cho đến *Ỗ thiên Đồ long kí*, *Hiệp khách hành*, *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung đã không ngừng nỗ lực triển khai tư tưởng này. Thế nhưng trong các tác phẩm đó, nhất là trong *Thư kiếm ân cừ lục*, ông đã quá chú trọng đến lí luận nên tư tưởng được triển khai hơi nặng nề. Ngòi bút nhà tư tưởng truyền thống đã lấn át phong cách hào hoa của nhà nghệ sĩ, người đọc có cảm tưởng đang nghe “*giảng đạo*”. Chỉ đến *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, thì tư tưởng đó mới thực sự được khai mở một cách phiêu bổng bằng đường kiếm vô chiêu của gã tửu đồ Lệnh Hồ Xung.

Kim Dung đã triển khai những nếp gấp ẩn mật trong tư tưởng phương Đông qua phong cách riêng biệt của tiểu thuyết võ hiệp. Theo truyền thống phương Đông, phàm những gì có thành thì phải có hoại² bởi vì vạn vật đều được cấu tạo từ chỗ bất toàn của nó³. Do đó, mọi chiêu kiếm dù cao thâm đến đâu, hễ đã thành chiêu thức thì ắt phải có chỗ

¹ Một khái niệm thời gian cực ngắn theo triết học Phật giáo

² Kính sợ mà xa lánh (Luận ngữ- Ung gia VI)

³ Thơ Lí Hạ "Nữ Oa luyện thạch bổ thiên xứ, Thạch phá thiên kinh đậu thu vũ" 女媧煉石補天處, 石破天驚逗秋雨 (Nơi bà Nữ Oa luyện đá vá trời, đá vỡ trời rung, mưa thu ngưng đọng)

sơ hở để địch nhân phản kích. “Nếu ta đánh không theo chiêu thức nào cả thì địch nhân phá vào đâu?”. Câu hỏi đơn giản của Phong Thanh Dương như một tiếng hét của Lâm Tế, như cây gậy của Đức Sơn¹ khai ngộ ngay cho anh chàng lãng tử Lệnh Hồ Xung. Từ bước ngoặt đó, y đã đánh bại ngay Điền Bá Quang, người mà chỉ vài giờ trước đó đã đánh cho y thua liểng xiểng.

Từ chỗ được khai tâm điểm nhãn, đường kiếm vô chiêu tuyệt diệu của Độc Cô Cầu Bại cứ theo gã tửu đồ Lệnh Hồ Xung phiêu bồng khắp giang hồ, mà không hề bại trận. Ngay dưới chân núi Vô Đương, khi vô tình so gươm với tay đệ nhất kiếm thuật đương thời là Xung Hư đạo trưởng –chưởng môn phái Vô Đương–, lúc bị khốn trong những vòng kiếm quang liên miên bất tận, Lệnh Hồ Xung vẫn nhớ đến nguyên lí “*có thành phải có hoại*”, nên đã đánh ngay vào làn kiếm quang dày đặc và đã thủ thắng bằng một chiêu tối hậu. Một lần nữa tư tưởng Vô thắng Hữu lại được khẳng định qua đường kiếm thượng thừa. Ở đây ta thấy thấp thoáng tư tưởng “*Vô danh thiên địa chi thủy*”² của Đạo đức kinh.

Kiểm pháp vô chiêu của Độc Cô Cầu Bại vốn không có khuôn khổ nhất định, nó cứ linh động tùy cảm mà ứng nên nó có thể thâm hóa tất cả kiếm pháp trong thiên hạ vào một mối để biến thành kiếm pháp của chính nó, thế thì thử hỏi có kiếm pháp nào trong đời địch lại nổi? Ngày xưa khi Độc Cô Cầu Bại hành hiệp, ông chỉ ước được bại trận một lần mà không được! Kiếm pháp đó sẽ cực kì phức tạp, khó hiểu đối

¹ Hai thiền sư đời Đường chuyên khai ngộ đệ tử bằng cách hét và đánh gậy tay cho những bài thuyết pháp

² 無，名天地之始。Vô là tên gọi khởi thủy của trời đất (Đạo đức kinh, chương I) (Cách dịch của tôi có khác với một vài sách dịch khác, thường dịch câu này là : Vô danh là gốc của trời đất)

với những kẻ uyên bác đầy ắp kiến thức, nhưng lại dễ dàng tiếp cận với những trái tim thuần phác hồn nhiên, không câu nệ cố chấp, những đầu óc không mang sẵn những định kiến cứng nhắc, những tâm hồn đã đạt mức “*hư kì tâm*” (*giữ lòng trống rỗng*) của Lão Tử. Kiếm pháp vô chiêu cũng là một bức tranh minh họa sinh động về tư tưởng “*Nhất dĩ quán chi*”¹ của Khổng Tử.

Một số người không quen nếp suy tư phương Đông sẽ cho rằng nếu như thế thì hóa ra kẻ không biết gì về võ công, đánh không theo một chiêu thức qui củ nào lại hơn cả những tay cao thủ! Đây là một kiểu ngộ nhận khá phổ biến. Vô ở đây không phải là không biết gì theo suy tư thông thường mà là cái Vô đã vượt trên cái Hữu. Vô được ví như cái hang rỗng chứa được tất cả nhưng vẫn trống không. Trong truyền thống Phật giáo tiểu thừa, người đạt quả vị tối cao là A la hán còn được gọi là bậc *Vô học*. Từ “*Vô*” trong vô chiêu nên được hiểu theo nghĩa đó hoặc hiểu theo nghĩa tính Không (*śūnyāta*) trong hệ thống tư tưởng Bát Nhã Phật giáo.

Triết học Đông phương, đặc biệt là Phật giáo, vẫn thường tỏ ra dè dặt với sự lãnh hội của lí trí. Người ta không tin rằng lí trí có thể thấu hiểu được mọi vấn đề bằng khả năng, phân tích tổng hợp của nó. Chưa bao giờ, trong tác phẩm Kim Dung, kẻ uyên bác khổ luyện lại là người đạt đến trình độ tối cao trong võ học. Hình ảnh những đại cao thủ như Tô Tĩnh Hà, Cưu Ma Trí, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác.... là những biểu tượng thất bại của tham vọng bách khoa, của lí trí trước thêm võ học. Bởi vì sự tích lũy không thấu hóa sáng tạo chỉ đưa đến tổng số thay vì tổng hòa. Họ chỉ đang đường chứ

¹ 一以貫之。Dùng lẽ một để thấu suốt tất cả.

không thể nào nhập thất¹. Chỗ tận diệu của võ thuật vẫn như một huyền án lơ lửng thách đố trí thông minh của con người. Càng thông minh, càng tích chứa kiến thức mà không có được một đầu mối nhất dĩ quán thấu suốt tất cả để dung hòa thành một mối thì dễ dàng rơi vào trạng thái tẩu hỏa nhập ma tinh thần². Trái lại những tâm hồn thuần phác và tĩnh lặng như vị sư vô danh quét rác trong Tầng kinh các chùa Thiếu Lâm mới đạt đến chỗ tận diệu đó. Đó là những triết gia phương Đông chân chính và vô danh đang hiển thị chữ đạo trong võ thuật giữa các công việc bình nhật thường ngày.

Trong *Hiệp khách hành*, tất cả đại cao thủ đệ nhất đương thời đều điên đầu không thể lĩnh hội nổi võ công để trên bức vách tại Long Mộc đảo, kể cả Long Mộc đảo chủ, hai nhân vật mà võ công đã đi vào huyền thoại, ấy thế mà gã ăn xin đôn hậu Thạch Phá Thiên vốn dốt đặc cán mai lại thấu triệt hoàn toàn. Ở đây, dường như Kim Dung muốn nhắc ta nhớ lại hình ảnh thiền sư Huệ Năng, Tổ thứ sáu của lịch sử Thiền tông Trung Quốc, người đốn củi không học hành lại được sư phụ truyền y bát để kế tiếp tông phái thay vì truyền cho Thần Tú, là một vị cao tăng uyên bác³. Cái diệu lí của võ thuật, của đạo đã vượt quá ngôn ngữ văn tự mà đi thẳng vào tâm hồn những người đồng điệu theo lẽ “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”. (Kinh Dịch, quẻ Kiên)

¹ Không từ chia môn đồ của mình thành hai hạng : hạng đăng đường chỉ hiểu được lớp bên ngoài của đạo, còn hạng nhập thất mới hiểu thấu được phần tinh hoa cốt tủy bên trong.

² Thuật ngữ dùng để chỉ những người luyện võ công sai lầm đưa đến trạng thái tê liệt toàn thân. Thật ra khái niệm này trong võ thuật Trung Quốc cũng lấy từ Hatha - Yoga Ấn Độ

³ Theo Pháp bảo đàn kinh.

Theo kinh Dịch, tất cả thiên sai vạn biệt trong vũ trụ này đều phát sinh từ cái một đơn nhất: đó là *Thái cực*¹. Cho nên đỉnh cao của võ thuật cũng tiến dần đến chỗ đơn nhất. Trên con đường trở về nguồn cội, tức là quay về cái lẽ đơn nhất đó, trong truyền thống phương Đông, tự thân võ học mất đi những cái rườm rà, Những chi tiết tan biến đi và chỉ còn lại nguyên lí “*Vạn vật qui ư nhất*” (Tất cả vạn sự đều quay về cái một) Rồi chính cái một đó tự nó cũng tiêu dung lặng lẽ, hòa nhập với Tâm. Trong Ý thiên Đồ long kí, khi Trương Tam Phong dạy Thái cực kiếm pháp cho Trương Vô Kỵ, mỗi lần tập luyện là Vô Kỵ quên đi một nửa, đến lúc quên cả mới thực sự tựu thành. Kiếm pháp lúc đó đã hợp nhất với thân tâm, kiếm chiêu thu hay phát đều theo tâm niệm như nước chảy mây bay, không bị ngăn ngại. Từ cái Một đó mà biến hoá ra thiên sai vạn biệt. Cái Một là cái nền cho mọi thay đổi, nó trở thành cái trục giúp cho mọi biến dịch xoay quay đó theo đủ thể cách mà vẫn không bị rơi vào sự hỗn độn (Chaos). Lão Tử bảo:

Thiên đắc nhất dĩ thanh

Địa đắc nhất dĩ ninh

Thần đắc nhất dĩ linh

.....

Thiên vô dĩ thanh tương khùng liệt

Địa vô dĩ ninh tương khùng phế

Thần vô dĩ linh tương khùng hiệt

¹ Kinh Dịch : Dịch hữu Thái cực, Thái cực sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái 易有太極, 太極生兩儀, 兩儀生四象, 四象生八卦卦 (Dịch có Thái cực, Thái cực sinh ra hai nghi (hai nguyên lí Âm dương), hai nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh tám quẻ (Hệ từ thượng)

天得一以清

地得一以寧

神得一以靈

.....

天無以清將恐裂

地無以寧將恐廢

神無以靈將恐歇

(Trời dùng Thanh (trong) để được lẽ Một, Đất dùng Ninh (Yên ổn) để được lẽ Một, Thần dùng Linh (linh thiêng) để được lẽ Một.... Trời không trong sẽ bị vỡ. Đất không yên sẽ bị lở, Thần không linh sẽ bị tán- **Đạo đức kinh**, chương XXXIX)

Triết học cổ đại phương Đông vốn từ lâu đã bị vây khốn trong màng lưới lí luận của triết học phương Tây, nên những thiên tài như Kim Dung phải khai phá một thông lộ khác để đưa người đọc tiếp cận với nguồn suối nguyên nguyên đó. Đọc tiểu thuyết Kim Dung qua lăng kính triết học phương Đông, ta sẽ còn khám phá ra nhiều điều thú vị khác. Không chỉ có võ thuật, rài rác trong tác phẩm ông, ta còn gặp nhiều trang tuyệt bút bàn về trà, về hoa, về hội họa, về thơ ca, về cờ.... tái hiện các tư tưởng trong triết học phương Đông một cách cực kì sinh động. Không lí luận nhiều, chỉ cảm nhận mà thôi. Những câu nói của các bậc hiền triết xưa vốn đã bị ngộ giải qua các cuốn sách khảo cứu, giờ đây nhiều khi tái hiện lại chân dung nguyên thủy dưới một làn ánh sáng lung linh khác.

Nếu như Lão Tử học kiếm, ngài sẽ viết lại Đạo đức kinh, thay vì nói:

Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn

Tổn nhi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi ¹

為學日益, 為道日損

損而又損, 以至於無為

mà sẽ nói rằng:

Vi học nhật ích, vi kiếm nhật tổn

Tổn nhi hựu tổn, dĩ chí ư vô chiêu!

為學日益, 為劍日損

損而又損, 以至於無招

o0o

¹ Theo học thì ngày càng được thêm, theo đạo thì ngày càng bớt, bớt rồi lại bớt, cho đến mức vô vi (Đạo đức kinh, chương XLXIII).

TẢN MẠN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA KINH KIM CƯƠNG TRONG TÁC PHẨM KIM DUNG

Phật giáo Ấn Độ, khi được truyền bá vào Trung Quốc, đã tạo nên một cuộc hôn phối văn hóa vĩ đại trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Cuộc hôn phối văn hóa Ấn – Trung kỳ diệu đó đã đẩy cội nguồn tư tưởng Trung Quốc lên một cung bậc thượng thừa để khai mở thêm những phần ẩn tàng trong cội nguồn tư tưởng ban sơ – vốn đã bị bế tắc, khô cằn bởi Hán Nho. Cánh đồng tư tưởng vốn phì nhiêu của Trung Quốc, khi tiếp nhận được nguồn sinh lực mới, đã làm nảy sinh muôn ngàn kỳ hoa dị thảo, với vô vàn những thiên tài tư tưởng trùng điệp nảy sinh.

Hạt giống của cây Bồ Đề huyền bí của xứ Ấn Độ, với những cành lá um tùm của những thuật ngữ quá đỗi thâm huyền, khi được gieo vào vùng đất Trung Quốc đã nảy sinh ra một loại cây kỳ diệu khác: *Thiền Tông*! Vùng đất văn hóa của Trung Quốc phì nhiêu nhưng thực tiễn, nó không hợp với những tư tưởng siêu huyền theo trí tưởng tượng bay bổng và cảm hứng vô biên của những vị chân sư viết nên kinh điển Phật giáo Đại thừa. Đó là lý do vì sao cuốn kinh Lăng Già uyên áo với tư tưởng Duy Thức, dù theo truyền thuyết là do

chính tay Sơ tổ Đạt Ma truyền cho Tuệ Khả xem như là tâm ấn của chư Phật, lại dần được thay thế bởi kinh *Kim Cương* trực giản với tư tưởng Bát Nhã.

Điểm đặc trưng của văn hóa Trung Quốc là sức đồng hóa rất mạnh. Bất kỳ dân tộc ngoại lai nào dùng vũ lực xâm lược Trung Nguyên, không chống thì chầy đều bị nền văn hóa phong kiến đó đồng hóa thành nền văn hóa bản địa. Khi Phật giáo được truyền từ Ấn Độ vào Trung Quốc cũng không thoát khỏi quy luật đó. Các thiên tài tư tưởng Trung Quốc trong suốt một thời gian dài đã không ngừng nỗ lực để chuyển hóa Phật giáo Ấn Độ thành một loại “*đặc sản*” Trung Quốc. Họ muốn Đức Phật phải khoác hình hài Trung Quốc, nói tiếng Trung Quốc, như Khổng Tử, Lão Tử. Kết quả là sau quá trình đó, kinh *Kim Cương* Ấn Độ thẩm thấu vào nền văn hóa Trung Quốc và dần chuyển hóa thành kinh “*Kim Cương theo phiên bản Trung Quốc*”. Đó là *Pháp Bảo Đàn Kinh*! Dù đây là tác phẩm được xem là của Lục Tổ Tuệ Năng, nhưng người Trung Quốc nâng tác phẩm này lên thành hàng *kinh* đủ thấy tầm quan trọng của nó. Theo truyền thống Phật giáo, chỉ những lời Phật dạy được ghi chép lại mới gọi là *kinh*, còn tác phẩm của chư tổ chỉ được gọi là *luận*. Thậm chí đến cả tác phẩm của Bồ Tát Long Thọ – người được tôn xưng là đệ nhị Thích Ca – cũng chỉ được gọi là *luận*.

Tác giả của cuốn kinh này thường được cho là của Lục Tổ Tuệ Năng, nhưng cũng không có gì xác thực hoàn toàn. Thật khó mà tin được rằng đây là tác phẩm của một người chân quê hoàn toàn mù chữ, dù người viết muốn dùng hình ảnh một người quê mùa thất học nhưng lại ngộ được diệu lý vô thượng, để thuyết minh cho tông chỉ “*Bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*.” Tác phẩm này, cũng như phần lớn các tác phẩm kinh điển khác thời Tiên Tần, có thể

là một công trình do nhiều người viết, sau đó được biên tập lại và để Lục Tổ Huệ Năng đứng tên như là tác giả duy nhất. Đó hẳn là kết quả của một cuộc đấu tranh tư tưởng bền bỉ và lâu dài của các thiên tài tư tưởng Trung Quốc để ghi một dấu ấn riêng biệt lên dòng tư tưởng Phật giáo. Người Trung Quốc muốn bản địa hóa “*Phật giáo tại Trung Quốc*” thành “*Phật giáo Trung Quốc*”. Mà để làm được điều đó thì trước tiên phải có một tác phẩm “*made in China*” ngang tầm kinh Phật để làm nền tảng giáo lý, và phải hoàn toàn mang dấu ấn của Trung Quốc, để có thể sánh ngang với đẳng cấp *kinh* của Bách Gia Chư Tử như *Thư Kinh*, *Dịch Kinh*, *Đạo Đức Kinh*, *Nam Hoa kinh*, v.v... Đó là lý do những tác phẩm của Bồ Đề Đạt Ma, dù được coi là sơ tổ Thiên tông Trung Quốc, vẫn bị đẩy xuống hàng thứ yếu, vì dù có uyên áo đến đâu đi chăng nữa thì chúng vẫn bị xem là sản phẩm ngoại lai.

Tư tưởng *Pháp Bảo Đàn Kinh* chi phối hầu như toàn bộ lịch sử phát triển Thiên tông Trung Quốc. Và nó còn kéo dài ảnh hưởng đến các phong trào lý học đời Tống và tâm học đời Minh. Hoặc hiển lộ hoặc ẩn tàng. Mỗi người đều phát huy tư tưởng *Pháp Bảo Đàn Kinh* theo sở ngộ và sở đắc của từng người, mãi đến khi cỗi nguồn tư tưởng Trung Quốc đó phải chịu thêm một trận chấn động dị thường, gần như phải tan hoang tinh thể, khi tiếp xúc triết học duy lý phương Tây. Người viết xin gọi là “*tư tưởng Trung Quốc*” và tránh dùng từ “*triết học Trung Quốc*”, vì “*triết học*” – vốn được các bậc thức giả phương Đông ca tụng như một cái gì đó quá đỗi cao siêu suốt hàng trăm năm qua, khi phương Đông tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây – thật ra chỉ là phương thức suy tư riêng biệt của phương Tây và hoàn toàn xa lạ về phương diện tâm linh, do đó hầu như vô giá trị về phương diện tâm linh, với tư tưởng phương Đông, như giáo sư triết học người Nhật Gen

Kida đã chỉ ra một cách cặn kẽ và đầy thuyết phục trong tác phẩm “*Phân triết học nhập môn*”.

Xóa sạch những thứ gọi là “triết học phương Tây” trong môi trường tư tưởng, văn hóa phương Đông không những không gây tổn hại gì đến nguồn tư tưởng phương Đông, mà thậm chí còn giúp ích cho tư tưởng phương Đông được hồn nhiên hô hấp trong bầu không khí yên nguyên. Thứ đọc các tác phẩm Trung Quốc hiện đại bàn về triết học, ta có thể cảm nhận được sự lúng túng trong phương thức tư duy cũng như trong ngôn ngữ diễn đạt. Bởi vậy, các nhà tư tưởng chân chính của Trung Quốc hiện đại phải phá vỡ thế bế tắc đó bằng cách đẩy cội tư tưởng Trung Quốc yên nguyên theo một cung bậc khác bằng sách võ hiệp, mà Kim Dung được xem là “*vô lâm minh chủ*”. Đến tận thời hiện đại, tôi cho rằng chỉ có Kim Dung mới đủ tài hoa để triển khai tư tưởng kinh *Kim Cương* Phật giáo một cách thần kỳ, đôi khi còn vượt xa các cao tăng Trung Quốc hiện đại vốn chỉ câu nệ chú giải theo kinh điển, và vượt cả triết gia Phùng Hữu Lan với bộ *Trung Quốc triết học sử tân biên đồ sộ*, vốn bị vướng trong cái khung duy lý nặng nề.

Ảnh hưởng của Phật giáo vốn bàng bạc trong tác phẩm của Kim Dung, nhưng tư tưởng “*ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” của kinh *Kim Cương* chỉ được triển khai một cách vi diệu qua đường kiếm vô chiêu của Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Tâm sinh khởi nhưng không để vướng mắc vào đâu, như đường kiếm vô chiêu của *Độc Cô Cửu Kiếm*. Kiếm chiêu tuy thiên biến vạn hóa nhưng cứ thu phát toàn tùy tâm niệm, chứ không theo một chiêu thức nào. Tâm *rỗng không* khiến kiếm pháp đi đến cảnh giới tối thượng. Đây cũng là đỉnh cao của một loạt các phủ định bằng “*bất*” và “*vô*” trong *Bát Nhã Tâm Kinh*. Trong tác phẩm *Hiệp Khách Hành*, nhân

vật Thạch Phá Thiên hoàn toàn mù chữ nhưng lại luyện được tuyệt thể thân công, đi vào được cảnh giới võ học tối cao, đó là “*bản sao*” của Tổ Tuệ Năng mù chữ nhưng lại đạt đến Trí Tuệ Vô Thượng.

Trong *Ý Thiên Đồ Long Ký*, tư tưởng kinh *Kim Cương* lại xuất hiện một cách bí ẩn qua hình ảnh Tạ Tổn, khi bị giam trong chùa Thiếu Lâm. Một con hùng sư chọc trời khuấy nước, hai bàn tay từng đâm máu người qua những trận cuồng điên trong cơn túy sát, nhưng khi đã “*hoát nhiên đại ngộ*” được diệu lý “*vô ngã tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” để “*coi mình chẳng khác gì đồng phân bò*” thì lại có thể bình thản ngồi niệm kinh *Kim Cương*, trong khi bên trên hầm đang diễn ra trận đấu kinh người giữa Trương Vô Kỵ và ba vị cao tăng Thiếu Lâm. Và được diệu lý “*vô ngã tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” đó cũng trùng hiện qua hình ảnh vị vô danh tăng trong Tầng Kinh Các, trong tác phẩm *Thiên Long Bát Bộ*, mà tôi có lần đề cập trong bài “*Huyền nghĩa Vô Danh tăng*”.

Hạt giống Giác Ngộ gieo xuống mỗi vùng đất sẽ nảy sinh ra những loại cây khác nhau tùy theo thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết. Kinh *Kim Cương* với tư tưởng *Bát Nhã* của Ấn Độ khi gieo mầm vào cánh đồng Trung Quốc đã nảy sinh ra *Pháp Bảo Đàn Kinh*, phủ rợp bóng cõi tư tưởng Trung Quốc từ đời Đường đến tận thời cận đại. Đến tay Kim Dung thì cây huyền cầm *Kim Cương* lại chuyển sang một cung điệu khác. Giờ đây, ông đã nghỉ cuộc chơi để đi vào một cõi khác. Tư tưởng kinh *Kim Cương* có thể chuyển sang nhiều cung bậc diệu kỳ khác nữa, với những thiên tài tư tưởng trong mai hậu, nhưng chắc chắn nó sẽ không lạc vận để giai điệu mãi mãi trường tồn như hai chữ *Kim Cương*.

TÌNH YÊU: MỆNH ĐỀ PHỤ TRONG TÁC PHẨM KIM DUNG

Mỗi khi nói đến truyện võ hiệp, người ta thường nghĩ cảnh binh đao sát phạt, mọi việc đều có thể được giải quyết bằng võ công. Thế nhưng trong tác phẩm Kim Dung thì tình yêu lắm khi lại đóng vai trò chủ đạo. Nó điều hoà, dung hợp và đôi lúc cứu vãn được nhiều tình thế bế tắc. Nói theo ngôn ngữ Heidegger, một triết gia hiện sinh Đức, ta có thể nói tình yêu trong tác phẩm Kim Dung là một loại “*mệnh đề phụ*”. Nhưng loại mệnh đề phụ đó thường làm thay đổi cả toàn văn, hoặc giúp người đọc nhìn lại các mệnh đề chính trong một làn ánh sáng khác.

Trong các tác giả phương Đông, hiếm thấy có ai miêu tả tình yêu nhiều sắc thái đến kì lạ như Kim Dung. Có tình yêu lãng đãng thần tiên của Dương Qua với Tiểu Long Nữ, có tình yêu quay quắt đến đớn đau của Lệnh Hồ Xung với Nhạc Linh San, có tình yêu si dại cuồng điên của Du Thủ Chi với A Tử, có tình yêu tuyệt vọng của Mục Niệm Từ với Dương Khang, có tình yêu cục mịch chân chất của Quách Tĩnh với Hoàng Dung, có tình yêu say đắm thiết tha, sẵn sàng khước từ tất cả danh lợi của trần gian để đổi lấy một nụ cười của Đoàn Dự với Vương Ngọc Yến, có tình yêu lãng mạn kiểu “*hồn bướm mơ tiên*” của tiểu ni Nghi Lâm với anh chàng lãng tử Lệnh Hồ Xung, có tình yêu ngang trái đau thương

của Trương Thuý Sơn với Hân Tố Tố, có tình yêu tha thiết ngậm ngùi và thủy chung của Tiêu Phong với A Châu, có tình yêu oan nghiệt của phương trượng Huyền Từ với nữ ma đầu Diệp Nhị Nương, có tình yêu thơ đại hồn nhiên của Hân Ly với Trương Vô Kỵ, có tình yêu mang đầy cừu hận của Mai Phương Cô với Thạch Thanh v.v...

Tình yêu đôi lứa vẫn luôn là vấn đề muôn thuở để con người ca ngợi, phẩm bình. Nó đã làm khô héo biết bao trái tim và đã làm hồi sinh biết bao tâm hồn. Nói theo Phật giáo, nếu như nước mắt chúng sinh nhiều hơn cả đại dương, thì ắt hẳn trong cái đại dương mệnh mông ấy có biết bao nhiêu là nước mắt đã đổ xuống vì tình yêu! Hàng triệu bài thơ tình đã được viết khắp năm châu bốn bể suốt vòm trời kim cổ, cũng chỉ để nói lên sự đa dạng đến kì lạ của tình yêu. Nó di dời bình diện khắp nơi khắp chốn, hiện diện trên khắp mặt biển dâu và không ai có thể xác định đâu là tổ chất tạo nên tình yêu.

Ai dám nói rằng tội lỗi lại không là yếu tố hấp dẫn để đưa đến tình yêu? Có ai ung thối và băng hoại cho bằng Dương Khang, kẻ không thiết tha gì ngoài quyền lực và giàu sang phú quý, thậm chí chối bỏ cả cha ruột của mình, để chạy theo cái bã hư vinh? Ấy thế mà người con gái đoan trang, hiền thực như Mục Niệm Từ lại suốt đời lại thương yêu, chung thủy trong tuyệt vọng với con người đó. Cho dầu khi Dương Khang nằm phơi xác bên ngoài ngôi cổ miếu hoang tàn, được xem như là một báo ứng cho những tội lỗi của y, thì Mục Niệm Từ vẫn mang hình ảnh đau thương đó về một ngôi chùa xa xăm hoang tịch. Cửa Phật vô biên có thể sẽ giúp cho linh hồn Dương Khang siêu thoát, nhưng liệu có đem lại bình yên cho hồn thực nữ đang nát tan bởi mối tình đầu?

Một Kì Hiểu Phù dụ hiển sẵn sàng không tuân sư mệnh, và chấp nhận cái chết để khỏi phải sát hại Quang Minh tả sứ

Dương Tiêu, kẻ mà theo sư phụ nàng là đã làm tan nát đời nàng. Cảnh tượng chương môn phái Nga Mi Diệt Tuyệt sư thái vận kinh lực vào lòng bàn tay và đặt lên đầu người môn đồ đang quì gối, để buộc nàng phải chấp thuận yêu cầu của mình – qua ánh mắt trẻ thơ của Trương Vô Kỵ – thật là lâm li. Và cái lắc đầu của Kỉ Hiếu Phù có thể được xem như là một bước ngoặt làm dao động cả trang sử đạo lý truyền thống của võ lâm: tiếng nói thiết tha đậm thắm của tình yêu chân chính đã thắng tiếng nói đạo lý cứng nhắc của sư môn. Cái tên Bất Hối (không hối hận) mà nàng đặt cho con gái đã đội mũ triều thiên cho hai chữ Tình yêu¹. Và những cành hoa đại trên nắm mộ của nàng nơi rừng vắng, sẽ mãi lộng lẫy như một vòng hoa diễm lệ, điểm trang thêm cho thiên tình sử đầy nước mắt của võ lâm Trung Nguyên.

Một Đoàn Dự khước từ vương vị, chối bỏ quyền lực vinh hoa, suốt đời cứ rong ruổi khắp giang hồ để mê mãi chạy theo tà áo phất phơ của Vương Ngọc Yến. Yêu say đắm, yêu hơn cả yêu bản thân mình mà không cần chiếm hữu, không cần được đáp lại, chỉ cần thỉnh thoảng được thấy nàng cười hoặc liếc nhìn là đủ hạnh phúc rồi! Ta thấy có một chút gì tương đồng trong tình yêu của giữa Đoàn Dự với *Người làm vườn* (The Gardener) của Tagore. Có thể nói đến cả tình yêu của Du Thán Chi với A Tử nữa, nhưng trong tình yêu cuồng điên si dại của Du Thán Chi có chút gì bất nhân, đó là sự tận tụy của một con vật trung thành! Còn Vương Ngọc Yến dường như sinh ra chỉ để yêu và phụng sự cho tình yêu. Người con gái diễm kiều thông tuệ ấy thấu hiểu tất cả võ công trên đời, nhưng chỉ tha thiết với tình yêu. Và cuối cùng nàng đáp lại

¹ Một điểm trùng hợp lí thú là tác phẩm Love Story của Erich Segal lại kết thúc bằng câu tương tự “Love means not ever having to say you’re sorry” *Yêu có nghĩa là không bao giờ phải nói hối tiếc.*

tình yêu của Đoàn Dự như một cái gì tất yếu: *tìm lại tinh thể tinh yếu (essence) của chính mình*. Hai người sinh ra chỉ để yêu nhau, và cuối cùng họ đã tìm thấy “*một nửa còn lại*” của nhau, đúng lúc cận kề với cái chết giữa đáy giếng khơi!

Một Hoàng Dung thông minh, giáo quyệt là thế lại đi yêu anh chàng cục mịch Quách Tĩnh được mệnh danh là “*con trâu*”. Biết đâu trong cái chất phác khờ khờ lại hàm chứa nhiều điều lôi cuốn một tâm hồn thông minh nhạy cảm? Còn có gì đáng buồn cười hơn khi ta hình dung lại cảnh tượng gã tũm đồ lằng tũm Lệnh Hồ Xung cung kính quỳ lạy cô bé Nhậm Doanh Doanh thấp thoáng sau tấm sáo trúc, luôn miệng gọi là “*bà bà*” và kể lể tất cả nỗi niềm tâm sự, trong lúc tuyệt vọng thương đau trong mối tình đầu với cô tiểu sư muội Nhạc Linh San? Vậy mà giây phút đó lại gây một tiếng sét ái tình, một “*coup de foudre*” cho vị Nhậm đại tiểu thư vốn cực kì cao ngạo. Và cô bất chấp thân phận “*Thánh cô*”, bất chấp tai tiếng thị phi trên giang hồ, chiến thắng cả lòng kiêu ngạo, đã liều lĩnh công tên lằng tũm Lệnh Hồ Xung bệnh hoạn kia lên Thiếu Lâm tự cầu xin Phương Chứng đại sư dùng Dịch cân kinh chữa bệnh cho y, và sẵn lòng chấp nhận cái giá phải đổi là chung thân ngục tù trong thạch thất! Tình yêu đầu đời quả có sức lôi cuốn đến là kì lạ và thậm chí nhiệm mầu. Đúng như Pascal bảo “*Le coeur a des raisons que la raison ne connait point*”. Con tim có những lí lẽ mà lí trí không làm sao hiểu nổi. Không ai có thể lí giải được. Mà nếu lí giải được thì có lẽ đó không còn là tình yêu nữa, ta phải gọi bằng một cái tên khác!

Khi Hàn Ly gặp gỡ lần đầu và yêu Trương Vô Kỵ rồi, thì suốt đời cô chỉ biết có cái hình ảnh đó mà thôi. “*Cái giây phút ban đầu*” thiêng liêng và kì lạ đó đã để lại trong tâm hồn cô một ấn tượng sâu sắc đến diệu kì. Sau một thời gian dài ngoài Linh Xà đảo, khi quay về Trung thổ gặp lại chính

Trương Vô Kị, dưới tên giả là Tăng A Ngưu, trong đồng tuyết thì cô vẫn chỉ nhớ đến hình ảnh Trương Vô Kị ngày xưa! Có một chút thơ dại hồn nhiên trong mối tình đầu của cô gái chuyên luyện độc công “*Thiên thù tuyết hộ thủ*” đó. Tình yêu đầu đời đã thấp sáng trong tâm hồn cô ngọn lửa tinh khiết thiêng liêng mà thời gian trôi qua, bão giông đời vẫn không làm cho tắt được.

Trên đời này làm gì có ai quái ác và tàn nhẫn cho bằng A Tử đối với Du Thản Chi? Nhưng cô bé đó lại yêu thiết tha người anh rể Tiêu Phong, và rất sẵn lòng chấp nhận hi sinh vì cái tình yêu trái ngang vô vọng ấy. Trong trái tim lạnh lùng, tàn ác của cô bé vô cùng tinh quái kia, tình quái đến mức cực kì độc ác gần như mất cả tính người, vẫn còn chỗ cho một tình yêu trong trắng chân thành! Một cô bé mới mười mấy tuổi đầu lại có thể sống đến tận cùng hai thái cực: *tàn nhẫn và đắm say*. Trong văn học cổ kim có lẽ khó có cảnh tượng nào thảm khốc và làm tan nát lòng người bằng cảnh A Tử móc mắt ném trả lại cho Du Thản Chi và ôm xác Tiêu Phong chạy rơi vào hố thẳm. Ông Bùi Giáng nhận xét cực hay: *đó là triệt để mù loà chạy vào sa mạc của tình yêu*.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung còn đi xa hơn các tác giả võ hiệp khác khi tạo nên mối tình câm lặng của cô tiểu ni xinh đẹp Nghi Lâm với gã lãng tử Lệnh Hồ Xung. Thân phụ Nghi Lâm là gã đồ tể, chỉ vì yêu một ni cô mà phải xuất gia, lấy pháp danh *Bất Giới hoà thượng* (hoà thượng mà không theo một giới luật nào!). Bất Giới cực mực là thế nhưng vẫn có cái can đảm nói lên và thực hiện được tiếng nói thực của lòng mình. Có một chút thô tục lẫn hài hước, song vẫn đáng mến trong cái gọi là tình yêu của ông ta. Còn tình yêu của Nghi Lâm đối với Lệnh Hồ Xung có thể được gọi là tình yêu chăng? Nó mơ hồ man mác kiểu “*Hồn bướm*

mơ tiên” của Khái Hưng. Không quay quắt đớn đau, không âm ỉ, không lộ liễu. Trái tim thiếu nữ ngây thơ của cô tiểu ni kiêu diễm kia biến thành bãi chiến trường cho sự tranh chấp giữa hai tiếng gọi đời và đạo. Cô thương nhớ gã đến héo hắt, đến tiêu tụy cả dung nhan, nhưng đáng yêu biết bao khi ngày ngày cô vẫn thành tâm cầu nguyện Bồ tát phù hộ cho cho gã Lệnh Hồ đại ca, mà cô ngày đêm tưởng nhớ đó, được suốt đời hạnh phúc với Doanh Doanh! Một tình yêu thuần nhiên thanh khiết như dòng suối trong suốt, không bợn một chút dục vọng nào. Có thể mai sau hình ảnh của gã “*Lệnh Hồ đại ca*” sẽ thỉnh thoảng vương vấn trong từng trang kinh của vị tân chủồng môn phái Hằng Sơn đó, nhưng chắc chắn nó sẽ không làm khuấy động nhiều cõi thanh tu!

Hầu hết những mối tình của các nhân vật chính của Kim Dung đều kết thúc trong đau thương hoặc dang dở, bởi định kiến, bởi ngộ nhận, bởi cái công thức chính tà cứng nhắc của con người. Liệu cái chết của Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố, một cặp Romeo và Juliette phương Đông, có nối kết được những gì còn để dở dang trong cuộc sống? Cái chết đau thương của A Châu trở nên vô cùng bi tráng khi nó soi sáng được biết bao nhiêu điều ngộ nhận. Có phải Kim Dung muốn đi theo con đường sáo mòn của loại khuôn khổ: *Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở* (thơ Hồ Dzếnh)? Không, Kim Dung còn đi xa hơn khi cho thấy những mối tình, nếu không kết thúc trong bi thương, đoạn trường thì đều tựu thành trong cái bất toàn của nó. Luôn luôn có một điều mất mát trong những mối tình trọn vẹn. Kim Dung vẫn tỏ ra trung thành với cái qui luật cực kì sâu sắc của phương Đông: *Tạo hoá đồ toàn*. Tạo hoá luôn luôn ghen tị với cái gì toàn mỹ. Mối tình thần tiên của Dương Qua với Tiểu Long Nữ chỉ tựu thành khi Tiểu Long Nữ không còn là thiếu nữ, mà đau đớn

thay, lại do bởi một tên đồi bại phái Toàn Chân! Trương Vô Kị phải mất ngôi Giáo chủ Minh giáo mới có thể ngày ngày ngồi vẽ lông mày cho Triệu Minh! Đoàn Dự lấy Vương Ngọc Yến và Hư Trúc lấy công chúa Mộ Dung Cô cũng chỉ để thành toàn cái tình yêu cay đắng và đau thương, mà người anh kết nghĩa của họ là Tiêu Phong còn để dở dang trong bi hận. Lệnh Hồ Xung chỉ có thể rong chơi giang hồ cùng Nhậm Doanh Doanh để cùng nhau tấu khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* khi cô tiểu sư muội của mỗi tình đầu đã nằm yên dưới mộ!

Tiếng nói mạnh mẽ và có năng tính cao nhất trong tác phẩm Kim Dung vẫn là tiếng nói của tình yêu. Nó biến hoá thiên hình vạn trạng, băng qua máu lửa, đắm chìm trong nước mắt, lôi cuốn con người vào tận cùng của đam mê say đắm, của hi sinh, của khổ đau, của hạnh phúc, và thậm chí của tội lỗi nữa. Trong các nhân vật chính của Kim Dung có lẽ Mộ Dung Phục là một ngoại lệ: *y không hề biết đến tình yêu*. Y có khát khao điều gì ngoài việc khôi phục lại một nước Đại Yên hão huyền? Và vì cái giấc mộng đế vương rõ đại đó, y đã khước từ tình yêu của Vương Ngọc Yến. Có ai ngờ nổi con người đã từng được mệnh danh là con rồng trong võ lâm đó lại có thể nhẫn tâm nhanh chóng trở mặt giết cả người thân thuộc để lấy lòng Đoàn Diên Khánh, nhằm thực hiện cho được ý đồ. Và kết cục tất yếu là y phải trở thành người điên sống trong cơn mộng để vương hư ảo với y phục của phương tượng và quần thần là đám trẻ con chạy theo xin kẹo bánh!

Phải chăng Kim Dung muốn cho ta thấy dấu tình yêu có đem lại vô vàn khổ lụy đi nữa thì nó vẫn là tiếng nói nhân bản nhất của con người, và kẻ nào không biết đến tình yêu, kẻ nào quay lưng lại với tiếng nói đầm thấm của con tim đều tự mình đánh mất đi những gì đẹp đẽ nhất trong đời và luôn luôn đi đến một kết cục cuồng điên?

NGHI VẤN ĐẠO LÝ QUA KIẾN GIẢI KIM DUNG

Vào sớm mai đẹp trời, một chàng trai khôi ngô tuấn tú từ biệt sư phụ hạ sơn. Con đường hành đạo của chàng đang mở ra trước mắt với lời dặn dò của sư phụ – thường là bậc cao nhân tuyệt thế qui ẩn chốn lâm tuyền hay bậc kì nhân dị sĩ trong u sơn cùng cốc. Thế rồi từ đó, chàng “*thân hoài tuyết kĩ, nghĩa khí can vân*” (Mình ôm võ công tuyết thế, và tâm hồn nghĩa khí ngất trời), cứ ung dung đem võ công và đạo lí được thầy truyền thụ ra hành hiệp. Từ phá hắc điểm đến đả lôi đài hay giết kẻ thù..., tất cả đều được tiến hành với sự chiến thắng đã được định trước. Chàng luôn luôn là nhân vật bách chiến bách thắng và được xem như hiện thân cho công đạo của võ lâm.

Đó hầu như là cái mẫu chung cho loại tiểu thuyết võ hiệp cổ điển, trong đó mọi việc bắt đầu khi nhân vật chính đã học thành tài và hạ sơn. Trên con đường hành hiệp, nếu anh ta có tằm thù đi nữa thì kẻ thù đó cũng thường là một kẻ thù chung của nhiều người. Chuyện tằm thù rửa hận đã dời bình diện, nó không còn là chuyện cá nhân của riêng anh ta nữa mà đã mang một ý nghĩa xã hội. Trả mối tư thù và duy trì Công đạo đã trở thành một. Anh ta chỉ thay mặt cho Thần Công lí để thưởng thiện phạt ác, đem lại sự công chính cho

võ lâm. Do đó, nhân vật chính diện bao giờ cũng là nơi tụ hội của những điều tốt đẹp, lí tưởng, đến mức ước lệ. Không ai nghi ngờ gì về những việc anh ta làm và cái đạo lí mà anh ta đại diện. Tình yêu của anh ta cũng thường rất đơn giản và, nói như Xuân Diệu, không hề mang một “*vết xước của tâm hồn*”. Vì người yêu của anh ta thường, nếu không là thực nữ khuê môn thì cũng là cao đồ của danh môn chính phái, cùng chung lí tưởng và giúp anh ta hành hiệp giang hồ. Người đọc cứ yên tâm là anh ta sẽ sống đến cuối câu chuyện với sự chiến thắng tất yếu trước mọi kẻ thù. Trong khi đó, các nhân vật phản diện luôn luôn là nơi tập trung của những cái xấu xa, tồi tệ, thậm chí đến mức gần như cường điệu. Các nhân vật chính và tà đối lập nhau rất rõ ràng về nhân cách. Nhìn chung, hiện thực được mô tả trong tiểu thuyết võ hiệp cổ điển là một thứ hiện thực được qui định. Loại tiểu thuyết đó luôn luôn chỉ tả cái phải là, cái nên là (*what should be*), mà không bao giờ tả được cái đang là, cái thực sự là (*what is*). Dường như trước khi cầm bút thì các tác giả tiểu thuyết cổ điển đã có sẵn một cái công thức trong trí để mô phỏng theo, theo dạng các bài tập mẫu. Mọi diễn biến về nội dung cũng như tâm lí nhân vật, với đôi chút thay đổi về bối cảnh, đều phát triển theo lối đơn tuyến và đơn điệu. Đó là một nền văn học rập khuôn của các nhà tâm lí học thô thiển, và của các nhà đạo đức học ngây thơ.

Đến Kim Dung thì mọi chuyện thay đổi hẳn. Cái biên giới phân biệt chính tà, vốn được xem là rõ ràng và không thể chối cãi trong tiểu thuyết võ hiệp cổ điển, giờ đây đã bị xóa nhòa và thay vào đó là nỗi trăn trở băn khoăn. Ông sẵn sàng gán cho các nhân vật Tà giáo những nét quyến rũ tuyệt vời, và không ngần ngại để lộ những bản chất xấu xa tàn độc của một số nhân vật Chính giáo. Người đọc làm sao có thể quên

được nhan sắc lộng lẫy của Hàn Tố Tố, kiến văn uyên bác của Kim mao sư vương Tạ Tốn, tài hoa tuyệt vời của Đông tà Hoàng Dực Sư hay tâm hồn sâu lắng của Khúc Dương trưởng lão? Người đọc ắt hẳn phải giật mình trước âm mưu thâm hiểm của Tả Lãnh Thiền, cũng như cái dã tâm ghê gớm của Nhạc Bất Quần. Một kẻ không ngần ngại, bằng mọi thủ đoạn, tàn sát đồng đạo để thực hiện cho được tham vọng thống nhất Ngũ nhạc kiếm phái, rốt cuộc lại sa vào bẫy của một kẻ khác thâm hiểm cao tay hơn. Mà cả hai đều là đại tôn sư võ học của phe Chính giáo! Ai có thể không kinh hoàng trước cảnh tượng Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn một môn phái chuyên lấy tử bi của đức Phật làm gốc là Nga mi, lại thân nhiên vung Y Thiên kiếm tàn sát một lúc mấy trăm giáo đồ Ma giáo trên hoang mạc, khi những người này không còn đủ sức chống cự! Một nhân vật trong phe bạch đạo có thể bình thản giết một nhân vật khác trong phe hắc đạo và xem đó là một nhiệm vụ tất nhiên, với một lí do vô cùng đơn giản: người bị giết là người thuộc phe hắc đạo, có nghĩa đó là người xấu. Cái đạo lí mà họ làm cơ sở để dựa vào trong việc đồ sát được xem như là công đạo của võ lâm. Và ngược lại cũng thế đối với người thuộc phe hắc đạo. Người ta có thể an tâm giết người vì những cái nhãn hiệu mà người ta gán cho nhau.

Dường như Kim Dung muốn chứng minh cho ta thấy sự phân biệt rạch ròi tà chính là điều hoàn toàn không thực. Người đọc không còn tin vào cái đạo lí được đại diện bởi phe được coi như tượng trưng cho chính nghĩa. Phải, làm sao tin nổi khi mà bên cạnh những bậc chân tu đạo hạnh như Phương Chứng đại sư, Xung Hư đạo trưởng, Không Kiến thần tăng hay khoáng đạt như Phong Thanh Dương, Hồng Thất Công lại còn không ít những người gàn dở như Diệt Tuyệt sư thái, tàn độc như Tả Lãnh Thiền, thâm hiểm như Nhạc Bất Quần

và sa đọa đến mức thô bỉ như bọn môn đệ phái Toàn Chân? Và có thể xem thường Ma giáo được không, một khi đã nghe được khúc *Tiểu Ngao Giang Hồ* cao nhã của Trưởng lão Khúc Dương, hay được chứng kiến phong độ kiêu hùng của Bạch mi ứng vương Hàn Thiên Chính trên Quang Minh đỉnh? Công thức cũ đã bị phá vỡ, và kéo theo nó là sự sụp đổ của định kiến về Chính Tà. Mọi việc không còn đơn giản như gán cho đối tượng một nhãn hiệu nào đó và an tâm đánh giá người đó qua cái nhãn mà y bị gán vào!

Những người anh hùng của Kim Dung đã không ít phen phải một mình trần trở trước các vấn đề chính tà thiện ác nhằm xác định một đường đi, một giới tuyến cho chính mình. Họ thường bị đẩy đối diện với hai vấn nạn: *một bên là giáo huấn của sư môn và truyền thống, bên kia là cái thực tế mà họ chứng kiến và sống*. Lệnh Hồ Xung khi ngồi sám hối trên núi Hoa sơn đã nhiều phen băn khoăn trước lời giáo huấn của sư phụ lên án Ma giáo. Do bản tính khoáng đạt nên chỉ sau một lúc băn khoăn, gã viện dẫn một vài việc làm tội tệ của phe Ma giáo và kết luận ngay: Ma giáo là một phe tội tệ, đốn mạt. Hơn nữa, điều đó đã được khẳng định bởi sư phụ, sư nương là những người mà gã tôn kính, thì nó chắc chắn là đúng rồi! Cái cách qui kết ngay thơ và vội vã ấy chỉ có thể tạm thời làm yên tâm gã theo kiểu “bịt tai để ăn cắp nhạc ngựa” mà thôi. Thực ra trong tâm hồn gã, vấn đề chính tà đã bị nghi vấn hoá! Cái nền tảng đạo lý mà gã hấp thụ đã bắt đầu bị lung lay. Để rồi sau này, khi đã chứng kiến được cái thủ đoạn thâm độc của phái Tung sơn, và ngẫu nhiên giao du với các tay kiêu hùng trong Ma giáo như Hướng Vấn Thiên, Nhậm Ngã Hành thì cái khuôn khổ đạo lý ước thúc gã lại càng lung lay thêm nữa! Một cậu bé Vô Kỵ lang thang khắp giang hồ để chứng kiến một thế giới tà không ra tà, chính không ra chính.

Mọi cái công thức chính tà, mọi cái khuôn khổ giáo huấn đều bị đổ vỡ, khi cậu thấy rõ và thậm chí còn là nạn nhân của sự thâm độc của các nhân vật phe Chính giáo. Các bài học vỡ lòng mà cậu tiếp thu từ các bậc trưởng bối phái Võ đương nó khác xa thực tế biết bao. Bên cạnh tinh thần trượng nghĩa của nhân vật Ma giáo là Thường Ngô Xuân thì, dưới mắt Vô Kỵ, nhân cách của chủ trương môn phái Côn luân Hà Thái Xung trông thật dè hèn và đáng khinh đến ngần nào! Khi nhìn thấy cảnh Diệt Tuyệt sư thái tàn sát giáo chúng Ma giáo, Vô Kỵ vì cảm phục cái hào khí của bọn người bị truyền thống cho là tàn độc xấu xa đó, mà đã liều thân nhảy ra can thiệp. Tiếng nói của lương tri đã chiến thắng! Lúc đó, giữa cái gọi là Chính và Tà, ai đúng ai sai và thử hỏi ai tàn độc hơn ai?

Sẽ dễ dàng biết bao nếu để cho một kẻ độc ác như Tây độc Âu Dương Phong bị chết thảm để đền bù lại những điều tàn ác mà y đã gây cho người khác. Nhưng Kim Dung đã rất sâu sắc khi để hai nhân vật sống như hai thái cực của Thiện và Ác là Hồng Thất Công và Âu Dương Phong, sau khi giao đấu với nhau mấy ngày đêm, cùng ôm nhau chết trên đỉnh non tuyết lạnh. Mẹ Thiên Nhiên vĩ đại đã hoá giải tất cả ân cừu và ôm hai đứa con, dầu hư đồn hay tốt đẹp, vào trong vòng tay bao dung của mình. Và không phải ngẫu nhiên mà một nhân vật cao ngạo cổ quái như Hoàng Dược Sư lại gây được ấn tượng vô cùng sâu sắc đối với người đọc. Ông chẳng thèm coi cái đạo lí giang hồ vào đâu và suốt đời, ông đập đổ thị phi, xóa nhòa tà chính mà chỉ tôn thờ một điều duy nhất: *đó là sự tự do tuyệt đối của chính mình*. Ông được gán ngoại hiệu Đông Tà chỉ vì đối với ông, mọi phân biệt chính tà thiện ác trên giang hồ đều là phi lí, thậm chí ngu xuẩn, vì chúng không hề có thực mà, chỉ là những nhãn hiệu! Xét cho cùng, đó cũng có thể là sự phản kháng lại định kiến xã hội của một

tâm hồn minh triết, hay một loại *l'homme révolté* – con người phản kháng – của Albert Camus trong võ học! Một Tạ Tốn sẵn sàng trích dẫn sử sách để biện minh cho việc sát nhân của mình. Ta gặp lại lối “*cưỡng từ đoạt lí*” mà Đạo Chích dùng để công kích Khổng Tử trong *Nam Hoa kinh* (*Nam Hoa kinh, Tập thiên, chương Đạo Chích*).

Có phải Kim Dung muốn xoá bỏ mọi phân biệt chính tà để đẩy tất cả đến chỗ hoài nghi, xoá bỏ biên giới thị phi để đi đến một quan điểm hư vô chủ nghĩa trong đức lí? Không, Kim Dung có một cách nhìn khác, đó là: *nhìn đức lí dưới quan điểm võ học theo các nguyên lí Âm và Dương trong tự nhiên, thay vì những tiêu thức đạo lí xã hội*. Để thể hiện quan điểm này, Kim Dung đã chia võ học thành cặp phạm trù đối lập tương đối rõ rệt: Âm công và Dương công. Một bên thì biến hoá phức tạp, thâm hiểm và tàn độc, mà ta cho là Tà môn; một bên thì cương mãnh, dứt khoát, minh bạch, mà ta cho là Chính giáo. Nhưng đã là võ công thì dù là Tà hay Chính cũng đều giống nhau ở điểm là đều có thể giết người. Bản thân võ học, cũng như các thế lực trong thiên nhiên, vốn không có thiện ác, cũng không hề có sự phân biệt chính tà mà tùy thuộc vào mục đích sử dụng, và tùy thuộc vào việc ta nhìn vấn đề dưới bình diện nào. Có lẽ Kim Dung muốn nối tiếp và triển khai quan điểm của bậc đại nho đời Tống là Trình Hạo: *Thiện ác giai thiên lí* (Thiện hay ác cũng đều là thiên lí cả). Âm hay Dương cũng chỉ là hai mặt của tự nhiên. Chúng đối lập bổ sung cho nhau, mâu thuẫn đối kháng và chuyển hoá lẫn nhau trong sự hoà điệu vĩ đại. Không hề có việc cái này sẽ triệt tiêu toàn bộ cái kia. Biểu tượng Thái cực trong nền văn hoá phương Đông vẫn mãi mãi đơn giản một cách cực kì minh triết: trong âm có dương, trong dương có âm. Võ công trong Thánh hóa lệnh, đâu có cao siêu đến đâu đi nữa, vẫn

bị vây khốn trong vòng Phục ma khuyên của ba vị cao tăng Thiếu lâm tự. *Thiên Thủ Như Lai Chương* của Phương Chứng đại sư biến hoá kì diệu là thế nhưng cũng không thể thắng nổi chuông pháp chậm chạp, thô phác của Nhậm Ngã Hành!

Trang Tử đã viết hàng vạn lời trong *Nam Hoa kinh*, đặc biệt là thiên Tề vật luận, chỉ để chứng minh rằng phân biệt rạch ròi thị phi là điều không thể, vì đó là những vấn đề của vô cùng¹. Kim Dung viết hàng chục pho sách cũng là một cách để nối tiếp truyền thống trên. Đã hơn một lần, Kim Dung cố gắng đưa đến một tổng hợp chính tà, bằng tình yêu cũng như tình bằng hữu. Mỗi tình Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố cùng tình tri âm giữa Khúc Dương với Lưu Chính Phong cho dù có kết thúc trong đau thương đi nữa, thì điều đó cũng cho ta thấy nỗ lực của Kim Dung muốn chống lại định kiến, nhằm mở rộng tâm thức nhân gian để con người nhìn lại vấn đề! Đường như những tâm hồn lớn, Đông cũng như Tây, đều có cách nhìn sâu thẳm về bản chất của cái gọi là tà chính thị phi. Cái nhìn đó sẽ vượt qua đức lí thông thường, để nhận thức vấn đề dưới làn ánh sáng của Đức Lí Uyên Nguyên (*Éthique Originelle*). Biết đâu cái Chính hôm nay sẽ là cái Tà của ngày mai, và cái Thị ngày mai sẽ là cái Phi của ngày sau nữa! Nguyễn Du ắt hẳn đã lịch hành hết cuộc đầu bể tang thương mới nói được “*Thị phi tận thuộc thiên niên sự*”² (đúng sai là chuyện của ngàn năm – Vĩnh Tồn Cối tượng)

Nhìn qua phương Tây, ta vẫn có thể gặp được một chút hoà âm cộng hưởng. Một tâm hồn cuồng ngạo và nổi loạn

¹ Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã (*Nam Hoa kinh*, Tề Vật luận)

² Vĩnh Tồn Cối tượng

với truyền thống như Đông tà Hoàng Dực Sư biết đâu sẽ tìm được mỗi đồng cảm thanh khí ứng cầu trong tư tưởng của một Shakespeare “*There’s nothing either good or bad, but our thinking makes it so*” (Không có gì tốt hay xấu, mà chính do ta nghĩ thế nào thì nó ra thế ấy – Hamlet, Act II, Scene II– Shakespeare), hay trong một Emerson: *Good and bad are but names very readily transferable to that or to this* (Thiện ác chính tà cũng chỉ là các danh từ, chúng có thể hoán chuyển dễ dàng từ cái này sang cái kia) (*Self – Reliance*, Emerson, The Havard Classics, p.62)

Có phải chăng đó là chỗ gặp gỡ nhỏ giữa Đông và Tây, trong những tâm hồn lớn?

LAI RAI CHÉN RƯỢU GIANG HỒ

Núi hùng vĩ điệp trùng, cao phong tiểu bích vươn đến trời xanh, nhưng núi đẹp là nhờ mây. Sông mệnh mỏng bát ngát, uốn khúc lượn lờ hay cuồng nộ thét gầm, nhưng sông linh là nhờ có giao long, thủy quái. Rừng bạt ngàn huyền bí nhưng rừng thâm u quyến rũ là nhờ có dị sĩ cao nhân. Khách hảo hán giang hồ phiêu bồng lang bạt mang bản chất hào sảng khoáng đạt một phần là nhờ rượu.

Nền văn hoá phương Đông không có một vị tửu thần như thần Dionysos trong thần thoại Hi Lạp, nhưng có lẽ chỉ ở phương Đông mới có một tửu đồ cuồng si đời Tây Tấn tên là Lưu Linh ngông đến mức làm bài thơ Tửu đức tụng ca ngợi cái Đức của rượu, được lưu truyền ở đời, gây ảnh hưởng nhất định. Theo Tấn thư thì Lưu Linh, tự Bá Luân, quá ham mê uống rượu. Một hôm, vợ đập vỡ vò rượu, khóc bảo: “*Ông uống rượu quá nhiều, đó không phải là cái đạo nhiếp sinh, phải bỏ bớt đi*”. Lưu Linh nói “*Ta không thể tự cấm được, phải cầu quỷ thần lên để khấn nguyện, vậy phải đủ rượu thịt để làm lễ chứ!*” Vợ nghe lời làm theo. Lưu Linh bèn quỳ xuống khấn rằng: “*Thiên sinh Lưu Linh, Dĩ tửu vi danh, Nhất ẩm nhất học, Ngũ đấu giải tình, Phu nơn chi ngôn, Thận bất khả thính.*”¹

¹ Trời sinh ra Lưu Linh, do uống rượu mà nổi danh. Mỗi lần uống một học.

Văn học Trung Quốc qua bao thời đại không thiếu thơ văn ca ngợi rượu. Thậm chí rất nhiều. Thông thường người ta chia ra làm ba cách uống rượu: tục tửu, thường tửu và tiên tửu. Tục tửu là uống đến chỗ phóng đảng bữa bãi, không làm chủ được mình. Thường tửu là uống xong cho sáng khoái, uống chỉ vì thích uống mà thôi. Tiên tửu là uống rượu như một thứ trợ hứng để bàn về thi ca, nghệ thuật nhằm di dưỡng tinh thần. Đến Kim Dung thì chén rượu lại được điểm xuyết thêm một phần ý vị nữa: đó là chén rượu lãng mạn hào hùng giữa chốn giang hồ. Đối với cuộc sống rong ruổi phiêu bạt của khách vô lâm, có thể trong buổi tiễn đưa hoặc buổi trùng lai thiếu tiếng đàn tiếng hát, nhưng chắc chắn trong nỗi buồn li biệt hay trong niềm vui hội ngộ đó luôn luôn có rượu. Chung quanh chén rượu và ngay trong chén rượu có biết bao nhiêu tâm sự của muôn vạn mãnh đời.

Khắp vô lâm, từ trà đình tửu quán cho đến chốn núi thẳm rừng sâu, hễ nơi đâu có mặt hảo hán giang hồ là y như nơi đó có rượu. Một điều đáng ghi nhận là trong tác phẩm Kim Dung, hầu như những nhân vật nào đam mê rượu cũng đều có tâm hồn hào sảng, phóng khoáng. Đó là một Tiêu Phong kiêu dũng, một Hồng Thất Công cương trực, một Lệnh Hồ Xung khoáng đạt, một Đan Thanh hào phóng v.v... Bang chủ Hồng Thất Công do tính ham rượu và nhậu nhẹt nên bị Hoàng Dung dùng mẹo lừa để ông phải truyền tuyệt kĩ "*Hàng Long Thập Bát Chuông*" cho Quách Tĩnh. Đoàn Dự khi lang bạt giang hồ tìm Vương Ngọc Yến, thấy Tiêu Phong ngồi uống rượu trên Tùng hạc lâu mà sinh cảm mến, cùng nhau uống rượu rồi kết làm huynh đệ. Đó là cách uống rượu hào sảng của khách anh hùng. Đoàn Dự dùng Thiệu trạch kiếm để tiết hết rượu ra khỏi người theo đầu ngón tay út mới

Uống năm đầu mới giải tỉnh. Lời của đàn bà nói, Xin cẩn thận đừng nghe!

có thể đối ẩm với “đại tửu... lâm cao thủ” là Tiêu Phong. Đó là cách uống rượu đầy tiểu xảo mà Đoàn Dự vô tình phát hiện. Và chỉ trong tác phẩm Kim Dung mới có được “pha” uống rượu thú vị thế kia.

Nếu chén rượu đầy mưu trí của Lệnh Hồ Xung trên Trích Tiên tửu lâu khi lừa Điền Bá Quang để cứu Nghi Lâm làm người đọc vừa buồn cười vừa thán phục thì chén rượu thương đau của gã trên đỉnh Hoa Sơn lạnh buốt lại đắm chìm trong nỗi nhớ thương cô tiểu sư muội Nhạc Linh San, làm cho người đọc ngậm ngùi. Một tên dâm tặc vô hạnh như Điền Bá Quang lại biết lên vào hầm rượu của Trích Tiên tửu lâu đập vỡ hết gần hai trăm vò rượu quý hiếm trên thế gian, chỉ giữ lại hai vò để mang lên đỉnh Hoa Sơn cùng đối ẩm với Lệnh Hồ Xung, đã làm cho người đọc phát sinh hảo cảm, dù gã đã bị cả hai phe hắc bạch khinh bỉ là hạng “vô ác bất tác đích dâm tặc” (tên dâm tặc không có điều ác nào mà không làm). Thử hỏi trong đời có mấy ai được uống một chén rượu chí tình đáng cảm động thế kia? Một chi tiết nhỏ đó thôi chắc cũng đủ khiến cho tửu đồ khắp thiên hạ cùng nhau nâng chén rượu tha thứ phần nào tội lỗi cho Điền Bá Quang!

Đâu phải chỉ trong tiếng đàn, tiếng tiêu cao nhã mới có thể tạo nên mối đồng cảm tri âm như Khúc Dương trưởng lão và Lưu Chính Phong, mà một chén rượu đục trong chốn giang hồ vẫn đủ sức để tạo nên mối tình tri ngộ giữa một người mang tiếng bại hoại và một môn đồ phe chính giáo. Cái chân tâm trong chỗ giao tình vẫn luôn luôn nằm bên kia âm thanh cũng như luôn luôn nằm đằng sau chén rượu! Rượu hay âm nhạc lúc đó chỉ là phương tiện để con người tìm gặp nhau ở một điểm nào đó trong chỗ ý hợp tâm đầu. Khi Lệnh Hồ Xung tung chén rượu lên trời thành muôn ngàn giọt để cùng chia sẻ với quần hùng hắc đạo trên đỉnh Ngũ Bá cương,

Kim Dung đã cực tả tính hào sảng của một gã tửu đồ giữa niềm thống khoái chân tình với hào kiệt giang hồ.

Hình ảnh kiêu hùng của Hương Vãn Thiên khi bị trói đôi tay mà vẫn trầm tĩnh ngồi uống rượu trong lương đình giữa vòng vây của hai phe hắc bạch, đã khiến Lệnh Hồ Xung trở dậy hào khí, liều lĩnh chen vào ngồi đối ẩm để cùng xê chia hoạn nạn. Người đọc không ngạc nhiên vì sao sau này, khi Giáo chủ Nhật nguyệt thần giáo Nhậm Ngã Hành thống lĩnh giáo chúng vây Hoa Sơn để tiêu diệt Ngũ nhạc kiếm phái, đẩy Lệnh Hồ Xung vào thế đối địch, thì Hương Vãn Thiên là người đầu tiên bạo dạn cùng uống với Lệnh Hồ Xung một chén rượu cuối cùng ngay tại đường trường trước khi chuẩn bị cho một trận huyết chiến sắp tới, dù biết rõ Nhậm Ngã Hành đang ngấm ngấm phần nộ. Rồi lần lượt các tay hào kiệt khác trong Nhật nguyệt thần giáo cũng can đảm bước ra cạ chén với Lệnh Hồ Xung dù trong thâm tâm họ cũng hiểu rằng điều đó sẽ gây thịnh nộ cho Giáo chủ và cái giá phải trả đằng sau chén rượu kia có khi là cái chết. Biết bao nhiêu hào khí hùng tâm chứa chan trong một chén rượu nồng!

Lệnh Hồ Xung kết giao hào kiệt giang hồ chủ yếu bằng rượu. Gặp bất kì người nào sành rượu và thích uống rượu là giao tình nảy nở. Đối với Lệnh Hồ Xung dường như không có chính hay tà mà chỉ có rượu ngon hay dở và nhất người nâng chén rượu cùng uống có đáng mặt hảo hán để giao kết hay không mà thôi. Lúc đó thì ân oán thị phi đều có thể hoà tan trong chén rượu chân tình.

Nếu chén rượu của Lệnh Hồ Xung đầy tính lãng mạn thì chén rượu của Tiêu Phong lại rất mực hào hùng. Khi uống rượu vào những giây phút quyết định tử sinh thì chén rượu của Lệnh Hồ Xung vẫn mang chất khoái hoạt phiêu bổng còn chén rượu của Tiêu Phong lại tràn đầy hào khí! Tại Tụ Hiền

trang, trước khi cùng quần hùng quyết đấu, Tiêu Phong vẫn cùng họ uống rượu để tuyệt tình. Chén rượu ném đi, giao tình dứt đoạn và cuộc chơi sinh tử bắt đầu. Nhưng đến chén rượu trên chùa Thiếu Lâm mới thật chan chứa hùng tâm. Khi tình cờ bị vây hãm trên đỉnh Thiếu Thất bởi vô số những cao thủ cự phách, Tiêu Phong trong cảnh lâm vào tuyệt địa vẫn hiên ngang uống rượu. Khi đánh lui một lúc cả ba đại cao thủ Du Thần Chi, Đinh Xuân Thu, Mộ Dung Phục, khiến Tiêu Phong hào khí ngất trời, ông hô vệ sĩ mang mấy túi rượu uống cạn một lúc gần hai mươi cân, rồi ngỏ lời cùng Đoàn Dự: *“Huynh đệ, ta và người hôm nay đồng sinh tử, thật không uống phí một phen kết nghĩa, sống cũng tốt mà chết cũng tốt, chúng ta hãy cùng nhau uống một trận cho thật thống khoái!”*. (*Huynh đệ, nể gã sinh tử vi cộng, bất uống liêu kết nghĩa nhất trường, tử dã bãi, hoạt dã bãi, đại gia thống thống khoái khoái đích hát tha nhất trường!*) Hào khí bức người của Tiêu Phong khiến nhà sư Hư Trúc cảm kích quên hết giới luật thanh qui, cùng nhau cạn chén. Cảnh tượng một tay đại hào kiệt là Tiêu Phong cùng anh chàng đồ gần Đoàn Dự và nhà sư Hư Trúc làm lễ giao bái và uống rượu ngay trong vòng gươm đao trùng điệp để chuẩn bị mở một trường đại sát thật láng lai hào khí của võ lâm, khiến cho người đọc cảm thấy hùng tâm hứng khởi như đọc Sử kí Tư Mã Thiên đến đoạn Thái tử Đan tiễn Kinh Kha qua sông Dịch. Đó không phải là chén rượu liêu lĩnh của bọn dũng phu cùng đường, mà là chén rượu của những tay hào tuấn xem cái chết như là “một côi đi về” khi đã cảm nhận trọn vẹn được tấm chân tình của nghĩa đệ huynh! Sống ở nhân gian mà có được một người tri kỉ thì có chết đi cũng không đến nỗi uống phí bình sinh! Uống rượu hào hùng đến trình hạn ấy mới là chỗ mà thơ Lý Hạ gọi là *Chân thị Kinh Kha nhất phiến tâm*¹.

¹真是荊軻一片心 Đó mới thật sự là tấm lòng của Kinh Kha

Nhưng uống rượu như Tiêu Phong hay Lệnh Hồ Xung cũng chỉ là cách uống rượu hào hùng thống khoái của hảo hán giang hồ, mà cách uống rượu của Đan Thanh tiên sinh – đệ tứ trang chủ Cô sơn Mai trang – hay Tổ Thiên Thu mới đúng là hạng tửu đồ thượng thừa sành điệu. Người đọc ắt hẳn phải thâm tạ Kim Dung đã tặng cho đời những trang tuyệt bút về rượu. Uống nào phải dùng chén ấy. Chén ngọc hay chén lưu li làm rượu nổi thêm màu sắc, chén sành tê làm rượu thêm hương vị¹. Uống rượu bồ đào phải dùng chén dạ quang, vì khi rót vào chén dạ quang thì rượu bồ đào sẽ có màu đỏ như máu, khiến cho quân sĩ ngoài biên tái uống vào thêm hùng khí chiến đấu². Uống rượu Thiệu hưng trạng nguyên hồng phải dùng chén cổ đời Bắc tống. Uống rượu Lê Hoa phải dùng chén Phi Thúy. Các quán rượu tại Hàng Châu thường treo cờ xanh trước tiệm rượu để ánh sáng chiếu màu xanh vào chén rượu Lê hoa như màu phi thủy³ v.v... Thử hỏi mấy ai đọc Đường thi mà có thể cảm nhận ra chỗ tận diệu trong lời thơ thế kia, nếu như không có những “nhà tửu học” như Tổ Thiên Thu? Tổ Thiên Thu phân tích về rượu làm ta nhớ lại lão ăn mày trong Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân bình phẩm về trà. Họ đều là những nghệ sĩ tài hoa trong làng trà làng rượu. Với Đan Thanh và Tổ Thiên Thu thì uống rượu đã trở thành một loại nghệ thuật. Uống rượu đến mức đó là gần

¹ *Lưu li chung, hổ phách nùng*. 。琉璃鐘，琥珀濃。(chén đựng rượu bằng ngọc lưu li làm màu hổ phách của rượu thêm đậm đà - Thơ Lý Hạ) hay *Ngọc uyển thịnh lai hổ phách quang* 玉琬盛來琥珀光。(chén ngọc làm sáng thêm màu hổ phách của rượu - Thơ Lí Bạch)

² *Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi, dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi* 葡萄美酒夜光杯，欲飲琵琶馬上推。(Rượu Bồ đào rót chén dạ quang, Toan uống Tỳ bà dục lên đàn - Thơ Vương Hàn)

³ *Hồng tị chức lãng khoa thị diệp, thanh kì cô tửu sấn Lê hoa* 紅袖織綾誇柿葉，青旗沽酒趁葵花。(tay áo lụa hồng khoe lá thị, cờ xanh quán rượu ánh Lê hoa - Thơ Bạch Cư Dị)

như nâng rượu lên thành Tửu đạo. Đáng tiếc thay, ở phương Đông, cái tạm gọi là Tửu đạo đó lại không được lịch sử phát triển thành một trào lưu như Trà đạo. Có lẽ vì nó giống như con dao hai lưỡi. Kẻ non nớt dùng nó ắt sẽ bị đứt tay. Tiên tửu chưa chắc đã thấy đâu mà tục tửu có thể đã ngập tràn trong thiên hạ!

Chén rượu ngày nay đã mang quá nhiều tục sắc. Tửu vị cho dầu đã được nâng lên thêm mấy bậc nhưng tửu đạo lại bị hạ xuống thấp mấy tầng! Giá như Tổ Thiên Thu và Đan Thanh sống lại ắt hẳn sẽ mời tất cả các tửu đồ trong thiên hạ đời nay tụ tập lại để giảng cho nghe về tửu đạo và cùng nhau lai rai một chén rượu giang hồ!

THỬ NHÌN THẾ GIỚI KIM DUNG QUA TRIẾT HỌC HIỆN SINH

Nếu như có một phép lạ nào đó khiến cho tất cả các nhân vật của Kim Dung được sống thực và đi vào cuộc đời, thì ắt hẳn ta sẽ chứng kiến được một thế giới vô cùng sinh động với đủ các thành phần của cuộc sống. Từ tăng ni đạo tục đến vua chúa, từ sĩ nông công thương đến nho y lí số, từ ngư tiểu canh mục đến kì nhân dị sĩ, từ kĩ nữ đến giai nhân, từ đám ăn mày đến quan lại, từ bọn lưu manh đến hào kiệt anh hùng v.v.... Đề tiện lẫn thanh cao, tàn nhẫn lẫn bao dung, điêu trá lẫn chân tình, thị phi ân oán cùng cừu hận thương yêu, tất cả những thứ đó đan xen lẫn nhau trong tấm lưới thất tình lục dục rất đời đời thường. Điều đó đã làm cho cái thế giới giang hồ của Kim Dung trở nên cực kì sống động đến mức gần như kì diệu.

Chúng ta thử nhìn thế giới đó qua một vài khái niệm của triết học hiện sinh (Existentialisme) phương Tây. Mọi sự so sánh, dĩ nhiên, đều khập khiễng và lắm khi khiến cưỡng. Do đó, trong bài viết nhỏ này, tôi chỉ xin dừng lại ở mức độ cố gắng dùng một vài khái niệm quen thuộc của triết học hiện sinh¹ để thử nhìn lại và đối chiếu với một tác gia phương

¹ Các câu, các từ tiếng Pháp dùng minh họa trong bài được trích dẫn rải rác từ

Đồng dưới một góc độ rất nhỏ. Đồng Tây đôi khi có cách nhìn chung về một vấn đề, mặc dầu nhìn bên ngoài ta thấy như chúng được trình bày bằng những khái niệm khác hẳn, không ăn nhập gì nhau. Bên dưới các vấn đề tưởng chừng như biệt lập vẫn có một dòng nước ngầm, một dòng ẩn lưu, chảy xuyên suốt nối liền các bờ bến xa xôi. Luôn luôn có nhiều con đường để đi đến một đích chung. Thiên hạ hà tư hà lự? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự (Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Cùng đi về một chỗ bằng những con đường khác nhau, cùng đến một chỗ bằng trăm mối suy tư khác nhau – Kinh Dịch, hệ từ thượng).

Thế giới giang hồ trong tác phẩm Kim Dung hấp dẫn người đọc trước hết và trên hết ở chỗ: không bao giờ nó là một thế giới giả tạo được qui định sẵn như ta thường thấy trong loại tiểu thuyết võ hiệp cổ điển. Trong tiểu thuyết võ hiệp cổ điển, bản chất của cái thế giới mà các người hùng đi vào thường được xem như là một cái gì mang tính ngầm định tất yếu. Mọi sự kiện từ tâm lí nhân vật đến diễn biến cú tiến hành theo lối trực tuyến trên một con đường thẳng. Một thế giới cứng nhắc của lí trí mà không có tiếng nói thực của tâm hồn, nó hiện ra như một cái khung để mọi người phải thích ứng vào. Nói theo ngôn ngữ của triết học hiện sinh thì đó là một thế giới mà yếu tính của nó quyết định thể cách tồn tại của con người., có nghĩa là yếu tính đi trước tồn tại (*L'essence précède l'existence*) Thế giới như thế chỉ là một thế giới chết của các bản chất im lìm bất động (*substance immobile*), theo kiểu triết học cổ điển phương Tây.

Kim Dung, trái lại, muốn hiển thị một thế giới rất thực,

một vài cuốn sách nhỏ biên khảo về Triết học phương Tây. Khi diễn dịch, tôi mạn phép biến đổi đôi chút cho phù hợp với ngôn ngữ võ hiệp của Kim Dung.

một loại *le monde en tant qu'il est* (thế giới đúng như nó là vậy) dưới mắt các hào sĩ giang hồ, một thế giới được phóng chiếu từ đời sống thực của nội tâm và kinh nghiệm. Quan điểm của Kim Dung về thế giới có điểm tương đồng với của triết học hiện sinh phương Tây mà đại biểu nổi bật nhất là J.P. Sartre với nguyên lý thứ nhất "*L'existence précède l'essence*" (Tồn tại đi trước yếu tính). Nghĩa là tôi phải sống, phải tồn tại, phải đem máu xương sinh mệnh ra chơi trò chơi sinh tử với cõi đời bằng tất cả đam mê, bằng cả thân tâm, bằng cả máu và nước mắt rồi mới dần dà xác định được đâu là yếu tính (*essence*) của thế giới, đâu là cái "*chân diện mục*" của cõi đời. Chứ hoàn toàn không phải thế giới đã mang sẵn những yếu tính nào đấy và khi bước vào thế giới đó, tôi buộc phải sống rập khuôn theo.

Thế giới mà người anh hùng của Kim Dung bước vào luôn luôn là một thế giới đầy những yếu tố ngẫu nhiên (*contingences*) và đầy những khám phá bất ngờ. *Je suis jetté dans le monde sans aucun choix de ma part.* (Ta bị ném vào một thế giới, vào một cõi giang hồ mà không có quyền chọn lựa gì về phần ta cả). Khi bị ném vào một thế giới luôn luôn ở trạng thái báo động thường trực, sinh tử lừng lơ, một thế giới chính tà lẫn lộn, thị phi rối rắm chằng chịt như thế thì họ buộc phải xác định một giới tuyến, một căn cơ lập mệnh an thân cho chính mình. Thế giới bỗng nhiên trở nên xa lạ, mệnh mông và đẩy áp những câu hỏi. Nó mất đi sắc màu quen thuộc cũ. Mọi sự kiện, mọi vấn đề tưởng chừng như bền vững thâm căn cố đế trong truyền thống bỗng dưng trở nên bấp bênh phù động, đòi hỏi phải được xác lập lại từ cơ sở. Đôi lúc, họ không còn hiểu được họ nữa. Cõi giang hồ đầy biến động sẽ đẩy họ xa dần cái mục tiêu dự kiến ban đầu của họ, rồi họ bỗng nhiên như không còn là mình mà trở thành một người khác. *Je suis l'autre* (Tôi là người khác).

Lệnh Hồ Xung bỗng trở thành bằng hữu của phe Ma giáo, Đoàn Dự từ một vương tử bỗng trở thành anh chàng phiêu lãng giang hồ, môn đồ Thiếu Lâm là Hư Trúc bỗng trở thành chủ môn phái Tiêu Dao..... *Chacun est l'autre et personne n'est soi* (mỗi người đều trở thành một người khác và không còn ai là chính mình nữa).

Thế giới của Kim Dung không bao giờ là một thế giới hoàn chỉnh, mà là một thế giới đang “trở thành” (*devenir*) để chờ đợi con người xác lập cho nó một giá trị, một thế giới chờ đợi để được khám phá. Cái thế giới ấy chỉ được thành hình dần dần theo từng bước chân lịch hành của các nhân vật giữa cõi giang hồ. Thế giới đó sẽ đưa dẫn các người hùng vào những cõi bí ẩn và vô cùng của tâm hồn con người cũng như của thiên nhiên. Quá trình rong ruổi trên chốn giang hồ chính là quá trình người anh hùng của Kim Dung đi tìm lại chính con người thực của mình và xác định “*chân diện mục*” của thế giới.

Đó có thể là trường hợp hài hước của một gã ăn xin cầu bơ cầu bất, không tên không tuổi, luôn bị gọi bằng cái tên khinh bỉ là “*Cẩu tạp chủng*” (chó lộn giống), bỗng dưng một hôm được tôn xưng là bang chủ Trường Lạc bang thanh uy chấn động giang hồ. Hoặc thống thiết và bi tráng như trường hợp một Tiêu Phong kiêu hùng bỗng một hôm phát hiện ra mình không phải là người Hán, mà chính là người Khất Đan – một dân tộc bị ông xem như kẻ thù. Tiếp đó, ông lại bị Định Mệnh xô vào một Mê cung cay đắng dị thường mà không hiểu vì sao. Hoặc đau đớn hoang mang như trường hợp cậu bé Vô Kỵ từ cuộc sống thanh thản vô ưu trên Băng hỏa đảo, vừa đặt chân đến Trung thổ, liền bị ném ngay vào một thế giới xa lạ đầy những bi kịch hận thù: song thân bị bức tử, bản thân bị trọng thương thập tử nhất sinh. Hoặc lãng

mạn khoái hoạt như một Lệnh Hồ Xung khi rời chùa Thiếu lâm, phân vân không biết mình là người của phe Chính giáo hay Tà giáo, như một loại cô hồn vô chủ giữa cõi giang hồ, đứng giữa đường gọi người ta lại giết mình!

Khi người hùng của Kim Dung bị ném vào một thế giới như thế thì y thường chỉ có một mình. Y là cái điểm tựa duy nhất cho chính mình trong vấn đề xác định đâu là chân tướng của cõi giang hồ hay ý nghĩa của cuộc sống! Mọi định kiến và khuôn khổ mà y hấp thụ được từ truyền thống đều bị lay chuyển tận căn để và đôi khi sụp đổ hoàn toàn. Chính trong đám rối bòng bong ấy – thậm chí trong nỗi hoang mang giữa niềm tin bị đổ vỡ tan hoang ấy – y buộc phải tự mình mò mẫm suy gẫm để tìm cho ra cái “đáp án” cho các bi kịch, cho các ngộ nhận, cho các oan nghiệt tồn sinh, cho những cảnh ngộ trở trêu mà số phận tự nhiên đổ cả lên đầu y.

Partout en routes faisant expérience, inexpert sans issue, il arrive au Rien.... Allant sur toutes les routes sans trouver d'issue, il est rejeté hors de tout rapport avec la quiétude familière, et la ruine, le malheur tombe sur lui. (Khắp nơi trên con đường mò mẫm ngược xuôi giữa cõi giang hồ để tích lũy kinh nghiệm, không có lối thoát, y đi dần đến chỗ Hư không trống rỗng.... Khi rong ruổi trên khắp nẻo giang hồ mà không tìm ra lối thoát, y lại bị ném ra ngoài tất cả các mối tương quan với sự yên bình quen thuộc, và bao sự sụp đổ, tai họa đổ cả lên đời y).

Đó là một Lệnh Hồ Xung bị trục xuất khỏi phái Hoa sơn, vĩnh viễn đánh mất những ngày tháng tiêu dao hạnh phúc cùng Nhạc Linh San bên suối nước, rồi chịu hàm oan giết sư đệ, cướp kiếm phổ. Đó là một Tiêu Phong bị truất khỏi chức ngôi Bang chủ Cái Bang, bỗng nhiên trở thành kẻ thù không đội trời chung của võ lâm đồng đạo. Đó là một

Trương Vô Kị không còn Bạng hỏa đảo, mang tám thân bệnh hoạn một mình xuôi ngược khắp giang hồ.

Một Tiêu Phong kiêu hùng, nếu có thiên hướng về trầm tư suy niệm thì những oan nghiệt mà ông phải gánh chịu cũng đã quá đủ để ông đã trở thành nhà hiền triết khi đối mặt với Mê cung Định Mệnh trong cái *le monde absurde* (thế giới phi lí) kia rồi. Ông gần như bị phủ nhận và tước bỏ tất cả: danh vọng, bạn hữu, quê hương, sự nghiệp, thân phận... để trở thành một con số không trống rỗng – một Le Néant. Nhưng vốn mang bản chất sôi nổi anh hùng, nên ông đã quyết liệt đẩy tất cả thị phi ân oán cùng mọi oan nghiệt tồn sinh của đời mình đến chỗ sơn cùng thủy tận, quyết đem tính mệnh ra đối chọi với Số mệnh (*Fatalité*). Người hùng Tiêu Phong của Kim Dung thay vì khẳng định *La vie est absurde par l'essence* (cuộc sống phi lí ngay tự bản chất), lại kiêu dũng đối mặt với bi kịch trần gian theo kiểu những người anh hùng chinh phục (*Les Conquistadors*) của A. Malraux.

Le plus grand mystère n'est pas que nous soyons jetés au hasard (sur la terre)....c'est que, dans cette prison, nous tirons de nous-même des images assez puissantes pour nier notre néant. (Điều huyền mật lớn nhất, không phải ở chỗ ta tình cờ bị ném vào cõi giang hồ..... mà chính ở chỗ, trong cõi tù ngục ấy, chúng ta rút ra được từ bản thân mình những hình ảnh đủ mãnh liệt để phủ nhận cái hư không trống rỗng của chính ta).

Cái thế giới giang hồ của Kim Dung vừa hấp dẫn cảm dỗ, vừa mang tính đe dọa. *Le monde? Une porte donnant sur des déserts muets et glacés.* (Cõi giang hồ ư? Đó là cánh cửa mở ra những sa mạc lạnh câm và lạnh giá.). Cõi giang hồ đó sẽ đưa các người hùng đến với một thế giới mà từ con người cho đến thiên nhiên, từ nội tâm cho đến ngoại tại, tất cả đều mênh mông và đầy sóng gió. Những hải đảo xa xôi, những

sơn động hoang tịch, những sa mạc mệnh mông....khắp nơi đều in dấu chân của khách giang hồ. Lạc vào tuyết cốc thâm u, rơi vào thung lũng tím mù tưởng chừng như không có sự sống của con người, ta lại tìm được bí cấp kì thư võ học, thậm chí lại gặp các bậc tuyết thể cao nhân. Rồi cả các bậc tiêu dao thể ngoại cũng hiếm khi thoát khỏi chuyện thị phi ân oán. Phương Chứng đại sư và Xung Hư đạo trưởng phải lặn lội đến hội đàm cùng Lệnh Hồ Xung trên đỉnh núi Hằng sơn, Không Kiến thần tăng buộc lòng phải can thiệp vào chuyện hận cừu giữa thầy trò Thành Khôn – Tạ Tốn. Cho dầu tất cả bậc cao nhân lánh đời đó có nhập thế cũng đều vì tâm đại bi muốn cứu vãn sát kiếp cho vô lâm, thì điều đó cũng cho ta thấy được cội giang hồ của Kim Dung nối kết tất cả các nhân vật vào một màn lưới chằng chịt hầu như không bỏ sót một ai. Trong cái thế giới ấy, quá khứ, hiện tại lại đan xen lẫn nhau. Sự xuất hiện tình cờ của một môn võ thất truyền nào đó trên giang hồ, sẽ làm sống lại cả một quá khứ hoang đường. Và sẽ được một nhân vật nào đó nối tiếp như kế thừa một truyền thống thần bí xa xôi.

Đối chiếu thế giới Kim Dung với triết học hiện sinh, dẫu chỉ ở mức độ khái niệm và trên một bình diện rất hẹp, vẫn là một chủ đề lớn đối với người viết. Tôi chỉ mạo muội trình bày những suy niệm riêng của mình với ước mong cùng bạn đọc tìm được một thông đạo mới để tiếp cận và đi vào thế giới của Kim Dung.

NHIỆM MÀU HAI CHỮ CƠ DUYÊN

Một trong những cây trụ khổng lồ chống đỡ toà lâu đài minh triết Phật giáo là giáo lý Duyên Khởi. Triết học Phật giáo chia ra thành nhiều loại duyên khởi như: *Nghiệp cảm duyên khởi*, *A lại da duyên khởi*, *Chân như duyên khởi* và *Pháp giới Duyên khởi*. Nhưng dù có phân chia như thế nào đi nữa, thì kinh điển chỉ vẫn muốn nhấn mạnh một điều: tất cả các pháp, nghĩa là mọi sự kiện và mọi vật trên đời, không thể tồn tại độc lập, mà đều hỗ tương lẫn nhau trong chu trình sinh diệt nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Thế giới và cõi đời – khi được nhìn qua lý Duyên khởi – như kết nối đan xen vào nhau trong mạng lưới chằng chịt vô tận. Một cánh tay đưa lên là cả thế giới đều chuyển rung theo, trong những dao động vật lý vô cùng vi tế. Một sự việc tưởng chừng như ngẫu nhiên, nghĩa là xảy ra không theo một tiến trình logic nào cả, thì theo người phương Đông, ở chỗ thâm sâu vẫn có một nguyên cố ẩn mật mà ta không thể nào hiểu được. “*Vẽ chi ăn uống sự thường, cũng còn tiền định khá thương lo*” là “(Cung oán ngâm khúc). Và từ đó, mọi việc ngẫu nhiên hay tất yếu thường được lý giải bằng hai chữ cơ duyên. Những khắc khoải tìm hiểu căn do của sự việc đã được hai chữ đó đặt một dấu chấm hết, vô cùng nhẹ nhàng và gọn ghẽ!

Người phương Đông cho rằng sự can thiệp quá mức của

lý trí vào mọi công việc thường chỉ dẫn đến kết quả ngoài mong muốn, như ý một bài cổ thi: “*Hữu ý tài hoa hoa bất phát, vô tâm thấp liễu liễu thành âm.* 有意栽花花不發, 無心搨柳柳成陰。” (Cố ý trồng hoa hoa chẳng nở, Vô tình cắm liễu liễu xanh um). Truyền thống phương Đông vẫn luôn đề cao sự hồn nhiên vô tâm, và cuộc sống vô tư như con trẻ. Họ muốn được như viên ngọc thô chưa đẽo gọt. Việc đến không ngăn, việc đi không cản. Cứ ung dung mà sống với tự nhiên, với cõi đời, không tham vọng cưỡng cầu. Vì nếu không có cơ duyên, thì mọi mưu toan cưỡng cầu thường chỉ phí công vô ích. Mà khi con người nhận chân ra điều đó, thì lắm khi đã đối diện với cảnh ngộ dở khóc dở cười. Trong tác phẩm của Kim Dung, những sự việc bất ngờ, những tình huống gay cấn nhất càng lộ ý nghĩa dưới ánh sáng của hai chữ cơ duyên. Khi những mọi nỗ lực của con người đều đi đến chỗ vô vọng, thì lại có những sự kiện xảy ra bất ngờ ngoài tiên liệu. Vẫn luôn có một chỗ cho những biến cố ngoài tầm trắc lượng của lý trí tính toán so đo.

Phong Thanh Dương bất ngờ xuất hiện trên đỉnh Hoa Sơn, truyền thụ “Độc cô kiếm pháp” cho Lệnh Hồ Xung, rồi biến mất như con thân long phiêu hốt trong sương mù của huyền thoại. Ấy cũng là do một chút tiền duyên với gã tửu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung. Trong khi bao cao thủ vận dụng hết tâm trí để tìm cách phá giải cho bằng được thể cở bí hiểm của phái Tiếu Dao nhưng đều thất bại, thì chú tiểu xấu xí Hư Trúc lại vô tâm mà phá được. Và chú tiểu chùa Thiếu lâm đó bỗng dưng trở thành chưởng môn phái Tiếu Dao, điều mà Tinh tú lão quái Đinh Xuân Thu dùng mọi thủ đoạn tàn độc để mong muốn làm cho bằng được. Tiếp theo, nhờ tấm lòng đôn hậu muốn cứu một cô bé, mà rốt cục Hư Trúc trở thành chủ nhân cung Linh Thuối, và phò mã nước Tây Hạ. Có lẽ

Kim Dung muốn sắp đặt mọi diễn biến xảy ra giống như một câu chuyện cổ tích hoang đường, trong đó chú vịt con xấu xí biến thành con thiên nga lộng lẫy. Nhưng đó là gì, nếu không phải là do một chút cơ duyên?

Hình ảnh thiếu nảo của Mộ Dung Phục xuôi Bắc ngược Nam, lao tâm khổ tứ, dùng mọi thủ đoạn để mưu đồ phục quốc ngấm cũng đáng thương. Con rồng trong võ lâm đó thất bại hoàn toàn, trong sự nghiệp lẫn tình yêu, cũng do không liễu ngộ được chữ duyên! Mà điều đó đâu phải dễ dàng gì, khi mà con người còn say mê chìm đắm trong thế giới của cơ mưu, và cơ duyên chưa có điều kiện để chín muồi. Chỉ có những người đại trí đại dũng như Tạ Tốn, Mộ Dung Bác, Tiêu Viễn Sơn mới đủ thông tuệ để sớm nhận ra sự nhiệm màu của hai chữ cơ duyên. Trong khi biết bao nhiêu người khao khát và ước mơ cái thân phận và bản lĩnh của Hư Trúc, thì chú lại sẵn sàng chấp nhận phế bỏ toàn bộ võ công của phái Tiêu Dao mà mình đã học, để mong muốn trở thành một chú tiểu bình thường của chùa Thiếu lâm, ngày ngày tụng kinh niệm Phật nhưng lại không được. Bởi vì chú chưa có được cơ duyên với cửa Thiền. Còn Cưu Ma Trí, sau bao tháng năm, bằng trí tuệ tuyệt vời, tích lũy mọi võ công trong thiên hạ để mong đạt được bản lĩnh vô địch, chỉ khi bị Đoàn Dự dùng Chu cấp thần công hút hết nội lực, thì ông mới hội đủ cơ duyên để “*khóat nhiên đại ngộ*” và trở thành vị cao tăng xứ Thổ Phồn! Cuộc đời và số phận của con người vẫn âm thầm trôi theo một dòng chảy rất đổi lạ lùng, bên ngoài tầm của dự kiến với mưu toan.

Nhưng điển hình nhất có lẽ câu chuyện của Thạch Phá Thiên lĩnh hội được huyền công trên Long Mộc đảo¹, trong

¹ Trong bản hiệu đính sau này, Kim Dung đổi thành Hiệp Khách đảo.

tác phẩm *Hiệp Khách Hành*. Hai vị Long Mộc đảo chủ đã phí tổn biết bao tâm huyết trong suốt bốn mươi năm trời để nghiên cứu đồ phổ *Thái Huyền kinh* trên vách đá. Cứ mười năm một lần, họ phái hai vị sứ giả mang Thường thiện phật ác lệnh vào tận Trung Nguyên, tìm cách mời các đại cao thủ uyên bác về cùng mình tham cứu. Một *Hàn lâm viện về võ học*, với tất cả những cái đầu uyên bác bậc nhất của võ lâm – những “*giáo sư võ học đầu ngành*” – được hình thành trên đảo suốt bao năm trời. Khối lượng chất xám khổng lồ của những cao thủ tuyệt đỉnh đều tập trung vào việc tìm ra đáp án cho các đồ phổ của huyền công. Rốt cuộc tất cả chỉ là con số không hão huyền to tướng.

Tiếng sóng gầm ngoài Long Mộc đảo thổi thời gian bay qua những mái đầu bạc trắng, như để chế diễu mọi nỗ lực của lý trí con người. Đặc điểm của lý trí con người là một khi đã khát khao tìm hiểu một vấn đề nào đó mà không hiểu được, thì lại càng khắc khoải khổ đau. Nếu như lý trí là món quà vô giá của Tự nhiên ban tặng cho con người, để con người tìm hiểu và lý giải mọi sự trên đời, thì lắm khi nó cũng là nguyên nhân đem lại cho con người vô vàn khổ não. Tất cả các nhân vật võ lâm mà giang hồ ngỡ là đã bị chết đó, đều miệt mài nghiên cứu võ công. Lý trí kiên cường và kiêu hãnh vẫn phải thúc thủ, khi cứ hì hục húc đầu mãi vào bức tường kim cương của những điều huyền mật. Và thân công trên vách đá đó chỉ chờ người hữu duyên là gã ăn xin dốt đặc cán mai Thạch Phá Thiên!

Tiếng cười chua chát của hai vị đảo chủ, khi nhận ra chân tướng của vấn đề, nghe đau đớn mà thâm thúy biết bao. Họ muốn đem lý trí và kiến thức để phá vỡ huyền cơ, té ra mọi thứ đều giản đơn và hiển lộ rành rành ra đây, mà không một ai chịu tĩnh tâm để tìm hiểu. Bao văn tự rườm rà trên vách đá không những không có ích, mà còn đưa lý trí vào chỗ lảm lạc.

Tất cả cao thủ uyên bác đều cho đó là những lời chú giải của đồ phổ, nên vận dụng mọi tri thức để tranh biện nhau. Kiến văn càng thâm thúy, thì tranh luận hăng say, và như thế lại càng đi xa tâm điểm. Rốt cuộc chỉ có Thạch Phá Thiên, nhờ không biết chữ và có tấm lòng trung hậu, nên hồn nhiên lĩnh hội được huyền công.

Trong truyền thống phương Đông, thì kiến thức thường là chướng ngại ngăn cản con đường đi vào tâm đạo, mà Phật giáo gọi là “*Sở tri chướng*”. Cái thế giới tưởng chừng thâm thường quanh ta vẫn luôn ngập tràn những điều huyền mật, với “*bình thường tâm thị đạo*”¹ của Thiền tông. Nhưng bi kịch lại khởi đầu khi lý trí con người luôn muốn quan trọng hóa mọi việc, và thường miễn cưỡng chấp nhận những điều dung dị bình thường. Sự thông minh đầy mưu mẹo của lý trí luôn muốn đánh bật đi tiếng gọi lay lắt và dằm thắm của lương tri. Mà trong khi chính tiếng gọi của lương tri mới thường vạch ra con đường đi đích thực cho chúng ta, những khi ta lạc vào những nghịch cảnh éo le trong Mê Cung của cuộc sống. Hai chữ cơ duyên rất mực nhiệm màu vẫn thắng hai chữ cơ tâm đầy trí xảo.

Bi tráng biết bao là hình ảnh đảo Long Mộc chuẩn bị phát nổ, sau khi Thạch Phá Thiên học được tất cả thần công trên vách đá. Tấm màn huyền ảo che phủ vách đá suốt bốn mươi năm đã được vén lên, thì hòn đảo không còn lý do gì để tồn tại nữa. Mọi sự đều trở nên đơn giản đến mức xót xa. Bạc tiền bồi cao nhân sáng tạo nên huyền công ấy dường như muốn trao lại cho đời sau một công án, để điều cốt trí thông minh cơ xảo của con người. Và công án đó chỉ chờ người hữu

¹ Tâm bình thường là đạo. Đây là câu nói lừng danh của Mã Tổ Đạo Nhất (709-788), một khuôn mặt chói ngời trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa. Có thể nói Thiền tông Trung Hoa thực sự hưng thịnh khởi đầu từ ngài

duyên liễu ngộ. Hai vị Long Mộc đảo chủ không còn ham muốn học thần công của *Thái Huyền kinh* đó nữa, cho dù các bí mật của đồ phổ đã được giải quyết xong, và đáp án mà họ muốn tìm, sau hơn nửa đời người, đã hiển bày trước mắt. Thần công thì thần diệu đấy, nhưng than ôi, bài học về hai chữ cơ duyên còn thâm sâu hơn gấp vạn lần! *Bạch thủ Thái huyền kinh*. Phí bỏ bao tâm huyết để nghiên cứu kinh thư cho đến khi đầu bạc trắng, sức cùng lực kiệt, mới chợt giật mình hiểu ra rằng mình đã lạc lõng trong thế giới của cơ tâm! Cũng như nhiều người đọc kinh Phật suốt cả đời, hoặc đắm chìm trong muôn vạn cảnh đời dâu bể, cũng chỉ để ngộ ra được ý nghĩa thâm huyền của chữ “*duyên*”.

*Tâm cơ phí uổng một đời,
Thần công vách đá chờ người hữu duyên.
Để gì nhân định thắng thiên!*

L'homme propose. Dieu dispose: Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên. Câu ngạn ngữ bình dị đó phải chăng cũng gợi lên được một chút hòa điệu giữa hai cõi Đông Tây?

VÕ HỌC: ĐƯỜNG VỀ TÂM PHÁP

Thế giới ngoại tại vốn cực kỳ phức tạp, muôn vẻ nghìn màu và không ngừng biến động. Vạn hữu luôn trôi chảy như dòng thác đổ, luôn biến dịch trong từng mỗi sát na. Thế giới thâm la vạn tượng ở sát na này đã khác với cái thế giới trong một sát na trước đó. Vạn hữu luôn mới tinh khôi, như lần đầu tiên được sáng tạo. Do đó, chỉ có *cái-giờ-đây* mới là cái thực. Theo truyền thống phương Đông, tìm hiểu thế giới mà cứ mãi chạy theo hình tướng bên ngoài, đem tâm đuổi theo vật, đó là nỗi nguy hiểm khôn lường. Trang Tử bảo “*Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi hỷ!*” (Đời ta vốn có hạn, mà cái biết thì vô hạn. Đem cái hữu hạn để theo đuổi cái vô hạn thì nguy vậy! – *Nam Hoa kinh, Dưỡng sinh chủ*).

Các bậc chân nhân phương Đông khi muốn khám phá cái mệnh mông diêu vợi của thế giới ngoại tại thì lại quay vào chỗ tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, để đối diện với cái chân tính của mình. Giữ lòng như tấm gương sáng để nhìn thấy cả thế giới hiển lộ toàn chân, đó chính là tâm pháp mẫu nhiệm của phương Đông. Võ học, đạo học, y học, thư pháp, hội họa, thi ca ... khi hiển thị được tâm pháp đó đều trở thành những phương tiện thiện xảo giúp con người hồn nhiên quay về nẻo đạo. Thấu hiểu Dịch học chính là nâng cao y thuật, tập viết

thư pháp chính là rèn luyện võ công. Tiếng đàn, nét bút đều có thể hàm chứa tinh hoa của võ học.

Tương truyền Bồ Đề Đạt Ma – vị sơ tổ của Thiền tông Đông độ – người dựng lên ngọn Thiền phong cao chót vót giữa lịch sử tư tưởng Trung Quốc cũng chính là người đã khai sáng môn võ Thiếu Lâm được xem như là cái nôi của võ học Trung Quốc. Dẫu Bồ Đề Đạt Ma không phải là nhân vật lịch sử đi nữa thì điều đó cũng cho thấy tinh thần phương Đông vẫn luôn nỗ lực kết hợp võ công và triết giáo. Nói theo thuật ngữ triết học Phật giáo thì tinh thần Thiền tông là “*Thế*”, còn võ học có thể xem như là “*Dụng*”. *Dụng* là phương tiện để biểu hiện *Thế*, còn *Thế* là mạch ngầm hàm dưỡng cho *Dụng*. Chỉ có tác giả thấm nhuần được “*tâm pháp phương Đông*” như Kim Dung mới có thể đưa nó hóa thân vào tiểu thuyết kiếm hiệp một cách nhẹ nhàng “*niêm hoa vi tiếu*”. Nhiều tác giả sách võ hiệp luôn muốn để các nhân vật chính của mình phô trương bản lĩnh và tài hoa một cách cường điệu, với những tình tiết lâm ly. Nhân vật chính luôn phải có cái gì đó thật khác người: đẹp trai, hào hoa phong nhã, võ công trùm đời, và luôn lạnh lùng lập dị, với những lớp sương mù huyền thoại. Chung quanh họ phải là rượu và những giai nhân say mê đắm đuối. Những thứ trang sức rє tiền đó có thể hấp dẫn được một số độc giả nhưng nó sẽ nhanh chóng trở thành phù phiếm, như con rồng đã vẽ xong trên tờ giấy. Trông thật đẹp nhưng lại cứng đờ thiếu sinh khí. Điều quan trọng phải có một ngọn bút thần để điểm mắt nó. Đó gọi là “*Họa long điểm nhĩn*” theo truyền thống phương Đông. Được “*điểm nhĩn*” thì con rồng giấy sẽ biến thành rồng thật, nó sẽ cuộn mình ra khỏi tờ giấy chết để bay vút lên trời cao lồng lộng. Chỉ lúc đó nó mới thực làm mưa làm gió để hỷ lộng giữa sương mù. Ngọn bút điểm nhĩn ấy chính là “*huyền môn tâm pháp phương Đông*”.

Bao thế kỷ qua, trước sự tấn công dữ dội của nền văn minh cơ khí phương Tây, tâm pháp phương Đông đã nhanh chóng bị đánh bại bởi những thế hệ học giả sinh lô gíc học. Và nó lại âm thầm quay về ẩn tàng trong các thiền viện, trong nghệ thuật bắn cung, trong kiếm đạo Nhật Bản ... để tiếp tục hàm dưỡng cho thế giới tâm linh huyền ảo của phương Đông. Và Kim Dung là một trong những tác giả hiếm hoi biết cách nắm bắt được tính thần ấy để đưa tiểu thuyết võ hiệp một cách tài tình. Trong tinh thần ấy, võ học không còn là môi trường phô diễn kỹ thuật, mà phương tiện để biểu hiện tâm pháp. Cái âm ĩ huyền ảo của những anh chàng Sơn Đông mãi võ sẽ không còn nữa, vì võ học khi đến đỉnh cao, tức trên đường quay về tâm pháp, cũng tiến dần đến chỗ tinh nhất. Tự thân võ học sẽ mất đi tất cả những mọi chi tiết rườm rà, để kết tinh thành cái đơn nhất. Rồi chính cái đơn nhất đó tự nó cũng tiêu dung lặng lẽ, hòa nhập với Tâm. Mà tâm lại không có hình tướng, nhưng quán thông khắp mười phương. “*Phóng chi tắc di lục hợp; thoái chi tắc tàng ư mật*” (khi buông ra thì bao trùm khắp sáu cõi, khi thu về thì ẩn nơi sâu kín) (Trung Dung). Cử tùy nghi mà vận dụng. Giữ lòng như gương sáng. *Hư kỳ tâm*. Tĩnh và Định. Cử tùy vật đến mà cảm ứng. Bao nhiêu kỹ thuật về côn, quyền, đao, kiếm, chưởng, chỉ... cứ tự nhiên lưu chuyển và phản chiếu toàn bộ trong tấm gương lòng. Đó mới là cực đỉnh của võ học.

Lâm Tế làm một thiền sư vĩ đại đời Đường. Sư chuyên giáo hóa đồ đệ bằng những tiếng hét và cây gậy thay cho những bài thuyết pháp. Những lúc cần phải thuyết pháp thì những lời thuyết pháp của sư cũng rực cháy như có lửa, để biến thành một tiếng hét vang rền khắp từng lâm.

“Đạo lưu, tâm pháp vô hình, quán thông thập phương. Tại nhân viết kiến. Tại nhĩ viết thính. Tại tỵ khứu hương. Tại khẩu

đàm luận. Tại thủ chấp tróc. Bản thị nhất tinh minh, phân vi lục hòa hợp. Nhất tâm ký vô, tùy xú giải thoát”. 道流, 心法無形, 貫通十方, 在眼曰見, 在耳曰聽, 在鼻臭香, 在口談論, 在手執捉, 本是一精明, 分為六和合. 一心既無, 隨處解脫。

(Ngày các đạo lưu, tâm pháp vô hình, nhưng thông suốt cả mười phương. Tại mắt là thấy. Tại tai là nghe. Tại mũi ngửi mùi. Tại miệng đàm luận. Tại tay nắm bắt. Vốn là một tinh minh, phân ra thành sáu hòa hợp. Một tâm đã không thì cứ tùy chỗ mà giải thoát).

Đó cũng chính là tâm pháp trong võ học đỉnh cao. Khi đã triệt ngộ được diệu lý của võ thì võ công hoàn toàn hợp nhất với thân tâm. Chiêu thức tung ra đều “*đắc tâm ứng thủ*”. Giống như một người đã giác ngộ thì nói năng động tĩnh đều phát huy diệu dụng, đi đứng nằm ngồi đều biểu lộ huyền cơ.

Người đã ngộ được tâm pháp của võ học sẽ tự nhiên quán thông được mọi võ học trên đời. Như Trương Vô Kỵ hiểu được *Càn khôn đại nã di tâm pháp*, như Thạch Phá Thiên phá giải được đồ hình của *Thái Huyền kinh* trên vách đá, như Lệnh Hồ Xung tâm hội được *Độc Cô Cửu Kiếm*. Gặp phái Hoa sơn thì sử dụng Hoa sơn kiếm pháp, gặp phái Kim Ô thì triển khai đao pháp Kim Ô. “*Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ*” (gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ), hồn nhiên du hý thần thông. Khi đã ngộ được lẽ “*tâm như hư không, vô sở chướng ngại*”¹, thì đấy mới chính là trạng thái cực cao trong võ học. Không có gì lại không có thể trở thành võ học. Không có cảnh giới nào mà đi vào đó lại không ung dung tự tại. Lá hoa, cọng cỏ đều có thể trở thành vũ khí. Tâm ứng tại thân thành nội lực, ứng tại lòng tay thành chương pháp,

¹ 心如虛空, 無所障礙。Tâm bao la như hư không, không bị ngăn ngại.

ứng tại chân thành cước pháp, ứng tại tay thành quyền pháp, ứng tại gươm thành kiếm pháp, ứng tại đao thành đao pháp, ứng tại ngón tay thành chỉ pháp, ứng tại miệng thành “Sư tử hống”. Chưởng có thể biến thành quyền, quyền hồn nhiên thành chưởng, chỉ pháp tự nhiên thành kiếm pháp đao pháp, cứ mặc nhiên tùy tâm mà vận dụng. Như cây đàn trong tay người nghệ sĩ kiệt xuất, tâm ứng vào đàn là tự thành giai điệu, như nước chảy mây bay. Tất cả đều viên dung vô ngại. Đó chính là cái mà thiền sư Lâm Tế bảo là “*nhất tâm ký vô, tùy xứ giải thoát*”. Lúc đó mọi chiêu thức đều hiển thị trong cõi tĩnh lặng mênh mông của tâm thức, không còn sự phân biệt giữa võ công và người sử dụng võ công, không còn một chút dấu vết kỹ thuật khổ luyện.

Không phải ngẫu nhiên mà Kim Dung để những người đạt đến cảnh giới “*lô hỏa thuần thanh*” trong võ học lại là những bậc chân tu như các đại sư Không Kiến, Phương Chứng, nhà sư vô danh trong Tàng kinh các, đạo sĩ Trương Tam Phong hoặc những người có tâm hồn nhiên hư tĩnh như Châu Bá Thông. Cái đầu óc thông minh và tài hoa tột đỉnh như Hoàng Dục Sư vẫn còn mang nhiều dấu vết của lý tính nên võ công không thể nào đi vào “*hóa cảnh*”. Đến chỗ rốt ráo của “*bách xích can đầu*”¹, thì cái diệu lý của võ học không còn liên quan đến kỹ thuật rèn luyện, cũng như Thiền tông chối bỏ mọi văn tự, ngữ ngôn.

Đọc Kim Dung hay Ngọa Long Sinh, điều hấp dẫn người đọc một cách sâu xa chính là điểm ấy. Nói như thi sĩ Bùi Giáng thì:

¹ Thơ thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm: *Bách xích can đầu tu tiến bộ, Thập phương thế giới thị toàn chân* 百尺千頭須進步, 十方世界是全真。(tại chỗ chót vót của đầu trượng dài trăm xích vẫn cần bước thêm nữa, lúc đó chân tướng mười phương thế giới sẽ toàn nhiên hiển lộ)

“Đọc truyện vũ hiệp là một trong những phép tu dưỡng kí ức và khơi dẫn nguồn vui ẩn mật trong mình. Đọc theo lối hồn nhiên, hoặc vừa đọc vừa suy gẫm. Chương lục, kiếm thế, nội kinh phát ra có thể là tinh thể của tinh thần phát hiện.

Riêng đối với bạn thi sĩ, sách vũ hiệp có thể giúp bạn làm thơ lai láng một cách không ngờ. Điều đó không có chi lạ: ban sơ vũ học, văn học, thi nhạc cùng phát khởi tại một cội nguồn: uyên nguyên của tinh thần xuất phóng”¹

Và “*tinh thần xuất phóng*” ấy chính là đường quay về của võ học, trong phương trời lồng lộng của huyền môn tâm pháp phương Đông.

¹ Kim Kiếm điều linh, (Bùi Giáng dịch), NXBVõ Tánh, 1967, (Lời cuối sách)

SUY NGÃM VỀ “DẠY VÀ HỌC” TRONG TÁC PHẨM KIM DUNG

“Con người ta học tập, ấy có nghĩa rằng nó đưa dẫn cái làm và cái không làm của mình vào trong cõi tương ứng với cái gì hằng hằng mỗi mỗi là hiển lộ cái cốt yếu tinh hoa”

Martin Heidegger – Sao gọi là suy tư (Bùi Giáng dịch, Mùa hè sa mạc, NXB Văn Tấn, 1967, tr.145)

Từ ngàn xưa, nghiên cứu minh tìm tòi và tích lũy kinh nghiệm để rồi truyền đạt lại cho đời sau vẫn luôn là một quá trình góp phần thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại. Thế hệ sau kế thừa thế hệ trước, dùng kiến thức và kinh nghiệm được truyền lại để làm nền tảng cho những kiến thức cao hơn và kinh nghiệm sâu hơn. Như một dòng sông trôi về ra biển cả, kiến thức và kinh nghiệm của nhân loại, trên dòng chảy của mình, có thể mang thêm phù sa, được mở rộng thêm nhờ các phụ lưu để trở nên mênh mông hơn, nhưng cũng có thể teo dần rồi chấm dứt dòng chảy trong những mảnh đất khô cằn. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào quan niệm của con người về hai chữ “dạy” và “học”.

“Dạy” và “học” thường chỉ được xem là quá trình “trao” và “nhận”. Thông thường, người ta vẫn luôn luôn quan niệm

rằng học tập chỉ đơn thuần là quá trình tích lũy kiến thức và học tập kinh nghiệm từ người truyền thụ. Cách quan niệm thụ động như vậy dễ biến kiến thức thành một vật thể chết khô, được truyền từ tay người này sang người khác. Kiến thức, được truyền thụ theo cách đó, sẽ giống như luồng nước nóng mà nhiệt lượng sẽ cứ giảm dần trong quá trình trao đổi, để cuối cùng người sau chỉ biết ôm khư khư lấy một khối băng lạnh giá. Phật giáo Ấn Độ làm sao có thể phát triển mạnh mẽ một cách kỳ diệu ở Trung Quốc, nếu như nó không biến thành Thiên tông? Đó là nhờ các bậc chân sư Trung Quốc đã thấu triệt được lẽ “*thông biến*” trong việc hoằng pháp. Nếu các đại sư Trung Quốc chỉ biết bo bo ôm lấy mớ giáo điều được truyền từ Thiên Trúc thì chắc chắn Phật giáo ở Trung Quốc chỉ còn là cái xác chết khô. Mà găm ra thì việc hoằng pháp tự bản chất cũng chỉ là quá trình dạy và học.

Tác phẩm Kim Dung cũng cho ta những bài học lý thú về cách dạy và học. Về võ công, dĩ nhiên. Nhưng phần cốt tủy của nó vẫn là nét chung cho mọi quá trình truyền thụ và học tập. Quá trình học tập võ công của Quách Tĩnh có lẽ là điển hình cho chúng ta thấy quá trình đào tạo của các ông thầy, vì không có nhân vật nào lại có nhiều sư phụ như Quách Tĩnh. Sau trận đánh bất phân thắng bại giữa nhóm Giang Nam thất quái và Khưu Xứ Cơ, cả hai bên lại thách đấu bằng cách hẹn mười năm sau sẽ đưa học trò ra đại diện để thi thố tài năng. Khưu Xứ Cơ lo dạy Dương Khang. Và nhóm Giang Nam thất quái phải lặn lội đến tận vùng Mông Cổ tìm Quách Tĩnh để truyền thụ võ công. Lòng hiếu thắng của nhóm cao thủ ... hạng ba này đã biến Quách Tĩnh thành đối tượng để họ nhồi nhét đủ loại võ công “*xà bần*”, theo cách “*luyện gà nòi để đi thi*”. Nào Việt Nữ Kiếm, nào Khai sơn chương pháp cứ được họ thay nhau truyền thụ một cách cưỡng bức mà không

chịu xem lại “*chương trình đào tạo*” mang tính áp đặt vô lý của mình có phù hợp hay không, và cũng không chịu tìm hiểu thử căn cơ của gã đồ đệ chậm lụt của mình có khả năng tiếp thu đến mức độ nào. Họ chỉ chăm chăm lo cho ngày so tài sắp tới giữa Quách Tĩnh với Dương Khang. Nếu Quách Tĩnh thua có nghĩa là họ thua và mất chỗ đứng trên chốn giang hồ. Đó chính là điển hình của cách dạy nhồi nhét kiểu khoa cử để chạy theo thành tích. Chỉ lo cho cái ngày thi sắp tới, hễ qua được thì xem như “*nhiệm vụ đào tạo*” đã xong. Dưới áp lực của cách đào tạo ngu xuẩn thiếu tính sư phạm như thế thì ngay cả một môn đồ thông minh cũng dễ trở thành kẻ đần độn, chứ chưa nói chi đến người chậm lụt như Quách Tĩnh. Tất nhiên “*gã trâu nước*” kia chỉ tiếp thu vô công ở mức độ vô cùng hạn chế. Điều đó khiến đám Giang Nam thất quái nẫu cả ruột gan, nhưng không thể làm gì khác hơn được. Thầy thì không giỏi, nội dung truyền thụ thì tạp nhạp hồ lộn, phương pháp thì mang tính áp đặt, trách sao không tạo ra học trò tối.

Quách Tĩnh sẽ mãi mãi giữ mức vô công hạng bét nếu như không có Đơn dương tử Mã Ngọc âm thầm truyền thụ nội công tâm pháp cho Quách Tĩnh theo kiểu trò chơi tập hít thở. Chính cái kiểu giáo dục “*học mà chơi, chơi mà học*” này đã giúp Quách Tĩnh có được căn cơ nội công vững chắc để làm nền tảng cho những thành tựu mai sau. Truyền thụ nội công tâm pháp thượng thừa mà người được truyền thụ vẫn hồn nhiên không hay biết, vị đạo sĩ Toàn chân kia quả là nhà sư phạm lỗi lạc. Đó cũng là cách Heidegger bảo là khiến cho người học “*đưa dẫn cái làm và cái không làm của mình vào trong cõi tương ứng với cái gì hằng hằng mỗi mỗi là hiển lộ cái cốt yếu tinh hoa*”. Rồi đến Hồng Thất Công còn có con mắt sư phạm cao hơn một bậc nữa. Ông truyền thụ cho Quách Tĩnh “*Hàng Long Thập Bát Chương*” – loại chương pháp chân chất

và cương mãnh tuyệt luân – là điểm đúng căn cơ của môn đồ.

Nhạc Bất Quần lại là một điển hình khác. Ông là một đại tôn sư võ học nhưng cách đào tạo môn đồ của ông cũng như bao bậc tôn sư võ học khác: *đó là buộc môn đồ phải rập khuôn theo công thức bằng cách học thuộc lòng*. Môn đồ khi tập từng chiêu thức, hễ trật một chút là bị quở trách phải tập đi tập lại cho đúng y chang khuôn khổ. Cách dạy như thế dĩ nhiên sẽ có ích khi đạo tạo ở mức sơ học, giống như ta dạy trẻ em tập viết ở cấp mẫu giáo. Nhưng khi ngọn bút đã cứng cáp mà vẫn không thay đổi cách thức đào tạo đó thì chỉ làm thui chột học trò. Về cách học rập khuôn máy móc, người ta có một giai thoại rất buồn cười. Ngày xưa có người học được cách dùng tay không đoạt kiếm rất thành thạo. Bất cứ đối thủ nào tấn công bằng kiếm đều bị anh ta đoạt lấy và khống chế một cách dễ dàng. Đến khi anh ta gặp phải đối thủ tấn công bằng tay không thì đâm ra lúng túng, phải bó tay. Cuối cùng anh ta phải đưa cho đối thủ một thanh kiếm, rồi mới có thể khống chế được đối thủ! Phải làm vậy mới đúng bài bản, đúng qui trình được đào tạo. Những người được đào luyện theo cách ấy thì dù có giỏi giang đi nữa cũng chỉ là cái máy vô hồn, giống như những con *robot* đã được lập trình.

Cách học cứng nhắc như vậy, cách học chỉ đòi hỏi trí nhớ để rập khuôn một cách máy móc cho thuần thục mà không đòi hỏi đến tính phát huy sáng tạo, đã làm một người thông minh khoáng đạt như Lệnh Hồ Xung cũng không thể phát huy được hết tài năng. Đến khi gặp được Phong Thanh Dương chỉ điểm chỗ tinh yếu thì anh chàng lãng tử này như rồng gặp mây, và phát huy kiếm thuật đến mức thông thần. Cùng một người nhưng được chỉ điểm theo hai phương pháp khác nhau nên đã có được hai mức độ thành tựu khác hẳn nhau. Đây cũng là điểm để ta suy gẫm về cách thức và quan điểm về truyền

thụ. Điểm khác biệt cơ bản trong cách chỉ giáo giữa Nhạc Bất Quần và Phong Thanh Dương nằm trong chữ “*biến*”. Phong Thanh Dương là nhà sư phạm xuất sắc khi mạnh dạn xóa bỏ cả “*chương trình đào tạo*” của Nhạc Bất Quần để giải thoát Lệnh Hồ Xung ra khỏi những gông cùm vô lý của khuôn khổ, mà dưới mắt ông chỉ là hình thức ngu xuẩn làm hạn chế sự phát triển của môn đồ. Mà chỉ có như thế thì môn đồ mới có thể biến các chiêu thức chết thành đường kiếm đầy diệu dụng. Tâm không biết ứng biến sẽ không thông. Vật không ứng biến sẽ ứ trệ và trở thành vật chết. Dạy múa kiếm và học múa kiếm mà không biết ứng biến thì kiếm chỉ là kiếm, biết ứng biến thì kiếm thành con thần long. Thanh kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung từ một thanh kiếm của một cao đồ phái Hoa Sơn đã thật sự biến thành con thần long vẫy vùng khắp thiên hạ, vì người sử dụng đã ngộ ra diệu lý của chữ “*biến*” trong kiếm thuật. Con sông chảy qua mỗi vùng sẽ chảy theo từng thể điệu khác nhau. Qua bình nguyên thì êm đềm, qua thác ghềnh thì ào ạt. Vị sư phụ phải hiểu được điều đó để thích ứng với chữ “*biến*” khi dạy cho môn đệ.

Trong mối tương quan chân chính giữa người dạy và người học không thể có áp lực của quyền uy và kiến thức của người thầy, vì suy cho cùng thì *dạy, đúng theo tinh nghĩa của nó, chỉ là quá trình đánh thức năng lực tiềm ẩn của người học*. Phương pháp đánh thức người học cũng đã được Khổng Tử đề xướng từ rất lâu theo nguyên lý “*Cử nhất phân tam*”. Vật có bốn góc thì vị thầy chỉ gợi ý cho biết một góc, để học trò phải suy ra được ba góc kia. Nếu truyền đạt kiến thức mà cứ theo cách phải lôi đủ bốn góc lù lù ra để học trò trông thấy và học thuộc lòng theo kiểu “*cầm tay chỉ việc*” thì sớm muộn gì những học trò đó cũng trở thành những kẻ què quặt trong kiến thức và thui chột trong tư duy.

Khi Lệnh Hồ Xung ngộ ra diệu lý của chữ “*biến*” trong kiếm thuật, thì cái khả năng đó nào phải là cái gì ở bên ngoài do Phong Thanh Dương đem lại cho Lệnh Hồ Xung, mà nó đã thực sự ẩn tàng trong chính anh ta. Năng lực đó, như hạt giống bị phủ lấp quá sâu dưới lớp vỏ xơ cứng bởi cách rèn luyện của Nhạc Bất Quần, chỉ nảy mầm khi gặp thời tiết thuận hòa và thời cơ khế hợp. Chỉ khi nào năng lực đó thực sự được đánh thức thì con người mới có khả năng tiếp thu kiến thức một cách sáng tạo, và biết vận dụng cái sở học thành sở đắc. Nếu không, họ sẽ phải mang cái kiến thức không được tiêu hóa đó như một gánh nặng suốt đời. Phong Thanh Dương đã tháo bỏ cho Lệnh Hồ Xung thoát khỏi gông cùm của công thức máy móc và nhờ đó, đã biến Lệnh Hồ Xung thành một kiếm thủ đệ nhất đương thời.

Chỉ khi nào người học trò được “đánh thức” thực sự, nghĩa là khi “*nó đưa dẫn cái làm và cái không làm của mình vào trong cõi tương ứng với cái gì hằng hằng mỗi mỗi là hiển lộ cái cốt yếu tinh hoa.*” thì ta mới hy vọng họ sẽ có thành tựu cao hơn cả thầy, như Độc Cô Cửu Kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung đã được phát huy đến chỗ tận diệu, hơn cả Phong Thanh Dương. Mà mục tiêu cao nhất của giáo dục chẳng phải là đào tạo những môn đồ giỏi cả sư phụ hay sao? Đó cũng là câu nói của một thiền sư Trung Quốc: “*Học trò bằng thầy là kém thầy nửa đũa, học trò giỏi hơn thầy mới thực sự báo ơn thầy.*” Hiện nay, con đường dẫn đến điều đó là niềm mơ ước của chúng ta. Nhưng có lẽ nó còn rất dài. Và rất xa.

CHIÊU “BÀNG XAO TRẮC KÍCH” VÀ VĂN HÓA TRONG TRANH LUẬN

Trải qua mấy ngàn năm, lịch sử nhân loại luôn đầy dẫy những cuộc chiến tranh. Người ta đánh nhau bằng gươm đao, “*văn minh*” hơn thì đánh nhau bằng súng đạn. Điều đó đã đành. Nhưng dường như súng đạn, gươm đao chưa làm thỏa mãn được thói ưa tranh đấu của con người, những kẻ trí thức còn luôn tìm mọi cách để đánh nhau bằng ... ngòi bút! Mấy ngàn năm trôi qua, kể từ khi văn tự được phát minh trên cõi đời này, thì cũng ngần ấy năm con người đem bao tâm huyết và bút mực để tranh luận nhau về mọi thứ trên trời dưới đất. Cái thói háo danh của người trí thức dẫu sao cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, ít ra là về lĩnh vực sản xuất bút mực để phục vụ cho các cuộc bút chiến!

Kể ra thì bút chiến cũng là một loại hình sinh hoạt văn hóa đáng để tôn trọng và học hỏi, nếu như không có những người luôn giữ thái độ hùng hục lao vào đó như một dũng sĩ giắc đấu để “*hạ bệ*” cho được đối phương, nhằm vào mục đích học thuật thì ít mà nhằm để khuyếch trương bản ngã cho cái thói háo danh thì nhiều. Ai cũng muốn tranh hơn. Đã có mấy ai cố tính tâm hiếu rằng trong những cuộc bút chiến đao to búa lớn đó, nào có ai là kẻ chiến thắng và ai là người chịu thất bại? Mà gẫm ra cho “*cùng kỳ lý*” thì những

cuộc tranh luận đại loại như thế cũng chẳng đi đến đâu. Và những người trong cuộc tranh luận dường như không bao giờ bừng tỉnh để hiểu rằng kiến thức mà họ dùng để tham gia cuộc “*bút chiến*” có gì là thực sự của họ hay không, hay chỉ toàn là những kiến thức cóp nhặt, vay mượn từ mọi nguồn tri thức, mà bất cứ người nào có chút thông minh và chịu khó đọc sách đều có thể thủ đắc một cách dễ dàng? Điều đó tố cáo sự tầm thường về mọi mặt, như hai anh nghèo kiết xác chuyên đi vay mượn tiền để rồi khoe mẽ lẫn nhau!

Người xưa chia ra làm ba loại hiểu biết: *Sinh nhi tri*, *khốn nhi tri*, *học nhi tri*. Có người sinh ra là đã biết, *sinh nhi tri*. Cái biết ấy chỉ dùng cho các bậc thánh nhân “*vô sư tự ngộ*” (không cần đến thầy mà vẫn hiểu biết), như Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca... Có người do lâm vào cảnh khốn cùng mà biết, *khốn nhi tri*. Như Văn Vương, khi bị vua Trụ giam ở ngục Dũ Lý, đã nghiền ngẫm kinh Dịch mà diễn lại các quẻ, để làm ra Hậu thiên bát quái, chuyển đổi Tiên thiên bát quái của Phục Hy. Còn hầu hết chúng ta có lẽ đều do học mà biết, “*học nhi tri*”. Từ đó mà nhìn thì “*học nhi tri*” là cái “*tri*” thấp nhất trong những cái “*tri*” của con người, những điều quái gở và đáng buồn cười nhất con người lại luôn luôn dùng những kiến thức vay mượn đó, những kiến thức tích lũy nhờ sách vở từ chương, để huyền hoang vênh váo với nhau.

Tất cả những cuộc tranh luận đó, dù nấp dưới những lớp vỏ nghe ra rất văn hóa, nhưng thực chất cũng chỉ vì chữ “*danh*”. Bên này lợi dụng sơ hở của bên kia để công kích để tăng thêm giá trị (?) của mình, còn bên bị công kích cũng hiểm khi chịu nhận đó là sai sót, mà luôn tìm mọi cách để chống chế để phản đòn. Càng nguy hiểm và ngu xuẩn hơn nữa khi không thiếu những người có được một chút tài năng lại lăm le muốn làm “*ngự sử*” trên văn đàn, toan tính dùng

ngòi bút để trấn áp thiên hạ, giống như Vương Trùng Dương dùng “*Nhất dương chi*” để áp đảo mọi cao thủ ở khắp bốn phương đông tây nam bắc. “*Thiên hạ đệ nhất nhân*” đâu phải chỉ là cái danh hiệu mà các cao thủ võ lâm tuyệt đỉnh muốn tranh đoạt trong những cuộc Hoa sơn luận kiếm, mà nó cũng là cái đích nhắm tới của không ít những học giả, thông qua những trò ... *luận bút*. Chỉ khác là một bên dùng võ công và có thể đổ máu trong cuộc đấu tử sinh, còn một bên thì dùng bút và đổ mực, trong những trận võ mồm!

Đức Khổng Tử nói: “Người quân tử có ba điều răn: khi có nhỏ, huyết khí chưa ổn định, cần răn ngừa về chuyện nữ sắc; đến khi tráng niên, huyết khí đang mạnh, cần răn ngừa về chuyện ham tranh đấu; đến khi về già, huyết khí đã suy, cần răn ngừa về việc muốn hơn người”. (*Khổng Tử viết: “Quân tử hữu tam giới: thiếu chi thời, huyết khí vị định, giới chi tại sắc; cập kỳ tráng dã, huyết khí phương cương, giới chi tại đấu; cập kỳ lão dã, huyết khí ký suy, giới chi tại đắc”* – *Luận Ngữ*, Quý thị, 7). Các học giả cũng như các cao thủ võ lâm thường ham chiến đấu và thích được hơn người ở mọi lứa tuổi, tráng niên trung niên lẫn lão niên, mà không có cách gì răn ngừa được.

Tranh luận bằng ngòi bút đạt chỉ đạt đến đỉnh cao là khi nào nó âm thầm dẫn dụ để đối phương cảm nhận được sự thực, mà không cần dùng đến những kiến thức vay mượn được diễn đạt qua những lời lẽ khoa trương. Điều quan trọng là người ngoài cuộc không hề hay biết, giống như Trương Vô Kỵ dùng *Càn khôn đại na di* để âm thầm hóa giải dư độc cho đối phương trên Quang Minh đỉnh. Nhưng về điểm này, có lẽ không có ai sâu sắc và nhân bản hơn cô bé A Tú trong Hiệp khách hành.

Sử Tiểu Thúy chỉ vì tranh hơi tức khí với chồng là Bạch Tự Tại – chưởng môn phái Tuyết sơn – mà bỏ núi ra đi, mang

theo cháu nội là cô bé A Tú. Bà sáng tạo ra môn “*Kim Ô đao pháp*” nhằm khắc chế “*Tuyết Sơn kiếm pháp*” của chồng. Tuyết mà gặp mặt trời (*kim ô*) thì kết quả không nói cũng đủ rõ. Muốn đánh bại đối phương chưa hẳn vì hận thù mà chỉ cốt để hả hê và dương danh với đời; tâm sự đó của Sử Tiểu Thúy cũng chính tâm bệnh của những học giả sinh tranh luận và bút chiến. Để thực hiện điều này, hai bà cháu phải gấp rút tập luyện nội công và kết quả là bị tẩu hỏa nhập ma. Chi tiết nhỏ nhỏ nhưng sâu sắc này sao lại giống với cảnh các học giả luôn tìm cách tra cứu những “*tư liệu giá trị nhất*” để kịp thời tham gia bút chiến đến thế! Và không hiểu suốt cổ kim đã có bao nhiêu học giả bị “*tẩu hỏa nhập ma*” tinh thần? Hai bà cháu phái Tuyết sơn may mắn nhờ thần công của Thạch Phá Thiên cứu mạng, còn các học giả có lẽ chỉ còn cách chờ đến ... cơ duyên. Mà si tâm càng nặng thì cơ duyên lại càng khó gặp.

Thạch Phá Thiên được Sử Tiểu Thúy nhận lại “*khai sơn đồ đệ*” để chuẩn bị cho cuộc đấu với Bạch Vạn Kiếm, vừa là con trai bà vừa là nhạc phụ tương lai của Thạch Phá Thiên. Đó là một cuộc “*tranh luận*” không khoan nhượng về võ công để bảo vệ cái danh. Thua thì thanh danh tàn tạ, còn thắng thì được huyền hoang với đời. A Tú đã khéo léo dạy cho Thạch Phá Thiên chiêu “*Bàng xao trắc kích*” để vừa bảo vệ được mình lại vừa cứu vãn được danh dự cho đối phương. “*Bàng xao trắc kích*” có nghĩa là “*đẩy bên cạnh, đánh bên hông*”. Đặc điểm của chiêu này là khi đánh cho đối phương sắp rơi kiếm, thì người sử dụng bèn vờ chém một vài đao để đánh lừa người xem rồi thu đao lại, vòng tay cung kính nói “*Võ công các hạ quá cao, chúng ta bất phân thắng bại, tại hạ xin hòa!*”. Người ngoài không một ai hay biết, ngỡ rằng cả hai xứng đáng là “*kỳ phùng địch thủ*” (!), còn người trong cuộc thì nhận ra được

vấn đề mà không bị tổn thương danh dự. Chỉ những học giả nào sử dụng được chiêu thức đó mới đạt đến đỉnh cao thực sự của trình độ và nhân cách trong tranh luận (ví dụ như Trần Trọng Kim khi tranh luận với Phan Khôi về Nho giáo).

Khổng Tử, một trong những nhà giáo dục vĩ đại nhất của mọi thời đại, đã cho hậu thế nhiều bài học cực kỳ sâu sắc. Ông là người tập đại thành các định chế về lễ nghi pháp độ, đặt nền tảng cho một xã hội lễ trị hơn mấy ngàn năm tại những quốc gia đông Á, vậy mà khi vào thái miếu¹, ông thấy việc gì cũng hỏi về lễ nghi. Có người thấy vậy liền nói: “Ai bảo rằng con trai người ấp Trâu² kia biết lễ? Vào nhà thái miếu mà thấy việc gì cũng hỏi”. Khổng Tử nghe vậy, bèn nói “Ấy là lễ vậy!” (*Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết: “Thục vị Trâu nhân chi tử tri lễ hử? Nhập thái miếu, mỗi sự vấn”. Tử vấn chi, viết “Thị lễ dã!” – Luận Ngữ, Bát Dật, 15*).

Ông tổ của lễ nghi pháp độ lại khiêm tốn đi học hỏi chữ lễ, giống như cha đẻ của Microsoft là Bill Gate xin được chỉ bảo về cách sử dụng hệ điều hành Windows! Điều đó khiến hậu thế chúng ta có thêm một phen để hiểu về chiêu “*bàng xao trặc kích*”. Và chắc chắn cái chiêu thức đơn giản đó của cô bé phái Tuyết sơn vẫn luôn còn giá trị nhân bản, khi nào những học giả khắp đông tây vẫn còn sinh hơn thua trong bút chiến.

¹ Miếu thờ ông Chu Công Đán, em trai vua Vũ vương nhà Chu, được phong ở nước Lỗ.

² Chi ông Thúc Lương Ngột là phụ thân của đức Khổng Tử. Ông từng làm quan đại phu cai trị ở ấp Trâu, thuộc nước Lỗ.

HÀNG LONG THẬP BÁT CHUỖNG

Ít có tác giả tiểu thuyết võ hiệp nào lại sáng tạo ra được những môn võ công đa dạng kỳ lạ và hấp dẫn người đọc như Kim Dung. Nào *Nhất Dương Chỉ*, nào *Cà Sa Phục Ma Công*, nào *Vô Tướng Chi Kiếp*, nào *Độc Cô Cửu Kiếm*, nào *Hạc Lẻ Cửu Tiêu Thần Công*, nào *Thiên Thủ Như Lai ChuỖng* v.v... đã in sâu vào tâm trí của người đọc. Nếu với các tác giả võ hiệp cổ điển, võ học thường chỉ là một phương tiện vô danh thuộc về tất cả mọi người, ai cũng có thể học và sử dụng được, chính lẫn tà, thì với Kim Dung, võ học đã được gán cho một linh hồn, một nét đặc trưng riêng và do đó, có một địa chỉ, một “lý lịch” riêng. Thông qua tên gọi, nó là tấm “*chứng minh thư*” xác định xuất xứ của người sử dụng. Ai cũng biết võ công trong tác phẩm Kim Dung hầu hết đều là võ bịa nhưng chúng hấp dẫn người đọc ở chỗ Kim Dung đã, bằng kiến thức uyên bác và bút lực thâm hậu, lồng vào trong đó những ý nghĩa hàm súc được rút ra từ kho tàng văn học và triết học phong phú của Trung Hoa. Rồi đến phiên nó, bản thân võ học phản ánh đúng nội dung của cái tên mà nó đã mang.

Có lẽ hai môn võ công mang tên tương phản nhau nhưng gây nhiều ấn tượng cho người đọc, đó là *Đả Cẩu Bổng Pháp* và *Hàng Long Thập Bát ChuỖng*, hai tuyệt kỹ trấn bang của Cái bang. Gậy thì dùng để đánh chó, còn đôi tay thì lại dùng

để hàng phục rồng! Dem rồng là con vật linh thiêng ở trên trời để tương phối với chó là con vật hèn mọn ở dưới đất, đây quả là chỗ thể hiện sự thông minh lẫn hài hước của Kim Dung. Đi ăn xin ắt sẽ bị cho cắn, cho nên phải cầm gậy theo để đánh chó. Lâu ngày môn “*gậy đánh chó*” để tự vệ đó lại biến thành một tuyệt kỹ mà đến cả một đại ma đầu như Tây độc Âu Dương Phong cũng phải kiêng dè! Nhưng còn rồng ở đâu ra để mà hàng phục, với thân phận của kẻ ăn mày? Cái bang là thế lực mạnh nhất vô lâm với tai mắt khắp mọi nơi, lại thường hành hiệp trượng nghĩa khiến khách giang hồ đều ngưỡng mộ. Cái thế lực vô cùng mạnh mẽ đó chỉ có thể ví được với con rồng là linh vật ở phương Đông.

Môn *Hàng Long Thập Bát Chương* có sách phiên âm là *Giáng long Thập bát chương*. Chữ này có hai cách đọc là “*Hàng*” (hàng phục; bắt khuất phục) hoặc “*Giáng*” (rơi xuống; từ trên cao xuống) theo âm Hán Việt, tức “*xiáng*” hoặc “*jiàng*” theo âm Bắc Kinh. Môn võ công này là môn chí dương, và cương mãnh tuyệt luân, có khả năng hàng long phục hổ, do đó chỉ phù hợp với nam giới, mà phải là người chính trực và kiêu dũng, như chính bản thân của môn võ đó. Trong tác phẩm Kim Dung, chỉ có ba người sử dụng được môn võ này là Hồng Thất Công, Quách Tĩnh và Tiêu Phong.

Hồng Thất Công nhờ vào *Đả Cẩu Bổng Pháp* và *Hàng Long Thập Bát Chương* mà tung hoành thiên hạ. Trong hai lần luận kiếm ở Hoa sơn, hai môn tuyệt kỹ trấn bang này đã đưa *Cửu chỉ thần cái* vào ngôi vị của một trong Vô lâm ngũ bá, trấn giữ phương bắc: *Bắc cái Hồng Thất Công*. Được hưởng chân truyền từ Hồng Thất Công, môn *Hàng Long Thập Bát Chương* trong tay Quách Tĩnh lại tiếp tục phát huy ưu điểm của môn võ công hùng hậu thuần dương để trấn áp quần hùng.

Nhưng phải đến tay Tiêu Phong thì môn tuyệt học đó mới khiến người đọc thực sự sảng khoái. Nhân vật kiêu dũng Tiêu Phong đã phát huy được môn *Hàng Long Thập Bát Chương* đến chỗ “bách xích can đầu”, như môn *Độc Cô Cửu Kiếm* trong tay Lệnh Hồ Xung. Tư chất người sử dụng phải phù hợp với môn võ thì mới phát huy được diệu dụng. Thế lực bài sơn đảo hải của tuyệt kỹ trấn bang đó đã quét sạch mọi chướng ngại trên đường đi của nó, chỉ trừ một lần bị khuất phục bởi một nhục thân Bồ Tát: vị Vô danh tăng trong Tàng kinh các! Tại Tụ hiền trang, Tiêu Phong dùng *Hàng Long Thập Bát Chương* để trấn áp toàn bộ cao thủ hai phe chính tà, khiến người đọc thêm một phen thống khoái. Nhưng chính tại chùa Thiếu Lâm thì môn chương pháp đó mới thực sự “*Phi long tại thiên*” trong lòng người đọc. Khi Du Thản Chi, dưới lốt bang chủ Cái bang Trang Tụ Hiền, bị đánh bại dưới tay của Đinh Xuân Thu, và bọn môn đệ Tinh tú tranh nhau tung hô võ công Tinh tú lão quái, thì cảnh tượng Cái bang thiếu *Hàng Long Thập Bát Chương* trông thật thiếu não và cay đắng làm sao. Tiếng quát bất ngờ “*Ai bảo võ công phái Tinh Tú thắng được Hàng Long Thập Bát Chương?*” (*Thuyết Tinh Tú phái võ công thắng quá liễu Hàng Long Thập Bát Chương?*) của Tiêu Phong từ chân núi vọng lên, rồi cảnh Tiêu Phong bất ngờ dẫn bọn *Yên vân thập bát kỵ* phi tuần mã rầm rập lên chùa Thiếu Lâm đúng vào lúc đó, với khí thế như thiên binh vạn mã, quả như tiếng sấm giữa trời quang. Vừa đặt chân đến nơi, Tiêu Phong đã dùng ngay tuyệt kỹ *Hàng Long Thập Bát Chương* đánh lui hai đại cao thủ Đinh Xuân Thu, Du Thản Chi và cướp lại A Tử khiến người đọc thấy hùng tâm bỗng bật.

Người xưa cho rằng giữa mùa hè oi bức đã uống rượu say, không thể nào uống thêm được nữa, bỗng nghe một tiếng

sấm nổ, trời đổ một trận mưa giông xối xả, khí hậu êm dịu trở lại, khắp người thấy lâng lâng dễ chịu, bèn nâng chén uống tiếp; đó là một trong những điều thống khoái trong đời. Tiếng quát hùng hồn của Tiêu Phong vào thời điểm đó, dù chỉ trên trang giấy, nghe còn vang rền hơn cả tiếng sấm kia, và người đọc cũng thấy thống khoái, chỉ muốn nâng chén lên mà uống với người xưa!

Học được *Hàng Long Thập Bát Chương* đều là những người có thiên bẩm về võ học, rồi tự mình khổ luyện chứ không hề có cơ duyên ăn dị vật hay kỳ hoa, dị thảo ... Người luyện *Hàng Long Thập Bát Chương* cũng hào sảng như bản thân môn võ đó, chỉ dựa vào chính nỗ lực của bản thân mình, đúng như tinh thần “*quân tử tự cường bất tức*” của quẻ Kiền.

Thế nhưng trong toàn bộ tác phẩm của Kim Dung, chưa bao giờ ông liệt ra đầy đủ 18 chiêu võ cương mãnh kinh người đó, và người đọc chỉ biết được một vài chiêu quen thuộc thường được các nhân vật sử dụng như “*Kháng long hữu hồi*”, “*Thần long bãi vĩ*” Vậy 18 chiêu võ đầy đủ trong *Hàng Long Thập Bát Chương* gồm những gì? Chúng tôi đã thử tra cứu và cũng chỉ liệt kê ra được tên của 13 chiêu. Hầu hết tên các chiêu đều lấy ý từ một quẻ (chủ yếu là quẻ Kiền) trong kinh Dịch. Quẻ Kiền là quẻ mở đầu kinh Dịch, được tượng trưng bằng con rồng. Con rồng có thể hiểu như là linh lực của trời đất hoặc như bản tâm của con người. Ý nghĩa của các quẻ đều rất uyên áo nên không thể trình bày được ở đây, nên chúng tôi chỉ xin được giải nghĩa sơ lược, và do đó sẽ rất thiếu sót, chỉ để người đọc hiểu thêm về tên gọi các chiêu trong môn chương pháp lý thú đó.

Tiềm long vật dụng 潛龍勿用: lời hào Sơ cửu của quẻ Kiền, có nghĩa: “như con rồng còn đang ẩn náu; không nên dùng”. Khi khí dương còn đang tiềm tàng, hoặc bản thể

của tâm chưa được phát lộ thì không nên hành động.

Hiện long tại điền 見龍在田: lời hào Cửu nhị của quẻ Kiền, có nghĩa: “con rồng đã hiện ra trên mặt ruộng”. Lúc này khí dương bắt đầu xuất hiện, hoặc bản tâm đã bắt đầu được khai mở.

Hoặc được tại nguyên 或躍在淵: hào Cửu tứ của quẻ Kiền, có nghĩa: “hoặc nhảy vào vực thẳm”. Đây là bước rẽ quyết định, con người từ bỏ thế giới rạch ròi của lý trí để đi vào thế giới huyền vi của tâm thức.

Phi long tại thiên 飛龍在天: hào Cửu ngũ của quẻ Kiền, có nghĩa: “rồng bay lên trời”. Khí dương đã phát huy rực rỡ, hoặc con người đã khai mở được bản tâm để phát huy diệu dụng.

Kháng long hữu hối 亢龍有悔: lời hào Thượng cửu của quẻ Kiền, có nghĩa: “con rồng lên cao quá sẽ có sự hối hận”. Hào dương ở ngôi cao nhất của quẻ thuần dương, như để tâm chìm đắm vào chỗ lưu đãng, hư huyền xa rời mất cội nhân sinh, ắt sẽ hối hận.

Long chiến vu dã 龍戰于野: lời hào Thượng lục của quẻ Khôn có nghĩa: “rồng đánh nhau nơi đồng nội”. Âm đã đến lúc cực thịnh nên tranh nhau với Dương.

Lợi thiệp đại xuyên 利涉大川: có nghĩa: “có lợi trong việc lợi qua sông lớn”, đây là lời thường dùng trong các quái từ, hào từ của kinh Dịch. “Đại xuyên” là sông lớn, thường được dùng để ví với sự gian nan hiểm trở.

Hồng tiệm vu lục 鴻漸于陸: lời hào Cửu tam quẻ Tiệm, có nghĩa “con chim hồng dần bay đến đậu trên gò đất”. Quẻ Tiệm còn có tên là Phong sơn tiệm, do được tạo thành bởi quẻ Cấn (là núi) ở dưới và quẻ Tốn (là gió) ở trên. Ý

nghĩa tượng trưng của *Hồng tiệm vu lục* là hào Cửu tam có vị trí trên cùng của quẻ Cấn, là hào dương xử ở ngôi dương, cương kiện năng tiến, do đó mới có tượng “*con chim hồng dần bay lên đậu trên gò đất*”.

Đột như kỳ lai 突如其來: tên đầy đủ là “*đột như kỳ lai như*”, lời hào Cửu tứ quẻ Ly, có nghĩa: “*thình lình ập tới*”. Trong hào Cửu tam thì sự đe dọa đã bắt đầu hiện ra dưới hình thức ngọn cầu vồng lẩn át ánh nắng chiều, và đến hào Cửu tứ thì đột ngột chuyển thành hiện thực.

Chấn kinh bách lý 震驚百里: lời quái từ và lời thoán truyện của quẻ Chấn, có nghĩa: “*tiếng sấm động vang xa hàng trăm dặm*”.

Lý sương băng chí 履霜冰至: tên đầy đủ là “*lý sương, kiện băng chí*”, lời hào Sơ lục quẻ Khôn, có nghĩa: “*dẫm trên sương, thì biết băng dày sắp đang tới*”. Đây là tượng của khí âm mới sinh.

Thần long bãi vĩ 神龍擺尾: có nghĩa: “*rồng thần quẫy đuôi*”. Nguyên trong kinh Dịch không có câu này, mà chỉ có câu “*Lý hổ vĩ, diệt nhân, hung*” của hào Lục tam quẻ Lý, có nghĩa “*đi sau cọp, đập đuôi cọp, bị nó quay lại cắn, nguy hiểm*”. Kim Dung giải thích tên chiêu này được lấy từ câu trên, để tả khí thể mạnh mẽ và hung dữ của chiêu thức. Người đời sau thấy chữ “*hổ*” không hợp trong môn chương pháp “*hàng long*” nên đổi thành “*Thần long bãi vĩ*”.

Song long thủ thủy 雙龍取水: có nghĩa: “*hai con rồng lấy nước*”. Chúng tôi chưa tra cứu được xuất xứ, có lẽ tác giả chỉ thuận tay dùng các thành ngữ quen thuộc trong kho tàng văn học Trung Quốc mà đặt tên, theo kiểu các chiêu “*Giao long hý thủy*”, “*Lưỡng long tranh châu*” ... thường gặp các tiểu thuyết võ hiệp chứ không phải là câu được chọn ra từ kinh Dịch.

Tên các chiêu thức trong tác phẩm Kim Dung đều có hàm nghĩa rất thú vị, nếu hiểu được thì khi đọc sách ta sẽ thấy thích thú hơn. Trong *Hàng Long Thập Bát Chương*, chúng tôi chỉ giúp bạn đọc tìm hiểu được 13 chiêu. Năm chiêu còn lại, rất mong bạn đọc cùng chúng tôi tìm hiểu thêm. Khi Quách Tĩnh võ công còn non nớt, chỉ dùng một chiêu “*Kháng long hữu hối*” cũng đủ để đánh ngang ngửa với LươngTử Ông. Lê Sinh của Cái bang cũng chỉ dùng một chiêu “*Thần long bãi vĩ*” để gây khó cho Thiếu chủ Bạch đà sơn Âu Dương Khắc. Có được mấy cao thủ chống nổi ba chiêu trong *Hàng Long Thập Bát Chương* của Tiêu Phong? Chỉ với 13 chiêu này cũng đủ để “*tung hoành thiên hạ*” rồi, hà tất phải cần thêm? Dù sao trên đây cũng chỉ là phần lạm bàn lai rai cùng bạn đọc yêu Kim Dung. Như thế có lẽ là tạm đủ, nếu bàn thêm chi e sẽ “*kháng long hữu hối*” mất!

TÂY THI: TỪ LÝ BẠCH ĐẾN KIM DUNG

Để tả vẻ đẹp, người ta thường phải dùng đến ngôn từ. Cao hơn chút nữa thì dùng đến thi ca, hội họa. Cao hơn nữa thì dùng đến âm nhạc. Gởi cả tấm lòng say mê vào nghệ thuật để mong đem tài hoa tạc nên những đường nét vĩnh hằng lên nhan sắc, đó cũng là một trong những lý do để nghệ thuật được trường tồn. Nhưng lên cao hơn nữa, khi đối diện với dung nhan tuyệt đại mà mọi ngôn ngữ và nghệ thuật đều cảm thấy bất lực không thể miêu tả nổi, thì người ta chỉ còn có cách chiêm ngưỡng trong yên lặng. Đó là những gì cô bé A Thanh phải làm, khi đối diện với nhan sắc của Tây Thi.

Chiêu Quân, Tây Thi, Điêu Thuyền và Dương Quý Phi là tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc, mà nhan sắc và cuộc đời đầy giai thoại đã làm hao tổn không biết bao nhiêu tâm huyết và bút mực của tài tử văn nhân. Tây Thi đau bụng nhãn mất mà nhan sắc lại càng thêm yêu kiều, khiến cho những người con gái khác phải bắt chước nhãn mất theo, điều đó đã trở thành giai thoại trong văn học. Thời Chiến quốc, vua Việt là Câu Tiễn bị vua Ngô là Phù Sai đánh bại ở Cối Kê. Câu Tiễn toan tự vẫn, nhờ hai cận thần là Văn Chủng và Phạm Lãi khuyên can, nên phải ẩn nhẫn chờ thời cơ, rồi được Phù Sai tha cho về nước. Câu Tiễn nằm gai nếm mật, chiêu hiền đãi

sĩ, luyện tập binh sĩ để quyết chí phục thù. Một trong những kế hoạch phá hoại nước Ngô là mỹ nhân kế. Câu Tiễn dâng người đẹp Tây Thi cho vua Ngô. Quả nhiên Phù Sai say đắm Tây Thi, bỏ bê cả triều chính, rốt cuộc bị Câu Tiễn đánh bại và phải tự vẫn.

Tây Thi tên là Di Quang, con của một tiểu phu nghèo nàn ở La Sơn, nhưng dung nhan tuyệt tục của cô gái giặt lụa đó đã khiến cho một đấng quân vương phải quốc phá thân vong, và bị lịch sử phong kiến kết án thành một tội đồ thiên cổ. Có thuyết nói rằng sau khi phá xong nước Ngô, Câu Tiễn cho bắt Tây Thi đến, bảo: “*Đây là mầm họa mất nước, phải giết đi*”, rồi sai người đem chìm xuống dòng sông! Thuyết đó phản ánh được tính tàn nhẫn của Câu Tiễn, một vị vua thủ đoạn và nham hiểm, khi thành công liền tìm cách tàn sát các công thần. Nhưng điều đó có lẽ làm đau lòng những thi nhân đời sau, họ không muốn cái vưu vật đó của Tạo hóa chết một cách thê thảm trong tay của một bạo vương, nên mới có thêm một thuyết cho rói rằng Phạm Lãi, sau khi giúp Câu Tiễn diệt Ngô, đã chối bỏ quan tước, lén đem Tây Thi bỏ trốn để ngao du sơn thủy, theo đúng tinh thần “*công thành thân thoái*” của đạo gia. Cái dung nhan tuyệt tục đó dù bị biến thành nạn nhân trong những mưu đồ chính trị, nhưng nó vẫn mãi mãi là một vưu vật hiếm hoi mà Tạo hóa ban tặng con người để giúp nhân gian mở khơi nguồn sáng tạo. Các thi nhân Trung Quốc thường vịnh về Tây Thi. Nhưng dùng thơ ca để tả dung nhan như hội họa thì hãy còn hạn chế. Mọi sự miêu tả trực tiếp sắc đẹp, cho dù bí ẩn như bức tranh Mona Lisa của Leonardo da Vinci, rực rỡ như bức tượng nữ thần Venus, bóng bẩy như “*làn thu thủy nét xuân sơn, hoa ghen thua thắm liêu hờn kém xanh*” của Tố Như tả Thúy Kiều, hay phiêu diêu như “*vân tường y thường hoa tường dung*” hoặc “*nhất chi*

nùng diễm lộ ngưng hương” của Lý Bạch tả Dương Quý Phi đi nữa, thì bản thân sự miêu tả đó đều đặt ra những giới hạn mặc nhiên cho trí tưởng tượng. Tả người đẹp mà hoàn toàn không nói gì đến người đẹp như bài *Ô thê khúc* của Lý Bạch mới thật là diệu bút. Bài thơ rất ngắn, xin mời các bạn thưởng thức trọn bài:

Cô Tô đài thượng ô thê thi

Ngô vương cung lý túy Tây Thi

Ngô ca Sở vũ hoan vị tất

Thanh sơn dục hàm bán biên nhật

Ngân tiền, kim hồ lậu thủy đa

Khởi khan thu nguyệt trụ giang ba

Đông phương tiệp cao nại lạc hà?

姑蘇臺上烏梯時

吳王宮裏醉西施

吳歌楚舞歡未畢

青山欲含半邊日

銀箭金壺漏水多

起看秋月墜江波

東方漸高耐樂何

(Lúc chim quạ bay về đậu trên đài Cô Tô,

là lúc vua Ngô đang say đắm Tây Thi

Bài hát nước Ngô, điệu múa nước Sở,

cuộc vui chưa hết

Núi xanh đã muốn ngậm nửa mặt trời

*Mũi tên bạc trong hồ vàng chỉ nước chảy đã nhiều
Ngồi dậy nhìn trăng thu rụng xuống giữa lòng sông
Mặt trời dần lên cao, biết vui làm sao đây?)*

Lúc vua Ngô Phù Sai đang say sưa bên cạnh Tây Thi là lúc màn đêm đã bắt đầu buông xuống. Người đọc biết được thời gian nhờ hình ảnh những con quạ bay về đậu trên đài Cô Tô để tìm chỗ trú qua đêm. Đài Cô Tô là nơi Phù Sai cho xây dựng lên để vui chơi cùng Tây Thi, nay thuộc tỉnh Giang Tô. *Cô Tô đài thượng ô thê thi. Ngô vương cung lý túy Tây Thi.* Cuộc vui của vua Ngô cùng người đẹp trong bài hát nước Ngô và điệu múa nước Sở kéo dài thâu đêm, mãi đến chiều hôm sau, đến lúc mặt trời đã lặn hết một nửa sau ngọn núi xanh mà vẫn chưa tàn. *Thanh sơn dục hàm bán biên nhật.*

Và cuộc vui lại tiếp tục đến khuya. Mũi tên bạc trong hồ vàng cho biết nước trong bình đã chảy nhiều rồi¹. *Ngân tiền, kim hồ lậu thủy đa.* Thời gian đã trôi qua một ngày một đêm, nhưng nhà vua nào hay biết. Bên cạnh người đẹp, dòng thời gian chắc đã lắng đọng lại trong ánh mắt hồ thu. Đêm đã về khuya, trăng thu mênh mông, sông thu bát ngát, hãy dìu người đẹp ngồi dậy nhìn vầng trăng rơi giữa lòng sông rộng. *Khởi khan thu nguyệt trụ giang ba.* Này giai nhân, hãy cùng ta nhìn ánh trăng lộng lẫy và hãy đàn ca múa hát nữa đi cho đẹp dạ đấng quân vương. Lại vui cùng bài hát nước Ngô và điệu múa nước Sở, chợt nhìn ra, ô hay! vầng dương đã lên cao. *Đông phương tiệp cao.* Thêm một đêm vui nữa đã đi qua, kìa ngày đã đến nhưng cuộc vui chưa trọn, biết làm sao đây. *Nại lạc hà?* Thời gian và vĩnh cửu, làm sao có thể phân biệt được,

¹ Ngày xưa, chưa có đồng hồ, người ta dùng một bình chứa nước cho chảy dần, cây kim chỉ mực nước sẽ cho biết thời gian, giống như đồng hồ cát ở phương Tây

khi mắt đã chìm trong nhan sắc và tai đã ngập tràn tiếng hát của giai nhân?

Hầu hết các nhà phê bình đều cho rằng đây là bài thơ nói về cảnh hoan lạc đắm say của Phù Sai với Tây Thi nơi đài Cô Tô. Hỡi ơi, nếu thế thì còn gì là Lý Trích tiên! Tôi cho rằng đây là bài thơ tả Tây Thi. Tả tiệc vui của bậc quân vương nhưng thật ra là để tả nhan sắc của người hầu rượu, cũng như muốn tả vẻ đẹp của cô chủ thì chỉ tả nét kiều diễm của con hầu. Đó mới là chỗ cực bút của nghệ thuật tả chân. Toàn bài thơ không có một từ nào tả vẻ đẹp của Tây Thi, nhưng cứ nhìn cảnh đắm say của Phù Sai, một vị vua hùng tài từng diệt tan nước Việt để dựng đại nghiệp, thì dung nhan của Tây Thi không cần tả cũng đủ để hình dung. Tả người đẹp đến mức đó có lẽ là đã đi đến chỗ tận tuyệt của ngôn từ. Tương truyền, Lý Bạch làm bài thơ này đã khiến cho các thi nhân đương thời đều kinh hãi. Sau *Ô thể khúc*, trong văn học Trung Quốc dường như không còn bài thơ vịnh Tây Thi nào đáng để nhắc đến. Như Hoàng hạc lâu sau bài thơ Thôi Hiệu.

Trong *Việt Nữ Kiếm*, Kim Dung lại tìm một cách tiếp cận khác để tả Tây Thi. *Việt Nữ Kiếm* chỉ là một truyện ngắn, không được Kim Dung liệt vào 14 bộ sách chính của ông. Câu chuyện được xây dựng trên bối cảnh Ngô Việt thời Chiến quốc. Nhân vật chính là một cô bé chăn dê tên A Thanh, còn Tây Thi chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở cuối câu truyện, nhưng hình tượng lại nổi bật lên bởi A Thanh.

Truyện kể hằng năm các kiếm sĩ của nước Ngô sang nước Việt thi đấu kiếm, và họ có thái độ rất ngông nghênh vì kiếm pháp của họ đã lấn áp hoàn toàn các tay kiếm cừ khôi của nước Việt. Điều đó khiến Phạm Lãi rất lo buồn. Trên đường đưa Tây Thi đi cống nạp, Phạm Lãi đã yêu Tây Thi, nên đó cũng là động cơ thôi thúc Phạm Lãi tiến hành kế hoạch giúp

Câu Tiễn diệt Ngô. Một kẻ muốn diệt Ngô để báo thù và xưng bá thiên hạ, còn một người muốn diệt Ngô chỉ để sớm trùng ngô giai nhân. Trong tâm trạng lo buồn đó, Phạm Lãi gặp được A Thanh.

A Thanh là một cô gái chăn dê ở nước Việt. Hằng ngày, có một con vượn trắng dùng cây đánh nhau với cô trên đồng cỏ để đùa bỡn, vô tình qua những phản xạ khi giao đấu, cô lại học được một loại kiếm pháp thượng thừa. Một lần do tình cờ Phạm Lãi chứng kiến cảnh cô dùng cây gậy trúc đánh mù mắt tất cả các tay kiếm nước Ngô, vì bọn này chọc ghẹo và giết dê của cô. Ông biết đây là vị cứu tinh của đất nước nên tìm cách làm thân và mời cô về luyện kiếm cho các kiếm sĩ nước Việt. Cô không biết dạy, mà chỉ biểu diễn kiếm pháp một vài lần cho các tay kiếm xem, sau đó lại biệt tích. Nhưng những gì cô để lại đủ giúp cho kiếm sĩ nước Việt trở nên những tay kiếm cừ khôi, và giúp nước Việt tiêu diệt nước Ngô.

Nhiều lần Phạm Lãi kể chuyện nữ thần sông Tương cho A Thanh nghe. Ông tả cho cô nghe vẻ đẹp của Tương phi nhưng trong lòng lại nhớ đến Tây Thi, nên dùng Tây Thi để tả Tương phi. Cô bé chăn dê ngây thơ A Thanh lại đem lòng yêu Phạm Lãi, nên cô rất tò mò muốn biết Tây Thi là ai. Cô không tin rằng trên đời lại có người đẹp đến thế. A Thanh cũng âm thầm theo chân đoàn quân nước Việt tiến vào kinh đô nước Ngô. Lúc kinh đô nước Ngô bị phá, Phạm Lãi hội ngộ Tây Thi cũng là lúc cô xông vào trướng phủ để giết Tây Thi. Đoạn A Thanh xông vào trướng phủ được Kim Dung mô tả thật tuyệt vời. Người đọc không thấy cảnh A Thanh tiến vào mà chỉ nghe âm thanh bất tuyệt của các thanh kiếm rơi loảng xoảng trước những chiêu kiếm thần tốc của A Thanh. Tiếng kiếm rơi ngoài hành lang mỗi lúc một to dần, như một con trường xà khổng lồ đang trườn đến rất nhanh. Cả ngàn giáp

sĩ và cả ngàn kiếm sĩ đều không ngăn cản nổi cây gậy trúc trong tay cô bé chặn dè. (*Giá thanh âm tòng cung ngoại trực hưởng tiến lai, tượng như nhất điều cực đại đích trường xà, phi tốc đích du lai, trường lang thượng dã hưởng khởi liễu bình nhân lạc địa đích thanh âm. Nhất thiên danh giáp sĩ hòa nhất thiên danh kiếm sĩ đương bất liễu A Thanh*). Hình tượng đó tưởng như là dùng để tả kiếm thuật siêu tuyệt và thần tốc của A Thanh nhưng thật ra là để tả sự nồn nóng vì ghen tuông của cô bé, khi muốn được sớm đối diện với tình địch của mình mà dung nhan đã được sánh ngang thần nữ!

Khi thanh âm của cây kiếm trong tay người giáp sĩ cuối cùng rơi xuống, cũng là lúc cây gậy trúc trong tay A Thanh điểm đến tâm khẩu của Tây Thi. Nhưng cô liền dừng tay, trên mặt cô sát khí dần dần dịu đi, rồi biến thành nỗi thất vọng buồn rầu, rồi chợt biến thành kinh dị kỳ quái, rồi thành ra vẻ sùng kính, cô lẩm bẩm nói: “Thiên ... thiên hạ lại có được người đẹp đến thế này ư! Phạm Lãi, nàng so với những gì tướng công đã tả còn đẹp hơn nhiều”. (*A Thanh kiếm thượng đích sát khí tiệm tiệm tiêu thất, biến thành liễu thất vọng hòa thư táng, tái biến thành liễu kinh kỳ, tiển mộ, biến thành liễu sùng kính, nam nam đích thuyết: “Thiên ... thiên hạ cánh hữu giá ... dạng đích mỹ nhân! Phạm Lãi... tha tỷ nễ thuyết đích hoàn ... hoàn yếu mỹ.”*).

Đoạn văn mô tả diễn biến tâm lý từ ghen tuông đến buồn rầu thất vọng, rồi chuyển thành kinh dị, sùng kính, đọc lên nghe như một bài *Ô thê khúc* bằng văn xuôi. Tây Thi bất tử không nhờ những giai thoại hay văn thơ ca ngợi, mà chính là nhờ nỗi sùng sờ thất vọng của một cô bé chặn dè.

Không một chữ nào nói đến vẻ đẹp của Tây Thi, nhưng cái dung nhan tuyệt diệu đó được phản chiếu toàn bộ trên gương mặt của A Thanh. Nhan sắc Tây Thi đã khiến cô không

còn dám nghĩ đến chuyện ghen tương nữa. Cô không dám đẩy mạnh cây gậy trúc đã đặt nơi tâm khẩu Tây Thi, có lẽ vì sợ mang tội phá hủy một tuyệt tác của hóa công. Cô bèn hú lên một tiếng thật dài rồi nhảy qua cửa sổ mà đi mất, để lại sau lưng hình ảnh Tây Thi ôm ngực vì dư kinh của cây gậy trúc. “*Tây Tử phủng tâm*” (Tây Thi ôm ngực) hơn mấy ngàn năm qua vẫn là hình ảnh đẹp nhất giữa cõi nhân gian, nối tiếp cung bậc thượng thừa của *Ô thê khúc*!

HÒA ÂM TIỂU NGẠO GIANG HỒ

Tiểu Ngạo Giang Hồ có lẽ là tác phẩm lôi cuốn nhất của Kim Dung, về kết cấu cốt truyện lẫn nhân vật, về nội dung tư tưởng cũng như về bút pháp. Không có tác phẩm nào mà Kim Dung lại có thể phóng bút đến mức “*du hý thần thông*” như trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Tham vọng cuồng điên vì quyền lực, sự hài hước của lý luận, cội nguồn thăm thẳm của tư tưởng phương Đông, sự khoái hoạt tự do của cuộc đời lãng tử ..., tất cả đều được thể hiện một cách sinh động và đan xen lẫn nhau ở mức độ thượng thừa. Cảnh kiếm đao đâm máu giữa giang hồ đã từng bước nhường chỗ cho âm thanh réo rắt trong khúc cầm tiêu hợp tấu.

Bài viết không có ý định “*phân tích tác phẩm*” theo kiểu “*đánh giá phê bình*”, mà tôi chỉ muốn cùng độc giả nhìn tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ* dưới nhiều góc độ, và do đó ta tạm thời chia tác phẩm thành nhiều “*chủ đề*” có thể tiếp cận tác phẩm từ nhiều bình diện.

SỰ PHÂN HÓA KIẾM TÔNG VÀ KHÍ TÔNG HAY NHỮNG DÒNG CHẢY CỦA LỊCH SỬ

Tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ* có thể xem như được bắt đầu bằng *Quy Hoa Bảo Điển* và kết thúc bằng khúc nhạc hợp tấu cầm tiêu: *Tiểu Ngạo Giang Hồ*.

Chính bí cấp võ công *Quy Hoa Bảo Điển* của hai nhân vật tuyệt đỉnh đã mở đầu cho sự phân hóa hai phe Kiếm tông và Khí tông. Nguyên *Quy Hoa Bảo Điển* không hiểu nguyên do gì lại lọt vào tay phương trượng chùa Thiếu Lâm là Hồng Diệp thiền sư. Vị cao tăng này sau khi nghiên cứu bí cấp thấy võ công trong đó cực kỳ huyền diệu nhưng lại quá bá đạo, nên ông không muốn để nó lưu truyền trong võ lâm. Tình cờ có hai vị cao thủ của phái Hoa sơn là Mẫn Túc và Chu Tử Phong đến chơi chùa Thiếu lâm, và đọc lén được cuốn kỳ thư võ học này. Khi trở về núi, hai vị bèn cùng nhau nghiên cứu để đối chiếu lại những gì mình xem được thì lại nảy sinh ra những bất đồng. Ai cũng cho là mình hiểu đúng, và người kia hiểu sai. Đó cũng là chuyện thường tình trong lịch sử của bất kỳ bất kỳ tôn giáo hay tổ chức nào khi nghiên cứu di thư của bậc tổ để tìm ra định hướng. Phật giáo phân chia thành hai dòng lớn là Tiểu thừa và Đại thừa, Cơ đốc giáo phân chia thành Chính thống giáo, Thanh giáo, Tin lành Hồi giáo cũng phân chia thành nhiều tông phái khác nhau. Tất cả sự phân chia đó đều bắt nguồn từ sự lĩnh hội khác nhau về kinh điển của vị khai sơn tổ sư. Kinh Phật bảo lời dạy của Phật như một cơn mưa, chúng sinh tùy căn cơ mà lĩnh hội. Con suối chảy về biển, khi lìa nguồn thì chắc chắn sẽ phân chia thành nhiều dòng chảy. Điều đó cũng thuận theo lẽ tự nhiên.

Hai vị Mẫn, Chu cũng không ra ngoài lẽ ấy. Từ sự lĩnh hội khác biệt đã nảy hình thành hai con đường đi khác biệt, phái Hoa sơn phân chia thành hai phe: *kiếm tông* với Mẫn Túc là tổ sư. chuyên luyện về kiếm, xem thường nội công, và phe *khí tông* với Chu Tử Phong là tổ sư, xem nội công là căn bản của việc luyện kiếm. Từ đó hai phe xem nhau như thù địch và xảy ra cảnh huynh đệ tương tàn. Nếu sự mâu thuẫn giữa các triết gia có thể được giải quyết dễ dàng bằng ngọn bút, thì đối với

giới võ lâm, cây bút được thay bằng lưỡi gươm!

Khi Hồng Diệp phát hiện ra sự việc, ông bèn phái Độ Nguyên thiền sư lên núi Hoa sơn khuyên hai vị kia không nên tập luyện nữa. Hai vị Chu, Mẫn cho rằng Độ Nguyên là bậc cao thủ Thiếu lâm ắt sẽ giải đáp được cho mình những chỗ nghi vấn thì oái ăm thay, sau khi nghe hai người kia hỏi, Độ Nguyên lại âm thầm ghi nhớ và tự chú giải theo cách hiểu của mình. Như vậy cuốn kỳ thư võ học ban đầu đã được định hình theo theo ba hướng. Mỗi đêm Độ Nguyên thiền sư đều âm thầm ghi chép những gì mình nghe được vào tấm áo cà sa. Sau khi rời Hoa sơn, Độ Nguyên không về chùa Thiếu lâm nữa mà hoàn tục để trở thành Lâm Viễn Đồ, người khai sáng Phước oai tiêu cực, với 72 đường *Tịch Tà Kiếm Pháp* gây chấn động khắp giang hồ. Chính tấm áo cà sa chép *Tịch Tà Kiếm Pháp* này đã gây nên bao thảm kịch cho giang hồ về sau.

Các vị trưởng lão Ma giáo nghe tin lại kéo nhau lên Hoa sơn để cướp *Quỳ hoa bảo điển*. Phái Hoa sơn phải cầu viện đến các môn phái Tung sơn, Hành sơn, Hằng sơn và Thái sơn cùng liên minh thành *Ngũ nhạc kiếm phái* để chống cự. Sau khi bị thua liểng xiểng, các trưởng lão Ma giáo bèn nghiên cứu cách hóa giải võ công Ngũ nhạc kiếm và lần tấn công thứ hai họ đã thành công. *Quỳ Hoa Bảo Điển* từ một vật trấn sơn của phái Hoa sơn đã trở thành vật gia bảo của nhà họ Lâm và thành vật trấn giáo của Nhật nguyệt giáo. Tham vọng cùng sự thông minh của con người đã khiến cho lịch sử bị phân hóa thành nhiều dòng chảy từ cái Một ban đầu.

Tử hà thần công – môn nội công tối cao của phái Hoa sơn – thực ra là phần cơ bản của *Quỳ hoa bảo điển*. *Tịch Tà Kiếm Pháp* có thể là biến tướng của *Quỳ Hoa Bảo Điển* qua sự lãnh hội của Lâm Viễn Đồ. Như vậy, nhân vật chính phái như Nhạc Bất Quần và Lâm Viễn Đồ lẫn nhân vật tà giáo

như *Đông Phương Bất Bại* đều khổ luyện một công phu như nhau. Chính trong tà và tà trong chính đều lẫn lộn. Về sau, khi Nhạc Bất Quần – cao thủ phe khí tông – đã đoạt ngôi chương môn phái Hoa sơn bằng thủ đoạn mờ ám, các cao thủ phe kiếm tông như Phong Bất Bình, Thành Bất Ưu, Bào Bất Khí đã tìm cách giành lại nhưng bị thất bại trước *Độc Cô Cửu Kiếm* của Lệnh Hồ Xung. Điều trái khoáy là Lệnh Hồ Xung là môn đồ phe khí tông lại được cao thủ phe kiếm tông là Phong Thanh Dương truyền cho môn kiếm pháp tối thượng *Độc Cô Cửu Kiếm*. Rồi khi Nhạc Bất Quần bị phe kiếm tông vây đánh tới tấp thì Lệnh Hồ Xung lại dùng kiếm pháp này để bảo vệ môn phái khí tông trước phe kiếm tông. Cảnh tượng buồn cười nhất là trận đánh của Lệnh Hồ Xung và Phong Bất Bình với Lệnh Hồ Xung tại miếu Dục Vương. Cao thủ phe kiếm tông lại muốn dùng nội công thâm hậu để áp đảo, trong khi môn đồ phe khí tông lại dựa vào kiếm pháp tinh diệu để thủ thắng. Đó là điểm hài hước của lịch sử, con người cứ cố dựng lên lá cờ chủ nghĩa, dùng quan điểm lập trường nào đó làm nền tảng cho hoạt động của mình, nhưng đến lúc tối hậu quyết định sinh tử thì lại phải dùng chính vũ khí của đối thủ, những thứ mà trước đó họ bỏ đi vì cho là “đi vào con đường tà đạo”.

BI KỊCH CỦA THAM VỌNG QUYỀN LỰC

Điểm mấu chốt của bi kịch tranh chấp trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* cũng như trong các tác phẩm kiếm hiệp khác và trong suốt dòng lịch sử của khách giang hồ vẫn là sự tranh giành ngôi vị *Võ lâm chí tôn*. Các nhân vật võ lâm có bản lĩnh thượng đỉnh như Đông Phương Bất Bại, Tả Lãnh Thiên, Nhậm Ngã Hành, Nhạc Bất Quần ... đều lao vào cuộc tranh giành quyền lực, hoặc ngầm ngấm hoặc công khai với nhiều

cách khác nhau. Ngôi vị Võ lâm chí tôn tự ngàn đời vẫn có một ma lực quyến rũ kỳ lạ, cuốn hút những cao thủ tuyệt đỉnh vào cơn lốc cuồng điên của tham vọng. Nhưng chỉ trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* thì cuộc tranh giành quyền lực đó mới mang đủ nét bi hài khi tất cả tham vọng đều kết thúc trong sự đổ vỡ đầy thảm hại.

Quỳ Hoa Bảo Điển hay *Tịch Tà Kiếm Phổ* – những phương tiện để xưng hùng xưng bá – đã lôi kéo biết bao cao thủ vào cơn lốc của giấc mơ quyền lực, và kết quả tất yếu là máu lửa và chết chóc. Thoạt tiên là cảnh đệ tử phái Thanh Thành tàn sát Phước oai tiêu cực của Lâm Chấn Nam (cháu của Lâm Viễn Đồ), với danh nghĩa báo thù cho con trai của Dư Thương Hải bị Lâm Bình Chi lỡ tay giết chết, nhưng thực chất là muốn tìm cho ra *Tịch Tà Kiếm Pháp*. Về sau, Dư Thương Hải bị Lâm Bình Chi dùng chính *Tịch Tà Kiếm Pháp* đâm mù mắt và chặt đứt chân tay để biến thành phế nhân. Đó là cái giá thê thảm mà vị chưởng môn phái Thanh Thành phải trả cho tham vọng chiếm hữu *Tịch Tà Kiếm Phổ*.

Nhạc Bất Quần, chưởng môn phái Hoa sơn cũng ôm ấp dã tâm thôn tính Ngũ nhạc phái nhưng lại nấp dưới lớp vỏ bọc Quân tử kiếm. Để thực hiện được tham vọng, y buộc lòng phải tìm cách chiếm cho được *Tịch Tà Kiếm Phổ* thì mới có cơ may đánh bại được Tả Lãnh Thiên, chưởng môn phái Tung sơn. Y đã ngầm ngầm cho con gái và Lao Đức Nặc theo dõi hành tung của phái Thanh Thành, để tính kế “ngư ông thủ lợi”. Đợi khi Lâm Bình Chi, con trai Lâm Chấn Nam, lâm vào cảnh nhà tan cửa nát, bơ vơ không nơi nương tựa lại bị Mộc Cao Phong uy hiếp thì Nhạc Bất Quần xuất hiện như một vị cứu tinh để thu gả làm môn đệ. Lão ngầm tác động để Lâm Bình Chi trở thành con rể dù biết

mối tình duyên ái giữa Lệnh Hồ Xung với Nhạc Linh San. Tại Phúc châu, khi Lệnh Hồ Xung lấy được *Tịch Tà Kiếm Phổ* chép trong tấm áo cà sa để mang đến cho lão thì lão lại dàn cảnh Lệnh Hồ Xung đã cướp kiếm phổ và giết chết sư đệ. Khi Tả Lãnh Thiên phát hiện, y chép một bản sao giao cho họ Tả nhưng lại bỏ đi phần cốt yếu: muốn luyện tập kiếm pháp độc môn bá đạo này thì phải tự thiến mình! *Tịch Tà Kiếm Pháp* đúng là kiếm pháp tà môn vô địch, có thể dùng nó để xưng hùng thiên hạ, nhưng cái giá trả lại là phần cực quý trong thân thể. Bức tranh chói chang của quyền lực vẫn có những khoảng màu tối đầy nham nhở. Chính nhờ đó mà Nhạc Bất Quần đã thắng Tả Lãnh Thiên trong nước cờ tối hậu khi hai chương môn đầy tham vọng này dùng kiếm để tranh nhau chức minh chủ Ngũ nhạc phái. Và cái giá mà Nhạc Bất Quần phải trả cho tham vọng của mình là cảnh gia đình tan nát: con gái bị rế đâm chết, vợ tự vẫn, ngũ nhạc phái tan vỡ, y biến đổi cả tâm tính và cuối cùng chết dưới lưỡi kiếm của Nghi Lâm.

Lâm Bình Chi lượm được tấm cà sa mà Nhạc Bất Quần vắt xuống khe núi, sau bao tháng ngày theo dõi vị sư phụ vừa là nhạc phụ của mình. Y cũng tự thiến để khổ luyện võ công và giết sạch phái Thanh Thành và Mộc Cao Phong để báo thù. Y cũng mơ tưởng đến chuyện tung hoành thiên hạ với thân phận “*vô lâm chí tôn*” để rồi cuối cùng bị nước độc từ túi da của Mộc Cao Phong làm cho mù mắt. Y giết Nhạc Linh San rồi theo Tả Lãnh Thiên để hai gã mù cùng nhau toan tính trả thù và xưng hùng xưng bá. Tả Lãnh Thiên muốn giết Lệnh Hồ Xung rốt cục lại bị *Độc Cô Cửu Kiếm* của Lệnh Hồ Xung giết chết trong thạch động. Còn Lâm Bình Chi được an trí dưới đáy Tây Hồ, nơi đã từng giam giữ Nhậm Ngã Hành, để sống với giấc mộng bá chủ vô lâm!

Đông Phương Bất Bại chiếm ngôi giáo chủ Ma giáo từ tay Nhậm Ngã Hành, và khổ luyện võ công vô địch trong *Quy Hoa Bảo Điển*, để cuối cùng biến thành một quái tượng sinh lý ái nam ái nữ! Đông Phương Bất Bại, thông qua bàn tay của Dương Liên Đình, đã dùng mọi thủ đoạn tàn nhẫn và chính sách khủng bố để biến mình từ một giáo chủ ái nam ái nữ trở thành nhân vật thần bí trong lớp sương mù huyền thoại. Y muốn mình trở thành thần linh bất tử, như những hoàng đế cuồng vọng khắp đông tây: Cesar, Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế ... Bước vào “*vương triều*” Hắc mộc nhai, người ta gặp ngay không khí tung hô sắc mùi xu nịnh với những câu khẩu hiệu “*giáo chủ văn thánh vô đức, thiên thu trường trị thống nhất giang hồ*” dành cho kẻ cuồng dâm quyền lực, nhưng đằng sau cái sân khấu đó lại là con đường dẫn đến những lớp áo xiêm và phần son của phụ nữ!

Hùng tâm trùm khắp càn khôn

Té ra là mảnh xiêm hồng vô duyên

Cuộc đời quá đổi đảo điên!

Nhậm Ngã Hành là một nhân vật bản lĩnh nghiêng trời, y công khai hiệu hiện ý định bá chủ võ lâm của mình không hề dấu giếm. Điều đó cũng thể hiện bản lĩnh của một kẻ hùng tài đại lược. Y khổ luyện *Hấp Tinh Đại Pháp* và xem đó sẽ là phương tiện để y độc bá võ lâm. Sau khi thoát ra khỏi đại lao dưới đáy Tây hồ, Nhậm Ngã Hành, với sự trợ lực của Hưởng Vân Thiên và Lệnh Hồ Xung đã cướp lại ngôi giáo chủ từ tay Đông Phương Bất Bại. Là một kẻ anh hùng thực sự có bản lĩnh, thoát đầu Nhậm Ngã Hành đã thỏa mãn những câu khẩu hiệu mà giáo chúng tung hô mình, y xem đó là sự nhục mạ những kẻ có bản sắc anh hùng, đối với cả kẻ tung hô lẫn kẻ được tung hô; nhưng chỉ mấy phút sau y lại thấy thỏa mãn và

cho rằng tự cổ chí kim, ngoài y ra không có ai xứng đáng với câu khẩu hiệu đó. Vinh quang của chiến thắng, dù nhờ sự trợ lực chủ yếu của một nhân vật “ngoại giáo” là Lệnh Hồ Xung, đã làm y lóa mắt và hào quang của quyền lực trong những lời tung hô xu nịnh rỗng tuếch đã biến y từ một nhân vật anh hùng trở thành một kẻ đề tiện trong suy tưởng. Ngồi vị giáo chủ *Nhật nguyệt giáo* chưa làm thỏa mãn nhân vật “*giáo chủ văn thánh vô đức, thiên thu trường trị thống nhất giang hồ*” và y bắt đầu thực hiện ý định thống nhất giang hồ. Khi y nổi kèn gióng trống, huy động toàn bộ giáo chúng bao vây Hoa sơn để chuẩn bị mở trận tàn sát Ngũ nhạc kiếm phái, mở đầu chiến dịch thống nhất giang hồ thì các môn phái này— trừ phái Hằng sơn, do trùng gian kế của Nhạc Bất Quần đã tự chém giết lẫn nhau đến chỗ gần như tận tuyệt. Cảnh tượng một đội quân hùng hậu dốc toàn lực để quyết mở trận thư hùng nhằm tranh giành thiên hạ, lại gặp phải lực lượng đối phương chỉ còn dăm ba ni cô phái Hằng sơn, cảnh tượng đó đã tạo nên một bức tranh cùng cực hài hước. Lúc Nhậm Ngã Hành đang trầm tư để vạch kế hoạch tiêu diệt Thiêu lâm và Võ dương thì cái rừng mình trên đỉnh Triều Dương đã khiến y đột tử. Cơ “*nhồi máu cơ tim*” bất ngờ, hậu quả của việc khổ luyện “*Hấp Tinh Đại Pháp*” để thỏa mãn tham vọng, đã quật ngã hùng tâm của một nhân vật tuyệt đỉnh. *Cái phương tiện đạt tới quyền lực đã tiềm ẩn nguy cơ hủy diệt chính người sử dụng nó.*

Tả Lãnh Thiên thì đã tâm bồng bột, nôn nóng muốn hợp nhất Ngũ nhạc kiếm phái để từng bước thôn tính Thiêu Lâm và Võ Đang cũng các môn phái nhỏ như Nga My, Không Động, rồi cuối cùng sẽ tiêu diệt Ma giáo. Từ chức Minh chủ Ngũ nhạc kiếm phái, để thực hiện cho được cái tham vọng cuồng điên là trở thành Võ Lâm Chí Tôn, Tả

Lãnh Thiên đã không ngần ngại dùng mọi thủ đoạn, vừa mềm dẻo vừa tàn độc, để tàn sát và khống chế đồng môn. Y dùng bả danh lợi để thao túng phái Thái Sơn, dùng máu để tắm cả hai phái Hằng Sơn và Hành Sơn, dùng “*gián điệp*” là Lao Đức Nặc để theo dõi phái Hoa Sơn và uy hiếp để lấy cả *Tịch Tà Kiếm Pháp* từ tay Nhạc Bất Quần. Y lao tâm khổ tứ, toan tính từng kế hoạch thật chi tiết để, sau khi thống nhất Ngũ nhạc kiếm phái thành Ngũ nhạc phái, sẽ từng bước tiêu diệt Ma giáo, rồi đến hai đại môn phái là Võ Đang và Thiếu Lâm. Tin chắc vào bản lĩnh của mình, y tổ chức tỉ võ đoạt soái trên núi Tung Sơn, để mưu toan dùng võ công giành chức *Minh chủ* Ngũ nhạc phái. Nhưng tất cả thủ đoạn và mưu kế của y không thoát khỏi vòng trù liệu của Nhạc Bất Quần. Trong trận đánh cuối cùng để dành chức minh chủ, y bị Nhạc Bất Quần dùng quỷ kế ám toán và dùng *Tịch Tà Kiếm Pháp* để đâm mù hai mắt. Hình ảnh Tả Lãnh Thiên mù lòa, cầm kiếm điên cuồng gào thét trên Phong thiên đài, còn kẻ chiến thắng lại phải sợ hãi đứng nép ở một góc đài với chiếc áo đầm máu trong ánh trời chiều, đã vẽ nên toàn bộ cảnh tượng bi đát trong bức tranh tranh giành quyền lực. Tham vọng ngôi vị Võ lâm chí tôn của Tả Lãnh Thiên được trả giá bằng đôi mắt mù lòa. Còn gã Ngụy quân tử kia, để bước lên ngôi vị minh chủ Ngũ nhạc phái bằng thủ đoạn nham hiểm và đê tiện, cũng bước theo vết xe đổ của Đông Phương Bất Bại, khi tự thiến mình để khổ luyện võ công tà môn tuyệt đỉnh.

Rốt cuộc những kẻ nuôi tham vọng và thực hiện dã tâm bằng con đường bá đạo đều kết thúc giấc mộng bá quyền trong cảnh đổ vỡ tan hoang. Đó là điều mà *Tiểu Ngạo Giang Hồ* muốn thể hiện dưới nhiều góc độ để làm nổi bật lên bi kịch ngàn đời của quyền lực.

VÔ CHIÊU THẮNG HỮU CHIÊU: BƯỚC NGOẶT TRONG QUAN ĐIỂM CỦA KIM DUNG VỀ NỘI LỰC

Nội lực là một phát kiến mới mẻ của Kim Dung trong tiểu thuyết võ hiệp và nó gần như xuyên suốt qua tất các tác phẩm của ông. Kim Dung thường chia võ học theo hai nguyên lý Âm Dương, như trong giới tự nhiên. Từ đường lối luyện công cho đến chiêu thức, đặc biệt là trong quan điểm về nội lực. Nội lực là sức mạnh tiềm ẩn bên trong và được xem như cái móng cho “*tòa lâu đài võ thuật*”. Cái móng không vững thì tòa lâu đài dù có tráng lệ đến mấy cũng dễ dàng sụp đổ. Nội lực hùng hậu thì dùng bất kỳ chiêu thức nào cũng có thể phát huy diệu dụng. Trương Quân Bảo nhờ có thần công của *Cửu dương chân kinh* mà chỉ dùng mấy chiêu thức nhập môn của phái Thiếu Lâm cũng đủ để đánh bại Côn luân tam thánh Hà Túc Đạo, một kiếm khách quán tuyệt đương thời. Nội lực là một khái niệm khá mơ hồ, đó là một loại năng lượng gần như thần bí, được tích tụ từ quá trình tập luyện nội công hoặc được hấp thụ từ thiên nhiên thông qua việc ăn uống kỳ hoa dị vật. Có người nhờ uống máu rắn hoặc ăn một loại kỳ hoa mà nội lực đột nhiên tăng tiến bằng người khổ luyện hằng mấy mươi năm. Người ta có thể truyền nội lực cho nhau, thậm chí có thể truyền qua một người trung gian để đánh đối thủ. Hai cao thủ mà thi đấu nội lực thì xem như đã đến lúc quyết định sinh tử. Mọi sự biến ảo của võ thuật chỉ còn lại động tác áp hai lòng bàn tay vào nhau, nhưng chỉ chênh lệch một chút là mất mạng. Cả hai bên phải đều tập trung tinh thần cao độ như một nhà sư ở vào trạng thái nhập định. Nội lực vẫn luôn được Kim Dung xem là nền tảng cho võ học, nhưng đến *Tiểu Ngạo Giang Hồ* thì rõ ràng có sự chuyển biến mới trong tư tưởng Kim Dung qua sự phân hóa

hai phe kiếm tông và khí tông, trong nội bộ phái Hoa sơn.

Phe khí tông chú trọng đến *khí* nên đặt kiếm thuật trên nền tảng nội lực. Phe kiếm tông lại chỉ chú trọng đến *kiếm*. Tất cả sự phân hóa đều bắt nguồn từ sự linh hội khác nhau về *Quy Hoa Bảo Điển* của hai ông tổ phái Hoa sơn. Kim Dung lại đi ngược lại quan điểm thông thường của mình khi đề cao phe kiếm tông. Phong Thanh Dương – một cao thủ phe kiếm tông – chỉ dùng kiếm đủ để giết mười trưởng lão ma giáo mà chắc chắn võ công và nội lực đều vào hạng thượng thừa. Trước đây, các sách võ hiệp bàn về kiếm thường phân chia thành nhiều loại kiếm và nhiều loại kiếm pháp, đến *Tiểu Ngạo Giang Hồ* thì Kim Dung muốn đưa kiếm đạo vươn đến tầm cao tuyệt đối: đó là *kiếm ý*! Và tư tưởng đó thực sự được khai mở một cách phiêu bổng bằng đường kiếm vô chiêu của gã tửu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung. Vị cao thủ phe kiếm tông đã khai tâm cho Lệnh Hồ Xung yếu quyết của kiếm đạo “*Yếu tố đáo xuất thủ vô chiêu, na tài chân thị đạt nhập liễu cao thủ đích cảnh giới*” (cần phải xuất thủ không thành chiêu thức thì mới có thể đạt đến cảnh giới của bậc cao thủ). Theo quan điểm phương Đông, vạn vật hễ có thành là có hoại, do đó mọi chiêu kiếm dù cao thâm đến đâu, hễ đã thành chiêu thức thì ắt phải có chỗ sơ hở để địch nhân phản kích. “*Nễ đích kiếm chiêu sử đắc tái hỗn thành, chỉ yêu hữu tích khả tâm, địch nhân tiện hữu kích khả thừa. Đăn như nễ căn bản khai vô chiêu thức, địch nhân như hà lai phá nễ đích chiêu thức?*” (Kiếm chiêu người sử dụng đâu có tinh xảo đến đâu thì vẫn có thể tìm ra dấu vết, địch nhân nhân chỗ sơ hở đó mà phá chiêu. Nếu như người đánh không theo chiêu thức nào thì địch nhân làm sao có thể phá được chiêu thức của người?).

Kiếm chiêu không có chiêu thức thì đối phương dù võ công cao thâm đến đâu cũng không thể phá nổi, cũng như

cường phong có thể phá hủy mọi thứ rắn chắc trên đời nhưng không thể phá hủy được hư không! Lệnh Hồ Xung khi không còn một chút nội lực nào vẫn lần lượt đánh bại các cao thủ tuyệt đỉnh như Phong Bất Bình và bốn vị trang chủ Cô sơn mai trang hoàn toàn nhờ vào *kiếm ý*!

Vô ở đây được hiểu theo tinh thần của Đạo đức kinh “*Vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô*” (Vạn vật sinh ra từ Hữu, Hữu sinh từ Vô) hoặc hiểu theo nghĩa tính Không (*śūnyāta*) trong hệ thống tư tưởng Bát Nhã của Phật giáo. Tư tưởng “*vô chiêu thắng hữu chiêu*” đã đưa tiểu thuyết Kim Dung tiếp cận với suối nguồn tư tưởng phương đông. *Tiểu Ngao Giang Hồ* xem như là “*tập đại thành*” những gì Kim Dung đã triển khai trong tất cả các tác phẩm của mình trước đó.

LỆNH HỒ XUNG: BẢN TRƯỜNG CA LÃNG MẠN VỀ TỰ DO CÁ NHÂN

Trong tác phẩm *Tiểu Ngao Giang Hồ* khung trời máu lửa của võ lâm từ từ lắng dịu để dần nhường chỗ cho khúc hợp tấu cầm tiêu của “*nữ ma đầu*” phe Ma giáo và tên tữu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung, khí đồ của phái Hoa sơn.

Nhân vật chính Lệnh Hồ Xung có lẽ là nhân vật được bạn đọc yêu thích nhất trong mọi tác phẩm của Kim Dung. Lệnh Hồ Xung là đại đồ đệ của Nhạc Bất Quần, tư chất cực kỳ thông minh, tình tình lại khoáng đạt không câu nệ. Là một nhân vật phe chính giáo nhưng y lại kết giao với rất nhiều nhân vật đầu não phe tà giáo, một phần vì tình cờ một phần vì bản chất hào sảng. Lệnh Hồ Xung kết giao với bằng hữu giang hồ chủ yếu là vì rượu và vì tấm chân tình, bất kể người đó là chính hay tà.

Trừ sư phụ sư nương là hai người cứu mạng y từ bé, được y coi như cha mẹ, và vị tiểu sư muội Nhạc Linh San mà y

có mối tình thanh mai trúc mã, Lệnh Hồ Xung không chịu khuất phục bất kỳ một ai. Y không chịu sống theo một khuôn khổ ràng buộc nào, y cũng không tham vọng lớn lao, lại coi nhẹ được danh lợi, cứ sống hồn nhiên theo sở thích chỉ cốt sao không thẹn với lương tâm. Cái “*khuôn vàng thước ngọc*” của danh môn chính phái đối với y chưa hẳn là cái cần phải theo, còn “*tà ma ngoại đạo*” của phe ma giáo đối với y chưa hẳn là cái cần phải tránh. Cuộc đời dưới mắt y chỉ là một “*trò chơi lớn*” theo bước chân chân lẫm lẫm từ phiêu bồng. Khi đột nhập vào chùa Thiếu lâm để giải cứu cho Nhậm Doanh Doanh, y nấp sau bức bình phong và nghe các cao thủ phân tích cần phải giam giữ Nhậm Ngã Hành trên núi Thiếu Thất để tránh cho giang hồ một trận phong ba, y lại thầm nghĩ: *giang hồ mà nổi trận phong ba thì có gì là không hay?* Chỉ có những tâm hồn lẫm lẫm từ hồn nhiên trước hai chữ lợi danh mới có thể có những ý nghĩ kỳ quặc nhường kia.

Lệnh Hồ Xung không chịu làm đệ tử tục gia phái Thiếu lâm khi bị sư phụ trục xuất khỏi sư môn, dù biết rằng chỉ có *Dịch cân kinh* mới cứu mình thoát chết, y cũng khước từ gia nhập Nhật nguyệt giáo dù để kế thừa cái ngôi vị giáo chủ mà những cao thủ tuyệt luân phải đổ bao tâm huyết và xương máu để giành lấy.

Suốt cuộc đời hành sự của Lệnh Hồ Xung, những việc làm của gã dù đúng hay sai thì Lệnh Hồ Xung vẫn hiện chân dung là gã lẫm lẫm từ đa tình sống bạt mạng, sống say mê, sống rất chân thành và chân tình với cái Tâm hoàn toàn trong sáng. Chính nhờ bản tính hồn nhiên khoáng đạt, giới ứng biến mà môn Độc Cô Cửu Kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung còn đạt đến những thành tựu cao hơn cả vị Thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương. Cái bản tính hồn nhiên khoáng đạt đó, một biểu hiện khác của trạng thái vô tâm, chính là yếu quyết để

lĩnh hội kiếm ý trong *Độc Cô Cửu Kiếm*. Sự ứng biến thông minh, mồm miệng như bôi mỡ, tính tình khoáng đạt, chuyên kết giao bạn hữu giang hồ bằng rượu và cái tâm chân tình, Lệnh Hồ Xung thực sự đã hấp dẫn bạn đọc qua nhiều thế hệ, và nhất là làm điên đảo cả vị “*Thánh cô*” phe Ma giáo ngay trong lần đầu gặp gỡ tại ngô trúc thành Lạc Dương. Một cô nương dung nhan tuyệt diệu, võ công cực cao vừa sành âm luật, được hết thầy giới hắc đạo xem như thần thánh, một người khinh thường hết thầy thanh niên trong thiên hạ lại điên đảo thần hồn vì một tên tử đồ lãng tử, khi gã đã thân bại danh liệt, như một cây ma vắt vẻo giữa cội giang hồ. Và vị Nhâm đại tiểu thư cực kì cao ngạo kia đã liều lĩnh công tên lãng tử Lệnh Hồ Xung bệnh hoạn lên Thiếu Lâm tự cầu xin Phương Chứng đại sư dùng Dịch cân kinh chữa bệnh bệnh cho y, và sẵn lòng chấp nhận cái giá phải đổi là chung thân ngục tù trong thạch thất! Sau này Lệnh Hồ Xung dẫn quần hùng đại náo Thiếu lâm tự để cứu Doanh Doanh, lại gây nên một trận phong ba trên chốn giang hồ. Chính những diễn biến ấy đã kết chặt thêm tâm hồn Lệnh Hồ Xung với Nhâm Doanh Doanh, và đặt tiền đề cho đôi uyên ương này hợp tấu khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ*.

KHÚC TIỂU NGẠO GIANG HỒ: THÀNH Ứ NHẠC

Trong tác phẩm Kim Dung, tinh hoa của võ đạo không chỉ được thể hiện trong võ thuật mà còn được thể hiện trong cầm kỳ thi họa. Các cao thủ có thể vận nội lực vào tiếng đàn, tiếng tiêu để gây sát thương cho địch thủ. Âm nhạc đã trở thành công cụ của võ đạo. Trong *Xạ điêu anh hùng truyện*, tiếng tiêu của Hoàng Dục Sư và tiếng đàn tranh của Âu Dương Phong là những công cụ trấn áp đối phương. Cảnh tượng hai đại cao thủ dùng nhạc cụ để mở một trận đấu tử sinh trong một đêm

trắng trên mặt biển quả vô cùng thơ mộng và rất đổi làm ly. Trong *Tiểu Ngao Giang Hồ*, Hoàng Chung Công ở Cô sơn mai trang đã dùng cây đàn để sử dụng *Thất huyền vô hình kiếm* đánh với Lệnh Hồ Xung. Tiếng đàn càng mau thì kiếm chiêu càng chậm, tiếng đàn càng buông lơi thì kiếm đánh càng mau mục đích gây điên đảo cho đối thủ.

Trong “*Ỗ Thiên Đồ Long Ký*”, Kim Dung cố gắng dung hợp mâu thuẫn chính tà bằng tình yêu qua mối tình của Ân Tố Tố với Trương Thúy Sơn, đến *Tiểu Ngao Giang Hồ* ông lại muốn hóa giải mâu thuẫn đó bằng âm nhạc vì cực đỉnh của nhạc là “*hòa*”. Sự giáo hóa của Khổng Tử có thể được tóm tắt trong câu “*Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc*” (Hưng khởi bằng Thi, lập định bằng Lễ, và tựu thành bằng Nhạc). Nhạc có mục đích tựu thành những gì ta khởi lên, vun đắp bằng thơ ca và lập định ở Lễ. Theo quan điểm Khổng học, khi lên đến đỉnh cao thì âm nhạc hòa đồng cùng trời đất, vì cái nguyên lí trong vũ trụ lưu hành không ngừng nghỉ, hoà hợp với nhau mà biến hoá, từ đó mới phát khởi nên âm nhạc. *Lưu nhi bất tức, hợp đồng nhi hóa, nhi nhạc hưng yên* (Lễ Ký).

Kim Dung thực sự đưa nhạc trở về với “*chân diện mục*” của nó trong khúc cầm tiêu hợp tấu *Tiểu Ngao Giang Hồ*. Khúc Dương là một trưởng lão phe Ma giáo còn Lưu Chính Phong là một cao thủ phái Hành sơn, hai nhân vật thượng thặng của hai phe hắc bạch lại tìm đến nhau trong cung bậc của cầm tiêu. Cả hai vị cùng hợp sức soạn nên khúc *Tiểu Ngao Giang Hồ* kỳ diệu. Âm nhạc đã xóa bỏ mọi ranh giới phân chia giả tạo giữa chính tà thiện ác, những ranh giới do con người dựng lên vì định kiến. Lưu Chính Phong làm lễ *rửa tay gác kiếm*, muốn rút lui khỏi chốn giang hồ để cùng vị nghĩa huynh hiền dâng trọn cuộc đời cho âm nhạc thay vì phải lăn lộn trong cảnh kiếm đao. Chưởng môn phái Tung

sơn là Tả Lãnh Thiền, vì muốn thực hiện dã tâm của mình, đã cho người đến ngăn cản, yêu cầu Lưu Chính Phong phải giết Khúc Dương vì *“chính tà xưa nay vẫn luôn như nước với lửa, không thể đứng chung”*. Lưu Chính Phong từ chối và cái giá trả cho niềm đam mê âm nhạc cùng tấm chân tình giành cho vị nghĩa huynh là cảnh toàn gia bị tru lục một cách dã man. Tả Lãnh Thiền dù là một kẻ hùng tài đại lược, một nhân tài hiếm có trong võ lâm nhưng vẫn là kẻ thô鄙 trong suy tưởng, nên y không thể hiểu nổi chỗ vi diệu trong âm nhạc.

Khúc Dương xuất hiện cứu Lưu Chính Phong, nhưng bản thân ông cũng bị trọng thương. Hai người cùng hợp tấu khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* và giao nhạc phổ cho Lệnh Hồ Xung, rồi cùng nhau ôm nhau sang thế giới bên kia trong tiếng cười mãn nguyện, vì hai chữ *“tri âm”* chân chính và vì di vật âm nhạc kỳ diệu mà họ để lại cho đời. Khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* có thể xem như một thành tựu âm nhạc vô tiền khoáng hậu trong lịch sử võ lâm, vì nó chính là cực đỉnh của chữ *“hòa”*: *biên giới chính tà đã lặng lẽ tiêu dung trong tiếng hợp tấu của cầm tiêu của hai tay đại cao thủ hai phe hắc bạch*. Cuộc đời có Khúc Dương, chưa chắc đã có Lưu Chính Phong, có Lưu Chính Phong chưa chắc đã có Khúc Dương; nếu có cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương thì chưa chắc cả hai đã sánh âm luật, mà dẫu cả hai sánh âm luật thì chưa chắc cả hai người có đủ công lực để hợp tấu; và điều quan trọng nhất nếu cuộc đời có cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương vừa sánh âm luật vừa đủ công lực để hợp tấu đi nữa thì chắc gì họ đã có cơ duyên vượt qua được biên giới chính tà để tìm được đến nhau trong chỗ vi diệu của thanh âm?

Đời sau không có đôi tri kỷ Khúc Dương–Lưu Chính Phong thì lại có cặp uyên ương Lệnh Hồ Xung–Nhâm Doanh Doanh. Nếu ngay từ đầu mà Kim Dung hư cấu thêm

cho Lệnh Hồ Xung có khả năng sành âm luật, để làm “*phục tuyền*” cho cảnh hợp tấu với Doanh Doanh về sau, thì điều đó chắc chắn sẽ gương ép một cách thô thiển. Một nhân vật hào sảng ư náo nhiệt như Lệnh Hồ Xung chắc chắn sẽ khó lòng cảm thụ được chiều sâu trong âm nhạc, nhất là trong khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Bù lại Kim Dung đã rất sâu sắc khi xây dựng Lệnh Hồ Xung là nhân vật sống chí tình và chí thành. Chính cái “*chí thành*” đó mới là tiền đề để Lệnh Hồ Xung cảm nhận được cái “*chí hòa*” là đỉnh cao của âm nhạc. Chỉ có thể Lệnh Hồ Xung mới có thể theo kịp Doanh Doanh trong khúc hợp tấu cầm tiêu.

MƯỜI CUỐI

Cõi giang hồ cũng chỉ là hình ảnh được phóng chiếu từ tâm ta, Khúc Dương và Lưu Chính Phong hay Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh cũng chỉ là hình ảnh hư cấu, nhưng khúc hợp tấu cầm tiêu *Tiểu Ngạo Giang Hồ* kỳ diệu đó sẽ mãi mãi đồng vọng mênh mông khắp mười phương thế giới để dìu dắt nhân loại đến chỗ “*chí hòa*”. Nếu bài thơ *Chứng đạo ca* của thiên tông có thể làm chấn động khắp cõi thiên nhân thì *Tiểu Ngạo Giang Hồ* cũng có thể tạo nên những thanh âm ảo diệu để chúng ta cùng tìm về với cõi đạo phương đông.

GHEN TUÔNG

– “ SẢN PHẨM PHỤ CỦA TÌNH YÊU” –

TRONG TÁC PHẨM KIM DUNG

Ốt nào là ớt chẳng cay

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng!

(Ca dao)

Chúng ta đã quá quen với câu ca dao trên. Và đó có lẽ là “*bữu bối*” mà những người vợ cả ghen thường xuyên dùng để biện minh cho những “*lộ dấm chua*” mà mình đã đổ ra. Nhưng gẫm cho cùng thì câu ca dao đó vẫn thiếu chút thiếu sót, vì không phải tất cả các loại ớt đều cay. Ớt vẫn có loại không cay, chỉ dùng để làm kiếng và trang trí, còn phụ nữ thì chắc chắn không có ai lại không ghen một khi đã yêu thực sự, dầu người đó có phải là chồng mình hay không. Như vậy, ngẫm ra *phụ-nữ-khi-yêu* còn cay hơn cả ớt! Nhưng Thượng Đế quả thật là đấng Toàn Năng Toàn Trí, và vô cùng thông minh hóm hỉnh, khi để cho những hậu duệ thực sự của A-Đam không thích những thứ ngọt ngào, mà lại thích những món đắng đắng, cay cay. Bởi vậy, đâu có người đàn ông nào lại thích ăn chè hay uống nước ngọt (có lẽ vì nó mau ớn lắm!), mà khắp thiên hạ chỉ toàn thấy loại đàn ông thích cà

phê (là thứ đắng đắng!) và rượu (là thứ cay cay!). Cho nên họ yêu phụ nữ và lấy vợ chỉ để tận hưởng những thứ cay nồng!

Sử ký Tư Mã Thiên chép rằng Lữ Hậu, là vợ của Hán Cao tổ Lưu Bang, rất ghen với Thích Cơ. Thuở còn sống, Lưu Bang sủng ái Thích Cơ, và muốn lập con Thích Cơ kế vị. Lữ Hậu, nhờ mưu của Trương Lương, mời bốn ẩn sĩ ở trong núi về làm vây cánh và rồi cuộc Lưu Bang phải lập con của Lữ Hậu lên ngôi thái tử là Hiếu Huệ Đế về sau. Khi Lưu Bang băng hà, Lữ Hậu bèn cho chặt tay chân Thích Cơ, móc mắt, đục thủng tai, cho uống thuốc thành cam và đem bỏ vào nhà tiêu, gọi đó “con người lợn”. Hiếu Huệ Đế thấy mẹ làm vậy, bèn khóc mà nói: “*Đây không phải việc làm của con người!*” (Sử ký Tư Mã Thiên, Lữ Hậu bản kỷ). Đó là sự ghen tuông tàn nhẫn khoát tuyệt cổ kim, làm cánh đàn ông, dù mới chỉ đọc sách thôi, cũng đã đủ để giật mình rợn gáy!

Có lẽ không ai trong chúng ta lại không nhớ đến cái ghen của Hoạn Thư với Thúy Kiều. Cô tiểu thư họ Hoạn chỉ cần tung ra vài chiêu nhẹ nhàng là đủ khiến cho đôi bên Thúc Sinh và Thúy Kiều chỉ biết “*nhìn nhau mà lệ ứa, mỗi ngày một cách xa*” (thơ Lưu Trọng Lư). Xưa nay, nhiều người đã lên án cái ghen của Hoạn Thư là cái ghen thâm độc (?), nhưng quên rằng trong thâm tâm, cụ Nguyễn Du vẫn xem trọng Hoạn Thư vô bờ bến, vì cô đã làm được một điều xứng đáng với tấm lòng từ bi của Bồ Tát: đó là cô thực sự tôn trọng tài hoa của Thúy Kiều. “*Rằng: tài nên trọng mà tình nên thương*” (Kiều, 1900). Tôn trọng tài hoa của tình địch là điều mà phụ nữ cổ kim hiếm ai, nếu không muốn nói là không có ai, làm nổi. Cái ghen của Hoạn Thư là sự ghen tuông thường tình, nhưng cái ghen đó đã đi chung với cái tâm Bồ Tát siêu tuyệt thượng thừa.

Nhưng đâu phải chỉ con người mới biết ghen. Thần linh, khi đã yêu, cũng ghen tuông không kém. Thần thoại Hy Lạp

đã cho ta thấy những trận ghen tuông kinh hoàng của Héra, vợ vương thần Zeus. Trong văn học nhân loại, dường như chỉ có thần tiên trong tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc không hề ghen tuông, có lẽ chỉ vì một lý do đơn giản là họ không hề biết thế nào là tình yêu thực sự. Mà nơi nào không có tình yêu, nghĩa là không có ghen tuông giận hờn, thì chán lắm, giống như suốt đời ngồi vào bàn nhậu chỉ để ăn chè! Bởi vậy Lưu Thần, Nguyễn Triệu phải vội vã bỏ tiên giới để quay về lại với trần gian. Sống ở tiên giới để làm gì nếu như cứ suốt ngày thơ thẩn với những tiên nương kiêu diễm nhưng chỉ biết đàn ca múa hát, giống như những con búp bê robot xinh đẹp đã được lập trình?

Kim Dung là một trong những tác gia hiếm hoi của phương Đông mô tả tình yêu nhiều sắc thái đến lạ kì. Cho nên cũng hiếm có tác giả nào có thể mô tả cái ghen đa dạng và nhiều màu sắc đến vậy. Tác phẩm Kim Dung cho ta những ấn tượng sâu sắc về sự ghen tuông. Ghen tuông luôn đi đôi với tình yêu trong những tiếng cười gằn lạnh lẽo, cũng như trong những giọt nước mắt thương đau. Đôi khi nó có mang tính chất ngớ ngẩn như ông lão Bạch Tự Tại, chường môn phái Tuyết Sơn, ghen với lão ma đầu Đinh Bất Tử. Có lẽ khi ghen vì yêu thì người ta dễ dàng biến thành trẻ con, dù ở bất kỳ lứa tuổi và thân phận nào.

Trong *Hiệp khách hành*, Mai Phương Cô vì giận Thạch Thanh đã phụ rẫy mình, nên bắt cóc con trai của vợ chồng cặp Hắc Bạch song kiếm này đem về đây dọa thành đứa trẻ ăn mày cầu bơ cầu bắt, cô bắt nó sống thực khổ sở cho đỡ uất hận. Oái ăm hơn nữa, cô đặt tên cho thằng bé là *Cẩu Tạp Chủng* (Chó lộn giống). Bút lực Kim Dung quả rất thâm hậu khi hé mở được cái tâm lý nhỏ nhen và phức tạp của người phụ nữ ghen tuông. Đúng thôi. Ta yêu người tha thiết, điều

đó người đã biết, vậy mà người không đến với ta, ruồng rẫy tấm lòng ta, thì dù người có lấy bất kỳ “con mụ đàn bà” (!) nào khác trên cõi đời này, vợ chồng người chỉ có thể sinh ra loại “*chó lộn giống*” mà thôi! Đúng như người ta nói: dưới mắt một người phụ nữ đang ghen thì tất cả người đàn bà nào yêu người mình yêu, bất kể trình độ hay xuất thân, bất kể là thượng lưu trí thức hay kỳ nữ giang hồ, đều là loại người trác nết hư hỏng, và dĩ nhiên là đáng bỏ đi. Vì ghen với mẹ mà oán hận cả con. Đó cũng là cái ghen rất thường tình của phụ nữ và cũng rất đáng cảm thông.

Ni cô Nghi Lâm yêu Lệnh Hồ Xung tha thiết, yêu đến tiêu tụy cả dung nhan, nhưng lại không ghen, bởi vì tâm hồn cô là tâm hồn thánh nữ, và có lẽ cô tiểu ni diễm kiều tuyệt tụy đó không dám ghen! Trong thâm tâm, cô đã yêu nhưng lại luôn luôn lo sợ mang tội với Bồ Tát. Ăn trộm một trái dưa giữa đồng vắng cho Lệnh Hồ Xung mà cô đã xem là chuyện tày trời, huống gì đi ... ăn trộm một trái tim! Thân đã gởi nơi cửa Phật, suốt đời rau dưa kinh kệ, mà tâm hồn lại đi lưu luyến một gã lãng tử giang hồ thì, với cô, đó sẽ là tội đáng bị đày xuống mười tầng A Tỳ địa ngục, vĩnh viễn không thể siêu sinh.

Chả bù với mẹ cô. Bà ta nguyên là một ni cô xinh đẹp, vì cảm động trước tấm chân tình của Bất Giới hòa thượng mà chấp nhận hoàn tục. Như vậy, kể ra tình yêu cũng sâu sắc lắm. Vậy mà chỉ vì thấy Bất Giới hòa thượng bế con đứng ngoài cổng nói chuyện một vài câu gì đó với một cô nương qua đường, là đủ để bà ta dùng dùng “*đổ dấm chua*” và bỏ đi mất biệt. Bất Giới hòa thượng đành đem gởi Nghi Lâm vào phái Hằng Sơn, bà ta bèn giả câm để vào quét dọn và ngầm chăm sóc Nghi Lâm. Khi bắt được Bất Giới hòa thượng, bà cho treo ông lên cây để cho cả thiên hạ biết được kẻ “*bạc tình hiếu sắc nhất thiên hạ*”! Đó là cái ghen vớ vẩn và cùng cực ích

kỷ của một ni cô dở hơi khi hoàn tục, và là loại dấm chua nhất trong thiên hạ.

Khang Mẫn là vợ của Mã Đại Nguyên –Phó bang chủ Cái bang, cô luôn tự hào về nhan sắc làm điên đảo khách giang hồ của mình, lại đem lòng ngưỡng mộ bang chủ Tiêu Phong, nhưng Tiêu Phong không để ý. Và điều đó đã gây nên tấn thảm kịch cho Tiêu Phong, tấn thảm kịch máu chốt trong *Thiên Long Bát Bộ*. Cô sẵn sàng hiến thân cho trưởng lão Cái bang là Bạch Thế Kính và Toàn Quán Thanh để kéo thêm vây cánh nhằm hạ bệ Tiêu Phong. Dẫu lúc đó, Tiêu Phong không có người yêu, và không yêu ai ngoài rượu, như vậy không có ai để cô ghen, nhưng với phụ nữ hiếu thắng và độc đoán như Khang Mẫn thì trong thâm tâm cô vẫn đang ngấm ngấm ghen mà cô không hề hay biết. Thuở còn bé, nhà nghèo, ngày Tết cô không có áo hoa; thấy người hàng xóm có áo hoa xinh đẹp, cô lén lấy trộm về, không phải để mặc, mà để xé nát ra. Cô không có áo hoa thì có nghĩa là không được ai có cả. Cô đã thầm yêu Tiêu Phong, nhưng cô không chiếm được trái tim Tiêu Phong thì có nghĩa là không một ai có quyền chiếm lấy trái tim đó cả. Cô đang ngấm ngấm ghen với người phụ nữ nào đó sẽ đến với Tiêu Phong, vì điều đó có nghĩa là, dưới mắt Tiêu Phong, người phụ nữ đó xứng đáng hơn cô. Cho nên, khi bị trọng thương sắp chết, cô vẫn lờ lộng ghen tuông với A Châu, dù biết rằng A châu đã chết. Biết Tiêu Phong đang nóng lòng muốn biết thủ phạm gây ra tấn thảm kịch cho gia đình ông tại Nhạn môn quan năm nào, cô vờ bảo Tiêu Phong cô sẽ tiết lộ tên người đó, với điều kiện Tiêu Phong phải ôm cô vào lòng trước khi chết. Đó là cái ghen của một phụ nữ biết mình xinh đẹp nên hiếu thắng và tàn nhẫn. Nhưng tàn nguyên chỉ xin được một vòng tay ôm của người mình yêu trước khi chết ngấm ra cũng đáng thương.

A Châu là cô gái thông minh và hiếu hạnh. Cô dùng cái chết để giải tỏa mối oan cừu, do ngộ nhận, giữa Tiêu Phong và Đoàn Chính Thuần. Thế nhưng dầu đã qua đời, cô vẫn bị ghen bởi chính người em ruột cô là A Tử, người mà cô gởi gắm cho Tiêu Phong trước khi nhắm mắt. Cô bé tinh quái A Tử do yêu người anh rể Tiêu Phong một cách tuyệt vọng, nên đâm ra ghen cả với người chị đã mất. Khi sống, cô bé ngang ngược và tai ác này không thể thỏa mãn ước mong, thì tại Nhạn môn quan cô đã được toại nguyện là cùng vui thây với Tiêu Phong nơi vực thẳm. *Sinh vi đồng thất thân, tử vi đồng huyết trần* (Sống thì cùng ở một nhà, chết đi nằm mộ xin là nơi chung – thơ Bạch Cư Dị). Tình yêu đã đắm say cho nên cái ghen cũng nghiệt ngã, bởi vậy cô không thể không ghen với người chị ruột A Châu. Đó là cái ghen vừa mãnh liệt lại vừa trẻ con.

Hai cao thủ tuyệt đỉnh phái Tiêu Dao là Thiên Sơn Đồng Lão và Lý Thu Thủy vì cùng yêu Vô Nhai Tử, kẻ tranh sư huynh người giành sư đệ, mà đánh ghen với nhau từ thuở thanh xuân cho đến lúc gần đất xa trời, chỉ vì muốn khẳng định rằng trong trái tim của vị chưởng môn kia chỉ có hình bóng của mình thôi. Trận huyết đấu cuối cùng giữa hai bà già ở cái tuổi xấp xỉ một trăm, khi mà Vô Nhai Tử đã chết, quả vừa buồn cười vừa cảm động. Lúc sắp mất người nào cùng lập mưu để được chết sau, xem như đó là cách chiến thắng tình địch trong trận đấu kéo dài suốt cả thế kỷ! Khi cả hai phát hiện ra người trong bức tranh của Vô Nhai Tử là vị sư muội xinh đẹp của mình, họ vừa mừng vì đó không phải là tình địch của mình, nhưng lại đau xót vì đó không phải là mình. Đúng là gừng càng già càng cay, người càng già càng ghen. Đó là cơn ghen “thế kỷ”!

Đã yêu thì phải ghen. Tất nhiên. Có lẽ bà Eva là người

phụ nữ duy nhất trên đời không biết ghen vì bà là “đại lý độc quyền” của Adam và không có đối thủ để cạnh tranh! Yêu. Ghen. Hận. Uất. Ghét. Thương. Óan. Lề. Thù. Tất cả những từ quen thuộc và thậm chí sáo mòn đó góp phần tạo nên sự đa dạng đến kỳ diệu của tình yêu. Do đó, cái ghen, “sản phẩm phụ của tình yêu”, cũng biến hóa thiên hình vạn trạng. Như tâm lý phức tạp và cực kỳ mâu thuẫn của phụ nữ! Môn chiêm tinh học làm gì có nếu như không có môn Thiên văn học? Hai chữ “ghen tuông” làm gì tồn tại trong tự điển sống của những phụ nữ không biết đến tình yêu? Tại hạ xin kính cẩn đặt câu hỏi cùng tất cả bạn đọc: “*Tâm sự ghen tuông của những phụ nữ trong thiên hạ đáng thương hay đáng giận*”?

KIM DUNG VÀ NGỌA LONG SINH: THIÊN KIẾM VỚI TUYỆT ĐẠO

“Dưới kiếm Cơ Đồng không còn tuyệt học, dưới đao lão phu không có sinh cơ”¹. Câu nói đó của Thiên hạ đệ nhất đao Hướng Ngao như muốn mở ra hai dòng nghịch lưu chảy quanh cái quan niệm về võ học trong tư tưởng của Ngọa Long Sinh, một đại bút về tiểu thuyết võ hiệp. Cùng với Kim Dung, nhưng bằng một phong cách khác hẳn Kim Dung, Ngọa Long Sinh đã lặng lẽ mở ra một chân trời huyền ảo cho tư tưởng để tựu thành những điều bất khả tư nghì cho cõi đạo Sơ Thủy Đông Phương.

Nói đến tiểu thuyết võ hiệp, người ta thường nói đến Kim Dung, và tiếp theo đó là Cổ Long, Gia Cát Thanh Vân, Nam Kim Thạch..... Nhà phê bình Trung Quốc Vương Sóc đã kích Kim Dung thậm tệ nhưng lại chấp nhận Cổ Long, và ông đánh giá Cổ Long cao hơn Kim Dung rất nhiều. Mỗi người đều có quyền nhận định theo cách riêng của mình. Chúng ta cũng vậy, và nên vậy. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật không thể có cái khách quan tuyệt đối. Không thể có

¹ Lời của Thiên hạ đệ nhất đao Hướng Ngao phẩm bình kiếm pháp của Thiên hạ đệ nhất kiếm Cơ Đồng: “*Cơ lão nhi kiếm hạ vô tuyệt học, lão phu đích đao hạ vô sinh cơ.* 姬老兒劍下無絕學，老夫的刀下無生機。” – *Thiên Kiếm Tuyệt Đao* 天劍絕刀, chương 4).

một tác phẩm hay hoặc dở đối với tất cả mọi người. Đối với một tác phẩm hoặc tác giả, chúng ta không nên bài xích, khen ngợi theo dư luận, trừ phi chúng ta đến với tác phẩm hay tác giả đó mà không định kiến, và tự rút ra những nhận định riêng của mình. Những môn đồ của Tinh tú lão quái Đinh xuân Thu không phải là không đầy dẫy trong dư luận, cũng như trong những ý kiến phê bình. Ngọa Long Sinh tương đối được ít nhắc đến hơn các tác giả trên, nhưng ngoài Kim Dung và Ngọa Long Sinh ra, tôi thấy trong tác phẩm của các tác giả đó, mọi tư tưởng và ý đồ tác giả đều hiện lên trên từng trang giấy, trong từng câu nói của các nhân vật, như những sợi chỉ nổi ngổn ngang trên một tấm vải may vụng. Đó là bi kịch của những người mong muốn lập ngôn. Mà văn chương như thế, ta chỉ có thể đọc một lần. Như ăn mía. Nhai một lần đã mất hết vị ngon. Với một đôi chút cực đoan, tôi dám khẳng định rằng cùng sánh vai với Kim Dung, chỉ có Ngọa Long Sinh là người biểu hiện được những tư tưởng thâm trầm u ám, thậm chí có nhiều điểm còn vượt hẳn Kim Dung, dù các kiệt tác của ông không được phổ biến nhiều trong giới bạn đọc Việt Nam. Nếu đến với Ngọa Long Sinh từ Kim Dung, thì những người đọc vội vàng thường dễ thất vọng. Bởi vì từ cái thế giới sinh động của Kim Dung với những tình tiết lâm ly, những cốt chuyện hấp dẫn, chúng ta như bước vào cung điện trang nghiêm với bầu không khí vô cùng trầm mặc. Trong tác phẩm ông thường thiếu vắng những tràng cười hoạt kê, những câu khôi hài ngộ nghĩnh hay những kẻ lãng tử khoái hoạt như trong tác phẩm Kim Dung. Sự hồi hộp gay cấn cùng những tình tiết bất ngờ cũng chỉ mức độ nửa chừng. Chỉ khi nào ta kiên nhẫn theo dõi ông thật kỹ qua một vài tác phẩm, ta sẽ thấy tư tưởng ông còn có những điểm thâm trầm hơn cả Kim Dung. Có điều ông che dấu tư tưởng mình quá kín, và như thế là thử thách bạn đọc quá nhiều. Cũng như Kim

Dung, ông là người thâm cảm được sự bế tắc trong việc biểu đạt triết học Đông phương bằng ngôn ngữ triết học trường trại hiện nay, nên ông âm thầm khai phá một con đường đi riêng biệt rất mực.... Ngọa Long Sinh! Ông Bùi Giáng đã nhận xét một cách triệt để: "Những kiệt tác của Ngọa Long Sinh đi song song với Kim Dung và Gia Cát Thanh Vân – thực hiện một cuộc chuyển biến dị thường trong lịch sử văn học tư tưởng Trung Hoa"¹

Kim Dung thường chia võ học theo hai nguyên lý Âm Dương, như trong giới tự nhiên. Từ đường lối luyện công cho đến chiêu thức, đặc biệt là trong quan điểm về nội lực. Một bên thì âm hiểm mềm mại, một bên thì cương trực mạnh mẽ. Hai mặt đối lập nhau ấy, nếu được dung hóa trong một cá thể thì năng lượng kết hợp sẽ trở thành gần như vô tận. Một người học võ nếu hóa hợp được nội công âm nhu và dương cương thì nội lực sẽ trở nên vô địch. Thông thường thì chỉ có bậc chân tu đạo hạnh như Trương Tam Phong, một bậc Lão Tử trong võ học, mới đạt nổi đến cảnh giới đó bằng cái tâm tuyệt đối thanh tĩnh vô vi. Những kẻ khác, dù là đại cao thủ, nếu có tham vọng luyện được cả hai môn sẽ rơi vào trạng thái "tẩu hỏa nhập ma". Những cao thủ tuyệt đỉnh như Nhậm Ngã Hành, Phương Chứng đại sư, hay Hoàng Dược Sư.... đều chỉ có thể luyện nội công theo một đường lối Dương công hoặc Âm công mà thôi. Nhưng cũng có những người do cơ duyên run rủi mà đạt đến cảnh giới võ học tối cao đó ở ngay tại chỗ "sinh tử quan đầu". Đó là trường hợp một Trương Vô Kỵ hóa giải được Nhất âm chỉ và Cửu dương thần công trên Quang Minh Đỉnh, hay là trường hợp một Thạch Phá Thiên hợp nhất được Viêm viêm công và môn độc chưởng âm hàn trên Ma Thiên Lĩnh.....Nhờ vậy mà hai nhân vật đó đã đạt đến

¹ Trương Bình Nguyên, tr.498.

cảnh giới “tam hoa tụ đỉnh”, “ngũ khí triều nguyên” tối cao trong võ học. Như Âm và Dương dù đối nghịch nhau, nhưng khi đã được tương dung hợp nhất trong vòng tròn Thái cực, thì cứ tự tại an nhiên để tiêu trường thiên biến vạn hóa, mà vẫn không làm đảo lộn trật tự của trời đất. Giống như một người đã giác ngộ thì nói năng động tĩnh đều phát huy diệu dụng, đi đứng nằm ngồi đều biểu lộ huyền cơ. Đó chính là quan điểm về võ học của Kim Dung, nhất là trong quan điểm về nội lực.

Ngọa Long Sinh lại đi theo con đường biểu đạt khác, rất khó nhận ra. Chỉ trong tác phẩm Thiên kiếm Tuyệt đao, tư tưởng ông mới hơi hé lộ cho bạn đọc một đôi chút, qua một nhân vật Cơ Đồng với Thiên kiếm vô địch thiên hạ, và một nhân vật Hướng Ngao với Tuyệt đao đệ nhất vô lâm. Sống xa cách nhau bên kia Sinh Tử kiều, hai cao thủ tuyệt đỉnh tượng trưng cho hai cái đối cực về võ học đó đang bị bế tắc trong việc hợp nhất với nhau. Một bên là Thiên kiếm theo nguyên lý Sinh, đem bi tâm trù lên kiếm pháp để hóa giải tất cả võ học trong thiên hạ. Một bên là Tuyệt đao theo nguyên lý Diệt, đem sát tâm hóa vào đao pháp để tận diệt mọi đối thủ trên đời. Trong khi Kim Dung muốn cho rằng mọi võ công đều có tính tương đối, và phải chịu khắc chế lẫn nhau, thì với Ngọa Long Sinh, cả hai nguyên lý Sinh Diệt đó đều được đẩy đến chỗ thủy tận sơn cùng! Trước Thiên kiếm không còn tuyệt học, dưới Tuyệt đao không có sinh cơ.. Thiên kiếm không thể giết người, mà mỗi khi sử dụng chỉ có thể buộc đối phương buông khí giới qui hàng, vì cảm thấy mình bị dồn vào tuyệt lộ. Đó cũng là cách dẫn dụ và hóa độ người theo nguyên lý đại bi, nên nó còn có tên là Đại bi kiếm pháp. Thiên kiếm có thể hóa giải tất cả võ học trong thiên hạ, nhưng nếu bị phá giải thì xem như đối diện với diệt vong.

Tuyệt đao mỗi lần vung ra là ngập tràn sát khí nên không thể không giết người. Nhưng nếu không giết được đối phương hay bị đối phương phá giải thì xem như lâm vào tử lộ. Nếu dùng Thiên kiếm để giao đấu với Tuyệt đao thì ai thua ai thắng, khi mà cả hai đều là hai cực tuyệt đối không thể dung hòa? Làm thế nào để đem được sát tâm của Tuyệt đao hòa vào Thiên kiếm, cũng như làm thế nào để hòa được bi tâm của Thiên kiếm vào sát khí của Tuyệt đao? Vấn nạn này cứ ám ảnh mãi chàng thiếu niên Tả Thiếu Bạch. Câu hỏi đó như đặt lý trí trước một huyền án lừng lờ. Mà người duy nhất có thể giúp chàng ta tìm câu giải đáp lại là một cô gái mù lòa ẩn cư chốn lều tranh! Chính ở điểm này, Ngọa Long Sinh đã âm thầm đặt lại tư tưởng trên một căn cơ bất khả tư nghi.

Thiên kiếm và Tuyệt đao giống như thần Bảo vệ Vishnu và thần Hủy diệt Shiva trong tư tưởng Ấn Độ giáo. Chỉ có thần Brahma mới hợp nhất được hai vị thần đó trong tam vị nhất thể để khơi dẫn nguồn sáng tạo. Thiên kiếm và Tuyệt đao không thể dung hòa nhau, nhưng Ngọa Long Sinh đã sáng tạo một nhân vật có thể hưởng được cả hai tuyệt kỹ hoàn toàn đối lập nhau đó, như một sự điều hòa. Đó là Tả Thiếu Bạch. Chàng thiếu niên bị truy sát, trong cơn hoảng loạn tuyệt vọng đã vượt qua được Sinh Tử kiều, một cây cầu đầy huyền thoại trong võ lâm mà mọi kẻ vượt qua đều phải chết. Chính ở trong trạng thái vô tâm, đem chuyện sống chết gạt bỏ ra ngoài lòng mà chàng thiếu niên kia mới vượt qua được cây cầu Sinh Tử. Mà đạt được trạng thái vô tâm, vượt trên sinh tử như thế là đã đạt được những bước chân đầu tiên đến cõi thâm huyền, theo truyền thống tu học Đông phương. Đó là điều kiện để đi vào cảnh giới uyên áo của tư tưởng, mà trong Thiên tông gọi là “*Tuyệt hậu tái tô*” (Chết đi sống lại). Muốn cho Tả Thiếu Bạch học được cả Tuyệt đao

lần Thiên kiếm, Ngọa Long Sinh phải để chàng thiếu niên đó một lần vượt qua cõi Tử Sinh. Và chính từ cảnh giới đó mà con người thường phát huy diệu dụng.

Các thiên tài Đông Tây kim cổ đều thâm giải điểm chung này. Ông Nguyễn Du thì bóng bảy hơn bằng cách để司徒 trưởng Giác Duyên vớt Thuý Kiều từ sông Tiền Đường. Còn Kim Dung cũng có một lần để Lệnh Hồ Xung rơi vào trạng thái tuyệt vọng tại Dục Vương miếu, sinh tử đại sự không còn làm anh ta quan tâm nữa, nên chỉ mới lần đầu tiên mà chàng ta đã phát huy Độc Cô kiếm pháp đến mức tuyệt luân, đánh bại Cuồng phong khoái kiếm của Phong Bất Bình, và chỉ bằng một chiêu kiếm đã đâm mù mắt 15 tên môn đồ phái Tung sơn. Trong tác phẩm của Ngọa Long Sinh, các điều phụ thuộc thường được trình bày tràng giang đại hải lại chẳng hấp dẫn bao nhiêu, trong khi những điều cốt yếu, những vấn đề trầm trọng cho tư tưởng lại chỉ được đề cập phớt qua.

Thiên nhiên của Ngọa Long Sinh cũng không hùng vĩ đa dạng, không muôn sắc nghìn màu cho bằng thiên nhiên của Kim Dung. Nhưng thế giới nội tâm của các nhân vật lại thường u uẩn khắc khoải hơn rất nhiều. Và đằng sau cái thế giới đó, ta thường bắt gặp nỗi trầm tư sâu thẳm về cõi tồn sinh hay cái nhìn trầm mặc vào nỗi đời dâu bể. Một quái nhân như Tiêu Tiên (trong *Vô Danh Tiêu*) tự giam mình trên gác vắng hàng mấy mươi năm trời để khổ luyện võ công, muốn đem nội kinh gởi vào tiếng tiêu để sát thương địch nhân ở xa hàng dặm, trong chỗ vô hình tích. Ý niệm về thời gian như không còn nữa. Thời gian như đã ngừng trôi trong thế giới nội tâm và con người đó như muốn hướng mình theo tiếng gọi của vô biên và tuyệt đích. Một quan điểm như thế về võ công có lẽ không tìm thấy trong tác phẩm của Kim Dung.

Ba vị cao nhân võ lâm khác là Trang Sơn Bối, Nam Dật

Công và Liễu Tiên Tử (trong *Kim Kiếm Điều Linh*) tự ẩn mình tuyệt tích trong núi hoang, hằng năm lại tỷ thí để tranh nhau chức vô địch. Tử thuở tráng niên, cho đến khi tro tàn thời gian bay bạc trắng cả mái đầu. Tiếng thờ dài của Nam Dật Công chốn hoang sơn khi giạt mình ngấm lại, nghe ra còn thê lương hơn cả hình ảnh Tả Lãnh Thiên mù lòa gào thét trên Phong Thiên đài: tất cả cảnh đời dâu bể đó cũng chỉ vì cái lụy của chữ Danh. Những vấn đề này, ngoài bút tài hoa của Kim Dung chắc chắn sẽ lôi cuốn người đọc hơn nhiều, nhưng cũng vì thế mà dễ mất đi sự thâm trầm của tư tưởng, là những chiều sâu cần trầm tư quán tưởng hơn là biểu đạt trên văn tự ngữ ngôn.

Tác phẩm Kim Dung giống như Thiên kiếm, và tác phẩm Ngọa Long Sinh không khác Tuyệt đao. Thiên kiếm thường được ưa thích hơn Tuyệt đao, cũng như Thi Quí Lý Hạ đầu có được mến mộ bằng Thi Tiên Lý Bạch hay Thi Phật Vương Duy. Nhưng cả kiếm lẫn đao đều vạch ra một thông lộ cho người đọc tìm về cõi đạo phương Đông. Trong Tuyệt đao đã hàm ẩn Thiên kiếm, và trong Thiên kiếm vẫn thấp thoáng Tuyệt đao. Nhưng tại chỗ chót vót sơ đầu, cả Thiên kiếm và Tuyệt đao đều hợp nhất thành Một, bởi vì đó chỉ là hai lối rẽ tạm thời trong tư tưởng do yêu sách của việc lập ngôn!

LỘC ĐÌNH KÝ VÀ VIÊN VIÊN KHÚC

Tác phẩm đầu tiên của Kim Dung là *Thư Kiếm Ân Cừ* *Lục* dùng bối cảnh là triều đại Càn Long đời Thanh. Một trong các tác phẩm tiếp theo là *Bích Huyết Kiếm* cũng nói về cuộc nổi dậy của Sấm vương Lý Tự Thành lật đổ vua Sùng Trinh nhà Minh. Rồi bối cảnh trong *Bích Huyết Kiếm* lại tiếp tục làm nền cho tác phẩm cuối cùng là *Lộc Đình Ký*. Cả hai tác phẩm đầu và cuối đều mô tả lại cuộc đấu tranh của phong trào “*Phản Thanh phục Minh*” của Thiên địa hội đối với triều đình nhà Mãn Thanh. Đó có lẽ là thủ pháp “*phục tuyền*” của Kim Dung: chấm dứt bằng cái mở đầu.

Lộc Đình Ký xoay quanh cuộc tranh giành bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, và dựng lại bối cảnh tranh giành quyền lực chính trị ở buổi đầu của triều đình Mãn Thanh. Nhưng dòng ẩn lưu chảy ngầm bên dưới mọi biến cố lịch sử kinh người đó lại một danh kỹ dung nhan tuyệt tục: *Trần Viên Viên*, mà số phận kỳ lạ đã được nhà thơ Ngô Mai Thôn biến thành bất tử qua bài trường thi *Viên Viên khúc*.

Trong lịch sử văn chương Trung Quốc có ba bài trường thi nổi tiếng đều nói về cuộc đời ba người phụ nữ tài hoa. Bài thứ nhất là *Trường Hận Ca* của Bạch Cư Dị đời Đường nói về mối hận tình thiên cổ giữa Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi. Nhà thơ Tản Đà đã đem hết tài hoa của mình ra để

chuyển sang Việt ngữ thành bản dịch còn hay hơn nguyên tác. Bài thứ hai là *Tỳ Bà Hành*, cũng của Bạch Cư Dị, nói về nỗi lòng hiu quạnh của một thương phụ bên Tầm Dương. Nhà thơ Phan Huy Vịnh cũng chuyển cung đàn tỳ bà đó thành những hạt ngọc trong văn chương Việt Nam, làm tăng thêm thanh giá cho nhà thơ Giang Châu Tư Mã. Hai bài này có lẽ không ai yêu văn học cổ lại không biết đến. Bài thứ ba của Ngô Mai Thôn viết về cuộc đời một danh kỹ thời Minh mạt, mà số phận trầm luân đã làm sụp đổ cả một triều đại phong kiến cuối cùng của người Hán. Đó là *Viên Viên khúc*. Bài này không hiểu sao ít được biết đến ở Việt Nam, mặc dù số phận trầm luân của Viên Viên có nhiều điểm giống nàng Kiều và văn chương trong bài thơ lại vô cùng diễm lệ. Có lẽ đến cuối đời Minh thì ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với thế hệ ông cha ta không còn mạnh mẽ và sâu sắc như hai thời hoàng kim Đường – Tống nữa chăng?

Kim Dung đã dựng lại hình ảnh của Trần Viên Viên trong bộ tiểu thuyết cuối đời: *Lộc Đình Ký*. Trong những cô nàng mà Vi Tiểu Bảo say mê theo đuổi thì có một cô nàng làm cho y phải điên đảo thần hồn, đó là A Kha. Điều đó cũng dễ hiểu vì A Kha chính là con gái của Trần Viên Viên nên đã kế thừa được dung nhan tuyệt tục của mẹ. Tổng binh Ngô Tam Quế giữ vai trò quyết định trong việc làm sụp đổ triều Minh, khi mở Sơn Hải quan để dẫn quân Thanh vào cướp Trung Quốc và lật đổ Sấm vương Lý Tự Thành để mang tiếng xấu đến ngàn năm cũng chỉ vì muốn giành lại một cô danh kỹ! Kẻ tài tuấn như Bách thắng đao vương Hồ Dật Chi chỉ một lần nhìn thấy Viên Viên đã cam nhận từ bỏ mộng vùng vẫy giang hồ mà làm thân phận kẻ quét vườn để chỉ được ngày ngày ngắm nhìn dung nhan của mỹ nhân tuyệt tục. Kẻ võ công xuất thần nhập hóa đó nhận ra “*tấm lòng tri kỷ*” của Vi Tiểu Bảo và kết

làm huynh đệ chỉ vì Vi Tiểu Bảo là người duy nhất tán thán khối tình si của ông, khối tình si bị khách giang hồ luôn chế nhạo.

Bài *Viên Viên khúc* được Ngô Mai Thôn sáng tác khi Viên Viên còn đương sống. Kẻ tài tử làm thơ để xót thương cho má hồng phận bạc cũng là lẽ thường tình. Tôi xin giúp bạn đọc chưa quen thuộc với lịch sử Trung Quốc tìm hiểu thêm về cuộc đời của Trần Viên Viên trong bối cảnh thời Minh mạt qua bài *Viên Viên khúc* với vài câu thơ Kiều làm lời nhiep dẫn để các bạn có thể thưởng thức *Lộc Đình Ký* thêm phần thú vị. Trong *Lộc Đình Ký*, Kim Dung có hư cấu cảnh Vi Tiểu Bảo được Viên Viên ngồi gảy đàn và hát cho nghe toàn bài *Viên Viên khúc*, vì cảm chút tình tri ngộ. Bà càng thấy được cảm thông hơn khi biết vị “*Vi đại nhân*” kia cũng xuất thân từ kỹ viện ở đất Dương Châu.

Trần Viên Viên là một danh kỹ thời Minh mạt, quê ở Tô Châu. Viên Viên tên là Nguyên, tự Uyển Phương, vốn là họ Hình, về sau đổi họ theo má nuôi thành họ Trần. Viên Viên dung mạo xinh đẹp, lại thông minh và có tài ca múa, tên tuổi quán tuyệt đương thời. Gia đình bá Chu Khuê là nhạc phụ của hoàng đế Sùng Trinh, vừa gặp đã sững sốt, bèn bỏ vàng ra mua, đem về cho con là đương kim hoàng hậu, nhằm mục đích tiến vua. Lúc bấy giờ người rất được vua sủng ái tên là Điền quý phi bị bệnh qua đời, khiến vua vô cùng sầu muộn. Chu Khuê muốn con gái mình đem tiến Viên Viên cho vua khuây lấp nỗi buồn đánh mất lứa đôi. Giá như Sùng Trinh là ông vua nghệ sĩ như Đường Minh Hoàng và thuở Minh mạt đó là thuở nhân dân đang vui cảnh thịnh trị thanh bình thì rất có thể lịch sử Trung Quốc lại có thêm một cặp Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi thứ hai. Tiếc thay, lúc đó triều đình đang rối ren vì cuộc nổi dậy của Sấm vương Lý Tự

Thành, vua Sùng Trinh không những hững hờ trước vưu vật đó của hóa công, mà còn xem đó là “*điểm mất nước*”. Người đời sau có thương hương tiếc ngọc đến đâu cũng không thể chê trách Sùng Trinh được. Phải, bài học lịch sử còn sờ sờ đây. Vua Trụ mất nước vì Đắc Kỷ. Nhà Chu suy vong vì Bao Tự. Phù Sai thân bại danh liệt bởi Tây Thi. Đường Minh Hoàng khốn đốn vì Dương Quý Phi. Quân của Lý Tự Thành đã áp sát kinh đô, cơ đồ đang nghiêng ngửa, cái thân đế vương cũng mong manh giữa cơn lốc bạo loạn thì có sá gì một mảnh hồng nhan?

Điều may mắn là vua Sùng Trinh không đem dìm chết Viên Viên như Câu Tiễn làm với Tây Thi, mà nhà vua buộc hoàng hậu đem trả lại Chu gia. Lúc bấy giờ Ngô Tam Quế làm tổng binh, phụng mệnh vua đem đại quân trấn giữ Sơn Hải quan. Chu Khuê muốn thừa dịp này tạo mối quan hệ với Ngô, hầu tìm chỗ dựa thân giữa thời tao loạn, nên buổi chiều trước khi Ngô Tam Quế lên đường, họ Chu bèn cho mở tiệc dâng trình để đưa tiễn. Trong buổi tiệc, Chu Khuê cho Viên Viên múa hát để phục vụ. Cái dung nhan tuyệt tục và cái tài hoa hân hữu cổ kim đó đã làm điên đảo tất cả các tọa khách. Và chính tại nơi đây, sự sụp đổ của nhà Minh đã được quyết định. Ngô Tam Quế vừa gặp Viên Viên đã cho là người trời (*thiên nhân!*), thần hồn điên đảo, liền xin đem ngàn vàng ngỏ lời cầu hôn. Lúc bấy giờ tin chiến sự ở biên cương liên tiếp về cấp báo, Ngô Tam Quế phải kéo quân đi và hẹn ngày về để tổ chức hôn sự.

Chu Khuê vội đem Viên Viên gởi nhà để đốc Ngô Tương là cha Ngô Tam Quế để đợi đến ngày làm lễ thành thân. Khi Lý Tự Thành phá Bắc Kinh, vua Sùng Trinh tuần quốc, Ngô Tương vội xin hàng. Tướng của Lý Tự Thành là Lưu Tông Mẫn khám nhà Ngô Tương thấy Viên Viên bèn bắt về cho

Sấm vương, và vị tân vương này buộc Ngô Tương phải viết thư chiêu hàng Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế nhận được thư cha rất vui mừng, toan đem quân về đầu hàng thì nghe tin Lý Tự Thành đã cướp mất Viên Viên, bèn bưng bưng nổi giận, rút kiếm chém đứt một góc bàn mà nói: “*Trượng phu bất năng tự bảo kỳ gia, hà dĩ sinh yên?*” (Bậc trượng phu không bảo vệ được nhà mình thì còn sống làm gì?). Sau đó, viết thư trả lời cho cha, cương quyết không hàng. Trong lá thư đó có một câu “*Phụ bất năng vi trung thần, nhi an đắc vi hiếu tử?*” (cha đã không làm được bậc trung thần, con há làm được người con hiếu?). Thoạt nghe như lời của một bậc trung thần tận trung báo quốc, đặt nợ nước lên trên thù nhà, nhưng thực ra cũng chỉ là cái “*khí đoan*” của khách anh hùng trước tấm hồng nhan. Lý Tự Thành nổi giận đem cả nhà Ngô Tương gồm 38 người ra xử trảm. *Toàn gia bạch cốt thành hôi thổ, Nhất đại hồng trang chiếu hãn thanh (Cả nhà xương trắng thành tro bụi. Một thuở hồng nhan chiếu sử xanh).*

Ngô Tam Quế quyết định mở Sơn Hải quan để đón quân Thanh vào, và cùng kéo quân về chiếm Bắc Kinh. Lý Tự Thành phải bỏ Bắc Kinh mà chạy về hướng tây, Ngô Tam Quế đuổi theo đến Sơn Tây thì bộ tướng bắt lại được Viên Viên. Ngô Tam đối với nhà Thanh có công lớn nên được Thanh triều phong làm Bình Tây vương, trấn giữ Vân Nam. Ngô Tam Quế muốn lập Viên Viên lên ngôi phi nhưng Viên Viên từ chối. Khi Ngô Tam Quế phản Thanh, tự phong làm hoàng đế thì Viên Viên làm đạo sĩ tu hành cho đến cuối đời. “*Sự đời đã tắt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi hồng làm chi*”. Chính tại am Tam Thánh, Kim Dung đã hư cấu nên cảnh Viên Viên gặp lại Lý Tự Thành và Ngô Tam Quế để khẳng định A Kha chính là con của Lý Tự Thành. Sách vở chép lại không cho biết Viên Viên có con hay không. Nhưng nếu Viên Viên có

con gái thì điều đó cũng phù hợp, vì ắt hẳn Hóa công sẽ thấy có lỗi nếu như cái “*nguyên bản*” dung nhan quán tuyệt đương thời đó lại không lưu cho đời một “*bản sao*”!

Số phận kỳ lạ của Viên Viên có nhiều điểm sao quá giống Thúy Kiều. Nếu Nguyễn Du vì Thúy Kiều mà dựng nên một tòa tân thanh lạng lẽ quán tuyệt cổ kim, thì Ngô Mai Thôn cũng vì Viên Viên mà đem hết tài hoa phổ vào *Viên Viên khúc*. Xin mời các bạn cùng thưởng thức trọn bài. Người ta cho rằng sở dĩ *Viên Viên khúc* không được phổ biến như *Trường Hận Ca* vì nó có nhiều điển cổ. Nếu *Trường Hận Ca* chỉ dùng duy nhất một điển cổ trong câu “*Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành*” thì *Viên Viên khúc* lại hơi nhiều điển cổ, mà chúng ta phải biết đến, để có thể tận hưởng được vẻ đẹp của văn chương, chứ không nên làm một Vi Tiểu Bảo chỉ biết ngồi để nhìn người đẹp chơi nhạc, chứ không hiểu gì về tiếng nhạc!

Đỉnh Hồ đương nhật khí nhân gian	鼎胡當日棄人間
Phá địch thâm kinh há Ngọc Quan	破敵收京下玉關
Thống khóc lục quân giai cảo tố	痛哭六軍皆縞素
Xung quan nhất nộ vị hồng nhan	衝官一怒為紅顏

(Ngày đó tại Đỉnh Hồ, (người) đã từ bỏ nhân gian. Phá quân giặc, về kinh, xuống miền Ngọc Quan, Tất cả quân sĩ đều khóc than và để tang trắng. Một phen nổi giận dựng cả tóc là vì khách hồng nhan)

Theo Sử ký chép lại thì Hoàng Đế, một ông vua huyền thoại của Trung Quốc cổ, đem đồng đúc thành đỉnh. Đỉnh đúc xong, bỗng có rồng hạ xuống đón Hoàng Đế về trời, người đời sau gọi nơi đó là Đỉnh Hồ. Câu đầu ý nói vua Sùng

Trinh tuần quốc. Ngọc quan tức Ngọc Môn quan, lời thơ dùng để ám chỉ Sơn Hải quan, là nơi Ngô Tam Quế đã mở cửa cho quân Thanh vào đánh chiếm Bắc Kinh. Quân lính đều mặc áo trắng là để tang cho vua Sùng Trinh. Ngô Tam Quế nghe tin Viên Viên bị bắt, liền dùng dùng nỗi giận dẫn Thanh binh tấn công, chẳng kể gì đến lời chiêu hàng của cha. Hai câu “*Thống khốc lục quân giai cảo tổ, Xung quan nhất phát vị hồng nhan*” quả là lời châm biếm sâu cay.

Hồng nhan lưu lạc phi ngô luyện	紅顏流落非吾戀
Nghịch tặc thiên vong tự hoang yển	逆賊天亡自荒譙
Điện tảo Hoàng cân định Hắc sơn	電掃黃巾定黑山
Khốc bãi quân thân tái tương kiến	哭罷君臣再相見

(*Hồng nhan lưu lạc đâu phải là điều khiến ta phải lưu luyến? (Chỉ do) bọn nghịch tặc kia trời muốn diệt đi vì bọn chúng hành sự hoang đường. Quét sạch bọn giặc Hoàng cân và ổn định miền Hắc sơn. Sau hồi than khóc, vua tôi lại được cùng gặp mặt*)

Câu đầu mượn Ngô Tam Quế để ngỏ lời bào chữa. Ý muốn nói Tam Quế dẫn Thanh binh vào chiếm Bắc Kinh không phải vì Viên Viên mà chỉ muốn dẹp bọn nghịch tặc là Sấm vương Lý Tự Thành, và báo thù cho vua Sùng Trinh tuần quốc. Dưới mắt Ngô Tam Quế, lực lượng Lý Tự Thành cũng chỉ như loạn Hoàng cân dưới thời Đông Hán, sẽ bị quét sạch trong nháy mắt. Hắc sơn là nơi cát cứ của đám phiến quân chống triều đình ở cuối đời Đông Hán, đây cũng được dùng để chỉ Lý Tự Thành. “*Tái tương kiến*” muốn nói đến cuộc trùng phùng giữa Ngô Tam Quế và Viên Viên.

Tương kiến sơ kinh Điền Đậu gia	相見初驚田實家
Hầu môn ca vũ xuất như hoa	侯門歌舞出如花
Hứa tương thích lý không hầu kỹ	許將戚里箜篌技
Đẳng thủ tướng quân du bích xa	等取將軍油壁車

(Lúc gặp lần đầu ở nhà bậc quan gia lòng đã kinh hãi. Nơi của quan, (nàng) múa hát, xinh đẹp như một cành hoa. Tiêng đàn không hầu tuyệt kỹ đó, đáng để bậc tướng quân đón cùng ngồi trên xe du bích)

Đoạn này kể lại giai đoạn buổi sơ ngộ giữa Viên Viên và Ngô Tam Quế tại nhà Chu Khuê. Điền Đậu tức hai bậc công hầu ngoại thích là Vũ an hầu Điền Phân thời Hán Cảnh đế và Ngụy kỳ hầu Đậu Anh thời Hán Văn đế, ở đây tác giả ám chỉ Chu Khuê. Theo Nhạc phủ quảng kí thì Tô Tiểu Tiểu, người Nam Tề, là danh kĩ tài hoa đất Tiền Đường. Tô có bài ca: “Ngã thừa du bích xa, Lang khoa thanh thông mã, Hà xứ kết đồng tâm, Tây lăng tùng bách hạ” (Thiếp đi xe du bích, chàng cưỡi ngựa trắng, nơi nào ta có thể kết mối đồng tâm? Đó là dưới cây thông, cây bách chốn Tây lăng). Du bích xa là loại xe đẹp sơn màu xanh. Viên Viên và Tô tiểu tiểu đều là danh kĩ xuất thân chốn phong trần, nên dùng điển “du bích xa” là phù hợp. Câu này muốn nói cái tài hoa và dung nhan tuyệt đại của Viên Viên đáng để các bậc công hầu đem xe đến đón về.

Gia bản Cô Tô Hoãn Hoa lý	家本姑蘇緩花里
Viên Viên tiểu tự kiều la ý	圓圓小字嬌羅綺
Mộng hướng Phù Sai uyển lý du	夢向扶差苑裡遊

Cung nga ửng nhập quân vương
khí (khởi)

Tiền thân hợp thị thái liên nhân

Môn tiền nhất phiến Hoàn
Đường thủy

宮娥擁入君王起

前身合是採蓮人

門前一片橫塘水

(Nhà nàng vốn ở đất Cô Tô, nơi làng Hoãn Hoa. Tên tự là Viên Viên, yếu điệu thuốt tha như tấm lụa. Nàng thường nằm mơ thấy vào chơi vườn hoa của Ngô Phù Sai. Cung nga đi vào, bậc quân vương cũng phải đứng lên đón. (Bởi vì) tiền thân nàng là người đẹp hái sen Tây Thi. Trước nhà là dòng sông Hoàn Đường trôi chảy)

Đoạn này nói về quê quán của Viên Viên. Cô Tô tức Tô Châu. Làng Hoãn Hoa là nơi sinh của danh kỹ Tiết Đào đời Đường, câu này ám chỉ Viên Viên xuất thân là kỹ nữ. Ngô Mai Thôn xem Viên Viên như là hậu thân của người đẹp hái sen Tây Thi thời Chiến quốc, vì cùng gây nghiêng ngửa cho cơ đồ của bậc đế vương. Phù Sai vì Tây Thi mà tan tành cơ nghiệp, Viên Viên làm sụp đổ nhà Đại Minh dưới tay Ngô Tam Quế. Một người là thôn nữ hái sen, một người là danh kỹ nhưng đều giống nhau ở điểm “kiểu la ý” (xinh đẹp và thuốt tha như lụa). Hoàn Đường là địa danh ở Giang Tô, cách phía tây nam của Ngô huyện chừng mười dặm. Vì thấy lời thơ đề cập đến tiền thân của Viên Viên là Tây Thi, nên có sách cho “Hoãn Hoa lý” là “hoãn sa lý” và giải thích là “làng giặt lụa”, e rằng lắm. Xin nêu ra để bạn đọc tham khảo. Nếu trong “Trường hận ca”, khi gặp vua, Dương Quý Phi đã “thị nhi phù khởi kiều vô lực” (thị nữ nâng dậy, ẻo lã như không còn hơi sức), thì Viên Viên cũng “cung nga ửng nhập quân vương khởi”. Mà

nói về Tây Thi là nói đến Viên Viên vì “*tiền thân hợp thị thái liên nhân*”.

Hoành đường song tưởng
khứ như phi

橫塘雙獎去如飛

Hà xứ hào gia cưỡng tái quy?

何處豪家強再歸?

Thử tế khởi tri phi bạc mệnh

此際豈知非泊命

Thử thời chỉ hữu lệ triêm y

此時只有淚霑衣

(Trên sông Hoành Đường, hai mái chèo lướt mau như bay. Kẻ hào gia ở xứ nào đến ép mang nàng đi? Lúc đó có ai hay rằng không là bạc mệnh? Bây giờ chỉ có lệ ướt đầm cả áo)

Hào gia đây tức Gia định bá Chu Khuê, người đã bỏ vàng ra để mua Viên Viên về tiến cung. Lúc đó nào ai biết được cuộc đời Viên Viên sẽ ra sao. Cái *điều bạc mệnh* có chứa ai đâu? Mã Giám Sinh đến đón Kiều đi là “*Vó câu khắp khểnh, bánh xe gập ghềnh*”, là “*dặm khuya ngất tạnh mù khơi*”, để “*nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng*”. Tương lai kiều nữ mờ mịt lắm cho nên “*đoạn trường thay lúc phân kỳ*”. Kiều đã khóc “*Nhìn càng lã chã giọt hồng*” và Viên Viên cũng đã khóc. “*Thử thời duy hữu lệ triêm y*”. Lệ ướt đầm vạt áo, lệ làm tan nát lòng người. Những điều lạ lùng vẫn đang đón chờ kiều nữ trên khắp chốn bể dâu. “*Phận bèo bao quản nước sa, lệnh đênh đâu nữa cũng là lệnh đênh*”

Huân thiên ý khí liên cung dịch

熏天意氣連宮掖

Minh mâu hạo xỉ vô nhân tích

明眸皓齒無人惜

Đoạt quy thủy hạng bể lương gia

奪歸水巷閉良家

Giáo tựu tân thanh kinh tọa khách

教就新聲驚坐客

(Ngất trời ý khí tiếp liền cung dịch. Mắt sáng rặng ngà mà không người thương tiếc. Mang (nàng) từ chốn cung đình về để ở chốn lương gia. Dạy nàng hát những bài ca mới làm kinh ngạc những khách ngồi nghe)

Cung dịch là nơi phi tần và cung nữ ở. Viên Viên được tham dự vào hàng ngũ phi tần, ai cũng ngỡ rằng ý khí dương dương với tương lai rộng mở. Đâu hay vua Sùng Trinh đang lo âu vì quốc sự nên Viên Viên dù là tuyệt đại hồng nhan cũng không được chan rưới long ân. *Minh mâu hạo xỉ vô nhân tích*. Thủy hạng tức cung dịch. Sùng Trinh buộc hoàng hậu phải trả nàng về lại với Chu gia. Tại đây trong buổi tiệc tiễn đưa Ngô Tam Quế lên đường, cánh hoa xuân xuất hiện trong ca vũ, và ai ngờ nổi chính phút giây này đã quyết định vận số của triều Minh?

Tọa khách phi trường hồng nhật 坐客飛觴紅日暮
mộ

Nhất khúc ai huyền hường thù 一曲哀弦向誰訴?
tố?

Bạch tích thông hầu tối thiếu niên 白晳通侯最少年

Giản thủ hoa chi lữ hồi cố 揀取花枝屢回顧

Tảo huê kiều điểu xuất phàn lung 早攜嬌鳥出樊籠

Tri đắc Ngân hà kỷ thời độ? 持得銀河幾時渡?

Hận sát quân thư để tử thôi 恨殺軍書抵死催

Khổ lưu hậu ước tương nhân ngộ 苦留後約相人誤

(Tọa khách nâng ly uống cho đến khi chiều xuống. Một khúc tơ buồn biết cùng ai than thở? Có một bậc thiếu niên anh tuấn, tước vị cao. (Người ấy) đã chọn được cảnh hoa đẹp (là nàng) và

đã nhiều lần liếc nhìn. (Người ấy) muốn đem con chim đẹp (là nàng) ra khỏi lồng. Gặp nhau như Chúc Nữ Ngưu Lang, hỏi chờ nhau được bao lâu? Chỉ hận một nỗi là tin tức từ chiến trường gửi về thôi thúc (phải lên đường). Nên lưu lại lời hẹn ước để rồi gây cho người chuyện lỡ lầm)

Ai có thể ra về khi có người đẹp đang múa ca mời rượu? Chiều đã xuống rồi nhưng chén rượu vẫn được nâng lên. Uống cho hết mùi thơm của rượu, uống cho hết tiếng hát và nhan sắc của giai nhân. Nhưng còn nàng, khúc nhạc buồn kia đang muốn ngỏ cùng ai? Văn Quân đây nhưng đâu là Tư Mã? Có ai nghe ra tâm sự gửi vào tiếng đàn của cánh hoa đang trầm luân lưu lạc? Hóa công đã tạo ra những vưu vật kỳ tuyệt đó không phải để họ tàn tạ âm thầm như cây cỏ mà lại khiến họ kín đáo diu dặt lịch sử trôi theo một con đường khác, ở chỗ vô hình, cho nên về lại Chu gia thì gái thuyền quyền được gặp khách anh hùng. Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi. Vị tổng binh “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt” (Chinh phụ ngâm khúc) mà quyền thế có thể lật nghiêng cả thiên hạ đang ngồi đó. “Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa”. Chàng đã chọn được một cành hoa và hai bên cũng mãi liếc nhìn nhau để cảm thẩm tình tri ngộ. *Giản thủ hoa chi lữ hồi cổ*. Thơ Bạch Cư Dị có câu: “*giản đắc như hoa tứ ngũ chi*” (chọn được dăm người xinh như hoa – *Cảm cổ Trương Bộc Dịch chư kỳ*) kể ra cũng còn chút tham lam, hoặc giả muốn nói còn có thể chọn lựa được, vì hoa nào cũng khoe sắc và cũng xinh đẹp như nhau. Ở đây thì không thể nào chọn vì mọi cánh hoa tươi thắm khác đều bị lu mờ trước cành hoa rực rỡ Viên Viên.

Thời điểm này là bước ngoặt trong cuộc đời để nàng Viên Viên thực sự đi vào lịch sử với *Viên Viên khúc*. “*Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên*”. Chút thân bèo bọt trầm

luân mong sớm được thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng để nương nhờ kẻ anh hùng. *Tào huê kiêu dũng xuất phàn lung.* Và từ đó nàng danh kỹ tài hoa kia đã vô tình đưa triều Minh đến chỗ diệt vong. *“Nàng rằng: lượng cả bao dong, Tấn Dương được thấy mây rồng có phen, Rộng thương nội cỏ hoa hèn, Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau”.* Ngô Tam Quế vội đem ngàn vàng xin chuộc lại Viên Viên *“ngỏ lời nói với băng nhân, tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn”.* Nhưng vừa gặp nhau lại phải chia tay ngay như Ngưu Lang, Chức Nữ, vì tin chiến sự ở biên cương liên tiếp về cấp báo. *Tri đắc Ngân hà kỷ thời độ?* Ngô Tam Quế phải kéo quân đi và hẹn ngày về để tổ chức hôn sự. *Đành lòng chờ đó ít lâu, chầy chẵng là một năm sau vội gì?* Phải, có gì mà vội. Bình quyền ta đang nắm trong tay, nàng lại là người nhà của bậc quốc trượng thì có gì phải lo cho ngày tế ngộ?

Tương ước ân thâm tương kiến 相約恩深相見難
nan

Nhất triều nghĩ tặc mãn Trường 一朝蟻賊滿長安
An

Khả lân tư phụ lâu đầu liễu 可憐思婦樓頭柳

Nhận tác thiên biên phấn như khan 認作天邊粉絮看

Biển sách Lục Châu vi nội đệ 遍索綠珠圍內弟

Cưỡng hô Giáng Thụ xuất điêu lan 強呼絳樹出雕欄

Nhược phi tráng sĩ toàn sư thắng 若非壯士全帥勝

Tranh đắc nga my thất mã hoàn 爭得娥眉匹馬還

(Lời hẹn ước chan chứa tình sâu, gặp nhau đã khó. Một sớm bọn giặc kiến đã tràn ngập hết kinh đô. Thương thay cho người khuê phụ đang thương nhớ kia lại bị xem như cánh hoa vô chủ trôi dạt ở cuối chân trời. (Bọn chúng) vây nội phủ để tìm kiếm Lục Châu. Và bắt nàng Giáng Thụ phải có mặt ở chỗ lan can có chạm trổ, nếu không có tráng sĩ đem quân toàn thắng, giành được mây ngài cuối ngựa về)

Nhưng “trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, nên Viên Viên phải chịu thêm muôn ngàn ma chiết. Ngày ra đi, đôi ta còn ghi sâu lời ước hẹn, nhưng ngay tao phùng lại quá đỗi gian nan. *Tương ước ân thâm tương kiến nan*. Bởi vì có ai ngờ nổi một sớm mai mà giặc cỏ đã tràn ngập khắp kinh đô, gây nên cảnh lửa binh. *Nhất triều nghị tặc mãn Trường An*. Vương Xương Linh đời Đường có bài thơ nổi tiếng nói về tâm trạng của người vợ ở nhà ngóng trông chồng đang lặn lội ngoài chiến trường để tìm chút công danh: “*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu, Xuân nhật ngưng trang thướng thúy lâu, hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, hối giao phu tế mịch phong hầu*” (Phòng khuê thiếu phụ nào sầu, Ngày ngưng trang điểm bước lên lầu trông ra, Nhìn liễu buồng chợt xót xa, Cớ sao chồng phải xông pha chiến trường). Ngô Mai Thôn cũng dùng điển tích này để nói lên lòng hoài vọng của Viên Viên đối với Ngô Tam Quế. “*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời, đã mòn con mắt phương trời dăm dăm*”. Nhưng trong buổi loạn ly, những “thiếu phụ khuê trung” chỉ được xem như những cánh hoa vô chủ trôi dạt nơi chân trời góc biển. *Khả lân tư phụ lâu đầu liễu, nhận tác thiên biên phấn như khan*.

Lục Châu là ái thiếp của Thạch Sùng đời Tấn. Tồn Tú hâm mộ nhan sắc của Lục Châu, ngơ lời cầu khẩn nhưng không được, Tú bèn giả mệnh vua bắt Thạch Sùng, Lục Châu bèn nhảy lầu tự tận. Giáng Thụ là danh kỹ đời Hán Ngụy.

Ngô Mai Thôn dùng điển này để tả cảnh Lưu Tông Mẫn lục soát nhà Chu Khuê và bắt Viên Viên.

Nga my mã thượng truyền hô tiến 娥靡馬上傳呼進
Vân mấn bất chỉnh kinh hồn định 雲鬢不整驚魂定
Lạp cự nghinh lai tại chiến trường 蠟炬迎來在戰場
Đề trang mấn diện tàn hồng ấn 啼妝滿面殘紅印
Chuyên chinh tiêu cổ hướng Tần xuyên 專征簫鼓向秦川

Kim ngưu đạo thượng xe thiên 金牛道上車天乘
thặng

Tà cốc vân thâm khởi họa lâu 斜谷雲深起畫樓
Tần quan nguyệt lạc khai trang kính 散關月落開妝鏡

(Mây ngài trên ngựa truyền lệnh hô tiến lên. (Nàng với) mái tóc mây lệch lạc, chưa kịp chỉnh trang, đã vừa kịp hoàn hồn. Nến được thắp sáng để nghinh đón nàng ở ngay giữa chiến trường. Trang điểm lại gương mặt đã phai nhạt phấn son. Tiếng chiêng và tiếng đàn tiếng sáo (theo đoàn quân) hướng về Tần xuyên. Hàng ngàn cỗ xe đi trên ngô Kim Ngưu. Nơi hang sâu Tà cốc, mây ùn lên đẹp như mái lầu được vẽ. Chốn Tần quan khi trăng lặn, (nàng lại) mở hộp kính điểm trang)

Câu thơ tả lại cảnh Ngô Tam Quế đuổi theo Lý Tự Thành và giành lại được Viên Viên. Nga my mã thượng truyền hô tiến, Vân mấn bất chỉnh kinh hồn định. Phút giây trùng ngộ của khách anh hùng với gái thuyền duyên biết bao mừng mừng tủi tủi, giống như Từ Hải gặp lại Thúy Kiều. với “Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường”. Sử chép rằng Ngô Tam Quế sai

người xây lâu năm màu (ngũ thái lâu) và đốt nến sáng rực giữa chiến trường để đem xe hương đến đón Viên Viên trong cảnh “Sẵn sàng phượng liễn loan nghi, hoa quan phát phối hà y rõ ràng, Dựng cờ trống nổi lên đằng, Trúc tờ nổi trước kiệu vàng kéo sau, Hòa bài tiền lộ ruổi mau, Nam đình nghe động trống châu đại doanh”. Đúng như lời hẹn ước “Bao giờ mười vạn tinh binh, tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường, Làm cho tỏ mặt phi thường, Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia”. Lạp cụ nghinh lai tại chiến trường.

Cho dầu Ngô Tam Quế đã “rước nàng nghi gia” trong cảnh “om thòm trống trận, rập rình nhạc quân”, nhưng họ Ngô không còn “tỏ mặt phi thường” nữa vì đã thành tội đồ lịch sử với cái hiệu “đại Hán gian”. Vì thế có nhiều nhà nghiên cứu cho Viên Viên là “con người bất tường” vì đã đem lại thảm họa cho một triều đại. Lỗi tại ai? Xin nhường lời lại cho lịch sử. *Chuyên chinh tiêu cổ hướng Tần xuyên*. Ngô Tam Quế, với khí thế “tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường”, kéo quân qua đất Tần để vào Tần, Ngàn cổ xe lại tiếp tục tiến qua Kim ngưu đạo. *Kim ngưu đạo thượng xa thiên thặng*. Kim ngưu đạo hay còn gọi Kim ngưu giáp, là sạn đạo ở phía nam đất Thục. Đi từ Hán Trung vào đất Thục thì phải qua con đường này vì đó là con đường xung yếu giữa hai vùng đất Thục và Tần. Tà cốc là địa danh tại Giáp Tây, nơi ngày xưa Khổng Minh từng cầm chân Tào Tháo. Tần quan, còn gọi là Đại tân quan, cũng là con đường xung yếu giữa Tần và Thục. *Tà cốc vân thâm khởi tọa lâu, Tần quân nguyệt lạc khai trang kính*. Giai nhân mở kính điểm trang dưới ánh trăng tà. Giữa cảnh chiến chinh vẫn còn thơ mộng, nơi binh đao vẫn đượm vẻ phần son.

Truyền lai tiêu tức mãn giang hương 傳來肖息滿江香

Ô bá hồng kinh thập độ sương 烏伯紅經十度霜

Giáo khúc kỹ sư lân thượng tại 教曲技師隣尚在

Hoãn sa nữ bạn ức đồng hàng 緩紗女伴憶同行

Cựu sào cộng thị hàm nê yến 舊巢共是合泥燕

Phi thượng chi đầu biến phụng hoàng 飛上支頭變鳳凰

Trường hướng tôn tiên bi lão đại 長向尊前悲老大

Hữu nhân phu tể thiện hầu vương 有人夫婿擅侯王

(Tin tức được truyền về khắp trên dòng sông thơm ngát, Cây ô bá đã thay là màu hồng qua mười mùa thu. Người cũ dạy (nàng) ca múa nay còn đó. Những người bạn gái cùng giặt lụa ngày xưa có nhớ đến người bạn cùng trang lứa. Ngày nào (học còn là) những chim én lam lũ cùng đậu trên cùng một cành. (Có con chim) bay vút lên đầu cành để biến thành chim phụng hoàng. (Có người) say mãi chén buồn, thương xót cho tuổi tác đã lớn, (vì) có người đã làm vợ bậc hầu vương)

Đoạn thơ này nói đến giai đoạn vinh hoa tột đỉnh của Viên Viên. Vinh hoa bỏ lúc phong trần, Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày. Ô bá là loài cây hoàng lô mộc, khi mùa thu đến, lá cây đâm sương thu và biến thành màu đỏ. Tin tức truyền đi khắp chốn quê cũ. Đã mười mùa thu trôi qua kể từ khi con người tuyệt sắc ngày xưa không còn soi bóng trên dòng sông thơm ngát nữa. Người thầy dạy múa hát ngày xưa vẫn còn đó. Bạn bè ngày cũ vẫn còn nhớ người bạn cùng thân phận. Tất cả đều là những con chim én tầm thường chân lấm tay bùn cùng đậu chung trên một cành cây, nhưng giờ

đây một con đã bay cao vút lên đầu cành để biến thành loại phượng hoàng lộng lẫy. Viên Viên đã như Tây Thi “*Triều vi Việt Khê nữ, Mộ tác Ngô cung phi*” (Sáng còn giặt lụa bờ khe, Chiều buông đã được cận kề vua Ngô – Vương Dục). Những người bạn xưa cả nòng mãi uống rượu vì buồn cho tuổi xuân trôi qua nhanh quá. Tuổi già chớm tới mà vẫn còn lẫm lóc trong cảnh phong trần, trong khi người bạn cũ là Viên Viên đã là vợ của bậc hầu vương. *Trường hướng tôn tiền bi lão đại. Hữu phân phu tế thiện hầu vương*. Câu thơ đọc lên nghe ngậm ngùi như một tiếng thở dài thống thiết.

Đương thời chỉ thụ thanh danh lụy	當時祇受聲名累
Quý thích danh hào cạnh diên chí	貴戚名豪競延至
Nhất đấu minh châu vạn hộc sầu	一斗明珠萬斛愁
Quan san phiêu bạt yêu chi tế	關山飄泊腰肢細
Thố oán cuồng phong dương lạc hoa	錯怨狂風颳落花
Vô biên xuân sắc lai thiên địa	無邊春色來天地

(Thuở bấy giờ, (nàng) vì nổi danh mà chịu nhiều khổ lụy. Các bậc vương tôn công tử, những kẻ quyền thế đua nhau mới đón. (Nhưng đằng sau) mỗi đấu linh châu là nỗi sầu vạn hộc. Rồi thêm cảnh phiêu bạt khắp quan san khiến nàng càng thêm gầy hao. Đã oán trách sai rằng ngọn gió mạnh đã thổi bay cánh hoa rơi, (bởi vì giờ đây) một trời xuân sắc đang đến cùng trời đất)

Đoạn này lại hồi tưởng đến số phận của Viên Viên. Ngày xưa, Viên Viên vì hai chữ sắc tài mà vương lụy. “*Tài tình chi lắm cho trời đất ghen*”. Đương thời thị thụ thanh danh lụy. Vương tôn công tử cùng đua nhau tìm đến với cô danh kỹ

tài sắc vẹn toàn. *Quý thích danh hào cạnh diên chí.* Nhưng trong cảnh “*Dập dìu gió lá cành chim, Sáng đưa Tống Ngọc tới tìm Trạng Khanh*” kia, có ai thấu hiểu cho nỗi niềm đau xót “*Khi tỉnh rượu lúc tan canh, Giật mình, mình lại thương mình xót xa*”? Khách làng chơi vung tiền ra đầy để tìm vui cùng người đẹp nhưng *Nhất đấu minh châu vạn học sầu.* Rồi thêm cảnh trải qua bao tháng ngày phiêu bạc, dung nhan kia cũng có chút gầy hao. *Quan san phiêu bạt yêu chi tể. “Bấy chầy giải nguyệt dẫu hoa, Mười phần xuân có gầy ba bốn phần”.* Xuân kia quá lộng lẫy huy hoàng nên cho dẫu có gầy ba bốn phần thì xuân vẫn còn rạng ngời hương sắc. Cho nên đừng vội oán trách cuồng phong thổi cành hoa rơi rụng (ám chỉ chuyện Chu gia đến mua Viên Viên) vì sắc xuân lại về tràn ngập đến vô biên (bởi vinh hoa đã đến). *Thổ oán cuồng phong phiêu lạc hoa, Vô biên thiên sắc lại thiên địa.*

Thường văn khuynh quốc dữ 常聞傾國與傾城
khuynh thành

Phiên sử Chu Lang thụ trọng danh 翻史周郎受重名

Thê tử khởi ứng quan đại kế 妻子起應關大計

Anh hùng vô nại thị đa tình 英雄無奈是多情

Toàn gia bạch cốt thành hôi thổ 全家白骨城灰土

Nhất đại hồng trang chiếu hãn thanh 一代紅妝照汗清

(Thường nghe nói rằng người đẹp nghiêng nước nghiêng thành lại giúp cho Chu lang được nổi danh. Vợ con há có quan hệ với chuyện lớn. (chỉ) tiếc thay anh hùng lại đa tình. Cả nhà

xương trắng đã biến thành tro bụi. Hồng nhan một thuở còn soi với sử xanh).

Chu Lang đây là Chu Công Cẩn thời Tam Quốc. Viên đô đốc này chỉ vì bị Khổng Minh nói khích đến “*nhị kiều*” ở Giang đông mà lập tức liên kết với Khổng Minh để đánh tan đại quân Tào Tháo trên sông Xích Bích, tạo nên một chiến công được lưu truyền thiên cổ. Tài của Chu Du mà lại được lưu danh là nhờ vào cơn giận đối với “*nhị kiều*” khuynh thành khuynh quốc. Đó cũng chính là “*Xung quan nhất nộ vị hồng nhan*”. Chỉ có khác là Ngô Tam Quế vì cái “*xung quan nhất nộ vị hồng nhan*” đó mà đã đem giang sơn Đại Minh trao cho ngoại tộc, còn Chu Du lại trấn giữ được Giang đông. Vợ con thì nào có liên quan gì đến chuyện quốc gia đại sự, nhưng không may thay khi Hóa công tạo ra kẻ anh hùng lại bắt họ mang thêm cái nghiệp đa tình. *Thê tử khởi ưng quan đại kế, Anh hùng vô nại thị đa tình*. Thế cho nên “*Toàn gia bạch cốt thành hôi thổ, Nhất đại hồng trang chiếu hãn thanh*”. Ba mươi tám mạng người Ngô gia biến thành cát bụi để sử xanh chiếu soi cho nhân gian rõ mặt “*nhất đại hồng trang*”. Vì một mảnh hồng nhan mà làm tan nát cả gia đình và trao giang sơn cho một dân tộc ngoại bang, tình yêu của vị tổng binh Ngô quả khiến người ta phải một phen kinh hãi. Than ôi, “*Mười lăm năm bấy nhiêu lần, Làm gương cho khách hồng quần thử soi*”. Sử xanh có soi rọi được không, hay chỉ ngộ nhận để khiến khách má hồng mang thêm oan nghiệt?

Tương truyền khi bài hát này lưu hành trong dân gian, Ngô Tam Quế cho người đem ngàn vàng đến gặp Ngô Mai Thôn để xin ông đổi lại các câu “*Thống khốc lục quân giai cảo tổ, Xung quan nhất phát vi hồng nhan*” và “*Toàn gia bạch cốt thành hôi thổ, Nhất đại hồng trang chiếu hãn thanh*” nhưng bị ông cự tuyệt.

Quân bất kiến:

Quán Oa sơ khởi uyên ương túc

Việt nữ như hoa khan bất túc

Hương kính trần sinh diêu tự đề

Lý lang nhân khứ đài không lục

Hoán vũ di cung vạn lý sầu

Châu ca thúy vũ cổ Lương Châu

Vị quân biệt xướng Ngô cung khúc

Hán thủy đông nam tự nhật lưu

君不見:

館娃初起鵷鴛宿

越女如花看不足

香徑塵生鳥自啼

履廊人去苔空綠

換羽移宮萬里愁

珠歌翠舞古梁州

為君別唱吳宮曲

漢水東南自日流

(Ngài có thấy: (người say) giấc mộng uyên ương nơi Quán Oa vừa tỉnh giấc. Người con gái đất Việt đẹp như hoa nhìn mãi không chán. Nơi đường cũ hoa thơm chỉ có bụi bay và tiếng chim ca hót. Nơi hành lang cũ người xưa đã đi mất, chỉ còn lại rêu xanh. So các cung tơ nghe mệnh mộng nổi sầu vạn dặm (khi) nghe những người con gái trang sức với mình châu, phi thúy hát điệu cổ Lương Châu. Vì ngài, tôi xin hát khúc Ngô cung. Dòng sông Hán, vẫn cứ mãi miết chảy về hướng đông nam)

Đoạn này tả sự sủng ái của Phù Sai với Tây Thi là để nói đến Viên Viên. Quán Oa là cung điện do Phù Sai xây cho Tây Thi ở. Cảnh ái ân đắm thắm của Ngô Tam Quế với Viên Viên có khác gì Ngô Phù Sai với Tây Thi ngày trước? Hương kính là con đường nhỏ đầy hoa thơm ở núi Hương sơn, theo Thái bình quảng ký thì Phù Sai thường cùng Tây Thi đến hái hoa ở nơi đây. Lý lang hay còn gọi Hưởng lý lang (hành lang vang tiếng guốc) là hành lang của cung Quán Oa. Nơi đường xưa chỉ còn bụi bay và rộn tiếng chim kêu. Hàng lang cũ đã im vắng gót chân ai để thời gian phủ lên những lớp rêu xanh.

Hương kính trần sinh điều tự để, Lý lang nhân khứ đài sinh lục.
Buồn thay! Cung bậc xưa đã gieo sâu vạ dậm. Vũ và cung là hai cung bậc trong ngũ cung: cung, thương, giốc, chủy, vũ. Ôi những ca nhi với trang sức minh châu phi thúy đang hát khúc Lương châu ngay trước. Ôi những Viên Viên, những Tô Tiểu Tiểu, những Tây Thi đã mang cho trần gian những nỗi sầu mênh mông trong châu ca thúy vũ, vì các người, ta xin hát riêng một khúc Ngô cung. Tất cả vinh hoa phú quý trên cõi thế rồi sẽ trôi đi, như dòng sông Hán kia ngày ngày chảy mãi về đông.

Viên Viên khúc quả có điểm giống như một truyện Kiều thu gọn. Bi kịch của Trần Viên Viên quả là bi kịch hãn hữu của hồng nhan. Một cô danh kỹ hiền lành hoàn toàn không có tham vọng chính trị như Võ Tắc Thiên lại vô tình làm cho một vị tổng binh phải toàn gia bị tru lạc và làm sụp đổ cả nhà Đại Minh; một cô danh kỹ đã phải làm vợ cả ba vị vua của cả ba triều đại: Sùng Trinh, Lý Tự Thành và Ngô Tam Quế, để rồi cuối cùng lại gởi thân vào chốn am mây để sám hối những tội lỗi mà mình không hề gây ra. Đúng là con tạo trở trêu tạo nên bao cảnh lạ, khiến con người khi ngoảnh đầu nhìn lại không khỏi thấy mọi sự thế gian đều trở nên hư huyền, bọt bèo, có lẽ chỉ còn lại “*nhất đại hồng trang chiếu hân thanh*”.

Bài *Viên Viên khúc* quả gây cho người viết quá nhiều cảm xúc. Người viết xin được “*vịnh*” về Viên Viên để thay lời kết thúc:

Tài mệnh tương phưong diệt bất nhiên

Thế gian an hữu Trần Viên Viên?

Khởi tương ca vũ diệt Minh đại

Dục bả hồng trang vấn lão thiên.

才命相妨亦不然
世間安有陳圓圓？

起將歌舞滅明代
欲把紅妝問老天

Tài mệnh ghét nhau đến thế sao?

Thế gian đâu có Viên Viên nào.

Há đem ca múa tàn Minh hết,

Muốn lấy hồng nhan hỏi trời cao.

(Nguyễn Tôn Nhan dịch)

Ghi chú: Năm 2005, tôi và nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan cùng viết chung trong cuốn *Bút Kiếm Kim Dung*, do Dương Ngọc Dũng chủ biên, có sử dụng bài này. Một hôm, tôi và anh Nhan tới nhà xuất bản để xem thử kết quả in ấn thì nhà xuất bản yêu cầu nên có một bản dịch tiếng Việt cho bài thơ của tôi để đọc giả dễ hiểu hơn. Tôi đang suy nghĩ thì anh Nhan cầm lấy bút và tờ giấy viết ngay bản dịch này. Tôi cười, bảo anh: “Huỳnh Ngọc Chiến làm thơ chữ Hán để nhà Hán học Nguyễn Tôn Nhan dịch ra tiếng Việt, khác nào môn đồ phe Kiếm Tông sử dụng toàn nội lực, còn môn đồ phe Khí Tông sử dụng toàn chiêu thức.” Anh cười khà khà: “Không sao! Cứ thế cho vui.” Nay anh Nhan đã mất, tôi xin ghi lại vài dòng này để ghi nhớ những kỷ niệm đáng trân trọng một thời của hai anh em. (10.2019)

BÁ CHỦ VÕ LÂM: BI KỊCH CỦA QUYỀN LỰC

Theo giáo lí đạo Phật, cái thế gian điên đảo này tồn tại và đắm chìm bởi hai chữ *Ái* và *Dục*. Hầu hết con người, khi vừa sinh ra, dường như đã mang sẵn lòng tham dục rất đỗi vô minh. Ban đầu, đó có lẽ chỉ là một phần của bản năng tồn tại. Nhưng càng về sau, thì lòng tham dục đó lại được con người dùng để khuếch trương cái bản ngã của mình, thông qua bao thứ phù phiếm của trần gian: tiền bạc, danh vọng, quyền lực, kiến thức v.v... Mỗi người mỗi cách, đều dẫn thân theo một đam mê nào đó và đắm chìm trong chính đam mê ấy. Dẫu sao, điều đó cũng có một giá trị nhất định, bởi một người chết vì một đam mê nào đấy, vẫn có ý nghĩa hơn là sống một đời mờ nhạt và không có một đam mê nào. Những tay cao thủ kiêu hùng trong giang hồ đều có một điểm chung là đam mê võ công. Nhưng xét cho cùng thì hiếm có nhân vật nào đam mê võ công thuần túy vì võ công như Châu Bá Thông hoặc Cưu Ma Trí. Đằng sau lòng ham mê đó thường là động cơ rửa hận phục thù, và hơn thế nữa, là tham vọng làm bá chủ võ lâm và thống nhất giang hồ, với viễn tượng tất cả các anh hùng hảo hán đều phải qui phục và cúi đầu dưới trướng!

Không chỉ trong tác phẩm Kim Dung, mà hầu như trong

tất cả các tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp, điểm mấu chốt của bi kịch tranh chấp trên giang hồ vẫn là sự tranh chấp giữa một thể lực đầy tham vọng, muốn làm bá chủ võ lâm ở một bên, và bên kia là một thể lực khác, đối kháng lại cái ý tưởng cuồng điên ấy. Quì Hoa Bảo Điển, Đồ Long Bảo Đao, *Tịch Tà Kiếm Phổ*, Cửu Âm Chân Kinh, Cửu Dương Chân Kinh – những phương tiện để thực hiện tham vọng bá chủ võ lâm – đã trở thành đối tượng tranh chấp đẫm máu và kéo theo chúng vô vàn bi kịch. Các nhân vật võ lâm có bản lĩnh thượng đỉnh, đều nối tiếp nhau lao vào cuộc tranh giành quyền lực. Hình ảnh của vị Võ Lâm Chí Tôn, được tất cả mọi người qui phục – một César quyền lực tối cao giữa giang hồ – vẫn luôn có một ma lực hấp dẫn kì lạ đối với những đại cao thủ.

Hơn cả một hoàng đế dùng trí và thuật để thống lĩnh thiên hạ, vị Võ lâm chí tôn ấy còn phải dựa vào bản lĩnh thực của chính mình, đó là võ công. Cũng khác với các boss Mafia tranh chấp quyền thống trị trong thế giới ngầm, chủ yếu chỉ vì kinh tế – một điều được xem là ghê tởm đối với khách giang hồ. Đạt đến ngôi vị Võ lâm chí tôn, đối với các cao thủ tuyệt đỉnh, có lẽ chỉ do một mục đích là muốn khoáng trương cái bản ngã của mình đến chỗ tận cùng: Duy Ngã Độc Tôn. Một điều chắc chắn là Kim Dung không hề có ý định làm sống lại chủ nghĩa tôn sùng Napoléon (*Napoléonisme*) hay làm người cổ xúy cho học thuyết siêu nhân (*surhomme*). Vì các cuộc tranh giành quyền lực đó, trong tác phẩm của ông, đều kết thúc trong bi kịch đổ vỡ tan hoang.

Từ chức Minh chủ Ngũ nhạc kiếm phái, để thực hiện cho được cái tham vọng cuồng điên là trở thành Võ Lâm Chí Tôn, Tả Lãnh Thiền đã không ngần ngại dùng mọi thủ đoạn, vừa mềm dẻo vừa tàn độc, để tàn sát và khống chế đồng môn. Y dùng ba danh lợi để thao túng phái Thái Sơn, dùng quỷ kế

giả dạng Ma giáo để vây khốn phái Hằng Sơn, dùng bạo lực để uy hiếp phái Hành Sơn, dùng “*gián điệp*” là Lao Đức Nặc để theo dõi phái Hoa Sơn. Y lao tâm khổ tứ, toan tính từng kế hoạch thật chi tiết để, sau khi thống nhất Ngũ Nhạc kiếm phái, từng bước tiêu diệt Ma giáo, rồi đến hai đại môn phái là Vô Đương và Thiếu Lâm. Trong cuộc tỉ võ đoạt soái trên núi Tung Sơn, sau khi đánh bại Nhạc Linh San một cách quá dễ dàng, thì con đường dẫn đến ngôi vị chí tôn độc bá quần hùng tưởng chừng như đang mở rộng đầy thuận lợi cho y, khi kẻ gian hùng đại chí ấy đứng chênh vênh trên Phong Thiên Đài, chờ đợi hàng trăm ngàn tiếng tung hô. Y không ngờ nổi người cản đường y lại là nhân vật mà y xem là kẻ bại tướng dưới tay mình: Nhạc Bất Quần. Nhân vật cùng cực nham hiểm và gian xảo này, được ngụ trá dưới ngoại hiệu “*Quân tử kiếm*”, đã làm đảo lộn hết mọi công trình tâm huyết của Tả Lãnh Thiên. Lốp vỏ bọc nho nhã, thư sinh của gã ngụ quân tử đã che dấu được cái dã tâm tàn độc. Con rắn nấp dưới đoá hoa đã phun nọc kịch độc, rất kịp thời và chính xác, để cướp hết thành quả của chương môn phái Tung Sơn. Hình ảnh Tả Lãnh Thiên bị Nhạc Bất Quần dùng ngụ kế đâm mù mắt, cầm kiếm gào thét cuồng điên trên Phong Thiên Đài, như một nét chấm phá về kết cục bi thảm của một kẻ đại gian hùng đầy tham vọng. Tả Lãnh Thiên nào phải chết khi gục ngã trong đám loạn kiếm trong thạch động sau núi Hoa sơn, hay Nhạc Bất Quần nào phải chết dưới lưỡi kiếm bất ngờ của Nghi Lâm, mà hai nhân vật kiêu hùng và nham hiểm ấy đã chết ngay khi trận tỉ kiếm ngừng lại trên Phong Thiên Đài! Một kẻ hùng tài đại lược, do tham vọng quyền lực làm loá mắt đến mất cảnh giác, đã thất bại và trở thành phế nhân, còn kẻ chiến thắng – không phải chiến thắng bằng võ công, mà bằng thủ đoạn dè tiện – phải sợ hãi đứng nép ở một góc đài, với chiếc áo đẫm máu trong ánh trời chiều, đã cho độc

giả thấy toàn bộ hình ảnh bị đăt trong bức tranh tranh giành quyền lực giữa giang hồ. Chỉ do tính toán sai một nước cờ tối hậu, mà bao công trình tâm huyết của Tả Lãnh Thiền phải bỏ trôi theo dòng nước, đến nỗi thân bại danh liệt. Tham vọng ngôi vị Võ lâm chí tôn được trả giá bằng đôi mắt mù lòa. Tiếng rú của y trên Phong Thiền Đài đầu cùng cực đón đau, và ngập tràn bi hận, nhưng sao vẫn nghe như một tiếng cười nhạo đầy mỉa mai của một Thực Tại nham nhở trước những âm mưu toan tính của con người. Còn gã Ngụy quân tử kia phải trở thành một tên ái nam ái nữ, khi y đặt được bước chân lên bậc thang đầu tiên dẫn đến ngôi vị minh chủ.. Y đã bước theo vết xe đổ của Đông Phương Bất Bại, khi tự thiến mình để khổ luyện võ công tà môn tuyệt đỉnh, nhằm đạt đến ngôi vị tối cao trong làng võ. Tham vọng về quyền lực quả có một sức quyến rũ đến kì lạ khi con người lại sẵn sàng huỷ bỏ một phần cực quý trong thân thể hay chấp nhận cái chết. Một nhân vật trong nhóm Trường Bạch tam cầm, khi bị trúng độc, lại cứ khư khư ôm cây đao Đồ Long, chấp nhận cái chết chứ không chịu đem cây đao đổi lấy thuốc giải của phái Hải Sa. Y đã bị lú lẫn bởi câu truyền ngôn trên giang hồ là ai có được cây đao Đồ Long sẽ trở thành vị Võ lâm chí tôn. Viễn tượng về quyền lực đã làm y trở nên ngu muội.

Còn gì khôi hài hơn và bất ngờ hơn, khi mà đằng sau bầu không khí uy nghiêm, như một triều đình, trên Hắc Mộc Nhai, độc giả trong tâm lí chuẩn bị đối mặt với một nhân vật kiêu hùng vô địch mà võ công đã trở thành huyền thoại là Đông Phương Bất Bại, lại gặp phải hình ảnh một gã bị hoạn không ra hình dáng mô dạng một con người. Tham vọng về quyền lực đã khiến y chiếm ngôi giáo chủ Ma giáo từ tay Nhậm Ngã Hành, và khổ luyện võ công vô địch trong Quì Hoa Bảo Điện, để cuối cùng biến thành một quái tượng ái

nam ái nữ ngồi thêu khăn tay trong gian phòng sức nức mùi nước hoa, không còn thiết tha gì đến quyền lực hay sự đời nữa. Một bức tranh châm biếm sâu sắc nhưng quá tàn nhẫn của Kim Dung.

Khi Nhậm Ngã Hành cùng nhóm Hướng Vắn Thiên, Lệnh Hồ Xung cải trang trà trộn để lên Hắc Mộc Nhai, toan tính chuyện phục hồi cơ nghiệp, y đã rửa thắm trong bụng, lúc phải quì trong bảo điện để nghe giáo chúng xưng tụng Giáo chủ với các câu khẩu hiệu “*Giáo chủ văn thánh vô đức, thiên thu trường trị, thống nhất giang hồ*”. Vốn là một nhân vật mang bản sắc anh hùng, nên y thấy điều đó là ghê tởm, và là sự nhục mạ những nhân vật anh hùng khác. Thế nhưng sau khi cướp lại ngôi vị giáo chủ, được ngồi trong bảo điện, nhìn giáo chúng quì lạy tung hô mình bằng chính những câu khẩu hiệu rỗng tuếch mà trước đó y ghê tởm, thì y lại thấy khoan khoái và thoải mãn! Diễn biến tâm lí chỉ xảy ra trong một vài canh giờ, trước và sau khi đoạt lại ngôi giáo chủ. Quyền lực quả có một ma lực kinh khủng trong việc biến đổi một nhân vật kiêu hùng đầy bản lĩnh như Nhậm Ngã Hành trở nên một con người tầm thường trong suy nghĩ. Tiếng cười khẩy của Lệnh Hồ Xung như một gáo nước lạnh tạt vào cái “*vương triều Hắc Mộc Nhai*” ấy. Tâm hồn khoáng đạt đã giúp cho gã thoát được cái *Mê Cung Quyền Lực* giữa chốn giang hồ.

Để khôi phục lại ngôi vị và bành trướng quyền lực, Nhậm Ngã Hành đã phải khổ luyện “*Hấp Tinh Đại Pháp*”, xem như đó là một phương tiện để độc bá quần hùng. Và cái giá y trả là không phải trở thành một quái tượng sinh lí như Đông Phương Bất Bại, nhưng lại trả bằng chính sinh mệnh của mình. Khi dẫn toàn thể giáo chúng khua trống giơ cờ lên đỉnh Hoa Sơn, y quyết tâm cùng phe Ngũ nhạc kiếm phái mở một trận thư hùng, để bước đầu phân định ngôi vị

trong chốn giang hồ, như trận Cai Hạ mang tính quyết định giữa Hạng Vũ với Lưu Bang. Tưởng chừng như mọi việc sẽ diễn biến như dự liệu để tiến dần đến với ngôi vị chí tôn đầy ma lực, thì cái rừng mình trên đỉnh Triều Dương đã khiến y đột tử. Con “*nhồi máu cơ tim*” bất ngờ, hậu quả của việc khổ luyện “*Hấp Tinh Đại Pháp*” để thoả mãn tham vọng, đã quật ngã hùng tâm của một nhân vật tuyệt đỉnh. Cái phương tiện đạt tới quyền lực đã tiềm ẩn nguy cơ huỷ diệt chính người sử dụng nó. Nguy cơ ấy chỉ có thể được hoá giải bởi võ công Phật môn là Dịch cân kinh. Chỉ có môn võ công của cửa Thiên đứng ngoài vòng cương tỏa của lợi danh mới hoá giải nổi tham vọng cuồng điên của con người.

Nhìn ở một góc độ khác, những Nhậm Ngã Hành, Tả Lãnh Thiên v.v.. đang lặp lại các bị kịch của những Ngô Khởi, Lý Tư, Triệu Cao thời Chiến quốc, hay một Nguyễn Hữu Chỉnh thời Lê mạt, dưới một bình diện khác hơn nhưng quá gần gũi. Cái mị lực của quyền uy vẫn hấp dẫn con người muôn thuở, và lắm khi lôi cuốn con người vào những hiểm họa, mà hào thượng cửu trong quẻ Kiền của kinh Dịch đã nhắc nhở tự mấy ngàn năm: “*Kháng long hữu hối*” (Con rồng bay lên quá cao sẽ có sự hối hận).

Văn giác văn chương chân tiểu kỹ

Tào tri phú quý hữu nguy cơ.

(Về già mới hiểu rằng văn chương chỉ là trò tiểu xảo, nhưng đã sớm biết trong phú quý vẫn tiềm ẩn nguy cơ).

Câu thơ trên của Tô Đông Pha có thể tạm dùng để “*tổng kết*” được chăng, những bị kịch của quyền lực trong nhiều tác phẩm của Kim Dung?

BI KỊCH TẠ TỔN

Hãy tưởng tượng cảnh trời chiều trên Bồng hoả đảo, một hòn đảo xa xôi hoang vắng vùng cực Bắc, giữa những làn gió lạnh cắt da, một trung niên thân hình khô vôi, râu tóc vàng rục, mặc áo khoác da thú, đôi mắt trắng dã mù loà, tay cầm thanh đại đao lấp lánh trong ánh trời chiều, đứng cô liêu trầm mặc như một nhà sư nhập định, rồi bỗng nhiên cất lên tiếng rú làm kinh động cả bầu thái hư lạnh buốt. Không phải là tiếng hú giác ngộ “*Trường khiêu nhất thanh hàn thái hực*” của một Không Lộ thiền sư¹, mà là tiếng rú cực kì đau thương và bi phẫn của con mãnh sư bị thương: *Kim mao Sư vương Tạ Tổn*.

Một tuyệt đại cao thủ với kiến văn vô cùng uyên bác, một con người văn võ kiêm toàn, Phó giáo chủ của Minh giáo, một tài năng hân hũu trong võ lâm, chỉ vì một phút nông nổi hồ đồ, bị biến thành vật hiến tế trong trò chơi tai ác của Định Mệnh. Ông đã trải qua cảnh đoạn trường trong cuộc sống: vợ bị hãm hiếp rồi bức tử, đứa con trai yêu duy nhất bị giết chết. Oái ăm thay, kẻ gây ra thảm kịch cho gia đình Tạ Tổn không ai khác mà chính là vị ân sư mà ông đã hàm nặng ơn sâu và coi như cha đẻ: Hồn nguyên Phích lịch thủ Thành

¹ *Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh, Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư.*
有時直上孤峰頂，長嘯一聲寒太虛。(Có khi lên thẳng đỉnh núi cô liêu,
Cát tiếng hú dài làm lạnh buốt cả bầu trời)

Khôn. Gây án xong, Thành Khôn tuyệt tích giang hồ. Từ đó, để tìm ra tung tích Thành Khôn, Tạ Tốn lao vào những cuộc đồ sát phi lí điên cuồng. Mỗi khi giết người xong, ông lại để tên Thành Khôn với hi vọng ngày thơ là Thành Khôn sẽ xuất đầu lộ diện để cùng mình tương kiến. Trong khi đó, Thành Khôn lại âm thầm nấp trong bóng tối và tiếp tục gieo rắc ngộ nhận thương đau cho đồ đệ của mình, tiếp tục đẩy Tạ Tốn vào những cuộc sát nhân vô cớ. Và tội lỗi ngày càng kéo Tạ Tốn lún sâu vào tội lỗi. Một nỗi đau sâu sắc khác của Tạ Tốn là cái chết của Không Kiến đại sư, một cao tăng chùa Thiếu Lâm, người tự nguyện đứng ra hoà giải mối cừu hận giữa hai thầy trò và hi vọng cứu vãn sát kiếp cho vô lâm. Hình ảnh Không Kiến đại sư, dù chỉ xuất hiện rất ngắn và chỉ qua lời kể của Tạ Tốn, đã để lại ấn tượng vô cùng cảm động trong lòng người đọc: *đem tính mạng mình ra để điều hoà mối xung đột bất khả vãn hồi bằng tình yêu bao la và lòng dung nhân mênh mông*. Một hình ảnh xả thân hi sinh phi thường với tinh thần vô ngã tuyệt đối mà ta thỉnh thoảng chỉ thấy trong nền văn hoá phương Đông. Thủ đoạn của Thành Khôn và cái mẹo vặt của Tạ Tốn đã đẩy vị thần tăng chùa Thiếu Lâm vào chỗ chết. Môn Kim cương thần công hộ thân của Không Kiến chỉ bảo vệ được cho vị thần tăng đáng kính kia trước những ngọn Thất Thương quyền cực kì tàn độc nhưng lại không bảo vệ được ông trước mưu mô âm hiểm của con người!

Từ đó, cả hai phe hắc bạch đều xem Tạ Tốn là kẻ tử thù, khiến ông không còn đất dung thân dù giang hồ rộng bao la. Cái lí do tồn tại của Tạ Tốn trên cõi đời này, cái *raison d'être* của ông giờ đây chỉ còn là sự hờn căm và rửa hận. Tạ Tốn có cái lí của mình trong những cơn đồ sát vô nghĩa và Thành Khôn cũng có cái lí của chính ông: trả thù cho một mối tình tuyệt vọng. Cõi giang hồ đầy dẫy ân oán thị phi đã đẩy dẫn hai thầy

trò vào chỗ tận cùng chốn diều mang phi lí cõi tồn sinh.

Rồi vì để chiêm nghiệm cho ra cái điều huyền mật trong thanh bảo đao Đồ long nhằm tìm ra một môn võ công lợi hại để giết được kẻ thù là ân sư Thành Khôn, Tạ Tốn đã ép buộc vợ chồng Trương Thuý Sơn cùng mình lưu lạc trên Bãng hoả đảo. Do Tạ Tốn tâm trí thất thường nên đã giao đấu với Trương Thuý Sơn. Và Hàn Tổ Tổ đã ném kim châm làm mù mắt Tạ Tốn để hỗ trợ chồng. Vốn đã mang bao tâm sự u uất khổ đau, giờ đây sự cuồng điên trong tâm hồn Tạ Tốn lại lên đến cực điểm. Vì võ công ông quá cao siêu nên vợ chồng Thuý Sơn, dù là hai tay cao thủ, cũng phải luôn luôn trốn tránh Tạ Tốn trên hoang đảo chỉ có ba người.

Khi Hàn Tổ Tổ chuẩn bị lâm bồn, Thuý Sơn, do lo sợ, phải đào sẵn một cái hố trước hang động đang trú ẩn để để phòng Tạ Tốn. Quả nhiên ông đã tìm đến và rơi xuống hố. Khi nhảy ra được khỏi hố với thanh kiếm do Thuý Sơn đâm sâu trên trán, Tạ Tốn giận dữ tột độ, toan xông vào hang để giết luôn cả hai vợ chồng Thuý Sơn thì đúng lúc Vô Kị cất tiếng khóc chào đời. Tiếng khóc hài nhi giữa đêm khuya thanh vắng như một tiếng chuông cảnh tỉnh bỗng nhiên đánh thức lương tri của con hùng sư cuồng điên trong cơn tuý sát: dĩ vãng lại hiện về với hình ảnh đứa con trai yêu bị thảm tử. Một chi tiết dù rất nhỏ nhưng làm cho ta vô cùng cảm động. Nếu không thế thì ta sẽ vì đời mà giận dỗi ông Kim Dung biết mấy! Tính nhân bản, và chỗ cao diệu của ngòi bút Kim Dung là ở điểm đó. Một tâm hồn hời hợt với bút lực tầm thường sẽ không bao giờ thể hiện nổi những cái u uẩn khuất khúc vô cùng phức tạp trong tâm lí con người¹.

¹ Tên sát nhân giết mướn với đôi tay đầy máu như Santiago (?) trong phim “*Một mình chống lại Mafia*” lại sẵn sàng chịu chết vì một bé gái xa lạ mà y bắt làm con tin để bảo vệ cho chính tính mạng của mình trên đường chạy trốn

Hình ảnh hài nhi, trong truyền thống Viễn đông, vẫn thường tượng trưng cho đức Sinh của Tạo hoá. Chỉ có những tác giả có cái nhìn sâu thẳm vào bản chất con người, những “đôi mắt trông thấu sáu cõi, những tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời”¹ như Tố Như Tử mới có được bút lực tinh tế dường kia! Có khi chỉ vì một sự cố rất nhỏ vô tình trong đời mà cuộc đời ta lại chuyển sang hướng khác. Đồ tể buông đao là thành Phật. Đọc đến đây ta chợt hiểu vì sao tác phẩm Kim Dung lại có sức cuốn hút độc giả đến thế trong bao năm qua. Hãy gạt bỏ đi những môn võ công không thực, hãy gạt bỏ đi những chiêu thức hoang đường, cái cốt lõi trong tác phẩm Kim Dung hiện ra vẫn là hình ảnh con người phù du tử diệt phải một mình khoắc khoải đối diện với bao ân oán thị phi rồi rằm chẳng chịt giữa cõi đời phi lí mênh mông! Con người, ngay cả bậc anh hùng, nhiều khi vẫn là trò chơi trong bàn tay tai quái của Định Mệnh mà mọi nỗ lực vượt qua đều dường như vấp phải một bức tường bất khả tư nghị! Đôi tình nhân hạnh phúc Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố phải cùng nhau tự vẫn ngay trước mặt bao vị tôn trưởng để thành tựu mộng đầu oan nghiệt và con hùng sư khổ đau Tạ Tốn lại phải tiếp tục sống để rửa sạch mối hờn căm.

Trên Băng hoả đảo, Tạ Tốn nhận Vô Kỵ làm nghĩa tử và truyền thụ toàn bộ võ công siêu việt, với hoài vọng đứa con nuôi thông minh và đôn hậu kia sẽ thành toàn được những gì mà ông còn để dở dang trong tâm nguyện. Người anh hùng trong một phút nông nổi hồ đồ đã để lại mối hận ngàn năm! *Anh hùng di hận kì thiên niên* (Thơ Nguyễn Trãi). Trải qua

sự truy lùng của cảnh sát! Một chi tiết mang tính nhân bản cao độ làm người xem vô cùng cảm động.

¹ *Nhân phù lục cực, tâm quán thiên thu* (Lời Mộng Liên đường chủ nhân ca ngợi Nguyễn Du).

bao gian khó, Tạ Tốn lại một mình tìm về được Trung thổ để tiếp tục tâm thù. Cuối cùng, ông cũng hội diện được với cừu nhân dưới lốt nhà sư Viên Chân trên đỉnh Thiếu Lâm và rửa được mối hận bình sinh. Thù xưa đã trả. Ân oán đã tan. Lẽ ra Tạ Tốn phải thấy lòng ung dung thanh thản nhưng giờ đây ông lại đối diện với những hang hố đen ngòm của cuộc tồn sinh: mọi sự việc trên đời bỗng trở nên hư huyền trống rỗng. Trong cuộc đấu tranh tâm thù dai dẳng đặc đó, kẻ thất bại đã bị chết, nhưng kẻ chiến thắng lại rơi vào sự cô đơn. Và chính trong nỗi cô đơn ấy, cái tận cùng phi lí của nhân gian lại hiện nguyên hình: *Thị phi thành bại chuyển đầu không* 是非成敗轉頭空。Chuyện đúng sai hay thành bại ở trên đời, khi đã trải qua rồi và quay đầu nhìn lại, mới hay chỉ là hư không trống rỗng.

Không biết tự bao giờ, ở Viễn đông, con người thường đem bao nhiêu chuyện thương tâm trong suốt bình sinh hướng về cửa Không để mong nhờ Phật pháp tiêu giải ¹, và những người anh hùng khi đến đường cùng lại thường xuống tóc đi tu. *Anh hùng mạt lộ bán vi tăng* ². Tạ Tốn dù không là anh hùng mạt lộ, nhưng cơ duyên đủ chín mùi để ông nhận chân ra được những tấn tuồng hư huyền của nhân gian, nên ông tự phế bỏ võ công, xin qui y cửa Phật và tự nguyện chịu đựng mọi thứ đờm rãi như bản khắc nổi lên người và mọi sự thoá mạ của những người có người thân bị ông giết chết. Ta tin rằng trong suốt bình sinh, có lẽ chưa bao giờ tâm hồn Tạ Tốn lại thấy thanh thản bằng lúc quì gối để chịu đựng nỗi

¹ *Bình sinh kỉ hứa thương tâm sự. Bất hướng Không môn hà xứ tiêu?* 平生幾許傷心事，不向空門何處消。(Thơ Vương Duy)

² Thơ cổ: *Sư nữ đa tình nguyên thị Phật, anh hùng mạt lộ bán vi tăng.* 師女多情原是佛，英雄末路半為僧 (Sư nữ đa tình ấy chính là Phật, còn kẻ anh hùng khi mạt lộ thì một nửa xuống tóc đi tu!)

nhục hình ghê gớm đó, nổi nhục hình mà bất kì một người học võ nào cũng đều thấy đau đớn hơn là cái chết. “*Tạ Tồn hay đồng phân bò cũng chẳng có gì khác nhau!*”. Câu nói cuối cùng đẩy minh triết của con hùng sư một thời chọc trời khuấy nước, làm khuynh đảo cả giang hồ, đã khép lại tấn thảm kịch của một đại cao thủ kiêu hùng nhưng, trong tác phẩm Kim Dung, lại tiếp tục mở ra những trang bi kịch khác của võ lâm.

TIÊU PHONG: NGƯỜI ANH HÙNG TRONG MÊ CUNG ĐỊNH MỆNH

Một chiêu cực kì cường mãnh trong Giáng Long thập bát chuồng tung ra, và A Châu – trong lốt cải trang Đoàn Chính Thuần – đã ngã gục dưới ánh sấm chớp loè và cơn mưa đêm tầm tã. Kim Dung đã bố trí cái chết oan uổng của cô tỳ tử thông minh A Châu trong một bối cảnh vô cùng thê lương và bi đát. Tiêu Phong lặng người ôm xác người yêu do mình lỡ ra tay ngộ sát. Cùng với cái chết của A Châu, một Tiêu Phong chỉ biết rượu và võ công đã chết, sự thanh thản tâm hồn đã cáo chung và từ đây kẻ anh hùng kiệt xuất của Kim Dung bắt đầu cung bậc của đoạn trường khổ lụy.

Trong tất cả các nhân vật của Kim Dung, có lẽ chỉ có Tiêu Phong là nhân vật gây ấn tượng sâu đậm nhất về thân phận bi tráng của người anh hùng trong mê cung của định mệnh. Số phận của ông thật là nghiệt ngã. Thoạt tiên ông ngỡ mình là người Hán, và với tư cách là Bang chủ Cái bang, ông đã vì xứ sở Hán mà phục vụ. Vốn bản chất sôi nổi anh hùng, cả đời ông chỉ giao du cùng hảo hán khắp giang hồ. Ông không hề biết đến tình yêu, chưa bao giờ biết rung động trước một khách má hồng nào, dẫu người đó có thuộc nòi thiên hương quốc sắc. Ông chỉ đam mê rượu cùng võ công. Và chính cái đó đã dẫn đến thảm kịch của đời ông, một thảm kịch cực kì bi tráng.

Mà cũng đúng thôi. Một trang hán tử vô cùng kiêu dũng, là niềm ước mơ của biết bao nhiêu khách má hồng thế mà ông cứ vô tình đi giữa cõi đời, cứ mãi mãi “*ví dầu trần gian có người quốc sắc, thì ta cũng chỉ dùng chân vượt mặt rồi đi*”¹, cứ hờ hững với tấm lòng say đắm của người ta, ông xem trọng rượu và võ công hơn nhan sắc, trách sao người ta không hờn dỗi. Từ hờn dỗi biến thành hờn căm. Rồi từ hờn căm đi đến hận thù và tìm cách trả thù cũng không xa. Định Mệnh đã muốn thay mặt cho khách má hồng trả thù anh chàng *Narcissus*² phương Đông. Và người được Định Mệnh chọn ra để làm công việc ấy lại là Mã Phu nhân, vợ của Phó Bang chủ Cái bang. Một phu nhân dung nhan tuyệt đại, luôn tự hào về sắc đẹp của mình, đã khiến biết bao nhiêu khách anh hùng điên đảo thần hồn chỉ bằng một khoé mắt thu ba hoặc một nụ cười hàm tiếu. Trong một buổi tiệc lớn của Cái bang, khi các khách anh hùng dự tiệc đều ngây ngất trước sắc đẹp của Mã phu nhân, thì Tiêu Phong chỉ chào nàng chiếu lệ và say sưa uống rượu với quần hào. Tiêu Phong vô tình xem phu nhân như không có mặt ở trên đời! Vì tình yêu vô vọng, và vì tự ái, phu nhân rắp tâm báo thù. Báo thù bởi vì người mà mình thâm yêu lại không quan tâm đến mình như bao người khác. Tìm mọi cách để báo thù người mình yêu, khiến cho họ thân bại danh liệt dù điều đó làm cho trái tim mình thêm tan nát! Tâm lí người đàn bà khi yêu, khi ghen thật cực kì mâu thuẫn và phức tạp. Có lẽ chỉ có thần thoại Hy Lạp

¹ Hai câu thơ này tôi nghe từ lâu rồi, do một người đọc trong tiệc rượu mà không nhớ của ai.

² Theo thần thoại Hy Lạp, thì Narcissus là con trai của thần sông Cephissus. Do anh rất mực xinh trai, nên được vô số các cô gái mê say, nhưng anh ta đều lạnh lùng chối từ tất cả, trong đó có cả nữ thủy thần Echo. Để trừng phạt Narcissus, nữ thần trừng phạt Nemesis đã khiến cho Narcissus chỉ yêu chính gương mặt mình, soi trong làn nước! Anh ta say đắm hình ảnh của mình đến độ ngồi mãi bên dòng suối, và không thể bỏ đi đâu được. Cuối cùng anh ta gục chết, và biến thành một loài hoa đẹp.

và các bi kịch của Shakespeare, Racine mới sánh kịp ông Kim Dung về lãnh vực này.

Tiêu Phong đã trở thành biểu tượng của hào khí và của võ công, khiến tất cả các tay cao thủ của cả hai phái chính tà đều ngưỡng mộ. Thế mà đốn đau thay, khi thân thể ông bị phát hiện, dù còn đang là nghi án, thì số đông quần hào lại nhanh chóng quay lưng và phủ nhận tất cả những gì tốt đẹp của khách anh hùng. Người anh hùng của Kim Dung từ nạn nhân của một trái tim hờn ghen uất hận tiếp tục biến thành nạn nhân của một mưu đồ chính trị: đó là âm mưu lật đổ ngôi vị Bang chủ của ông. Tầm lí con người cổ kim xưa nay đều luôn có một điều quý dị kì lạ, ấy là khi chứng kiến sự sụp đổ của một thân tượng hay một người đang được tôn vinh thì trong thâm tâm họ lại cảm thấy một niềm hoan hỉ và thoả mãn ngấm ngấm! Sau đó, Tiêu Phong bị xua đuổi khỏi cả hai phái chính tà.

Trong tâm trạng cực kì hoang mang đau đớn, ông quyết tâm đi tìm cho ra nguồn gốc và thân thế của mình. Trên đường điều tra, ông lại tiếp tục bị ngộ nhận là giết cha mẹ nuôi Kiều lão, giết ân sư Huyền Khổ và chịu bao nỗi oan uổng khác. Khi ôm A Châu đến Tự Hiền trang để cầu Tiết Thân Y chữa bệnh, ông mới biết quần hào đang tụ họp nơi đây để tìm cách đối phó với ông, một người giờ đây bị xem như là một tên cực gian ác, một kẻ thù chung của võ lâm! Một trong những bi kịch của cuộc đời là nhiều khi vô tình tạo ra ngộ nhận và đẩy con người vào chỗ ngờ vực, hận thù. Lắm lúc con người muốn làm việc thiện mà không được và muốn tránh việc ác cũng không xong. Thôi được, các người trước kia đã từng là bạn hữu của ta, có người còn mang ơn ta nữa, giờ đây Định Mệnh đã bôi mặt ta lem luốc không cho bạn bè võ lâm đồng đạo nhận ra ta nữa, lời ta nói không còn ai nghe ra nữa, đánh chính không xong, biện bạch không

được thì hào khí ta trời dậy trong huyết quản, ta sẽ cùng tất cả quần hào các người uống cạn một chén rượu tuyệt tình rồi quyết tâm cùng nhau một phen sống mái để tỏ rõ mặt hùng anh! Trong tất cả tác phẩm của Kim Dung, trận huyết chiến đơn thân độc đấu giữa Tiêu Phong với quần hùng tại Tụ hiền trang có lẽ trang sử bi tráng và hào hùng nhất trong lịch sử võ lâm. Trong Ý Thiên Đồ Long ký, khi Trương Vô Kỵ xuất hiện ngẫu nhiên trên Quang Minh đỉnh để một mình đánh bại tất cả quần hùng, cứu Minh giáo khỏi thảm hoạ bị tận diệt, thì chàng thiếu niên anh hùng đó dựa vào môn Càn khôn đại nã di siêu tuyệt và tấm lòng đôn hậu để hoà giải tình thế nguy cấp. Lúc đó, Vô Kỵ chỉ là một chàng thiếu niên hoàn toàn xa lạ với cả hai phe, người bị thua lại được chỉ điểm thêm võ công, ai cũng hân hoan cảm tạ. Phe chính giáo do phái Võ Đang đại diện không muốn lợi dụng thời cơ để tận sát phe Minh giáo, họ cùng quần hùng rời Quang Minh đỉnh ra đi trong tâm trạng hân hoan với lá cờ sáng ngời chính nghĩa: *Công đạo võ lâm vẫn được duy trì*. Nó khác hẳn cuộc huyết chiến của Tiêu Phong nơi Tụ hiền trang. Đệ huynh đồng đạo không nhìn nhận ra nhau và gây nên thảm cảnh tương tàn. Bi kịch nối tiếp theo bi kịch, ngộ nhận chất chồng lên ngộ nhận. Máu càng đổ, hận cừu càng kết chặt, oan khiên càng nặng nề thêm. Cứ điên cuồng cùng nhau đem hết sức lực bình sinh quyết đấu, đem tính mạng phiêu bồng ra chơi trò chơi kì tuyệt của Định Mệnh, cứ tự cuốn trôi nhau vào mớ bong bong rối mù của ân oán thị phi cực kì phi lí để rồi mai đây, khi tỉnh ngộ và dừng tay lại, nhìn ra nhau chân dung của đệ của huynh, thì buổi trùng lai cuối cùng nơi Nhận môn quan đã nhuộm quá nhiều sắc màu ngậm ngùi cay đắng!

Rồi cuộc truy tìm thân thế đưa đẩy Tiêu Phong đến chỗ ngộ sát người yêu duy nhất trong đời là A Châu khi hai người

đã ước nguyện sẽ từ già giang hồ, cùng tìm về Nhạn môn quan để sống cuộc sống thanh bình chốn quê trên đồng cỏ. Khi hội diện với Đoàn Chính Thuần nơi rừng trúc, Tiêu Phong hỏi về thân thế của một hài nhi là mình thì Đoàn Chính Thuần lại ngỡ là hỏi về một đứa con rơi ngày trước của ông. Cuộc đối thoại vô tình càng làm tăng thêm ngộ nhận. Lời lạc điệu, tiếng lạc âm. Mọi mối cảm thông đều bị cắt đứt. Định Mệnh đã giăng một màn lưới oan nghiệt để không ai còn nhận ra nhau! Đối diện nhau mà cứ như lạc trong cõi sương mù. A Châu vì chữ Hiếu đã tự nguyện đem thân mình ra hoá giải mối oan cừu không có thực! Hiếu Tinh đôi đường không trọn thì chỉ còn có cái chết mà thôi. Người con gái thông minh, đáng yêu mang nặng tâm hồn phương Đông đó đã tìm cách điều hoà những mâu thuẫn trong đời bằng một giải pháp bi thương! Tình yêu chân chính đâu đời luôn mở ra những chân trời vô biên và tuyệt đích khiến cho con người trở nên cao thượng. Và để đạt đến chân trời đó, đôi khi con người sẵn sàng khước từ cả đối tượng thương yêu và hân hoan chấp nhận hi sinh. Trong dang dở, trong đau khổ, thậm chí trong cái chết, lòng người vẫn tự hào vì đã sống xứng đáng với tình yêu đó. Cái chết oan nghiệt của A Châu đã làm sáng tỏ những điều ngộ nhận nhưng tất cả đã quá muộn màng!

Mọi người lần lượt bỏ đi chỉ còn một mình Tiêu Phong ôm xác A Châu kêu gào giữa cánh đồng không! Võ công quán thế, hào khí ngất trời. Tất cả những cái đó nào có nghĩa gì trước cái xác lạnh giá của người yêu? Bị kịch ngàn năm của con người vẫn hiện ra đầy trong các kiệt tác kim cổ Đông Tây. Đấng Tối cao vẫn cứ muôn đời lặng thinh trước những tiếng kêu trầm thống tuyệt vọng của con người. Trong *Le Malentendu* của A. Camus, người cầm đã bỏ đi khi người mẹ ra sông tự tử vì do ngộ nhận lỡ giết con trai, bỏ lại một mình Martha bất lực đang kêu gào, đối diện với sa mạc nhân gian! Tiêu Phong không có

được diễm phúc như Trương Thuý Sơn là cùng chết với Hân Tố Tố để nối kết những gì còn dang dở trong cuộc sống (*Ỗ Thiên Đồ Long kí*), mà chàng buộc phải sống để truy tìm thân thế, trong khi chỉ muốn được chết để tạ tội với A Châu!

Cuối cùng, Tiêu Phong phát hiện phụ thân là Tiêu Viễn Sơn vẫn còn sống. Ông cũng chính là ân nhân đã cứu thoát Tiêu Phong ra khỏi Tụ hiền trang trong cơn nguy khốn. Và đau đớn thay, chính Tiêu Viễn Sơn đã tự tay đẩy con mình vào những cảnh ngộ oan uổng trở trêu. Ông đã tự tay giết chết những nạn nhân rồi đổ hoạ cho con trai! Hai cha con nhận diện ra nhau ở giai đoạn cay đắng dị thường trong Mê Cung Định Mệnh. Cùng với bi kịch thấy trò Thành Khôn – Tạ Tốn (*Ỗ Thiên Đồ Long kí*), Kim Dung đã dày công bài thiết thêm bi kịch cha con Tiêu Viễn Sơn – Tiêu Phong như một ngẫu đề song đôi về những oan nghiệt tồn sinh.

Cuộc gặp gỡ hai phái chính tà trên đỉnh Thiếu Lâm tưởng chừng rơi vào chỗ bất khả văn hồi thì nhà sư quét rác vô danh trong Tàng Kinh các xuất hiện, dùng võ công siêu tuyệt và Phật pháp vô biên để hoá giải mối oan cừ giữa Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung Bác, đồng thời khai ngộ cho hai nhân vật kiêu hùng đó khiến họ tỉnh ngộ và qui y cửa Phật. Một lần nữa Kim Dung lại nhờ đến Phật pháp để hoá giải oan cừ. Cõi đạo mệnh mông Đông phương luôn có chỗ để con người hồi tâm quay về tìm cách hoá giải mọi ân oán thị phi khi chúng bị đẩy đến chỗ tận cùng và mọi biện pháp giải quyết tưởng chừng như bế tắc: *Sơn cùng thủy phúc nghi vô lộ. Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn*¹. Trong khi xưa nay quần hùng đều lên án

¹ 山窮水復疑無路，柳暗花明又一村。Đến chỗ sơn cùng thủy tận, cứ ngỡ như không còn lối nữa, thì lại thấy thấp thoáng có một thôn xóm, trong những rừng liễu mờ và những cánh hoa sáng. (thơ Lục Du).

và nguyên rửa Tiêu Phong thì nhà sư vô danh dị thường đó lại hết lời ca tụng! Sách ông Kim Dung thường âm thầm mở ra những khoảng vắng lặng để ta có dịp suy gẫm thêm về Đức Lí Uyên Nguyên.

Tiêu Viễn Sơn đã xuất gia, nhưng Tiêu Phong lại phải âm thầm sống để chăm lo cho A Tử theo lời trăng trối của A Châu, dù từ sau cái chết của người yêu, tâm hồn ông bắt đầu đối diện với sự trống vắng hãi hùng. Tiếng sáo chẵn dê mơ hồ trên đồng cỏ Nhạn môn quan vẫn vọng về như một sự dọa dầy của kỉ niệm. Ông Kim Dung càng đẩy cái đoạn trường của tình yêu lên cao độ khi để cho nhân vật A Tử yêu người anh rể Tiêu Phong, bên cạnh đó lại bài thiết thêm mối thâm kịch của Du Thản Chi trong mối tình si đại cuồng điên đối với A Tử! Suốt quãng đời còn lại, mỗi lần khuyên giải A Tử, Tiêu Phong rất ít khi nhắc đến A Châu, nhưng mỗi khi đọc, ta vẫn hình dung được tâm hồn ông và cảm thấy ngậm ngùi khôn tả.

Ở đoạn cuối tác phẩm, để cứu quân hùng bị kẹt tại Nhạn môn quan và buộc vua Liêu lui binh không được xâm lược Trung Nguyên, Tiêu Phong đã dùng võ lực áp chế nhà vua bẻ tên thề trước ba quân, rồi ông dùng tên đâm vào ngực tự sát để giữ trọn chữ trung thì ta hiểu đó chỉ là cái cớ. Tiêu Phong đã chết thực sự từ sau cái chết của A Châu! A Tử móc mắt ném trả lại cho Du Thản Chi rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thẳm để Du Thản Chi mù loà kêu gào tên người yêu giữa cảnh trời chiều quan ải. Trong tất cả các tác phẩm Kim Dung có lẽ *Thiên Long Bát Bộ* là bộ sách hay nhất và có lẽ chỉ *Thiên Long Bát Bộ* mới có cái chung cục đau thương nhường kia. Và dường như Định Mệnh luôn luôn đem bi kịch vây quanh cuộc sống của những kẻ anh hùng?

BI KỊCH DÂN TỘC QUA THÂN PHẬN TIÊU PHONG

Tôi đã có đôi lần viết về Tiêu Phong, viết trực tiếp về ông, hoặc gián tiếp qua nhân vật A Châu. Nhưng vẫn thấy chưa nói được gì. Bi kịch thân phận của Tiêu Phong quá lớn, nên cuộc đời ông, giống như các nhân vật trong bi kịch Hy Lạp cổ đại, là một suối nguồn hầu như vô tận để người cầm bút đặt lại nhiều vấn đề từ cơ sở. Từ vấn đề thân phận con người, vấn đề thị phi thiện ác, vấn đề nghiệt oan của Định Mệnh cho đến vấn đề dân tộc. Không một tác phẩm võ hiệp nào, và hiếm có một tác phẩm văn học nào lại đặt lại vấn đề dân tộc một cách cay đắng và bi tráng như *Thiên Long Bát Bộ* qua nhân vật Tiêu Phong.

Có lẽ chưa bao giờ, lịch sử nhân loại lại phải trải qua những cuộc xung đột sắc tộc mãnh liệt trên phạm vi toàn cầu như hiện nay. Không biết tự bao giờ, những định kiến sắc tộc cứ mãi cháy âm ỉ trong lòng người, và chỉ cần có dịp là nó lập tức bùng lên thành một biển lửa ngập tràn bạo lực. Ngày lại ngày, nhiều nơi trên thế giới lại cứ tiếp tục bị nhận chìm trong máu lửa hận thù; những người anh em này ngã xuống và những người anh em khác lại cứ tiếp tục đứng lên reo mừng chiến thắng. Định kiến sắc tộc, với lưỡi hái của Thần Chết, giờ đây đang bước vào giai đoạn hoàng kim.

Tấn bi kịch trong *Thiên Long Bát Bộ* có thể xem như bi kịch dân tộc, qua nhân vật kiêu dũng là Tiêu Phong. Tác phẩm mở đầu bằng cái chết bi thảm của người mẹ, và khép lại bằng cái chết bi tráng của người con. Hai cái chết đều diễn ra tại Nhạn môn quan, cách nhau đến mấy mươi năm và đều do ngộ nhận nảy sinh từ định kiến dân tộc. Như nhân vật người câm trong *Le Malentendu* của Albert Camus, Nhạn môn quan là một chứng nhân lịch sử cho toàn tác phẩm. Chỉ chứng kiến và im lặng. Để rồi mai sau, sự im lặng đó sẽ dội mãi vào tâm khảm người đọc tiếng gọi khẩn thiết của vấn đề dân tộc.

Mộ Dung Bác vì hoài bão muốn khôi phục lại nước Đại Yên của tổ tiên, nên đã dựng nên tám thảm kịch tại Nhạn môn quan, nhằm khuấy động can qua giữa hai nước Tống–Liêu để thừa cơ thủ lợi. Quân hùng Trung Nguyên, vì lòng ái quốc mù quáng, đã rơi vào vòng thao túng của Mộ Dung Bác. Họ tổ chức chặn đánh chiếc xe chở vợ chồng người Khiết Đan là Tiêu Viễn Sơn cùng đứa con ngay tại vùng biên giới Nhạn môn quan. Người mẹ hiền lành bị giết chết một cách oan uổng, người cha – sau những phút giây chiến đấu kiêu hùng và tuyệt vọng – đã ôm con rơi xuống vực thẳm. Trước khi rơi xuống vực thẳm, người cha đã kịp thời ném đứa con trai còn ẵm ngửa lên nằm giữa vùng đất đầy xác chết ngổn ngang, như một lời thách thức với lương tri. Khi quân hùng Trung Nguyên hiểu ra vấn đề thì tất cả đã quá muộn màng. “*Here’s the smell of the blood still; all the perfumes of Arabia will not sweeten this little hand*” (Shakespeare, *Macbeth*, Act 5, Scene 1) (Hãy còn đây mùi của máu, và tất cả hương hoa vùng Ả Rập cũng không rửa sạch nổi bàn tay nhỏ bé). Bàn tay quân hùng dầu không nhỏ bé, nhưng đã lở nhuốm máu người vô tội thì khó lòng rửa sạch. Mọi việc đã lỡ làng, không làm sao

cứu vãn được nữa. Quân hùng Trung Nguyên, để tránh nổi ray rứt chắc chắn sẽ ám ảnh suốt đời, nên đem đứa bé trai đó về giao cho một đôi vợ chồng tiểu phu nghèo không con dưới chân núi Thiếu Thất. Giá như đứa con trai kia là đứa bé tầm thường thì mọi việc sẽ trôi êm xuôi theo cuộc sống bình yên, và huyết án năm nào tại Nhạn môn quan sẽ bị vùi trong quên lãng. Nhưng người cha đã vốn thuộc nòi long tượng nên người con cũng khí át mây xanh. Và mọi bi kịch đều khởi đầu từ đó. Đứa con tài tuần kia, bằng phong độ anh hùng và chiến công hiển hách, đã nghiễm nhiên trở thành bang chủ của Cái Bang, là Tiêu Phong. Ông nghĩ rằng mình là người Hán, nên đã bao phen không ngại xả thân vì người Hán mà chiến đấu với người Khiết Đan.

Bi kịch dân tộc của ông chỉ bắt đầu từ sự ghen tuông của người đàn bà xinh đẹp là Khang Mẫn, phu nhân của Mã phó bang chủ. Khi quân hùng đã biết ông là người Khiết Đan thì tự nhiên một bức tường ngăn cách lập tức được dựng lên giữa ông và họ. Họ quên ngay một bang chủ Tiêu Phong người Hán kiêu hùng và hào hiệp ngày nào, và thay vào đó là hình ảnh đáng căm hận của một tên “*Liêu cẩu*” thuộc dân tộc đối nghịch. Định kiến dân tộc quả có một tác dụng mãnh liệt, dễ dàng đẩy con người vào thế đối đầu một mất một còn. Sự xung đột về chính tà trong các tác phẩm khác đã được đẩy lên một bình diện cao hơn trong *Thiên Long Bát Bộ*, đó là sự xung đột về quan điểm dân tộc. Trên bình diện chính tà, thì phe Chính giáo xem phe Ma giáo là tà ma ngoại đạo, còn phe Ma giáo lại chẳng thêm coi phe Chính giáo vào đâu. Trên bình diện dân tộc, thì người dân nước này cứ luôn lấy quốc gia mình làm “*hệ quy chiếu*” để nguyên rửa dân nước bên kia, xem đó như là loài mọi rợ. Người Tống gọi người Liêu là “*Liêu cẩu*” (bọn chó Liêu). Người Liêu lại gọi người

Tống là “*Tống tru*” (loài lợn Tống). Chẳng bên nào chịu kém bên nào.

Ngày còn ở Trung Nguyên, khi chứng kiến cảnh quân lính Khiết Đan tàn sát dân Tống ở vùng biên giới, ông đã thẳng tay chém giết bọn lính Khiết Đan mà ông xem như thuộc về một dân tộc man rợ. Nhưng trong những tháng ngày sống nơi vùng biên giới cùng A Tử, cũng như khi làm Nam viện đại vương, ông có nhiều phen chứng kiến cảnh giết chóc lẫn nhau giữa hai dân tộc nơi biên giới. Quân lính Khiết Đan dưới quyền ông cũng tàn ác và dã man đối với người dân đất Tống không kém bọn lính Tống đối với người dân nước Liêu. Tại biên giới, hai bên giết hại lẫn nhau như giết loài chó lợn, và cũng luôn nhân danh con người để lên án lẫn nhau. Chân lý nằm ở đâu, khi mà định kiến về quốc gia vẫn đè nặng lên con người muôn thuở? Ông chợt nhận ra cái nhỏ nhoi vô lý trong định kiến khắt khe về dân tộc. Mặc dù là con dân nước Liêu nhưng quê hương thật sự của Tiêu Phong lại là Trung Nguyên. Nơi đó đã chứng kiến bao thăng trầm vinh nhục của đời ông, nơi đó ông đã trải qua bao vui buồn cùng hào sĩ khắp giang hồ. Do đó, ông thực sự chán nản khi vua Liêu muốn ông cầm đầu cuộc chinh phạt Trung Nguyên. Để làm gì cho cuồng vọng dân tộc, khi mà cái giá phải trả là cái chết của muôn vạn sinh linh?

Nhưng phận làm bề tôi sao có thể trái lệnh vua? Ông dự định dẫn A Tử trốn về Trung Nguyên, nhưng A Tử, do mù quáng vì tình yêu, đã cho ông uống một loại “*thuốc yêu*”, mà theo hoàng hậu nước Liêu sẽ khiến người uống nó thương yêu mình mãi mãi! Loại “*thuốc yêu*” đó đã khiến ông mất hết nội lực, và bị bắt khi dẫn A Tử chạy trốn lúc nửa đêm. Ngày xưa, người chị là A Châu dịu hiền đã vì chữ hiếu mà làm tan nát cả trái tim ông, thì lần này người em tai quái là

A Tử lại vì chữ yêu mù quáng mà khiến ông bị bắt. Ông bị cầm tù, và quân hùng Trung Nguyên đã tổ chức vượt qua Nhạ môn quan để vào đất Liêu cứu ông. Khi cùng quân hùng chạy trốn đến Nhạ môn quan thì cửa ải lại khép kín, trong khi truy binh của vua Liêu đuổi gấp phía sau, ông cùng quân hùng bị kẹt ngay tại làn giới tuyến giữa hai quốc gia thù địch. Bên kia Nhạ môn quan là đất nước của một dân tộc đã từng xem như ông như kẻ thù, nhưng lại là nơi ông đã trải qua bao vui buồn từ thời thơ ấu. Bên này Nhạ môn quan là đất nước quê hương, nhưng dân tộc đó đã xem ông như một tên phản bội. Trời đất mệnh mông nhưng không có nơi nào chứa đựng nỗi bi kịch quá lớn của con người! Chết tại Liêu ư? Hồn khách anh hùng sẽ lấy gì để đáp tạ tình huynh nghĩa đệ của hào sĩ Trung Nguyên? Chết ở Tống ư? Người con dân nước Liêu đó ắt sẽ biến thành hồn ma suốt đời ngóng vọng về cố quốc. Nếu trong cõi tư tưởng, con người có thể tiêu dao giữa hai cõi thị phi thiện ác, thì trong “cõi người ta”, con người buộc phải chọn lựa. Nhưng phải chọn lựa ra sao, khi mà mọi ngã đường đều dẫn vào tuyệt lộ? Cho nên Kim Dung phải để Tiêu Phong chết nơi biên giới, nắm mộ ông không ở Liêu cũng chẳng ở Tống mà là vực thẳm nơi Nhạ môn quan. Đó có lẽ là lối thoát tất yếu và cuối cùng cho vấn nạn về dân tộc.

Hán Liêu nào biết về đâu.

Ngậm ngùi tiếng hát A Châu thuở nào.

Rượu chìm trong cõi chiêm bao.

Bi kịch tuổi thơ của Tiêu Phong đã bắt đầu tại Nhạ môn quan. Và ông chấm dứt bi kịch đời mình bằng mũi tên tự đâm vào ngực, cũng tại Nhạ môn quan. Nhạ môn quan ngàn đời sừng sững giữa hai nước Tống – Liêu như định kiến không thể phá bỏ nổi về quốc gia và biên giới trong tâm trí

con người. Nhưng Nhận môn quan kia dẫu cao sừng sững, cao đến mức làm nản lòng cả những đàn hồng nhận thiên di, con người vẫn có thể vượt qua được, song đến ngày nào chúng ta mới có thể thực sự vượt qua được những “*Nhận môn quan*” trong tâm tưởng?

Kinh Thánh chép rằng thời xa xưa, con cháu của Noah kiêu ngạo muốn lên đến cả trời nên mới xây tháp Babel tại bình nguyên Shinar ở Babylonia (*Holy Bible, Genesis 11:1–9*). Đức Chúa Trời thấy vậy bèn khiến cho họ nói đủ thứ tiếng để họ không còn hiểu lẫn nhau, và công trình đành bỏ dở. Từ đó, con người phải chia xa nhau để sống rải rác khắp nơi trên thế giới. Nếu quả vậy, thì có lẽ dân tộc cũng hình thành từ đó, và sự xung đột dân tộc cũng bắt đầu từ đó cho mãi đến ngày nay. Đó phải chăng cũng là sự trừng phạt của Thượng Đế cho sự kiêu ngạo ngu xuẩn của con người?

A CHÂU: NƯỚC MẮT OAN CỪU

Một người bảo tôi: nói về Tiêu Phong mà chỉ nói dăm ba trang thì chẳng nói được gì. Vấn đề thân phận con người, vấn đề thị phi thiện ác, vấn đề nghiệt oan của Định Mệnh, vấn đề quốc gia.... chung quanh nhân vật kiêu dũng đó, đâu có viết đến vài trăm trang cũng chưa đủ. Tôi bảo: “*Phải!*”. Nhưng có những điều, lắm khi viết một ngàn trang vẫn thiếu, mà một chữ lại thừa! Muốn tả trắng thì phải tả mây. Đó là cách mượn mây để mà nẩy trắng của Kim Thánh Thán. Nên muốn nói đến Tiêu Phong thì phải gọi lại hình ảnh của A Châu.

Những nhân vật nữ là người yêu của các nhân vật chính trong tác phẩm Kim Dung, đâu chính hay tà, luôn có thân phận cao sang. Đó là Nhậm Doanh Doanh – Thánh Cô của Ma Giáo, là Triệu Minh – quận chúa Mông Cổ, là Hoàng Dung – con gái của Đào Hoa đảo chủ, là Nhạc Linh San – ái nữ của trường môn phái Hoa Sơn, là Mộng Cô – công chúa nước Tây Hạ, là Vương Ngũ Yên – kiều nữ của Mạn đà sơn trang. Chỉ riêng A Châu – người con gái dịu dặt sinh mệnh và cuộc đời của một nhân vật kiêu dũng và anh hùng là Tiêu Phong – lại một tỳ tử mang thân phận thấp hèn: là đứa con rơi của một hoàng thân nước Đại Lý, nên trở thành một cô gái mồ côi lênh đèn đuốc lưu lạc, cha mẹ phiêu tán, phải nương náu nơi nhà Mộ Dung với tư cách người hầu. Mà trong số các

nhân vật chính của Kim Dung, Tiêu Phong lại trội vượt hơn hẳn các nhân vật khác về phong độ kiêu hùng, cho nên khi Kim Dung để A Châu diu dắt sinh mệnh của Tiêu Phong thì ta càng hiểu rằng cái phẩm chất ẩn tàng nơi A Châu là cực kỳ cao quý.

Khách anh hùng xông pha giữa điệp trùng gươm giáo, sẵn sàng coi cái chết như một cõi đi về, nhưng một khi đối diện với những “*nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe*” lại thường nhận chân ra nỗi hoang lương thê thiết, và cái vô nghĩa của cuộc đời. Và họ cần đến những nữ lang để tìm chút hơi ấm của đời thường, một khi phải đối diện với cõi trống rỗng hư vô. Ngay cả với Tiêu Phong – là một nhân vật gần như sống trong tự do tuyệt đối (xin hiểu chữ tuyệt đối theo nghĩa tương đối của trần gian!!!). Rượu và võ công đã chấp cho ông đôi cánh chim bằng để bay bổng tuyệt vời trong khoảng trời bao la tự tại, lướt trên những lợi danh tũn mủn giữa vô lâm. Thử hỏi chức vị Bang chủ Cái Bang nào có nghĩa gì? Nếu ông có quyền uy đến nỗi, thì cũng chỉ vì sự an nguy của đệ huynh trong bang hội mà thôi. Ta có cảm tưởng như người anh hùng ấy thông dong đến giữa cõi đời, rồi sẽ ra đi một cách nhẹ nhàng không vướng bận. Không như Lệnh Hồ Xung luôn khoái hoạt bốn cột, Tiêu Phong lại lăm lăm một khí độ kiêu hùng. Con người ấy đến giữa đời như ngọn lửa bùng cháy, để rồi sẽ ra đi như một tia chớp, lưu lại giữa trần gian một hình bóng uy nguy. Nhưng rồi chính A Châu, hay đúng hơn, chính cái chết của A Châu là sợi dây nối Tiêu Phong vào cõi trần gian đầy hệ lụy. Cái giây phút cực cùng bi đát của *Thiên Long Bát Bộ* là lúc A Châu, như một con thiên nga trúng đạn, gục ngã dưới phát chưởng oan nghiệt của Tiêu Phong. Đường bay tới một khoảng trời xanh không còn tranh chấp hận thù,

không còn ân oán thị phi, khoảng trời chỉ có đàn cừu chạy trên thảo nguyên trong tiếng sáo mục đồng dịu dặt, đường bay tưởng chừng như vô cùng bình dị đó đã vĩnh viễn khép lại với con chim thiên nga thông minh và hiền dịu A Châu. Nàng đã ngã xuống giữa những giọt nước mắt oan cừu, phủ thêm bi thương lên cõi thế.

Ồ ly biệt tơ bời bờ lão đảo

Em ra đi – Đời bùng mặt khóc òa

(Chiêm bao – Bùi Giáng)

Em đã ra đi vĩnh viễn. A Châu của Kim Dung đã ra đi vĩnh viễn dưới bàn tay Tiêu Phong. Như Desdemona của Shakespeare đã ra đi vĩnh viễn dưới bàn tay Othello. Một kẻ vô tình, một người cố ý. Tất cả thảm họa đó đều phát sinh từ ngộ nhận. Othello ngộ nhận bởi gã Iago cực kỳ nham hiểm, Tiêu Phong ngộ nhận bởi người đàn bà ghen tuông là Mã phu nhân. Kiếp người đã quá đổi nặng nề rồi, thế sao đời cứ luôn đem bi kịch chất chồng lên thêm nữa? Phải chăng để nhắc nhở con người nhìn lại chân tướng của trần gian? Ta bước vào đời với trái tim nặng trĩu ước mơ, để rồi ra đi với một tâm hồn hoang phế. Tất cả đều bấp bênh phù động, cõi vô thường tìm đâu được chốn bình yên. Thoạt nhìn trần gian đầy những cảnh “*Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng*” (Kiều 1603–1604), để rồi ngày trùng phùng chỉ đối diện với “*Bước vào chốn cũ lâu thơ, Tro than một đồng nắng mưa bốn tường*” (Kiều 1671–1672). Cả cõi đời đều bùng mặt khóc òa. Tiêu Phong đã khóc, chúng ta đã khóc. Và còn bao nhiêu người sẽ khóc nữa, trước những bi kịch trớ trêu của ngộ nhận giữa dâu bể cuộc đời? Mong hồn nàng có về vương vấn nơi Nhạn môn quan? “*Còn không một bận quay về, Nhạn môn quan*

khóc trắng thể vàng gieo"¹? Còn đâu nữa những đàn cừ tung tăng trên thảo nguyên mênh mông nơi quan ngoại? Còn đâu nữa lời hẹn thể quay lại Nhạn môn quan?

Ta muốn ngậm ngùi thốt lên những lời thiết tha cùng nhà thơ Bùi Giáng: *"Và nước dưới cầu chảy mãi? Để huê trôi, rêu nhạt, đá mòn. Thế là người có thể gục đầu xuống khóc, và tự hỏi: ở phương trời nào xa vắng, có bến bờ nào vĩnh viễn hay không?"* Đó là những lời Bùi Giáng viết về cõi đời dâu bể, mà sao nghe ra như những lời nức nở của A Châu. Trong cái đêm oan nghiệt đó, dưới lốt hoá trang Đoàn Chính Thuần, nàng đến gặp gỡ Tiêu Phong, có nghĩa là chịu im lặng để đi tìm cái chết. Vì chữ hiếu, nàng đành chấp nhận chết dưới bàn tay người yêu dấu, giữa lúc mộng đời đang xanh thắm, và cuộc tình đang chất ngất nồng say. Tội hình dung đêm hôm ấy, có lẽ nàng khóc nhiều ghê lắm. Vì hân hoan lẫn vì cay đắng. Nơi phương trời xa vắng, liệu có bến bờ nào vĩnh viễn hay không? Ta không biết. Không thể nào biết được. Người bước vào đời hân hoan dệt mộng, muốn tìm cho mình một chút bình yên, còn cuộc đời luôn tìm cách phá tan cả những ước mơ nhỏ nhoi nhất của con người. Nên xin người hãy cứ nhủ lòng rằng chữ tương phùng đành hẹn lại kiếp sau, và trong cõi chết xin được nối kết những mộng đầu dang dở. Điều đó tưởng chừng như hảo huyền, không hiện thực, nhưng chỉ có thể con người mới tìm được chút an ủi cho hồn mình, giữa tan nát thương đau. A Châu đã ngã xuống, nhưng ta tin rằng tâm hồn nàng hân hoan lắm. Ngộ nhận giữa Tiêu Phong và Đoàn Chính Thuần chỉ được cởi mở cùng cái xác lạnh giá

¹ Xin phép anh hồn nhà thơ Bùi Giáng cho tôi được đổi hai câu lục bát tuyệt diễm của ông một chút đỉnh, để an ủi linh hồn A Châu. Hai câu thơ của Bùi Giáng như sau: *"Còn không một bận quay về, Vườn xưa ngó bóng trăng thể vàng gieo"*(Nắng buồn – Lá hoa cồn)

của A Châu! *Linh hồn thực nữ bao dung/ Nhận môn quan hện
mộng trùng lai xưa/ Lệ thương biết mấy cho vừa!*

Lý Hạ khóc Tô tiểu tiểu, Tố Như và Chu Mạnh Trinh cùng khóc Thuý Kiều, Shakespeare khóc Desdemona, chúng ta cùng khóc A Châu. Thời đại khác nhau, nhưng giọt lệ đau thương dường như chỉ là một. Nước mắt bọn tài tử kim cổ Đông Tây có an ủi được chút nào không những nữ lang bạc mệnh? Như chàng sinh viên Raskolnikov, trong kiệt tác “*Tội ác và Trừng phạt*” của Dostoievski trân trọng quỳ trước Sonia – một cô gái giang hồ mang trái tim Bồ Tát –, chúng ta cũng xin nghiêng mình trước họ, như nghiêng mình quỳ trước những khổ lụy thiên thu, những lệnh đệnh vạ đại của con người. Bao oan nghiệt đoạn trường của nhân loại như chung đúc cả vào những nữ lang bạc mệnh, để ngàn năm đau mãi tiếng tân thanh.

A Châu đã chết, nhưng nàng vẫn còn sống mãi trong tâm hồn Tiêu Phong, trong những chén rượu nồng “*Thoáng hiện em về trong đáy cốc, nói cười như chuyện một đêm mơ.*” (Thơ Quang Dũng). Chính điều đó đã đẩy Tiêu Phong đối diện với nỗi cô liêu cùng cực, khiến người đọc thấy ngậm ngùi khôn xiết. Những lời trần trối trong nước mắt của A Châu như sợi dây trói ông vào cõi thế, mà ông luôn muốn tìm cách cắt bỏ đi. Nếu như sáu trăm quyển kinh Đại Phẩm Bát Nhã chỉ là những lời chú giải cho một chữ Không (*‘sunyata’*) trong tư tưởng Phật Giáo Đại Thừa, thì mũi tên tự đâm vào ngực Tiêu Phong nơi quan ải cũng chỉ là một lời “*chú giải*” cho những giọt nước mắt của A Châu.

NHẠM NGÃ HÀNH: CÁI TÔI VÀ BẢN LĨNH

Ngạn ngữ phương Tây thường nói đến: "*Cái tôi đáng ghét*" (*Le moi haïssable*). Bản tính con người xưa nay đều luôn nghĩ đến mình trước hết, cho nên cái tôi tạo ra một lớp vỏ bọc kín tâm hồn và chặn đứng mọi nẻo cảm thông giữa người với người.

Tôn giáo hay triết học phương Đông đều dạy con người tiêu trừ bản ngã, vì xem đó là điều chướng ngại ngăn cản con người trên con đường tu học. Đức Phật thực hiện Từ Bi, Chúa Jésus rao giảng Bác Ái, đức Khổng Tử giảng dạy đức Nhân, cũng đều nhằm mục đích dẫn dắt con người đến chỗ thương yêu khắp cả chúng sinh như chính mình, hay xem tất cả mọi người đều đồng một thể. Người nông dân Việt Nam nói đơn giản và ngắn gọn hơn: "*Thương người như thể thương thân*". Không có phân biệt ta và người. Những ai "sính" loại triết học hàn lâm thì bảo đó là "*để Tiểu Ngã hòa tan trong Đại Ngã*" theo kiểu Ấn Độ, hoặc "*vạn vật dữ ngã vi nhất*" theo kiểu Trung Hoa, hoặc "*không còn phân biệt chủ thể với khách thể*" theo kiểu triết học hiện đại, v.v... Những trò chơi ngôn ngữ rối rắm vô bổ và rộng tuếch đó đã làm hao tổn bút mực lẫn trí não của rất nhiều học giả Đông Tây rồi, và của cả những người sính triết học. Chúng ta hãy học tập cách người

nông dân chân chất là xếp chúng qua một bên để mặc cho các học giả bàn luận, rồi cứ ung dung dắt trâu đi theo con đường ruộng giữa cánh đồng bao la với bàn chân đất, chỉ để nghe tiếng nói sâu thẳm từ chính trái tim mình.

Xã hội có văn hóa thường buộc con người phải tìm cách giấu đi cái tôi. Người nào nói nhiều đến cái tôi có nghĩa là người kém văn hóa. Phải nói đến “*người ta*” và “*chúng ta*” hoặc chí ít cũng phải là “*chúng tôi*”. Rõ khổ! Vì dù ít dù nhiều ai cũng muốn phô diễn cái tôi. Do đó, cái tôi lại luôn tìm cách xuất hiện lấp ló đằng sau những nghi thức xã giao, thông qua những câu nhún nhường khiêm tốn, thường có tính giả vờ! Chỉ có những thiên tài thực sự mới đủ bản lĩnh để không ngần ngại bộc lộ cái tôi bằng tất cả sự kiêu hãnh hồn nhiên.

Theo kinh điển Phật giáo ghi lại thì khi vừa mới sinh ra đời, đức Phật đã bước đi bảy bước trên tòa sen và cất tiếng như sư tử hống: “*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*” 天上地下，唯我獨尊. (Trên trời dưới đất, chỉ có Ta là tôn quý). Đó có lẽ là ngày đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, cái Tôi được khẳng định một cách minh triết và hùng hồn nhất. Một tôn giáo xiển dương quan điểm “*sắc tức thị không, không tức thị sắc*” và dùng một loạt mười tám loại “*Không*” từ “*Nội không*” 內空 cho đến “*Vô pháp hữu pháp không*” 無法有法空 trong kinh Bát Nhã để đẩy toàn bộ cái thế giới hữu sắc này đến chỗ tận cùng của chân không, thì chính tôn giáo ấy lại khởi đầu bằng cách khẳng định một cách tuyệt đối cái tôi! Bỏ qua một bên những ý nghĩa siêu huyền mang tính tượng trưng và ẩn dụ (dĩ nhiên) trong lời tuyên bố đó, ta chợt bắt gặp lại, ở một bình diện thấp hơn, câu ngôn ngữ phương Tây bảo “*Les extrémités se touchent*” (cái cực đoan thường gặp nhau) Cái cùng cực

của phủ nhận lại chính là cái cùng cực của khẳng nhận. Cũng như chỗ sơn cùng thủy tận của khoa học phương Tây lại tiếp giáp với cõi bờ huyền học phương Đông, cho nên vũ trụ của Einstein lại hòa nhập trong lời thơ Tagore!

Lý Bạch là nhà thơ vô cùng kiêu ngạo. Trong một đêm khuya yên tĩnh, nhìn tinh tú lấp lánh chiếu sáng trên không, ông ngẫu hứng muốn làm thơ, nhưng lại không dám viết thành câu vì sợ các vì tinh tú nghe được sẽ rùng mình rơi cả xuống dòng sông lạnh:

Dạ tĩnh bất kham đề tuyệt cú
Đãn kinh tinh đầu lạc giang hàn
夜靜不堪題絕句
但驚星斗落江寒
Đêm khuya không dám đề thơ
Chỉ e sao rụng lạnh bờ sông đêm

Có một bài thơ tứ tuyệt của Lý Bạch, người ta thường cho rằng đó là bài thơ tả cảnh nhưng thật ra đó là bài thơ kiêu ngạo thượng thừa:

Chúng điểu cao phi tận
Cô vân độc khứ nhàn
Tương khan lưỡng bất yếm
Duy hữu Kính Đình san
眾鳥高飛盡
孤雲獨去閑
相看兩不厭

唯有敬亭山

Chim bay về tổ hết

Mây trời bay lẻ loi.

Nhìn nhau mà không chán

Chỉ có Kính Đình thôi

Chỉ có núi Kính Đình là có thể nhìn ta giữa trời đất bao la để cảm nhận được sự hùng vĩ của nhau mà không chán! Đó là ngạo khí của kẻ “*khí thôn chu tử vô toàn mục*” 氣吞諸子無全目。 (ngạo nghệ chưa xem ai vừa mắt)¹.

Beethoven từng phẫn nộ quát mắng bọn quý tộc: “*Các ông cần hiểu rằng quý tộc các ông đời nào cũng có, nhưng Beethoven này phải cả trăm đời mới có được một người*”!

Đó đều là niềm xác tín đầy kiêu ngạo về cái Tôi của những người hiểu rõ thiên tài của mình.

Trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, có lẽ chỉ có ba nhân vật văn võ toàn tài, vừa có võ công tuyệt đỉnh lại vừa có trí huệ sắc bén, và là ba nhân vật kiêu ngạo bậc nhất. Đó là Hoàng Dược Sư, Tạ Tốn và Nhậm Ngã Hành. Nếu Hoàng Dược Sư hấp dẫn người đọc bởi cái tài hoa cô độc, nếu Tạ Tốn khiến người đọc kính nể vì kiến văn uyên bác, thì Nhậm Ngã Hành làm người đọc khoan khoái vì chất lỗ mãng giang hồ. Và ông là bậc đại tôn sư võ học duy nhất không ngần ngại phô diễn cái tôi với tất cả cái xấu lẫn cái tốt của nó, đúng với cái tên *Nhậm Ngã Hành* (để mặc ý ta làm!). Cái tài hoa của Hoàng Dược Sư dù sao vẫn còn mang chút màu mè của hạng quý tộc, sự uyên bác của Tạ Tốn vẫn có một chút tử chương của giới hàn lâm, chỉ có Nhậm Ngã Hành là hoàn toàn chất

¹ Thơ Tô Đông Pha nói về Lý Bạch.

phác, giống như chương pháp của ông khi giao đấu với *Thiên Thủ Như Lai Chương* của Phương Chứng đại sư. Người sao chương vậy. Không ly kỳ biến ảo, nhưng trong thô phác lại hàm chứa tinh hoa.

Chỉ những người có bản lĩnh thực sự và có sở đắc chân chính như Nhậm Ngã Hành mới dám vứt bỏ mọi lớp vỏ văn hóa hoa hòe che phủ bản thân, để hiện ra một cách trần trụi với mọi cái xấu, cái tốt không thềm che dấu, như *Một Con Người* thực sự. Khi thì ăn nói cùng cực sắc bén đúng với phong độ của một đại tôn sư võ học, khi thì hành xử rất mực thô lỗ, thậm chí hạ cấp, như bọn hảo hán giang hồ.

Đánh mãi với Phương Chứng, liệu thế không xong thì vờ tấn công Dư Thương Hải để dùng mưu đánh ngã Phương Chứng. Không thích Tả Lãnh Thiền nhưng lại thành thật công nhận: “*Nễ võ công liễu đắc, tâm kế dã thâm, ngận hợp lão phu đích đàm trụ*” 你武功了得, 心計也深, 很合老夫的膽胃。 (người võ công có chỗ hơn người, lại có mưu kế sâu, điều đó rất hợp với tâm ý lão phu). Ông chỉ chê Tả Lãnh Thiền một điểm là đã có dã tâm thôn tính Ngũ Nhạc kiếm phái thì cứ ngang nhiên mà làm, không cần phải dùng đến những thủ đoạn lén lút, những âm mưu quỷ kế đê hèn không xứng đáng với bậc anh hùng hảo hán. Nhậm Ngã Hành cũng không hề che dấu tham vọng bá chủ võ lâm của mình.

Hiếm có vị tôn sư võ học nào lại ngang nhiên tự nhận: “*Lão phu võ công ký cao, tâm tư hựu thị cơ mẫn vô tỷ, chỉ đạo phổ thiên hạ dĩ vô kháng thủ*” 老夫武功既高, 心思又是機敏無比, 只道普天下已無抗手。 (Lão phu võ công đã cao, tâm tư lại bén nhạy nhất đời, cứ cho rằng khắp thiên hạ không có đối thủ!). Và do đó ông phải vô cùng bội phục kẻ đã soán đoạt ngôi vị giáo chủ của mình là Đồng Phương Bất Bại.

Đối với Xung Hư đạo trưởng thì ông ca ngợi nhân cách và Thái cực kiếm pháp của vị chương môn hết lời, nhưng lại khẳng định ngay: “*Nễ đích Thái cực kiếm pháp tuy cao, vị tất thắng đắc quá lão phu.*” 你的太極劍法雖高，未必勝得過老夫。(Thái cực kiếm pháp của đạo trưởng tuy cao, nhưng chưa chắc đã thắng nổi lão phu)!

Môn *Hấp Tinh Đại Pháp* mà Nhậm Ngã Hành khổ luyện cũng có ý nghĩa riêng của nó: *gom hết những tinh hoa trong thiên hạ để về phục vụ cho chính cái tôi.* Đó cũng là môn võ công biểu hiện quan điểm cực đoan của “*Duy ngã độc tôn*”. Cái tôi của Nhậm Ngã Hành khi được khoáng trương đến cực độ thì tại điểm “bách xích can đầu” sẽ “*hoặc được tại uyên*” (nhảy vào hố thẳm), như con rồng của quẻ Kiền trong kinh Dịch, để vỡ tan ra từng mảnh. Bước nhảy đó sẽ là điều kiện tối hậu để Nhậm Ngã Hành với *Hấp Tinh Đại Pháp* bắt gặp kịp Phương Chứng đại sư với *Dịch Cân Kinh*. Cái tâm đại bi vô lượng của một bậc đại tôn sư võ học sẽ hóa giải cái tôi cực kỳ bá đạo của một đại tôn sư võ học khác, cũng như cái *Duy Ngã Độc Tôn* sẽ cùng côi *Chân Không Diệu Hữu* viên dung nhất thể. Cái Tôi được khẳng định đến cùng cực, khi gặp cơ duyên, sẽ dễ dàng tan biến vào cái đối cực của nó là côi *Man Mác Huyền Minh*. Giá như Nietzsche sống lại, ắt hẳn sẽ trở vào Nhậm Ngã Hành mà nói “*Ecco Homo*”!

Nhưng muốn biểu hiện cái tôi như Nhậm Ngã Hành thì ta phải có bản lĩnh chân thực. Không có bản lĩnh chân thực thì cái tôi đó cũng chỉ là cái hình ảnh thâm hại của năm anh chàng võ nghệ mèø quào học đòi lên Hoa sơn luận kiếm! Như Tây Thi nhan mặt thì cả làng đều say đắm, Đông Thi bất chước nhan mặt thì cả làng đều bỏ chạy. Muốn học cách viết *Sử Ký* như Tư Mã Thiên thì phải học cách du sơn ngoạn thủy như Tư Mã Thiên, muốn kiêu ngạo và phô diễn cái tôi như

Nhậm Ngã Hành thì tự xét mình đã có được cái bản lĩnh như Nhậm Ngã Hành không? Có dám ngang nhiên phơi bày mọi cái xấu lẫn cái tốt, vì hiểu rằng cái xấu hay tốt đó đều “*bất khả tư nghị*” đối với cao thủ cỡ Dư Thương Hải không? Và có thực dám “*nhậm ngã hành*” (cứ làm theo ý ta) không? Có dám tự thấy “*Lão phu võ công ký cao, tâm tư hựu thị cơ mẫn vô tỷ, chỉ đạo phổ thiên hạ dĩ vô kháng thủ*” chưa?

Phải học nói rất nhiều trước khi muốn im lặng, phải đọc sách rất nhiều để hiểu rằng kiến thức chỉ là trò “*điều trùng tiểu kỹ*” vô cùng vụn vặt, phải “*Bao đêm thao thức thật thà*” rồi mới ngộ ra rằng “*Sưu tâm chân lý té ra tâm ruồng*” (Thơ Bùi Giáng). Phải đẩy cái Tôi đến chỗ tận cùng rồi mới có cơ duyên để để trừ bỏ nó. Và đằng sau cái tôi đó phải là bản lĩnh chân thực. Vì đó chính là điều kiện để con người rũ bỏ tất cả và “*hoặc được tại yên*”!

MẠC ĐẠI TIÊN SINH: CẢNH ĐỘC HẠC U HOÀI

Cục diện đương trường đang hồi căng thẳng tốt độ, khi đại cao thủ của phái Tung Sơn là Đại tung dương thủ Phí Bàn chuẩn bị mở sát giới, thì bất ngờ tiếng hồ cầm vang lên, và một bóng người gầy gò xuất hiện dưới tàng cây. Tiếng hồ cầm đột nhiên dứt bật, lưỡi kiếm mảnh đã tung ra như con bạch xà lấp loáng dưới ánh trăng thượng huyền. Và Phí Bàn ngã gục dưới các kiếm chiêu thần tốc. Kiếm quang vụt tắt, tiếng hồ cầm ai oán lại trở lên, ảo não và mơ hồ theo từng bước chân xa dần của Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Một thảm họa được vãn hồi. Tấn kịch xảy ra chớp nhoáng và lặng lẽ trong đêm vắng. Vị kiếm khách bất ngờ đến rồi bất ngờ đi. Âm thầm và cô đơn. Như chính tâm sự u hoài của vị chưởng môn kì lạ ấy.

Trong suốt tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung chỉ phác họa một vài nét chấm phá đan thanh về Mạc Đại tiên sinh nhưng đã để lại ấn tượng lạ thường về vị chưởng môn phái Hành Sơn, làm người đọc bồi hồi khôn xiết. Ngày sư đệ ông là Lưu Chính Phong rửa tay gác kiếm, một sự kiện lớn làm xôn xao cả giang hồ, người ta chờ mong ông về nhưng ông vẫn biệt tích. Trong cảnh náo nhiệt của thành Hành sơn ngày đó, nhiều người đang háo hức muốn hội kiến ông, thì

có ai ngờ nổi ông lão gầy ốm quê mùa, ôm cây hồ cầm ngồi hát trong quán trà, thân nhiên nhận những đồng xu bố thí như một ông lão ăn mày, lại là vị chương môn mà người ta đang ngóng đợi! Người ta chỉ kịp nhận ra ông lúc ông đã đi khuất, sau khi tung một đường gươm tinh ảo chém đứt bảy miếng chén trà, để cảnh báo các khách giang hồ ba hoa hiếu sự. Như một kẻ “đại ẩn” giữa đời, con người cô độc kia lại lặng lẽ ra đi, nhưng đã để lại sau mình dư hưởng của tám chữ làm kinh động vô lâm “*Cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm thanh*” (Trong đàn có dấu kiếm, kiếm phát ra như tiếng đàn). Khi tấn thảm kịch xảy ra trong Lưu phủ, toàn gia Lưu Chính Phong bị giết sạch, khiến bao tay hảo thủ giang hồ phải chấn động tâm thần, vẫn không thấy ông xuất đầu lộ diện. Rồi bất ngờ, ông lại hiện ra như hồn ma giữa đêm khuya, giết chết Phí Bản để cứu sống năm mạng người: Lệnh Hồ Xung, Khúc Phi Yến, Nghi Lâm, và cả hai đại cao thủ chính tà Lưu Chính Phong và Khúc Dương trưởng lão. Rồi ông lại tuyệt tích giang hồ. Cứ phiêu nhiên mà đến rồi phiêu nhiên mà đi. Như một cánh hạc cô đơn, Mạc Đại tiên sinh mãi ruổi rong giữa cõi phong trần với cây hồ cầm vàng ó và một tâm sự ngậm ngùi khó hiểu. Là chương môn một môn phái lớn mà cứ làm một người phiêu đảng lênh đênh. Không gia đình, không thân hữu. Sống giữa cõi đời, mà tâm sự cứ như mây bay, hạc lánh. Người ta cho rằng ông và sư đệ là Lưu Chính Phong không hợp tính tình nhau, dù cả hai đều là những nghệ sĩ thượng thừa. Điều đó đâu có đáng tiếc chẳng nữa, thì cũng là chuyện thường tình. Ở trên đời có biết bao nhiêu tâm hồn hoảng đại vẫn ngộ nhận nhau suốt cả bình sinh?

Giữa bao nhiêu sóng gió giang hồ, bỗng nhiên Mạc Đại tiên sinh lại xuất hiện, vẫn dưới lớp mặt một ông lão quê mùa ngồi độc ẩm trong một quán rượu vô danh trên bờ sông

Hoàng Hà, để nhả nhủ Lệnh Hồ Xung nên làm mình chủ và dẫn quần hùng hắc đạo lên Thiếu Lâm tự cứu Nhậm Doanh Doanh. Trong khi một bậc cao nhân thế ngoại là Xung Hư đạo trưởng tìm cách ngăn cản không cho Lệnh Hồ Xung làm việc đó, thì thái độ và hành động của Mạc Đại tiên sinh tỏ ra ông có cái tâm nhân bản hơn rất nhiều. Mặc dù Xung Hư đã biết rõ chuyện Doanh Doanh, vì tình yêu nên phải xả thân, hi sinh cứu Lệnh Hồ Xung, để chấp nhận cái giá phải trả là chung thân chịu giam cầm trong thạch thất, nhưng dưới mắt vị chủồng môn phái Võ Đang kia, Nhậm Doanh Doanh cũng vẫn chỉ là một “*nữ ma đầu*”. Ông còn khuyên Lệnh Hồ Xung nên quên Nhậm Doanh Doanh đi, để tìm một nơi “*danh môn chính phái*”, cho xứng đáng với tài năng và phẩm hạnh. Làm như “*danh môn chính phái*” là cái gì đó ghê gớm lắm trên cõi đời này! Vị đệ nhất kiếm thủ đương thời đó, kiếm pháp đã cực cao ắt phải có được cái tâm cực tĩnh và đạo hạnh cực thâm, thế sao ông vẫn còn nặng định kiến về chính tà đến vậy! Sự hi sinh của Doanh Doanh vì tình yêu đâu phải là điều dễ tìm thấy trên cõi đời này? Từ thân phận một “*Thánh Cô*” cực kì cao ngạo, thanh uy trùm cả võ lâm với hàng trăm ngàn người cầu cạnh, thế mà cô lại chấp nhận hi sinh vì Lệnh Hồ Xung. Điều đáng cảm động nhất là sự hi sinh đó lại diễn ra ngay tại thời điểm mà gã tưu đồ lãng tử kia đã thân bại danh liệt, như một thây ma vất vưởng giữa cõi giang hồ.

“*Sĩ vị tri ki gia tử*”, kẻ sĩ chịu đem cái chết để đáp đền tám lòng tri kỉ, là chuyện rất nhân bản ở đời thường. Kinh Kha vì Thái tử Đan mà vượt sông Dịch sang Tần. Dự Nhượng vì cảm tám lòng đãi ngộ “*quốc sĩ*” mà chịu hủy hoại thân thể để báo thù cho Trí Bá. Khổng Minh nguyện “*óc gan lầy đất*” để đáp đền ơn tri ngộ của Lưu Tiên chúa. Bá Nha ngậm ngùi đập vỡ cây đàn trên nấm mộ Tử Kỳ. Giữa kẻ sĩ và tri kỉ còn vậy, huống

hồ đây lại là một tri kỉ hồng nhan? Antony đã vì Cléopâtre mà chấp nhận hi sinh cả cơ đồ, để về chết dưới một nụ môi hôn. Từ Hải đã vì Thúy Kiều mà hân hoan làm “*người tử sinh*”, để sự nghiệp năm năm hùng cứ bị vùi chôn nơi thiên thổ. Cho nên Kim Dung có để Lệnh Hồ Xung khước từ tất cả, sẵn sàng chấp nhận cả cái chết, để quyết tâm cứu cho được Doanh Doanh, thì đó cũng chỉ là một cách tiếp theo cung bậc đa tình của bao thiên tài kim cổ. Chốn tuổi vàng, Shakespeare ắt hẳn sẽ cùng Nguyễn Du nắm tay nhau mà nhắc chuyện Kim Dung! Người xưa cho rằng chỉ có bậc thánh nhân mới quên được tình, và chỉ có người ngu mới không biết đến tình. Thánh nhân thì vong tình, ngu phu thì vô tình. Bọn chúng ta, với trái tim huyết nhục, ắt hẳn không thể đạt nổi đến cảnh giới vong tình, nhưng cũng không thể là những kẻ ngu xuẩn vô tình. Nên suốt đời cứ cứu mang mãi một chữ tình để đắm chìm giữa cõi trăm năm. Câu nói của Trương Trào, một thi sĩ Trung Quốc, cách đây ba thế kỉ mà nghe ra vẫn còn vô cùng thấm thiết “*Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn*”. Ôi! cái tình là cái lụy, nhưng thử hỏi không có cái lụy ấy thì cõi đời sẽ buồn tẻ và đơn điệu biết bao nhiêu? Vị đạo trưởng khả kính được tôn xưng là Thái Sơn Bắc Đẩu của võ lâm đó, có lẽ do chỉ sống mãi với cõi đạo thanh tịnh vô vi, nên không cảm thông được sự nhiệm màu của chữ “Tình”. Hai chữ “vong tình” và “vô tình” sao mà gần nhau đến thế!

Khác hẳn Xung Hư đạo trưởng, Mạc Đại tiên sinh lại nhìn Doanh Doanh bằng đôi mắt đầy tính nhân văn của một kẻ hữu tình. Trong khi tất cả các nhân vật thuộc phe “chính giáo” xem chuyện giam cầm Doanh Doanh là một việc bình thường, thậm chí là đúng đạo lí và thích đáng với các việc làm của cô, thì chỉ có mỗi một Mạc Đại tiên sinh quan tâm và thôi thúc Lệnh Hồ Xung lên đường giải cứu Doanh Doanh.

Khi Lệnh Hồ Xung thỉnh cầu ông đảm nhận trọng trách, thay thế gã bảo vệ cho các ni cô phái Hằng sơn, để gã an tâm lên đường, thì Mạc Đại tiên sinh chỉ đáp ứng bằng sự yên lặng và những tiếng hồ cảm ai oán. Từ trạng thái hân hoan khi cùng Lệnh Hồ Xung đối ẩm, xem gã tiểu diệt kia như một người bạn vong niên, bỗng nhiên ông lại rơi vào trạng thái cô đơn cố hữu. Dường như trong đời, vị kiếm khách cô độc đó chỉ một lần hân hoan khi thấy Lệnh Hồ Xung, sau khi nghe ông kể rõ câu chuyện về Nhậm Doanh Doanh, đã nôn nóng lên đường đến Thiếu Lâm tự. Điều đó khiến người độc cảm động xiết bao. Dưới đôi mắt lạnh lùng cô độc của Mạc Đại tiên sinh, chân dung cô “*nữ ma đầu*” Nhậm Doanh Doanh đã hiện ra như một nữ thánh chịu khổ nạn đóng đinh trên cây thập giá của Tình yêu! Làm người, phải có cái tâm lớn mới cảm hết được cái tình sâu. Trong tất cả các bậc tôn trưởng phe chính giáo, có lẽ chỉ Mạc Đại tiên sinh mới có được cái tâm lớn để thấu hiểu được cái tình sâu của Nhậm Doanh Doanh.

Kim Dung đã sáng tạo nên một nhân vật kì lạ, cô độc khắc khổ là Mạc Đại tiên sinh. Và Kim Dung cũng không cho độc giả hiểu vì lí do nào mà ông mang tâm sự bi thương ấy. Thế nhưng chỉ qua một đoạn ngắn hội kiến cùng Lệnh Hồ Xung trên quán rượu ven sông, tấm lòng quan hoài của ông đối với một “*nữ ma đầu*” phe đối địch, lại không có liên hệ gì đến ông, đã khiến chúng ta cảm mến ông bao xiết! Dưới lớp vỏ cô độc khắc khổ đó lại là trái tim nặng trĩu tình người của một kiếm khách tài hoa. Có lẽ trong đời, ông đã có một tâm sự u sầu tốt bạc. Vì tình yêu? Vì thân phận? Vì những mộng hoài dang dở buổi thanh xuân? Ta không rõ nhưng vẫn có thể cảm thông. Vì ở trong đời, có biết bao nhiêu kẻ mang tâm sự u oán hận sâu mà không biết tỏ cùng ai, và cũng không thể

tỏ cùng ai. Khách giang hồ như Mạc Đại tiên sinh thì làm gì có một Thượng Đế để cầu nguyện, nên suốt đời phải gởi tâm sự vào chén rượu và cung bậc hồ cầm ảo não thê lương. Cho dầu khi, do gian mưu của Nhạc Bất Quần, ông cùng quần hào ngã gục giữa đám loạn kiếm trong thạch động sau núi Hoa Sơn, thì có lẽ tâm sự u hoài của Mạc Đại tiên sinh vẫn sẽ còn mãi mãi bay theo cánh hạc cô đơn giữa cõi giang hồ, cùng tiếng hồ cầm trong cung đàn *Tiêu Tương dạ vũ*.

Các tác giả có đỉnh cao của trí tuệ và chiều sâu của tâm hồn, thường dành ra những “*khoảng không vắng lặng*” lửng lơ trong tác phẩm mình, không lí giải, mà cứ để độc giả tự suy tư. Đó là Nguyễn Du với bi tâm của Từ Hải, là Kim Dung với tâm sự của Mạc Đại tiên sinh. Chính các “*khoảng không vắng lặng*” đó lại nói cho chúng ta rất nhiều về tâm tình của nhân gian và ý nghĩa đời!

LỆNH HỒ XUNG: CHÂN DUNG GÃ TỬU ĐỒ LÃNG TỬ

Dường như có một qui luật trong sáng tạo của các thiên tài là: các tác phẩm thường đi từ bi đến lạc hoặc đi từ lạc đến bi. Nhà viết kịch vĩ đại Shakespeare, sau các hài kịch *Much ado about nothing*, *The merchant of Venice* v.v... lại sáng tạo tiếp các bi kịch như *King Lear*, *Othello*, *Macbeth* v.v.... Còn Kim Dung thì ngược lại, sau các tác phẩm làm tan nát lòng người như *Thiên Long Bát Bộ*, thì *Tiểu Ngạo Giang Hồ* là tác phẩm tương đối ít bi thương. Khung trời máu lửa của võ lâm đường như đã bắt đầu tươi sáng hơn khi mà các thành kiến chính tà và thị phi ân oán cũng như tham vọng thống nhất giang hồ đều tiêu dung, hoá giải trong khúc cảm tiêu hợp tấu *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của Nhậm Doanh Doanh và gã tửu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung.

Trước khi Lệnh Hồ Xung xuất hiện trong tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung đã chuẩn bị một bối cảnh khá chu đáo, dù chỉ toàn bằng lời kể. Chính sự có mặt trong vắng mặt càng làm tăng thêm vẻ hấp dẫn cho nhân vật cực kì đáng yêu này. Thoạt tiên người ta chỉ biết đến gã như tên “bợm nhậu” khi lừa một ông lão ăn mày để uống hết vò rượu ngon bằng nội công thâm hậu của mình. Kế đó, gã lại hiện ra như là kẻ mất nết ưa gây hấn khi giao du với tên dâm tặc Điền Bá

Quang và giết đệ tử phái Thanh Thành. Bao nhiêu ác cảm, ngộ nhận đều trút lên đầu gã. Chỉ từ lúc cô tiểu ni xinh đẹp Nghi Lâm xuất hiện thì mọi chuyện mới thay đổi, và qua lời kể của cô, chân dung tên tửu đồ bẻm mép, giao hoạt đó mới bắt đầu hiện rõ nét như là một người trượng nghĩa, thông minh và cực kì liêu lĩnh. Đến khi gương mặt nhợt nhạt của gã, với đôi môi mỏng dính và đôi mày hình lưỡi kiếm hiện ra trên gương của một kĩ viện thành Hành sơn thì độc giả đã hình thành thêm được tính cách của gã: ngang tàng, đờm lược, ứng biến cực kì mau lẹ. Có gì lí thú hơn khi chương môn phái Thanh Thành là Dư Thương Hải bị gã, dù toàn thân bất lực do bị trọng thương, dùng mẹo khiêu khích, lừa không cho mở tám mền giấu Khúc Phi Yến và Nghi Lâm đang run sợ bên cạnh gã. Một dạng biến tướng thông minh của mưu kế kiểu “*Không thành*” mà Khổng Minh dùng lừa Tư Mã Ý, làm người đọc vô cùng khoan khoái!

Có lẽ tất cả các chi tiết trên chỉ là sự chuẩn bị của Kim Dung về tính cách của Lệnh Hồ Xung để lí giải việc lí do vì sao gã có cơ duyên được Phong Thanh Dương truyền cho môn kiếm pháp vô địch thiên hạ: *Độc Cô Cửu Kiếm*, môn học không chỉ đòi hỏi trí thông minh mà còn cần phải có một tâm hồn khoáng đạt, không câu nệ, cố chấp, và ứng biến linh hoạt. Người đọc làm sao quên được đoạn gã bị phạt trên đỉnh núi Hoa sơn và buộc phải đấu kiếm nhiều phen với Điền Bá Quang để khỏi bị họ Điền “*mời*” xuống núi. Cùng uống vơi họ Điền hai vò rượu quý hiếm duy nhất thế gian là để tạ tình tri kỉ, dù họ Điền là tên dâm tặc, đó là cái tình. Uống xong, tuốt kiếm đánh nhau, không chấp nhận xuống núi vì tuân theo sư mệnh, đó là cái lí. Khi gã dùng một mẹo vật khá tồi bại, không xứng đáng với đệ tử danh môn chính phái, để gạt được Điền Bá Quang nhằm tranh thủ thêm thời

gian học môn *Độc Cô Cửu Kiếm*, gã biện bạch với Phong Thanh Dương là: đối với bọn đệ hèn vô liêm sỉ thì phải dùng thủ đoạn đệ hèn vô liêm sỉ, người đọc hồi hộp biết ngần nào khi nghe vị tôn sư võ học kia nghiêm nghị hỏi lại: “*Thế đối phó với bậc chính nhân quân tử thì sao?*”. Câu hỏi như một loại công án thách thức sự ứng biến chân thành. Gã đã thành thực lẫn bạo gan trả lời đúng với tính cách của mình, không một lớp sơn phù phiếm hoa hoè giả tạo của môn qui: “*Cho dù bọn họ có là bậc chính nhân quân tử đi nữa, mà nếu như họ muốn giết đệ tử, thì đệ tử quyết không cam tâm để bị giết, cùng lắm đến lúc chẳngặng đừng đó, thì thủ đoạn hèn hạ vô liêm sỉ cũng phải dùng tạm chớ biết làm sao!*” (Tự toán tha chân thị chính nhân quân tử, thắng nhược tương yếu sát ngã, ngã đã bất năng cam tâm tự lục, đáo liễu bất đắc dĩ đích thời hậu, ti bỉ vô sỉ đích thủ đoạn, đã chỉ hảo dụng thượng giá ma nhất điểm bán điểm liễu). Người đọc lo ngại thay cho gã, sợ câu nói liễu lĩnh làm phật ý vị Thái sư thúc tổ của môn phái. Ngờ đâu ta còn khoan khoái hơn khi nghe Phong Thanh Dương tươi cười rạng rỡ, nói: “*Hay lắm, hay lắm! Câu nói của nhà người đúng là khác với bọn ngụy quân tử giả mạo bịp đời. Bậc đại trượng phu hành sự thích việc gì ra việc nấy, linh hoạt như nước chảy mây bay, tùy ý thích mà làm, còn tất cả những thứ qui củ võ lâm, giáo điều môn phái gì gì đó đều chỉ là cái rắm chó thúí đáng vất đi mà thôi!*” (Hào, hảo! Nễ thuyết giá thoại, tiện bất thị giả mạo vi thiện đích ngụy quân tử. Đại trượng phu hành sự, ái chẩm dạng tiện chẩm dạng, hành vân lưu thủy, nhậm ý sở chí, thậm chẩm võ lâm qui củ, môn phái giáo điều, toàn đô thị phóng tha ma đích cẩu xú tí!).

Trong toàn bộ tác phẩm Kim Dung, tôi cho rằng không có đoạn nào làm người đọc cảm thấy thống khoái hơn đoạn đối thoại trên đây, khi nghe câu nói vô cùng khoái ý chân

tình của một bậc cao nhân tiền bối của võ lâm, một vị đại tôn sư võ học, mà lại là của phe được xem là chính giáo! Ấy vậy mà người đọc vẫn kính mộ Phong Thanh Dương như một con thần long phiêu hốt, ngẫu nhiên ghé về trần gian trao một tặng vật cho người hữu duyên rồi biến mất. Để rồi về sau, hình ảnh ông chỉ xuất hiện như một huyền thoại, qua hồi tưởng của hai vị đại tôn sư võ học khác là giáo chủ Nhật Nguyệt thần giáo Nhậm Ngã Hành và phương trượng chùa Thiếu lâm Phương Chứng đại sư. Kim Thánh Thán khi phê bình Tây sương ký của Vương Thực Phủ, nhân đọc đoạn biện bạch của nhân vật nữ tì tên Hồng, ông quá thích thú bèn liên tưởng đến ba mươi ba điều thống khoái trên đời¹ ; tôi cho rằng đoạn đối thoại lí thú này, giữa Phong Thanh Dương và Lệnh Hồ Xung, đáng được đưa thêm vào thành điều thống khoái thứ ba mươi bốn của họ Kim!

Đoạn đối thoại rất trung thực, phản ánh được những đặc điểm rất con người, không hoa hoè, cường điệu. Điểm quyến rũ của tác phẩm Kim Dung vẫn thường nằm ở các chi tiết rất nhỏ đó. Sẽ chán biết ngần nào khi mà các nhân vật ai ai cũng sống, cũng ăn nói, cũng hành động theo một khuôn khổ ước lệ như nhau, nhất là lúc “lỡ” được tiếng là thuộc danh môn chính phái! Luôn phải cố tạo một cái gì đó khác người thường, khác với đám phàm phu tục tử, phải sống theo cái khuôn vàng thước ngọc của ngàn xưa, mà không bao giờ dám sống thực là mình! Đó là điểm mà Trang Tử chế nhạo là “*Chỉ thích cái thích của người mà không tự thích cái thích của mình*”². Cái thực tại người vẫn luôn luôn tồn tại trong những điều bình dị và hết sức đời thường. Ta cũng hiểu lí do vì sao trong

¹ *Tây Sương Ký*, bản dịch Nhượng Tống, chương *Khảo hoa*, NXB Tân Việt, tr. 312-318.

² *Nam Hoa kinh*, Chương *Biên mẫu*.

truyện Kiều, nhân vật đáng cảm thông nhất và gần gũi với con người nhất vẫn là Thúc Sinh. Không như Kim Trọng và Từ Hải, chỉ là những nhân vật mang tính ước lệ, quá lí tưởng đến mức hầu như không thực. Nhân vật Lệnh Hồ Xung hấp dẫn người đọc trước hết ở chỗ sống rất thực và rất con người.

Suốt cuộc đời hành sự của Lệnh Hồ Xung, từ lúc lừa Điền Bá Quang để cứu Nghi Lâm, bị hàm oan là giết sư đệ, lấy cắp kiếm phổ, tình cờ gặp Doanh Doanh, qua hình ảnh Bà Bà ngoài ngõ trúc thành Lạc dương, được quần hào hắc đạo nghênh đón trên sông, bốn cột với giáo chủ Ngũ độc giáo Lam Phương Hoàng, uống rượu tại Ngũ bá cương, cho đến khi sống chung với Doanh Doanh bên suối vắng, rồi rời chùa Thiếu lâm, giúp Hưởng Vấn Thiên đánh quần hùng hai phe hắc bạch, vô tình cứu Nhậm Ngã Hành, học *Hấp Tinh Đại Pháp*, ám trợ phái Hằng sơn lột mặt nạ bọn Tung sơn, kéo quần hùng đại náo Thiếu lâm tự, từ chối gia nhập Nhật nguyệt thần giáo, v.v... những việc làm của gã dù đúng hay sai đi nữa thì Lệnh Hồ Xung vẫn hiện chân dung là gã lãng tử đa tình sống bạt mạng, sống say mê, sống rất chân thành và chân tình với cái Tâm hoàn toàn trong sáng. Các bậc chân nhân xưa nay đều quý trọng *chữ thành*¹! Chính vì lẽ đó mà sau này, dù mang tiếng bao tai tiếng hư đồn, bị trục xuất khỏi phái Hoa sơn thì Lệnh Hồ Xung vẫn lọt vào mắt xanh của hai bậc Thái sơn Bắc đẩu trong võ lâm là Phương Chứng đại sư và Xung Hư đạo trưởng. Và càng oái ăm hơn khi Định Nhân sư thái trước lúc lâm chung lại chọn mặt gởi vàng, uỷ thác cho gã làm chủ môn phái Hằng sơn toàn là các ni cô!

Chính nhờ bản tính hồn nhiên khoáng đạt, giỏi ứng biến

¹ *Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật* (Thành thực là gốc ngọn của mọi sự. Không chân thành thì không thể có gì thành tựu được cả (Trung Dung, chương XXV).

mà môn *Độc Cô Cửu Kiếm* trong tay Lệnh Hồ Xung còn đạt đến những thành tựu cao hơn cả vị Thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương. Ngay cả Nhậm Ngã Hành khi ngồi trong đại lao dưới đáy Tây hồ, cũng không tin nổi điều đó khi nghe thuật lại việc một đại cao thủ là Nhị trang chúa Hắc Bạch tử bị gã đánh cho liểng xiểng, đến chiều thứ bốn mươi cũng không phản kích nổi! Cái bản tính hồn nhiên khoáng đạt đó, một biểu hiện khác của trạng thái vô tâm, là yếu quyết để lĩnh hội kiếm ý trong *Độc Cô Cửu Kiếm*, có thể có được không nếu gã không phải là một tửu đồ, đệ tử của Lưu Linh? Vị sư mẫu gã cũng nhận định về gã: *bừa bãi thành tánh, hời hợt rượu chè (hồ náo nhậm tánh, khinh phù hảo tửu)*. Nhưng cũng chính vị sư mẫu đó lại cực kì thương yêu gã như con ruột vì bà hiểu tấm lòng của gã rất chân thành, cái tâm của gã rất trong sáng.

Không phải ngẫu nhiên mà trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung để cho nhân vật Nhạc Bất Quần – với ngoại hiệu *Quân tử kiếm* – làm sư phụ Lệnh Hồ Xung. Kim Dung cố tình muốn làm nổi bật nét tương phản của chữ Ngụy và chữ Thành giữa hai thầy trò. Một bên che đậy tà tâm thâm độc dưới lớp vỏ cực kì khuôn thước qui củ, một bên cứ hồn nhiên theo ý thích mà hành sự, xét thấy không then với lòng là được. Cuối cùng, khi cái mặt nạ giả dối của vị sư phụ mà gã hằng tôn kính đã rơi xuống để hiện nguyên hình là tên ngụy quân tử vô cùng gian xảo, thì hai thầy trò bị đẩy vào thế phải giao đấu với nhau bằng hai môn kiếm pháp tối cao. Rốt cuộc *Độc Cô Cửu Kiếm* vẫn chiến thắng *Tịch Tà Kiếm Pháp*, cũng như chữ Ngụy vẫn luôn luôn phải bị đánh bại bởi chữ Thành!

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, nói đến Lệnh Hồ Xung mà không nói đến nhóm Đào Cốc lục tiên sẽ là điều thiếu sót lớn. Nhưng đó sẽ là nội dung của bài viết khác. Đặt sáu nhân

vật hồn nhiên ngây ngô bên cạnh Lệnh Hồ Xung, Kim Dung càng làm tăng thêm vẻ khoái hoạt, bốn đời của gã. Một tay tửu đồ thuộc nòi lãng tử đa tình như Lệnh Hồ Xung thì có thiết tha gì với cái chức Giáo chủ Nhật Nguyệt thần giáo hay cái tham vọng thống trị giang hồ? Có lẽ các thứ đó đối với gã cũng không lí thú bằng uống một vò rượu ngon, rồi cùng người yêu rong chơi bốn biển và thả hồn theo khúc *Tiểu Ngao Giang Hồ* trong tiếng hợp tấu của cầm tiêu!

GIANG NAM TỬ HỮU: THẨM KỊCH CỦA TÀI HOA

Người xưa bảo “*danh cương lợi tỏa*”, danh như dây thừng, lợi như xiềng xích luôn trói buộc con người, khó ai thoát ra ngoài vòng thao túng của nó. Nhất là chữ Lợi, luôn biến cuộc đời thành một bãi chiến trường cạnh tranh khốc liệt. Nhiều kẻ trí thức thuở hàn vi luôn sống một cách rất cao nhã, vậy mà khi rơi vào thế giới của đồng tiền vẫn dễ dàng biến thành một con buôn thương đặng. Nhưng kẻ nào có bản lĩnh để không lụy vì lợi thì lại lụy vì danh. Dù con người cho rằng danh cao hơn lợi, Trang Tử vẫn mỉa mai: “*Bá Di chết vì danh dưới núi Thú Dương, Đạo Chích chết vì lợi trên gò Đông Lăng. Hai người ấy cách chết chẳng giống, nhưng chỗ tàn sinh hại tính thì như nhau cả*” (Bá Di tử danh ư Thú Dương chi hạ. Đạo Chích tử lợi ư Đông Lăng chi thượng. Nhị nhân giả sở tử bất đồng, kỳ ư tàn sinh thương tính quân dã” (Nam Hoa kinh, Biển Mầu). Như vậy thì Lợi và Danh đều là hai cái làm lụy người nên tránh.

Những kẻ tài hoa chân chính có chân tài thực học, không lụy vì lợi vì danh thì vẫn phải vướng vào một hệ lụy khác: *Đó là lụy vì cái Đẹp*. Đem thân chết theo lợi thì bị xem là tiểu nhân, đem thân chết theo danh thì được gọi là quân tử, vậy đem thân để chết vì cái Đẹp, như Lý Bạch ôm trăng, thì gọi

là gì? Là tài tử chăng? Trương Trào bảo: “*Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn*”. Không có tình thì làm thế giới đổ vỡ, không có tài thì khiến càn khôn tẻ nhạt. Sinh ra đời, ai cũng mong muốn có tài, tài năng hoặc tài hoa. Có tài năng mà không tài hoa thì thô lỗ, có tài hoa mà không có tài năng thì khó thành công, chỉ có thể đem cái tài hoa tô điểm cho đời, cho trọn cuộc chơi trong cõi bình sinh.

Nhà thơ Tô Đông Pha từng nói: “*Nhân giai dưỡng tử cầu thông minh, ngã vị thông minh ngộ nhất sinh*”¹ (người ta sinh con, ai cũng mong muốn con mình thông minh, còn ta vì thông minh mà lâm lỡ cả một đời người). Trong lịch sử văn học Trung Quốc, nhà thơ thông minh và tài hoa nhất là Tô Đông Pha cũng chính là nhà thơ chịu nhiều khổ lụy nhất. Nguyễn Du bảo “*Chữ tài liền với chữ tai một vần*.” Phải chăng vì kẻ được phú bẩm tài hoa thường hay trào lộng vạn tượng, và đó là điều làm phật lòng Tạo hóa? Như vậy thông minh và tài hoa cũng là thứ làm lụy người, cần phải tránh. Nhưng có thể tránh được không, khi Trời đã vận tài hoa vào người như một nghiệp chương?

Quy luật bù trừ trong Thiên nhiên rất công bình. Đạo vận động như nước, lấy chỗ dư bù vào chỗ thiếu. Cho nên, được Trời phú bẩm cho chút tài hoa, ta cũng chớ vội mừng, vì lắm khi đó chính là hiểm họa. Khi cho ta cái gì thì Thiên nhiên sẽ lấy lại của ta một phần tương ứng, lắm lúc phần bị mất đi nhiều hơn cả phần được ban cho.

Trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, thâm kịch của bốn nhân vật tại Cô sơn Mai trang có lẽ là thâm kịch nào nùng nhất về hệ lụy của hai chữ tài hoa. Ngày Hường Vãn Thiên và Lệnh Hồ Xung đến tìm Giang Nam tứ hữu ở

¹ Có nhà nghiên cứu cho rằng đây là câu thơ của Tô Tuân.

Cô sơn Mai trang cũng đúng là lúc Định Mệnh gõ cửa đời họ. Bốn vị chủ nhân của mai trang được Trời phú bẩm cho tài hoa, không ham thi thố, chỉ quy ẩn lánh đời để canh giữ một tội đồ nguy hiểm, thế mà Định Mệnh cũng không chịu buông tha. Ấu đó cũng là hệ lụy của bọn tài tử suốt vòm trời kim cổ.

Nếu tiếng tiêu của Khúc Dương trường lão và tiếng đàn của Lưu Chính Phong hòa quyện trong khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* trước lúc lâm chung chỉ là đoạn mở đầu cho bản Giao hưởng Định Mệnh cực kỳ bi tráng, thì đoạn kết thúc của bản giao hưởng đó đã diễn ra tại cổng Cô sơn Mai trang bằng cảnh thân bại danh liệt của bốn nhân vật tài hoa của Cẩm-Kỳ-Thư-Họa. Tiếng đàn của Hoàng Chung Công, nước cờ của Hắc Bạch Tử, ngọn bút của Ngốc Bút Ông, chén rượu của Đan Thanh, bốn món chơi tao nhã của khách phong lưu, đã khiến cho bốn vị chủ của nó phải thân bại danh liệt, cũng chỉ vì mãi mê đi tìm cái Đẹp giữa đời. Nếu Dostoievski cho rằng cái thế giới đảo điên này sẽ được cứu rỗi bởi cái Đẹp, thì cái Đẹp cũng chính là mầm mống của tai ương! Vẻ đẹp tuyệt vời của Héléne, một vẻ đẹp có thể cứu chuộc được cả ba ngàn thế giới, đã là nguyên nhân cho cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài mười năm dưới chân thành Troie, và đã là nguồn cảm hứng cho nhà thơ thiên tài của Hy Lạp là Homère viết nên trường ca *Iliade* bất hủ. Nhan sắc Dương Quý Phi làm điên đảo cả triều đình Đường Minh Hoàng để rồi kết thúc một cách bi thương bằng dải lụa tại Mã Ngôi, để Bạch Cư Dị viết nên *Trường Hận Ca*, để Lý Thương Ẩn viết nên bài thơ *Mã Ngôi* được ca tụng đến ngàn thu.

Kẻ đi tìm cái Đẹp giữa đời, dầu đó là kẻ đem tài hoa vào đời để biến trần gian thành một cuộc chơi, thì đó vẫn là kẻ đang tự đóng đinh mình lên cây thập giá đời. Chữ tài hoa sẽ

vận vào người tài tử nhiều hệ lụy lạ lùng, đúng như Nguyễn Du đã từng đau đớn thốt lên “*Phong vận kỳ oan ngã tự cư*” (Những mối oan khiên kỳ lạ do nét phong nhã gây ra, ta tự mang cả vào mình – *Độc Tiểu thanh ký*). Tiếng đàn Hoàng Chung Công mệnh mông thâm diệu, nhưng chưa kịp tấu khúc *Tiểu Ngao Giang Hồ* thì tai họa đã ập tới cổng Mai trang. Chén rượu Thổ phồn của nhân vật hào sảng Đan Thanh vừa mới kịp làm say lòng tri kỷ thì đã chìm mất giữa men đời cay đắng gập vụn lẩn. Ngọn bút của Ngọc Bút Ông nằm lẩn lóc trước cổng Mai trang như lời cảnh báo cho những ai học đòi thư pháp. Và nước cờ xứng danh quốc thủ của Hắc Bạch Tử vẫn còn đi sau rất xa với nước cờ đời.

“*Đàn năm cung réo rất tính tình đây; cờ đôi nước rập tình xe ngựa đó, thơ một túi phẩm để câu nguyệt lộ, rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà.*” (Nguyễn Công Trứ). Thú chơi tao nhã của khách phong lưu đẹp biết bao. Đem gieo rắc tài hoa để tô điểm cõi trần khôn bằng tiếng đàn nét bút, mãi mê giữa đời để đi tìm cái Đẹp, mà đâu ngờ lòng si mê cái Đẹp lại đem thảm họa đến kẻ bên. Trong bốn nhân vật ở Mai trang, Kim Dung đã tỏ ra rất sâu sắc khi để cho cợn người phản bội lại cả nhóm để cầu xin Nhậm Ngã Hành truyền thụ *Hấp Tinh Đại Pháp* lại là một nhân vật chơi cờ: nhị trang chủ Hắc Bạch Tử. Trong các môn cầm kỳ thi tửu, thì kẻ chơi cờ luôn là kẻ phải đấu trí, nên có tâm cơ ứng biến và nhiều mưu mẹo hơn cả, khác với cái tâm hồn nhiên của những nhân vật đắm chìm trong đàn, trong sách vở và trong rượu.

Kẻ tham lợi thì cuồng điên vì lợi lộc, kẻ hám danh thì chìm đắm bởi chức danh, bọn tài tử chân thực trong cõi giang hồ khinh thường cả danh lẫn lợi thì lại si mê quên đời vì chính cái Đẹp của Nghệ Thuật. Gặp kiếm sĩ thì tặng gươm, gặp tửu đồ thì mời rượu, đó là lẽ đương nhiên. Cho

nên bức tranh *Khê trung hành lữ đồ* của Phạm Khoan phải dành cho Tứ trang chủ Đan Thanh, chân tích *Suất ý thiếp* của Trương Húc phải dành cho Tam trang chủ Ngốc Bút Ông, ván cờ *Ấu huyết phổ* phải dành cho Nhị trang chủ Hắc Bạch Tử, khúc nhạc *Quảng Lăng tán* của Kê Khang phải dành cho Đại trang chủ Hoàng Chung Công. Hường Văn Thiên quả là người tâm cơ siêu tuyệt khi đem bốn báu vật đó ra để bài trí cuộc vượt ngục đầy ngoạn mục của Nhậm Ngã Hành. Tiếng thờ dài nhận tội của Hoàng Chung Công trước bốn vị trưởng lão Ma giáo nghe thật xót xa: “*Hỡi ơi, mê say vật đẹp đến nỗi đánh mất cả tâm chí, đều do lỗi của bọn thuộc hạ đắm chìm nơi Cẩm Kỳ Thư Họa, để cho người ta nhìn vào điểm yếu*” (Ai, ngoạn vật táng chí, đồ nhân thuộc hạ nịch vu cẩm kỳ thư họa, cấp nhân khuy đáo liễu giá lão đại nhược điểm.) Bốn báu vật Cẩm Kỳ Thư Họa đó, đã khiến cho bọn tài tử bao thế hệ phải ngày đêm mơ ước, lại chính là mầm họa sát thân.

Với khách tài hoa thì cõi đời là một trò chơi lớn, một *Grand Jeu* theo Héraclite, nhưng đâu phải ai cũng có đủ công lực để đi trọn cuộc chơi. Thích Ca hoàn tất “*cuộc chơi*” trong cõi Niết Bàn, Lý Bạch tiếp tục “*cuộc chơi*” bằng cách cưỡi cá kình lên trời Hân mạn, Khổng Minh bỏ dỡ “*cuộc chơi*” trên Ngũ trượng nguyên, Nietzsche chấm dứt “*cuộc chơi*” trong nhà thương điên, Bùi Giáng xóa nhòa mọi “*cuộc chơi*” trong cảnh giới ngao du thù thắng. Khúc Dương và Lưu Chính Phong gởi gắm “*cuộc chơi*” trong khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Giang Nam Tử hữu trả giá “*cuộc chơi*” bằng cảnh thân bại danh liệt và cái chết oan uổng của Hoàng Chung Công.

Đức Jésus Christ cảnh báo “Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm”, Simone Weil nói tiếp một câu chua chát “*Quiconque prend l'épée périra par l'épée. Et quiconque ne*

prend l'épée pas ou la lâche périra sur le croix"¹ (Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm, và kẻ nào không dùng gươm hoặc buông gươm sẽ chết trên trên cây thập giá)! Kẻ không tài hoa sẽ chết một đời tầm thường đơn điệu, nhưng kẻ tài hoa sẽ chết một cách đau thương, nghĩa đen hoặc nghĩa bóng, có phải thế chăng?

¹ *La Pensateur et La Grâce* (Union Générale D'Éditions, Paris, 1948, p.92)

ĐOÀN DỰ: KẺ PHỤNG HIẾN TRONG TÌNH YÊU

Tục ngữ bảo: “*Con gái đôi tai, con trai đôi mắt*”, nghĩa là trong tình yêu, phái nữ thường vì đôi tai mà trái tim bị chinh phục, còn phái nam thường do đôi mắt mà thần hồn bị đảo điên. Cho nên có người nói rằng: người đàn bà suốt đời chỉ khao khát nghe được câu “*Anh yêu em*” từ người đàn ông mà họ thương yêu, còn người đàn ông thì ngược lại, suốt đời họ cứ trần trối mãi với câu hỏi “*Ta yêu ai?*”. Nếu ta đem câu hỏi này để chất vấn Kim Dung, ắt hẳn ông, với nụ cười hóm hỉnh, sẽ đưa ra hình ảnh đáng yêu của vị vương tử đa tình nước Đại Lý: *Đoàn Dự!*

Những nhân vật chính diện trong tác phẩm Kim Dung, cũng như trong các tác phẩm võ hiệp khác, thường là đối tượng thương yêu của nhiều trái tim kiều nữ, như Lệnh Hồ Xung, Trương Vô Kỵ.... Nhưng trong tình yêu của Đoàn Dự vẫn có chỗ khác biệt: đó là sự đắm say trong tất cả mối tình với những người con gái kiều diễm trên đời, mà chàng ta yêu ngay từ lần đầu gặp gỡ. Từ Chung Linh, rồi pho thạch tượng cho đến Mộc Uyển Thanh... Chỉ đến khi gặp được Vương Ngữ Yên thì tất cả hình ảnh giai nhân trên thế gian này mới thực sự bị xoá nhoà đi như không còn nữa. *Tự tòng nhất kiến khanh khanh hậu. Trần thế giai nhân tổng thị vô.* (Kể từ một

lần gặp được khanh khanh, thì tất cả giai nhân trên đời này coi như không còn nữa).

Vị vương tử đa tình họ Đoàn đi đến đâu đều đắm say tình yêu đến đó, như một thỏi sắt cứ mãi mãi bị hút bởi từ lực của giai nhân. Chàng ta chỉ tôn thờ nhan sắc, chẳng thèm quan hoài chi đến võ công hay quyền lực. Được cảm cương ngựa cho giai nhân là nỗi khát khao suốt đời của chàng ta. Mà hồng nhan thì có khắp trong thiên hạ, cho nên tình yêu của chàng ta cũng bén rễ khắp chốn khắp nơi. Đối với chàng ta thì chỉ có tình yêu là tất cả, như một Xuân Diệu thời trai trẻ *“Tôi khờ khạo lắm ngu ngơ quá, chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì”*. Nhưng trong tình yêu của Xuân Diệu *“Yêu là chết trong lòng một ít”* vẫn ngầm chứa nỗi khát khao được yêu lại, mà không đạt được nên đâm ra khổ đau và chết một ít trong lòng. Còn Đoàn Dự thì hơn thế, chàng ta tìm đến với người đẹp dường như chỉ để chiêm ngưỡng tình yêu dưới quan điểm mỹ học thuần nhiên. Yêu chỉ để mà yêu, yêu chỉ để thoả mãn nỗi khát khao tôn thờ vẻ đẹp, yêu như một sự bột phát tuôn trào của những cảm xúc tự nhiên là muốn được phụng sự cho khách má hồng. Nhất là trong tình yêu chàng ta dành cho Vương Ngũ Yên. Suốt đời cứ mê mẩn lèo đèo theo nàng ta rong ruổi khắp giang hồ, như một kẻ tuý tòng hồ, chỉ ước mong nàng hạ tứ ban cho một nụ cười, một ánh mắt nhìn là mãn nguyện. Cái thiết tha say đắm đã được đẩy tới chỗ tận cùng *“Ta đâu biết côi vô tình vô tận, nhưng tình ta ta biết tận vô biên”* (Thơ Hồ Văn Thắng). Chàng công tử đa tình ấy như muốn tìm một chốn an tâm lập mệnh trong chút hương thừa của quốc sắc thiên hương! Vương Sóc, một nhà văn Trung Quốc chuyên bài xích Kim Dung, đã phê phán rằng nhân vật Đoàn Dự chỉ là hình ảnh lặp lại của anh chàng công tử ảo lả đa tình Gia Bảo Ngọc trong kiệt tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần

mà thôi. Nói thế không khỏi cho chỗ oan uổng và bất công. Đoàn Dự làm gì uỷ mị đến mức sụt sướt khóc gió than mây như Giả Bảo Ngọc? Nhưng cả hai đều rất giống nhau ở điểm: xem nhan sắc, hay đúng hơn phái nữ, là biểu trưng cho những gì đẹp đẽ nhất trên cõi đời này. Giả Bảo Ngọc cho rằng cốt cách đàn ông được cấu tạo từ đất, còn cốt cách đàn bà thì được cấu tạo từ nước. Nước thì mềm mại, nhu nhuyến, cho nên giai nhân thì mong manh và đáng yêu vô kể!

Khi Đoàn Dự nhìn thấy Du Thủ Chi – đang là Bang chủ Cái Bang – chấp nhận quì lạy Đinh Xuân Thu và gọi lão bằng sư phụ để mong lão tha chết cho A Tử, một cảnh tượng làm tất cả các nhân vật võ lâm trong đương trường phải phẫn nộ vì xấu hổ cho “thân phận nam nhi”, thì chàng ta lại thán phục và ngẫm so sánh với mình. Chàng ta cứ ngỡ rằng tấm lòng mình dành cho Vương Ngữ Yên tưởng chừng như đã đạt đến chỗ sơn cùng thủy tận của tình yêu, đã đến mức hoan hỷ tận hiến tất cả thân tâm, nhưng ngẫm ra hãy còn thua xa Du Thủ Chi, là kẻ tình nhân đã đạt đến trình độ yêu đương quý khốc thần sầu. Và chàng ta thậm chí khen Du Thủ Chi mới đích thị là “*bạc hiền thánh trong tình yêu*” (tình trung hiền thánh)! Trong tình yêu của Đoàn Dự và Du Thủ Chi không còn một chút dấu tích so đo tính toán của lý trí, còn “cái tôi” thì đã hoàn toàn biến mất để hoà tan trong đối tượng thương yêu. Hai ông “*tình thánh*” kia quả rất xứng đáng là những kẻ si tình vĩ đại nhất của mọi thời đại, suốt dưới vòm trời bốn bể năm châu!

Còn môn Lăng ba vi bộ kỳ tuyệt mà chàng ta học được, khi vô tình lạc vào thạch thất của phái Tiêu Dao sau núi Vô Lượng, cũng nhờ đắm say chiêm ngưỡng bức thạch tượng tạc một phụ nữ dung nhan tuyệt đại trông tựa thần tiên. Những kẻ muốn đùa cợt hoặc xúc phạm bức tượng ắt phải chết vì những mũi tên tẩm độc ngầm giấu trong các cơ quan rồi. Chỉ

có chàng ta vì mê mẩn bức tượng, xem đó là bậc thần tiên giáng thế, nên mới chịu khó cung kính quỳ lạy đủ 1.000 lạy! Và chính tấm lòng đa tình lãng mạn đó vô tình cứu chàng ta khỏi hoạ sát thân. Kim Dung đã cực tả cái thần trong đôi mắt của thạch tượng¹ làm người đọc liên tưởng đến sự quyến rũ kỳ diệu trong nụ cười Mona Lisa của Leonardo da Vinci. Nhan sắc ấy và đôi mắt ấy thì trách sao anh chàng đa tình Đoàn Dự không điên đảo thần hồn, hân hoan quỳ lạy, gọi bằng “*Thần tiên nương tử, Thần tiên tỷ tỷ*”, và hứa hẹn thời gian sau sẽ quay về đoàn tụ, dù vị “thần tiên nương tử” đó chỉ là pho thạch tượng! Cái tình yêu ấy đã được thăng hoa gần như thoát tục, và còn như muốn đi xa hơn cả cái khái niệm *amor platonicus*² trong văn học phương Tây. Dưới ánh sáng của tình yêu như thế, thì mọi vật dù vô tri giác cũng sẽ tràn đầy sức sống và được gán cho một linh hồn. Đó cũng là tình yêu mà sau này chàng ta mãi mãi dành cho người con gái diễm kiều thông tuệ Vương Ngữ Yên – một bản sao của pho thạch tượng thần tiên đó.

¹ Trong đôi mắt như mơ màng có ánh sáng long lanh lưu chuyển, Sờ dĩ pho tượng này giống hệt như người sống là nhờ đôi nhãn quang linh động... Thần sắc ở trong đôi mắt khó mà mô tả cho đúng: dường như mừng vui, lại dường như hờn oán; dường như chan chứa tình ý tha thiết sâu xa, lại dường như đau xót ngậm ngùi (*Nhân lý ẩn ẩn hữu quang thái lưu chuyển. Giá thạch tượng sở dĩ tự cực liễu hoạt nhân, chủ nhân đương tạ nhãn quang linh động chi cổ... Nhãn quang trung đích thần sắc tiện thị nan dĩ mô tả, tư hỷ, tư ưu, tư thị tình ý thâm chí, hựu tự ám nhiên thần thương*)

² Platon (427-347 BC), triết gia duy tâm lừng danh thời cổ đại Hy Lạp. Ông không hề sáng tạo hay nói đến thuật ngữ tình yêu mang tên mình, nhưng ông xem khao khát tình dục như là phương tiện để làm nảy nở một tình yêu cao thượng hơn. Vào thời Phục Hưng khoảng năm 1533, Marsilio Ficino - một môn đồ Platon - mới sử dụng thuật ngữ **amor platonicus** (tình yêu kiểu Platon) để chỉ tình yêu đôi lứa thiên về tinh thần, hướng về Thượng đế. Trong khoảng thế kỷ XX, từ này được hiểu là tình yêu giữa những người đồng giới tính!!! Trong bài này, tôi dùng từ *amor platonicus* theo nghĩa thông thường ban đầu của Marsilio Ficino.

Ngoài nhan sắc, chàng ta chẳng thiết tha gì với những cái mà thiên hạ sẵn sàng đổ máu để tranh giành nhau. Đường đường là vị hoàng thân quốc thích của nước Đại Lý, chuẩn bị kế thừa ngôi vua, nhưng vì không muốn học võ công, không ham chính trị, nên chàng ta dẫn thân phiêu bạt giang hồ, kết bạn với anh hùng hảo hán. Hễ thấy nơi nào có tranh chấp là chen vào can thiệp, bằng lý lẽ của anh đồ gàn, bất chấp họ có thèm nghe theo mình hay là không. Võ công thì siêu đẳng với tuyệt kỹ Lục mạch thần kiếm độc bá võ lâm, nhưng chàng ta chẳng thèm mơ màng chi cả, nên khi thi thi thố thần diệu tuyệt luân, lúc thì ngơ ngơ ngẩn ngẩn như đứa bé không biết võ công. Chỉ có một môn võ công chuyên dùng để “chạy trốn” mà chàng ta luôn sử dụng thành công, đó là những bước Lãng ba vi bộ. Chàng ta học bộ pháp kỳ tuyệt đó rất dễ dàng bởi vì nó chỉ dùng để tránh đòn mà không phải sát thương một ai..Như vậy mới hợp với tấm lòng đôn hậu của chàng ta: muốn tất cả mọi người vất bỏ hận thù, và sống chan hoà với nhau như anh em. Một anh đồ gàn rong ruổi giữa cõi giang hồ đầy bất trắc và ân oán thị phi, để rao giảng thuyết “*Tứ hải giai huynh đệ*” của Khổng Tử bằng cái tâm trong sáng hồn nhiên, giống như một Don Quichotte ở phương Đông. Ấy vậy mà đôi khi những lời lẽ gàn gàn, tưởng chừng như dở hơi đó, lại cứu vãn được nhiều cục diện căng thẳng sắp đi đến chỗ bất khả vãn hồi, và võ công cũng không thể giải quyết được gì.

Kim Dung để cho Đoàn Dự kết nghĩa anh em với Tiêu Phong, Hư Trúc và mối giao tình của họ, như một dòng nước ngầm chảy suốt bên dưới tác phẩm *Thiên Long Bát Bộ*, như để nêu lên những mối tư lường thâm huyền cho tư tưởng.

Nếu Tạo hóa đã dùng đại lực lượng, đại ý chí để sáng tạo nên những vũ vật hiếm hoi, những cảnh tượng thiên

nhiên hùng vĩ, thì con người phải biết thưởng ngoạn chiêm ngưỡng để khỏi phụ tấm lòng Hóa công, cái mà thơ Lý Hạ gọi là “*Nguyên hoá tâm*”. Cũng vậy, khi con người đã bỏ tâm huyết cả một đời người để sáng tạo nên những công trình trác việt, như một thể cách đáp ứng lại đức Sinh của tạo hóa¹, thì những kiệt tác đó của con người cũng không thể bị vùi chôn trong quên lãng được. Đỗ Phủ đã từng cảm thán “*Văn chương thiên cổ sự, đắc thất thốn tâm tri*” 文章天古事, 得失寸心知 (Văn chương là chuyện ngàn năm, được hay mất chỉ tắc lòng biết thôi). Nặn óc vắt tim, đẽo gọt gan ruột làm ra sách là để gởi lại cho hậu thế, mà không một ai biết đến, điều đó há chẳng đáng xót xa sao? Nhưng đâu chỉ trong văn chương, mà trong tất cả những công trình nghệ thuật do con người sáng tạo, đều là chuyện đem tắc lòng gởi vào thiên cổ cả, nên con người của vạn đại mai sau không có quyền để cho mai một. Do đó, khi Đoàn Dự phát hiện ra bao võ công uyên áo của phái Tiêu Dao còn lưu trong thạch thất núi Vô Lượng, nhưng lại hờ hững bỏ qua không chịu học, (vì ấn tượng mạnh nhất đối với chàng ta là pho thạch tượng chứ không phải các bí cấp võ công), thì Kim Dung phải bố trí cho người anh kết nghĩa của Đoàn Dự là Hư Trúc hưởng được toàn bộ chân truyền của các tuyệt kỹ đó trên cung Linh Thứu. Đó cũng là cách để Hư Trúc, thay mặt anh chàng tam đệ si tình, mà tạ lỗi với cổ nhân!

Nào phải chỉ có những cái hợp nhau mới tìm đến với nhau theo lẽ “*Thanh khí ứng cầu*”, mà những cái cực đoan cũng hay gặp gỡ nhau. Và chính hai cái thái cực đối nghịch, khi kết hợp lại, mới làm sáng tỏ thêm ý nghĩa đời. Ngạn ngữ phương Tây

¹ Thiên địa chi đại đức viết Sinh (Cái đức lớn của Trời Đất là đức Sinh – Kinh Dịch, Hệ từ thượng)

bảo “*Les extrémités se touchent*” cũng là ý đó. Một Đoàn Dự không thiết tha chi ngoài nhan sắc, một Tiêu Phong không thích gì ngoài rượu và võ công, hai người tưởng chừng như khác nhau một vực một trời đó, ở chỗ thăm sâu lại vô cùng gần gũi nhau trong tâm hồn quảng đại. Kim Dung đã sâu sắc biết bao khi sắp xếp hai người đại diện cho hai cực đoạn đó gặp nhau trên Tùng hạc lâu và kết nghĩa anh em. Để khi đối cực bên này đổ vỡ thì đối cực bên kia đi đến chỗ tựu thành, như một sự điều hoà và cứu vãn cho nhau.

Người anh hùng Tiêu Phong lạc bước vào Mê Cung, và đã kết thúc cuộc đời trong bi hận. Mỗi tình ngậm ngùi đau đớn của ông với A Châu đã vỡ tan cung bậc, thì chút tâm nguyện xem như phó thác lại cho người em kết nghĩa là Đoàn Dự, để chàng ta tựu thành những gì ông để dở, bằng khối tình si đối với Vương Ngữ Yên. Tấm lòng đó của Đoàn Dự cho dầu không cứu vãn được, thì cũng an ủi được rất nhiều cho những tình yêu ngang trái. Đoàn Dự sinh ra chỉ để phụng hiến cho tình yêu, và đối với một kẻ đa tình như chàng ta thì có lẽ trong tình yêu, người đàn bà không bao giờ có tuổi và người đàn ông không bao giờ có mối tình đầu!

ĐÀO CỐC LỤC TIÊN: MỘT SÁNG TẠO ĐỘC ĐÁO CỦA KIM DUNG

Cục diện đương trường đang bình thường, bỗng nhiên thấy bốn bóng người thấp thoáng, tiếp theo là một tiếng rú kinh hoàng: *một cao thủ võ lâm đã bị xé xác làm bốn mảnh!* Cách sát thủ thần tốc và quái đản của nhóm Đào Cốc lục tiên quả đã gây trong lòng độc giả một tiếng dội tâm lý đầy ấn tượng. Sáu quái nhân đó xuất hiện trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* như một sáng tạo vô tiền khoáng hậu của Kim Dung.

Chưa bao giờ và có lẽ không bao giờ trong tiểu thuyết võ hiệp lại xuất hiện sáu nhân vật vô cùng độc đáo như thế. Nhưng nếu chỉ có mỗi một việc sát thủ chớp nhoáng thì nhóm Đào Cốc lục tiên cũng không có gì đáng để nói đến. Một Bạch Mi Ung Vương với cách giết người thần tốc khi đương trường chỉ còn lưu lại các xác chết và dư hương của một tiếng rú trầm hùng cách xa đó hàng mấy dặm, hay một Nhậm Ngã Hành bằng tay không, chỉ trong chớp mắt đã phá vỡ áo giáp hộ thân của đối thủ để moi tim có lẽ còn ghê gớm hơn nhiều. Và ngòi bút Kim Dung ắt hẳn thừa sức để tạo nên những pha sát thủ lâm li hấp dẫn hơn, gây những tiếng dội tâm lý ở tầng sâu hơn nữa. Nhưng Đào Cốc lục tiên vẫn có cái độc đáo riêng biệt mà ta khó có thể tìm ở bất kì nhân vật nào trong mọi tác phẩm của Kim Dung.

Nếu có ai đó muốn tiến hành một sự phân loại các nhân vật của Kim Dung thì ắt hẳn sẽ vô cùng bối rối trước đám Đào Cốc lục tiên này. Họ là nhóm người ngớ ngẩn khờ khờ và hồn nhiên vô tâm, võ công cực cao nhưng lại vô cùng nhút nhát. Họ không thuộc về Tà giáo cũng không thuộc về Chính giáo. Không môn phái, không tham vọng, cũng không chịu sự sai sử của bất kì bang hội hay tổ chức nào. Họ tồn tại giữa cỏi *Tiểu Ngạo Giang Hồ* như một sự ngẫu nhiên đầy lí thú! Người đọc cũng không rõ họ từ đâu tới và rong ruổi giữa giang hồ vì mục đích gì. Có lẽ Kim Dung muốn nhường phần suy luận thú vị này cho người đọc? Thoạt tiên, bọn họ xuất hiện trên sơn đạo núi Hoa sơn như từ trên trời rơi xuống, và Thành Bất Ưu là người vô duyên được số đoạn trường chọn mặt để họ cho nếm mùi “*tứ quái phân thân*” cực kì rùng rợn, khiến thầy trò phái Hoa sơn kinh tâm động phách phải bỏ núi đào vong. Tiếp đến là sự nhiệt tình ngớ ngẩn của họ trong việc chữa bệnh khiến nội thương Lệnh Hồ Xung thêm trầm trọng. Chính vì võ công họ quá cao nên hậu quả càng thêm tệ hại, đẩy gã lãng tử này vào tình trạng sống dở chết dở. Rồi tiếp theo đó là một loạt những việc làm ngây ngô của họ khiến cho bao sự việc càng rối mù thêm. Nhưng “*hoạ trung hữu phúc*” (trong tai họa vẫn tiềm ẩn sự may mắn), chính việc làm ngớ ngẩn của họ đã khiến cho Lệnh Hồ Xung có cơ duyên tiếp thu và hoá giải được vô số nội lực của các đại ca thủ đương thời. Cái ngây ngô của họ làm ta vừa thích thú vừa bực mình nhưng đôi lúc ngẫm cũng đáng yêu: đó là *sự ngây ngô của những “thằng Bờm” trong ca dao Việt Nam!*

Dường như Kim Dung vẫn luôn đánh giá cao những nhân vật sống gần với bản năng. Các nhân vật ác độc như Âu Dương Phong, cương trực như Hồng Thất Công, vô tư như Châu Bá Thông là những người sống gần với bản năng

và lại là các cao thủ tuyệt đỉnh. Nơi Đào Cốc lục tiên, ta tìm thấy lại một Lão ngoan đồng Châu Bá Thông dưới một bình diện khác. Không hận thù, không tranh danh đoạt lợi, cứ ung dung hồn nhiên mà tồn tại. Trong khi Châu Bá Thông có thể sống yên lành nếu học được thêm một môn võ công mới, thì đối với Đào Cốc lục tiên, *Tịch Tà Kiếm Phổ* hay bất kì cuốn bí cấp kì ảo nào cũng không quan trọng bằng ngôi tranh cãi về những vấn đề tầm phào trên trời dưới đất. Giữa cõi giang hồ đầy dẫy những tranh chấp đẫm máu, họ có lẽ là những người còn sống gần với cái “*xích tử chi tâm*” của Mạnh Tử¹. Thậm chí những lúc nhóm Đào Cốc lục tiên thi triển tuyệt nghệ “*tứ quái phân thân*” thì họ cũng hồn nhiên vô tư như các đứa bé giết con sâu cái kiến mà không hề có một mảy may ý thức gì về tội lỗi hay thiện ác. Và khi quần hùng Ma giáo họp nhau bàn tính việc kéo lên chùa Thiếu Lâm cứu Nhậm Doanh Doanh, bọn họ cũng nhảy ra cùng tranh cái chức Minh chủ với quần hùng thì ta hiểu đó là những đứa bé đang hồn nhiên tranh nhau một đồ chơi đẹp mặc dù chưa hoàn toàn hiểu công dụng hay chức năng của đồ chơi ấy!

Những điều khiến người đọc nhớ đến bọn họ nhiều nhất có lẽ là các cuộc tranh luận đầu Ngô, mình Sở. Bọn họ lí luận ban đầu nghe cũng mạch lạc lắm, logic lắm nhưng rốt cuộc thì ngớ ngẩn chẳng ăn nhập đầu vào đầu cả. Nhưng lại rất ưa phát biểu, rất ưa trình bày quan điểm, rất ưa tranh luận. Ở đâu có họ thì lập tức có nổ ra những cuộc tranh cãi tầm phào. Nếu không có ai thềm tranh cãi thì bọn họ tự quay sang bác bẻ lẫn nhau. Không thể hình dung một nhóm Đào Cốc lục tiên mà không có những cuộc tranh cãi vô nghĩa, cũng như không

¹ *Đại nhân giả bất thất kỳ xích tử chi tâm. 大人者不失其赤子之心。*
(Bậc đại nhân không làm mất đi tấm lòng hồn nhiên của trẻ thơ - Mạnh Tử - chương *Lâu Ly hạ*),

thể hình dung phái Thiếu Lâm thiếu La hán trận hay phái Võ Dương mất đi Thái cực kiếm pháp! Nội dung tranh cãi của họ thường làm người đọc buồn cười bởi tính chất ngớ ngẩn, tầm phào mặc dù cái mạch lí luận của nó trông bề ngoài có vẻ hợp lí lắm. Như tôi đã nói trong một bài viết khác, truyền thống Đông phương vốn không xem trọng lí trí cho lắm nên Kim Dung có cách châm biếm “*luận lí học*” Tây phương theo phong cách nhẹ nhàng rất Đông phương.

Không phải ngẫu nhiên mà Kim Dung lại bố trí sáu quái nhân độc đáo này bên cạnh Lệnh Hồ Xung. Một nhóm người như thế ắt hẳn phải hợp gu với một gã tũn đồ không sợ trời sợ đất, xem trần gian là một cuộc chơi đầy ngẫu hứng theo bước chân lãng tử phiêu bồng! Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, có lẽ chỉ có Đào Cốc lục tiên và Lệnh Hồ Xung là những người hiếm hoi không quan tâm chi tới *Tịch Tà Kiếm Phổ*, một cuốn bí cấp then chốt trong truyện đã kéo theo nó biết bao thảm kịch và đã làm biết bao nhân vật võ lâm đổ máu để hòng độc chiếm. Ngay cả bậc cao tăng thế ngoại như Phương Chứng đại sư cũng không khỏi động chút lòng trần tò mò muốn đọc khi nghe Xung Hư đạo trưởng nhắc đến! Trong khi *Quì hoa bảo điển* hay *Tịch Tà Kiếm Phổ*, giống như những “*bè gỗ lim*”, những “*ao sâu cá mè*”, đã khiến cho bao đại cao thủ, những “*phú ông giang hồ*”, lao vào cuộc tranh chấp đẫm máu một cách cuồng điên thì cùng với lãng tử Lệnh Hồ Xung, đám “*thằng Bờm*” Đào Cốc lục tiên ung dung đứng ngoài cuộc mà mỉm cười với những “*nắm xô*”. Đó là những cuộc tranh cãi không đầu không đuôi. Ta cũng có thể xem đó là sự minh triết tự nhiên. Đào Cốc lục tiên đạt được sự minh triết đó nhờ bản tính ngây ngô còn Lệnh Hồ Xung đạt được nhờ tâm hồn khoáng đạt.

Vai trò của sáu nhân vật này đòi lúc tương tự như những thằng hề (fool) trong các bi kịch của Shakespeare. Những

nhân vật hể này thường xuất hiện như một bước đệm trước khi các giai đoạn bi kịch đi đến cao trào. Ai đã đọc Shakespeare đều khó lòng quên được những câu nói vừa ngớ ngẩn, vừa đầy minh triết của các nhân vật hể trong King Lear, hay Hamlet. Thịnh thoảng Đào Cốc lục tiên nói được những lời ngớ ngẩn nhưng vô cùng xác đáng, thì người đọc hiểu rằng ấy là tiếng nói của lương tri. Đôi khi sự hỗn nhiên của các nhân vật này lại cứu vãn được tình thế bế tắc. Chỉ vì ngớ ngẩn chạy đi tìm một con chuột mà bọn họ phát hiện ra đường hầm bí mật để cứu quần hùng Ma giáo thoát khỏi cảnh bị vây khốn trên chùa Thiếu Lâm. Và trong đại hội của Ngũ nhạc kiếm phái trên núi Tung sơn, lối tranh biện cù nhảy của họ suýt làm tan vỡ mưu đồ của Tả Lãnh Thiền. Cũng có thể Kim Dung muốn dùng Đào Cốc lục tiên như một biểu tượng để khoáng diễn tư tưởng của Shakespeare:

“ It [life] is a tale told by an idiot, full of sound and fury, signifying nothing. (Macbeth, Act V, Scene V)

(Cuộc đời chỉ là một câu chuyện do một thằng khờ kể lại, tràn ngập âm thanh và cuồng nộ, mà không có một ý nghĩa gì.)

Nếu như trong tiểu thuyết võ hiệp cổ điển, sự thật thà đến mức ngây thơ thường bị xem như một khuyết điểm và chỉ có ở những nhân vật phe Tà giáo, thì trái lại trong tác phẩm Kim Dung, nó lại được đánh giá cao. Lão Tử vẫn thường ca ngợi sự ngây ngô minh triết của các bậc chân nhân:

Ngã ngu nhơn chi tâm dã tai!

Độn độn hể!

Tục nhơn chiêu chiêu ngã độc hôn hôn

Tục nhơn sát sát ngã độc muộn muộn

我愚人之心也哉！

沌沌兮！

俗人昭昭我獨昏昏

俗人察察我獨悶悶

(Đạo Đức kinh, Chương XX)

(Ta là người ngu dốt thay!

Ngây ngô vậy!

Người đời ai nấy đều sáng rõ riêng ta mờ mịt

Người đời ai nấy cũng rạch ròi riêng ta lẫn lộn)

Nào biết đâu trong cái ngây ngô ngớ ngẩn của Đào cốt lục tiên lại hàm ẩn nhiều minh triết của Đạo gia và biết đâu đó là một dạng biến tướng, khi nhập thế, của một triết học chỉ thiên về xuất thế?

DU THẢN CHI: THẨM KỊCH KHÚC PHƯỢNG CẦU LẠC ĐIỀU

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt

Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em

(Phụng hiến – Bùi Giáng)

Tôi muốn dùng hai câu thơ thiết tha cháy bỏng đó để làm “*hành trang*” cùng bạn đọc đi vào tâm hồn của một nhân vật của Kim Dung, nhân vật xứng đáng được gọi là kẻ tình nhân vĩ đại nhất trong mọi nền văn học cổ kim: *Du Thản Chi* trong *Thiên Long Bát Bộ*. Hình tượng cực cùng bi thảm của *Du Thản Chi* đã gây cho người viết nỗi chấn động kinh hoàng từ thuở nhỏ. Cậu học sinh mới bước vào ngưỡng cấp 3 là tôi ngày ấy đã thần thờ khép tập sách cuối cùng của *Thiên Long Bát Bộ* lại với tất cả nỗi hoang mang thơ dại của tuổi học trò. Tiếng *Du Thản Chi* tuyệt vọng kêu gào tên A Tử giữa cánh trời chiều quan ải, với đôi mắt mù lòa đắm lệt, như đồng vọng mãi trong tâm khảm người đọc, và như muốn réo gọi những ẩn ngữ thương đau nào còn đang mơ hồ chìm khuất giữa nhân gian.

Một thanh niên khỏe mạnh đang lứa tuổi rạo rực thanh xuân, vì muốn trả thù cha, đã tìm cách vượt qua biên giới

Hán – Liêu. Hình ảnh người cha gục chết dưới chướng lực của Tiêu Phong, trong trận huyết chiến kinh hoàng tại Tự hiền trang, ắt hẳn đã nung nấu trong hồn y mối phụ thù “*bất cộng đại thiên*” cháy bỏng. Thuở lâm hành, ắt hẳn hồn y hằng hái lắm và tắc lòng hiếu thảo ấy đã sục sôi biết bao là nhiệt huyết, dù y biết rõ rằng mình tài sức thua kém hẳn Tiêu Phong. Và y đã trà trộn cùng đám người Hán để vượt qua Nhạn môn quan với tâm sự kẻ sang Tần. *Phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ hể bất phục hoàn.* (Gió hắt hiu hể sông Dịch lạnh tê, Tráng sĩ một đi hể chẳng trở về). Ngọn gió biên thùý ngoài Nhạn môn quan đâu không hắt hiu như trên sông Dịch, nhưng lòng kẻ ra đi ắt hẳn vô cùng khảng khái, vì y hiểu rõ rằng ra đi là “*nhất khứ hể bất phục hoàn*” khi đem tài lực mình đối chọi với Tiêu Phong. Y đã tìm cách tiếp cận Tiêu Phong và dùng rắn độc để trả thù¹. Ngọn roi của Tiêu Phong quật chết con rắn đã dập tắt ngay ước vọng trả thù của người con hiếu hạnh ấy. Con linh cẩu đành nhìn con hùng sư bằng đôi mắt bất lực lẫn căm thù. Thất bại lần đầu, chưa nghĩ cho ra phương sách khác, thì y lại gặp phải A Tử và bị vướng ngay vào cái lưới tình vô cùng cay nghiệt. Để rồi từ đây mở đầu cho một trang bi kịch cực kỳ thảm khốc của tình yêu. *Em lơ đãng ném hoa vàng giăng lối. Tôi đại khờ khốn quần giữa trùng vây.* Cô bé tinh quái A Tử đã không ném lưới tình bằng những hoa vàng giăng lối, không giăng lưới tình bằng nụ cười hàm tiếu hay bằng khoé mắt thu ba, mà bằng những trò chơi vô cùng man rợ gần như mất cả tính người. Cô đã đem kẻ tình si kia làm vật giải trí trong những trò tiêu khiển, vì thói nhàn rỗi độc ác của một công nương. Nhưng, than ôi, tâm hồn của những kẻ si tình tự cổ chí kim

¹ Trong bản hiệu đính sau này, Kim Dung đã sửa lại chi tiết này, và để Du Thân Chi dùng vôi bột ném vào mắt Tiêu Phong.

– từ những người tài trí tuyệt luân cho đến kẻ khờ khạo ngu si – vẫn luôn luôn vô ngần hào hoa trong tinh thể:

Tôi chấp nhận trăm lần trong thốn thức

Tôi bàng hoàng hoảng hốt những đêm đêm

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt

Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em

(Phụng hiến – Bùi Giáng)

Vâng, tôi xin chấp nhận tất cả. Xác thân tôi đây, linh hồn tôi đây em hãy tha hồ mà dày dọ dày vò, em hãy cứ cột dây vào cổ tôi rồi cho ngựa kéo đi để biến tôi thành con điều người, hãy cứ hủy hoại xác thân tôi bằng những trò chơi oái ăm tàn nhẫn chưa từng có giữa nhân gian, nhưng em hãy để tôi yêu em, hãy để tôi vĩnh viễn đui mù si dại trong máu lệ của tình cảm.

Có biết bao con đại bàng kiêu ngạo bay bổng tuyệt vời, ý chí muốn vượt cả mây xanh, không chịu khuất phục trước hàng hàng lớp lớp cung tên, nhưng lại dễ dàng xếp cánh khi vướng phải một sợi tóc cực kì mềm mại! Đó là bi kịch hay là nét đẹp của cuộc đời? Trong truyện ngắn Marka Tsudra của Maxim Gorki, khi anh chàng Lôikô Zôbar kiêu ngạo, vì bị khuất phục bởi nàng Radđa xinh đẹp mà đành phải giết cả nàng rồi tự vẫn, để bảo vệ lòng kiêu hãnh của mình, thì thử hỏi đó là sự kiêu ngạo ngu xuẩn hay nét đẹp tâm hồn của khách mày râu? Đáp án cho câu hỏi này có lẽ vẫn mãi còn lơ lửng đến ngàn thu.

Lúc A Tử cho người hầu dùng cái khuôn sắt nung cháy trùn lên đầu Du Thân Chi và hủy hoại khuôn mặt của, thì trong cơn đau quặn quại xé nát cả thịt da đó, tâm hồn y vẫn hân hoan hướng về cô gái tàn ác như kẻ hành hương hướng

về một đấng Chí Tôn. Trong tâm hồn cuồng điên si dại đó, máu và lệ của mối tình cảm đã ngập tràn, như muốn nhận chìm cả mối hờn căm đã từng sôi sục thuở vượt qua Nhạn Môn Quan để trả mối phụ thù.

Có mấy ai lại không động lòng trắc ẩn, thậm chí rung mình, khi đọc đến đoạn Du Thản Chi, với xác thân tàn tạ, bò lết lại gần A Tử như một con chó trung thành, chỉ để được nhìn một gót chân hồng của cô với một tấm lòng hân hoan cảm tạ. Cái dung nhan kiều lệ của A Tử trong trang phục uy nguy của một quận chúa Khất Đan hiện ra trước mặt Du Thản Chi như một bậc thần tiên giáng thế. Chi tiết trên tường chừng như vô cùng tàn nhẫn, nhưng nếu chịu khó đọc kinh Hoa Nghiêm, thuật lại cuộc lịch hành chiêm bái của Thiện Tài đồng tử đi cầu Bồ Tát đạo, đến đoạn vị đồng tử kia đến chiêm bái Hư Xả ưu bà di để vấn đạo, thì chúng ta mới cảm thấy được hết cái thâm hậu trong bút lực của Kim Dung:

“Lúc ấy Hư Xả ưu- bà- di ngồi toà chơn kim, đội mão hải – tạng – chơn – châu – vông, đeo bửu xuyên chơn kim hơn cõi trời, râu tóc xanh biếc, đại – ma – ni – bửu trang nghiêm trên đầu, sư – tử – khẩu – ma – ni – bửu làm bông tai, như – ý ma – ni – bửu làm chuỗi ngọc, bửu vông trùm trên thân. Trăm ngàn na- do- tha chúng sanh cúi mình cung kính ...”

Có ai thấy ưu – bà- di này thời tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lia phiền não, hết kiến chấp, xô núi chuống ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh. Tâm họ rộng lớn đầy đủ thần thông, thân không chuống ngại đến khắp mọi xứ.¹

Dời qua một bình diện khác, hãy thử thay hình ảnh Hư Xả ưu bà di bằng A Tử và để cho Du Thản Chi đứng vào vị trí

¹ Kinh Hoa Nghiêm, cuốn 4, bản dịch của thượng tọa Thích Trí Tịnh, Sài Gòn, Phật lịch 2511, tr 149-150.

của Thiện Tài đồng tử, thì chúng ta thấy được gì? Hình ảnh lộng lẫy của quận chúa A Tử trong đôi mắt của Du Thần Chi nào có khác gì hình ảnh tôn nghiêm của Hữu Xả ưu bà di, với pháp môn giải thoát *“lưu ly an ổn tràng”*, trước mắt Thiện Tài đồng tử? Quân hầu thị tỳ vây quanh cung phụng quận chúa có khác gì *“Trăm ngàn na- do- tha chúng sanh cúi mình cung kính”*? A Tử ưu bà di đang thị hiện kim thân trước đồng tử Du Thần Chi trong cuộc lịch hành chiêm bái giữa Mê Cung huyền ảo của tình yêu. Cái my lực kỳ dị của hồng nhan thừa sức xua tan đi bao nỗi phiền đau khổ. Đây gót sen hồng, đây bàn tay ngà ngọc với những với đường gân xanh nhỏ li ti, hơi khẽ si tình hãy hôn đi, hãy chỉ một lần chạm nhẹ môi vào cũng đủ để cảm nhận được vạn đại thiên thu về dồn tụ trong khoảnh khắc. Trong cái giây phút chiêm ngưỡng đắm say đó, ắt hẳn kẻ si tình kia hân hoan vô tả và cảm thấy được *“tất cả các bệnh khổ đều trừ diệt, lìa phiền não, hết kiến chấp, xô núi chướng ngại, nhập cảnh giới vô ngại thanh tịnh”*! Cái tâm si của con người khi yêu quá có đủ sức mạnh để kiến tạo nên một Thiên Đường lộng lẫy từ cõi Địa Ngục u minh.

Còn gì chua xót hơn khi Du Thần Chi tình nguyện dâng cặp mắt – cái vốn liếng duy nhất còn lại trên đời để y có thể đổi mặt được với A Tử – với tâm nguyện cứu A Tử thoát khỏi cảnh mù lòa, dù biết rõ rằng điều đó sẽ khiến bi kịch tình yêu của mình thêm tan hoang đổ vỡ. *Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt, tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em.* Cái đui mù nghĩa bóng trong thơ đã được Du Thần Chi thực hiện theo nghĩa đen bằng tất cả khối si tâm. Lưỡi dao trên cung Linh Thấu khi đặt vào đôi mắt Du Thần Chi đã mở ra chân trời huyền mật trong tâm thức luyến ái của nhân gian!

Hình ảnh A Tử móc mắt ném trả Du Thần Chi, rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thẳm mà đã được Bùi Giáng gọi

là: “*triệt để mù loà chạy vào sa mạc của tình yêu*”, thế thì còn ngôn từ nào thiết tha hơn nữa sẽ dành cho hình ảnh Du Thán Chi mù loà và cô đơn, kêu gào tuyệt vọng tên người yêu giữa cảnh trời chiều quan ải? Ngày vượt Nhạn Môn Quan với hiểu tâm bông bột, để cuối cùng một mình đứng chết lặng giữa gió chiều với một khối si tâm. *Cuồng điên máu lệ tình câm. Bước chân A Tử xa xăm muôn trùng. Bóng chiều qua ải mông lung.* Y không biết rằng bóng chiều đang phủ xuống, vì trong hai hốc mắt kia bóng tối đã vĩnh viễn ngập tràn. Y cũng không biết rằng A Tử đã chết. Điều đó có nghĩa là y phải tiếp tục sống đọa đầy trong nỗi đợi chờ khắc khoải. Hãy tưởng tượng một kẻ mù loà si dại thất thểu giữa giang hồ để đi tìm một người yêu đã chết, bằng một trái tim say đắm thiết tha!¹ Kim Dung đã xây dựng một hình tượng làm tan nát cả lòng người. Ông không để Du Thán Chi chết ngoài quan ải, ông không muốn vùi chôn Du Thán Chi nơi đồng quạnh chốn biên cương, mà muốn mai táng y trong muôn triệu tâm hồn của những tình nhân suốt vòm trời kim cổ. *Đẩy khối tình si đến chỗ tận tuyệt của thảm khốc* đoạn trường có lẽ khó có ai qua nổi Kim Dung với hình tượng Du Thán Chi.

Con người sinh ra chỉ để đi tìm lại “một nửa của mình”, hay đi gieo một khúc phượng cầu như Tư Mã Tương Như thuở trước. *Phượng hê! phượng hê! Qui cố hương. Ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng.* Con chim phượng rong chơi bốn bể để ngày qui hồi cố quận tìm lại được chim hoàng. Lời ca đó trong

¹ Trong bản hiệu đính về sau, ông Kim Dung có chuyển đổi một chi tiết, đó là ông để Du Thán Chi rơi vào hang thẳm cùng với A Tử và Tiêu Phong. Điều đó khiến tác phẩm bớt đi một chút nỗi cay đắng, như một nén hương thấp để an ủi cho linh hồn của kẻ tình nhân vĩ đại nhất này, nhưng vô tình lại làm mất đi phần nào âm hưởng mệnh mông của tiếng đoạn trường giữa cõi nhân gian. Tôi xin phép đọc giả cho tôi giữ lại hình ảnh đoạn trường trong bản viết ban đầu của Kim Dung

cung đàn của con chim phượng Tư Mã đã nhận được hồi ứng từ con chim hoàng Trác Văn Quân. Chúng ta cũng đã bao lần gieo khúc phượng cầu? Nếu được ứng họa thì phượng và hoàng sẽ sánh đôi để cùng nhau nhả nhạc cho đời, còn nếu không được ứng họa hay lạc sai cung điệu thì, đối với chúng ta, trong đau thương vẫn có chút ngọt ngào, trong đắng cay vẫn còn niềm thơ mộng. Còn Du Thản Chi?

Nói bất cứ điều gì về Du Thản Chi chúng ta ắt hẳn đều cảm thấy có chút gì tàn nhẫn, vì nỗi khổ đau của y quá lớn, cảnh đoạn trường mà y trải qua quá độ thâm sâu. Một nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết mà sao vẫn có thể làm cho chúng ta quay quắt thương đau đến thế, phải chăng vì hình tượng đó phản ánh được tiếng nói thực của con người trong tình mộng cuồng điên?

TÂM SỰ NGHI LÂM: GIỌT LỆ GIỮA TRANG KINH

Tặng con gái **Liêu An**

Tôi cảm thấy băng khuâng và ngại ngùng bao xiết khi cầm bút bàn đến Nghi Lâm, mặc dầu đã có một lần, tôi nhắc đến cô tiểu ni xinh đẹp này trong một bài bàn đến tình yêu trong tác phẩm Kim Dung. Viết về Tiêu Phong hay viết về Tạ Tốn, dầu thấy đắng cay nhưng cũng không khó. Cuộc đời của các nhân vật anh hùng đó, dầu là những bi kịch đầm máu và nước mắt, nhưng ta vẫn còn chịu đựng được và thấy chưa hẳn là quá xa lạ với con người. Ta không anh hùng như họ, nhưng ta vẫn có thể theo họ lặn sâu vào tận đáy của cuộc đời, để cùng nắm tay nhau, tìm chút hơi ấm cảm thông, an ủi trong tấn tuồng bi thảm của nhân sinh cũng như cái thế thiết của kiếp người. Nhưng bàn đến Nghi Lâm, ta thấy như có chút gì e ngại. Ngòi bút ta như sắp chạm đến một cái gì tốt cùng cao khiết, ta sợ nó sẽ làm vỡ mảnh linh hồn quá đổi mong manh.

Mà dường như Kim Dung cũng dành cho cô tiểu ni này rất nhiều ưu ái. Với một chút lòng thiên ái, tôi dám khẳng định rằng không có nhân vật nữ nào của Kim Dung lại được độc giả dành cho nhiều cảm tình như Nghi Lâm. Kể cả hai

nhân vật đáng yêu và gây được nhiều ấn tượng khác, là A Châu và Vương Ngũ Yên. Những đoạn văn bàn đến cô, hay để người khác nghĩ đến cô, đều long lánh như pha lê, tỏa ngời ánh sáng của tình thương yêu thanh khiết. Tâm hồn cô như một viên ngọc toàn bích, không tí vết. Mà oái oăm thay, cô tiểu ni rục rờ như thiên thần đó lại là kết quả của một mối tình quái gỡ của một gã đồ tể thô lỗ và một ni cô dở hơi! Tắm lòng Nghi Lâm sáng ngời như thánh nữ, và ta hiểu vì sao Kim Dung lại cố tình hư cấu nên cái xuất thân gần như hạ tiện và kì quặc của cô. Có lẽ Kim Dung cũng sợ cái luật “Tạo hóa đồ toàn”, nên ông cố đem bụi bặm trần gian phủ lên viên ngọc đó, để tự trấn an lấy chính mình. Nếu để cô tiểu ni đó xuất thân từ một dòng dõi quý phái thanh cao, hoặc từ một nguồn gốc vương quyền, thì có thể ông e ngại cô không còn thuộc về cõi trần tục nữa, mà hình ảnh cô sẽ trở nên bẽ bàng hư ảo, quá xa lạ với con người. Ông đã để cô xuất gia ngay từ tấm bé, vì tâm hồn đôn hậu đó hướng về cõi Đạo Thiện Chân là hoàn toàn tự nhiên và phù hợp với thiên tính của cô. Nhưng rồi dường như ông lại lo sợ của Không mẫu nhiệm sẽ dành mất cô tiểu ni thánh thiện đó ra khỏi chốn bụi hồng, nên ông cố tình sắp đặt bố cục câu truyện, để cô phải vướng lụy trần gian. Có lẽ ông muốn cô vẫn mang hình ảnh gần gũi của một con người. Bởi vì cái vưu vật của Tạo hóa đó, với dung nhan diễm kiều và tâm hồn thuần nhiên thanh khiết ngần ấy, nếu không nhuộm bụi trần thì nó chỉ có thể là chân dung của Bồ Tát Quan Âm! Nó sẽ theo mây trắng trôi qua vùng Nam Hải mà đi mất. Ấu đó cũng là một cách điều hòa trong sáng tạo.

Nhiều người cho rằng truyện tiểu thuyết võ hiệp, rồi cuộc cũng chỉ là những sáng tạo hoang đường không mang tính hiện thực. Họ quên rằng các truyện thần thoại Đông Tây, với các sáng tạo hoàn toàn hư ảo, lại hiện thực và gần

gũi tâm hồn con người, hơn rất nhiều so với các tác phẩm văn học hiện thực thô thiển. Tiếng nói tâm tình của nhân gian có rất nhiều con đường tiếp cận và biểu hiện. Văn học đầu phải chỉ mô tả những gì có thực trong đời mới có thể xem là giá trị về mặt nhân sinh. Câu nói “*Bất dĩ từ hại ý*” (đừng để ngôn từ làm hại ý tưởng) của Mạnh Tử vẫn đồng vọng như một lời nhắc nhở, trong suốt mấy ngàn năm văn học phương Đông.

Lần đầu tiên xuất hiện trong tòa sảnh của Lưu Chính Phong, sự hỗn nhiên ngẫu thơ của Nghi Lâm đã khiến quần hùng thay đổi cái nhìn về gã tửu đồ lãng tử Lệnh Hồ Xung. Và độc giả cũng linh cảm được rằng cô đã bắt đầu vướng vào nỗi khổ lụy của tình yêu, với gã “Lệnh Hồ đại ca” đó. Con chim sơn ca hỗn nhiên của phái Hằng Sơn đã bất ngờ bị trúng mũi tên của vị thần tình yêu Cupide. Mũi tên đã xuyên qua tim vị tiểu ni, nhưng lại quá đổi lặng lẽ vô thanh, nên cô chẳng hề hay biết. Đến khi hay được thì cô đã sầu thương héo hắt đến tiêu tụy cả dung nhan! Kim Dung đã tỏ ra nhân đạo và sâu sắc biết bao, khi để cho cô vắng mặt trong lúc thảm cảnh xảy ra trong Lưu phủ: các cao thủ Tung sơn tàn sát toàn gia Lưu Chính Phong để nhằm thực hiện cho được tham vọng cuồng điên của Tả Lãnh Thiên. Nếu như tâm hồn cô xa lìa hẳn nhân thế, như các bậc cao nhân thế ngoại, thì thảm cảnh đó có thể là điều kiện trợ duyên để giúp cô thể hội thêm được tấn tuồng hư huyền của nhân gian. Nhưng có lẽ trong thâm tâm, Kim Dung muốn cô vẫn còn thuộc về cõi hồng trần, muốn cô không chỉ là khán giả mà còn là diễn viên trên sân khấu cuộc đời, nên ông đã cố tình che bớt đi những hình ảnh thê thảm khỏi đôi mắt của cô. Kim Dung không nở nhả tâm, và chúng ta phải cảm ơn Kim Dung nhiều lắm, vì hiểu rằng trái tim nhân hậu và cực kì thanh khiết đó sẽ tổn thương biết mấy, một khi đối diện và nhận chân ra được những âm mưu

thâm hiểm cùng những tấn bi kịch khủng khiếp của trần gian.

Kim Dung đã tạo nên một tình huống dở khóc dở cười, khi để cô tiểu ni đó phải chui vào trong chăn của một gã lãng tử, trong một kĩ viện thành Hành Sơn. Rồi vì Lệnh Hồ Xung, cô chấp nhận phải phạm giới: đi ăn trộm dưa giữa đồng vắng. Một việc làm thường có thể xảy ra đối với bất kì ai, nhưng với cô là chuyện tày trời. Lúc hái dưa, cô đã âm thầm khấn nguyện với Bồ Tát để tự mình oan cho hành động của mình, khiến ta vừa buồn cười vừa cảm mến cô biết bao nhiêu. Cho dầu có theo các đồng môn xuôi ngược giang hồ, dẫn mình vào chốn thị phi đi nữa, thì trái tim nhân hậu của cô, như tâm hồn vị thánh Francis, vẫn mãi toả ngời ánh sáng, để làm cho hình ảnh cuộc đời bớt đi vẻ thô lương. Giữa cảnh kiếm đao đâm máu chốn giang hồ, tiếng tụng kinh và niệm Bồ Tát của cô, như giọt nước cành dương, xoa dịu phần nào nỗi đau của nhân thế. Khi cùng đồng môn theo Lệnh Hồ Xung nổi trôi giữa giang hồ vì tai nạn của bản phái, thì những ánh mắt quan hoài thâm kín của cô dành cho gã lãng tử đó vô cùng đầm thắm và chan chứa biết bao sự thương yêu của một mối tình cảm lặng. Như một hành giả Du già toạ thiền, quên đi ngoại cảnh mà chỉ chú tâm quán tưởng một đối tượng duy nhất, thì tiểu sư thái Nghi Lâm dường như suốt đời chỉ “quán tưởng” mỗi một hình ảnh của Lệnh Hồ Xung!

Độc giả thông cảm xiết bao khi biết cô từng đêm vẫn âm thầm tâm sự cùng bà già, mà cô ngỡ là cầm điếu, trên núi Hằng Sơn. Đó lại chính là mẹ ruột của cô. Nỗi lòng u hoài đó ắt hẳn cô không dám ngộ cùng Bồ Tát, nhưng cũng không thể chôn dấu mãi trong lòng. Một trong những bi kịch của con người là khi nằm xuống vẫn chưa thể nói được điều mơ ước trong tim, với người mà ta thầm yêu dấu. Khi còn sống, triết gia F.Nietzsche đã yêu say đắm Lizt Cosima, vợ

của nhạc sĩ Wagner, trong cảm nín và tuyệt vọng đón đau. Để rồi sau này Cosima mãi mãi là nàng Ariane thần thoại trong những giấc mơ của Nietzsche. Nhưng trước khi rơi vào tình trạng điên loạn, Nietzsche vẫn còn được hạnh phúc khi kịp nói những lời tha thiết “*Ariane, je t’aime*” với người thiếu phụ đó. Kim Dung cũng thâm cảm được rằng “*Nhưng cũng lạ mỗi tình đau khổ ấy, để riêng tây như có chỗ không đành*” (thơ Xuân Diệu), nên ông phải sáng tạo thêm một bà già cầm điếu để cô tâm sự. Rồi ông lại bố trí cho cô được hồn nhiên tâm sự với bà già giả là Lệnh Hồ Xung hoá trang. Như một chút an ủi khi cô sắp phải chia tay vĩnh viễn với gã “*Lệnh Hồ đại ca*” giao quyết mồm năm miệng mười mà cô ngày đêm tưởng nhớ.

Nhân vật Nghi Lâm khiến ta liên tưởng đến hai nhân vật khác là Tất Đạt của Herman Hesse trong “*Câu chuyện dòng sông*”¹ và Aleixei Karamazov của Dostoievski trong “*Anh Em Nhà Karamazov*”. Dostoievski không muốn một con người thuần nhiên hướng thiện như Aleixei vào tu viện qua sớm, dù anh ta khát khao muốn tìm đến với Chúa, mà ông muốn anh ta phải trải qua “*trường đời*” trước đã. Cũng như Hesse phải để Tất Đạt lăn lộn với bụi trần, xẻ chia bao nỗi nhọc nhằn, rồi mới có thể dứt bỏ tất cả, để lắng nghe ra được tiếng nói minh triết của dòng sông. Chưa nhập thế mà đã xuất thế, chưa đi trọn con đường ô trọc của cuộc đời mà đã vội từ bỏ nó để đem mình vào cõi đạo, thì sự từ bỏ đó không thể nào là sự từ bỏ chân chính được. Nên trong cõi thanh tu ấy, Nghi Lâm ắt hẳn phải bao lần đem tâm hồn mình ra làm bãi chiến trường tranh chấp giữa hai tiếng gọi của Đạo và Đời. Cõi Đạo thì thanh tĩnh nhiệm màu, nhưng cõi Đời dẫu đắng cay, vẫn đầm thắm quyến rũ với bao hương sắc của tình yêu.

¹ Xem “*Câu Chuyện Dòng Sông*”, bản dịch của Thích Nữ Trí Hải.

Trong suốt tác phẩm *Tiểu Ngao Giang Hồ*, đã bao lần Nghi Lâm nhỏ lệ, mà chủ yếu chỉ vì Lệnh Hồ Xung. Sau này, khi cô tiếp chương phái Hằng Sơn, ta vẫn hiểu rằng vì tân chương môn đó sẽ rất nhiều phen phải tiếp tục khóc thầm. Vì chắc chắn cô chưa thể quên hẳn vị “*Chương môn sư huynh*” đang sống hạnh phúc và tiêu dao giang hồ cùng Nhậm Doanh Doanh, dù đó là điều mà cô nhiều phen thành tâm cầu nguyện cùng Bồ Tát. Ta tin rằng các Bồ Tát trên cao cũng sẽ chứng giám cho tấm lòng thành của cô, và sẽ nhìn vị đệ tử đang vướng lụy trong cõi “*Hồn bướm mơ tiên*” kia bằng những tiếng thở dài thông cảm. Mỗi lần đọc đến những đoạn Nghi Lâm với đôi mắt long lanh lệ nhỏ, tôi thường nghĩ đến hai câu thơ của Bùi Giáng:

Anh quì xuống, hai tay bệ vệ

Để xin nâng một giọt lệ êm đêm.

Trong tất cả những sáng tạo của Kim Dung, nếu có gì xứng đáng được với hai câu thơ “*bệ vệ*” trên, thì đó chỉ có thể là những giọt lệ của Nghi Lâm, trong đêm vắng, âm thầm rơi trên những trang kinh!

VÀI SUY NGÃM VỀ VIÊN TÍNH

Tôi chỉ thật sự lưu tâm đến nhân vật Viên Tính khi bắt tay vào dịch lại bộ *Phi Hồ Ngoại Truyện* của Kim Dung. Khi còn nhỏ, tôi nhớ mang máng đã đọc bộ này qua bản dịch mang tựa đề “*Thần đao Hồ Đại Đĩnh*” và “*Lãnh nguyệt bảo đao*” từ các quầy cho thuê truyện với bìa được bọc bằng giấy xi-măng và gáy được đóng bằng dây kẽm. Câu chuyện xoay quanh bi kịch của một gia đình của nhân vật chính là Hồ Phi không hấp dẫn tôi lắm, nhưng số phận của các nhân vật Trình Linh Tố cùng ni cô Viên Tính và các câu kệ ở cuối tác phẩm đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc, mà mãi về sau tôi mới biết đó là một bài kệ trong kinh Pháp Cú.

Chưa có một tác phẩm nào của Kim Dung lại chỉ rất một loại đàn ông dở hơi như trong *Phi Hồ Ngoại Truyện*. Nhân vật chính Hồ Phi chỉ là một gã Don Quichotte đầy lòng nghĩa hiệp nhưng nông nổi và bộp chộp hồ đồ. Trong phần hậu ký của tác phẩm, Kim Dung có nói rằng trong Tuyết Sơn Phi Hồ, ông mô tả tính cách của Hồ Phi quá đơn bạc, đến *Phi Hồ Ngoại Truyện* mới dần dần thành hình. Nhưng thực ra, đọc xong *Phi Hồ Ngoại Truyện* ta thấy tính cách của Hồ Phi vẫn quá hời hợt, từ tình cảm đến tư duy. Điên Qui Nông, chuông môn Thiên Long môn, thì đi trai và thô bỉ. Y chỉ là một loại Mã Giám Sinh biết võ công. Nhân vật kiêu dũng với

cái tên dài ngoằn ngoèo “Đả biến thiên hạ vô địch thủ Kim diện Phật Miêu Nhân Phượng” thì quang minh chính trực, nhưng lại quá thô lỗ. Trước đây, trong bài “*Nam Lan: bến bờ ảo vọng*” tôi có phê phán nặng nề nhân vật Nam Lan về việc bỏ gia đình để trốn theo Điền Qui Nông. Bây giờ, đọc kỹ lại *Phi Hồ Ngoại Truyện*, thấy mình hơi khắt khe. Một tiểu thư cành vàng lá ngọc có học vấn, chỉ vì để đền ơn trả nghĩa mà phải trọn đời sống với một đấng trượng phu cục mịch thô lỗ, quen thói giang hồ thì làm sao có được sự hài hòa?

Bên cạnh đó, phần lớn chương môn nhân của các phái như “Bát quái môn”, “Ứng trảo nhận hành môn”, “Bắc tông Thiên Long môn”, “Bát cực môn” ... dù có chút võ công, nhưng khí độ lại quá đời thường, hoàn toàn không có bản sắc của một đại hành gia võ học. Đó là chưa kể đến Phụng Thiên Nam, chương môn phái “Ngũ hổ”, là một tên lưu manh, vừa tàn độc vừa dâm dăng. Có được chăng là nhân vật Thiên thủ Như Lai Triệu Bán Sơn, nhưng đây chỉ là nhân vật phụ. Toàn bộ tác phẩm *Phi Hồ Ngoại Truyện* chỉ được cứu vãn bởi hai nhân vật nữ là Trinh Linh Tố và ni cô Viên Tính!

Trinh Linh Tố mang trái tim đôn hậu về bên kia thế giới với nỗi ngậm ngùi của một A Tử với Tiêu Phong. Yêu một người mà trái tim người đó đã hoàn toàn thuộc về một kẻ khác. Có lẽ không có một nhân vật nữ nào đáng tội nghiệp hơn Trinh Linh Tố. Kim Dung đã viết về cô bằng những lời tha thiết ngậm ngùi, chắc để an ủi linh hồn của cô thôn nữ thông minh tuyệt đỉnh, thấu hiểu hết mọi độc vật trong thiên hạ kia. Sự thông minh của cô hàm chứa sự chất phác đơn giản, khiến người đọc sinh lòng cảm mến. Nó khác hẳn lối thông minh ma mãnh, thủ đoạn và nặng phần trình diễn của Hoàng Dung. Nhưng ở đây, tôi chỉ xin ghi lại một vài cảm nhận từ nhân vật Viên Tính.

Viên Tính là một ni cô, nhưng cũng như Nghi Lâm trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, vị ni cô này đi tu chỉ vì sự nghiệt ngã của hoàn cảnh. Cả hai nhân vật nữ xinh đẹp này xuất gia bởi một lý do đơn giản là khi vừa lớn lên, họ thấy mình đã sống trong một ngôi chùa! Mẹ Viên Tính là Ngân Cô, một cô gái lang chài xinh đẹp, bị tên cường hào Phụng Thiên Nam cưỡng hiếp mà mang thai. Cha Ngân Cô tới nhà tên cường hào phân trần thì bị đánh đập tàn nhẫn, về nhà uất ức buồn phiền mà chết. Gia tộc lại cho rằng Ngân Cô là nguyên nhân gây nên cái chết của cha, nên không cho cô mặc hiếu phục, không cho lạy quan tài và đòi bắt cô bỏ rọ thả sông! Chi tiết này chỉ có một hai dòng trong nguyên tác, nhưng theo tôi lại có tác động mãnh liệt như một bản cáo trạng về thân phận nghiệt ngã của người phụ nữ Á Đông ngày trước.

Ngân Cô trốn khỏi thị trấn, sinh con xong, lang thang xin ăn và lẩn mò về lại quê nhà. Một thanh niên bán cá thương hại muốn đưa tay bảo bọc hai mẹ con thì bị tên cường hào cho người giết chết, ngay trong ngày cưới. Ngân Cô phải chạy đến nhà đến nương nhà nhà Thang Bái. Vị “ngụy đại hiệp” này thấy Ngân Cô xinh đẹp nên động lòng dục. Ngân Cô bị làm nhục phải treo cổ tự vẫn. Một vị sư thái là cao nhân tiền bối của võ lâm xuất hiện, cứu Viên Tính mang về Hồi Cương, nuôi dạy nên người.

Đến tuổi trưởng thành, Viên Tính, với một thân võ công, bèn từ Hồi Cương tìm về Trung Nguyên để trả thù cho mẹ. Nhưng làm thế nào để tìm ra một giải pháp bào thù trọn vẹn, khi mà kẻ thù của mẹ lại chính là cha mình, dù đó là một người cha đầy tội lỗi?

Đạo lý phương Đông không bao giờ cho phép người con trực tiếp lên án cha mẹ, đừng nói chi đến chuyện giết, cho dầu đó là những người mang trọng tội. Đạo lý, nếu cần phải

duy trì để giữ giềng mối cho sự vận động của guồng máy xã hội, sẽ được thực hiện bởi trời, bởi phép nước hoặc bởi một người nào khác.

Trong sách Mạnh Tử, Đào Ứng đã đặt vấn đề cùng Mạnh Tử: ông Cổ Tẩu –cha vua Thuấn– là người cực ác giết người phải tội chết, ông Cao Dao là người chấp pháp muốn bắt ông Cổ Tẩu thì vua Thuấn phải xử lý thế nào? Đây là vấn nạn thường đặt ra trong nền văn hóa nhân loại để con người phải tìm ra sự điều hòa giữa đạo trời và đạo người, để làm sao cho xã hội vẫn tốt đẹp mà lương tâm con người vẫn thanh thản. Vua Thuấn là con thì phải bảo vệ cho cha là đạo trời. Nhưng vua Thuấn lại là vua nên theo luật phải xử tội cha để duy trì trật tự xã hội là đạo người. Làm thế nào để điều hòa sự tương xung bất khả vãn hồi? Giải pháp mà Mạnh Tử đưa ra là sự điều hòa mang ý nghĩa sâu xa đượm đầy tính nhân văn cao viễn trong bầu không khí cổ đại phương Đông, mà mãi đến ngày nay vẫn còn là bài học kinh điển về đạo lý làm người:

Thuấn sẽ xem việc bỏ thiên hạ như bỏ một đôi dép rách, lén công cha đi trốn, lẩn theo bờ biển mà ở, suốt đời vui vẻ, vui mà quên đi thiên hạ. (Thuấn thị khí thiên hạ do khí tệ sỉ dã, thiết phụ nhi đào, tuân hải tân nhi xử, chung thân hân nhiên, lạc nhi vong thiên hạ) (Mạnh Tử, Tận Tâm thượng).

Nếu vua Thuấn cứ căn cứ theo phép nước để ông Cao Dao chiếu theo luật xử tử cha mình, cho đúng với nghĩa “minh quân” hay “thiết diện vô tư” thì trước mắt có thể duy trì được giềng mối xã hội đấy, nhưng chắc chắn sẽ để lại một vết thương trầm trọng không gì cứu vãn được trong nền đạo lý làm người cho muôn ngàn thế hệ mai sau.

Thần thoại Hy Lạp cũng có một câu chuyện tương tự.

Agamemnon, vua xứ Mycenae, khi dẫn đoàn quân viễn chinh Hy Lạp quay về sau chiến thắng thành Troy, thì bị hoàng hậu Clytemnestra cùng người tình là Aegisthus lập mưu giết chết. Con trai của Agamemnon và Clytemnestra là Orestes, với sự trợ giúp của chị là Electra, đã giết chết mẹ lẫn Aegisthus để trả thù cho cha. Tưởng rằng như thế là công bằng, vì nợ máu phải trả bằng máu, nhưng ngay sau đó Orestes bị các nữ thần Eumenides trừng phạt, mãi cho đến khi có sự can thiệp của nữ thần Athena.

Đông hay Tây đều cho rằng việc giết cha hay mẹ để đòi lại sự công bằng cho người đã khuất phải là nhiệm vụ của thần linh, của trời, chứ không phải của con người. Theo lời sư phụ dặn, Viên Tính phải ba lần cứu Phụng Thiên Nam thoát chết dưới tay Hồ Phi, như để trả món nợ tình phụ tử, dù nàng chỉ là cái bào thai nghiệt oan của một tên dâm ác, và đến khi trưởng thành vẫn không biết đến cha. Kim Dung quả thực sâu sắc khi để Phụng Thiên Nam chết thật đột ngột bởi những lưỡi “vô ảnh ngân châm” của một tên gian ác khác là Thang Bái. Rồi ông lại bố trí cho Viên Tính hạ sát Thang Bái. Tội nghi không có giải pháp nào hoàn hảo hơn được nữa. Nếu như Kim Dung để Phụng Thiên Nam giao đấu rồi chết dưới tay Thang Bái hoặc Hồ Phi, trước sự chứng kiến của Viên Tính, thì người đọc vẫn không lấy làm thỏa mãn. Mà có thể cả Viên Tính cũng cảm thấy ray rức trong lòng, dù nàng đã lập thệ chỉ cứu Phụng Thiên Nam đúng ba lần. Giải pháp của Kim Dung là sự điều hòa mang tính đạo lý rất sâu xa.

Và cùng chính trong bước đường tâm thù, khi gặp Hồ Phi, Viên Tính lại vướng vào chữ tình. Đối với Viên Tính là sự oan nghiệt, vì nàng đã lập lời trọng thệ sẽ kế thừa y bát của sư phụ suốt đời làm bạn với thanh đăng cổ Phật, như để đền đáp ơn trùng sinh tái tạo.

Ở đoạn cuối tác phẩm, những lời bộc bạch tâm sự của nàng trước nắm mộ của song thân Hồ Phi thật cảm động. “Giá như ngày trước ta không lập lời trọng thệ trước mặt sư phụ, thì có thể trọn đời theo y đến tận chân trời, hành hiệp trượng nghĩa, há chẳng hay ư? Hỡi ơi! Hồ đại ca! Đại ca đau khổ, nhưng có biết chăng tiểu muội còn thương tâm gấp mười?”.

“*Giá như...*”, “*Phải chi...*” vẫn luôn là câu nói tiếc nuối của con người, để hoài thương quá khứ hoặc nguôi đi một chút hận lòng. Cuộc sống là một cuộc thi mà mỗi thí sinh chỉ có một tờ giấy duy nhất để làm bài, không cho ai làm nháp! Nếu như các chữ “*Giá như...*”, “*Phải chi...*” không còn trong tự điển của cuộc sống thì Nguyễn Du lấy đâu ra chỗ để viết “*Đoạn trường tân thanh*”?

Nỗi lòng Viên Tính là vậy, nhưng thái độ kiên quyết và dứt khoát của nàng trước lời thỉnh cầu của Hồ Phi lại khiến người đọc bao xiết cảm thông. Cuộc đời nàng vốn đã đầy trăm luan khổ nạn, mang ơn tái tạo của sư phụ thì làm sao nàng có thể phản bội lời thề để tìm hạnh phúc riêng tư? Đó cũng chính là tâm trạng phân vân của Thúy Kiều khi gặp lại gia đình ở chốn thảo am.

Trùng sinh ơn nặng bể trời,

Lòng nào nữ dứt nghĩa người ra đi.

Mười lăm năm lưu lạc bị đầy đọa trong chốn phong trần, gặp lại gia đình và người yêu cũ thì có còn niềm vui mừng nào hơn nữa? Nhưng ơn trùng sinh tái tạo của sư Giác Duyên lấy gì để đền đáp? Nhiều nhà phê bình cho đó là thái độ không thực lòng của Thúy Kiều, thì tôi cũng thực lòng không hiểu họ đọc Kiều theo kiểu nào, và đọc để làm gì? Một người đã mười lăm năm trăm luan lưu lạc, đã bị đẩy đến chỗ tận cùng

của nỗi thống khổ của nhân gian, phải nhờ dòng nước dìm sâu hết mọi tủi nhục của đời người, lại được một sư thái cứu lên và nương thân nơi cửa Phật, thì người đó có thể nhìn đời bằng đôi mắt hồn nhiên của ngày cùng hai em dạo chơi trong ngày lễ đập thanh, hay đôi mắt đau buồn nhưng vẫn còn hy vọng của ngày phải lìa nhà theo Mã Giám Sinh? Trùng lai quả là điều người đã mỗi mòn chờ đợi, nhưng còn ỡn trùng sinh, lòng người sao nở?

Tìm mỗi điều hòa cho xuôi dầm mát mái giữa những xung đột giữa hiếu và tình, giữa hạnh phúc và trách nhiệm ... vẫn là những vấn đề muôn thuở của con người. Lắm khi bước được ra khỏi vòng tranh chấp, con người đã thấy đời đổ tan hoang với những nỗi lòng thê thiết. Thúy Kiều theo cha mẹ về đoàn tụ với gia đình là một cách điều hòa, Viên Tính quay về lại Hồi Cường để vĩnh viễn chia tay Hồ Phi phải chăng cũng là một cách điều hòa. Bài kệ nài trước lúc chia tay là để cảnh tỉnh Hồ Phi hay để nhắc nhở chính mình?

Nhất thiết ân oán hội

Vô thường nan đắc cửu.

Sinh thế đa ưu sự

Mệnh nguy ư thần lộ.

Do ái cố sinh ưu

Do ái cố sinh bố.

Nhược ly ư ái giả

Vô ưu hựu vô bố

(Mọi ân oán đời này

Đều vô thường chóng phai

Côi thế nhiều khổ nảo
Đời người như sương mai
Do ái sinh sợ hãi
Do ái sinh ưu phiền
Kẻ nào lìa chữ ái
Tâm mới được an nhiên)

Không có tác phẩm nào của Kim Dung lại để cho người đọc một cảm giác băng khuâng như trong đoạn cuối của *Phi Hồ Ngoại Truyện*. Không vui tươi như *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, không thâm trầm như *Thiên Long Bát Bộ*. Người đọc không buồn đau mà chỉ có một cảm giác hụt hẫng và trống rỗng. Như tâm trạng Hồ Phỉ đứng bên năm mộ song thân cùng bình cốt hôi của Trình Linh Tố, nhìn theo bóng Viên Tính xa dần.

“Viên Tính lắc đầu, cú thúc ngựa đi. Hồ Phỉ nhìn theo bóng nàng, tám câu Phật kệ vẫn còn văng vẳng bên tai.

Con bạch mã đứng bên cạnh chàng nhìn theo bóng Viên Tính đi mỗi lúc một xa, bỗng nhiên hý lên một tiếng bi thương. Nó không hiểu vì sao vị chủ nhân cũ của nó lại lặng lẽ bỏ đi mà không hề ngoảnh đầu nhìn lại.”

Chi tiết Viên Tính thúc ngựa “lặng lẽ bỏ đi mà không hề ngoảnh đầu nhìn lại” quả thật cảm động. Đạo Phật chủ trương “*Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn*” (biển khổ mênh mông, quay đầu là bến). Nhưng trong trường hợp này lại khác. Nếu Viên Tính quay đầu nhìn lại thì nàng sợ sẽ rằng không thấy bến, mà chỉ thấy một biển tình, biển khổ và nàng sợ những con sóng trong biển đó sẽ kéo nàng trôi dạt, không biết đến những bờ bến nơi đâu.

HƯ TRÚC: NHÀ SƯ VƯỚNG ...MỘNG

“Này Đại Huệ,... Bồ Tát quán thấy chúng sinh như huyễn, như mộng, như bóng, ... thời Bồ Tát đó sẽ lần lượt nhập vào từng địa (bhūmi), đạt được Tam muội (Samādhi), hiểu rằng tam giới duy tâm (cittamātra). Tam muội, mà Bồ Tát đó chứng được, gọi là Như Huyền Tam Muội (māyopama)”¹

Trên đây là đoạn lược dịch từ kinh Lăng Già, một kháng thư thâm áo của Phật giáo Đại thừa. Kinh Lăng Già cho rằng bậc Bồ Tát nào quán sát được thế gian như là huyễn, chúng sinh như là mộng sẽ đạt được *Như Huyền Tam Muội* là trạng thái định cao nhất được liệt kê trong kinh. Có nhiều nhà sư vì mang tài hoa mà vướng lụy, nhưng có một nhà sư không vướng lụy mà lại vướng ...mộng, và vì vướng mộng nên vướng lụy, đó là Hư Trúc trong *Thiên Long Bát Bộ*.

Nhà văn Trung Quốc là đại sư Tô Mạn Thù đã viết một

¹ “O Mahamati,... a Bodhisattva reviews all beings and knows that they are like maya, they resemble shadows,... he gradually goes up the higher stages (bhūmi), he will realise a state of Samādhi where he comes to the understanding that the triple world is Mind itself (cittamātra). The Samādhi he attains is called Maya-like (māyopama).” D.T. Suzuki, *Studies in the Lankavatara Sutra*, Routledge & Kegan Paul Ltd., 1968, p.97

cuốn sách nào nùng *Đoạn Hồng Linh Nhạn Ký* (*Cánh hồng cô lẻ*), thuật lại câu chuyện của đời mình. Con người tài hoa mang hai dòng máu Nhật– Hoa đó từ thuở nhỏ đã xuất gia đầu Phật. Sau khi phương trượng qua đời, cảm thấy bơ vơ nên muốn quay về cõi tục, nhưng kẻ xuất thân tu hành không thể chen chân nổi với cõi đời ô trọc, mà tiếp tục tu hành cũng không trọn nghiệp, nên suốt bình sinh cứ chìm nổi giữa biển dâu. Những mong nương bóng thiền môn để bước chân đi trong cõi Như Lai thanh tịnh, nên cố làm ngơ trước những tiếng lòng tha thiết, đành quay mặt đi với hai người con gái thông tuệ diễm kiều. Nhưng lòng kẻ tài hoa làm sao có thể dùng cõi Như Lai để xóa đi được hình bóng giai nhân vẫn luôn thấp thoáng trong từng trang kinh lời kệ? “*Khuya về nhẹ mở tâm kinh, trang nào cũng thấy bóng hình của em, mở bờ sinh tử ra xem, em từ tiền kiếp là em bây giờ*” (Thơ Hồ Công Khanh). Hẹn nhau từ trong tiền kiếp để bây giờ thị hiện giữa cõi Ta Bà trong từng sát na, gây vương vấn mộng hồn cho kẻ phân vân đứng giữa ngã con đường ngã ba của đời và đạo. Thi sĩ Bùi Giáng chuyển tác phẩm trên sang tiếng Việt thành *Nhà Sư Vương Lụy* (NXB Văn Học, 2000) bằng ngôn ngữ ngâm ngùi cháy bỏng cả tâm can.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung cũng để cho ni cô Nghi Lâm mang cả một khối u tình vào trong cõi thanh tu. Người nữ tu kiều diễm có tâm hồn như nữ thánh đó đã héo hắt cả dung nhan vì gã “*Lệnh Hồ đại ca*” mang cốt cách giang hồ lãng tử. Từng giọt lệ vương lụy của ni cô rơi trên trang kinh trong đêm vắng, làm tê buốt tâm tình của cả nhân gian.

Chuông khuya dẫn mối sầu về.

Giọt buồn ai để rơi nhòe trang kinh.

Chao ơi! Sư nữ đa tình.

Hết nhà sư vương lụy, rồi đến lượt ni cô vương lụy khiến người ta hoang mang tự hỏi hương sắc cõi đời có mỵ lực gì hấp dẫn những tâm hồn đang muốn hướng đến tuyệt đích với vô biên, đến nỗi họ đành quay mặt với cõi đạo để chấp nhận nỗi chìm giữa cõi người ta đầy khổ lụy? Cõi thiện, cõi chân không gần bằng cõi mỹ, nên đôi lúc sắc hương đời thường che lấp bóng Như Lai! Tôi đã có lần viết về *Giang Nam Tú Hữu*, xem đó là biểu tượng cho thảm họa của tài hoa. Mang tài hoa lánh đời nơi *Cô sơn mai trang* mà vẫn phải gánh chịu thảm kịch. Nhưng mang một khối tài hoa vào cửa thiền như *Tô Mạn Thủ* vẫn là mang theo khổ não. Cho mình, cho đời và cho lẽ đạo. Đã tài hoa ắt phải đa tình, mà vì đa tình nên thường vương lụy. Nhà thơ tiền chiến J.Leiba có bốn câu thơ thật ngậm ngùi: “*Trần thế đã nhiều duyên nghiệp quá, lệ lòng mong cạn chốn am Không, cửa Thiền một khép trần duyên dứt, quên hết người quen chốn bụi hồng*”. Ông nói thế chắc để tự dối lòng, và để an ủi cho những kẻ tu hành tài hoa đang đắm chìm trong khổ lụy, vì thử hỏi làm sao có thể thực sự “*quên hết người quen chốn bụi hồng*” được, khi mà lưới tình bủa rộng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, vây khốn những kẻ đa tình nương nấu chốn cửa thiền trong từng trận chiêm bao?

Bất Giới hòa thượng đã làm chuyện ngược đời là vì yêu ni cô mà phải cạo đầu để khoát áo nâu sòng!

*Sá gì thân nấu cửa Không,
Cạo đầu bởi chút má hồng ni cô,
Tam quy? Ngũ giới? Nam mô!*

Bất Giới hòa thượng tuy thô lỗ như lại đa tình. Nên ông không vương lụy nhưng lại làm cho người ta vương lụy.

Có lẽ chỉ có một người hiền lành chân chất, suốt đời chỉ biết kinh kệ rau dưa nhưng lại vướng lụy trong một hoàn cảnh oái ăm, đó là Hư Trúc. Con người chân chất đó không một chút tài hoa, cũng không một chút đa tình lãng mạn, và chắc chắn trái tim đó không hề biết rung cảm trước nhan sắc, cho dầu đó là thần tiên giáng thế. Người đẹp Vương Ngũ Yên trước mặt chú cũng không khác gì tượng gỗ. Cõi đời thực không có gì có thể cảm động nổi chú, không phải vì định lực của chú cao mà chỉ vì chú cục mịch ù lì như gỗ đá. Từ bé chú chỉ biết gõ mõ tụng kinh, một lòng hướng về Đức Phật, tai như diếc trước thanh, mắt như mù trước sắc, lòng không bị khuấy nhiễu bởi vật chất trần gian, thế thì con người giống như hòn đất đó làm sao vướng lụy được? Tâm hồn chú quả giống như pháp danh Hư Trúc, nghĩa là “*cây trúc rỗng*”. Bút lực Kim Dung quả thật thâm hậu khi bố trí câu chuyện để chú phải vướng lụy trong một tình huống cực kỳ oái ăm! Chú bị Thiên Sơn Đồng Mã ép phạm sắc giới với một người đẹp xa lạ trong hầm tối om om. Mơ màng như trong cõi mộng. Cõi đời thực không làm cho chú vướng lụy thì cõi mộng thì sẽ kéo chú ra khỏi thiên môn!

Trong một trường hợp tình cờ, chú cứu được chủ nhân của Linh Thứu cung là Thiên Sơn Đồng Mã, và nhằm để tránh sự truy sát của Lý Thu Thủy, cả hai phải chui vào một hầm trữ nước đá trong Hoàng cung Tây Hạ. Hằng ngày, Thiên Sơn Đồng Mã lên vào vườn ngự uyển, bắt chim về buộc chú ăn để sống. Rồi đến một đêm khuya nọ, Đồng Mã lại mang về cho chú một cô gái. Bản năng khao khát sắc dục từ lâu bị chôn vùi dưới lớp tảng bào của cuộc sống tu hành khổ hạnh bỗng nhiên trỗi dậy, dù lúc đầu chỉ mới là cảm giác mơ hồ. Ban ngày thì phải vừa luyện võ nghệ với Thiên Sơn Đồng Mã, vừa lo cảnh giác Lý Thu Thủy. Nhưng

khuya về lại có một *Mộng Cô* – cô nương trong giấc mộng – kẻ cận thân đêm. Cả hai không biết mặt nhau và cứ ngỡ như mình đang sống trong cảnh chiêm bao, vì cứ đêm về là họ lại gặp nhau, như phép màu trong truyện *Ngàn Lẽ Một Đêm*. Nên họ gọi nhau là *Mộng Cô*, và *Mộng Lang*. Tất cả “*cõi mộng*” đó đều diễn ra dưới sự sắp xếp của cao thủ tuyệt đỉnh Thiên Sơn Đồng Mộc.

Khi quay về lại chùa Thiếu lâm với thân phận chủ nhân cung Linh Thuú, chú vẫn ngây thơ nghĩ rằng mình cần phải cầu kinh sám hối để có thể gột rửa sạch được “*tội lỗi*” đã phạm. Nhưng thực ra, trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, bản năng cơ bản đã được đánh thức. Ngày trước khi phạm sát giới, chú đã kêu khóc âm ỉ và xem đó là chuyện tày trời, nhưng đến khi phạm sắc giới, thì chú lại cứ man mác, bàng khuâng. Và hình ảnh *Mộng Cô* không ngừng ám ảnh trong tâm trí. Chú tiểu khờ khạo của chùa Thiếu Lâm đã biến thành một kẻ si tình mà chú không hề hay biết, dẫu chú đang ở trong cảnh giới “*đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng*” (*Truyện Kiều*). Giá như chú có đủ trí huệ để “*quán sát tất cả chúng sinh đều như huyễn, như mộng*” thì rất có thể chú đã chứng đắc “*Như Huyễn Tam Muội*”! Và chú không hề hiểu rằng cõi đời đang giang tay đón chờ một người sắp sửa rời cổng thiên môn. Vì đó là con đường tắt yếu cho những ai không đủ căn cơ mà lại đi thẳng vào chốn cửa “*Không*” thanh tịnh, bỏ qua cửa “*Hữu*” đầy khổ lụy của trần gian!

Khi đi cùng Tiêu Phong để hộ tống vị tam đệ đa tình là Đoàn Dự sang Tây Hạ cầu hôn, có ai ngờ nổi công chúa Tây Hạ lại là chính cô nương *Mộng Cô* ngày nào. Cô bày ra ba câu hỏi cho các người cầu hôn để thử tìm lại anh chàng *Mộng Lang* thuở trước, mà rất có thể cô cũng nghĩ chỉ là

người trong cõi mộng. Những ai tìm cách trả lời theo kiểu “*đao to búa lớn*” đều bị loại. Chỉ có Hư Trúc trả lời ba câu hỏi đó một cách dễ dàng. Không phải chú trả lời các câu hỏi, mà chú chỉ buột miệng nói ra những điều cứ ấp ủ mãi trong lòng. Nơi nào đẹp nhất trong đời chú? Là hẻm đá lạnh. Người chú yêu mến nhất trong đời? Là chính Mộng Cô. Dung nhan Mộng Cô ra sao? Chú cũng không hề biết. Ba câu trả lời tình cờ đó lại là ba câu mà công chúa Tây Hạ đang mỗi mòn mong đợi. Cơ duyên sắp đặt để hai người trong mộng gặp lại nhau, và tân chủ nhân của cung Linh Thấu trở thành phò mã Tây Hạ.

Gặp nhau trong mộng, ái ân trong mộng, nhớ nhau trong mộng, tìm gặp nhau cũng trong mộng nốt, thế thì cõi đời còn gì đẹp hơn câu chuyện Mộng Lang với Mộng Cô? Trong các tác phẩm của Kim Dung, chỉ có những con người khù khờ chân chất mới có được tình yêu trọn vẹn, như Hư Trúc với Mộng Cô. Ngay cả anh chàng cục mịch Quách Tĩnh cũng vô tình làm tan nát cõi lòng của Hoa Tranh công chúa khi đến với Hoàng Dung.

Tinh thần văn hóa phương Đông vẫn thường xem cõi đời là giấc mộng. Lý Bạch bảo:

Xử thế nhược đại mộng

處世若大夢

Hồ lao vi kỳ sinh?

胡勞為其生

(chuyện đời như mộng lớn, việc gì phải nhọc lòng?).

Đó là *cõi–đời–mộng* dưới mắt một thi tiên.

Kinh Phật có bài kệ “*lục như*” nổi tiếng nhằm khai ngộ chúng sinh thấy chân tướng cõi đời là mộng huyễn:

Nhất thiết hữu vi pháp,	一切有為法,
Như mộng huyễn bào ảnh,	如夢幻泡影,
Như lộ diệt như điện,	如露亦如電,
Ứng tác như thị quán.	應作如是觀。

(nên quán sát tất cả các pháp hữu vi như giấc mộng, như điều hư huyễn, như bọt nước, như cái bóng, như sương rơi, như tia điện chớp)

Đó là *côi–đời–mộng* dưới sự quán chiếu của bậc đại giác.

Nhà thơ Tô Đông Pha bảo:

Nhân tự thu hồng lai hữu tín	人似秋鴻來有信
Sự như xuân mộng liễu vô ngân	事如春夢了無痕

(con người như chim hồng mùa thu bay đến mang theo tin tức, chuyện đời ngắn ngủi như giấc mộng đêm xuân, trôi qua mất chẳng để lại dấu vết nào.)

Đó là *côi–đời–mộng* trong tiếng thở dài minh triết của con người tài hoa khoáng đạt nhưng lại chìm nổi khổ đau trong hoạn lộ.

Cuộc đời là *côi mộng*, nhưng vì chúng ta cứ u mê chấp mộng làm thực nên sinh ra khổ não, vì cái thực đó cũng chỉ là mộng. Nước Đại Yên của dòng dõi Mộ Dung là mộng, nhưng cha con Mộ Dung Bác đều chấp là thực nên Mộ Dung Phục phải đi đến chỗ cuồng điên. Quốc sư Thổ Phồn Cừu Ma Trí suốt một đời bôn tẩu giang hồ để mong đạt được bản lĩnh vô địch, rốt cuộc ngộ được đó là *côi mộng* nên mới trở thành một cao tăng xứ Thổ Phồn. Hư Trúc sống trong *côi thực* nhưng cho đó là *côi mộng*, nên mộng lại biến thành thực!

Không có nhân vật nào của Kim Dung lại có thể gặp những điều may mắn như Hư Trúc. Chú vịt con xấu xí Hư Trúc, trong một phút giây bỗng biến thành con thiên nga lông lẩy quá bất ngờ, bắt đầu từ chữ Mộng. Kim Dung đã kín đáo khi để cho công chúa Mộng Cô phải luôn che mặt khi xuất hiện, có phải đó là một lời nhắc nhở: *trong cái vện toàn như ý vẫn có chút bất toàn*, hay muốn độc giả hiểu rằng: *dẫu côi Mộng đã biến thành côi Thực, nhưng một phần côi Thực đó vẫn còn là Mộng đấy!*

TIỂU CHIÊU: NÀNG IPHIGENIA CỦA KIM DUNG

Tặng con gái **Liêu An**

Phái mày râu thường chê phụ nữ là hẹp hòi, nông cạn: *”Đàn ông nông nổi giếng khơi, đàn bà sâu sắc như cơi đựng trầu”*. Nhưng lịch sử nhân loại, và ngay trong cuộc sống đời thường, cho chúng ta thấy những khi đại cuộc gặp cơn khốn quẫn hay gia đình gặp cảnh ba đào cần đến sự hy sinh để cứu vãn tình thế bế tắc, thì chính phụ nữ mới thường là người tiên phong tự nguyện. Dường như Thượng Đế đã ban cho họ lòng vị tha nhân nhục để hướng đến hy sinh, nếu điều đó đem lại bình yên cho người mà họ yêu thương. Phái nam chúng ta cứ quen thói bốc phét huênh hoang về phận mày râu, mà không bao giờ lường hết được tâm mệnh mông trong những sự hy sinh thầm lặng đó.

Nguyễn Du đã vì Thúy Kiều mà đem hết tài hoa để dựng lên một tòa tân thanh lạnh lẽ giữa bể dâu. Và mười lăm năm luân lạc của nàng đã đem lại cho đời hằng sa ẩn ngữ. Hơn hai ngàn năm trước, nàng Chiêu Quân Trung Quốc ôm tâm sự hận sâu ngược về phương Bắc để gá nghĩa với Hung Nô, và hơn một ngàn năm sau, công chúa Huyền Trân nước

Việt lại âm thầm giọt lệ để xuôi về phương Nam ngàn dặm. Hai phương trời, hai tâm sự và cách biệt nhau hơn cả ngàn năm, nhưng cái thê lương đau xót chỉ là một. Đâu phương cố hương? Nào trời cố quận? Quay đầu nhìn lại chỉ thấy mệnh mông mây trắng, và ở chốn xa xôi kia là quê hương vĩnh viễn không thể quay về. Mây nước mịt mù, ngàn dặm tha hương, kẻ anh hùng còn chết điếng cả ruột gan, huống gì phận đào tơ liễu yếu? Rượu có thể tạm đốt cháy đi nỗi sầu cô lữ, nhưng lấy gì để an ủi khách má hồng?

Thần thoại Hy Lạp kể rằng vua Agamemnon đem đại binh tham gia cuộc viễn chinh đánh thành Troie, đoàn chiến thuyền bị gió bắc đánh dạt vào một bến cảng. Nghe lời một nhà tiên tri, nhà vua buộc lòng phải hiến đứa con gái yêu của mình là Iphigenia cho nữ thần Artemis làm người hầu để cứu vãn tình thế. Thần lại cho gió nổi lên, đoàn quân lại hân hoan giương buồm thẳng tiến, nàng Iphigenia kiêu diễm đành một mình ở lại vùng Aulis xa lạ để làm trình nữ thờ phụng thần linh. Vì đại cuộc, vâng lại vì đại cuộc (!), phận nữ nhi lại phải hy sinh. Chiến binh các người hay cứ huyên hoang cùng máu lửa nơi chiến trận, và không bao giờ nghĩ đến nỗi se sắt lạnh của lòng ta. Từ đây, ngày ngày ta sẽ là nữ tư tế để chăm sóc đền thờ của Nữ Thần bất tử. Được bao người kính trọng, được gắn gũi với côi bất tử, nhưng đó là côi bất tử không có tình yêu đôi lứa và sẽ cực hình cho người con gái đang sống với những *“reo ái tình trong nhịp máu phân vân”* (X.Diệu). Cho nên Nguyễn Triệu, Lưu Thần phải bỏ cảnh thần tiên để quay về trần giới. Côi trần gian bụi bặm không thể sánh bằng chốn Bồng Lai nhưng, giữa côi tam thiên đại thiên thế giới, đây là nơi duy nhất ta được sống trọn vẹn với bi hoan ly hợp của tình yêu, trong tủ nhục ta tìm thấy vinh quang và trong đau khổ ta tìm ra hạnh phúc.

Cái tâm sự hận sâu đau đớn đó của một trinh nữ của trời xưa Hy Lạp lại hiện ra một lần nữa trong tâm sự của Tiểu Chiêu. Hồn Hy Lạp xưa lại về vây phủ *Ỗ Thiên Đồ Long Ký!* Nếu có ai hỏi trong tất cả các tác phẩm của Kim Dung, người con gái nào xuất hiện ít nhất nhưng mang tâm sự thể lương nhiều nhất, thì chúng ta có thể trả lời không ngần ngại rằng đó là Tiểu Chiêu. Mẹ nàng – Kim Hoa Bà Bà – là trinh nữ được Minh giáo Ba Tư cử sang Trung Quốc để tìm cho ra bí cấp trấn giáo là *Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp*. Người đàn bà được giang hồ tôn xưng là đệ nhất mỹ nhân đó đã nửa đường vương lụy, nhiệm vụ lớn chưa thành thì đứa con gái là Tiểu Chiêu đã ra đời. Và như thế là phạm tội chết đối với luật lệ nghiêm khắc của Minh giáo Ba Tư. Đứa con gái xinh đẹp kia vừa lớn lên đã phải thay mẹ nối tiếp nhiệm vụ thiêng liêng, để mong chuộc lỗi lầm (?) cho mẹ; chỉ có thể mới mong tìm được một con đường quay về cố quốc. Nàng phải hóa trang gương mặt xấu xí và vờ lạc giữa vùng hoang mạc để cho vị Quang Minh Tả Sứ của Minh Giáo là Dương Tiều đem về làm người hầu cho cha con ông. Chỉ có thể nàng mới đặt chân vào được Quang Minh đình – vùng thánh địa của Minh Giáo – để âm thầm dò xét chỗ dấu bí cấp. Một cô gái xinh đẹp dòng dõi quyền quý mà phải đóng vai một con hầu để người ta sai khiến mắng chửi nghĩ cũng nào lòng lắm thay. Cơ duyên dồn dập cho nàng và Trương Vô Kỵ tìm được bí cấp *Càn Khôn Đại Nã Di* viết trên một tấm da dê, trong một đường hầm. Nàng phải dùng máu mình thấm vào tấm da dê cho chữ hiện ra và dịch bản tâm pháp đó sang tiếng Trung Quốc để giúp Vô Kỵ, phối hợp với *Cửu dương thần công*, luyện thành bản lĩnh vô địch. Người con trai chân chất vô tâm về từ Băng hỏa đảo đó đã gieo trong lòng nàng bao ước mơ thầm kín, sau những tháng ngày chỉ biết chịu tù nhục vì trách nhiệm và bốn phận. Mang tâm pháp về cố quốc

Ba Tư để được tôn vinh là nữ thần gìn giữ Lửa Thiêng, hay để tâm pháp lại nơi Trung Thổ? Xưa kia, mẹ đã nửa đường dứt gánh, thì giờ đây con cũng xin dứt gánh nửa đường cho trọn nghiệp của chữ yêu. Người con gái đã cúi đầu quy phục tiếng nói của trái tim, và dĩ vãng lại bắt đầu! Quê hương Ba Tư đành xem như đã ngàn trùng sương khói. Thôi thì ta xin chọn quê hương là đây, là nơi có người mà ta yêu đang sống. Làm thê thiếp không được thì làm người hầu cũng tốt, làm tôi tớ cũng xong, miễn sao được trọn đời gần gũi chàng để sửa túi nâng khăn. Cho dù nước chảy có vô tình, nhưng hoa rơi lại hữu ý, cho nên hoa cứ hân hoan đợi chờ đến ngày nước cảm nhận được lòng hoa.

“Thần tiên gầy cánh đêm xuân, bước lạc sa xuống trần, làm tình nhân đứng giữa trời không khóc mộng không thành... Đường về quê xa lắc lê thê trót nghe theo lời u mê” (Tình khúc thứ nhất–Nguyễn Đình Toàn). Đúng là đường về quê xa lắc lê thê, nhưng không có lời nào khiến ta u mê cả, mà ta chỉ u mê bởi tiếng lòng đang say đắm mà thôi. Làm thần tiên mà chi nếu như người yêu còn ở nơi hạ giới? Tấm lòng đó trong thiên hạ có được bao người, và đã tô điểm thêm cho cõi đời biết bao là hương sắc?

Minh giáo Ba Tư lại đi phái sứ giả tìm người trinh nữ ngày xưa, giờ đây đã là Tỷ sam Long vương, một trong Tứ đại hộ pháp của Minh giáo Trung Quốc. Người con gái phải thay mẹ để chuộc lại lỗi lầm (?) xưa với bản giáo, với quê hương và chính là để giải cứu nhóm Trương Vô Kỵ đang bị đoàn tàu của sứ giả Ba Tư vây khốn giữa đại dương. Nàng quyết tâm hy sinh mối tình đầu vừa chớm nở để theo đoàn sứ giả quay về quê cũ làm thánh nữ của Bái hỏa giáo Ba Tư. Nếu được chết để giải cứu chàng ư? Điều đó quá dễ và hạnh phúc biết ngần nào. Người sẽ vì người yêu mà hân hoan chịu chết, để mộng

đầu thành tựu trong kiếp lai sinh. Nếu như có chút ích kỷ thì nàng sẽ cùng Trương Vô Kỵ chống cự quyết liệt đến cùng để đại dương sẽ là nấm mồ cho tất cả. Như vậy là thành toàn tâm nguyện: được chết chung bên cạnh người yêu. Nhưng không, tình chân chính đầu đời luôn khiến con người hướng thượng. Vì sao Thùy Kiều lại sẵn sàng hy sinh trong khi Thúy Vân vẫn hồn nhiên đến mức ù lì vô cảm? Đặt ra câu hỏi là đã tự tìm được lời giải đáp. Cho nên nàng Iphigenia của Kim Dung đã quyết định hy sinh là *phải sống* để giải cứu bạn tình chung. Sống, nhưng còn thê lương hơn là chết. Bước lên ngôi thánh nữ là bước vào cõi địa ngục của thanh xuân. Về lại chính quê hương nhưng lại mang nặng nỗi sầu viễn xứ! Quay về cố quốc lại chính là cuộc ra đi biệt trong đời. Biển sóng mệnh mông có chứng giám được tấm lòng kiều nữ?

Đi là đi mãi phải không em?

Ước nguyện mai sau có vẹn tuyền?

Nước có ngân lời hoài vọng cũ?

Gởi về cây bóng lá sơ nguyên?

(Bùi Giáng)

Vâng, kể từ đây đi là đi mãi. Nàng không được hạnh phúc như A Châu là gục chết trong tay người yêu để hình ảnh trở thành bất tử. Kể từ đây, nơi phương trời Ba Tư xa xôi ấy, suốt đời nàng, lửa sẽ bùng reo trong nghi lễ trang nghiêm, và sẽ có vạn ngàn tín đồ cúi đầu trước nàng để tôn vinh vị nữ thần của Lửa. Thần Lửa cần đến trinh nữ để giữ gìn cho ngọn lửa được thanh khiết đến thiên thu. Lửa muôn kiếp bùng reo, Lửa ngàn đời bùng cháy. Nàng phải đốt cháy cả tuổi xuân say đắm bên ngọn lửa thiêng, trong khi chỉ muốn làm một nữ tỳ thấp hèn để được trọn đời sống một đời bình dị. Ngọn lửa

thiên thanh khiết kia có làm mờ nổi hình ảnh ngậm ngùi của buổi chia ly trên sông nước? Nước có ngân lời hoài vọng cũ? Hởi phương nào còn xanh mãi bóng lá sơ nguyên? Thôi thì xin gửi lời ca vào trong mây nước để dư âm còn đồng vọng ngàn đời trên sóng gió trùng khơi. Gió sẽ mang lời ca lên Quang Minh đỉnh để “*gửi về cây bóng lá sơ nguyên*”. Dầu nơi đó không có màu nguyên sơ của bóng lá, thì nơi đó màu xanh của thời gian đã ngưng kết trong tâm tưởng. Dường như tiếng hát là lời kinh siêu độ cho những người phụ nữ chết trong sầu hận, cho nên trước khi chết vì lưỡi gươm tàn nhẫn của Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San vẫn hát bài Phúc Kiến sơn ca; trước khi dưới đôi tay oan nghiệt của Othello, Desdemona của Shakespeare vẫn cất tiếng hát bài ca thùy liễu. Lời ca thay cho tiếng lòng nên quá đỗi thiết tha:

*The poor soul sat sighing by a sycamore tree,
Sing all a green willow;
Her hand on her bosom, her head on her knee.
Sing willow, willow, willow;
The fresh streams ran by her, and murmur'd her
moans,
Sing willow, willow, willow;
Her salt tears fell from her and softn'd the stones;
Sing willow, willow, willow*

(Shakespeare, Othello, Act 4, Scene 3)

(Mảnh linh hồn đau khổ ngồi thở than bên gốc tiêu huyền. Liễu rủ ơ, liễu rủ ơ, ngàn liễu rủ xanh reo. Tay ôm ngực, nâng gục đầu trên gối. Liễu rủ ơ, liễu rủ ơ, liễu rủ xanh reo; Những dòng suối mát chảy bên cạnh nàng, và thì thầm lời than vãn.

*Liều rử ơi, liều rử ơi, liều rử xanh reo; giòng nước mắt mặn đắng
kia đã làm mềm sỏi đá. Liều rử ơi, liều rử ơi, liều rử xanh reo)*

Đó chẳng phải là nỗi lòng Tiểu Chiêu đấy ư? Không liều
rử xanh reo mà là lửa hồng reo rực cháy; không là tử biệt
nhưng phải sinh ly. Chia tay để vĩnh viễn đi vào cõi cô đơn
giá buốt. Những giọt nước mắt nàng rơi giữa đại dương có
làm mềm sỏi đá? Và thử hỏi cái nào mặn hơn: *nước đại dương*
hay nước mắt Tiểu Chiêu?

THỂ ĐIỆU TRÔNG TRỜI

Trời rất cao, đất rất sâu. Trời che và đất chở con người. Đất gần gũi con người vô kể, đất nuôi sống con người và mở rộng vòng tay để đón nhận con người ở cuối chu kỳ sinh tử trong “một cõi đi về”. Nhưng tâm lý con người thường thích cái mình nghe hơn cái mình thấy, do đó con người thường coi trọng cái ở xa hơn cái ở gần. Cho nên sống trong đời, hễ ai có điều gì oan ức, khổ đau, bế tắc đều ngược nhìn trời cao để tra hỏi hoặc để thở than. Như đứa con lạc lõng muốn tìm đến với vòng tay của mẹ cha để tìm một nơi nương tựa. Nhưng trời cao, hay đúng hơn là bầu trời, thì thay đổi luôn luôn, khi thì mênh mông mây trắng, khi thì cuộn cuộn mây đen, lúc thì trong xanh bát ngát. Cho nên nhìn trời cũng có nhiều thể cách. Đối với người xưa, hoặc với những người nay chưa mất đi cái tâm hồn trẻ thơ của “*xích tử chi tâm*”, thì cái thế giới ẩn khuất sau ngàn mây mênh mông đó vẫn luôn là cái thế giới ảo huyền rất mực. Đó là nơi của thần tiên tụ hội, của vĩnh phúc rưới chan, là chốn của sấm sét ra oai, của mưa cuồng gió dữ.

Người xưa nhìn trời để nghiệm ra lẽ biến hóa của vũ trụ. Sáu mươi tư quẻ của kinh Dịch ra đời từ đó. Trời là nguyên lý Dương, rất cương mãnh, biến hóa theo con rồng huyền ảo của phương Đông. Đó cũng là nguyên lý của *Hàng Long Thập Bát Chương*.

“Trông trời, trông đất trông mây, trông mưa trông gió trông ngày trông đêm, trông cho chân cứng đá mềm, trời êm biển lặng mới yên tấm lòng”. Đó là cách trông trời với tâm trạng bồn chồn lo lắng của người nông dân khi sản xuất. Đất nuôi dưỡng con người thật đầy, nhưng còn tùy trời, tùy những cơn hỷ nộ không thể lường trước của trời. Nên phải nhìn trời để tùy trời!

Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định dưới gốc bồ đề, ngược nhìn trời, thấy sao mai mà hoát nhiên đại ngộ, thành tựu thần thông du hý, vượt qua cõi sinh tử luân hồi, mở đầu cho 49 năm thuyết pháp hóa độ chúng sinh. Đó là cách nhìn trời của bậc Toàn Giác.

Đức Chúa Jêsu Christ, khi bị đóng đinh lên cây thập giá, đã ngược lên trời mà kêu “*Chúa ơi, sao Ngài lại bỏ con?*” (*Mon Dieu, mon Dieu, pourquoi tu m’abandonne?*). Chính cái ngược nhìn và lời kêu ấy là sợi dây thần thánh nối kết Thiên Đường với trần thế, để con người tin vào ngày Phán Xét Cuối Cùng. Đó là nhìn trời của một đấng Cứu Thế muốn cứu chuộc trần gian.

Đức Khổng Tử nhìn trời để thấu đạt lẽ biến hóa của vũ trụ, rồi lại ồm ờ với đệ tử “*Thiên hà ngôn tai! Thiên hà ngôn tai!*” (Trời có nói gì đâu! Trời có nói gì đâu!). Thực ra ý ngài muốn nói: “*Trời có nói nhiều đấy, nhưng đâu là đôi tai để nghe ra?*”. Từ đó, ngài bắt đầu cuộc chu du khắp đất Trung Hoa. Đó là cuộc chu du kỳ bí nhất trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc, phát xuất từ cách nhìn trời của bậc thượng trí vô sự tự ngộ.

Khuất Nguyên nhìn trời để hỏi cho ra những điều bí ẩn của tự nhiên, bằng bài thơ *Thiên vấn* (Hỏi trời). Đó là cách nhìn trời của một tâm hồn đắm chiêu tư niệm.

Nhà thơ Nguyễn Du lúc tuổi chưa tới ba mươi mà đầu đã bạc trắng, nhiều phen ngửa mặt nhìn trời than thở: “*Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên, hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên*”. (Tráng sĩ bạc đầu buồn bã nhìn trời, hùng tâm và cuộc sống cả hai đều mờ mịt). Và “*Cổ kim hận sự thiên nan vấn, phong vận kỳ oan ngã tự cư*” (Những nỗi hận xưa nay khó lòng hỏi trời, những mối oan khiên kỳ lạ do nét phong nhã gây ra, ta tự mang cả vào mình – Độc Tiểu thanh ký). Đó là cách nhìn trời của một *Nghệ Sĩ Bô Tát* đem khối Bi Tâm lịch hành hết cõi dẫu bể tang thương, để ngậm ngùi với “*Hồi thiên uống bảo phục Lê tâm*” (Hoài công ôm tắc lòng trung muốn khôi phục triều Lê), đúng như lời vịnh của ông Trương Cam Vũ.

Nhượng Tống, khi dịch *Nam Hoa kinh* của Trang Tử, bảo: “Tôi sinh ra là con nhà nghèo, mắt vẫn thường nhìn xuống đất... Nhưng nhìn xuống như thế mãi, nhiều lúc chợt thấy mỏi cổ ... cho nên bất chợt cũng đòi phen ngửa mặt trông trời... Trông trời thì trời rộng vô cùng mà xa cũng vô cùng.. và cảm thấy tấm thân mình vô cùng nhỏ bé, vô cùng tạm bợ ... Chừng ấy, tôi phải mượn sách vở để làm khuây”¹. Nhìn trời để thấy hết được cái bao của vũ trụ, rồi nương vào *Nam Hoa kinh* để đi vào tận ngọn nguồn của tâm linh và khám phá cho ra cái bí ẩn của vô cùng. Đó là cách nhìn trời của một tâm hồn thông tuệ.

Nhà thơ Hàn Mặc Tử nhìn trời để kêu gào: “*Trời ơi bao giờ tôi chết đi, bao giờ tôi hết được yêu vì? Bao giờ mặt nhật tan thành máu, và khối lòng tôi cứng tự si?*”. Đó là cách trông trời của người đã sống tận cùng trong nỗi khổ đau và cô độc

Thi sĩ trung niên Bùi Giáng thì cà rỡn khi đặt “*bà trời trắng*” ngồi bên cạnh “*ông trời xanh*”. Sau những cuộc đối

¹ Lời tựa bản dịch *Nam Hoa kinh*, NXB Tân Việt, 1962

thoại thất vọng lẫn ngậm ngùi trong cõi thi ca và tư tưởng, ông đã mở ra cuộc rong chơi thù thắng bất tận trong ngôn ngữ với tác phẩm “Ngày Tháng Ngao Du” và không chịu ngó trời, nhưng đến Ngày Thứ Hai Mười Lăm trong tác phẩm thì lại muốn “Tôi sẽ ra đi bỏ lại đời. Mỹ Tho Mỹ Tho Sóc Trăng ơi, Mỹ Tho muôn đời là Sóc Trăng, Gái mặc quần ra đứng ngó trời”¹! Để “gái mặc quần ra đứng ngó trời”, đó là cách nhìn trời cắc cớ của một tâm hồn tài hoa thượng đạt, muốn xóa lộng ngữ ngôn.

Trong tác phẩm của Kim Dung, Tạ Tốn là người nhìn trời nhiều nhất, khi cùng vợ chồng Thúy Sơn – Tố Tố lên đênh trên biển cả; nhưng không phải để trầm tư mà để nguyên rửa, chửi bới vì không chịu chịu theo ý mình. Cái “lão tặc thiên” đó đã bao phen bị Tạ Tốn vùi xuống tận đất đen, giá như ông ta ở gần trong cõi người ta thì ắt hẳn đã bị Kim Mao Sư Vương dùng cây đao Đồ Long phân thây thành muôn đoạn. Đó là cách nhìn trời để trút hết cơn thịnh nộ giữa cảnh ba đào, của con hùng sư chọc trời khuấy nước. Trời Đất đã cùng nhau dậy cơn thịnh nộ thì ta cũng nổi trận cuồng điên để hòa theo tiết điệu Tam Tài: Thiên Địa Nhân!

Quách Tĩnh nhìn chòm sao Bắc Đẩu mà linh hội thêm yếu quyết về võ học. Có nhân vật của Kim Dung không thể không nhìn trời, nhưng lại là cách nhìn cắc cớ, đó là Âu Dương Phong phải lộn ngược đầu để đi, kết quả của việc luyện công sai lầm dẫn tới tẩu hỏa nhập ma.

Khi nhóm Nhậm Ngã Hành, Nhậm Doanh Doanh và Hướng Vấn Thiên bị vây trên chùa Thiếu Lâm, thì trận đấu thứ ba giữa Lệnh Hồ Xung và Xung Hư là trận quyết định để cả bốn người được tự do xuống núi. Vị đạo trưởng chương

¹ Ngày Tháng Ngao Du, NXB An Tiêm, 1968, t.32

môn phái Võ Đang phải đắm chiều nhìn trời rất lâu để tìm cách phá giải kiếm thuật của Lệnh Hồ Xung, và cuối cùng lắc đầu chịu thua. Ông trời cũng đành bất lực trước tuyệt chiêu của *Độc Cô Cửu Kiếm*! Chính điều đó đã khiến Nhậm Ngã Hành tăng thêm nửa phần bội phục đối với vị chương môn kiếm thuật trù đời, và đưa ông vào cùng danh sách với Phương Chứng đại sư, Phong Thanh Dương và Đông Phương Bất Bại.

Có vô vàn thể cách nhìn trời, nhưng có người lại ương bướng không chịu nhìn trời, ngay lúc sinh tử cận kề, dù cái tên có nghĩa là *ngược hỏi trời*: đó là Hương Vấn Thiên, vị Tả sư của Nhật Nguyệt Thần Giáo. Cũng đúng thôi, biệt hiệu của ông ta đã là *Thiên Vương Lão Tử*, cũng giống như Tề Thiên, cùng trời ngang cấp thì hà cớ gì phải nhìn trời? Hình ảnh của vị Tả sư mặc áo bào trắng với đôi tay bị trói vẫn trầm tĩnh uống rượu tại lương đình giữa vòng vây của hai phe Hắc Bạch đã dự báo được tính tình cao ngạo cổ quái và tâm cơ siêu tuyệt của ông ta. Khác với Quang Minh tả sư Dương Tiều quý phái và hơi màu mè, khi nhận ra con gái là Dương Bất Hối, đã ngửa mặt lên trời hú vang động cả rừng thu, khiến lá vàng ào ào rơi rụng, vị Hương hữu sư hành sử đúng theo thể điệu thô hào của giới giang hồ: buồn buồn có thể xơi tái một kẻ địch để giải quyết cái bụng đói, ngang nhiên uống rượu cùng Lệnh Hồ Xung trước khi mở trận đấu sinh tử! Ấy là cái ngang bướng của kẻ không chịu "*hướng vấn thiên*"!

Mỗi người nhìn trời một kiểu theo từng thân phận và từng tâm trạng. Còn chúng ta, có bao giờ chúng ta "*hướng vấn thiên*"? Và chúng ta có tìm được gì nơi bầu trời xanh lơ thăm thăm?

HUYỀN NGHĨA VÔ DANH TĂNG

Trong đời, có lẽ không có gì đáng ghê người bằng hình ảnh ngọ nguậy của con sâu, và không có gì đẹp bằng hình ảnh phát phới bay của con bướm màu sắc sỡ. Nhưng hai con chỉ là một từ trong bản chất. Đó là điều huyền mật nhất giữa trần gian. Sinh tử hoà nhập với Niết bàn, tội lỗi trộn lẫn với thanh cao, giác ngộ ẩn tàng trong vô minh, bóng tối chan hòa cùng ánh sáng, tất cả đều chỉ là một. Chỉ có các bậc chân nhân, như vị vô danh tăng trong *Thiên Long Bát Bộ*, mới nhận ra và âm thầm thể hiện được huyền nghĩa đó giữa cuộc sống bình nhật đời thường.

Nếu tác phẩm Kim Dung luôn đưa người đọc đến chỗ bất ngờ, và xem đó là một yếu tố hấp dẫn trong truyện, thì có lẽ sự xuất hiện lặng lẽ của vị tăng vô danh trong Tàng Kinh Các là điều bất ngờ nhất trong tất cả mọi sự bất ngờ. Một vị tăng già không tên tuổi, suốt tháng quanh năm chỉ làm một công việc bình dị tầm thường là quét dọn Tàng Kinh Các, lại hiện thân như một vị Bồ Tát giữa trần gian, hoá giải ân cừu giữa hai nhân vật kiêu hùng tuyệt đỉnh của võ lâm: Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn. Một kẻ lén nhập vào Tàng Kinh Các xem trộm bí kiếp võ công, khổ luyện để mong khôi phục lại nước Đại Yên. Một kẻ ẩn náu trong Thiếu Lâm tự học trộm võ thuật để mong chuyện báo thù. Trong Tàng Kinh Các tưởng chừng như lặng lẽ kia đã ẩn tàng biết bao nhiêu sóng gió. Những cuốn kinh

Phật từ bi đẩy những điều siêu huyền uẩn áo bỗng nhiên biến thành phương tiện cho tham vọng và cừu hận. Mà dường như chính cõi đời này được sai sử bởi hai động cơ trên, nên mới cứ mãi chảy trôi theo một quỹ đạo vô cùng điên đảo.

Ai đã từng đọc *Thiên Long Bát Bộ* của Kim Dung ắt hẳn không thể quên được hình ảnh vị tăng vô danh đó trong Tầng Kinh Các. Chỉ xuất hiện một lần duy nhất, như cô gái áo vàng ở Chung Nam Sơn (*Ỗ Thiên Đồ Long Ký*) – nhưng để lại một ấn tượng không thể phai nhòa: điều hoà ân oán thị phi, cứu vãn tình thế đã đi đến chỗ bất khả vãn hồi, đem Phật pháp thâm diệu cảnh tỉnh cho những tâm hồn cuồng điên trong hận cừu và tham vọng.

Kim Dung đã xây dựng nên nhiều nhân vật xuất hiện rất bình thường, mỗi người mỗi vẻ, nhưng lại rất bất ngờ về thân phận. Đó là một Mạc Đại tiên sinh, dưới dạng một ông lão quê mùa, ngồi đàn ca và nhận tiền bố thí trong quán nước. Đó là một Xung Hư đạo trưởng trong y phục luộm thuộm rách rưới của một ông lão cuội lửa dưới chân núi Võ Đang. Đó là một Phong Thanh Dương nhợt nhạt như người bệnh, bất ngờ hiện ra sau câu nói của Điền Bá Quang, trên đỉnh Hoa sơn. Nhưng đối với các nhân vật đó, thì ít ra Kim Dung cũng chuẩn bị một bối cảnh lót đường, để người đọc đoán ra phần nào thân phận của họ. Đường kiếm tinh ảo của ông lão nhà quê trong quán nước chém đứt miệng bảy chén trà đã để lại tấm “*danh thiếp*” của vị cường môn phái Hành sơn, sau khi ông bỏ ra đi. Tiếng thờ dài khinh bỉ kiếm pháp Hoa sơn, khi nhìn Lệnh Hồ Xung giao đấu với Điền Bá Quang, đã giúp người đọc khẳng định được ngay ông lão trông nhợt nhạt như cái thầy ma trên đỉnh Hoa sơn đó, chính là Phong Thanh Dương – một cao nhân tuyệt đỉnh về kiếm thuật. Đối với Xung Hư thì Kim Dung chuẩn bị kỹ càng hơn. Trước khi

cùng Xung Hư so kiếm dưới chân núi Võ Đang, Kim Dung đã bố trí cho Lệnh Hồ Xung tỉ thí với hai cao thủ của Võ đang trong vai hai đại hán gánh củi gánh rau. Nhưng đó mới chỉ đoạn nhạc dạo, một khúc “khai tấu” cho bản “*giao hưởng*” tiếp theo với ông lão rách rưới bệnh hoạn cười lừa. Chỉ với một thế kiếm mở đầu trận tỉ thí, ông lão kia đã khiến Lệnh Hồ Xung phải kinh hãi, rồi ông ta tiếp tục vây khốn Lệnh Hồ Xung trong làn kiếm quang dày đặc của Thái cực kiếm pháp, và gã tửu đồ lẳng tử kia chỉ có thể chiến thắng nổi trong một chiêu tối hậu bằng trí thông minh, bằng lòng quả cảm và bằng tấm chân tình đối với Doanh Doanh! Tiếp theo đó, trong câu chuyện đàm đạo, ông lão lại ngấm đặt mình ngang với Phương Chứng đại sư và cao hơn cả Nhạc Bất Quần thì người đọc – dầu chưa rõ đó là ai – nhưng cũng đoán được phần nào danh phận cực cao của nhân vật.

Tất cả những nhân vật tuyệt đỉnh đó đều xuất hiện một cách bình dị tầm thường, nhưng ta thấy giữa họ với đời vẫn có một cái gì ngăn cách. Dầu có dấn thân vào chốn phong trần, hoà đồng trong cõi tục, nhưng tâm sự u hoài của Mạc đại tiên sinh trong cùng đàn Tiêu tương dạ vũ vẫn ngậm ngùi xa lánh trần gian. Bức huyền nhai nơi thạch động của Phong Thanh Dương, như một đường kiếm cắt đôi cõi đời với cõi thanh tu ẩn tịch. Nó ngăn cản cả bước chân của Lệnh Hồ Xung, dù y là người được vị Thái sư thúc tổ kia yêu mến và coi như là bạn vong niên. Một giới tuyển tuy thơ mộng nhưng rạch ròi đến mức lạnh lùng. Núi Võ đang tuy gần gũi với bình nguyên của cõi trần tục đầy, nhưng nó vẫn là một tháp ngà của những đạo sĩ phẩm hạnh cao siêu đi tìm cõi vô vi thanh tĩnh. Dù sự xuất hiện của họ có bình dị đến độ nào đi nữa, thì chung quanh thân phận họ vẫn được bao phủ bởi lớp sương mù của huyền thoại và lòng kính ngưỡng của võ lâm.

Chỉ có vị tăng vô danh trong Tăng kinh các kia mới bình dị làm sao, không âm ỉ, không huyền thoại, không tên tuổi, như tất cả những gì thực sự vĩ đại trên cõi đời này. Già yếu hom hem, đôi mắt như mắt hăn thần quang, quanh năm quét rác, lặng lẽ và vô danh đến mức mọi người trong chùa không ai để ý ngay đến cả sự tồn tại của ông. Đó mới chính là cực điểm trong sự tu học theo truyền thống phương Đông. Nhưng những lời thuyết pháp mộc mạc và vô công kỳ diệu của ông đã làm chấn động cả đương trường. Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn phải tạm chết đi dưới chưởng lực của vị vô danh tăng đó, để rồi sau đó họ mới có thể trùng sinh trong giác ngộ. Trí thông minh hơn người của họ đã bị tham vọng và lòng thù hận dẫn đi lạc nẻo. Họ chỉ chăm chăm lén lút rèn luyện võ công trong bảy mươi hai tuyệt kỹ Thiếu Lâm tự để mong nhanh chóng đạt được bản lĩnh hơn đời, mà không biết đến các nguy hiểm chí mạng đang rình rập họ. Họ u mê không nhận ra được Phật pháp vô biên dùng để hoá giải hiểm nguy, ẩn tàng trong các cuốn ngữ lục thâm huyền của các bậc tôn túc cùng cuốn Pháp hoa kinh uẩn áo, mà vị vô danh tăng kia đã âm thầm bỏ công hoá độ. Cùng với cách chết tạm của họ là cái chết thực, cái chết vĩnh viễn của tham vọng hận thù. Đứng trước cái chết, mọi sự đều trở nên phù phiếm bọt bèo. Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn đều hoát nhiên đại ngộ mà qui y cửa Phật, vì nhận ra huyền nghĩa của Phật môn qua vị tăng không tên tuổi, điều mà một kẻ đại trí đại dũng như Đại luân minh vương Cửu Ma trí chỉ nhận ra được, khi bị mất hết võ công. Vị tăng vô danh kia đã đem Phật pháp vô biên để hoá giải tham vọng hận thù. Đẹp biết bao là hình ảnh những đại đức cao tăng uyên bác của chùa Thiếu lâm, vốn chỉ quen thuộc với hình ảnh những pháp sư đa văn quảng kiến đăng đàn giảng kinh, lại kính cẩn ngồi nghe vị sư già quét rác kia thuyết pháp dưới tàng cây. Một lão tăng ốm yếu gầy gò

không danh phận lại bỗng nhiên thị hiện như một nhân vật quảng đại thần thông. Con sâu đột nhiên hoá thân thành con bướm, vì con bướm đang tàng ẩn trong chính con sâu!

Trong Thiền tông có một giai thoại rất lý thú. Ba thiền sư trên đường hành cước, ghé vào một quán nước nhỏ bên đường. Bà lão bán nước nói: *“Trong các vị đây, ai có thần thông thì mới được uống nước”*. Cả ba thiền sư đều im lặng nhìn nhau. Bà lão bèn nói: *“Hãy xem già biểu diễn thần thông đây”*. Nói xong, bà lão bưng bình trà rót vào từng chén trà! Đó mới chính là thần thông của những tâm hồn giác ngộ. Vị vô danh tăng kia cũng chính là bà lão bán nước.

Thiền tông chia công việc điều phục cái tâm thành mười giai đoạn, qua hình ảnh kẻ chăn trâu—Thập mục ngư đồ. Giai đoạn thứ 9 là *“quay về nguồn cội”* (Phản bổn hoàn nguyên), là giai đoạn đạt ngộ, nhưng đó không phải là giai đoạn cuối cùng, mà chỉ để chuẩn bị bước sang giai đoạn cuối cùng là *“thông tay vào chợ”* (nhập triền thùy thủ). Điều kỳ diệu của kinh Dịch là nó không chấm dứt bằng quẻ “Kỷ tế” (việc đã xong) mà bằng quẻ Vị tế (sự chưa thành). Bậc chân nhân giác ngộ sống âm thầm lẫn lộn với cõi đời trong phố thị để thị hiện thần thông, trong những cái rất đời thường. Vị vô danh tăng kia cũng chính là người đã *“thông tay vào chợ”*.

Con người không bao giờ đủ khôn ngoan và thông tuệ để hiểu được rằng cái phép lạ, mà họ đang mong đợi đó, đang ngập tràn trong cuộc sống bình dị của áo cơm. Nhà thơ Mỹ Walt Whitman (1819–1892) viết một bài thơ diễn tả những điều mắt thấy tai nghe quanh đời, và đặt nhan đề là *“Miracles”* (Những phép lạ). Đó cũng tâm hồn của một vị Bồ tát phương Tây, đang sống trong cảnh giới *“Bình thường tâm thị đạo”* (Tâm bình thường là đạo) của Thiền tông. Bàng Uẩn – một cư sĩ Thiền tông – có hai câu thơ lừng danh *“Thần*

thông kiêm diệu dụng, vận thủy cập ban sài” (Gánh nước là diệu dụng, chẻ củi là thần thông!).

Tín đồ Phật giáo thường mê muội đi tìm phép lạ mà không nhớ rằng đức Phật đã từng ngăn cấm không cho các môn đồ lấy việc tu tập thần thông làm cứu cánh, vì ngài cho rằng thần thông tự nó chỉ là “*sân phẩm phụ*” của việc tu học theo chính đạo. Tương truyền đức Phật đi trên bờ sông Hằng, và gặp một đạo sĩ đang tu khổ hạnh ở đó. Ông này tự hào khoe rằng sau hai mươi năm khổ luyện, giờ đây ông ta có thể vượt qua sông Hằng bằng đôi chân trần. Đức Phật mỉm cười, bảo “*Này anh bạn, tại sao anh phải mất đến hai mươi năm để làm được một điều mà tôi cũng có thể làm được với 5 xu tiền đồ?*”. Trong kinh Tân ước, khi Chúa Jesus đi trên mặt nước, hay nạt sóng biển, quở quỉ dữ thì điều đó, theo tôi, chẳng có gì là phép lạ, mà phép lạ thực sự đã xảy ra khi Chúa Jesus từ chối không chịu hiển thị phép lạ theo lời thách thức của quỉ là biến đá thành bánh mì, và nhảy từ trên núi cao xuống.

Đỉnh cao tư tưởng Kim Dung trong *Thiên Long Bát Bộ* nằm ở hình ảnh vị vô danh tăng đó. Hình ảnh đó nói lên được nhiều điều huyền ảo trong cõi đạo Đông phương, mà tư tưởng của triết học trường trại không bao giờ với tới được. Thật kỳ diệu biết mấy, khi người duy nhất đứng ra giảng hoà được mọi tham vọng hận thù, hiện thân như một Bồ Tát giữa đời để cứu vãn được bao điều oan nghiệt trên chốn giang hồ lại là một vị tăng quét rác tầm thường, tầm thường đến nỗi không có được một cái tên!

CUU MA TRÍ: NẠN NHÂN CỦA VÕ HỌC

Theo truyền thống phương Đông, triết học hay đạo học đều có mục đích chung là đưa con người đến giải thoát, trong đó cầm kỳ thi họa, y đạo hay võ đạo đều có thể là những phương tiện. Nhưng khi con người đã chấp vào các phương tiện như là cứu cánh thì hiểm họa sẽ bắt đầu. Con người sẽ trở thành nô lệ cho chính cái mà mình muốn làm chủ. Đó là trường hợp điển hình của Đại luân Minh vương Cưu Ma Trí.

Trong quá trình tâm đạo hay học hỏi, con người hơn thua nhau ở chỗ đủ tỉnh táo để nhận ra đâu là phương tiện và đâu là cứu cánh. Đánh giá cứu cánh như phương tiện là rơi vào hoang tưởng, còn chấp phương tiện làm cứu cánh là đưa tới trầm vong. Kinh điển Đông phương luôn nhắc nhở đến điều này. “*Đắc ngư vong thuyền*”. Nôm là phương tiện dùng để bắt cá, nhưng khi được cá phải quên nôm. Ngón tay là phương tiện dùng để chỉ mặt trăng, nếu cứ chấp ngón tay làm mặt trăng, ắt sẽ rơi vào chỗ vô minh. Kinh Phật minh họa ý tưởng này bằng một hình ảnh rất sinh động: “*dùng bè để qua sông, khi đã đến bờ bên kia rồi thì nên ung dung bỏ bè để lên bờ đi tiếp, hay là phải cứ hì hục mang cái bè trên lưng?*” Câu trả lời tưởng chừng như rất dễ, nhưng để bỏ được cái bè phương tiện thì cần phải là bậc đại trí huệ, và cần phải có cơ duyên.

Cùng với Cưu Ma Trí có thể kể thêm hai nhân vật kiêu hùng nữa là Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn. Nhưng Mộ Dung Bác khổ luyện võ công là để phục quốc, Tiêu Viễn Sơn khổ luyện võ công là để báo thù. Riêng Cưu Ma Trí là người suốt đời cứ rong ruổi để tìm tòi học hỏi võ thuật, mà người đọc cũng không biết để làm gì, ngoài việc để thỏa mãn tính siêng cường háo thắng. Và do đó, ông đã tự mình trở thành nô lệ cho võ học, cũng như nhiều học giả đã tự làm nô lệ cho kiến thức. Bản thân võ học là phương tiện, mà đã là phương tiện thì luôn mang trong tự thân nó những yếu tố bất toàn, thậm chí nguy hiểm vì đó chỉ cái tạm thời để giúp ta tìm đến cái vĩnh cửu. Vị Vô danh tăng trong Tàng kinh các hiện thân như một Bồ Tát dùng Phật pháp vô biên để khai ngộ cho quần hùng, khiến Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn đều tỉnh ngộ mà quy y cửa Phật; nhưng riêng Cưu Ma Trí vẫn u mê cố chấp. Nghĩ cũng lạ. Bản thân ông là quốc sư tinh thông Phật pháp, hằng năm vào Tuyết sơn để giảng đàn giảng kinh, khai ngộ cho dân chúng Thổ Phồn, nhưng chính bản thân ông lại không thấu hiểu được diệu lý của Phật pháp. Ngày xưa, Đạt Ma tổ sư muốn dùng võ thuật như phương tiện thì hậu duệ của ngài lại chấp làm cứu cánh, nên bị mê hoặc bởi cái mị lực của võ học mà không hề hay biết. Cái lẽ ra phải đóng vai “khách” lại trở thành “chủ”, và sẽ tiếp tục dẫn dắt con người đi sâu vào con đường lầm lạc.

Lần đầu tiên xuất hiện ở chùa Thiên Long nước Đại Lý, vị quốc sư Thổ Phồn quả đã gây cho người đọc một ấn tượng sâu sắc về đảm lược và bản lĩnh, khi một mình dám ngang nhiên đến chùa Thiên Long xin “mượn” kiếm phổ *Lục mạch thần kiếm* là bảo vật tổ truyền. Cưu Ma Trí từng giao du với Mộ Dung Bác, cả hai đều là những đại hành gia võ học nên cùng trao đổi võ công với nhau rất ý hợp tâm đầu. Thuở sinh

tiền, Mộ Dung Bác chỉ ước ao được xem kiếm phổ *Lục mạch thần kiếm* của chùa Thiên Long. Cừu Ma Trí hứa với bạn sẽ tìm giúp. Khi quay về lại Trung Nguyên thì Cừu Ma Trí nghe tin Mộ Dung Bác đã qua đời, nên ông liền đến chùa Thiên Long xin “mượn” pho kiếm phổ kia đem về đốt trước mộ bạn, để tạ lòng tri kỷ. Nhưng bù lại ông cũng xin tặng cho chùa Thiên Long các bí cấp võ học cực quý của Phật môn. Như một sự trao đổi sòng phẳng. Ngày xưa có người mang kiếm báu, một người bạn muốn mượn nhưng người ấy có việc phải đi, nên hẹn xong việc sẽ đem về cho bạn mượn. Ngày quay về thì bạn đã mất, người đó bèn cõ kiếm treo trên nắm mộ bạn mình. Như một biểu tượng đã hoàn thành lời hứa. Và của một tấm lòng trao tặng một tấm lòng. Thi Phật Vương Duy diễn tả lại ý này trong bài thơ *Tống Chu đại nhân nhập Tần* (Tiễn Chu đại nhân vào đất Tần) rất gợi cảm:

Du nhân Ngũ Lăng khứ

Bảo kiếm trị thiên kim

Phân thủ thoát tương tặng

Bình sinh nhất phiến tâm

游人五陵去

寶劍值千金

分手脫相贈

平生一片心

Tiễn người đi Ngũ Lăng

Gươm báu giá ngàn vàng

Chia tay xin trao tặng

Bình sinh một tấm lòng.

Kể ra vị quốc sư xứ Thổ Phồn kia cũng muốn học theo phong cách của người xưa. Người xưa treo bảo kiếm trước mộ, thì nay ta đốt kiếm phổ trước mộ, đều là cách gởi gắm “*bình sinh nhất phẫn tâm*”. Đó cũng là tấm lòng đáng quý trọng của kẻ sĩ trong thiên hạ.

Ý đồ kia có thể chỉ là cái cớ, nhưng việc ông dám “*đơn thân độc mã*” đến chùa Thiên Long, dầu biết rõ vị phương trượng Khô Vinh đại sư đã luyện thân công đến mức “*bán khô bán vinh*” thì quả là hùng tâm vạn trượng. Như Quan Công “*đơn đao phó hội*”, ngang nhiên một mình khuấy động cả vùng sông nước Giang Đông. Trước khi xuất hiện, danh tiếng của Cưu Ma Trí đã tạo ra áp lực lớn đến nỗi vị đệ nhất cao thủ trong Hoàng tộc nước Đại Lý là hoàng đế Bảo Định để phải xuống tóc lấy pháp danh là Vô Trần để tăng cường sức chiến đấu cho các cao tăng chùa Thiên Long. Tất cả sáu vị cao tăng, mỗi người học một loại kiếm trong *Lục mạch thần kiếm*, cùng hợp công để đối phó với Cưu Ma Trí. Khô Vinh đại sư vừa lo bảo vệ Đoàn Dự vừa bắt anh chàng công tử đồ gàn này học thuộc lòng kiếm phổ, và cuối cùng liệu thể không thể vệ được kiếm phổ, Khô Vinh đại sư đành phải thiêu hủy. Một môn võ công tuyệt học trong thiên hạ đành chịu thất truyền trước áp lực của Hỏa diệm đao!

Lần thứ hai, Cưu Ma Trí xuất hiện ở chùa Thiếu Lâm, phô triển tuyệt học khiến quần hùng đều kinh hãi. Nguyên trong chùa Thiếu Lâm có quản thúc một vị sư Ấn Độ là Ba La Tinh. Vị sư này từ Ấn Độ đến chùa Thiếu Lâm lấy cớ là để nghiên cứu Phật học, vì tại Ấn Độ “*ngoại đạo thịnh hành, Phật giáo suy vi*”. Nhưng mục đích chính của Ba La Tinh là học lén các tuyệt kỹ của môn phái Thiếu Lâm, là những môn chỉ truyền thụ cho đại sư cấp cao trong bản phái. Khi phát hiện ra điều này, chư tăng chùa Thiếu Lâm buộc Ba La Tinh

phải vĩnh viễn ở lại chùa, không cho quay về Ấn Độ, vì e ngại các tuyệt kỹ Thiếu Lâm sẽ bị tiết lộ ra ngoài. Phương trưởng chùa Thanh Lương ở Ngũ Đài sơn là Phật sơn thượng nhân từ lâu muốn tranh chức phương trưởng Thiếu Lâm nên nhân dịp này dẫn sư huynh của Ba La Tinh là Triết La Tinh cùng nhiều cao thủ khác đến gây hấn, đề nghị dùng võ công để xác định ngôi vị. Ngay lúc cục diện đang hồi căng thẳng khi hai bên tranh luận về xuất xứ của võ học, thì bất ngờ Cưu Ma Trí lại xuất hiện, dùng chính tuyệt kỹ của phái Thiếu Lâm để áp đảo quần hùng, khiến cho tất cả các cao tăng Thiếu Lâm đều “*tâm táng nhược tử*” (chết điếng trong lòng), niềm tự hào về võ học bí truyền đều nguội lạnh. Huyền Từ phương trưởng thực sự chán nản khi thấy Cưu Ma Trí thông thuộc toàn bộ bảy mươi hai tuyệt kỹ bí truyền của bản môn, một kỳ tích mà chư tăng chùa Thiếu Lâm từ cổ chí không ai làm được. Đại sư thấy việc giam giữ Ba La Tinh quả là điều vô lý khi mà tất cả tuyệt học của bản môn không còn gì là “*tuyệt*” nữa. Ai cũng biết, và ai cũng luyện được, thậm chí còn thành tựu cao hơn cả những người trong bản môn.

Không ai ngờ nổi rằng tất cả tuyệt kỹ Thiếu Lâm mà Cưu Ma Trí biểu diễn tại chùa Thiếu Lâm chỉ là cái vỏ, một cách “*đĩ ngụy loạn chân*” (dùng cái giả dối để làm loạn cái chân thực). Những “*Niên hoa chí*”, những “*Cà sa phục ma công*” hay “*Đại Kim cương quyền*” ... đều là cái vỏ Thiếu Lâm nấp dưới công phu *Tiểu vô tướng công* của phái Tiêu Dao. Nhưng Tiểu vô tướng công của Cưu Ma Trí cũng chỉ lớp vỏ hời hợt của công phu này. Trong các tác phẩm của Kim Dung, phái Thiếu Lâm luôn được xem là Thái sơn Bắc đẩu trong võ lâm, võ công đứng đầu thiên hạ. Riêng trong *Thiên Long Bát Bộ*, võ công phái Tiêu Dao của Đạo gia có vẻ lấn át hẳn võ công của Phật môn, khi Cưu Ma Trí chiếm thượng

phong ngay tại cái nôi của võ học Trung Nguyên. Song điều đó, Kim Dung lại lý giải, thông qua vị Vô danh tăng trong Tàng kinh các, là do các cao tăng Thiếu Lâm chưa thấu hiểu cái diệu lý của võ học, nên sự thành tựu cũng chỉ ở mức trung bình, không thể đạt đến cảnh giới “*lô hỏa thuần thanh*”. Trong khi tất cả cao tăng chùa Thiếu Lâm đều tiêu táng hùng tâm trước võ công của Cừu Ma Trí, thì chỉ có Hư Trúc nhận thấy rõ điều trá ngụy, vì y là người có cơ duyên linh hội được toàn bộ chân truyền của phái Tiêu Dao. Trận kịch đấu giữa một chú tiểu vô danh và một vị quốc sư uy trấn quần hùng tại chùa Thiếu Lâm quả là trận đấu hi hữu của võ lâm, mà ưu thế lại nghiêng về Hư Trúc. Như trận đấu giữa tay đệ nhất kiếm pháp đương thời là Côn luân Tam thánh Hà Túc Đạo với chú tiểu Tương Quân Bảo trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*. “*Vàng giả*” của Cừu Ma Trí gặp “*lửa thiệt*” của Hư Trúc tất nhiên sẽ bị lộ tẩy. “*Ngụy*” gặp “*chân*” sẽ bị phá vỡ, dù sớm dù muộn. Đó là quy luật ngàn đời.

Phê bình nền học vấn đời Tống, Âu Dương Tu bảo: “*Dĩ Phật Lão chi tợ loạn Chu Khổng chi thực*” (Đem cái tư tưởng tựa tựa giống với Phật Lão để làm loạn cái tư tưởng chân thực của Chu Công và Khổng Tử). Đây là tình hình các học giả đương thời. Cái học chưa đến nơi đến chốn, chuyên nghề vơ đó chộp đây theo kiểu “*đạo thánh đồ thuyết*” (nghe được ngoài đường rồi kể lại trong ngõ)¹ để lòe thiên hạ. Những kẻ sơ cơ dễ bị choáng ngợp khi mới tiếp xúc. Nhưng một khi gặp cái học chân truyền thì những thứ vật vãnh phù phiếm đó sẽ nhanh chóng tan như bọt nước. Đó cũng chính là trường hợp của Cừu Ma Trí, *khi vị quốc sư này “dĩ Tiêu Dao chi tợ loạn Thiếu Lâm chi thực”* (đem loại võ công tựa tựa giống với phái

¹ Đạo thánh nhi đồ thuyết, đức chi khí dã (Luận ngữ, Dương hóa, XIV) (Nghe ngoài đường rồi đi kể lại trong ngõ, đó là cái đức bỏ đi)

Tiêu Dao để làm rối loạn võ công chân thực của phái Thiếu Lâm) nhằm lòn bịp quần hùng.

Thay vì luyện tập võ công như một phương tiện để đưa tới giác ngộ, thì oái ăm thay, vị quốc sư kia lại chỉ đam mê tích lũy võ công. Cái lệ khí tích tụ trong người do luyện tập võ học sai đường đã là mầm họa sát thân, lại thêm tính sính cường hiếu thắng do võ học tạo nên thì mối hiểm nguy lại tăng lên gấp bội. Cừu Ma Trí cứ u mê “*đi nguy loạn chân*”, lại còn nuôi tham vọng luyện thêm *Dịch cân kinh* thì quả là vô minh quá lắm. Càng ngày lại càng lún sâu vào con đường nô lệ cho võ học. Cũng như Cừu Ma Trí, Chu Bá Thông là người đam mê võ học đến cuồng điên, nhưng Lão Ngoan đồng nhờ có tâm hài nhi nên bị không sa vào con đường của Cừu Ma Trí, và tự nhiên hóa giải được mọi nguy cơ tiềm ẩn. Những thành tựu trong võ học dễ dàng làm mê muội những người tập luyện cũng như kiến thức dễ làm mê muội những học giả hàn lâm.

Cơ duyên dun dủi cho Cừu Ma Trí bị (hay được?) Chu cáp thần công của Đoàn Dự hút toàn bộ nội lực, để trở lại con người bình thường. Cái hư nguy tích tụ trong tâm và thân bị phá bỏ hoàn toàn khiến Cừu Ma Trí hoát nhiên đại ngộ và mới thực sự trở thành cao tăng nước Thổ Phồn. Võ học cũng như kiến thức, khi phá bỏ được lớp vỏ hư nguy để trở lại với cái “*chân*” thì vạn sự sẽ toàn nhiên hiển lộ. Đó phải chăng cũng là chỗ mà thiền sư Bách Trượng bảo: “*Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu*” 心地若空, 慧日自照 (nếu vùng đất tâm trống như hư không, thì mặt trời trí huệ sẽ tự nhiên chiếu sáng)?

“CUỘC CHƠI” CỦA VI TIỂU BẢO

“Người đàn ông đích thực cần hai điều: đó là sự nguy hiểm và chơi đùa. Chính vì thế mà hắn cần đến đàn bà như là vật chơi đùa nguy hiểm nhất”¹. (F.Nietzsche)

Theo triết gia cổ đại Hy Lạp Heraclitus thì cuộc đời là một trò chơi lớn, một “*Grand Jeu*”. Nhà thơ Tô Đông Pha nói “*Tạo vật hà như đồng tử hý?*” (Tạo vật sao giống như đứa trẻ chơi đùa?). Đến đấng Tạo Hóa toàn năng còn là một đứa bé thích chơi đùa, hưởng gì con người bình phàm chúng ta? Mà cuộc chơi có thể hiểu theo nhiều cách. Ngồi thiền định suốt bao năm tháng dưới gốc bồ đề, suốt đời rong ruổi khắp nơi thuyết pháp cứu độ chúng sinh, để rồi cuối đời ngồi tại đạo tràng bảo “*Bốn mươi chín năm qua, ta chưa nói lời nào*” (!) như đức Phật cũng là một cách chơi. Viết “*Đoạn trường tân thanh*” làm tan nát cả lòng người, và làm chấn động cả khối tam giáo phương Đông, nhưng lại khiêm tốn bảo “*Mua vui cũng được một vài trong canh*” như Nguyễn Du cũng là một cách chơi. Viết một cuốn sách vô tiền khoáng hậu, đặt lại cơ sở cho mấy ngàn năm triết học phương Tây, nhưng lại ồm ồm ở bảo đó chỉ là “*Siêu hình học nhập môn*” (Introduction à la Métaphysique)

¹ A real man wants two things: danger and play. Therefore he wants woman as the most dangerous plaything” (Thus Spoke Zarathustra, *The Portable Nietzsche*, The Viking Press, 1968, translated by W. Kaufman, p.178)

như Heidegger cũng là một cách chơi. Từ chối quan tước, cứ ngồi câu cá để “*du tâm ư đạm*” (đem chơi lòng vào chỗ nhạt), viết *Nam Hoa kinh* làm kinh động cổ kim như Trang Tử cũng là một cách chơi. Chán chương thi ca nhưng vẫn cứ mãi miết làm thơ như Bùi Giáng cũng là một cách chơi. Hùng tâm vạn trượng nhưng lại làm một tên bán thịt lợn giữa chợ thành Đại Lương, để rồi giúp Ngụy Công tử lập nên công lớn như Chu Hợi thời Chiến quốc cũng là một cách chơi. Biết rằng có giết được Tần Thủy Hoàng cũng chỉ tạo ra hàng trăm tên bạo chúa khác, nhưng vì cảm nghĩa nên vẫn mang chủ thủ vượt qua sông Dịch, vờ múa vu vơ giữa triều đình vua Tần để rồi bị giết chết như Kinh Kha cũng là một cách chơi. Và có một nhân vật của Kim Dung còn “chơi” hơn thế nữa, chơi những trận chơi quỷ khốc thần sầu, xem cõi đời là một trò chơi lớn và đàn bà là một canh bạc lớn để đem hết “*vốn liếng*” ra chơi theo kiểu “*nhất chín nhì bủ*”. Đó chính là Vi Tiểu Bảo!

Trong tất cả các sáng tác của Kim Dung, *Lộc Đình Ký* là tác phẩm hoàn toàn khác biệt với các tác phẩm khác. Không còn những hoang sơn u cốc có cao nhân kỳ sĩ cư trú để truyền lại cho nhân vật chính những võ công đặc dị chấn động giang hồ. Cũng không còn những cá nhân mang hùng tài đại lược lắm le muốn làm minh chủ võ lâm. Tất cả hoạt động của bang hội hay các phe phái đều diễn ra trên một bối cảnh chính trị, đó là nhằm chiếm được bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Võ công của nhân vật chính Vi Tiểu Bảo bị đẩy xuống hàng thứ yếu, và thay vào đó là thói lưu manh cùng những trận “võ mồm”!

Trong lịch sử văn học, có lẽ khó có nhân vật nào quỷ quyệt lưu manh như Vi Tiểu Bảo. Từ một đứa con hoang của cô gái điếm trong kỹ viện, tình cờ bị bắt vào hoàng cung, phải dùng đủ mọi thủ đoạn để tồn tại, chưa tới hai mươi tuổi mà

đã Vi Tiểu Bảo nhanh chóng trở thành một người bạn thân cận của vua Khang Hy, một quan đại thần đến tước công, một “*bộ trưởng ngoại giao*” tài ba lỗi lạc trong việc ngăn không cho Mông Cổ và Tây Tạng cấu kết với Ngô Tam Quế đánh lại triều đình, một vị anh hùng trong chốn giang hồ, hương chủ Thanh mộc đường của Thiên địa hội, một phu quân của bảy bà vợ xinh như mộng. Thậm chí các bậc di thần của triều Minh còn đề nghị y làm hoàng đế của “*chính phủ lâm thời phản Thanh phục Minh*”! So với Vi Tiểu Bảo, thì Xuân tóc đỏ của Vũ Trọng Phụng hay Nikôđem Đizma của T.D. Môxtôvích chỉ là những anh học trò sơ cấp.

Vi Tiểu Bảo đã đem thói lưu manh học được ở kỹ viện và dùng máu mê cờ bạc để đối phó với mọi tình huống giữa giang hồ và chốn cung đình. Oái ăm thay tất cả đều trót lọt! Những lúc phải đối phó với hoàn cảnh sinh tử cận kề, cần phải xác định “*thái độ quan điểm*” để trở thành hoặc kẻ thù hoặc ân nhân của những người xa lạ, thì Vi Tiểu Bảo lại quyết định đem sinh mạng ra chơi theo kiểu đánh bạc. Tất cả vốn liếng đem ra đánh sạch một ván theo kiểu “*Được ăn cả, ngã về không*”. Và may mắn là lần nào y cũng thắng. Khi bị quần hùng Thiên địa hội bắt đem đi, Vi Tiểu Bảo tính toán mãi không biết họ là bạn hay kẻ thù của Ngao Bái, nhưng y đã đánh liều thóa mạ Ngao Bái không tiếc lời. Và canh bạc đầu tiên đó đã đem lại cho y chức hương chủ Thanh mộc đường. Cũng như khi bị vây khốn trong ngôi nhà ma của họ Trang, Vi Tiểu Bảo sau khi cân nhắc lại liều mạng chửi bới Ngao Bái, và canh bạc này đã giúp vị “*Vi tướng công*” trở thành ân nhân của nhà họ Trang, đồng thời lại được tặng một cô Song Nhi điểm kiểu hiền thực!

Máu mê gái của Vi Tiểu Bảo cũng bùng bột như máu mê cờ bạc. Gặp cô nào đẹp, y cũng đều so sánh ngay với các kỹ nữ

của Lệ xuân viện, là cái nhà chứa nơi y xuất thân. Các nhân vật A Kha hay Hồng phu nhân đều khiến y mê tit đến điên đảo thần hồn, nhưng y thừa thông minh để hiểu rằng trong “*canh bạc tình yêu*” này, y không thể thắng trong một cuộc chơi sòng phẳng, mà thậm chí có thể dễ dàng mất mạng, nên buộc lòng phải dùng đến trò lấu cá. Khi về thăm lại mẹ trong Lệ xuân viện, Vi Tiểu Bảo lại dùng Mê xuân tửu gây mê các người đẹp, trong đó có cả A Kha, Hồng phu nhân, rồi hăm hiếp họ để họ phải mang bầu với mình. Chiếm đoạt cùng một lúc mấy người đẹp tuyệt trần bằng thủ đoạn lưu manh, đó quả là một điều đáng để người đọc phải chau mày nhăn mặt!

Ba mốn “*đại pháp bảo*” mà Vi Tiểu Bảo dùng để hộ thân và lập được công trạng là vôi bột, tấm tằm y hộ thân và lưỡi chủy thủ. Tấm tằm y giúp y nhiều phen thoát chết trước những đòn tấn công của kẻ thù. Vôi bột thì dùng để ném vào mặt đối phương khiến cho đối phương tối tăm mặt mũi, sau đó dùng lưỡi chủy thủ cực bén để đâm chết đối phương. Khi y dùng thủ đoạn này lần đầu để giúp Mao Thập Bát giết chết Hắc Long Tiên Sử Tùng trong giây phút mạng sống họ Mao chỉ ngàn cân treo sợi tóc, Mao Thập Bát đã không cảm ơn thì chớ còn lên tiếng thóa mạ y tàn tệ, vì họ Mao biết rằng đây là thủ đoạn cực kỳ đê hèn sẽ bị khách giang hồ phi nhổ. Về sau, y cứ tiếp tục dùng thủ đoạn này để làm mù mắt Hải Đại Phú và bắt sống Ngao Bái.

Nhưng nếu chỉ dựa vào thói lưu manh vô lại để luôn lách và tồn tại thì “*cuộc chơi*” của Vi Tiểu Bảo có lẽ đã sớm phải chấm dứt dưới tay của Khang Hy rồi. Vi Tiểu Bảo là chú nhỏ lấu cá, mồm mép trơn tuột như bôi mỡ, giáo hoạt đủ cách nhưng có điểm khả thủ là rất tôn trọng đạo nghĩa bạn bè, trong cung đình cũng như giữa chốn giang hồ. Đó là điều vua Khang Hy cảm nhận được, nên ông mới tha thứ cho

những việc làm động trời của tên “Tiểu quế tử” Vi Tiểu Bảo. Tính tình hào hiệp trong tiền bạc và tấm lòng đầy nghĩa khí của Vi Tiểu Bảo đối với bạn bè đã giúp cho Vi Tiểu Bảo nổi bật lên giữa những cái xấu xa, và che khuất đi những chuyện lưu manh láu cá. Nhận ra được ưu điểm ấy ở Vi Tiểu Bảo, vua Khang Hy quả có “con mắt trong nghìn thu” khi đánh giá con người. *Kiến lợi tư nghĩa*: thấy điều lợi phải nghĩ đến điều nghĩa. Cái đạo lý đơn giản đó rất khó lòng thực hiện trong đời thường.

Thời Chiến quốc, công tử nước Ngụy là Ngụy Tề đắc tội với Phạm Thư là tể tướng nước Tần. Phạm Thư hạ lệnh cho vua Ngụy phải nộp đầu Ngụy Tề, nếu không sẽ đem quân làm cỏ thành Đại Lương. Ngụy Tề bèn bỏ trốn đến nước Triệu, nương náu nhà tướng quốc nước Triệu là Ngu Khanh. Vua Triệu vì sợ uy của nước Tần nên muốn bắt Ngụy Tề đem nộp, Ngu Khanh thấy không thể can ngăn vua được bèn cời ấn tướng quốc, nửa đêm cùng Ngụy Tề trốn đi. Vứt bỏ lợi danh vì bạn thiết. Một nhân cách sáng ngời nghĩa khí của người xưa, luôn được người đời sau ca ngợi. Khi vua Khang Hy “tương kế tựu kế” dồn tất cả quân hùng Thiên địa hội và Mộc vương phủ vào phủ Tử tước của Vi Tiểu Bảo để tận diệt bằng đại pháo, thì Vi Tiểu Bảo dám vứt bỏ tất cả tài sản lẫn quyền lực, như vứt một đôi dép rách, để ban đêm cùng họ trốn đi. Vi Tiểu Bảo luôn bị xem là kẻ lưu manh vô lại nhưng thử hỏi tấm lòng vì đạo nghĩa giang hồ đó có khác gì nhân cách của một Ngu Khanh?

Ngụy Tề là tai họa cho Ngu Khanh, cũng như quân hùng Thiên địa hội và Mộc vương phủ là tai họa cho Vi Tiểu Bảo; nhưng cả Ngu Khanh và Vi Tiểu Bảo đều có chung một điểm là sẵn sàng hy sinh tất cả mọi vật ngoại thân quý báu để cứu những người bạn, dù biết rằng điều đó có thể đem tới cho

mình họa sát thân. Nghĩa cử đối với thầy và bè bạn như thế đủ để cảm động lòng người trong muôn thuở. Trong đời, có biết bao kẻ trí thức chỉ vì hai chữ danh và lợi mà sẵn sàng hại bạn bè thân thiết đến thân bại danh liệt, dùng bè bạn làm bậc thang đi lên cái gọi là công danh, thử hỏi tư cách những kẻ đó có xứng đáng để xách dép cho y “*oắt con lưu manh*” Vi Tiểu Bảo hay không? Trong *Lộc Đình Ký*, Kim Dung bỏ qua yếu tố “võ”, nhưng không quên yếu tố “hiệp”. Mà chính tố chất “hiệp” mới là cái làm cho khách giang hồ được là khách giang hồ!

Trận “*chơi*” quỷ khóc thần sầu đó đã khiến cho Vi Tiểu Bảo phải “*mất sạch vốn liếng*” và sống lưu lạc trên hoang đảo. Nhưng bù lại y có được tám người vợ đẹp. Lần cuối cùng, khi vua Khang Hy đồng ý tha cho về lại cung, thân làm đến bậc công khanh, oai quyền tiền bạc trùm đời, vậy mà Vi Tiểu Bảo dám “*chơi*” tiếp một việc tày đình nữa là tìm cách “*đi hoa tiếp mộc*”, đem đánh tráo Phùng Tích Phạm tại pháp trường để cứu tội phạm của triều đình là Mao Thập Bát, cũng chỉ vì đạo nghĩa giang hồ. Và biết rằng không thể che dấu mãi việc làm tày đình đó với Khang Hy, nên Vi Tiểu Bảo dựng nên hiện trường giả bị bọn cướp bắt đi, quyết tâm vất bỏ tất cả để đem vợ con trốn về Dương Châu, sống cuộc đời khoái lạc của một phú ông. Vi Tiểu Bảo vô hình trung lại học được tinh thần “*công thành thân thoái*” của Phạm Lãi: giúp Việt vương Câu Tiễn dựng nên nghiệp bá xong là đem người đẹp Tây Thi bỏ trốn khỏi triều đình, để làm một Chu Công giàu có và ngao du tứ hải. Vi Tiểu Bảo còn hơn thế nữa. Ung dung làm một phú ông ở Dương Châu với bảy cô vợ xinh đẹp đến mức phi tần nhà vua phải ghen tỵ, đó chẳng phải là điều thống khoái trên đời ư?

Công và tội của Vi Tiểu Bảo đối với Khang Hy cũng được Vi Tiểu Bảo đánh giá sòng phẳng như một canh bạc. Khi thấy

vua Khang Hy biết mình là “Vi hương chủ” của Thiên địa hội, Vi Tiểu Bảo phải một phen kinh hãi, nhưng cũng đề nghị vua “đánh bài ngựa” để vua cân nhắc thiệt hơn. Khi xét thấy công lẫn tội của Vi Tiểu Bảo đối với triều đình là ngang nhau, “*canh bạc*” đó xem như hòa, nên vua tâu đều đồng ý “*xóa bàn làm lại*”!

Trong Vi Tiểu Bảo tôi lại thấy có thấp thoáng một chút hình ảnh của Lệnh Hồ Xung. Vi Tiểu Bảo và Lệnh Hồ Xung có nhiều điểm rất gần nhau, nhưng theo tỷ lệ đảo ngược nhau. Nếu Lệnh Hồ Xung có tám phần nghĩa khí và hai phần giáo hoạt thì Vi Tiểu Bảo có tám phần giáo hoạt và hai phần nghĩa khí. Điểm giống nhau giữa hai nhân vật này là rất tôn trọng tình nghĩa bè bạn giang hồ. Lệnh Hồ Xung mê rượu như Vi Tiểu Bảo mê đánh bạc. Để thoát hiểm trong những lúc cận kề cái chết thì Lệnh Hồ Xung tám phần nhờ vào võ công, hai phần nhờ vào cái miệng, còn Vi Tiểu Bảo tám phần nhờ vào cái miệng, hai phần nhờ vào võ công. Vi Tiểu Bảo luôn dùng cái miệng giáo hoạt bịa ra đủ thứ trên đời để tìm cách thoát nạn. Lúc Lệnh Hồ Xung toàn thân bất lực trong kỹ viện thành Hành Sơn, trong khi Khúc Phi Yến và Nghi Lâm run rẩy nấp trong chần, nếu không nhờ cái mồm láu cá giáo quyết thì chắc gì đã lừa được Dư Thương Hải? Lúc Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh bị trói gô lại trên gác chùa Hằng Sơn, và đám Du Tẫn, Cửu Tùng Niên toan giết họ để bịt miệng thì chàng ta vờ hô khẩu quyết của *Tịch Tà Kiếm Pháp* để lừa giết được đám người kia và thoát nạn. Dem “*hàng giả*” để đổi lấy mạng sống thực, việc cơ biến ấy của Lệnh Hồ Xung có khác gì Vi Tiểu Bảo?

Thói lưu manh cờ bạc trong một tâm hồn biết xem trọng đạo nghĩa, đó là “*tám giấy thông hành*” giúp Vi Tiểu Bảo đi thông suốt mọi nẻo đường đời. Từ chỗ nhơ bẩn nhất là kỹ

viện cho đến chỗ tôn nghiêm nhất là cung đình. Những người đàn bà mà Vi Tiểu Bảo gặp đều là những “*cuộc chơi nguy hiểm*”, nhưng y vẫn liều lĩnh nhập cuộc bằng tất cả sự đam mê. “*Một trà một rượu một đàn bà, Ba cái lãng nhăng nó quấy ta, Chùa được cái nào hay cái ấy, Có chẳng chùa rượu với chùa trà!*” (Tú Xương). Vi Tiểu Bảo cũng chỉ có thể vứt bỏ các thứ “*trà rượu*” của lợi danh, nhưng không thể vứt bỏ đàn bà. Riêng điểm này, Vi Tiểu Bảo còn “chơi ngon” hơn cả Mộ Dung Phục, và “đứng đắn” hơn cả Điền Bá Quang. Trong đời có bao nhiêu người “*đàn ông đích thực*” dám đem sinh mạng ra đánh “*cạn lãng*” với những “*cuộc chơi nguy hiểm*” đó, trong canh bạc đời, như Vi Tiểu Bảo?

MỘ DUNG PHỤC: CON RỒNG CHƯA ĐIỂM NHẤN

Người chưa tới mà huyền thoại đã tới trước, thân chưa xuất hiện mà danh đã làm chấn động giang hồ, tưởng không có ai bằng được Mộ Dung Phục. “*Bắc Kiều Phong, Nam Mộ Dung*” là câu truyền tụng trong giới võ lâm. Kiều Phong ở phương Bắc, Cô Tô Mộ Dung ở phương Nam trở thành biểu tượng võ công và hào khí cho tất cả hào sĩ giang hồ. Kể ra Kim Dung đã dày công xây dựng bối cảnh xuất hiện của Mộ Dung Phục, theo thủ pháp mà La Quán Trung đã bài trí cho sự xuất hiện của Khổng Minh trong Tam quốc chí. Trước khi Khổng Minh xuất hiện, người đọc phải cùng Lưu Bị gặp những người bạn hoặc người thân của Khổng Minh, để qua đó dần dần hình dung ra con người Khổng Minh. Những nhân vật như Từ Thúc, Thủy Kính tiên, Thôi Châu Bình, Gia Cát Quân ... đều là những bậc thêm giúp người đọc tuần tự bước lên những tầng cao hơn nữa để đối diện với chân dung của vị quân sư tương lai nhà Hậu Hán.

Mộ Dung Phục cũng thế. Sự xuất hiện của Mộ Dung Phục còn hấp dẫn và lôi cuốn hơn cả sự xuất hiện của Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Nếu trước khi xuất hiện, Lệnh Hồ Xung chỉ có mặt trong những câu chuyện kể, qua lời các sư đệ đồng môn và cô tiểu ni Nghi Lâm xinh

đẹp, thì sự hiện diện thấp thoáng trong những lời đồn đại, trong những giai thoại được truyền tụng khắp võ lâm đã khiến Mộ Dung Phục giống như con thần long chỉ thấy đầu mà không thấy đuôi. Thủ pháp “gậy ông đập lưng ông” (dĩ bỉ chi đạo hoàn thi bỉ thân 已彼之道還施彼) đã gieo hoang mang khắp giang hồ. Thoạt đầu, nhà sư Tuệ Chân vượt đường xa vạn dặm đến nước Đại Lý để báo tin Huyền Bi đại sư, trên đường từ Thiếu Lâm đến Đại Lý, bị đánh chết tại chùa Thân Giới vì chính tuyệt kỹ *Đại Vi Đà Chủ* của mình. Rồi Hoàng My đại sư kể lại câu chuyện bản thân mình hồi trai trẻ bị một cậu bé đánh bại cũng bởi chính tuyệt kỹ *Kim cương chỉ* của mình. Kế đó, Kim toán bàn Thôi Bách Tuyền kể chuyện mình bị một cặp nam nữ trung niên dùng con toán đánh ngay vào những huyết đạo trong cơ thể, khiến tay cao thủ của phái Phục Ngưu này phải mai danh ẩn tích, đổi tên là Hoắc tiên sinh làm kẻ hầu hạ chuyên lo chuyện tạp dịch trong cung điện Đại Lý, nhằm tránh họa sát thân. Lạc thị tam hùng đất Hà Bắc chuyên dùng phi trùy thì chết về phi trùy. Chương Hư đạo nhân thường thi hành thủ đoạn chặt chân tay của địch nhân để hành hạ, thì cuối cùng lại chết vì chính thủ đoạn trên. Những cái chết bí ẩn của các tay cao thủ bởi chính tuyệt kỹ của mình đã phủ trùm lên võ lâm một bầu không khí khủng bố, và dòng họ Mộ Dung được thù dật như những nhân vật thần thông quảng đại vì thấu triệt được tất cả những tuyệt học trong thiên hạ.

Ngay cả nhân vật lỗi lạc nhất *Thiên Long Bát Bộ* là Tiêu Phong cũng xuất hiện trước Mộ Dung Phục. Tại rừng trúc, nơi đồng đạo quần hùng tụ hội để quyết định số phận của Tiêu Phong, thì Mộ Dung Phục cũng chỉ xuất hiện qua những người liên quan như Vương Ngũ Yên, Bao Bất Đồng,

tỳ nữ A Châu và qua lời kể của Tiêu Phong về Phong Bá Ác. Dung nhan tuyệt tục của Vương Ngũ Yên, võ công của Bao Bất Động, phong cách của Phong Bá Ác, trí tuệ của A Châu đều là những chất liệu nền để làm sáng thêm vầng hào quang của Mộ Dung Phục, khiến bạn đọc lại càng thêm náo nức đón chờ con người tài hoa tuấn nhã của vùng sông nước Giang Nam.

Họ Mộ Dung ở Cô Tô thuộc dòng dõi nước Đại Yên. Đến đời Tống thì nước Đại Yên không còn nữa. Và giấc mơ phục quốc đã trở thành một nỗi ám ảnh của hậu duệ đời sau. Mộ Dung Bác đặt tên con là Phục, với ý đồ muốn con mình sẽ phục quốc xưng vương, khôi phục lại cơ nghiệp tổ tông. Ông muốn khuấy động can qua giữa hai nước Trung Quốc và Khiết Đan để Đại Yên thừa cơ quật khởi. Chỉ vì tham vọng chính trị đó mà Mộ Dung Bác đã dựng lên vụ huyết án tại Nhạn môn quan, đẩy cặp phu phụ Tiêu Viễn Sơn vào chỗ chết và khởi đầu cho cuộc đời đầy bi kịch của Tiêu Phong. Ngay từ bé, Mộ Dung Phục đã phải mang nặng trách nhiệm khôi phục nước Đại Yên. Một cậu bé phong tư ngọc lập, cốt cách thanh kỳ nhưng không có được tuổi thơ, mà phải gánh cây thập tự quá nặng nề trên vai vì những ảo vọng của cha ông, quả là điều đáng ân hận trong nhân gian. Để rồi đến khi lớn lên, y lại bị hút vào vòng xoáy của cơn lốc phục quốc mà không cách nào thoát ra được. Số mệnh chính trị nặng nề đã khiến y phải ngoảnh mặt đi trước tình yêu của Vương Ngũ Yên. Trong trái tim của y, giấc mộng đế vương đã choán sạch chỗ, nên tình yêu không còn chỗ đứng. Trong cuộc xung đột giữa “*tư tình*” và “*đại nghiệp*”, chiến thắng nghiêng hẳn về hai chữ “*đại nghiệp*”. Bạn đọc có thể thấm tiếc và thấm trách vì sao Mộ Dung Phục lại hững hờ vô tâm với người con gái dung nhan tuyệt tục như Vương Ngũ Yên, nhưng dù sao

đó cũng là phong cách thường tình của những người muốn dựng nên nghiệp bá ở phương Đông. Người phương Đông thường cho rằng người đàn bà đẹp luôn luôn là chướng ngại cho khách anh hùng trên đường dựng nên nghiệp lớn. “*Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản*”. Tình cảm quyến luyến của người con gái dễ làm chí khí anh hùng sút giảm. Vừa là một vị vua đa tình lại vừa là một thiên tài quân sự thì cổ kim họa chẳng chỉ có Napoléon, và trong văn học họa chẳng chỉ có Từ Hải! Đó là những người mà “*khí*” không những không bị “*đoản*” bởi “*tình trường*” của nhi nữ, mà còn xem “*tình trường*” đó là chất men kích thích để dựng nên đại nghiệp. Điều hòa được “*hồng nhan*” và “*đại nghiệp*”, dung hợp được “*thiên hạ*” với “*mỹ nhân*”, đó mới đích thực là bản sắc tài hoa của kẻ anh hùng. Nếu Napoléon có thể viết thư tình giữa chiến trường máu lửa, thì người anh hùng đất Việt Đông dù cùng Thúy Kiều “*nửa năm hương lửa đang nồng*”, vẫn có thể “*trượng phu thoát đã động lòng bốn phương*”, để rồi ra đi xây dựng một cơ đồ “*triều đình riêng một góc trời*” đáp tạ lòng tri kỷ.

Kim Dung đã dày công tô vẽ nên hình ảnh một con rồng vô lâm Cô Tô Mộ Dung Phục nhưng lại không “*điểm nhãn*” để con rồng ấy bay lên cõi trời cao, mà để nó từng bước, như con giun đất, lún sâu vào vũng bùn của ảo vọng hão huyền. Hình ảnh thiếu não của Mộ Dung Phục xuôi Bắc ngược Nam, lao tâm khổ tứ, dùng mọi thủ đoạn để mưu đồ phục quốc ngấm cũng đáng thương. Người đọc càng hồi hộp chờ đợi nhân vật Mộ Dung Phục xuất hiện bao nhiêu thì càng thất vọng bấy nhiêu trước những hành động của y. Đầu tiên y gia nhập đám các động chủ, đảo chủ trong Vạn tiên đại hội để cùng tấn công lên đỉnh Linh Thứu, và không ngăn ngại giết hại bao nữ thuộc hạ của cung Linh Thứu chỉ nhằm mục đích muốn tạo được mối quan hệ với đám quần hùng ô hợp

đó nhằm mưu đồ lợi dụng về sau. Khi vị tân chủ nhân của Linh Thấu cung là Hư Trúc xuất hiện, y liệu chừng tình thế không thuận lợi cho mưu đồ của mình nên phải bỏ đi. Đó là bước mở đầu cho sự sa đọa Mộ Dung Phục, về phong độ lẫn lương tri.

Tại chùa Thiếu lâm, khi thấy Tiêu Phong bị quần hùng vây hãm, nhưng chưa ai dám khiêu chiến thì y lại nhảy ra phối hợp với Du Thủ Chi và Đinh Xuân Thu để cùng đối phó với Tiêu Phong. Dù biết rõ Du Thủ Chi và Đinh Xuân Thu tuy võ công cao cường nhưng nhân cách bị tật và quần hùng khinh bỉ, và Đinh Xuân Thu đã từng giao chiến với mình, nhưng y vẫn làm điều đó cũng chỉ vì một mục đích duy nhất là lấy lòng quần hùng. Khi bị Đoàn Dự dùng Lục mạch thần kiếm đánh cho tơi tả, và chỉ thoát chết nhờ lời cầu xin của Vương Ngũ Yên, thì y lại dùng thủ đoạn đánh lén Đoàn Dự! Hình ảnh Mộ Dung Phục thâm hại với đầu tóc xổ tung, bị Tiêu Phong ném lẫn long lóc trên mặt đất đã đặt dấu gạch chéo lên hình ảnh của “*con rồng Cô Tô*” trong lòng người đọc.

Từ đó, bắt đầu cho một chuỗi việc làm thương luân bại lý của Mộ Dung Phục. Khi thấy không thể liên kết được với người của võ lâm để phục quốc thì y lại nghĩ đến việc lợi dụng sức mạnh quân sự của triều đình. Trên đường sang Tây Hạ cầu hôn, y lừa bắt Đoàn Dự ném xuống giếng vì muốn loại bỏ bớt một đối thủ. Y lại làm ngơ khi Vương Ngũ Yên lao mình xuống giếng trong cơn tuyệt vọng, vì y đã quyết tâm đặt đại nghiệp lên trên tư tình. Y không hiểu rằng *một trái tim không còn biết yêu thương sẽ biến thành ngôi nhà lý tưởng cho quỷ dữ*. Rồi ước vọng trở thành phò mã Tây Hạ cũng không thành. Mộ Dung Phục bắt đầu cơn khốn quẫn.

Khi thời gian càng trôi đi, nghĩa là cái mục tiêu phục quốc trở nên ngày càng xa hơn, thì ta thấy Mộ Dung Phục

càng thêm hoảng loạn. Con rồng đáng thương ấy ngày càng quay cuồng một cách tuyệt vọng trong cơn lốc của giấc mơ đại nghiệp. Mộ Dung Bác là kẻ thâm mưu viễn lộ, nhưng cái hào quang quá khứ của ông cha đã khiến ông trở nên mê muội, cho nên dù nước Yên là một nước quá bé, ông vẫn cứ mãi mê lao theo con đường phục quốc. Rồi ông lại đặt sứ mệnh tranh giành thiên hạ lên vai con. Mộ Dung Phục, vì áp lực nặng nề của quá khứ và vì giấc mộng làm vua, đã dần dần biến thành nạn nhân trong tham vọng chính trị mù quáng của tổ tiên, mà kết cục thảm bại đã bày ra trước mắt. Ai cũng hiểu được điều đó trừ cha con họ Mộ Dung. Kẻ có tài năng nhưng cuồng vọng tự mãn và mê muội bởi quyền lực, một khi đã quyết tâm thực hiện điều gì thì vào những phút cuối cùng họ sẽ không ngần ngại dùng mọi thủ đoạn để đạt được mục đích, nhất là lúc linh cảm được “*quỹ thời gian*” đang từng lúc cạn dần. Cho nên, dù Mộ Dung Bác đã bùng tỉnh cơn mê “*trục lộc*” để quy y cửa Phật, nhưng “*lực quán tính*” của giấc mộng đế vương vẫn cứ kéo Mộ Dung Phục tiếp tục trượt dài trên con đường sa đọa.

Giây phút hoảng loạn nhất của Mộ Dung Phục là lúc y dùng áp lực để cầu xin Đoàn Diên Khánh nhận y làm nghĩa tử. Y giết tất cả các nhân tình của Đoàn Chính Thuần để gây áp lực, buộc vị vương tử đa tình này nhường ngôi nước Đại Lý đã là việc làm bại hoại và quá ư tàn nhẫn, nhưng chỗ sa đọa cùng cực của Mộ Dung Phục về nhân cách, đạo đức lẫn suy tư là hành động giết Bao Bất Đồng, một thuộc hạ suốt đời tận tụy trung thành với dòng họ Mộ Dung. Một đại ma đầu ban lãnh như Đoàn Diên Khánh làm gì không nhận ra dã tâm của Mộ Dung Phục, cần gì Bao Bất Đồng phải nói ra những điều bất hiếu, bất trung bất nghĩa của y? Cầu xin ân huệ bằng áp lực, trong khi điều cầu xin là quan hệ thiêng

liêng giữa cha con, quả là điều quá buồn cười, nếu không nói là ngu xuẩn. Mộ Dung Phục vẫn làm điều đó không phải vì y bất trí mà chỉ vì cuồng quẩn trong giấc mộng đế vương, khi thấy mọi nỗ lực đều thất bại.

“Lòng trần còn tơ vương khanh tướng, thì đường đời mưa bay gió cuốn còn nhiều ...”. (Chiều mưa biên giới– Nguyễn Văn Đông). Khi viết đến những dòng này, tôi chợt nhớ đến những lời ca đó. Nếu để Mộ Dung Phục chịu đựng bao cảnh ma chiết của “đường đời mưa bay gió cuốn” và chết đi trong giấc mơ phục quốc, thì dù sao cái “Lòng trần còn tơ vương khanh tướng” đó cũng còn có điểm đáng cảm thông; đằng này Kim Dung lại tàn nhẫn để y biến thành “hoàng đế” sống hoang tưởng trong cơn mộng đế vương hư ảo với y phục của phượng tuồng, quần thần là đám trẻ con chạy theo xin bánh kẹo, còn “triều đình” thì được dựng lên nơi nghĩa địa. Đó là tất cả những gì còn lại của “con rồng vô lâm” do Kim Dung sáng tạo ra nhưng lại không “điểm nhãn”!

NAM LAN: BẾN BỜ ẢO VỌNG

Không tìm thấy thỏa mãn trong cuộc sống gia đình, khao khát đi tìm một bến bờ hạnh phúc, để rồi cuối cùng đối diện với thực tế trần trụi của đời thường khiến trái tim thêm tan nát, đó là bi kịch của biết bao phụ nữ xưa nay, trong văn học và giữa đời thường.

Nàng Anna Karenina, nhân vật nữ trong tiểu thuyết cùng tên của văn hào Nga Leo Tolstoy, vì thấy cuộc sống gia đình quá ngọt nhạt, quyết tâm vứt bỏ tất cả: chồng con, tài sản, danh dự để lao vào vòng tay của anh chàng kỵ binh điển trai Vronsky; những tưởng sẽ tìm thấy phương trời bao la của mộng tưởng, cuối cùng phải kết thúc đời mình dưới cỗ máy xe hỏa. Nàng Emma, nhân vật chính trong tiểu thuyết *Madame Bovary* (bà Bovary) của nhà văn Pháp Flaubert, khi sống với chồng là bác sĩ Bovary, chỉ thấy sự nghèo nàn đơn điệu của cuộc sống ở tỉnh lẻ bên cạnh ông chồng cổ hủ. Do đọc những tiểu thuyết lãng mạn rẻ tiền, tâm hồn nàng cứ mãi mơ hồ cảm thấy một khát vọng huyền bí muốn vươn đến một thiên đường mộng tưởng. Từ đó, nàng chối bỏ gia đình để chạy theo tiếng gọi của tình yêu, với hai tên đào mỏ Rodolphe và Léon. Những món tiền nợ, do những chuỗi ngày sống mãi mê trong ảo tưởng hạnh phúc, ngày càng chồng chất, và cuối cùng trong cơn tuyệt vọng khốn quẫn,

nàng kết liễu đời mình bằng thuốc độc với cái chết cực kỳ đau đớn.

Có thể Kim Dung đã dựa vào hai nhân vật trên để xây dựng nên nhân vật Nam Lan trong *Phi Hồ Ngoại Truyện*. Nam Lan là ái nữ của vị quan Nam Nhân Thông. Cha nàng, để rộng đường thăng quan tiến chức, trên đường đến kinh đô có mang theo thanh *Lãnh nguyệt bảo đao*, mà giới giang hồ đang thèm khát, làm quà tặng cho quan trên. Tài năng hèn kém mà cứ mang bảo vật, ấy chính là điềm báo của họa sát thân. Bọn cướp đã chặn đường giết chết người cha và toan làm nhục người con gái. Chính lúc đó, Miêu Nhân Phượng xuất hiện và giải cứu được Nam Lan. Không biết tự bao giờ, ở phương Đông, những người con gái cô thân, khi được giải thoát khỏi cảnh nguy khốn, luôn nghĩ đến chuyện gả nghĩa cùng ân nhân như để biểu hiện tấm lòng muốn đền ơn đáp nghĩa. Kiều Nguyệt Nga, khi được Lục Vân Tiên cứu thoát khỏi tay bọn cướp Phong Lai, đã nghĩ ngay Lục Vân Tiên sẽ là người mà nàng sẽ trao thân gởi phận. Đó cũng là trường hợp của Nam Lan. Cha mất, một thân một mình bơ vơ giữa nơi đất khách quê người, thêm vào đó nàng phải hút nọc độc trên người Miêu Nhân Phượng, tất cả điều đó mở ra trước mặt nàng con đường duy nhất là tự nguyện làm người nâng khăn sửa túi cho Miêu Nhân Phượng. Cũng chính từ đó mà bi kịch khởi đầu.

Miêu Nhân Phượng có ngoại hiệu “*Đả biến thiên hạ vô địch thủ Kim diên Phật*” (vị Phật mặt vàng đánh khắp thiên hạ mà không có địch thủ). Miêu Nhân Phượng vô cùng thương yêu vợ con nhưng bản tính lắm lý ít nói, suốt ngày chỉ đam mê nghiên cứu võ công. Nếu Tiêu Phong vì đam mê võ công và rượu mà tai họa giáng xuống đời, thì Miêu Nhân Phượng vì đam mê võ công mà gia đình tan nát. Giá

như Nam Lan là một người trong chốn giang hồ thì nàng sẽ vô cùng kiêu hãnh được làm vợ Miêu Nhân Phượng, một cao thủ tuyệt đỉnh đương thời. Buồn thay, nàng chỉ là một thiên kim tiểu thư từ bé chỉ quen sống trong phong gác rủ là. Cả đời nàng chưa dám giết con sâu cái kiến, cho nên cõi giang hồ đầy những tranh chấp đâm máu đối với nàng là một thế giới hãi hùng. Nàng chỉ muốn sống một đời êm ấm “*bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ*”, trong đó vợ chồng sẽ cùng nhau xướng họa thật ý hợp tâm đầu. Hai con người có nhân sinh quan và tính chất hoàn toàn khác biệt mà định mệnh buộc họ phải sống mãi với nhau thì quả là thảm kịch. Trong những nỗi khổ trong đời được Phật giáo liệt kê có “*Tăng oán hội khổ*” (nỗi khổ do không ưa thích nhau, oán hận nhau mà vẫn phải chung sống gần gũi nhau). Đó cũng là nỗi khổ thường tình của biết bao nhiêu con người giữa nhân gian. Những rạn nứt trong lòng nàng ngày thêm trầm trọng, cho đến khi đứa con gái xinh xắn Miêu Nhược Lan đã ra đời. Nàng cứ âm thầm khao khát một sự cảm thông dịu dàng. Dưới mắt nàng, vị ân nhân anh hùng ngày xưa chỉ còn là một gã võ phu thô lỗ, chỉ biết mê muội với võ công mà không hề quan tâm đến những khao khát thầm kín và tế nhị trong tâm hồn phụ nữ. Nếu Thượng Đế ban cho ta một trái tim nhạy cảm để ta tìm thấy hạnh phúc ngọt ngào trong những rung động tinh tế nhất, thì trái tim đó cũng thường là cơn lốc vô tình cuốn ta vào những khổ lụy đam mê. Đúng lúc đó thì Điền Quy Nông đến thăm Miêu Nhân Phượng.

Trong tiểu thuyết Kim Dung vẫn thường có nhiều chi tiết trở trêu rất buồn cười. Trong Hiệp khách hành, Thạch Trung Ngọc và Thạch Trung Kiên đều là con ruột của Thạch Thanh và Mẫn Nhu. Trung Kiên bị Mai Phương Cô bắt cóc đem về đày đoạ thành đứa trẻ lang thang đầu đường xó chợ nhưng lại

trở thành một người đôn hậu, hào hiệp. Trung Ngọc được sự giáo huấn đầy đủ của sư môn thì trở thành một kẻ lưu manh giảo quyệt. Miêu Nhân Phượng thì thô lỗ cục mịch như anh nông dân, chẳng có chút gì là “phượng” cả; còn Điền Quy Nông thì phong tư tuấn nhã như loài lân phượng, hoàn toàn khác hẳn với chữ “nông”. Như một kẻ lữ hành cô độc giữa sa mạc gặp được ốc đảo, Nam Lan tìm thấy nơi phong cách ngọt ngào quyến rũ của Điền Quy Nông cả một giấc mộng thiên đường. Nàng thầm trách con tạo sao trở trêu không để cho người cứu mình là Điền Quy Nông, mà lại là Miêu Nhân Phượng. Đến một buổi chiều kia, khi Điền Quy Nông cài lên tóc nàng một cành thoa lông lánh là nàng quyết định dứt bỏ tất cả để trốn theo Điền Quy Nông. Nàng bỏ cả đứa con gái Miêu Nhược Lan, chỉ vì nó là con của Miêu Nhân Phượng chứ không phải là con của Điền Quy Nông!

Khi Miêu Nhân Phượng dẫn con gái đi tìm và gặp nàng cùng Điền Quy Nông tại Thương gia bảo, thì nàng vẫn ngoảnh mặt đi khi Miêu Nhược Lan đòi mẹ bé. Ngạn ngữ Ấn Độ nói: *“Thượng đế không thể hóa thân khắp mọi nơi, nên Ngài phải phải tạo ra những người Mẹ để thay thế cho Ngài”*. Chi tiết kinh người này đủ để Thượng đế phải hổ thẹn khi đã tạo ra trái tim của những người phụ nữ cuồng si! Chỉ có chú bé Hồ Phỉ lên tiếng thóa mạ, có lẽ vì chú cảm thông được nỗi đau khổ vô ngần của đứa bé gái kia khi bị người mẹ làm ngơ. Những người mẹ nào chỉ vì hạnh phúc bản thân mà quay lưng với con ruột của mình, như Anna Karenina và Nam Lan, đều là những người mang tang tóc đến tâm hồn trẻ thơ.

Cách lý giải duy nhất để chúng ta cảm thông là, cũng như Karenina, Nam Lan đã thực sự tìm ra hạnh phúc. Và như thế, mọi sự chỉ mới bắt đầu với tất cả vẻ nguyên vẹn tinh khôi. Với nàng, một phương trời lồng lộng đang mở ra trong ánh

dương rực sáng. Thế nhưng với những tâm hồn quá ư lãng mạn thì hôn nhân, cùng những ràng buộc thực tế của đời thường, vẫn luôn luôn đặt dấu chấm hết cho bài thơ hạnh phúc. Sống bên cạnh Điền Quy Nông, cuộc sống đơn điệu của gia đình bắt đầu nhuộm màu tẻ nhạt, khi sự háo hức bỗng bột ban đầu đã lắng xuống. Tệ hại hơn, do lo sợ Miêu Nhân Phượng một ngày nào đó sẽ tìm đến trả thù, Điền Quy Nông phải lơ là không chăm sóc đến nàng để rèn luyện võ công. Vậy là dưới mắt nàng, Điền Quy Nông lại trở thành một Miêu Nhân Phượng. Dĩ vãng lại bắt đầu! Phương trời tưởng ngập tràn hoa nắng, mà vì nó nàng đã vứt bỏ tất cả để tìm tới, té ra vẫn mang những sắc màu ảm đạm. “*Lô sơn yên tỏa Triết giang triều, vị đáo bình sinh hận bất tiêu, đáo đắc hoàn lai vô biệt sự, Lô sơn yên tỏa Triết giang triều*” (Tô Đông Pha) (non Lô sông Triết khói mơ màng, chưa đến bình sinh hận chưa tan, tìm đến lại về đâu thấy khác, non Lô sông Triết khói mơ màng)¹.

Kim Dung không để Nam Lan đi vào kết cục bi thương của Karenina hay Emma, nhưng chi tiết nàng giúp Hồ Phi tìm được thanh *Lãnh nguyệt bảo đao* để đánh bại Điền Quy Nông cho thấy sự thất vọng cùng cực trong lòng nàng. Hạnh phúc trần gian chỉ có thể là cái mà chúng ta tìm ra trong buồn thương và khắc khoải, trong chấp nhận và hy sinh chứ không phải trong ước mơ và mộng tưởng. Nào Triết giang rì rào, nào non Lô sương khói cũng chỉ là cảnh đời thường qua cái nhìn huyền hoặc của tình yêu. Có lẽ mọi bến bờ khát vọng đối với nàng đều trở thành ảo vọng. Hạnh phúc nhiều khi ở trong tầm tay với, ta vô tình nên hạnh phúc bỗng xa xôi. Với Nam Lan, có lẽ hạnh phúc chỉ là sợi khói bay ảo mù cuối

¹ Đây là bài thơ tương truyền là của Tô Đông Pha, thịnh hành trong giới Thiền tông.

chân trời viễn mộng mà suốt đời nàng không sao đến được.
Và suốt đời, nàng sẽ cứ mãi đi tìm.

Tìm xa vắng bên kia bờ đố vỡ

Dòng sông đâu em có biết ngọn nguồn

(Bùi Giáng)

Rồi những Nam Lan sẽ tìm được gì trong "xa vắng bên kia bờ đố vỡ"? Nhạc sĩ Vũ Thành An có một câu hát đủ khiến cho nữ nhi phải rơi lệ mà nam nhi phải động tâm: "Đời con gái cũng cần dĩ vãng, mà em tôi chỉ còn tương lai". Còn biết bao nhiêu người con gái, như Nam Lan, không thỏa mãn với dĩ vãng và hiện tại, mà cứ mãi khát khao hạnh phúc nơi những phương trời ảo vọng, và cứ mãi đi tìm cuộc đời ở bờ bên tương lai?

ĐỊCH VÂN: KẺ LỮ HÀNH CÔ ĐỘC

Chịu đựng sự khổ đau, trong tâm hồn lẫn thân xác, là điều chúng ta không thể nào tránh khỏi giữa cõi đời. Nhưng nếu thân tâm đều mang bệnh mà được sống trong sự thương yêu và thông cảm của người thân thì con người vẫn tìm thấy được niềm an ủi. Điều đó sẽ giúp họ chịu đựng để chiến đấu và chiến thắng. Điều kinh khủng nhất là thân xác bị tàn phế, lại phải chịu đựng nhiều nỗi oan ức không thể biện bạch, bị vu hãm vào chốn lao tù, người thân nghi ngờ, xã hội khinh bỉ, không bạn bè, không người thân thích, không nhà không cửa, trở trối một mình; đó là cảnh ngộ thê thảm của Dịch Vân trong *Liên thành quyết*.

Kim Dung quả đã có một bước đi táo bạo khi xây dựng nhân vật Dịch Vân. Đó là một anh nông dân khù khờ chân chất, cục mịch thô lỗ phải chịu bao thảm cảnh trần gian, hoàn toàn không có một chút ưu điểm gì để người đọc có thể trông đợi từ “*người hùng*” trong tiểu thuyết võ hiệp, cho dẫu là bản chất quý quyết lưu manh của một Vi Tiểu Bảo! Đó thực sự là hình ảnh thuần túy của một “*Hai Lúa vô lâm*”.

Dịch Vân mồ côi từ bé, được sư phụ là Thích Trường Phát nuôi dưỡng. Anh chàng nông dân khù khờ này sống hồn nhiên bên cạnh cô sư muội xinh đẹp Thích Phương. Cuộc sống sẽ êm ả trôi bên bờ tre đồng lúa, nếu như không

có chuyện một ngày kia Dịch Vân phải theo sư phụ và sư muội đến thăm sư bá Vạn Chấn Sơn, một đại gia chốn kinh sư. Từ đó thăm họa liên tục đổ xuống đời anh ta.

Chốn phồn hoa đô hội vẫn luôn tiềm ẩn vô vàn hiểm họa đối với biết bao con người chân chất một lần bước ra khỏi lũy tre xanh. Nếu như cô thôn nữ của Nguyễn Bính: *"Hôm qua em đi tỉnh về, hương đồng gió nội bay đi ít nhiều"*, thì Thích Phương lại khác, cô vẫn hồn nhiên chân chất, nhưng lại là nguyên nhân gây thảm họa cho vị sư huynh.

Làm một anh nông dân cục mịch xấu xí lại dẫn một cô tiểu sư muội xinh đẹp thuở thanh mai trúc mã vào chôn kinh đô, thì có khác gì một đứa bé cầm vàng ròng đi vào giữa chợ. Không bị đánh cắp ắt sẽ bị trấn lột. Cũng không thể trách được cuộc đời. Cái cảnh cô thôn nữ xinh như đoá hoa đồng nội cứ xoắn xít bên anh "Hai Lúa" đã gây chú ý cho nhóm đệ tử của Vạn Chấn Sơn. Khi thấy một cô gái xinh đẹp sánh đôi với một anh chàng cục mịch, trong thâm tâm mọi người lại thấy uống phỉ (!). Đó là một suy nghĩ rất đỗi quái dị, nhưng lại được xem là bình thường ở con người. Sao lại *"uống"*, nếu như họ thực sự tìm ra *"một nửa"* của nhau? Làm như chỉ có những kẻ lăm tiền nhiều của và có thế lực mới *"xứng đáng"* với các cô gái đẹp kia. Đó cũng là suy nghĩ của gia đình Vạn Chấn Sơn. Sau khi ám toán Thích Trường Phát, bọn chúng bày ra một màn kịch vu cáo cho Dịch Vân tội hiệp dâm và ăn cắp. Chú cừu non sục bầy một cách dễ dàng, bởi lẽ tâm hồn chất phác của anh ta không bao giờ hình dung nổi trên đời lại có người tìm cách hãm hại nhau!

Dịch Vân bị chặt đứt một bàn tay để *"cảnh cáo"* và bị tống vào nhà lao; chưa hết bàng hoàng thì anh ta lại thường xuyên bị một bạn tù tên Đinh Điển vô cớ đánh đập tàn nhẫn. Đứng là bồng dung gánh chịu thảm cảnh bởi hồng nhan. Không

hiếu tự bao giờ, trên trái đất này, từ đông sang tây, nhân loại bỗng đứng đồng loạt thi nhau lên án phụ nữ, xem như đó là nguồn gốc của mọi tai ương. Ở Hy Lạp, là câu chuyện về cái hộp Pandora¹. Trong Kinh Thánh là chuyện bà E-va. Ở Trung Quốc là quan niệm “*hồng nhan họa thủy*” (đàn bà đem lại tai họa như nước làm chìm đắm con người)! Có “đức” để có người đẹp, nhưng không có “tài” để giữ người đẹp đến nỗi phải mang họa vào thân, lại đổ tội cho “*hồng nhan họa thủy*”; người phương Đông quả quá khắt khe đối với khách má hồng. Nguyễn Du có câu thơ vịnh Dương Quý Phi chan chứa sự cảm thông: “*Tự thị cử triều không lập trượng, uống giao thiên cổ tội khuynh thành*” (do cả triều đình đều đứng phỗng, ngàn năm nhan sắc chịu oan khiên). Đó là sự cảm thông của một tâm hồn lớn đối với một dung nhan khuynh quốc.

Dù sống trong cảnh đọa đày, Dịch Vân vẫn tin rằng vị sự muội mình sẽ hiểu và cảm thông. Niềm hy vọng của “*cái hộp Pandore*” dù hư ảo đi nữa thì vẫn có tác dụng giúp con người chịu đựng trong cảnh khổ đau. Cho đến khi nhận được bánh cưới của Thích Phương với con trai Vạn Chấn Sơn thì Dịch Vân mới thực sự tuyệt vọng. Dường như Shakespeare có nói: “*Kẻ đau khổ nhất là kẻ hạnh phúc nhất, bởi vì trên đời này không*

¹ Pandora là người phụ nữ đầu tiên trên trái đất do vị thần thợ rèn Hephaestus sáng tạo ra theo lời yêu cầu của vương thần Zeus, nhằm mục đích để trả thù chuyện thần Prometheus đã dám ăn trộm lửa đem tặng cho con người. Chư thần tập trung và ban cho nàng vẻ đẹp kiêu mị, và đức hạnh vẹn toàn. Chư thần tặng cho nàng một cái hộp xinh xắn và căn dặn nàng không bao giờ được mở ra. Pandore được gởi tới làm vợ Epimetheus, là anh của thần Prometheus. Ban đầu nàng làm đúng lời dặn, nhưng về sau, tính tò mò của phụ nữ đã thắng, nàng mở thử ra chiếc hộp bí ẩn kia ra xem thử. Thế là bao nhiêu tai ương dịch bệnh, phiền não khổ đau từ trong chiếc hộp bay ra khắp mọi nơi trên trái đất. Nàng hoảng hốt đóng chiếc hộp lại thì hơi ối, cái tốt đẹp duy nhất trong chiếc hộp đó lại bị nhốt kín mãi mãi với con người: đó là Hy Vọng! Từ đó con người phải luôn luôn sống trong đau khổ và cứ mãi mãi đợi chờ Hy Vọng

còn gì có thể làm cho y đau khổ nữa”. Nhưng đó chỉ có thể là cách nhìn của những bậc đạt ngộ hiểu thấu chân tướng của trần gian; còn đối với hầu hết những ai mang bản chất yếu đuối của con người, khi cuộc sống là cơn bệnh nan y vô phương cứu chữa thì cái chết vẫn là vị lương y đem lại liều thuốc giải thoát tốt nhất! Dịch Vân cũng vậy, trong cơn khốn quẫn, anh ta đã tự tử; nhưng Đinh Điển lại cứu thoát vì nhận ra được bản chất chân thật của Dịch Vân. Cũng chính nhờ Đinh Điển mà Dịch Vân hiểu ra âm mưu cha con Vạn Chấn Sơn và mặt trái nham hiểm của Thích Trường Phát, vị sư phụ mà anh ta hằng tôn kính. Cuộc sống với “lắm nỗi lạ lùng khắt khe” bắt đầu mở ra trước mắt anh ta những hang hố đen ngòm, khác biệt bao với cảnh đời êm đềm bình dị với làng quê, đồng lúa ngày xưa.

Đinh Điển bị ám toán chết sau khi cùng Dịch Vân vượt ngục. Cái chết của người thân cuối cùng trên cõi đời, mà anh ta coi như kim chỉ nam đời mình, đã khiến cho Dịch Vân thực sự mất tất cả, hoàn toàn không còn một điểm tựa nào, “*sans everything*” (Shakespeare – *As You Like It*, Act II, Scence VII, 165). Ôm xác Đinh Điển đi trốn, Dịch Vân lại rơi vào tay tên ác tăng Bảo Tượng của Huyết Dao môn – một tông phái Tây Tạng bị giang hồ nguyên rủa vì những hành vi tàn ác và đồi bại. Bảo Tượng chết, anh mặc áo choàng của Bảo Tượng để che thân thì bị nhận lầm là tên “*tiểu dâm tăng*”. Lúc sắp bị đánh chết thì chuông môn phái Huyết Dao là Huyết Dao lão tổ, tưởng anh ta là môn đồ của bản phái, cứu thoát và bắt cóc luôn cô nàng Thủy Sinh xinh đẹp của nhóm Linh Kiếm song hiệp đem đi. Đi theo Huyết Dao lão tổ thì mặc nhiên xác nhận mình là môn đồ của Huyết Dao môn, còn ở lại thì bị giết chết. Bản năng sinh tồn vẫn thắng, nên Dịch Vân đành đi theo Huyết Dao lão tổ. Thế là tự nhiên Dịch Vân trở thành một tên tiểu dâm tăng mà không có cách gì biện

bạch được. Đôi khi chúng ta cũng gặp những hoàn cảnh ngộ nhận trở trêu như thế trong đời. Mở miệng giải bày thì không được, mà để trong lòng lại ray rức khổ đau. Nên đôi khi cứ đành phó mặc cho dòng đời, để thời gian đem lại lời giải đáp. Nhưng gẫm ra thì đối với Dịch Vân sự ngộ nhận của những người lạ kia nào có nghĩa lý gì so với sự ngộ nhận của Thích Phương? Người lạ ngộ nhận ta, ta chỉ tức tối bực mình; còn người thân ngộ nhận mới thực sự là nỗi khổ.

Khi cùng Huyết Dao lão tổ và Thủy Sinh bị bao vây trong núi tuyết, Dịch Vân lại càng thêm mất niềm tin vào cuộc sống khi chứng kiến sự đê hèn của Hoa Thiết Can. Một kẻ mang thân phận danh sĩ trên chốn giang hồ, đứng hàng thứ hai trong nhóm “*Lạc Hoa Lưu Thủy*” được nhiều người ngưỡng mộ, vậy mà khi đối diện với cái chết lại bộc lộ hết bản chất thô bỉ của một nhân vật đầy danh vọng. Kim Dung vẫn thường có những khám phá bất ngờ khi mở ra, trong những góc ngách u tối của chiều sâu tâm lý nhân vật, những điều mà ta chỉ thường gặp khi đọc Dostoevski hoặc Shakespeare.

Càng ngày, Thủy Sinh lại phát hiện tên “*tiểu dâm tăng*” cục mịch kia là một người thuần hậu, còn Hoa Thiết Can – người anh kết nghĩa của cha nàng – chỉ là một kẻ bỉ ổi tâng tận lương tâm. Khi tuyết tan, Hoa Thiết Can đã nhanh chóng dẫn quần hùng vào hang đá để tìm giết hai kẻ “*gian phu dâm phụ*” kia, hòng che dấu những việc làm ti bỉ của mình. Y đã đánh một đòn tâm lý sâu sắc là bịa đặt những điều như bản để vu cáo Thủy Sinh trước khi nàng kịp mở miệng. Khi người ta đã có định kiến về một người rồi thì tiếng nói của người ấy sẽ không còn giá trị nữa. Đây cũng là một chiến thuật mà các luật sư trong tác phẩm của Dostoevski hay dùng để “*khóa miệng*” các nhân chứng trước tòa. Ai còn thêm nghe anh nữa khi mà nhân cách anh đã “*có vấn đề*”?

Tên lưu manh Hoa Thiết Can trở thành người hùng. Thủy Sinh lại bị mọi người khinh bỉ, người yêu ngò vức. Thị phi trong cuộc sống lắm khi bị đảo lộn, trắng đen bị đánh tráo mà con người, do ngu dốt hoặc bị bưng bít, vẫn cứ vô tình chấp nhận. Khi quay về quê nhà, Dịch Vân lại có dịp hiểu thêm bao sự thật phũ phàng nữa về sư phụ và các vị sư bá. Cả ba đều là những tên học trò tham lam bất nghĩa, vì hám lợi đã âm mưu giết thầy để đoạt Liên thành quyết. Anh muốn giết Vạn Khuê để trả thù nhưng lại không nỡ. Thích Phương lại bị Vạn Khuê giết chết, bỏ lại cô bé Không Tâm Thái. Dịch Vân càng kinh hoàng hơn khi chứng kiến cảnh từ khách giang hồ đến tri thức, từ bọn phú hào đến quan lại đều điên cuồng cấu xé, chém giết nhau để tranh giành pho tượng Phật bằng vàng. Thích Trường Phát ám toán Dịch Vân nhưng không thành vì y không tin rằng trên đời lại có người không cuồng điên vì châu báu; để rồi y cũng chết theo những người khác vì chất độc tro phong tượng Phật. Vàng và Máu. Ở cái thế gian điên đảo này thì hai từ đó sẽ mãi mãi đi chung.

Sống trong một xã hội mà tri thức thì thô bỉ, kẻ có tiền của thì lưu manh, quan lại thì tham lam, thầy tu thì dâm dăng, sư phụ thì lọc lừa thủ đoạn, anh chàng “Hai Lúa” Dịch Vân chỉ là một kẻ lữ hành cô độc. Anh không thể hiểu nổi và hòa nhập nổi vào cái thế giới đó, cũng như anh chàng Charlot đôn hậu cứ mãi mãi đứng bên lề của xã hội công nghiệp tất bật chỉ biết tôn vinh vật chất. Tâm hồn chất phác của Dịch Vân sẽ mãi mãi ngơ ngàng trước những tấn tuồng nhơ bẩn của cuộc đời. Người nông dân phương Đông vẫn luôn mang tâm hồn đôn hậu chất phác mà sống giữa cõi tự nhiên. Điều đáng buồn cười là nền đạo lý – mà chúng ta thường dùng ngôn ngữ bác học để nghiên cứu, và trịnh trọng tranh biện nhau hòng khoe khoang kiến thức – lại chỉ được gìn giữ bởi

những người dân quê hiền lành ít học. Nếu không có những người mà chúng ta gọi là “*nhà quê*”, là “*Hai Lúa*” đó, thì nền đạo lý con người sẽ có nguy cơ bị đổ vỡ bởi thói ma mãnh trong cuộc sống “*văn minh*”.

Tất cả đều đổ vỡ tan hoang trong hồn anh “*Hai Lúa*” Dịch Vân. Sau khi hợp táng nắm tro của Đinh Diễm vào nắm mộ Lăng Sương Hoa để hoàn thành tâm nguyện của một cặp Romeo và Juliette phương Đông, Dịch Vân quyết định dẫn bé Không Tâm Thái quay về hang núi cũ để làm lại cuộc đời mới, như anh nông dân Giảng Văn–giảng dẫn cô bé Cò–dét đi trốn, trong “*Những người khốn khổ*” của Hugo. Trái tim thuần lương của anh không tìm ra chỗ trú giữa một xã hội đề tiện và bẩn thỉu. Giữa những cảnh lọc lừa thủ đoạn được che đậy dưới lớp áo phù hoa, sự ngây ngô chân chất của Dịch Vân nổi bật lên như sự tương phản gay gắt trong một bức tranh biếm họa. Điều bất ngờ nhất và cảm động nhất là khi quay về chỗ cũ, Dịch Vân được bỗng gặp lại Thủy Sinh đang đứng chờ ngoài cửa động, cười mà nói: “*Ngã đẳng liễu nễ giá ma cứu! Ngã tri đạo nễ chung vu hội hồi lai đích*” 我等了你這麼久! 我知道你終于會回來的 (Muội chờ đại ca ở đây đã lâu rồi! Muội biết thế nào đại ca cũng trở lại mà). Ất hẳn khi cùng đoàn người quay về, Thủy Sinh cũng đã phải đối đầu với bao sự ngộ nhận, và ắt hẳn sự thô bỉ của những người mà nàng tôn kính đã đẩy nàng vào sự cô độc. Có lẽ trong tâm trạng đó Thủy Sinh mới thông cảm thêm sự cô độc của Dịch Vân. Và nàng hiểu rằng những con người biết tự trọng như nàng hoặc những người đôn hậu như Dịch Vân sẽ không bao giờ có thể tìm thấy hạnh phúc trong một xã hội tồn tại trên lọc lừa và man trá. Những lời nói đơn giản mà thấm thiết của Thủy Sinh đã kết thúc tác phẩm, nhưng nó lại mở ra một chân trời bao la cho kẻ lữ hành cô độc.

TRƯỜNG VÔ KỶ VÀ GIẤC MƠ THỐNG NHẤT CỦA KIM DUNG

Cõi giang hồ trong tác phẩm Kim Dung có thể được xem như một thế giới thu nhỏ, mà sự tồn tại, vận động và diễn biến của nó, ở một bình diện nào đó, đều được phóng chiếu từ những quy luật lịch sử. Tranh bá xưng hùng, mưu toan thống nhất giang hồ, khát vọng làm võ lâm chí tôn. Danh vọng và quyền lực cứ mãi cuốn các cao thủ võ lâm vào cơn lốc cuồng bạo của lịch sử. Thịnh thoảng có một môn phái lạ nổi lên hoặc một nhân vật tuần kiệt đột nhiên quật khởi, làm xáo động giang hồ và đem lại cho võ lâm những trận cuồng phong mới. Từ bối cảnh đó cũng nảy sinh ra ước mơ một giang hồ hết cảnh can qua. Hoặc bằng bạo lực và thủ đoạn. Hoặc bằng chân tâm và bản lĩnh.

Người Trung Quốc thường nhìn lịch sử như là những biến cố chuyển động hình sin, cứ tuần hoàn theo chu kỳ: định loạn, ly hợp, tụ tán, thịnh suy. Điều này thường được nhìn rất rõ trong các loại tiểu thuyết chương hồi. Tam Quốc Chí mở đầu bằng đoạn: *“Thoại thuyết thiên hạ đại thế, phân cửu tắc hợp, hợp cửu tắc phân. Chu mạt thất quốc phân tranh, tịnh nhập vu Tần. Cập Tần diệt chi hậu, Sở Hán phân tranh hựu tịnh nhập vu Hán. Hán triều tự Cao Tổ trăm xà nhi khởi nghĩa, nhất thống thiên hạ; hậu lai Quang Vũ trùng hưng truyền chí*

Hiến Đế, toại phân vi tam quốc.” (Nói về đại thế trong thiên hạ phân chia lâu tác hợp lại, hợp lại lâu tác phân chia. Cuối đời Chu, bảy nước tranh hùng, bị Tần thôn tóm. Sau khi Tần bị diệt, Hán Sở phân tranh, thiên hạ lại về với Hán. Từ khi Hán Cao Tổ chém rắn khởi nghĩa, nhất thống thiên hạ, đến đời Quang Vũ lại trùng hưng nhà Hán, truyền đến Hiến Đế lại chia thành ba nước)

Lịch sử cứ thế mà diễn tiến. Thống nhất và ly loạn. Chiến tranh và hòa bình. Hai mặt đối lập đó cứ đan xen nhau mãi để thúc đẩy dòng chảy của lịch sử. Thống nhất thiên hạ cũng là ước mơ của bao kẻ hùng tài đại lược có tài kinh bang tái thế, tự cổ chí kim. Tần Thủy Hoàng bình định sáu nước, mở đầu công cuộc thống nhất Trung Quốc kể từ khi nhà Chu suy vong. Nhưng máu đã đổ quá nhiều. Biết bao nhiêu âm mưu thủ đoạn đã diễn ra, biết bao nhiêu xác người đã ngã xuống, biết bao nhiêu chất xám đã tổn hao để dệt nên bức tranh thống nhất đẫm máu cuối thời Chiến Quốc. *Lục vương tất, tứ hải nhất* (Sáu vua chấm dứt, bốn biển thống nhất – A Phòng cung phú – Đỗ Mục). Thế là nguy cơ của các quốc gia đối địch không còn. Tất cả mọi binh khí được thu hết, đem nấu để đúc thành chuông, đỉnh. Thế là nguy cơ binh khí không còn. Những tường can qua sẽ vì thế mà chấm dứt vĩnh viễn, thiên hạ sẽ bình yên, và nhà Tần sẽ cai trị đến thiên thu. Đâu hay chỉ vài năm, sau khi Tần Thủy Hoàng băng hà, thiên hạ lại đại loạn và thuộc về nhà Hán. Những kẻ hùng tài muốn dùng ý chí để điều khiển sự vận động của lịch sử vẫn không hiểu được rằng có một trật tự kì lạ luôn được tái lập giữa sự hỗn loạn. Lịch sử vẫn luôn trôi chảy theo con đường đi của nó và cứ âm thầm tái lập những giá trị giữa những mưu toan hùng bá của con người. Giấc mơ thống nhất châu Âu của Napoléon đã tan theo bọt sóng ngoài đảo Saint Hélène.

Viễn tượng để chế ngàn năm của Tần Thủy Hoàng đã cháy thành tro trong ngọn lửa đốt cung A Phòng và trong cảnh tan hoang của cửa quan Hàm Cốc.

Người ta mới thấy rằng lịch sử vẫn luôn lớn hơn ý chí và tham vọng của con người. Để thiên hạ thực sự thái bình thì không thể chỉ đơn thuần dựa vào bạo lực để trấn áp tất cả các lực lượng đối nghịch, mà phải có người một mẫu người lý tưởng dùng đức để cảm hóa thì mới có thể cứ ung dung “*thông tay mà trị yên thiên hạ*”. Truyền thống Trung Quốc cho rằng chỉ có bậc “*thánh nhân*” như Nghiêu Thuấn mới làm được điều đó. Nghiêu thì đại từ, Thuấn thì đại hiếu, tấm lòng từ hiếu của họ đã cảm động được cả đất trời, nên dễ dàng cảm động được lòng người. Trang Tử gọi đó là bậc “*nội thánh ngoại vương*” (trong có thể làm thánh, mà ngoài có thể làm vua).

Sự yên tĩnh trong lịch sử thường chỉ như sự cân bằng tạm thời của một quả trứng được đặt dựng đứng trên một mặt phẳng nghiêng. Phải mất nhiều công sức mới làm được điều đó, nhưng sự cân bằng đó lại quá mong manh. Chỉ một cơn gió nhẹ là nó sẽ đổ nhào ngay, và tiếp tục lăn lông lốc. Trong suốt dòng chảy của lịch sử Trung Quốc thời phong kiến, người ta vẫn luôn mơ đến một Nghiêu Thuấn với viễn cảnh thiên hạ thống nhất. Đó phải là mẫu người nhân hậu khoan dung và tổng hợp được mọi cái hay, cái giỏi của mọi người khác. Tài phải đủ để thiên hạ bội phục, và đức phải thừa để thiên hạ nghiêng mình. Vua Thuấn mô côi mẹ, cha là Cổ Tẩu lấy vợ khác. Mẹ ghẻ cùng em đời sau là Tượng rất hung ác, tìm mọi cách để giết vua Thuấn. Mẹ ghẻ bắt vua Thuấn đi cày ở Lịch Sơn, Trời bèn sai voi đến cày, chim đến nhặt cỏ. Mẹ ghẻ sai vua Thuấn đào giếng rồi lấp giếng, rồi lại đưa vua Thuấn thoát nạn. Tượng đốt nhà để giết anh, vua Thuấn vẫn thoát thân. Bị ngược đãi tàn ác, nhưng vua Thuấn vẫn luôn

khoan dung độ lượng tha thứ cho họ. Cuối cùng tấm lòng đôn hậu đó đã cải hóa được cả hai mẹ con. Vua Nghiêu nghe tiếng bèn nhường ngôi cho vua Thuấn. Thiên hạ được hưởng cảnh thái bình. Nơi nơi đều vang tiếng âu ca.

Kim Dung chắc hẳn đã kế thừa truyền thống đó để xây dựng nhân vật Trương Vô Kỵ, trong giấc mơ thống nhất giang hồ bằng vương đạo. Cha là ngũ hiệp Trương Thúy Sơn phái Võ Đang, mẹ lại là “ma nữ” Ân Tố Tố của Thiên Ưng giáo. Đứa con mang hai dòng máu chánh tà đó ra đời trong một bối cảnh nghiệt ngã, và số phận đưa đẩy phải đảm nhận vai trò hóa giải hận thù xung đột truyền kiếp giữa Minh giáo với Lục đại môn phái. Sinh ra trên Băng hỏa đảo, Trương Vô Kỵ có được cái tâm đôn hậu của một “*thánh nhân*” kiểu vua Thuấn, có lẽ nhờ bẩm thụ được linh khí của trời đất. Về đến Trung Thổ, chứng kiến cảnh cha mẹ bị bức tử, và nhận di ngôn của mẹ là phải báo thù, trái tim trẻ thơ đó có lần thoáng bùng lên ngọn lửa hờn căm, nhưng rồi nó dễ dàng bị dập tắt trong biển lòng nhân hậu.

Trên Quang Minh đỉnh, Trương Vô Kỵ lần đầu tiên hiển lộ thân thủ, dùng tuyệt thế thần công áp đảo cả hai phe chính tà cứu nguy cho phe Minh giáo trước sự tấn công của Lục đại môn phái, khiến mọi người đều kinh hãi lẫn thán phục. Lúc đó dù đối diện với bao kẻ thù, và quá đủ điều kiện để rửa hờn, nhưng chàng thiếu niên Trương Vô Kỵ đã biết xóa bỏ mọi tư thù để xả thân hóa giải tất cả oán cừu giữa hai khối chính tà. Không có ai bắt buộc, cũng không vì động cơ riêng tư nào, mà chỉ đơn thuần vì tiếng gọi của lương tri muốn xóa bỏ mọi hận thù trong chốn giang hồ. Chàng thiếu niên trẻ tuổi đó tự nhiên đảm nhận sứ mệnh đem lại yên bình cho võ lâm. Phe chính giáo chấp nhận ra đi, với tâm trạng hân hoan và lá cờ sáng ngời chính nghĩa. Phe Minh giáo tránh được

thảm họa diệt vong, xung đột nội bộ chấm dứt và tất cả giáo chúng đều đồng tâm tôn Trương Vô Kỵ lên ngôi vị giáo chủ đời thứ ba mươi bốn. Đó chính là hình ảnh ban đầu của “vua Thuần võ lâm”.

Tại chùa Vạn An, Trương Vô Kỵ cũng không ngại xả thân cứu tất cả cao thủ của Lục đại môn phái thoát khỏi tháp lửa, trong đó không thiếu những kẻ đã đối xử hiểm độc và thô bỉ với mình. Dĩ đức báo oán. Trương Vô Kỵ đã thực sự chinh phục được cả hai chính lẫn tà. Có lẽ không thể có nhân vật võ lâm nào lý tưởng hơn để thiết kế công cuộc thống nhất võ lâm. Vừa khoan dung đôn hậu, vừa thông thạo y thuật, võ công lại vô địch khi tổng hợp được hai môn tuyệt học của hai phe chính tà: *Cửu dương thần công* của phái Thiếu Lâm và *Càn khôn đại na di* của Minh giáo ở mức cao nhất. Thân thể cũng quá đặc biệt: mang hai dòng máu chính tà, cháu ngoại Bạch mi ưng vương, đồ tôn của Trương Tam Phong, nghĩa tử của Kim mao sư vương. Và điều quan trọng bậc nhất là Trương Vô Kỵ được cả hai phe chính tà mặc nhiên xem như là minh chủ võ lâm. Một sự tổng hợp quá đổi lý tưởng, quá đổi tham lam, và do đó quá đổi cường điệu, chỉ xuất hiện một lần trong mọi tác phẩm võ hiệp. Cho nên Trương Vô Kỵ chỉ còn là cái bóng để Kim Dung thử triển khai những ý đồ của mình. Nói chung đó là hình ảnh của một vua Thuần chốn võ lâm vừa sành y đạo của Kỳ Bá, vừa thấu triệt *Cửu dương thần công* lẫn *Càn khôn đại na di*!

Nhưng hình ảnh lý tưởng đó có đem lại thành công như mong đợi hay không? Mọi mưu toan thống nhất giang hồ bằng thủ đoạn bá đạo như Tả Lãnh Thiên, Nhạc Bất Quần hoặc Nhậm Ngã Hành đều đưa đến kết cục bi thảm cho kẻ thủ ác lẫn nạn nhân. Tả Lãnh Thiên bỏ thầy giữa đám loạn kiếm trong thạch động. Nhậm Ngã Hành bỏ mạng vì *Hấp*

Tinh Đại Pháp, môn võ công bá đạo mà ông ta dùng làm phương tiện để xưng bá giang hồ. Nhạc Bất Quần trở thành một quái tượng sinh lý như Đông Phương Bất Bại. Nhưng nếu từ bỏ con đường bá đạo để thống nhất giang hồ bằng con đường vương đạo như Trương Vô Kỵ cũng không thể thành công. Đó chỉ là giấc mơ ngàn đời của bao thế hệ phương Đông. Bởi lẽ chắc gì Nghiêu Thuấn đã là thật, và cái xã hội “*thời thái bình của thường bỏ ngô*” (Nguyễn Công Trứ) cũng chỉ một “*vùng đất hứa*” muôn thuở cho con người. Mạnh Tử suốt đời rong ruổi để thuyết phục các vị vua đương thời trị nước theo vương đạo, nên đành phải chấp nhận thất bại. Tần Thủy Hoàng biết dùng tư tưởng pháp gia bá đạo của Hàn Phi Tử nên đã thành công. Đó là lịch sử.

Con người đôn hậu Trương Vô Kỵ đó hoàn toàn không có thủ đoạn và tham vọng chính trị nên dễ dàng sa bẫy Chu Nguyên Chương. Tên gian hùng này bàn việc giết Hàn Lâm Nhi với bọn Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân, nhưng lại âm thầm bố trí bối cảnh để Trương Vô Kỵ nghe lầm là hai vị đại ca kết nghĩa của mình đang mưu toan cùng Chu Nguyên Chương ám hại mình để mưu cầu công danh phú quý. Chỉ ngần đó cũng đủ để con người Trương Vô Kỵ trọng nghĩa quý tình ngán ngấm cuộc “*tranh bá đồ vương*”, để âm thầm mang Triệu Mẫn ra đi, nhường sân khấu chính trị lại cho tên gian hùng Chu Nguyên Chương dựng nên triều Minh. Một phần dòng chảy của thế giới giang hồ đã hòa nhập vào dòng chảy của lịch sử và tan biến trong đó. Phần khác vẫn cứ âm thầm trôi theo chu kỳ muôn thuở. Trong dòng chảy đó, sẽ tiếp tục có những Trương Vô Kỵ ngày ngày kẻ lòng mảy cho hiền thê để giấc mơ “*thống nhất giang hồ*” của Kim Dung chìm trong ánh mắt hồ thu của giai nhân, sẽ tiếp tục có những Vi Tiểu Bảo lưu manh nhưng nghĩa hiệp, cũng như sẽ tiếp tục có những

lãng tử Lệnh Hồ Xung đáng yêu bên cạnh những Nghi Lâm vương lụy. Và sẽ còn mãi những mưu toan dùng thủ đoạn cùng bạo lực để thống trị võ lâm đan xen với những hoài bão thống nhất giang hồ bằng con đường vương đạo.

Cái nào sẽ thắng? Câu hỏi sẽ được bỏ lửng. Nhưng lịch sử giang hồ vẫn tiếp tục dòng chảy trong tác phẩm Kim Dung, dù Kim Dung đã ngừng bút từ lâu.

DIỆT TUYỆT SỰ THÁI: QUÁI TƯỢNG CHỖN THIÊN MÔN

Đạo Phật chủ trương thập loại chúng sinh đều bình đẳng trước Phật pháp, nên luôn luôn mở rộng cửa cho mọi người. Chúng sinh vô lượng, căn cơ vô lượng nên phải có vô vàn con đường dẫn đến cửa thiên. Chư pháp, do đó, không thể có hình tướng nhất định mà chư Phật cứ tùy theo căn cơ để hóa độ chúng sinh.

Không ít người, do không hiểu được những yếu tố sơ đẳng trong Phật học, cho rằng đạo Phật chỉ đưa con người đến chỗ bế tắc (!). Họ quên rằng có quá nhiều kẻ trốn vào thiên môn chỉ vì một lý do đơn giản là bị bế tắc khi đối diện với cõi thế. Bế tắc trong tư tưởng, trong tình cảm, thậm chí trong cơm áo. Thuở đức Phật còn tại thế, ngài đã từng cảnh báo có những kẻ quy y theo Phật chỉ để kiếm cơm! Thuở đó còn vậy, huống gì đến thời mạt pháp. Đối với những kẻ bế tắc đó thì Phật pháp, dù có quảng đại và nhiệm mầu đến mấy, cũng chỉ là một loại “*cần câu cơm*” giúp họ tạm thời làm ổn định những cơn quậy phá của cái bao tử rỗng, hoặc một loại “*si rô an thần*” giúp họ làm dịu đi những cơn khủng hoảng thần kinh!

Hàng mấy ngàn năm qua, tinh thần bao dung của Phật giáo luôn mở rộng vòng tay để đón nhận bao nhiêu bậc lợi

căn pháp khí, xả thân cầu pháp thì đồng thời cũng đón nhận không ít rác bẩn bay theo làm ô uế chốn thiền môn.

Trong tác phẩm Kim Dung, bên cạnh môn phái Thiếu Lâm được xem như biểu tượng cho cái nôi võ học Trung nguyên và võ học Phật môn, còn có các môn phái của ni cô như Nga Mi, Hằng Sơn; hay phái Lạt Ma Tây Tạng hoặc Huyết Dao môn. Và trong những môn phái thờ Phật đó cũng có đủ dạng chúng sinh, đủ loại môn đồ. Bên cạnh những cao tăng đắc đạo, cũng không thiếu những người muốn chạy trốn cõi nhân sinh hay những kẻ lưu manh thủ đoạn, vào cửa chùa để lợi dụng tấm áo cà sa. Có người đến với cửa Thiền vì khát khao tìm cầu diệu pháp trong cõi thanh tịnh Như Lai, cho nên ta có những bậc giác ngộ như Độ Nạn, Độ Kiếp, Độ Ách, hay những vị cao tăng xả thân vì đời như Không Kiến, bao dung như Phương Sinh, Phương Chứng, khoáng đạt như Vô Sắc, từ hòa như Định Nhàn, thần thông như vị vô danh tăng trong Tàng kinh các. Có kẻ đại trí đại dũng do *“buông đao mà thành Phật”* vì cơ duyên chín mùi để họ ngộ ra điều nhiệm mầu trong hai chữ *“sắc không”* mà quy y của Phật, như Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác, Tạ Tổn.

Có kẻ tìm đến cửa chùa chỉ vì muốn lợi dụng cửa Thiền để thực hiện những thủ đoạn thâm độc như Viên Chân. Có kẻ gian hùng tìm đến cửa chùa để tạm trốn lánh qua những ngày đói rét, và theo đuổi giấc mơ trục lợi như Chu Nguyên Chương. Có kẻ tìm đến chùa để chạy trốn quá khứ như Mục Niệm Từ. Có kẻ tìm đến cửa chùa chỉ vì muốn cưới ni cô (!) như Bất Giới hòa thượng. Có kẻ *“bị đi tu”* như Điền Bá Quang. Có người từ tấm bé do hoàn cảnh đưa đến với cửa Phật, nên đành phải âm thầm chấp nhận tấm áo nâu sòng mà gặt lệ làm ngơ trước cõi đời xuân sắc, như Nghi Lâm và Viên Tính.

Do có hàng ngàn lý do đưa đẩy con người đi tu, cho nên chốn cửa Phật cũng có vô vàn nhân cách. Có kẻ làm bậc quốc sư của một nước, hằng năm vào Đại tuyết sơn để dâng đàn thuyết pháp, nhưng tâm lại đắm chìm trong cõi tham sân si một cách bệnh hoạn như Cưu Ma Trí. Bên cạnh những bậc đại trí đại bi cũng có những đại sư gàn dở như Giác Viễn, ngờ ngẩn như Hối Thông, hậu đậu như Hư Trúc, hồ đồ như Viên Âm, ác độc như Hỏa Công đầu đà, dâm dăng như đám thầy trò Huyết đao môn, cố chấp như các đại sư Đạt ma đường. Nhưng có lẽ chỉ có một con người quái dị đến với cửa thiền bằng cả tấm lòng thành nhưng sát tâm còn nặng hơn cả những ma đầu ngoài đời: đó là *Diệt Tuyết sư thái*.

Tôi không rõ Kim Dung, khi xây dựng nhân vật Diệt Tuyết sư thái, có dựa vào một nguyên mẫu nào ngoài đời hay không. Nếu có thì đó quả là thảm họa cho Phật giáo.

Diệt Tuyết sư thái là chương môn đời thứ ba của phái Nga My. Chỉ vì người yêu là Cô Hồng Tử chết về tay Dương Tiêu mà bà đem cả lòng phẫn hận đổ hết lên giáo đồ Minh giáo. Đối với giáo đồ Minh giáo, bà chỉ có một lập trường duy nhất là phải giết sạch. Diệt Tuyết. Bà sáng tạo hai pho kiếm pháp “*Diệt kiếm*” và “*Tuyết kiếm*” để thực hiện ý đồ của mình. Cái sát tâm kinh dị đó hoàn toàn đi ngược lại nền đạo lý thông thường, chứ chưa nói đến việc làm tổn thương một tôn giáo lấy từ bi làm gốc như Phật giáo. Nếu kinh điển chép rằng đức Phật, qua vô số những tiền thân, từng hân hoan xả thân để cứu độ con người hay cứu những sinh vật bé nhỏ theo tinh thần Bồ thí Ba la mật, thì môn đồ ngài là Diệt Tuyết sư thái lại có thể ung dung giết sạch những người mà bà tự xem là phe đối nghịch. Cảnh tượng một ni cô cầm Y Thiên kiếm lạnh lùng chém những giáo đồ Minh giáo giữa sa mạc mà không một chút băn khoăn, khi những người này không

còn khả năng chống cự và thần nhiên ngôi tụng kinh siêu độ nói về cõi thế vô thường, cảnh tượng đó nói lên được toàn bộ sự bất lực của bạo lực trước đức tin. Là môn đồ của Phật, lẽ ra chính Diệt Tuyệt sư thái phải hiểu được điều đó hơn ai hết. Nhưng bà vẫn làm điều đó có lẽ vì tự trong thâm tâm bà hiểu rằng bà chỉ tiêu diệt “tà ma ngoại đạo” trên danh nghĩa, nhưng thực ra là để báo thù riêng. Thậm chí bà còn biến mỗi tư thù của mình thành tôn chỉ cho môn đệ. Thân nương nhờ cửa Phật mà tâm chỉ toan tính chuyện báo thù, đó quả là điều gây kinh hãi suốt cổ kim.

Khi bà biết Kỷ Hiểu Phù đã có con với Dương Tiêu, bà vẫn không ngần ngại bỏ qua tất cả để truyền chức chương môn cho Kỷ Hiểu Phù, và chỉ yêu cầu một điều là nàng phải tìm cách giết Dương Tiêu. Buộc đồ đệ giết chồng để được truyền y bát, vị sư thái kia đã hành xử bá đạo hơn cả những kẻ đại ma đầu, nhưng bà vẫn ngang nhiên giương cao lá cờ “*tiêu diệt tà ma*”. Khi tâm con người đã bám sâu vào định kiến thì họ vẫn thường có những sự cố chấp kỳ lạ đến mức ngu xuẩn. Khi Kỷ Hiểu Phù, vì tiếng nói chân chính của con tim, lắc đầu từ chối thì bà thần nhiên vung chương đập vỡ sọ môn đồ. Bà vì muốn Nga My hiển danh trên chốn giang hồ mà không từ bỏ bất kỳ một thủ đoạn nào. Khi bị giam cầm tại chùa Vạn An, bà truyền chức chương môn đời thứ tư cho Chu Chi Nhược chỉ để Chu Chi Nhược sẽ tiếp tục ý định của mình. Ngôi chương môn tôn quý từ khi sư tổ Quách Tường sáng lập, đến tay Diệt Tuyệt sư thái đã biến thành miếng mồi đem ra để nhử môn đồ. Bà là người duy nhất biết được bí ẩn trong thanh đao Đố long và thanh kiếm Ý thiên, nên căn dặn Chu Chi Nhược bằng mọi cách phải chiếm đoạt cho được. Bà biết giữa Trương Vô Kỵ và Chu Chi Nhược có mối tình thanh mai trúc mã nên để nghị Chu Chi Nhược nếu cần thì

dùng “*mỹ nhân kế*” dụ dỗ Trương Vô Kỵ để chiếm được đao Đồ long. Bà mong muốn Chu Chi Nhược, sau khi học được hai bí cấp võ công trong đao lẫn kiếm, sẽ trở nên nhân vật vô địch trong thiên hạ, và do đó Nga My sẽ là Thái sơn Bắc đẩu của võ lâm.

Dùng thủ đoạn “*mỹ nhân kế*” đã là hạ sách, mà đối với môn đệ Nga My thì việc đó lại càng hạ lưu thô bỉ, nhưng người đọc cũng có thể tạm cảm thông với bà, xem như đó là chuyện quyền biến tạm thời để thực hiện tâm nguyện muốn hoằng dương môn phái của một vị cường môn. Điều kinh khủng nhất là bà bắt Chu Chi Nhược phải thế độc với bà là nếu nàng lấy Trương Vô Kỵ thì cha mẹ chết dưới mồ sẽ không được yên, bà sẽ biến thành quỷ ám ảnh suốt đời, nếu nàng sinh con trai thì con trai sẽ làm tội tở, sinh con gái thì con gái sẽ làm đi chốn thanh lâu. Lòng thù hận thâm độc một cách quái dị và tàn nhẫn một cách bệnh hoạn đến vậy, có lẽ cả đức Phật cũng phải không rét mà run!

Khi Trương Vô Kỵ dùng thần công *Càn khôn đại na di* cứu mọi người nhảy ra khỏi tháp lửa thì bà là người duy nhất chịu chết để khỏi mang ơn tên “*tiểu dâm tặc ma giáo*” đó. Sự căm thù vô lý của bà khiến người đọc cũng khó lòng hiểu được bà nhận ra điểm xấu gì ở Trương Vô Kỵ. Có lẽ bà căm thù Trương Vô Kỵ chỉ vì anh ta là giáo chủ Minh giáo. Dưới mắt bà, giáo đồ phe Minh giáo đã toàn một loại xấu xa dâm đăng, hưởng gì giáo chủ còn sa đọa ghê tởm đến độ nào? Kết cục của chúng chỉ đáng kết thúc dưới thanh kiếm Ý Thiên của bà mà thôi. Đó có thể là lý do, nhưng chắc trong gì trong thâm tâm bà lại không ganh tỵ với thân phận của Trương Vô Kỵ và phe Minh giáo, mà theo bà lẽ ra là của Chu Chi Nhược với phái Nga My?

Là kẻ tu hành đứng đầu một môn phái lớn như Nga My,

lẽ ra Diệt Tuyệt sư thái phải có được những sở đắc nhất định về Phật pháp để hiểu rằng chữ “ma” trong đạo Phật chỉ là khái niệm “*ma chướng*” che mờ Phật tính và ngăn cản con đường tu đạo, chứ nào phải là con người hay giáo phái cụ thể bị gán cho cái nhãn hiệu “*tà ma*”! Chính cái sát tâm bệnh hoạn của Diệt Tuyệt sư thái mới thực là cái “*tà ma*” cần diệt tuyệt. Kinh Niết Bàn chủ trương đến cả hạng người chuyên phỉ báng Phật pháp như *Nhất xiển đề* vẫn có thể thành Phật, thì những người phe Minh giáo bị cho là “*tà ma ngoại đạo*” đó há chẳng phải là những hạt giống của Như Lai? Với một tôn giáo lấy từ bi làm gốc như Phật giáo thì làm gì có khái niệm “*tà ma ngoại đạo*”, theo cách hiểu của Diệt Tuyệt sư thái, ở một CON NGƯỜI? Tiêu diệt “*tà ma ngoại đạo*” thường bị lẫn lộn với việc tiêu diệt những con người cụ thể bị dán nhãn hiệu “*tà ma ngoại đạo*”. Chúng ta luôn bị lẫn lộn trong khái niệm và sự ngộ nhận đó đã gây ra biết bao thảm kịch trong suốt dòng lịch sử của nhân loại.

Chư Phật dùng vô lượng phương tiện thiện xảo để hiện ra vô lượng hóa thân, tùy căn cơ mà hóa độ vô lượng chúng sinh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới. Phẩm Phổ môn trong kinh Pháp hoa, bảo:

”Người đáng dùng thân Duyên giác để độ giải thoát, liền hiện thân Duyên giác vì người đó mà thuyết pháp... ”

”Người đáng dùng thân cư sĩ để độ giải thoát, liền hiện thân cư sĩ vì người đó mà thuyết pháp... ”

”Người đáng dùng thân tỳ khưu ni để độ giải thoát, liền hiện thân tỳ khưu ni vì người đó mà thuyết pháp. ... ”

Nếu đức Phật xâm nhập vào chốn giang hồ thì, để hóa độ các nhân vật võ lâm, ắt hẳn ngài cũng sẽ có vô lượng hiện thân mà tùy nghi thuyết pháp. Với Lệnh Hồ Xung sẽ hiện

thân lăng tử, với Tã Lãnh Thiển sẽ hiện thân Đại lực sĩ, với Hoàng Dược Sư sẽ hiện thân trưởng giả, với Nghi Lâm sẽ hiện thân đồng nữ, với Cửu Ma Trí sẽ hiện thân Năng đoạn kim cương Bồ Tát, với Tà Tồn, Tiêu Viễn Sơn hay Mộ Dung Bác sẽ hiện thân Đại Tuệ Bồ Tát ... Nhưng không hiểu đối với loại ni cô quái dị như Diệt Tuyệt sư thái, muốn thuyết pháp hóa độ thì đức Phật sẽ hiện thân gì?

LĂNG SƯƠNG HOA: CÁI CHẾT CỦA NHÀNH LỤC CÚC

Khi sáng tạo nên cái trần gian diên đại và đầy hương sắc này, thì vẻ hùng vĩ của biển rộng núi cao, nét xinh tươi của oanh ca liễu rũ, sự thơ mộng của trăng hoa sương tuyết, tiếng róc rách của sông lạch suối khe ... dường như chưa làm hài lòng đấng Hóa công, nên ngài phải sáng tạo thêm người phụ nữ. Dường như mọi phụ nữ trên cõi đời này hiểu rằng Thượng Đế tạo ra họ là để điểm tô thêm cho cái trần gian vốn đã đầy hương sắc, cho nên tự ngàn xưa, đối với họ, giữ gìn sắc đẹp vẫn luôn là điều cực kỳ trọng đại.

Với phụ nữ, nhan sắc lắm khi còn quan trọng hơn cả mạng sống. Nhậm Doanh Doanh, khi bị Nhạc Bất Quần dùng lưới bắt tại Hoa Sơn thì nàng hiểu rằng cái chết là điều tất yếu, vậy mà khi Nhạc Bất Quần muốn hủy hoại nhan sắc nàng thì nàng lại hoảng kinh. Chu Chỉ Nhược khi bị giam tại chùa Vạn An cùng bao nhân vật của Lục đại môn phái, thì chuyện sống chết đã sớm bỏ ngoài lòng, nhưng khi Triệu Mẫn dọa dùng dao rạch mặt thì cô lại xiêu hồn lạc phách. Cả cô nàng Triệu Mẫn bướng bỉnh tinh quái là thế cũng không khỏi đứng tim, khi Thanh đực bức vương Vi Nhất Tiểu cảnh báo sẽ hủy hoại khuôn mặt kiều diễm của cô, nếu như cô đụng tới Chu Chỉ Nhược. Khang Mẫn bị A Tử hành hạ dã man nhưng vẫn còn

tinh táo để tỏ tình với Tiêu Phong, cô nàng không chết vì các vết thương trí mạng mà chết vì đau khổ và kinh hãi khi soi thấy khuôn mặt bị tàn phá của mình trong tấm gương đồng. Chúng ta không thể cay đắng như Hamlet của Shakespeare: *“God hath given you a face, and you make yourselves another”* (Thượng Đế đã ban cho người một gương mặt, và người đã tự biến mình thành một gương mặt khác – Hamlet– Act II, Scene 1, 153–154), bởi lẽ phụ nữ vẫn còn muốn làm đẹp ngay cả khi đi đối diện với Diêm Vương! Chả trách nền công nghiệp mỹ phẩm trên thế giới lại thu được những món tiền khổng lồ từ thói đom đóm đáng đáng yêu của phụ nữ.

Giai thoại thiên tông Nhật Bản kể rằng ni cô Ryonen, sinh năm 1797, là một người có nhan sắc quyến rũ và thiên tài về thi ca. Năm mười bảy tuổi, bà phục vụ cho hoàng hậu; tương lai rực rỡ đang chờ đón bà như một công nương của triều đình. Bỗng nhiên hoàng hậu qua đời, bà chợt ngộ ra lẽ vô thường của cõi thế, nên xuống tóc đi tu. Bà đến thành phố Endo xin làm đệ tử của thiền sư Tetsugyu, nhưng vị thiền sư này từ chối vì bà quá đẹp. Vị thiền sư đó hiểu rằng cái nhan sắc lộng lẫy đó tuy là báu vật của trần gian, nhưng lại không thể phù hợp với chốn thiền môn vốn luôn đậm bạc với cuộc sống nâu sòng. Ất hẳn nó sẽ gây nên ba đào nơi của Phật. Tâm bà tuy không động nhưng sẽ làm lụy đến tâm người. Bà bèn tìm đến thiền sư Hakuo, nhưng vị thiền sư này cũng từ chối với lý do trên. Ryonen hiểu rằng chính nhan sắc đẹp đẽ của bà là vật chướng ngại ngăn cản không cho mình đạt được điều tâm nguyện, nên bà bèn dùng lửa nóng hủy hoại hết khuôn mặt xinh đẹp; nhờ đó bà mới được thiền sư Hakuo nhận làm đệ tử. Và cũng nhờ thế mà bà mới chuyên chú vào việc tu thiền và trở thành một thiền sư nổi tiếng.

Hủy hoại dung mạo để cầu đạo, ni cô Ryonen đã làm một

việc còn kỳ diệu hơn cả việc nhị tổ Huệ Khả quỳ giữa trời tuyết, cắt một cánh tay dâng lên sơ tổ Đạt Ma để xin truyền tâm ấn. Ni cô Ryonen có lẽ là một hiện tượng hiếm hoi và kỳ lạ của thiền môn, bởi lẽ đâu phải người con gái nào đem thân bỏ chốn am mây cũng đều ngộ ra lẽ vô thường của hai chữ “sắc không”. Nhan sắc đó cũng là hư không đấy. Chỉ có những tâm hồn thiết tha cầu đạo như Ryonen khi ngộ được lẽ “*bất trụ sắc sinh tâm, ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”¹ và “*nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*”² của kinh Kim Cương thì mới có thể thực hiện được điều kỳ diệu đó. Cái tìm được sẽ lớn hơn hăng vắn lần cái nhan sắc mất đi: *đó là thành toàn được điều tâm nguyện*. Việc xả thân cầu đạo đó dù kỳ lạ nhưng vẫn có thể xảy ra, vì khi tuệ kiếm vung lên là trần duyên đứt đoạn. Cái thân xác này, khi được quán tưởng đến chỗ rớt ráo, cũng chỉ là cái túi da đựng bao điều nhơ bẩn, thì nào sá gì một chút dung nhan? Nhưng đó là chuyện chốn thiền môn, còn ở trần gian đây sai biệt nay thì con người vẫn cứ vĩnh viễn đội mũ triều thiên lên nhan sắc. Vì nếu không thế thì cuộc đời ắt sẽ u ám và buồn tẻ lắm biết ngần nào!

Vậy mà vẫn có một người con gái dám hủy hoại dung nhan kiều diễm của mình để giữ trọn sự thủy chung với người chỉ một lần gặp gỡ: đó là Lăng Sương Hoa trong Liên Thành Quyết.

Đình Điển là người mê hoa. Tình cờ trong một buổi dạo chơi hội hoa cúc, Đình Điển gặp được đệ nhất mỹ nhân vùng Vũ Hán là Lăng Sương Hoa, tiểu thư của quan tri phủ Lăng Thoái Tư. Sự đồng cảm trong những giò lục cúc đã đem hai

¹ Tâm không trụ vào hình sắc mà sinh khởi; không nên trụ vào đâu cả để sinh khởi tâm

² Nếu thấy được các hình tướng đều là phi hình tướng, ấy chính là thấy được Như Lai

người lại gần nhau. Tình yêu âm thầm nảy nở giữa một kẻ lang bạt giang hồ với một tiểu thư khuê các. Những cảnh hoa tươi thắm và ngát hương đã chứng kiến cho mối tình của họ và làm bằng nhân cho những lần gặp gỡ. *“Tôi cùng em mơ những chốn nào. Ước nguyện chung giấc mộng trăng sao. Sánh vai một mái lầu phong nguyệt. Hoa bướm vì em nghiêng cánh trao”* (Đinh Hùng– Phạm Đình Chương).

Lăng Thoái Tư là một người văn võ song toàn, y là một long đầu trong Long sa bang lại thi đỗ tiến sĩ, làm Hàn Lâm học sĩ. Y nuôi tham vọng tìm được kho tàng của Lương Nguyên đế và luyện được Thần Chiêu công. Biết được Đinh Điển đang cất giữ Liên thành quyết – bộ giải mã những bí ẩn về chỗ cất giấu kho tàng– và bí cấp Thần Chiêu công, nên Lăng Thoái Tư lập mưu chiếm đoạt. Y vờ cho Lăng Sương Hoa mời Đinh Điển đến để bàn chuyện tác hợp lương duyên, rồi dùng hoa độc tẩm thuốc mê để bắt Đinh Điển. Sống trong cảnh tra tấn dã man chốn lao tù, với xương tỳ bà đã bị xuyên thủng, nhưng Đinh Điển vẫn tìm thấy được nguồn an ủi. Hằng ngày, anh ta từ cửa sổ nhà lao nhìn lên mái lầu xa, vẫn luôn thấy được những chậu hoa đặt nơi cửa sổ của phòng Lăng Sương Hoa, như một biểu tượng của tình yêu. Cảnh đưa tin của Đinh Điển và Lăng Sương Hoa giống như anh chàng Hời trong truyện Tô Hoài. Một người ngồi dẹt vãi, khi nghe mùi hương thoang thoảng lan trong cảnh đêm thanh tĩnh của cánh hoa lài ném qua cửa sổ, là biết đã đến giờ hẹn với người yêu.

Sương Hoa sợ cha ép duyên nên nàng quyết định hủy hoại dung nhan để không còn ai muốn cưới mình nữa. Chỉ có vậy nàng mới có thể giữ trọn tình yêu son sắt với Đinh Điển. Một quyết định làm người đọc tê buốt tâm can, vì điều đó ngấm ra còn kinh khủng hơn tự vẫn. Chỉ có một sự hòa

điều của cung bậc tri âm trong tình yêu chân chính mới có thể giúp người con gái xinh đẹp làm một điều mà cả Thượng Đế cũng phải bàng hoàng. Nàng không muốn xuất hiện với khuôn mặt xấu xí, mà để những chậu hoa thay mặt cho mình ngỏ những lời yêu. Hoa thay dáng người. Hoa còn là người còn, và tình yêu vẫn còn ngát xanh màu lục súc. Gặp nhau và yêu nhau nhờ những cành hoa, truyền tin cho nhau cũng nhờ những cành hoa. Mỗi tình thơ mộng đó phải vĩnh viễn bị cách ngăn bởi lòng tham ngu xuẩn của người cha. Mà tự cổ chí kim, có kẻ nào bị lòng tham chi phối mà lại không trở nên ngu xuẩn, và do đó dễ trở nên tàn bạo?

Khi Lăng Sương Hoa qua đời trong u sầu đau khổ, Lăng Thoái Tư còn âm hiểm rắc thuốc độc lên quan tài để đánh lừa Đinh Điển. Kẻ si tình đến ôm quan tài và trúng ngay chất độc của hoa Kim Ba Tuần. Nhưng Lăng Thoái Tư đã làm một điều thừa. Làm sao Đinh Điển có thể sống được nữa khi Lăng Sương Hoa đã vì mình mà qua đời trong sầu hận? Dịch Vân hợp táng nắm tro tàn của Đinh Điển vào nắm mộ Lăng Sương Hoa, và trồng hoa thật nhiều quanh mộ để đôi tình nhân được yên nghỉ giữa ngàn hoa. Trong vở kịch Hamlet, khi hoàng hậu Gertrude rắc hoa lên nắm mộ của Ophelia đã nói những lời tha thiết, mà ta muốn dùng để khắc lên nắm mộ Lăng Sương Hoa *"Sweets to the sweet! Farewell!"* (Những nhành hoa dịu dàng xin gửi đến một cành hoa đắm thắm. Xin vĩnh viễn) (Shakespeare— Hamlet, Act V, Scene I, 239)

Chinh phục được trái tim của người mình yêu, chịu chấp nhận thiệt thòi để tìm thấy hạnh phúc. Điều đó dễ. Khi biết rằng trái tim người mình yêu đã vĩnh viễn thuộc về kẻ khác nên biến sự thất vọng thành hận thù, đem tang tóc gieo rắc khắp thiên hạ để trút nỗi hờn căm, như Lý Mạc Sầu hoặc Mai Phương Cô, điều đó tuy có quá quắt nhưng vẫn là chuyện

thường tình. Biết rằng người mình yêu đã tìm thấy hạnh phúc nơi người khác, nên chấp nhận hy sinh tình yêu và, trong nỗi cô đơn đau đớn, cứ mãi âm thầm cầu nguyện cho họ được hạnh phúc bằng tất cả trái tim, như Nghi Lâm, điều đó khó. Nhưng trong tình yêu đam mê vô vọng lại dám chấp nhận chết thay cho người mình yêu để họ được hạnh phúc với người khác, như Trình Linh Tố và Công Tôn Lục Ngạc, điều đó cực khó. Nhưng càng khó hơn nữa khi một người con gái xinh đẹp dám hủy hoại dung nhan để giữ trọn chữ thủy chung. Sự hy sinh kỳ diệu đó chỉ xảy ra với những người người phụ nữ dịu hiền có trái tim nhân hậu bao dung.

Tình yêu thuần khiết đó được nâng lên tầm một tôn giáo, và kẻ si tình sẽ như kẻ hành hương đi tìm về tuyệt đích, trong hình ảnh của người thương. Du Thán Chi là kẻ si tình vĩ đại nhưng mối tình cuồng si dữ dội đó vẫn cứ quẩn quại đớn đau trong nỗ lực chiếm hữu đầy tuyệt vọng. Nó thiếu đi một chút thanh thần của một tín đồ đã “*giác ngộ*”. Tình yêu của Lăng Sương Hoa sẽ mãi thấp sáng lên trong tâm thức nhân gian những ánh lửa nhiệm màu, mà chúng ta đôi lần thấy thấp thoáng trong *Gitanjali* của Tagore. Và trong ánh lửa đó vẫn hoà ánh lên màu thắm tươi của một nhánh lộc cúc.

ĐOÀN NAM ĐẾ: LỤY PHÙ DANH

Thổ tủy vị hoàn tân đại được

Báo bì nhưng lụy cật phù danh

(Nguyễn Du)

(Tủy thổ chưa xong liễu thuốc mới

Da beo còn lụy chút danh hờ)

Tương truyền khi vi hành vùng Giang Nam, có lần vua Càn Long cùng với viên cận thần đứng ngắm cảnh trên một bến sông tấp nập, ông bảo: "Nhà ngươi thấy có bao nhiêu thuyền bè qua lại trên sông?". Viên cận thần tâu: "Tàu bè hạ, thuyền bè qua lại nhiều quá, vi thần làm sao đếm cho xuể". Ông cười bảo: "Trong mắt ta, ta chỉ thấy có hai chiếc mà thôi!". Viên cận thần ngơ ngác hỏi: "Vi thần ngu dốt không hiểu". Nhà vua bèn giải thích: "Cả trăm ngàn con thuyền xuôi ngược nhưng thật ra chỉ có hai chiếc, một chiếc tên Danh, đó là thuyền của các quan lại và bọn danh sĩ, một chiếc tên Lợi, đó là thuyền của các con buôn!". Nếu giai thoại đó đúng thì ông vua nhà Thanh kia quả là người cực kỳ minh triết. Có thể nói hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, các con thuyền đó đều vì *Danh* hoặc vì *Lợi* mà ngược xuôi trên sông nước. Thậm chí những kẻ thả thuyền trôi nổi trên sông để ngâm phong vịnh nguyệt, khinh

thường quan chức biết đầu trong thâm tâm cũng vì chữ danh: muốn mua được tiếng “cuồng sĩ” hoặc chữ “thanh cao”. Câu nói không chỉ đúng cho bên sông lúc đó mà chắc chắn mãi mãi còn đúng cho khắp “cõi người ta”! Con người ta xuôi ngược lao lốt cả đời cũng chỉ vì hai chữ lợi danh. Lợi, nếu thực tình muốn tránh, còn có thể tránh được nhưng muốn tránh được chữ danh thì quả thực đó là vấn đề vô cùng vi tế.

Tên gọi (danh) là cái phù hiệu để gọi và xác minh sự tồn tại của một đối tượng. Chữ danh 名 trong tiếng Hán được cấu tạo bởi hai chữ “tịch” 夕 (buổi chiều) và chữ “khẩu” 口 (cái miệng), nghĩa đen là “cái được gọi khi chiều tối”. Theo Thuyết văn giải tự của Hứa Thận thì “Tên để tự xác định mình, từ miệng mà gọi. Gọi khi chiều tối, chiều tối thì không thấy nhau, nên mới phải dùng miệng để gọi tên”. Người ta khi chiều tối gặp nhau nhưng không thể thấy rõ mặt nhau, thì cần phải “dùng miệng để xưng tên”. Như vậy, xưng tên có nghĩa là xác định sự tồn tại, bằng thanh sắc hoặc bằng ý niệm, của một đối tượng.

Lợi được dùng để đảm bảo và xác định sự tồn tại đã đành, mà Danh cũng vậy. Nhà cao cửa rộng, của cải đầy kho hiển nhiên là những yếu tố cơ bản để đem lại cảm giác bình yên cho sự tồn tại. Nhưng bên cạnh đó, con người ta muốn được nhiều người biết đến, nghĩa là muốn được “gọi nhiều”; sự ham muốn đó ngấm ra từ căn để chỉ là muốn tìm thêm cảm giác bình yên để xác định sự tồn tại của mình. Không hiểu sao chữ Danh trong một vài ngôn ngữ đông tây lại có điểm trùng hợp khi vừa có nghĩa là tên gọi lại (name) lại vừa được chuyển dần thành danh tiếng (fame; reputation). Nổi tiếng, có nghĩa là được nhiều người nhắc đến, điều đó củng cố ý thức bình yên về sự tồn tại của bản thân, từ đó con người tự cảm thấy một sự thỏa mãn và ổn định tâm lý. Con người

vẫn luôn sợ hãi cái trống rỗng hư vô vì sợ phải đối diện với sự đốn hèn, nhỏ nhoi, vô nghĩa của chính mình. Muốn nổi tiếng, suy cho cùng, chỉ là cảm thức đốn hèn muốn chạy trốn sự thực trần trụi và sự cô đơn. Càng muốn nổi tiếng là càng cảm nhận được sự đốn hèn của mình một cách vô thức, nên phải tìm cách khóa lấp.

Xứ châu Phi có câu chuyện cổ rất đơn giản nhưng ý nghĩa lại vô cùng sâu sắc. Có một người thợ săn vào rừng rồi mất tích, để lại người vợ và ba đứa con trai còn nhỏ dại. Dân làng cho rằng anh ta đã bị sư tử ăn thịt, câu chuyện rồi cũng bị lãng quên. Đứa con đầu lớn lên và học thành nghề nặn tượng sinh động như thật; người con thứ hai học nghề phù thủy và có phép biến một vật chết thành một vật sống; người con út chỉ ở nhà làm lụng chăm lo cho người mẹ. Một hôm cả nhà đang ăn cơm, người con út bỗng hỏi: *“Bố mất tích đã lâu, sao anh em ta không đi tìm bố?”*. Ba anh em bèn vào rừng. Người con út tìm thấy một bộ xương và biết đó là xương của bố mình; người con cả bèn lấy đất sét nặn lại thành người bố trông giống như thật; cuối cùng người con thứ hai làm phép cho người bố sống lại. Bốn cha con ôm nhau mừng rỡ và cùng về nhà. Cả nhà đoàn tụ, hai người con đầu tranh công với nhau về việc đã cứu người bố sống lại; nhưng người bố ôn tồn bảo: *“Chính con út mới có công lớn nhất vì đã nhắc đến bố. Khi ta còn nhớ đến ai thì người đó vẫn còn sống!”*.

Câu kết luận quả đầy minh triết và đẹp như một bài thơ. Chỉ có trí tuệ dân gian mới có thể đúc kết được ý nghĩa sâu sắc như thế trong một câu nói cùng cực giản đơn. Cỏ cây, sỏi đá ... đều có thể tồn tại độc lập với ý thức con người, trừ chính con người, có lẽ bởi chỉ có con người mới có cảm thức về cô đơn, và xao xuyến trước cõi hư vô! Con người chỉ cảm nhận một cách thỏa mãn về sự tồn tại của mình khi

con-người-tồn-tại-trong-thân-xác tồn tại đồng thời với *con-người-tồn-tại-trong-sự-nhớ-tưởng-của-người-khác*. Bị lãng quên có nghĩa là không còn tồn tại trong ý thức của người khác, điều đó quả là nỗi kinh hoàng, nhất là đối với những người đã “lỡ” nổi tiếng. Tránh được hệ lụy vì cái danh là vấn đề vô cùng vi tế, và chỉ có các bậc chân nhân mới có thể cảm nhận được sự tĩnh lặng mệnh mông trong cõi vô danh, nghĩa là trong sự quên lãng của người đời.

Cụ Nguyễn Du nhà ta viết về ngôi chùa của sư Giác Duyên bằng hai câu bí hiểm, mà ngoài nhà thơ Bùi Giáng ra, tôi chưa thấy ai quan tâm đến:

Chùa đầu trông thấy nẻo xa

Rành ràng Chiêu Ẩn am ba chữ bài.

Nghĩ cũng lạ, đã một mực “*Chiêu ẩn*” rồi, nghĩa là đã muốn gọi con người lánh xa cõi hồng trần rồi nhưng lại vẫn cứ phải mang cái sự “*Chiêu ẩn*” để “*rành ràng*” bày ra đấy, cho cả bàn dân thiên hạ, dù ở thật xa, cũng đều trông cho rõ! Tại sao cụ không viết là “*Lờ mờ Chiêu Ẩn am ba chữ bài*” hoặc “*Chiêu Ẩn am thấp thoáng ba chữ bài*” v.v... hoặc những câu đại loại như thế để phù hợp với ý nghĩa của hai chữ *Chiêu ẩn*? Câu thơ đó dĩ nhiên mang nhiều ý nghĩa mệnh mông trên bình diện *ontologique*, mà chỉ có những tâm hồn thượng đạt không bị vướng víu vào cái trò tranh luận rối rắm và vô ích về ngôn ngữ truyện Kiều, như Bùi Giáng, mới cảm nhận ra. Ở đây tôi chỉ mạn phép thiên tài Tố Như xin dời hai câu thơ lục bát kỳ diệu đó xuống bình diện ngữ ngôn. Cõi người ta có biết bao nhiêu kẻ muốn sống bất cần đời, nhưng trong thâm tâm lại muốn đời cần đến mình. Rất cần nữa là khác. Lại có không ít những kẻ luôn luôn muốn đám đông kia phải biết rằng mình là kẻ đang sống cô đơn, xa lánh đám đông để

đắm chìm trong những nỗi cô liêu trầm mặc! Những kẻ đó thường phải “*triển lãm*” sự cô đơn vì e ngại rằng không có ai biết rằng mình đang cần cô đơn! Đó cũng là loại “*Rành rành Chiêu Ẩn am ba chữ bài*” vì ba chữ “*lụy phù danh*”.

Truyền thuyết Trung Quốc kể rằng vua Nghiêu nghe tiếng Hứa Do là người hiền nên cho người mời đến bàn chuyện truyền ngôi. Hứa Do nghe xong bèn đi xuống suối rửa tai vì cho rằng những lời đó làm bẩn tai mình. Sào Phủ đang cho trâu uống nước, thấy vậy bèn hỏi. Sau khi nghe chuyện, Sào Phủ lặng lẽ dẫn trâu lên vùng nước cao hơn để uống vì cho rằng nước rửa tai đó làm “*ô nhiễm*” cho cả trâu mình! Hứa Do, ngay cả ngôi vua cũng không màng, có lẽ tự cho rằng mình đã thoát khỏi danh lợi, nhưng thực ra vẫn còn vướng víu ở chữ danh một cách vô cùng vi tế. Không màng danh lợi nhưng vẫn để cho vua Nghiêu biết được rằng mình là người thanh cao không màng danh lợi, (mà một ông vị vua biết có nghĩa là phải qua rất nhiều người trung gian!), há chẳng phải trong thâm tâm vẫn còn lụy vì danh hay sao? Sào Phủ còn “*chơi*” cao hơn một bậc theo kiểu người nông dân chân chính bằng cách dắt trâu đi chơi chỗ khác.

Đoàn Nam đế trong *Xạ điều anh hùng truyện* lại là một điển hình cho ba chữ *lụy phù danh*. Trước kỳ Hoa sơn luận kiếm giữa các đại cao thủ võ lâm để chọn ra vị *Thiên hạ đệ nhất nhân*, bang chủ Thiết chưởng bang là Cừ Thiên Nhận đã lên dùng thiết chưởng đánh tử thương đứa con tư sinh của Châu Bá Thông và Anh Cô – một ái phi của Đoàn nam đế –, với ý đồ buộc Anh Cô đem đứa bé đến nhờ Đoàn nam đế cứu chữa. Như thế y sẽ loại bỏ được một tay kinh địch, vì vị vương gia kia sẽ phải tổn hao nội lực và không thể tham gia kỳ luận kiếm. Vị vương gia kia, do còn chút ghen và hận nhưng chính là vì lòng háo danh còn quá bùng bột, nên đã

kiên quyết khước từ khi người mẹ khốn khổ kia ôm đứa con sơ sinh đến khóc lóc cầu xin ông cứu chữa. Kết quả là Anh Cô, như người điên loạn, rút kiếm đâm chết đứa bé với lời nguyên khảng khiếp sẽ trả thù.

Nếu tiếng khóc của hài nhi giữa đêm khuya thanh vắng trên Bàng hòa đảo đã đánh thức lương tri của con hùng sư Tạ Tổn trong cơn túy sát, thì cái chết của một hài nhi vô tội khác đã “*khai ngộ*” cho vị vương gia họ Đoàn nhận chân ra thực tướng của chút hư danh mà xuống tóc quy y thành Nhất Đăng đại sư! Một kẻ cố sát hài nhi, một kẻ ngộ sát hài nhi cũng chỉ vì chữ *Danh*. Than ôi, *lụy phù danh* gây nên tội nghiệt cho con người đâu khác gươm đao. Biết đâu số người chết vì chữ *Danh* còn nhiều hơn cả số người chết vì gươm đao trên chốn giang hồ! Cái chết của một hài nhi để trả giá cho cơn mê muội chữ *Danh* chắc chắn có giá trị “*khai ngộ*” gấp ngàn lần những lời thuyết giảng của các bậc chân sư đồng tày kim cổ.

Hoát nhiên ngộ được chữ danh

Phiêu nhiên thành vị chân tăng giữa đời

Nhất Đăng – Nam Đế mấy người?

Đâu là đại sư Nhất Đăng, đâu là đấng vương gia Đoàn Nam đế? Hay tất cả cũng chỉ là cái hư ảo của *phù danh*? Hãy thử tĩnh tâm ngồi yên lặng mà ngẫm chữ *Danh* đến chỗ rốt ráo, ta sẽ thấy nó cũng chỉ cái hư không phù phiếm. *Danh* dùng để xác định cái *thực*, nhưng nếu cái *thực* đã *thực-sự-là-thực* rồi thì đâu cần gì đến cái *Danh* nữa? Cừu Thiên Nhận cũng được Nhất Đăng đại sư điểm hóa để quy y thành Từ Ân đại sư, nhưng vì nghiệp chướng quá nặng nên con đường đi đến giác ngộ còn tiệm tiến. Chỉ đến khi sắp chết thì vị đại sư đó mới tìm đến được những gì mà vị Nhất Đăng đại sư đã cảm thấy ngay sau cái chết cả một hài nhi vô tội.

Trong tác phẩm *Kim Kiếm Điều Linh* của Ngọa Long Sinh¹, ba vị cao nhân võ lâm là Trang Sơn Bối, Nam Dật Công và Liễu Tiên Tử tự ẩn mình tuyệt tích trong núi hoang, tu tập võ công để hằng năm lại tỷ thí tranh nhau chức vô địch. Họ là những bậc cao nhân thực sự không muốn biết đến đời và cũng không thềm ai biết đến mình, nhưng vẫn cùng nhau tranh giành ngôi thứ chốn hoang sơn, bởi vì họ cũng còn bị hệ lụy bởi chữ *Danh*, dù đó là cái *danh* không được một ai nhắc đến và không có kẻ tung hô. Cái *danh* đã bủa một cái lưới vô hình vây chặt bọn họ từ thuở tráng niên, cho đến khi tro tàn thời gian bay bạc trắng cả mái đầu. Chính cơ duyên đã đưa cậu bé Tiêu Linh² đến chốn hoang sơn để “*khai ngộ*” cho ba vị cao nhân tuyệt tục. Tiếng thở dài của Nam Dật Công chốn hoang sơn khi giật mình ngẫm lại, nghe thê lương như cơn gió lạnh thổi suốt cõi biển dâu.

Con báo vì lớp da mà bị chết, con người vì cái danh mà bị lụy. Những bậc tài hoa như Nguyễn Du muốn tĩnh tâm ẩn dật phải luôn hối tiếc vì đã lỡ bị đời khoác lên người “*tấm da báo*”, để phải than thở “*Báo bì nhưng lụy cựu phù danh*”; nhưng lại có những kẻ bản chất là giun dế vẫn cố khoác lên người “*tấm da báo*”, ngẫm cũng đáng thương. Chỉ khi nào con người có cơ duyên thấu triệt được thực tướng của chữ danh như Đoàn Nam đế thì có lẽ ngày đó cõi người ta mới thực sự là chốn lạc phúc trong cõi vô danh!

¹ Bản Việt dịch là *Xác chết loạn giang hồ*.

² Bản Việt dịch là *Tiêu Linh Vu*.

HẰNG SƠN TAM ĐỊNH

Lời dẫn: Tôi vốn mê tranh thủy mặc, cho nên mê cả thư pháp Trung Hoa. Từ bé, mong ước được học hỏi về thư pháp. Tập một thời gian, thấy không đi đến đâu, bèn bỏ dỡ. Tôi vốn rất dị ứng với cái–gọi–là “*thư pháp tiếng Việt*”, nhưng có lần về quê, tình cờ đến nhà Hồ Công Khanh thấy anh đang dạy cho một ni cô dung nhan tuyệt tục học thư pháp. Trong vóc dáng gầy gò và thanh thản, trông anh như một đạo sĩ đang đem hết tài hoa phổ vào nét bút, và ni cô thì trầm mặc trong từng giọt mực như pho tượng Bồ Tát Quan Âm, tôi chợt hiểu vì sao suốt một đời mình học tập thư pháp mà vẫn cứ “*mang nhiên vô sở đắc*”.

Than ôi, muốn luyện chữ, trước hết phải luyện tâm, như ni cô đem tâm thiền để học thư pháp. Ngẫm lại mình, suốt một đời tâm cứ luôn vọng động thì mong gì có được thành tựu trong một *cuộc chơi* đòi hỏi đến hai chữ *tĩnh* và *hu*? Tôi bèn tặng cho ni cô một bài thơ:

Cố quận trùng du phỏng cựu thân

Tương hoan thi tữu tầy mê trần

Ngẫu phùng Thích nữ học thư pháp

Nãi giác hoa viên thị Trúc lâm

Nhu tiểu tăng kiêu chân đại sĩ
Hà phương tục khách nhiều thiên tâm?
Dục cùng phong nguyệt tam thiên giới
Ứng tác Thiện Tài mịch hóa thân
故郡重遊訪舊親
相歡詩酒洗迷塵
偶逢釋女學書法
乃覺花園是竹林
柔笑增嬌真大士
何妨俗客擾禪心
慾窮日月三千界
應作善才覓化身

Tôi muốn được hóa thân làm Thiện Tài đồng tử cầm bút mực theo ni cô du hành hết tam thiên đại thiên thế giới để phụng bồi cho cuộc học thư pháp hy hữu trong cõi Hoa Nghiêm kia. Và lấy cảm hứng để viết bài này.



Khác với một số tác giả võ hiệp, trong tác phẩm Kim Dung không có những nhân vật nữ chính diện lẫn phản diện nào vừa có võ công cái thế lại vừa có dã tâm khuynh đảo giang hồ. Mười toan hùng bá võ lâm dường như vẫn là “cuộc chơi” dành cho phái mạnh. Những *Madame Rice* không hề có mặt trong cõi giang hồ của Kim Dung. Hào khí ngất trời của Triệu Mẫn, trí tuệ trác việt của Hoàng Dung, uy thế trùm đời

của Doanh Doanh cuối cùng cũng đều bị khuất phục trước tiếng nói của tình yêu. Đó có lẽ là con đường đích thực dành cho mọi nhân vật nữ thượng đỉnh trong thế giới Kim Dung. Nhưng thay vào đó, Kim Dung lại xây dựng một thế giới đa dạng và kỳ diệu khác cho phái nữ, không phải cho những phụ nữ thuộc cội hồng trần mà cho những người đã đem thân gửi chốn am mây: *đó là thế giới của những ni cô*. Không một tác giả nào có thể xây dựng được một thế giới ni cô đa dạng và mang lại nhiều ấn tượng như Kim Dung.

Nếu trong tiểu thuyết Kim Dung, những quái tượng như Diệt Tuyệt sư thái làm vấn đục đi hình ảnh từ bi vô lượng của đức Phật thì ba vị sư thái phái Hằng Sơn – *Hằng Sơn Tam Định* – đã phục hồi cho Phật pháp trở lại chân diện mục rạng rỡ buổi ban sơ.

Hằng Sơn Tam Định là ba vị sư thái đứng đầu phái Hằng sơn, pháp hiệu đều bắt đầu bằng chữ *Định*: *Định Tĩnh* là chủ trương, *Định Nhàn* là sự tĩnh và *Định Dật* là sự động. *Nhàn, Tĩnh, Dật* là ba yếu chỉ trong đạo học phương đông. *Nhàn* thì tâm được vô sự, *Tĩnh* thì tâm được bình hòa, *Dật* thì tâm được thanh thoi. Ba sư thái *Nhàn, Tĩnh, Dật* tạo thành ba cột trụ cho phái Hằng sơn. Phật giáo thường dùng số ba để làm đề mục như *tam luận* là ba bộ luận: Bách luận–Thập nhị môn luận–Trung quán luận, *tam tạng kinh điển* là kinh–luật–luận; *tam học* là Giới–Định–Tuệ, *tam độc* là Tham–Sân–Si ..., nay Kim Dung lại muốn tạo thêm *tam định* là *Nhàn–Tĩnh–Dật* có phải là muốn làm phong phú thêm cái kho tàng vốn đã vô cùng phong phú của Phật môn?

Ba vị sư thái mỗi người mỗi vẻ, *Định Tĩnh* thì từ hòa, trầm ổn, *Định Nhàn* thì ung dung, *Định Dật* thì tính nóng như lửa và ý chí quật cường. Có người đem tâm từ hòa để phụng sự Phật pháp, có người đem tâm sân mà phụng sự Phật pháp. Cái

tâm phụng sự Phật pháp đâu nhất thiết phải là cái tâm từ bi hỷ xả, chỉ cốt sao đó là cái tâm thành. Theo truyện cổ nước ta, có một vị thầy tu lặn lội về phương Tây để tìm Phật, giữa đường gặp một tên cướp hung bạo. Sau khi nghe thuyết pháp, tên cướp ăn năn và hỏi làm thế nào để cúng dường đức Phật, thầy tu trả lời rằng muốn cúng dường đức Phật thì chỉ cốt ở tấm lòng; tên cướp lại hiểu một cách chân chất, nên liền rút dao mổ bụng, lôi cả bộ lòng nhờ vị thầy tu đem dâng lên đức Phật. Dọc đường bộ lòng bốc mùi hôi thối nên vị thầy tu bèn vắt nó vào bụi cây và tiếp tục hành trình. Khi đi đến Tây thiên, đức Phật hỏi ông dọc đường có ai gọi gì không, ông bỗng sực nhớ bộ lòng của tên cướp nên quay lại đi tìm. Tìm mãi trong các bụi cây nhưng không thấy, ông kiệt sức mà chết và biến thành con chim bìm bịp. Câu chuyện giản đơn và người bình dân muốn ngụ ý rằng tấm lòng của tên cướp đã được đức Phật chứng giám vì y đã đến với đức Phật bằng cả tấm lòng thành.

Định Dật sư thái đem tâm sân mà phụng sự Phật pháp mà vẫn không hổ thẹn là một trong “*Hằng Sơn tam Định*”. Khi bà bị phe Tung Sơn dùng quỷ kế vây hãm ở Long tuyến Chú kiếm cốc để ép buộc phải đồng ý việc hợp nhất Ngũ Nhạc kiếm phái, bà thủy chung vẫn không chút sòn lòng. Vì cảm ân Lệnh Hồ Xung đã cứu trợ môn phái trong giờ phút tử sinh, bà cùng Định Tĩnh sư thái lên chùa Thiếu Lâm cầu xin phương trượng Phương Chứng đại sư thả cho Nhậm Doanh Doanh xuống núi. Con người tính nóng như lửa đỏ lại chịu đi làm thuyết khách để cầu xin tha cho một *nữ ma đầu* của phe đối lập, cái tâm đó đủ để cứu vãn tinh thần Phật giáo. Tại đây bà và chương môn Định Tĩnh bị Nhạc Bất Quần dùng *Tịch Tà Kiếm Pháp* ám toán.

Định Nhân là sư tỷ của chương môn Định Tĩnh. Tình tình bà khoan hòa, độ lượng. Khi bà dẫn môn đồ đến Tiên hà

linh, thì bị phe Tung Sơn giả làm Ma giáo tập công, bắt cóc môn đệ, rồi Chung Trấn xuất hiện đóng vai người cứu giúp để ngầm gây áp lực buộc bà chấp thuận việc hợp nhất Ngũ Nhạc kiếm phái. Bà gởi thư bồ câu kêu gọi Định Dật và Định Tĩnh trợ giúp nhưng mới hay cả hai vị sư muội đồng môn cũng đang bị vây khốn tại Long Tuyền chú kiếm cốc. Nhờ có Lệnh Hồ Xung, dưới lốt cải trang thành một viên quan triều đình, giúp bà cứu thoát các đồ đệ nhưng bản thân bà bị tử thương tại đương trường.

Pháp hiệu bà là Định Nhân nhưng bà lại rất kiên quyết trước dã tâm của Tả Lãnh Thiên. Cảnh tượng bà chiến đấu một cách tuyệt vọng để giải cứu môn đệ giữa vòng vây hãm của bọn Tung sơn có lẽ là một trong những hình ảnh bi tráng nhất trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Chi tiết rất cảm động là trước khi chết, bà vô cùng sống sót nhưng lại rất thanh thản khi biết kẻ giúp môn phái khỏi kiếp nạn không phải là môn đồ của Nhậm Ngã Hành như bà lo ngại, mà là tên khỉ đỏ của phái Hoa Sơn: *Lệnh Hồ Xung*. Cái chết của bà mở đầu cho một loạt các diễn biến về sau để dẫn đến việc Lệnh Hồ Xung làm chủ môn phái Hằng sơn.

Định Tĩnh là chương môn phái Hằng sơn. Pháp hiệu bà là Định Tĩnh rất phù hợp với công phu hàm dưỡng của một chương môn nhân. Bị phái Tung sơn giả dạng Ma giáo vây khốn tại Long Tuyền Chú kiếm cốc, giữa cảnh khốn quẫn với cái chết cận kề, môn đồ bị sát hại, bà vẫn giữ được cái tâm “*tĩnh*” và “*định*” đúng với phong độ của một đại tông sư võ học chốn thiên môn. Khi Lệnh Hồ Xung đến cứu viện và lột mặt nạ của bọn Tung sơn thì bà lại xin Lệnh Hồ Xung tha cho những kẻ đã tàn sát môn đồ, sau khi dùng những lời lẽ từ bi để cảnh tỉnh những kẻ ngu xuẩn trong giấc mơ cuồng điên của quyền lực. “*Dĩ đức báo oán*”, vị sư thái đó đã thực

hiện bi tâm theo tinh thần Phật giáo. Bà và sư muội là Định Dật tự nguyện đến Thiếu lâm tự để xin Phương Chứng đại sư tha cho Nhậm Doanh Doanh xuống núi. Cái tâm từ hòa và khoáng đạt đó quả đã vượt xa cái tâm cố chấp câu nệ của Xung Hư đạo trưởng, khi vị đạo trưởng này ngăn cản không muốn Lệnh Hồ Xung đến Thiếu Lâm cứu Doanh Doanh.

Bạc chân nhân khi cái tâm đã *tĩnh* thì trên tấm gương lòng đó vạn sự sẽ hiển lộ toàn chân. Hán tới thì hiện Hán, Hồ đến thì hiện Hồ. Đó là tấm *kính chiếu yêu* mà mọi ma quỷ đội lốt thiên nhân đều phải lộ chân tướng. Đó là cái thấy *như thị* theo tinh thần Phật giáo, cái thấy không còn bị vướng mắc bởi định kiến hay dư luận. Chính vì thế mà trước phút lâm chung, bà đã không ngần ngại đã trao chúc chuông môn cho một gã tửu đồ lãng tử đã *"tàn tạ thanh danh"* là Lệnh Hồ Xung. Cái tâm của bà quả sáng ngời như viên ngọc không còn tỳ vết nên mới có thể nhận ra phẩm chất quý giá nơi tên khí đồ phái Hoa Sơn. Nhiều người đọc *Tiểu Ngao Giang Hồ* cho rằng dù chịu bất hạnh trong tình yêu nhưng Lệnh Hồ Xung vẫn còn hạnh phúc vì có Nhạc phu nhân là người hiểu và thương yêu chàng ta như một người mẹ, mà quên rằng Lệnh Hồ Xung còn may mắn hơn khi có một Định Tĩnh sư thái hiểu và quý trọng chàng ta không kém. Đó mới chính là hạnh phúc đáng trân trọng suốt đời. Đối với Lệnh Hồ Xung, nếu Nhạc phu nhân là người Mẹ trong cõi đời thì vị sư thái đó là người Mẹ trong cõi đạo, vì chỉ có người *Mẹ chân chính* mới có thể yêu thương con mình bằng tình yêu mệnh mông không điều kiện, dầu đó là những đứa con hư đốn hoang đàng.

Định Nhân và Định Tĩnh sư thái chỉ xuất hiện có một lần nhưng vẫn để lại trong lòng người đọc những ấn tượng vô cùng sâu đậm. Ta không ngạc nhiên khi dưới trướng Diệt Tuyệt sư thái gàn dở lạnh lùng phải có những Đinh Mặc

Quân cay độc, còn dưới trướng *Tam Định Hằng Sơn* lại có những Nghi Hòa mực thước, Tần Quyền hồn nhiên, Nghi Lâm từ ái... Tinh thần Phật giáo được hàm dưỡng bởi huệ trí và bi tâm. Xả thân bằng tinh thần vô ngã tuyệt đối như Không Kiến đại sư trước ngọn *Thất thương quyền* tàn độc của Tạ Tổn là một cách thể hiện bi tâm; mà mềm mỏng nhưng kiên quyết như Định Tĩnh sư thái trước dã tâm của Tả Lãnh Thiền cũng là cách thể hiện bi tâm. Chính bi tâm của những bậc chân tu như Định Tĩnh sư thái hay Không Kiến đại sư mới cứu chuộc Phật giáo khỏi bị đắm chìm, và nếu Kim Dung muốn thể hiện tiếng nói của thiền môn qua thế giới ni cô, thì đó chỉ có thể là hình ảnh của *Hằng Sơn Tam Định*.

HOÀNG DƯỢC SƯ: MỘT CỘI TRỜI RIÊNG

Chính tà nguồn cội là đâu?

Độc tôn Duy ngã chốn Đào hoa chơi.

Mênh mông tiếng sáo trùng khơi.

Cây dừa và cây thông có lẽ là hai loài cây mà ai cũng biết. Cây dừa thì bình dị và dân dã quá, còn cây thông thì từ ngàn xưa đã được đưa vào văn học như là biểu tượng của người quân tử. Nhiều khi ngẫm chúng, tôi lại liên tưởng đến hai hình ảnh trái ngược nhau trong cuộc đời.

Cây dừa ở dưới gốc thì trơ trụi, nhưng khi đã lên cao thì rất nhiều cành lá và trái xúm xít bám vào, trong khi suốt từ gốc đến hết phần thân không hề có một lá nào. Nó giống như hình ảnh của lợi danh và quyền lực. Con người thuở hàn vi thì chẳng ai thèm ngó ngang đến, nhưng hễ đã nắm được quyền lực hoặc tiền bạc trong tay thì lập tức có hằng trăm ngàn kẻ xúm xít vây quanh. Càng lên cao thì càng nhiều người xu phụ. Lắm kẻ lưu manh xảo hoạt, như chiếc lá dừa vươn rất rộng thường làm ra vẻ sẵn sàng liêu minh che chở cho thân cây. Để rồi khi cái ngọn dừa cao ngất kia bị ngã xuống thì cánh lá tua tủa đang xúm xít vây quanh sẽ lập tức tan tác hết, chỉ còn trơ lại cái gốc xù xì.

Con cóc sẽ phải trở về với chân tướng con cóc, dù có thể cuộc đời đã có lúc dùng tiền bạc và quyền lực để biến nó thành con thiên nga trong hoang tưởng. Hình ảnh đó có lẽ không được nên thơ lắm, nhưng tôi lại thấy nó phản ánh rất đúng một khía cạnh của cuộc sống. Đó có thể là trường hợp của *Tinh túc lão quái* Đinh Xuân Thu. Khi chiến thắng thì được đệ tử tung hô như thần linh, nào là “*thần thông quảng đại, sánh ngang nhật nguyệt, uy vũ trùm đời*” ..., nhưng khi thất bại thì đệ tử trở mặt ngay để mặt sát như loài chó lợn!

Trái lại, cây thông thì phía dưới um tùm xanh lá nhưng càng lên cao thì cành lá càng thóp lại dần. Cái xúm xít ở dưới thưa dần đi. Khi đến đỉnh thì chỉ còn trơ ngọn lá cô đơn, một mình đâm vút lên cao. Và nó vẫn kiêu ngạo đứng trơ vơ để chống chọi với cái giá buốt của mùa đông. Mặc cho gió thổi và tuyết phủ, cây thông vẫn sừng sững để đắm chìm trong nỗi cô liêu trầm mặc. Đó là hình ảnh của nghệ thuật và phong cách tài hoa thực sự (đương nhiên là có những thứ tài hoa nửa mùa!). Ở mức độ càng thấp thì càng đông người phụ họa, càng lên cao thì số lượng người chia sẻ được sẽ vơi dần. Đỉnh cao của trí tuệ và nghệ thuật không thể được mọi người cùng chia sẻ, dù ta có tôn trọng họ đến bao nhiêu đi nữa. Đến chỗ cao chót vót thì người nghệ sĩ sẽ phải đối diện với cô đơn, dù cái tâm của họ có thể ôm trùm cả nhân loại. Truyện Kiều đã đi vào lòng người cả mấy trăm năm, làm say mê mọi người là thế, nhưng tâm sự Nguyễn Du vẫn là một ẩn ngữ thiên thu. Nó mãi mãi cô đơn, như ngọn thông lẻ loi đứng giữa trời. Đọc Kim Dung, nhân vật Hoàng Dục Sư luôn làm tôi liên tưởng đến hình ảnh cây thông, dù nhân vật cổ quái này chưa bao giờ gọi trong tôi những tình cảm mặn mà thật sự.

Không có nhân vật nào của Kim Dung lại có được kiến thức bách khoa và văn võ toàn tài như Hoàng Dục Sư, kể cả

Tạ Tồn và Nhậm Ngã Hành – là hai tay quái kiệt võ lâm. Cầm kỳ thư họa, dịch lý, bát quái ngũ hành, trịnh pháp, võ công ... tất cả đều đạt đến chỗ tột đỉnh của tinh hoa. Vậy mà không bị rơi vào cái tạp học như Tô Tinh. Tô Tinh Hà vì ham mê tạp học mà võ công sa sút, bị sư đệ Đinh Xuân Thu làm tan vỡ cả môn phái. Hoàng Dược Sư thì khác hẳn. Trịnh pháp trên đảo Đào hoa sẵn sàng vây khốn những kẻ nào dám liều lĩnh đặt chân lên đảo. Cây ngọc tiêu réo rắt trên sóng biển sẽ là vũ khí cực kỳ lợi hại để giao đấu nội lực với các đại cao thủ võ lâm. Võ công đủ để trấn áp một phương với ngoại hiệu Đông Tà. Kiến thức uyên bác trùm đời đủ để “*cưỡng từ đoạt lý*”. Dung mạo đẹp để uy nguy đủ để mọi người kính nể kiêng dè. Còn gì đáng để thêm vào nữa cho nhân vật mang chứa trong mình hầu như toàn bộ tinh hoa của nhân loại?

Nhưng Hoàng Dược Sư gây được ấn tượng vô cùng sâu sắc đối với người đọc không phải chỉ bởi cái tài hoa mà chính ở chỗ tính tình cổ quái cao ngạo. Ông cao ngạo không phải chỉ vì giỏi, mà vì ông muốn đập đổ thị phi, xóa nhòa mọi biên giới tà chính trong cõi giang hồ để đẩy tự do và suy tưởng cá nhân đến chỗ tuyệt đối. Chữ “*Tà*” trong ngoại hiệu Đông Tà của ông không có nghĩa đơn giản là đối lập với “*chính*” trong phạm trù “*tà chính*”, mà nó có nghĩa rằng dưới mắt ông, mọi nỗ lực muốn kiến tạo một ranh giới rạch ròi giữa *chính* và *tà* chỉ là điều ngu xuẩn. Chính tà thiện ác chỉ là sản phẩm được nhào nặn theo cái nhìn và ý muốn của những con người có ý chí hùng bá, như Hoàng Dược Sư hay Nhậm Ngã Hành. Nếu như Nhậm Ngã Hành, sau khi cướp lại ngôi giáo chủ từ tay Đông Phương Bất Bại, muốn vạch lại dòng chảy của lịch sử theo ý chí của mình, thì Hoàng Dược Sư lại kiêu hãnh đứng một bên, hoặc đứng trên cái dòng chảy ấy, vì nó không thể hòa hợp được với tâm hồn của kẻ tài hoa tột đỉnh như ông.

Có lẽ chính trong những suy tưởng đó ông mới thực sự là kẻ cô đơn vì không có kẻ đồng thời nào chia sẻ được. Chỉ sau này ông mới gặp được một người bạn vong niên là Dương Quá, chỉ vì anh chàng này dám yêu và cưới sư phụ— một điều đại cấm kỵ của võ lâm. Nhưng sự chia sẻ đó cũng chỉ mới ở một phần nhỏ là: vượt qua được định kiến của xã hội.

Cũng như Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn luôn giữ thái độ buồn rầu mà hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng đó là tâm sự hoài Lê! Tôi cho rằng đó chỉ là tâm sự cô đơn của những kẻ tài hoa tuyệt đỉnh không muốn để mình bị cuốn trôi theo dòng chảy của lịch sử, mà không tìm được người đồng điệu. Nếu Hoàng Dục Sư thiết kế một đảo Đào hoa thơ mộng giữa đại dương để kiêu ngạo một mình rong chơi một cõi, thì Nguyễn Du lại đạm nhiên lễ nhượng xây nên một tòa *Tân thanh* lặng lẽ giữa cõi biển dâu để mở ra những trận du hý thần thông. Trong khi đảo Đào hoa như thiên la địa võng vây hãm con người, thì tòa *Tân thanh* lại lãng đãng sương mù để mở rộng vòng tay ôm lấy toàn nhân loại, nhưng cả hai đều là những “*một cõi trời riêng*” làm nơi trú ẩn của những cây thông xanh cô độc!

Hoàng Dục Sư cho cắt lưỡi và chọc thủng tai những kẻ nô bộc để biến chúng thành những người câm điếc, không muốn chúng đóng vai trò của những sứ giả thông tin vì ông gần như muốn cắt đứt mọi quan hệ với xã hội bên ngoài, không muốn cho những kẻ không xứng đáng đặt chân đến *cõi riêng* đó. Dầu những kẻ nô bộc kia toàn là những tên lưu manh đầu trộm đuôi cướp, giết người không gớm tay, đáng để giết đi; nhưng việc làm đó của ông, dưới quan điểm đạo lý bình thường, ta sẽ cho là man rợ. Ông trừng phạt bọn người gian ác kia có lẽ vì muốn “*Thế thiên hành đạo*”, muốn thay trời để xử lý tội ác theo kiểu của riêng ông, vì rõ ràng ông không

tin gì vào cái gọi là “đạo lý trần gian”. Nói theo ngôn ngữ của các nhà hiện sinh thì có thể Hoàng Dực Sư muốn làm điều ác vì điều thiện đã được con người từ thuở xa xưa tranh nhau làm cả rồi! Nhưng nếu đạo lý “đi bạo dịch bạo” (dùng điều bạo ngược để thay cho điều bạo ngược) vẫn tràn lan trong cõi thế, và bạo lực cùng thù hận vẫn là động cơ góp phần thúc đẩy dòng chảy của lịch sử nhân loại thì ngẫm ra, vị chúa đảo Đào Hoa kia chắc gì đã là “tà”? Khi bị nghi oan là đã tàn sát những người trong đám *Giang Nam lục quái*, ông cũng chẳng thêm dính chính, vì cho rằng đó không xứng đáng với mình. Như cây thông xanh hiên ngang reo trong ngàn cơn gió giá buốt mùa đông, Hoàng Dực Sư vẫn luôn lạnh lùng kiêu ngạo với một cõi trời riêng.

Hoàng Dực Sư cực kỳ kiêu ngạo và có đôi phần tà quái thì đó cũng là lẽ đương nhiên, nếu quả như trên cõi đời có thể tồn tại một nhân vật tổng hợp được ngần ấy thứ nơi một con người. Hình tượng Hoàng Dực Sư như muốn vượt cả những thiên tài khổng lồ thời Phục hưng phương Tây: *Leonardo da Vinci* hay *Michelangelo Buonarroti*. Nếu *Leonardo da Vinci* vừa là họa sĩ, kỹ sư vừa là nhà soạn nhạc và nhà khoa học hay *Michelangelo Buonarroti* vừa là họa sĩ, nhà điêu khắc, vừa là nhà kiến trúc và nhà thơ, thì Hoàng Dực Sư còn hơn thế nữa: ấy là sở đắc về võ công! Nhưng tự xưa đáng Tạo Hóa công luôn “đổ toàn”, nên khi Ngài đem những chất liệu ưu mỹ nhất để tạo nên những con người tài hoa đủ điệu như Hoàng Dực Sư, thì ngài lại luôn bắt họ phải gánh chịu một bi kịch nào đó trong cuộc sống, để cho những tạo vật khác khỏi so bì. Tưởng chừng như với một tay bản lĩnh nghiêng trời như Hoàng Dực Sư, thì trên đời này không có gì lại không bị khuất phục dưới ý chí của ông, và hai chữ “bất khả” có lẽ không thể tồn tại trong cuốn tự điển sống của vị chúa đảo Đào hoa. Với Hoàng Dực Sư thì muốn

là được, như lời nói của Caesar là luật lệ. Nhưng nếu đối với giang hồ, cái bóng khổng lồ của chúa đảo Đào hoa bao trùm lên mọi cao thủ võ lâm như một tượng đài bất khả xâm phạm, thì nỗi khổ của ông lại bắt nguồn từ một chỗ tưởng chừng như êm ấm nhất: *gia đình*. Trong các tác phẩm võ hiệp, bi kịch gia đình của các nhân vật giang hồ thường là cảnh toàn gia bị thảm sát như Tạ Tốn, Lưu Chính Phong để đẩy những nhân vật đó vào chỗ tận cùng khổ lụy, thì đối với Hoàng Dưc Sư lại khác. Người vợ hiền của ông vì vất kiệt cả sức lực để ghi nhớ *Cửu âm chân kinh* nên phải sớm qua đời, để lại đứa con gái thông minh tuyệt đỉnh là Hoàng Dung. Cô “*con gái rượu*” này làm ông phải bao phen lao đao vất vả vì cô mãi chạy theo Quách Tĩnh, một kẻ mà dưới mắt ông chỉ là tên thô lậu ngu xuẩn không đáng giá một xu. Đó mới thực sự là nỗi thống khổ của bọn tài tử cổ kim!

Cuộc đời vẫn thường đem những thứ vớ vẩn như thế để chơi khăm khách tài hoa, bắt con kinh ngư phải ngắc ngoải trong vũng nước bùn, như một lời răn đe giấu cợt. Cha tài hoa tuyệt đỉnh, con gái thuộc hàng cực phẩm của nhân gian, thì chàng rể lại lù đù như một “*anh Hai Lúa*”. Khi Tây độc Âu Dương Phong đem cháu là Âu Dương Khắc, còn Hồng Thất Công dẫn đồ đệ là Quách Tĩnh đến đảo Đào Hoa cầu hôn, ông thấy thà chấp nhận Âu Dương Khắc, còn hơn để Hoàng Dung kết thân cùng Quách Tĩnh, dù ông thừa biết Âu Dương Khắc là loại người bạc hạnh, bởi một lý do đơn giản là anh chàng công tử Bạch đà sơn dù sao cũng phong lưu nho nhã và có chút tài hoa. Có lẽ với ông, nhân cách còn có thể giữa mài chứ tục cốt thì khó lòng hoá cải, như bài thơ vịnh trúc của Tô Đông Pha: *Nhân khả thực vô nhục, bất khả cư vô trúc, vô nhục linh nhân sấu, vô trúc linh nhân tục, nhân sấu thượng khả phi, tục sĩ bất khả y*” (Có thể ăn không thịt, không thể sống không trúc, không thịt khiến người gầy, không trúc

khiến người tục, người gây mập có ngày, kẻ tục đành bó tay). Tục cốt quả là hết thuốc chữa. Dù một kẻ có kiến thức bác cổ thông kim hay tiền của trùm đời, nhưng nếu bản chất là tục cốt thì vẫn là tục cốt, vì những kiến thức vay mượn hay ngọc ngà châu báu vẫn không thể che dấu nổi cái cốt lõi của con người. Đối với những kẻ tài hoa thì đúng là “*Tục sĩ bất khả y*”!

Chính nỗi cô đơn trong suy tưởng cùng với nỗi buồn về gia đình đã khiến cho con người tài hoa như Hoàng Dực Sư lắm phen phải ngó ngán như một kẻ tâm thần. Ông bố tài hoa tung hoành khắp thiên hạ, dưới mắt xem không có người, vậy mà đành lòng chấp nhận một chàng rể lù đù hậu đậu. Tấm lòng của người cha đã đánh bật sự kiêu ngạo ngất trời. Hình ảnh Hoàng Dực Sư cuống cuống tìm con trên biển là hình ảnh đáng yêu nhất của nhân vật này, chứ không phải sự kiêu ngạo lạnh lùng đôi khi vớ vẩn như bắt bọ cao thủ Hầu Thông Hải phải chui qua đống quần mình mà đi. Hành động đó khiến Hoàng Dực Sư trở nên rẻ tiền như tên bán thịt bắt Hàn Tín lòn trôn giữa chợ. Ở điểm này, Hoàng Dực Sư thua xa Nhậm Ngã Hành, chưa nói gì đến Tạ Tốn. Nhưng chính hình ảnh dung tục đó đã, trong một sát na, kéo Hoàng Dực Sư ra khỏi “*một cõi trời riêng*” mà về với “*cõi người ta*” vốn đầy những cái tầm thường dung tục.

Hình ảnh vị thanh y quái khách ẩn hiện thất thường với mặt nạ da người trở lỳ vô cảm và cây ngọc tiêu vẫn là biểu tượng hấp dẫn người đọc vì sự lạnh lùng cao ngạo, vì tài hoa tột đỉnh và trên hết là sự cô đơn. Và đảo Đào hoa giữa đại dương sóng nước kia sẽ không chỉ là của riêng của Hoàng Dực Sư mà là một đảo Đào hoa mang nghĩa tượng trưng trong tâm tưởng mỗi chúng ta, để những khi bị cuộc đời đẩy vào nỗi cô đơn cùng tột, ta sẽ quay về tìm lại chính mình trong “*một cõi trời riêng*”.

NỖI LÒNG A TỬ

*J'ai rêvé j'allais t'épouser si fort que rien, rien ne
pourrait nous séparer – que la mort*

*Je pense qu'elle peut rapprocher, au contraire ... oui,
rapprocher ce qui a été séparé pendant la vie*

*(– Anh mơ thấy anh sẽ cưới em, ước mơ mãnh liệt
đến nỗi không có gì có thể ngăn cách được chúng
ta – trừ cái chết.*

*Em thì nghĩ ngược lại rằng chính cái chết mới có thể
nối kết, vâng, nối kết được những gì đã bị cách ngăn
trong cuộc sống)*

André Gide – *La porte étroite*

Trên đây là lời đối thoại giữa Jérôme và Alissa, hai nhân vật chính trong tác phẩm nổi tiếng *La porte étroite* của André Gide. Tác phẩm này đã được ngời bút tài hoa của nhà thơ Bùi Giáng chuyển sang tiếng Việt với tựa đề “*Khung cửa hẹp*”. Alissa yêu Jérôme nhưng cô biết em gái mình là Juliette cũng yêu Jérôme, và cô đã khước từ tình yêu để tìm đến đấng Tối Cao qua “*khung cửa hẹp*”, theo lời gọi thiêng liêng của tôn giáo. Cô đã đem cả tuổi xuân để làm chất phân bón cho loài cây chỉ nở những cánh hoa cô liêu giữa vùng trời sa mạc, với ước vọng điên rồ rằng cánh hoa của sự hy sinh sẽ tỏa hương

thơm vào côi Vĩnh Hằng huyền hoặc. Có lẽ cô tin sẽ tìm lại được Jérôme trong côi chết – nơi mà những cặp tình nhân sẽ gặp lại nhau để nối kết những cung đàn dang dở. Juliette lập gia đình, Alissa qua đời, để lại nhân vật Jérôme sống cô liêu trong ngậm ngùi bi hận. Nào đâu là mộng hoài tuổi thanh niên, nào đâu là mùi hương xuân sắc, tất cả đều tan tác trong cơn lốc lặng lẽ của tình yêu ngang trái.

Đọc đoạn văn trên, lòng tôi lại nhớ đến cô bé A Tử trong *Thiên Long Bát Bộ*. Nếu các bạn đã từng đọc *Khung cửa hẹp* và *Thiên Long Bát Bộ* ắt hẳn các bạn sẽ cho rằng tôi khiên cưỡng, khi đem hình ảnh của Alissa – một nhân vật dịu dàng cô độc – để nói về A Tử – một nhân vật nữ tính quái và ác độc nhất trong mọi nền văn học cổ kim. So sánh Alissa với A Châu còn có thể được, vì cả hai đều là những “*linh hồn thực nữ bao dung*”. Dù biết thế, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn thấy giữa Alissa và A Tử, tại tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, vẫn có điểm tương đồng: *đó là sự thiết tha trong tâm nguyện*.

Cuộc đời vẫn luôn có những người con gái đồng đánh và tai quái thường đem những kẻ yêu họ (mà họ không yêu lại, dĩ nhiên!) ra làm đối tượng chế diễu. Như một trò đùa và để thỏa mãn cái tôi. Thuở còn đi học, đâu phải thiếu những cậu học trò phải bao phen xấu hổ bởi những lá thư tỏ tình vụng dại mà họ âm thầm nhét vào dưới gầm bàn học lại trở thành “*để tài nghiên cứu*” cho cả lớp! Nhưng tình quái đến mức tàn ác như A Tử đối với Du Thán Chi có lẽ chỉ có một. Cô dày dạn gã si tình kia đến thân tàn ma dại, chỉ để mua vui và đem gã làm vật hy sinh cho những trò luyện công tà quái. Cô cho cột gã vào ngựa rồi kéo lên để làm trò “*diều người*”, bắt gã để tay cho rắn rít cắn để cô luyện công phu “*Hóa công đại pháp*”. Tàn nhẫn nhất là cô cho người hầu dùng cái khuôn sắt nung cháy trùn lên đầu Du Thán Chi và hủy hoại khuôn mặt của

kẻ si tình khốn khổ. Cô cũng không một chút động lòng khi biết Du Thản Chi đã hy sinh cặp mắt để đem lại ánh sáng cho mình. Cô không hiểu rằng trong tâm hồn cuồng điên si dại đó, máu và lệ của mối tình câm đã ngập tràn, như muốn nhận chìm cả mối hờn căm đã từng sôi sục thuở vượt qua Nhạn Môn Quan để trả mối phụ thù.

Với A Tử, Du Thản Chi hay tất cả mọi người khác đều chỉ là những con sâu cái kiến. Chúng hoàn toàn vô nghĩa và chỉ có một lý do duy nhất đáng để tồn tại là được dùng để phục vụ cho tham vọng của cô. Cô chỉ biết có Tiêu Phong. Cô đứng đưng tàn ác với tất cả mọi người, thậm chí với cả những người thân, nhưng với Tiêu Phong thì trái tim lạnh lùng vô cảm kia lại sẵn sàng hy sinh tất cả. Hình ảnh người anh rể đã chiếm trọn tâm hồn của cô bé mới mười mấy tuổi đầu. Cô tàn nhẫn với Du Thản Chi bao nhiêu thì cô lại tha thiết với Tiêu Phong bấy nhiêu. Hai thái cực *tàn nhẫn và đắm say* cùng ở chung trong tim một thiếu nữ đã đẩy mối tình trái ngang vô vọng kia đến tận cùng thảm họa. *Trái tim tàn nhẫn vô tình, Chỉ chôn chặt mỗi bóng hình tỷ phụ. Hận lòng máu nhỏ thiên thu.*

Khi thấy Tiêu Phong luôn hờ hững với mình, cô từng ném độc châm vào Tiêu Phong để mong Tiêu Phong sẽ bị thương, và như thế sẽ ở mãi bên cô! Khi nghe chuyện cô kể Du Thản Chi hy sinh cặp mắt cho cô với giọng thản nhiên và diều cợt, Tiêu Phong đã trách mắng cô bạc nghĩa, thì cô lại khóc òa và nói một câu mà mọi nam nhi trong thiên hạ đều phải động lòng: *"Nếu như đại ca bị mù hai mắt thì muội cũng xin hiến cặp mắt mình để cứu đại ca!"*. Câu nói chí tình và tha thiết đó có cứu vãn được những điều tàn ác mà cô đã gây ra? Quả chữ tình gây nên bao oan nghiệt cho cõi trần gian. *"Tu là cội phúc, tình là dây oan (Kiều)*. Tu có là cội phúc hay không thì chưa thấy, nhưng tình là dây oan thì quả là nhiều. Sợi dây

tình đã trói chặt số phận Tiêu Phong, Du Thủ Chi và A Tử vào vòng tròn nghiệt ngã, mà các nhân vật đó chưa hẳn đã cắt đứt được, ngay cả khi họ cặp tay nhau đi về bên kia thế giới.

Cõi chết vẫn là điểm tương phùng cho những cặp tình nhân bất hạnh. Tôi không tin tưởng gì lắm về *Ngày phán xét cuối cùng* của mọi tôn giáo, hoặc sự cứu rỗi linh hồn nhờ vào một đấng Tối cao, nhưng tôi lại rất tin thuyết luân hồi, không phải theo nghĩa tôn giáo mà như là một hình ảnh của nghệ thuật. Những tâm nguyện chưa thực hiện, những tình yêu dang dở, những hoài vọng không thành sẽ khiến cho cuộc sống trở nên chua chát và cõi đời trở nên ngậm ngùi biết mấy, nếu như chúng ta không tạo được niềm tin rằng chúng sẽ được tụ thành ở kiếp lai sinh? Trong bài thơ *Adieu* (Lời vĩnh biệt), Apollinaire đã từng nói lên những lời tha thiết

J'ai cueilli ce brin de bruyère

L'automne est morte souviens – t'en?

Nous ne nous verrons plus sur Terre

Odeur du Temps brin de bruyère

Et souviens-toi que je t'attends.

Ta ngắt đi một cành hoa thạch thảo

Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi

Chúng ta sẽ không tương phùng được nữa

Mộng trùng lai không có ở trên đời

Hương thời gian mùi thạch thảo bốc hơi

Và nhớ nhé ta đợi chờ em đó

(Bùi Giáng dịch)

Bài thơ của Apollinaire nghe ngậm ngùi man mác, nổi sâu trong thơ nghe như bâng bạc nhẹ nhàng, nhưng nó lại đẩy con người đối diện với nỗi trống vắng khôn cùng “*Nous ne nous verrons plus sur Terre*” *Chúng ta sẽ không tương phùng được nữa. Mong trùng lai không có ở trên đời.* Và bao hoài mộng, người ơi, xin hãy chờ đợi nhau trong hương thời gian và hôn hoa thạch thảo. Trong khi đó? Nguyễn Du lại dìu chúng ta từ cõi cõi lạnh giá về nơi ấm áp. *Kiếp sau họa gặp, kiếp này hân thôi* (Kiều). Lời thơ đó dù có đau thương nhưng vẫn còn nồng ấm, vì nó mở ra cho chúng ta một khoảng trời, để ước mơ và hy vọng. Mong trùng lai nếu không có ở trên đời thì còn có ở kiếp sau. Đó chính là lối về cho A Tử, cho Du Thán Chi và cho cả Tiêu Phong.

Tiêu Phong vẫn luôn ở bên cô nhưng cô hiểu “*dầu trong gang tấc gặp mười quan san*” (Kiều), vì hình ảnh của người chị A Châu. Cô bị hoàng hậu nước Liêu lừa để đem thuốc độc cho Tiêu Phong uống, vì cô ngỡ đó là “*thuốc yêu*”. Tiêu Phong uống vào sẽ yêu cô mãi mãi! Liều “*thuốc yêu*” đó đã khiến Tiêu Phong mất hết nội lực và bị bắt khi dẫn cô chạy trốn. Trách sao được cô bé tai quái tàn ác kia, khi hiệu quả của liều thuốc yêu là điều mà cô luôn mơ tưởng? Cõi đời, từ thuở xa xưa cho đến cả thời hiện đại, vẫn dầu thiếu những người phụ nữ nhẹ dạ cho rằng có một loại thuốc thần diệu nào đó giúp họ níu kéo được những trái tim phụ bạc hoặc đang theo đuổi một hình bóng khác. Vô lý là thế, nhưng họ vẫn tin, bởi vì những tâm hồn yếu đuối đáng thương kia sẽ bám víu vào đâu, khi mà mọi nỗ lực chiếm hữu tình yêu đều dẫn vào tuyệt lộ?

Chỉ đến khi Tiêu Phong ngã xuống tại Nhận môn quan, cô mới thấy rằng bây giờ vị tỷ phụ mà cô trọn đời thương nhớ kia mới thực sự là của cô. Sẽ không còn ai tranh giành trái

tim đó với cô nữa. Sẽ không còn những lời trách mắng, cũng như những lời răn dạy nghiêm khắc khi cô bày tỏ nỗi lòng, vì bị xem là đứa trẻ con. Chỉ bây giờ cô mới có quyền ôm vị tỷ phu một cách đắm say mà không bị phản đối cự tuyệt. Đó có lẽ là giây phút đón đau nhưng hạnh phúc nhất trong đời A Tử. Chỉ giờ đây, cái chết mới có thể nối kết được cho cô những gì đã bị cách ngăn trong cuộc sống. “... *rapprocher ce qui a été séparé pendant la vie*”. Cuộc sống đã đẩy mối tình trái ngang vào chốn tận tuyệt của thảm khốc đoạn trường thì xin em hãy ghi siết lấy cái xác thân còn hơi ấm của người yêu, để cung bậc trùng phùng được nối tiếp ở thế giới bên kia. *O love! O life! not life, but love in death!* (Ôi tình yêu! ôi cuộc sống! không phải là cuộc sống, mà là tình yêu trong cõi chết – *Shakespeare— Romeo & Juliet, Act 4, Scene 5*)

Hình ảnh A Tử móc mắt trả lại cho Du Thản Chi, rồi ôm xác Tiêu Phong rơi vào vực thẳm quả quá đủ để đẩy mọi trang sách viết về bi kịch tình yêu vào bóng tối. Đứng bên hình ảnh đoạn trường kia, mọi cảnh tượng đau thương thảm khốc nhất của tình yêu trong mọi nền văn học đều trở nên mờ nhạt và ảm đạm. Và tôi tin rằng từ vực thẳm đó tại Nhận môn quan, một bài tụng ca thiêng liêng sẽ bay vút lên tận cõi trời Đâu Suất để làm hồi sinh mọi tình yêu đang dở trái ngang.

TẠ YÊN KHÁCH: GIÁ TRẢ CHO THÓI CUỒNG NGÔNG

Trong đời, những kẻ may mắn có được cái gì đó hơn người, mà lại không có một căn cơ tinh thần sâu sắc, thường dễ đâm ra kiêu ngạo. “*Cái hơn người*” đó có khi là tiền bạc, địa vị hoặc tài năng. Từ tâm lý kiêu ngạo dễ dẫn đến thói chơi ngông. Cái ngông cũng có năm bảy đường ngông. Có cái ngông vì tiền bạc, như dân gian còn lưu truyền chuyện các công tử Bạc Liêu đốt một tờ 20 đồng để đi tìm tờ 5 đồng trong một rạp chiếu bóng; có cái ngông vì địa vị như nhiều vị có chức quyền đời nay sử dụng cái ghế ngồi để làm những trò lố bịch. Đó là cái thói ngông rẻ tiền của bọn phàm phu bất tài, được nuôi dưỡng bằng sự kiêu ngạo thô bỉ và ngu xuẩn nguy hiểm. Nó phát xuất từ mặc cảm đốn hèn vì tự biết mình không thể được ai với cái đầu rồng tuếch, ngoài những thứ tạm bợ là tiền bạc và địa vị, nên phải chơi ngông để tự “*nâng giá*” mình. Cái ngông hạ cấp đó tàn phá tinh thể của cái ngông của kẻ có tài năng chân chính, là những người ngông vì cô đơn, do không tìm được bạn tri âm, hoặc ngông vì khinh thường bọn “*trung nhân dĩ hạ*” đang huyênh hoang trong vòng danh lợi. Đó là cái ngông của những người tài hoa không muốn hòa mình theo lưu tục.

Nguyễn Tuân, vì không muốn tiếp một vị khách mà ông không ưa, đã ăn mặc chỉnh tề ra nói với người đó: “Ông

Nguyễn Tuân nhờ tôi nhắn với ông rằng ông ấy không có nhà!”. Tản Đà từng đào nền nhà của một người ngưỡng mộ thơ mình để trồng rau, vì lo rằng khi cần rau nhắm rượu lại không có! Lưu Linh say rượu cổ truồng, bạn bè trách, ông cười bảo: *“Ta lấy trời đất làm quần áo, các ông việc gì lại chui vào quần của ta?”.* Điều đó có thể là thực hoặc chỉ là giai thoại văn học, nhưng dù sao cái ngông của kẻ có tài cũng đáng cảm thông vì nó không hề phô trương cái tôi một cách ồn ào lộ bịch, và nhất là cái ngông đó thường bắt nguồn từ cảm thức cô đơn, vì không tìm được sự hòa điệu trong cõi đời. Nhưng ngấm cho cùng thì ngay cả thói ngông vì tài năng cũng chẳng phải là điều hay ho gì cho lắm, thậm chí còn gây nguy hiểm về mặt tinh thần, vì trong đời không thiếu những kẻ có chút tài mọn cũng lăm le bắt chước thói ngông, tập tễnh học đòi cô đơn, có lẽ để đặt mình ngang với những kẻ có chân tài thực học. Thói ngông đó e rằng còn lộ bịch hơn cả thói ngông vì tiền bạc và địa vị vì nó làm cả cõi thế phải ô nhiễm theo!

Trong các tác phẩm của Kim Dung, có rất nhiều nhân vật lỗi lạc và cuồng ngạo như Hoàng Dược Sư, Nhậm Ngã Hành, Bạch Tỳ Tị ... , nhưng ngông đến mức dám sánh mình ngang với đấng Toàn năng để ban ân huệ cho người khác thì có lẽ trong tiểu thuyết võ hiệp chỉ có một người: đó là *Tạ Yên Khách* trong Hiệp khách hành. Vị cao thủ trên đỉnh núi Ma Thiên này, trong một phút hứng chí muốn chơi ngông, bèn đem tặng ba tấm huyền thiết lệnh cho ba người bạn mà mình mang ơn, với lời trọng thệ: *“Huyền thiết chi lệnh, hữu cầu tắc ứng”* (Lệnh của tấm thép đen, hễ có cầu xin là được đáp ứng). Bất kỳ ai đem tấm huyền thiết lệnh đến thì Tạ Yên Khách sẵn sàng làm thỏa mãn mọi yêu cầu của người đó, kể cả việc yêu cầu ông ta tự tử! *“Hữu cầu tắc ứng”*, ước gì được nấy, cung cách đó chỉ có thể có ở một đấng Chí tôn hoặc ông

Bụt trong truyện cổ tích, giờ đây lại tái hiện qua sự ngạo mạn ngông cuồng đến cùng cực của một đại tông sư võ học. Có lẽ chủ nhân huyền thiết lệnh cho rằng với bản lĩnh của mình thì mọi sự trên đời đều “*vô bất khả*”. Cứ gõ cửa sẽ mở, cứ ước sẽ được toại nguyện. Câu “*Hữu cầu tất ứng*” giống như câu thần chú: “*Vùng ơi, mở cửa ra*” trong câu chuyện *Ngàn lẻ một đêm*. Trách sao vô lâm lại không điên đảo để giành nhau?

Một tấm huyền thiết lệnh ngẫu nhiên lạc trong chốn giang hồ và đã gây nên bao sóng gió. Sống trong đời ai lại không có sở cầu, nhất là giữa cõi giang hồ đầy rẫy ân oán thị phi? Các bang hội lẫn cá nhân đều tranh nhau tìm cách đoạt tấm huyền thiết lệnh vì muốn nhờ vị chủ nhân của nó giúp đỡ để thực hiện mưu đồ nào đó. Vợ chồng Thạch Thanh, trang chủ Huyền Tổ trang, võ công và danh vọng là thế mà vẫn phải cần đến tấm huyền thiết lệnh để điều tra tông tích đứa con trai bị bắt cóc, đệ tử phái Tuyết Sơn lại cần đến tấm huyền thiết lệnh để truy nã một tên phản đồ lưu manh ..., khách giang hồ lao vào cuộc săn lùng tấm huyền thiết lệnh giống như cảnh tượng mọi người đổ xô đi tìm vàng trong phim *The Gold Rush* (*Cơn sốt vàng*) của thiên tài Chaplin. Khác với các bí cấp võ công như *Cửu âm chân kinh*, *Cửu dương chân kinh*, *Tịch Tà Kiếm Phổ* hay *Quy Hoa Bảo Điển* ... là những kỳ thư võ học giúp người ta luyện thành bản lĩnh vô địch, còn huyền thiết lệnh chỉ giống như một *tấm vé số giải đặc biệt*, mà người chiếm hữu nó được quyền thực hiện một điều mong ước.

Người xưa quả cực kỳ thâm thúy khi cho rằng vô cơ có được một tài sản lớn, nếu không phải là cái phúc phi thường ắt sẽ là cái họa phi thường. Điều đó đúng với Ngô Đạo Thông. Y sở hữu một tấm huyền thiết lệnh và lập tức trở thành đối tượng truy nã của khách giang hồ, sau hai năm không tìm được vị chủ

nhân của nó; cuối cùng phải bỏ mạng tại Hầu Giám tập, dù đã cải trang thành kẻ bán bánh chiên. Cái vật mà nhiều người ước mơ, tranh đoạt đó lại ngẫu nhiên rơi vào tay một đứa bé ăn xin cầu bơ cầu bất. Tạ Yên Khách xuất hiện đúng lúc để đoạt lại tấm lệnh bài giữa vòng đao kiếm. Và dĩ nhiên, với tư cách là chủ nhân của tấm huyền thiết lệnh, Tạ Yên Khách buộc phải thực hiện điều yêu cầu của đứa nhỏ ăn xin. Có gì dễ dàng cho vị cư sĩ đỉnh Ma Thiên hơn việc làm thỏa mãn yêu cầu của một đứa bé ăn xin lang thang ở đầu đường xó chợ? Một miếng bánh hoặc một ít tiền là xong tất, dù điều đó hoàn toàn không xứng đáng với giá trị của tấm huyền thiết lệnh, giống như cầm cả xe vàng ròng để đổi lấy một cái bánh bao. Nhưng điểm thú vị bất ngờ nhất của tác phẩm là đứa bé ăn xin đó, do hoàn cảnh sống từ bé, lại hoàn toàn không có một điều mong cầu nào, vì đã được dạy cho bài học: *“Đừng yêu cầu ai điều gì cả. Khi người ta không muốn cho thì có xin cũng không được, mà khi người ta đã muốn cho thì không nhận người ta cũng bắt phải lấy!”*. Điều đó làm điên đầu chủ nhân huyền thiết lệnh và dẫn đến cảnh dở khóc dở cười về sau.

Tạ Yên Khách dầu có bản lĩnh thông thần và muốn làm một đấng Toàn năng đi nữa thì dĩ nhiên vẫn có những điều ông ta không thể thực hiện được, nhưng việc một người mang huyền thiết lệnh đến yêu cầu ông ta tự tử là điều hoàn toàn khả thi, vì nếu không thì còn gì là *“hữu cầu tất ứng”* nữa? Vị Ma Thiên cư sĩ cực kỳ cao ngạo đó đã bị thói chơi ngông của mình chơi khăm lại một vố rất cay. Ông buộc phải dẫn đứa bé ăn xin lên đỉnh Ma Thiên sống chung với mình, vì sợ nó bị kẻ thù ông xúi bậy. Biết đâu được có kẻ cắc cớ xúi thẳng bé buộc ông ta suốt đời không được động thủ với ai hoặc không được rời khỏi đỉnh Ma Thiên, thì điều đó còn đau khổ hơn cả việc bắt phụ nữ suốt năm không được mở miệng!

Trọn tác phẩm Hiệp khách hành không có đoạn nào thú vị bằng đoạn Tạ Yên Khách, bằng nhiều thủ đoạn, dụ cho đứa bé mở miệng cầu xin mình, xem như để dứt món nợ với tấm huyền thiết lệnh. Nhưng tiếng nói hồn nhiên từ đầu đến cuối của nó vẫn là: *Không!* Thậm chí Tạ Yên Khách còn phải nhờ vào tiền lẻ của nó để ăn cơm khi hai người vào quán. Kê cực kỳ kiêu ngạo muốn ban ân huệ cho thiên hạ lại gặp phải đứa bé sống hồn nhiên với cái tâm vô cầu, khác nào đem món tay gấu cực quý để tặng cho kẻ suốt đời chỉ biết ăn chay! Đây là điểm vô cùng sâu sắc và lý thú của Hiệp khách hành, mà ta từng gặp trong Tây Du Ký. Tôn Ngộ Không xem mình vĩ đại ngang với trời (đã *Tể Thiên* mà còn thêm *đại thánh* nữa!), và đại náo thiên cung như chỗ không người để rồi bị tóm gọn trong bàn tay của đức Phật Như Lai, bản lĩnh trùm đời của Tạ Yên Khách lại bị khốn vì cái tâm vô cầu của một thằng bé ăn xin. Hai hình ảnh đó ắt hẳn mang rất nhiều ngụ ý mỉa mai trào lộng của Ngô Thừa Ân và Kim Dung. Bạn cứ xưng hùng xưng bá đi, coi thiên hạ dưới mắt không người đi, muốn chọc trời khuấy nước cho xứng đáng với “*tâm vóc vĩ đại*” của mình đi, để rồi sẽ có ngày bị sa lầy vào những thứ tâm phào không đáng một xu. Phép thần thông *cân đầu vân* của bạn tưởng chừng sẽ bay vút ngoài vạn dặm nhưng thực ra cũng không vượt qua nổi ngón tay của những bậc minh triết. Ngọn núi cao ngất trong mắt bạn mà bạn đã từng, như *Tể Thiên*, ngạo nghễ đá vào đó để chứng tỏ tài năng và bản lĩnh thì thực ra cũng chỉ là một hạt bụi vớ vẩn, tình cờ rơi trong lòng tay của những thiên tài.

Thằng bé *Cầu tạp chủng* đó quá hồn nhiên và lương thiện nên Tạ Yên Khách cũng không thể hạ thủ nó để bịt miệng. Ông ta đành dùng thủ đoạn giúp nó luyện công để mong nó chết đi vì bị tẩu hỏa nhập ma. Như thế ông ta sẽ giải thoát

khỏi “món nợ đời” mà vẫn giữ tròn chữ tín và không vi phạm lời thề. Nhưng cuộc đời đã muốn chơi khăm kẻ cuồng ngạo nên thủ đoạn của Tạ Yên Khách không những đã không hại được thằng bé mà còn vô tình giúp nó luyện được nội công tuyệt đỉnh. Như vậy cũng có được huyền thiết lệnh, nhưng khác với Ngô Đạo Thông gặp cái họa phi thường vì sở cầu, đứa bé ăn xin lại gặp cái phúc phi thường vì cái tâm hồn nhiên vô cầu.

Khi thằng bé ăn xin đó bị bang Trường Lạc nhận làm là bang chủ và đem cao thủ lên tập kích đỉnh Ma Thiên để bắt về tổng đàn, thì người đọc ngỡ rằng nhân vật Tạ Yên Khách không còn được nhắc đến nữa, và tấm huyền thiết lệnh xuất hiện từ đầu tác phẩm đã rơi vào quên lãng cùng với chủ nhân của nó. Nhưng sau một loạt liên tục các biến cố hi hữu, Thạch Phá Thiên (tức *Cẩu tạp chủng*) luyện được võ công tuyệt đỉnh và cuối cùng lại gặp Tạ Yên Khách trên thành Lăng Tiêu. Đó là điều bất ngờ hấp dẫn mà Kim Dung đã thiết kế một cách tài tình.

Luyện xong tuyệt kỹ *Bích Châm thanh chuồng*, Tạ Yên Khách bèn hạ sơn để ẩn chứng võ công. Sau khi phá hủy tổng đàn Trường lạc bang về cái tội dám quấy nhiễu Ma Thiên linh, Tạ Yên Khách lại gặp Thạch Trung Ngọc và ngỡ đó là thằng nhỏ *Cẩu tạp chủng* ngày nào. Gã thiếu niên lưu manh đang điểm này liền mạo nhận mình là *Cẩu tạp chủng* và yêu cầu Tạ Yên Khách tập kích thành Lăng Tiêu để làm cỏ phái Tuyết Sơn. Chủ nhân huyền thiết lệnh buộc phải thực hiện yêu cầu đó mà hoàn toàn không ngờ rằng gã này đang dùng tấm “*vé số giả*” để lừa mình. Chính tại nơi đây kẻ xài tấm “*vé số giả*” Thạch Trung Ngọc lại gặp đúng kẻ có tấm “*vé số thật*” Thạch Phá Thiên. Đúng là “*oan gia gặp nhau trong đường hẹp*”. Đến giây phút oái ăm này chú “*Cẩu tạp chủng*” vô cầu

mới có một yêu cầu thực sự, tuy đơn giản nhưng lại đẩy Tạ Yên Khách vào cảnh dở khóc dở cười: đó là nhờ ông ta cai quản và dạy dỗ Thạch Trung Ngọc. Bắt một tay cuồng ngạo có bản lĩnh nghiêng trời như Tạ Yên Khách đi làm “vú em” để chăm lo cho một thiếu niên lưu manh đang điếm, đó quả là điều oái oăm và buồn cười nhất trần gian, còn hơn cả việc nhờ Picasso đi sơn cửa hoặc nhờ Mozart thổi kèn đám ma! Nhưng từ chối làm sao được, “*hữu cầu tất ứng*” mà.

Có lẽ cái ông nào rồi cũng phải có giá trả, ngay cả cái ông của những người muốn đem tài hoa để trào lộng hóa công, như Lý Trường Cát hoặc Tô Đông Pha. Qua nhân vật Tạ Yên Khách, biết đâu Kim Dung lại muốn gởi đến người đọc một bài học rất ư rắc rối, mà lại vô cùng sâu sắc, về thói cuồng ông vô lối của con người. Và cái vố cay mà Tạ Yên Khách phải gánh lấy liệu có cảnh tỉnh được không những kẻ cuồng ông ngu xuẩn vẫn còn tràn lan trong thiên hạ?

BẠCH TỰ TẠI: CĂN BỆNH VĨ CUỒNG

Hữu dư, bất cảm tận

*(Còn những điều khác,
ta không dám nói cho hết được)*

(Khổng Tử)

Tôi nhớ mang mang có một nhà văn viết rằng giá trị của con người giống như một phân số, trong đó tử số mới là giá trị thực của mình, còn mẫu số chỉ là giá trị do mình tưởng tượng ra. Sự so sánh đó quả cực kỳ tinh tế và minh triết. Kiến thức sơ đẳng về phân số cho ta biết khi mẫu số càng lớn thì giá trị phân số càng bé lại, và nếu mẫu số tiến đến vô cực thì giá trị phân số tiến về không. Cho nên những “*thiên tài trong hoang tưởng*” vẫn luôn tiệm cận với những *thằng Bờm*! Mẫu số chỉ là một giá trị ảo, như bọt bong bóng phù hoa, nhưng phần đông con người, nhất là những kẻ gặp may mắn thành công quá dễ dàng trong đời, như kiểu *Xuân tóc đỏ*, luôn bám chặt vào giá trị của mẫu số để sống. Chính vì thế mà những con người đó thường đâm ra hoang tưởng về bản thân, nghĩ rằng mình là “*thiên tài vĩ đại*”. Căn bệnh *vĩ cuồng* quái ác đó vẫn mãi mãi tàn phá tâm thức con người chừng nào họ chưa gặp cơ duyên ứng hợp để nhận chân ra đâu là *cái thực* của

mình. Chỉ khi hiểu được rằng giá trị thực của mẫu số vốn rất nhỏ, thì chỉ lúc đó họ mới bắt đầu lớn!

Trong đoạn mở đầu chương *Thu thủy* trong *Nam Hoa kinh*, Trang Tử đã nêu một ẩn dụ đầy ấn tượng:

“Nước thu khi mùa đến, trăm lạch đổ ra sông, dòng lớn mênh mông, hai bên bờ nước không phân biệt được trâu với ngựa. Lúc bấy giờ, Hà Bà (thần sông) hớn hờ mừng thầm, cho rằng cái đẹp trong thiên hạ ở cả nơi mình. Thuận theo dòng chảy về đông, đến biển bắc, quay mặt về đông mà nhìn, không thấy đâu là đầu nước. Lúc bấy giờ, Hà Bá mới quay mặt mày (diện mục) về thần biển bắc là Nhượng mà than rằng:

Lời quê có nói: “Nghe đạo mới được một trăm đã cho rằng không ai bằng mình”, tôi là loại người ấy. Và lại tôi thường nghe có người chê sự hiểu biết của Trọng Ni là nhỏ, mà xem khinh cái nghĩa của Bá Di, thoạt đầu tôi không tin. Nay tôi thấy được về **không cùng** của nhà thầy, tôi mà không đến được cửa nhà thầy, ắt nguy mất. Tôi sẽ bị các nhà đại phương cười dài cho (Dã ngữ hữu chi viết: “Văn đạo bách, dĩ vi mặc nhược kỷ dã”, ngã chi vị dã. Thả phù, ngã thường văn tiểu Trọng Ni chi văn, nhi khinh Bá Di chi nghĩa giả, thủy ngô phát tín. Kim ngã đồ tử chi **nan cùng** dã, ngô phi chí ư tử chi môn, tắc đãi hỹ! Ngộ trường kiến tiểu ư đại phương chi gia).

Thần Nhượng nói:

Ếch giếng, không thể cùng nói về biển, vì câu nệ về chỗ ở. Sâu hè, không thể cùng nói về băng, vì khuê về mùa. Khúc sĩ (kẻ hiểu biết hạn hẹp) không thể cùng bàn về đạo, vì bó buộc về lối dạy (Tĩnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khuê dã. Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã).

(Trang Tử, *Nam Hoa kinh*, *Thu thủy*)

Tục ngữ Việt Nam có câu “Ếch ngồi đáy giếng xem trời bằng vung” để chê những kẻ hiểu biết nông cạn mà đã vội huênh hoang, xem dưới trời không có người. Nào phải chỉ những con “ếch ngồi đáy giếng” (tinh oa) mới bị chê bai, mà đôi khi những con kinh ngư vẫy vùng nơi biển rộng vẫn là loại “ếch ngồi đáy giếng” như thường. Cái chính là *biết nhìn*. Và biết mình đang nhìn từ góc độ nào. Khi ta biết thu nhỏ mình lại thì góc nhìn sẽ càng lớn. *Cái lớn của Hà Bá nằm ở chỗ tự biết mình là nhỏ, khi đối diện với cái không cùng!*

Bạch Tự Tại trong *Hiệp khách hành* là loại “tinh oa” điển hình cho căn bệnh vĩ cuồng kiểu đó, dù thực chất ông ta cũng là một loại kinh ngư đáng kể. Phái Tuyết sơn ở Tây Vực chỉ là môn phái “loại hai” về mọi mặt. Trải qua bao đời, những thành tựu về võ học cũng chỉ ở mức “*thường thường bậc trung*”. Nhưng đến đời Bạch Tự Tại làm chủ môn, ông nhờ may mắn uống được máu quái xà mà nội lực đột nhiên tăng tiến phi thường, vượt xa những bậc tổ sư tiền bối của bản môn; lại thêm suốt đời ru rú ở miền Tây Vực, không hề gặp đối thủ ngang tài, Bạch Tự Tại từ đó bắt đầu mắc cơn bệnh vĩ cuồng của một “*thiên tài tinh lẻ*”. Do thành công quá dễ dàng ở một miền không có cao thủ, như người chợt xứ mù, kẻ “*múa gậy vườn hoang*” đó tự cho võ công phái Tuyết Sơn là đệ nhất thiên hạ, còn bản thân mình là “*đệ nhất nội công, đệ nhất kiếm pháp, đệ nhất khinh công, đại anh hùng, đại hiệp sĩ*” cổ kim không ai sánh kịp, kể cả hai nhân vật huyền thoại trong làng võ là Đạt Ma tổ sư và Trương Tam Phong. Nhiều môn đệ bị ông giết một cách oan uổng vì không chịu nhận hoặc nhận một cách ngập ngừng rằng ông là thiên tài võ thuật đệ nhất cổ kim. Khi căn bệnh hoang tưởng đã trở nên trầm trọng thì các sư đệ phải tìm cách đánh thuốc mê và nhốt ông vào ngục đá. Bị xích xiềng trong ngục, Bạch Tự Tại vẫn cho rằng mình

muốn ngồi yên để tinh tọa chứ những xích sắt kia đối với ông chỉ là gỗ mục, muốn phá bỏ lúc nào cũng được. Về điểm này, căn bệnh “*Thăng lợi tinh thần*” của Bạch Tự Tại có lẽ còn bỏ xa cả nhân vật A.Q của Lỗ Tấn! Kẻ cùng cực tự tôn là Bạch Tự Tại và kẻ cùng cực tự ty là A.Q đều đi đến một điểm “*Thăng lợi*” như nhau. Sự hoang tưởng tinh thần có lẽ là điều đáng buồn cười, nhưng lại rất đáng thương của con người. Đó là cái tâm bệnh chung của những “*thiên tài*” không chịu đi xa và không biết đi xa để hiểu rằng “*Thiên ngoại hữu thiên*” (ngoài bầu trời này còn có bầu trời khác).

Dù là kẻ mang bệnh vĩ cuồng, nhưng điểm đáng quý của Bạch Tự Tại là khi đối mặt với thực tế, ông từng bước biết xấu hổ để sự tỉnh mà xóa dần những ngoại hiệu hoang tưởng phù phiếm kia đi. Khổng Tử bảo “*Tri sĩ cận hồ dũng*” (Biết xấu hổ là đã gần với sự dũng cảm) quả rất sâu sắc. Chỉ có kẻ nào dũng cảm mới biết hổ thẹn về khuyết điểm của mình, còn loại “*vô sĩ*” mới luôn tìm cách bào chữa và che giấu để tiếp tục huyênh hoang. Muốn “*tri sĩ*” thì cần phải có bản lĩnh chân thực, như kẻ cuồng ngạo là Nhậm Ngã Hành vẫn ngang nhiên tự nhận mình là bại tướng dưới tay Đông Phương Bất Bại.

Khi đụng phải nội lực kinh người của Thạch Phá Thiên, sau một hồi phân vân cân nhắc, Bạch Tự Tại tự hạ ngoại hiệu *đệ nhất nội công* của mình xuống hàng ... đệ nhị, nhưng vẫn giữ “*nguyên giá*” cho các ngoại hiệu khác. Văn đệ nhất kiếm pháp, văn đệ nhất khinh công, văn đại hiệp sĩ, văn đại anh hùng. Để rồi từng bước, khi đặt chân đến Hiệp Khách đảo, các ngoại hiệu *đệ nhất* khác cũng lần lượt “*xuống giá*”. Khi chứng kiến thân thủ của kẻ nô bộc trên đảo, vị chương môn phái Tuyết Sơn âm thầm tự xóa ngoại hiệu “*đệ nhất khinh công*”. Rồi khi thấy Trương Tam, Lý Tứ cùng với Thạch Phá Thiên chia nhau bát cháo Lạp bát – mà ông ngỡ là thuốc độc,

Bạch Tự Tại lại âm thầm xấu hổ mà xóa đi ngoại hiệu “*đại anh hùng*”. Cứ thế dần dần Bạch Tự Tại mới thấy mình chẳng là gì so với thiên hạ. Lúc đó ông mới hiểu rằng thế giới vốn rất bao la chứ không phải chỉ là miền Tây Vực, và những ngoại hiệu mà ông tự gán cho mình trong ngày trước chỉ là trò xuẩn ngốc, đáng để “*các nhà đại phương cười dài cho*”.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “*Đi một ngày đàng học một sàng khôn*”. Cần phải đi thật nhiều mới biết rằng đất trời rất rộng. Nhưng “*đi*” là một chuyện, còn “*biết đi*” mới thực sự là tiền đề của sự minh triết. Bạch Tự Tại lên thuyền đến Hiệp khách đảo chỉ mới là “*đi*”, mà ông biết xấu hổ về thói ngông cuồng tự đại đầy ngu xuẩn của mình mới là “*biết đi*”. Ngồi yên bao năm dưới gốc Bồ Đề để rồi nhìn sao mai mà hoát nhiên đại ngộ, như đức Phật, cũng là một cách đi. Thành tâm hành cước, từng lâm nào cũng ghé để tìm hiểu điểm tinh yếu của cái học tâm tông, như các thiền sư, cũng là một cách đi. Phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ đề, mở ra một cuộc hành cước kỳ tuyệt bằng cách đi tham vấn mọi bậc thiện tri thức về Bồ tát hạnh, như Thiện Tài đồng tử trong kinh *Hoa nghiêm*, cũng là một cách đi. Ngao du sơn thủy khắp cả Trung Quốc rồi về ngồi viết bộ *Sử ký* lưu truyền đến muôn đời, như Tư Mã Tử Trường, cũng là một cách đi. Lặn lội chu du khắp các nước chư hầu để giảng dạy về đạo lý hình nhi hạ, như Khổng Tử, cũng là một cách đi. Không bước ra khỏi nhà mà biết hết việc trong thiên hạ, không nhòm qua cửa sổ mà biết được đạo trời (*bất xuất hộ tri thiên hạ, bất khuy dũ tri thiên đạo*), như Lão Tử, cũng là một cách đi. Nhưng nếu đi không đúng thể điệu thì dù có ngao du suốt đời ta cũng vẫn cứ ngồi yên một chỗ, theo kiểu “*tĩnh oa*” hay “*khúc sĩ*”. Chỉ khi nào ta thành tâm muốn học hỏi với một cái tâm *Không*, nghĩa là thực sự muốn xóa bỏ mọi giá trị hư ảo của *phân số* thì ta mới thực sự

“biết đi”, và cuộc ra đi đó mới giúp ta nhìn ra những chân trời huyền diệu.

Kim Dung đặt tên cho nhân vật này là *Tự Tại* quả là điều mỉa mai, vì giá trị nội hàm của hai chữ “*Tự Tại*” trong thuật ngữ Phật giáo rất lớn. Tâm luôn an nhiên thanh thản, không bị lay động bởi trần cảnh; mọi khen chê thành bại trong đời chỉ là cơn gió thoảng trước cái tâm bất động tịch nhiên: đó mới là *Tự Tại*. *Bát Nhã Tâm kinh* của Phật giáo mở đầu: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*”. (Khi Bồ Tát Quán Tự Tại thực hành sâu xa Bát nhã Ba la mật, ngài quán chiếu thấy rằng ngũ uẩn đều là *Không*, và vượt qua được mọi sự khổ đau, khổn khó). Danh hiệu *Tự Tại* tôn quý chỉ dành cho bậc Bồ Tát đã quán chiếu được “*ngũ uẩn giai không*”. *Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức* đều là *Không*. Rồi đến cái *Không* này cũng là *Không* nốt. Chỉ khi dùng trí Bát nhã quán chiếu vạn hữu đến độ thâm diệu như vậy thì tâm mới được *Tự Tại*. Làm sao một kẻ mắc bệnh vĩ cuồng như Bạch Tự Tại có thể đạt đến nội hàm của hai chữ này, khi mà cái tâm còn luôn vọng động? May sao *phân số Bạch Tự Tại* càng lớn dần khi từng bước ông biết giảm dần những giá trị hoang đường của mẫu số. Có lẽ chỉ khi giảm dần giá trị mẫu số đến không, có nghĩa là đạt đến mức “*chiếu kiến nhất thiết đệ nhất giai không*”, thấy được mọi danh hiệu “*Đệ nhất*” đều là trò hề nhằm nhí thì Bạch Tự Tại mới thực sự an nhiên *tự tại*.

Đâu phải chỉ trong làng võ mới có Bạch Tự Tại, mà trong làng văn vẫn luôn nhan nhản những “*thiên tài đệ nhất cổ kim*” như Bạch Tự Tại với những phái Tuyết Sơn của miền Tây Vực! Chữ nghĩa, không được tiêu hóa một cách thông minh và ứng hợp cơ duyên, dễ lừa phỉnh con người mắc phải cơn bệnh vĩ cuồng trong cái thế giới phù phiếm của văn chương.

Bạch nhật y sơn tận,
Hoàng hà nhập hải lưu,
Dục cùng thiên lý mục,
Cánh thương nhất tầng lầu.

白日依山盡，
黃河入海流，
欲窮天理目，
更上一曾樓。

(Mặt trời lặn chìm sau núi
Hoàng hà cuộn cuộn về khơi
Mắt muốn nhìn ra ngàn dặm
Lầu cao lên một tầng chơi)
(Đăng Quán Tước lầu – Vương Chi Hoán)

Chỉ có càng *lên cao* thì tầm mắt mới càng được *mở rộng* để thấy cái mệnh mông của những chân trời, mới thấy được cảnh huyền ảo của mặt trời lặn tắt sau núi, cảnh hùng vĩ của sông lớn cuộn cuộn trôi ra biển. Mà càng *lên cao* cũng có nghĩa là càng *biết đi xa*. Lên một tầng thì mắt nhìn xa ngàn dặm, lên hai tầng thì mắt nhìn xa vạn dặm. Và phải ghi nhớ một điều: *khi càng lên cao để phóng tầm mắt nhìn ra vạn dặm thì, trong tầm mắt của mọi người, hình ảnh ta lại càng nhỏ dần đi*. Chỉ lúc đó, ta mới âm thầm cảm nhận được rằng cõi đời, trong ý nghĩa phổ quát của nó, vốn diêu vợi mệnh mông như vườn thơ của Hàn Mặc Tử: “Càng đi xa là càng ớn lạnh”!

QUÁCH TƯƠNG TIỂU MUỘI

Không hiểu sao những nhân vật như Hoàng Dung và Triệu Mẫn lại hoàn toàn không để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc nào, dù có thể họ đã làm say mê nhiều thế hệ độc giả. Đôi phen tôi muốn cầm bút viết về Hoàng Dung, theo lời đề nghị của một số bạn đọc, nhưng không tài nào viết nổi. Dường như luôn có một cái gì đó đè lên ngọn bút khiến cho cảm hứng cạn nguồn ngay từ dòng chữ đầu tiên. Người phụ nữ xinh đẹp dĩ nhiên là vưu vật của tạo hóa, nhưng tôi cho rằng một người phụ nữ vừa tài hoa vừa xinh đẹp, lại vừa thủ đoạn và mưu mẹo tinh quái, như Hoàng Dung và Triệu Mẫn, thì họ không còn là vưu vật nữa mà chỉ là sự sai lầm của hóa công!

Người phương tây thường bảo “*Do not be too smart!*” (Đừng có tinh ranh quá!). Người phụ nữ đã xinh đẹp mà lại tinh ranh quá sẽ là hiểm họa. Họ hưởng quá nhiều từ hóa công, và khi họ đem những quà tặng quá dồi dào phóng đó của hóa công để làm thành lợi khí trong những mưu mẹo thủ đoạn nhằm thủ lợi cho mình, thì điều đó chắc chắn sẽ bào mòn dần đi lòng vị tha đẹp đẽ của phụ nữ. Tâm hồn họ sẽ trở nên khô cứng và đầy nghi kỵ. Hoàng Dung luôn ngờ vực và đề phòng Dương Quá, cho rằng chàng ta là một tên xảo quyệt nguy hiểm như Dương Khang; chỉ đến ngày sinh nhật của

Quách Tương thì người đàn bà tài sắc vẹn toàn, quá đỗi vẹn toàn này mới nhận ra được một điều mà cái tâm đôn hậu của Quách Tĩnh đã cảm nhận từ lâu. Cái đầu đầy sự thông minh của lý tính như Hoàng Dung sẽ khó lòng tiếp cận và cảm nhận được cái đẹp thuần nhiên trong tâm hồn. Có lẽ Kim Dung đã giúp hóa công sửa lại sai lầm khi để Hoàng Dung sinh ra hai chị em Quách Phù và Quách Tương.

Giai thoại văn học Anh kể rằng có một phụ nữ xinh đẹp đến gặp văn hào G.Bernard Shaw và đề nghị muốn được có với ông một đứa con, với lý do: *"Đứa bé sẽ tuyệt vời biết ngần nào nếu như nó có khuôn mặt của em và và bộ óc của anh"*. Nhà văn hài hước nổi tiếng thế giới này đã từ chối bằng một câu trả lời hóm hỉnh: *"Tôi lại e rằng cuộc đời nó sẽ là bi kịch nếu như như nó như mang khuôn mặt của tôi và bộ óc của cô!"*. *"Sản phẩm"* mà nhà văn muốn nói đến, qua câu chuyện hài hước trên, như là một biểu tượng di truyền những mặt hạn chế của cha mẹ, lại có thực trong tác phẩm của Kim Dung, qua nhân vật Quách Phù.

Đã có một hai bài viết về Quách Phù, nhưng dường như tôi chưa thấy có ai viết về Quách Tương, trong khi chính cô bé này mới là nhân vật nữ sáng khoái đệ nhất võ lâm. Sống ở đời chỉ để lại rai khoái hoạt thì trong các nhân vật chính của Kim Dung, nam có lẽ chỉ có mỗi một Lệnh Hồ Xung, và nữ chỉ có mỗi một Quách Tương. Trong khi Quách Phù quá đỗi phù phiếm hời hợt, giống như một *"con gà công nghiệp"* đúng với cái tên *"Phù"*, thì Quách Tương lại hào sảng đáng yêu biết bao nhiêu. Có lẽ do khi vừa lọt lòng, cô bé *"Tiểu đông tà"* này đã phải gặp nhiều cảnh hung hiểm kỳ lạ, bị nữ ma đầu Lý Mạc Sầu bắt đi, được Dương Qua cứu thoát, lại phải uống sữa beo để sống nên tính tình mười phần cổ quái, khác hẳn cô chị nhát nhẽo vừa ngu dốt vừa đông đánh.

Cảnh ba chị em Quách Phù, Quách Tương và Quách Phá Lỗ ghé vào quán rượu ven đường đã làm nổi bật nét tương phản sâu sắc giữa hai chị em. Trong khi cô chị Quách Phù luôn muốn giữ phong cách lạnh lùng khinh khinh của một “đại gia chi nữ” giữa đám “*phàm phu tục tử*” trong một quán rượu bình dân, thì cô em Quách Tương lại hào sảng cời cảnh thoa ngọc đem cầm cho chủ quán để đãi tất cả thực khách xa lạ uống rượu giữa trời tuyết đổ. Thử tưởng tượng khi đang rong ruổi giữa một buổi chiều đông lạnh giá, bạn ghé vào một quán nhỏ bên đường để uống vài ly rượu cho ấm bụng, mà chỉ dám uống dè chừng vì túi tiền không cho phép. Bỗng trong đám thực khách có một cô bé xinh đẹp đứng lên cầm cảnh thoa đưa cho chủ quán đổi thành rượu để đãi bạn cũng mọi người có mặt, xin mọi người hãy uống thoải mái để cùng vui, và cùng xua đi cái giá buốt của buổi chiều đông! Thử hỏi có gì trên đời thống khoái hơn thế, và có ly rượu nào ngon hơn, ấm lòng hơn thế? Chỉ một chi tiết đó đã quá xứng đáng để mọi anh hùng hào kiệt lẫn bọn tũn đồ trong thiên hạ nối đuôi nhau tới xin kết giao với cô bé thành Tương Dương!

Khi bình tác phẩm Tây sương ký của Vương Thực Phủ, Kim Thánh Thán nêu ra 33 điều thống khoái trong đời, trong có điều thứ hai rất cảm động mà mọi người vợ trên đời đều nên “*khắc cốt minh tâm*” (!):

“Người bạn xa mười năm, thỉnh linh đến vào chiều hôm. Mở cửa chào nhau xong, chẳng kịp hỏi đi thuyền hay đi bộ, cũng chẳng kịp mời ngồi ghế hay ngồi giường!... Hàn huyền qua loa, liền chạy mau vào nhà trong, sẽ hỏi mẹ đi: “Mình có được như bà Đông Pha, sẵn có rượu để dành không?” Mẹ đi tươi cười, rút cảnh trâm vàng đưa cho... Tính ra có thể thiết khách được ba ngày... Chẳng cũng sướng sao?” (Mái tây, Nhượng Tống dịch, NXB Tân Việt, 1960, tr.313)

Đó quả là một điều thống khoái trên đời cho những đức ông chồng có tính quăng giao và là niềm tự hào của những bà vợ hiền suốt kim cổ đông tây!

Đem canh trâm vàng trên đầu đưa chồng đem bán để đãi bạn hiền, điều đó dù cực kỳ tuyệt diệu và cực khó đối với phụ nữ trên đời, nhưng dù sao cũng còn có chút giới hạn. Đó là đãi bạn. Mà lại là bạn cố tri mười năm gặp gỡ. Đằng này cô bé Quách Tương lại đem canh thoa cực quý đổi rượu để đãi những người không hề quen biết chỉ để vui, và để truyền cái vui đó đến người khác trong quán rượu, thì cái tâm đó e rằng còn vượt quá cái tâm chiều chồng của vị hiền thê kia nữa.

Nhà văn Mai Thảo kể rằng có lần gặp Bùi Giáng đi lang thang qua tòa soạn tạp chí Văn, bèn kéo nhà thơ này vào tòa soạn xin vài bài thơ để kịp in số biệt về ông. Họ Bùi bèn xin một chai bia rồi ngồi làm liền một mạch mấy chục bài thơ ngay tại chỗ, mà bài nào cũng là tuyệt bút. Trước sự kinh ngạc của nhà văn Mai Thảo, Bùi Giáng chỉ mỉm cười “*Vui thôi mà!*” rồi mang khăn gói tiếp tục lang thang. Đó cũng chính là cái “*Vui thôi mà!*” của cô bé Quách Tương trong quán rượu. Một người dùng thơ giữa đời, một người dùng canh thoa ngọc trong truyện, những việc làm ngẫu hứng đó tôi cho rằng có chỗ giống như cái tâm “*vô công dụng hạnh*” của Phật giáo. Làm mọi việc với cái tâm rộng không. Tâm vô sở trụ. *Vui thôi mà!*

Lễ sinh nhật của cô bé Quách Tương có lẽ là cảnh tượng lạ lùng và hứng thú nhất trong bộ *Thần điêu hiệp lữ*. Trong khi bên ngoài đại hội quần hào bên ngoài đang diễn ra sôi nổi thì trong căn phòng nhỏ của mình, một cô bé mười mấy tuổi đầu lại ngồi uống rượu, cười nói đặc ý với biết bao kỳ nhân dị sĩ ẩn cư trên chốn giang hồ. Cảnh

tượng đó khiến Hoàng Dung ngẩn cả người nhưng lại khiến người đọc cực kỳ thống khoái, chỉ muốn xin ngồi vào bàn để nâng chén mừng ngày sinh nhật cô tiểu muôi Quách Tương. *Happy birthday to you, my dear princess!*

Đành rằng những người này đều theo lời mời của Dương Quá mà đến mừng sinh nhật cô, nhưng thử hỏi người tay quái kiệt chọc trời khuấy nước như Tuyết hộc thủ Thánh Nhân sư thái hay Chuyển luân vương Trương Nhất Manh làm gì có thể ngồi uống rượu vui vẻ với một cô nhóc theo thể điệu “*bình bối luận giao*”, nếu như họ gặp phải một cô nương phù phiếm và nhạt nhẽo kiểu Quách Phù?

Phàm đạo kết giao trong thiên hạ, gặp nhau lần đầu, chỉ cần nửa câu nói hay một ngụm rượu thôi cũng đủ để xác định người đó đáng là bạn hay không. Mà là bạn để uống rượu lại càng khó. Đã uống rượu là phải nói chuyện. *Tiểu nhập ngôn xuất* mà. Trong những cuộc gặp gỡ lần đầu đó, nếu có rượu ngon thì dĩ nhiên là điều thống khoái, nhưng khi câu chuyện đã thực sự vui thì rượu có nhạt một chút cũng không sao, niềm vui sẽ truyền hơi ấm vào để làm chén rượu nhạt thêm nồng; chỉ có người nhạt mới khiến cho rượu và câu chuyện nhạt theo. Mà uống rượu với người nhạt thì chán lắm. Lúc đó thì mọi loại rượu thượng hảo hạng trong thiên hạ có uống vào cũng đều nhạt hơn rượu gạo nước ba! Chỉ trong quan hệ làm ăn trong xã hội, con người mới chấp nhận uống rượu cùng người nhạt (mà những kẻ đã mê tiền thì phải là người nhạt!), để tìm cách moi được số tiền không nhạt đằng sau con người nhạt, chứ những tay quái kiệt giang hồ có cần gì đến bọn tục sĩ kia?

Trong bài “*Tây Thi: từ Lý Bạch đến Kim Dung*”, tôi có nói rằng trong tác phẩm *Việt Nữ Kiếm*, Kim Dung đã nối tiếp cung bậc *Ô thể khúc* của Lý Bạch để cực tả dung nhan tuyệt

tục của Tây Thi bằng sự sùng sờ của cô bé chăn dê A Thanh, chứ không tả trực tiếp sắc đẹp của người con gái đất Việt. Trong *Thần điêu hiệp lữ*, Kim Dung cùng dùng bút pháp đó để cực tả tính cách hào sảng đáng yêu của cô bé Quách Tương bằng cách tả cảnh Hoàng Dung đứng lên nhìn cô con gái mới mười mấy tuổi đầu của mình uống rượu cực kỳ hào hứng cùng các nhân vật quái dị trong võ lâm mới gặp lần đầu tiên trong ngày sinh nhật. *Vui thôi mà!*

Sau những tháng ngày phiêu bạc giang hồ tìm Dương Quá trong vô vọng, Quách Tương xuống tóc đi tu để sáng lập nên phái Nga My. Điều đó quả là một thiệt thòi quá lớn cho bọn hào sĩ võ lâm, nhưng cũng là lẽ tất nhiên, bởi thử hỏi trong đám mây râu, có ai xứng đáng với cô gái đáng yêu đó? Trừ nhân vật Dương Quá mà cô thầm yêu thì trong cõi giang hồ họa chăng chỉ có Lệnh Hồ Xung!

Đọc xong *Thần điêu hiệp lữ*, chúng ta chỉ muốn dẫn Quách Tương đến gặp Kim Thánh Thán để xin nhà phê bình hãn hữu cổ kim này thêm vào lời bàn của ông điều thống khoái thứ 34:

“*Có được một tiểu muội như Quách Tương để cùng nhau rong chơi và “Lai rai chén rượu giang hồ”, chẳng cũng sướng sao?*”

CHÂU BÁ THÔNG: TRĂM NĂM CÒN VỊ THÀNH NIÊN

*Bảy mươi mới bước vào đời
Tám mươi ta mới sang chơi láng giềng
Tuổi mình còn vị thành niên
Hà cớ gì phải buồn phiền như ri?*
(Thơ Nguyễn Công Chánh¹)

Mỗi khi đọc câu thơ tự trào dí dỏm của người bạn gửi tặng tôi từ vùng Bắc Ninh xa vắng, lúc cả hai đều tấp tễnh bước vào ngưỡng cửa ngũ tuần, tôi lại nhớ đến *Lão ngoan đồng Châu Bá Thông*. Ở vào lứa tuổi mà Khổng Tử bảo là “*tri thiên mệnh*”, đã đủ dày dặn kinh nghiệm để hiểu được mệnh trời, ấy vậy mà vẫn thấy mình là kẻ “*vị thành niên*”! Cuộc sống vẫn luôn mênh mông đối với đối với những người hồn nhiên lạc quan, luôn mang trong mình cái “*xích tử chi tâm*” của *Lão ngoan đồng*.

Khổng Tử bảo: “Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập

¹ Trong tạp chí Kiến Thức Ngày Nay in lộn thành Trần Văn Chánh, nay xin đính chính.

nhì tòng tâm sở dục, bất du củ” (Ba mươi tuổi thì ý chí đã kiên định, bốn mươi tuổi thì không còn ngờ, năm mươi tuổi thì hiểu mệnh trời, sáu mươi tuổi thì tai thuận, bảy mươi tuổi thì có thể làm theo lòng ham thích của tâm mà không còn sợ vượt quá khuôn phép nữa— **Luận ngữ— Vi chính II, 4**). Cho nên “bảy mươi mới bước vào đời”! Lúc này đã có quyền “tòng tâm sở dục, bất du củ” rồi.

Ở cái tuổi “*sang chơi láng giềng*” thì người hàng xóm lợm khộm là láng giềng đã đành, thậm chí cái chết cũng là kẻ láng giềng. Lúc đó thì làm kẻ “*sang chơi láng giềng*” theo thể điệu “*Être-pour-la-mort*” (sinh thể hướng về cõi chết) của Heidegger! Đối với nhà thơ Nguyễn Công Trứ với cái chơi: “*Tân nương dục vấn tân lang kỷ, ngũ thập niên tiền nhị thập tam*” (tạm dịch: *Người đẹp muốn hỏi tuổi ta. Năm mươi năm trước mới hăm ba chứ gì!*), ở cái tuổi bảy mươi ba, nghĩa là mới “*vào đời*” được ba năm, thì dĩ nhiên những đào nương xuân xanh hơ hớ trong tiếng ca và sênh phách luôn là *kẻ láng giềng* của vị Doanh điền sứ tài ba và “*chịu chơi*” nhất trong nền văn học Việt Nam này.

Cụ Nguyễn Công Trứ tựa như nhân vật Alexis Zorba của nhà văn Hy Lạp Nikos Kazantzaki, luôn thấy mình ở lứa tuổi đôi mươi, yêu mê đắm, sống say sưa, làm việc hết mình để tận hưởng hết cái thanh sắc của trần gian cho đến lúc nhắm mắt. Cái tố chất “*chịu chơi*” của Alexis Zora hoặc của Uy viên tướng công dù hiếm, nhưng vẫn còn có thể tìm thấy ở một đôi người, chứ cái tố chất hồn nhiên như đứa trẻ con chơi đùa giữa đời của Châu Bá Thông thì chỉ có thể tìm thấy trong chính *Lão ngoan đồng*!

Nếu chọn trong tất cả tác phẩm Kim Dung một nhân vật được mọi tầng lớp độc giả yêu thích, kể cả trẻ con thì có lẽ đó chính là Châu Bá Thông. Một nhân vật suốt đời chỉ biết chơi

đùa, luôn tìm cách trốn tránh mọi trách nhiệm trong đời mà lại được độc giả yêu mến, điều đó mới là lạ lùng. Người ta nói “lên ba thì cười, lên mười thì mắng”, có nghĩa cùng một câu nói, nếu ở miệng đứa bé lên ba nói ra thì thấy ngộ nghĩnh đáng yêu, còn ở miệng đứa bé lên mười thì lại thấy hỗn xược vô lễ. Cái “thực” không đổi khác mà lại sinh ra hai tâm trạng yêu ghét, bởi vì câu nói của đứa bé lên ba hoàn toàn xuất phát từ trạng thái hồn nhiên vô tâm. Mà trên đời, những gì xuất phát từ cái tâm hồn nhiên đều dễ dàng tiếp cận và cảm động được lòng người một cách đậm thấm sâu xa. Châu Bá Thông được độc giả yêu mến bởi ông luôn là “đứa bé lên ba” đó.

Sau khi vô tình gây nên mối tình oan nghiệt tại cung điện Đoàn Nam đế, Châu Bá Thông lại suốt đời chạy trốn Anh Cô, không phải vì ông là kẻ bội bạc vô tình, mà chỉ vì không muốn mang trách nhiệm với cõi đời, nghĩa là không có khái niệm “làm người lớn”. Thân ở trong cõi đời, những tâm lại hoàn toàn không muốn vướng bận những lụy phiền của cõi nhân gian.

Con người khi sinh ra là một đứa bé hồn nhiên, rồi lớn lên vượt qua đoạn ấu thơ để đi vào đời, và từng bước khám phá ra những điều huyền ẩn. Nhưng chính trong cái quá trình khám phá để “*trưởng thành*” ấy, con người dần đánh mất đi cái tâm hồn nhiên mà Thượng đế đã phú bẩm cho từ thuở ban đầu. Cái “*xích tử chi tâm*” dần bị chai sạn bởi những nghiệt ngã của cuộc sống. Con người, để tồn tại và để cạnh tranh vượt lên cao hơn người khác bằng mọi thủ đoạn mưu ma chước quỷ, cứ ngày càng rời xa dần vườn địa đàng của tuổi thơ. Cái tâm hồn nhiên kia bị tập nhiễm quá nhiều điều thô bỉ, dè tiện cùng những thói quen dối trá lọc lừa, mà chỉ khi có cơ duyên thoát khỏi những hệ lụy ấy, con người mới có thể sức tỉnh để chợt hiểu ra những trò nhảm nhí mà mình

cứ mê mãi múa may trên sân khấu đời. Bộ sách của Mạnh Tử gồm mấy vạn lời, suy cho cùng cũng chỉ là nỗ lực giúp con người khôi phục lại cái tâm hồn nhiên đó mà thôi. “Đại nhân giả bất thất kỳ xích tử chi tâm” (Bậc đại nhân không đánh mất đi tấm lòng con trẻ – Mạnh Tử, *Ly Lâu hạ*). Châu Bá Thông chính là bậc đại nhân “bất thất kỳ xích tử chi tâm” đó.

Hầu hết những cao thủ võ lâm đều xem võ học là phương tiện để thỏa mãn tham vọng bành trướng uy quyền, và khoáng trương cái tôi. Chỉ có Châu Bá Thông xem võ học là mục đích tự thân. Thích học võ, vui học võ, say mê học võ. Hễ gặp ai có những tuyệt kỹ lạ lùng, như Dương Quá hoặc Kim luân Pháp vương là Châu Bá Thông sẵn sàng bái làm sư phụ để xin học. Như một đứa bé ham mê những đồ chơi lạ. Và chỉ có cái tâm hồn nhiên của trẻ thơ mới có thể sáng tạo ra những điều kỳ diệu từ những cái tưởng chừng như rất đổi tầm thường.

Cậu hoàng tử bé trong tác phẩm *Le petit Prince* của Saint Exupery luôn ngạc nhiên trước những cái trò bện rộn lằng xằng kỳ lạ của người lớn. Mà chỉ có những đứa bé hồn nhiên mới thấy hết được cái vẻ trịnh trọng điên đảo của người lớn. Ông Bùi Giáng có lẽ cũng đã dùng cái tâm trẻ thơ để chuyển ngữ tác phẩm thành “*Hoàng tử bé*” bằng một ngôn ngữ vô cùng hồn nhiên thơ mộng, khác hẳn với những cuốn sách dịch cà rồn khác của ông. Châu Bá Thông cũng chính là cậu “*Hoàng tử bé*” đáng yêu kia.

Tô Đông Pha hỏi “*Tạo vật hà như đồng tử hý!*” (tạo vật sao lại giống như đứa bé chơi đùa đến vậy!). Tạo hóa với đại lực lượng, đại ý chí mà lại biết chơi đùa cũng chỉ vì có cái tâm hồn nhiên của trẻ thơ. Châu Bá Thông suốt đời chỉ biết chơi đùa chỉ vì cái tâm đó. Chỉ vì một lời thách thức vớ vẩn mà Châu Bá Thông phải vượt mấy ngàn dặm từ Trung nguyên

cho đến vùng đại mạc xa xôi để tìm một lá cờ, giống như những đứa trẻ chơi trò cút bắt. Châu Bá Thông chính là “*đồng tử hý*” vậy

Nhờ cái tâm hài nhi ưa đùa bỡn mà Châu Bá Thông không hề cừu hận ai, kể cả Hoàng Dục Sư là người đã đánh gãy chân ông và bắt giam ông trên đảo hằng chục năm. Ngồi trong thạch động, không có bạn chơi thì tự mình chơi với mình bằng cách dùng hai tay đánh với nhau. Kết quả là ông sáng tạo ra môn tuyệt kỹ độc đáo nhất vô lâm: “*Song thủ hõ bác*”. Hai tay vừa hõ tương vừa công kích lẫn nhau, tạo thành uy lực vô lượng, như hai đối cực âm và dương cùng vận hành trong vòng tròn thái cực. Để học được môn võ công kỳ diệu này thì bài học vỡ lòng là phải dùng hai tay để vẽ cùng lúc một vòng tròn và một hình vuông. Mới nghe thì tưởng chừng như đơn giản nhưng không ai học được. Cái công phu “*phân tâm nhị dụng*” (chia lòng ra làm hai để ứng dụng vào hai việc khác nhau) đó chỉ có hai người là Quách Tĩnh và Tiểu Long Nữ tiếp thu nổi. Quách Tĩnh học được là nhờ cái tâm đơn hậu chân chất, Tiểu Long Nữ học được là nhờ cái tâm hư tĩnh như mặt nước hồ thu, không hề vướng bụi trần.

Châu Bá Thông vai vế ngang với Hồng Thất Công, Hoàng Dục Sư lại nài nỉ được kết giao huynh đệ với Quách Tĩnh, là kẻ lẽ ra phải kêu mình bằng sư thúc tổ. Về sau ông lại kết giao với Dương Quá thuộc hạ con cháu của Quách Tĩnh nữa. Tội chỉ tiếc một điều, có lẽ tại Lão ngoan đồng “*kỵ*” phái nữ sau “*sự cố Anh Cô*”, nếu không thì có lẽ ông đã kết nghĩa huynh muội với cô bé Quách Tương rồi. Hai tâm khoáng đạt như vậy mà không có cơ duyên để kết nghĩa thì quả là điều uổng phí của trần gian. Phật giáo chủ trương tất cả chúng sinh đều bình đẳng trước Tam bảo, thì mọi khách giang hồ đều bình đẳng trước cái tâm của Châu Bá Thông.

Cuối cùng thì cuộc trốn chạy Anh Cô cũng phải chấm dứt, cùng với cái chết trong cơn sám hối của Cừu Thiên Nhận. Châu Bá Thông và Anh Cô về sống chung, làm người láng giềng với Đoàn Nam đế. “*Tám mươi ta mới sang chơi láng giềng*”. Nhưng cho đến lúc đó, tôi vẫn cho rằng Châu Bá Thông vẫn là kẻ “*vị thành niên*”.

Mọi người chúng ta ai cũng đã có lần có được *cái tâm Châu Bá Thông*, rồi lại đánh mất đi. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là dường như không ai muốn tìm lại cái tâm đó, có lẽ sợ bị mang tiếng là “*trẻ con*”! Chúng ta say sưa xác lập những giá trị, rồi luôn tìm mọi cách để chiếm đoạt những giá trị do chính chúng ta dựng nên, trong cái “*thế giới người lớn*” đầy những lễ nghi phiền toái cũng những dối trá lọc lừa. Chính trong tiến trình xây dựng và chiếm đoạt các giá trị đã làm nảy sinh biết bao nhiêu xung đột, hận thù. Rồi chúng ta lại vất óc tìm mọi cách hòa giải, cũng bằng kiểu cách khệnh khạng của “*người lớn*”, mà có khi nào chịu hiểu rằng chính cái kiểu cách khệnh khạng đó lại là mầm mống để thêm ra các xung đột khác!

Thiên Sơn mộc trong *Nam Hoa kinh* của Trang Tử chép: “Thuyền lớn vượt sông, có con đò nhỏ không người trôi đến chạm vào, thì dù là người có bụng hẹp hòi cũng không giận. Nhưng nếu trên đò có người, tắt thuyền lớn sẽ hô hoán lên. Nếu gọi một hai lần mà không nghe ắt sẽ gọi lần thứ ba, rồi buông lời thóa mạ theo ngay. Lúc trước không giận mà bây giờ giận, vì lúc trước là chiếc đò không (hư) mà bây giờ là đò có người (thực). **Người ta nếu biết làm mình trở thành chiếc đò không để trôi giữa đời, thì ai mà hại được? (Nhân năng hư kỳ dĩ du thế, kỳ thực năng hại chi?)**” Châu Bá Thông chính là “con đò không” đó để rong chơi trong cõi giang hồ, đã biết “*hư kỳ dĩ du giang hồ*!”. Cái tâm “*hư kỳ*” của Châu Bá

Thông là cái tâm tự nhiên, vượt trên cả chữ “năng”. Ông không cần tập “năng hư kỷ” mà tự nhiên đã là “hư kỷ” rồi.

Có người hỏi thiền sư Triệu Châu: “*Con chó có Phật tính không?*”. Ông đáp “*Vô!*”. Tâm Châu Bá Thông cũng chính là chữ “*Vô*” đó.

Cái tâm hài nhi của Châu Bá Thông là điều mà mọi tôn giáo và triết học chân chính đều nỗ lực muốn tìm lại. Hình ảnh ngây thơ của Chúa Hài Đồng hay nụ cười hồn nhiên của đức Phật Di Lặc luôn nhắc nhở ta về *cái tâm Châu Bá Thông* mà ta vô tình đánh mất. Và sẽ vô cùng hạnh phúc cho ai, ở những năm tháng cuối đời, tìm được *cái tâm Châu Bá Thông* ngay giây phút cận kề với cõi không hư.

GÓP PHẦN ĐÁNH GIÁ SỰ ĐÁNH GIÁ KIM DUNG TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, dường như hiếm có tác giả nước ngoài nào lại được sự quan tâm lâu dài của độc giả thuộc mọi thành phần trên khắp đất nước như Kim Dung. Bất kì một tác gia nước ngoài nào, hoặc vĩ đại như Homère, Shakespeare, F.Dostoievski..., hoặc bình dân như Quỳnh Dao, Từ Trầm Á.... đều chỉ được tìm đọc trong một giới độc giả nhất định nào đó. Kim Dung thì khác hẳn. Người tìm đọc ông hầu như thuộc đủ mọi thành phần: từ người lao động bình dân, từ người tiểu thương thành thị cho đến giới tri thức khoa bảng. Trên thế giới, các bạn đọc đã lập hội “Kim Dung học “ tại Đài Loan, Hồng Kông, Mỹ, Pháp, Úc... Tại Trung Quốc, toàn bộ tác phẩm ông đã được in ấn lại một cách nghiêm túc từ năm 1985 và đã được tái bản nhiều lần. Ông lại vinh dự được nhà nước Trung Quốc phong tặng học hàm giáo sư danh dự của Đại học Bắc kinh. Trên InterNet cũng đã có WebSite dành riêng cho Kim Dung, trong đó các bản dịch tiếng Việt tác phẩm của ông hầu như đã được các “fan” Kim Dung type lại gần như đầy đủ !.

Tại miền Nam, trước 1975, Kim Dung đã nổi bật lên như một hiện tượng văn học kì lạ. Báo chí đua nhau in feuilleton các truyện đăng tải nhiều kì của ông rồi xuất bản thành bộ. Truyện chương của Kim Dung thu hút đông đảo các tầng

lớp độc giả và hầu như khuynh loát cả thị trường chữ nghĩa, báo chí ở miền Nam trong những năm 1965–1973. Truyện chường chen vào từng góc ngách của đời sống. Hiện tượng đó thường được lí giải là do điều kiện chiến tranh và tình hình xã hội tăm tối tại miền Nam thời bấy giờ đã khiến mọi người tìm đến với Kim Dung như một lối thoát cho chính mình, tìm đến một thế giới hoang đường để tạm lãng quên đi thời cuộc. Sau ngày đất nước giải phóng, Kim Dung cũng bắt đầu xuất hiện trở lại thông qua một số bài nghiên cứu trên sách báo, mà hầu hết là bài xích và đả kích. Dần dà, khi điều kiện văn hoá – xã hội cho phép ta nhìn Kim Dung một cách khách quan và trung thực hơn thì số lượng khá đông đảo các ngòi bút tên tuổi từ Nam chí Bắc đã góp phần nghiên cứu đánh giá Kim Dung một cách nghiêm túc: từ đả kích đến tán đồng, từ ngợi khen đến chê bai. Tất cả đều có một điểm chung là giúp người ta tìm hiểu Kim Dung dưới nhiều bình diện, đánh giá Kim Dung dưới nhiều góc độ. Dẫu đả kích hay tán đồng, dẫu khen ngợi hay chê bai thì một điều ai cũng phải nhận thấy: hiện tượng Kim Dung là một vấn đề không thể phủ nhận được.

Trước 1975, người ta thích đọc truyện Kim Dung. Thời gian về sau, người ta chỉ thích xem phim dựa theo truyện của ông và đọc các bài nghiên cứu về ông. Để góp phần rất nhỏ trong việc đánh giá sự đánh giá Kim Dung tại Việt Nam, tôi xin trình bày một vài nhận định của mình về hai nhà bình phẩm Kim Dung (tạm gọi như thế) tiêu biểu tại Việt Nam. Tại sao là hai người này mà không là những cây bút tên tuổi khác? Lí do chọn lựa của tôi có lẽ chỉ dựa theo cảm tính mà thôi. Việc họ được nêu tên ở đây không có nghĩa là họ cao viễn hoặc hoằng đại hơn những nhà nghiên cứu khác không được nêu tên, mà chỉ đơn giản vì tôi đã tìm thấy nơi các bài viết của họ những ý tưởng quen thuộc, khơi dẫn giúp cho

người đọc nhận ra một thông đạo từ sách võ hiệp tìm về cõi đạo Đông Phương và những cội nguồn tư tưởng khác.

Theo thiên ý của tôi, khi tìm hiểu tư tưởng một tác gia nào đó, điều quan trọng nhất không phải ở chỗ ta thống kê và tổng hợp được những khía cạnh, những vấn đề nằm tản mạn trong tác phẩm của họ. Những cách tổng hợp theo kiểu xã hội học hoặc thư tịch học... không thể giúp ta đi vào chiều sâu tư tưởng của một tác gia lớn như Kim Dung. Nhà tư tưởng luôn luôn suy tư về một điều duy nhất. Cho nên đầu ta có thống kê “tư tưởng” họ thành một loạt danh sách dài các chủ đề một cách thật khoa học, nhìn bề ngoài tưởng chừng như phong phú lắm, thì thực chất đó vẫn là các mảng rời rạc và là lớp da hời hợt bên ngoài. Đó là những nhà nghiên cứu dừng ở mức độ đăng đường (lên thêm), những Chu Chi Nhược với võ công biến hoá phức tạp của Cửu Âm Chân Kinh nhưng lại thiếu phần nội lực! Điều quan trọng là phải đập vỡ được xương và ăn được tuỷ. Chính cái tuỷ đó mới là dưỡng chất cho các nhận định thâm viễn hoằng đại. Mà không phải nhà nghiên cứu nào cũng có thể làm được việc này nếu không mang một tâm hồn thông tuệ, ứng hợp cơ duyên và có những đôi mắt “soi thấu cả tấm da trâu” của Dư Sơn Duy Nghiễm hoặc những “cặp mắt trong nghìn thu” của Tô Đông Pha. Chính những đôi mắt ấy mới nhìn ra được dòng ẩn lưu nằm xuyên suốt tất cả các tác phẩm của các thiên tài suốt dưới vòm trời kim cổ, mới thu nhiếp mọi vấn đề về một mối theo lẽ “Nhất dĩ quán chi” (dùng lẽ một để xuyên suốt tất cả) của Khổng Tử. Đó là những nhà nghiên cứu nhập thất (đã vào sâu được trong nhà) (như Hoài Thanh với cõi thơ tiền chiến Việt Nam, Nhưộng Tống với *Nam Hoa kinh*, Bùi Giáng với truyện Kiều...).

Tôi chỉ là kẻ hậu sinh, may mắn có chút cơ duyên với chữ nghĩa và mê đọc Kim Dung, nên cũng tập tành cách đứng

quanh quần ngoài sân trước ngôi nhà ông, chưa dám nói chi đến chuyện đường. Nhưng với một chút lòng thiên ái, tôi muốn đề cập đến hai nhà bình phẩm bậc thầy về Kim Dung, mà theo tôi là đã thực sự nhập thất: đó là Bùi Giáng và Đỗ Long Vân. Trong số các nhà nghiên cứu về Kim Dung mà tôi được đọc, thì họ là những nhà bình phẩm Kim Dung kiệt xuất mà cho đến ngày nay tôi vẫn còn giữ nguyên niềm kính mộ.

Nhà biên khảo Đỗ Long Vân đã được giới nghiên cứu biết đến từ lâu qua tác phẩm tuyệt hảo “Trương Vô Kỵ giữa chúng ta hay Hiện tượng Kim Dung” (nxb Trình bày, Sài Gòn, 1968). Nhưng người đọc có thể ngạc nhiên khi nghe nhắc đến nhà thơ Bùi Giáng, vì ông nổi tiếng ở nhiều lĩnh vực nhưng lại không có một tác phẩm hoặc một bài viết hoàn chỉnh nào về Kim Dung cả. Những nhận định của Bùi Giáng về Kim Dung, về Ngọa Long Sinh thường rất ngắn, chỉ vài trang thậm chí chỉ vài dòng, và nằm rải rác, tản mạn đâu đó ở những phần phụ lục của các cuốn sách biên khảo của ông về thi ca và tư tưởng. Các bậc chân nhân phương Đông thường không nói nhiều về những điều tâm đắc. Họ chỉ đơn giản nói dăm ba câu. Và dăm ba câu đó có khi trở thành nền tảng cho các học thuyết của hậu duệ đời sau. Mạnh Tử, Vương Dương Minh... có viết hàng vạn lời cũng chỉ nhằm để khoáng diễn thêm một vài câu nói cực kì đơn sơ của Khổng Tử. Sáu trăm quyển kinh Đại Phẩm Bát Nhã chỉ là những lời chú giải cho một chữ Không (sunyata) trong tư tưởng Phật Giáo Đại Thừa. Nhiều khi muốn tìm hiểu tư tưởng các triết gia Đông Phương, người ta lại thường phải tìm hiểu chúng qua các thứ không chính thống như thư từ, những lời tựa lời bạt mà họ viết cho các tác phẩm của bạn bè. Cũng thế, những nhận định rải rác của Bùi Giáng lắm khi lại nêu lên được những vấn đề trầm trọng trong tư tưởng Kim Dung.

Một chú tiểu Trương Quân Bảo trong Ý thiên Đồ long kí chỉ cần dùng những ngọn quyền nhập môn sơ đẳng của phái Thiếu Lâm cũng đủ đánh bại tay kiếm khách tuyệt đại Côn Luân Tam Thánh Hà Túc Đạo, một điều mà các bậc đại sư cao thủ của La Hán Đường không làm nổi ! Đó chính là trường hợp của Bùi Giáng. Nơi khách vô lâm, điều đó có được là nhờ ở nội lực cùng cực cao thâm của huyền môn chính tông tâm pháp. Còn ở nhà thơ, nhà biên khảo là nhờ ở cội nguồn trường mộng ở nội tâm . Những trang viết lai rai của Bùi Giáng về Kim Dung nằm trong mạch ngầm thăm thẳm của tư tưởng Đông Phương. Ông cũng đã từng dịch một phần nhỏ cuốn *Kim Kiếm Điều Linh* của Ngọa Long Sinh. Bùi Giáng có một cái nhìn rất lạ về tác phẩm Kim Dung nói riêng và sách võ hiệp nói chung. Tôi xin trích một vài nhận định của ông:

“Đọc truyện vũ hiệp là một trong những phép tu dưỡng kí ức và khơi dẫn nguồn vui ẩn mật trong mình. Đọc theo lối hồn nhiên, hoặc vừa đọc vừa suy gẫm. Chuông lục, kiếm thế, nội kinh phát ra có thể là tinh thể của tinh thần phát hiện.

Riêng đối với bạn thi sĩ, sách vũ hiệp có thể giúp bạn làm thơ lai láng một cách không ngờ. Điều đó không có chi lạ: bạn sơ vũ học, văn học, thi nhạc cùng phát khởi tại một cội nguồn: uyên nguyên của tinh thần xuất phóng.”

“Hình như ông Kim Dung lúc trực tiếp đưa ý kiến của mình đối với sách về sách vũ hiệp, ông có ý để lẫn bóng phần hoảnh viễn trong sách ông, cũng như sách vũ hiệp nói chung. Đó lại là một dịp khiến ta suy gẫm lại phép lập ngôn “hình nhi hạ” của Nguyễn Du với nàng Kiều”

“Những kiệt tác của Ngọa Long Sinh đi song song với Kim Dung và Gia Cát Thanh Vân – thực hiện một cuộc chuyển biến dị thường trong lịch sử văn học tư tưởng Trung Hoa.”

Nhận định về *Thiên Long Bát Bộ*, ông nói:

“Để ba người [tức Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc] kết nghĩa anh em, Kim Dung đã xây dựng tác phẩm trong mỗi tư lường sâu xa về Tồn thể nguyên nguyên.”

Khác với phong cách hí ngữ lộng ngôn ỡm ờ của Bùi Giáng, Đỗ Long Vân là nhà nghiên cứu Kim Dung một cách nghiêm túc bằng văn phong rất mực tài hoa. Theo chỗ tôi được biết thì Đỗ Long Vân không đọc được nguyên tác, mà chỉ đọc Kim Dung qua bản dịch. Mà đã là bản dịch thì không thể nào chuyển tải trọn vẹn được nội dung thâm sâu của nguyên tác, cho dầu là của một dịch giả tài ba. Thế nhưng những bản dịch không làm ảnh hưởng gì đến tư tưởng thâm viễn của ông. Đúng như ông Bùi Giáng nhận định:

“Ông Đỗ Long Vân nhận định thâm viễn khoảng vắng lặng vô ngôn trong sách võ hiệp.... Những khuyết điểm của bản dịch không làm trở ngại Đỗ Long Vân. Vì những kẻ tư tưởng chân thành, vốn thường nhận ra rất mau những gì gọi là “ý tại ngôn ngoại” – hoặc “huyền ngoại chi âm” – hoặc “ngôn tại thử nhi ý tại bỉ.”

Một cung bậc vang lên và tâm hồn kẻ tài hoa mở ra đón nhận rất nhanh những dư hưởng đồng điệu. Những nhận định của Đỗ Long Vân về nội lực, về nguyên lí võ học, về võ học và cơ cấu luận... đều bắt nguồn từ cái nhìn sâu thẳm vào tinh thể tinh yếu của vấn đề, và gọi cho người đọc rất nhiều dư hưởng mệnh mông khác vọng về từ các kiệt tác kim cổ Đông Tây. Những trang viết trầm ổn túc mục của ông về sách võ hiệp đã đặt tư tưởng Kim Dung vào giữa ngã ba Tam Giáo của Đông Phương để mở ra được cuộc hội thoại chân chính với Tây Phương.

Đỗ Long Vân vốn là người thâm cứu văn học Tây Phương, được đào tạo tại Pháp, nhưng tâm hồn ông lại hoà điệu và rất gần gũi với suối nguồn Đông Phương Sơ Thủy,

nên dễ dàng thể hội phần tinh túy hoằng viễn trong tư tưởng Kim Dung bằng những suy niệm chân thành. Ông là kẻ tài hoa bạc mệnh với một số phận vô cùng cay đắng. Ông đã nằm xuống, lặng lẽ và vô danh như tất cả những gì thực sự vĩ đại trong cuộc đời này, nhưng tác phẩm Trương Vô Kỵ giữa chúng ta của ông sẽ mãi mãi sống như ngọn Hy Mã Lạp Sơn trong làng sách nghiên cứu Kim Dung tại Việt Nam, mặc dù hiện nay ngọn núi hùng vĩ kia còn đang nằm ẩn khuất sau quá nhiều lớp mây mù. Và với một chút chủ quan, tôi cho rằng nó sẽ là kim chỉ nam trong mai sau cho những người nào muốn nghiên cứu tư tưởng Kim Dung trong mối tương quan với mạch ngầm nội tại của tư tưởng Đông phương.

Chúng ta cùng thử nghe Bùi Giáng nói về Đỗ Long Vân, để cho một tài năng lớn nhận định về một tài năng lớn:

“ Cuốn sách ông bàn về Kim Dung nằm trong vùng tư tưởng thâm viễn như cuốn Nho giáo của Trần Trọng Kim, Chẳng những giúp người Việt Nam hiểu tư tưởng lớn của thiên tài Trung Hoa, mà còn khiến người Trung Hoa người Đông Phương Tây Phương nói chung ngày sau sức tỉnh. Tầm quan trọng của cuốn sách kia quả thật rộng rãi không cùng.

Tôi có thể đưa ra vài nhận định khác ông ở đôi chi tiết. Nhưng không cần. Điều cốt yếu ông đã nói xong, và những dư vang vô số sẽ toả khắp mọi chốn. Và sẽ còn khiến người ta thể hội cái mạch ngầm trong những tác phẩm của những thiên tài xưa nay, bất luận là Đông Phương hay Tây Phương.

Sách tôi bị cháy hết, nhưng tôi sẽ tìm riêng cuốn Trương Vô Kỵ giữa chúng ta để đọc lại “.

Những lời trên phải chăng đã nói được rất nhiều ? Và bài viết nhỏ này xin được xem như một nén tâm hương thắp lên để tưởng nhớ hai nhà bình phẩm Kim Dung kiệt xuất.

PHỤ LỤC

Tôi xin đưa vào phần Phụ Lục này (so với bản in lần 3) một vài bài viết về Cổ Long đã đăng trên tạp chí Kiến Thức Ngày Nay mà tôi tìm lại được, để chia sẻ thêm cùng bạn đọc một số quan niệm về truyện kiếm hiệp.

Ngoài ra có hai nhân vật nữ gợi cho người đọc rất nhiều cảm xúc, rất đáng để viết, nhưng tôi vẫn chưa viết được. Đó là Công Tôn Lục Ngạc trong *Thần Điều Hiệp Lữ*, và Trình Linh Tố trong *Phi Hồ Ngoại Truyện*. Tôi thấy mình như còn một mang một món nợ với họ.

Vì thế tôi xin sử dụng bài *Trình Linh Tố: Nhất Phiến Băng Tâm Tại Ngọc Hồ* của tác giả Liêu An là con gái tôi (đăng trong *Kiến Thức Ngày Nay* số 510) đặt ở cuối phần này để bổ sung cho những gì mình chưa kịp viết. Và rất mong được bạn đọc lượng thứ.

KIẾM ĐẠO

Lão tăng tam thập niên tiền, vị tham thiên thời, kiến sơn thị sơn, kiến thủy thị thủy. Cập chí hậu lai thân kiến tri thức, hữu cá nhập xứ, kiến sơn bất thị sơn, kiến thủy bất thị thủy. Nhi kim đắc cá hữu yết xứ, y tiền kiến sơn chỉ thị sơn, kiến thủy chỉ thị thủy. 老僧三十年前，未參禪時，見山是山，見水是水。及至後來親見知識，有個入處，見山不是山，見水不是水。而今得個休歇處，依前見山只是山，見水只是水。

Lão tăng 30 năm trước, lúc chưa tham thiền, thấy núi là núi, thấy nước là nước. Về sau, gần gũi với bậc thiện tri thức, có được chỗ vào, thấy núi không phải là núi, thấy nước không phải là nước. Nay đã tới được chỗ nghỉ ngơi, thì vẫn như ngày trước, thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước. (Thiền Sư Thanh Nguyên Duy Tín)

Hoàng là người đất Canh Tang, làng Vô Hà Hữu. Từ thuở nhỏ đã nổi tiếng thông minh đỉnh ngộ, lại có tài xuất khẩu thành thi. Gia tộc Hoàng vốn nổi tiếng về kiếm thuật. Tương truyền tổ tiên Hoàng có duyên gặp một bậc dị nhân truyền cho pho kiếm phổ thời thượng cổ. Từ đó đời đời nối tiếp nhau luyện kiếm. Ông tổ của Hoàng đã từng có lần một mình đơn kiếm ra khơi, vào tận sào huyệt của hải tặc để trả thù cho một người bạn, uy danh chấn động cả thiên hạ. Kiếm

thuật đến đời Hoàng là tập đại thành. Nhiều tay kiếm khắp nơi hâm mộ danh Hoàng, tìm đến so tài nhưng tất cả đều bại dưới tay Hoàng. Nhờ tính Hoàng khoáng đạt, so kiếm chỉ để tìm chỗ tận diệu của kiếm thuật nên những kẻ bại trận không đem lòng thù hận.

Gia cảnh Hoàng rất thanh bần. Hoàng sống với một lão bộc trung thành trên sườn đồi, suốt ngày chỉ đam mê luyện kiếm, đến nỗi thiên hạ tặng cho danh hiệu là Kiếm *Cuồng*. *Hoàng giỏi kiếm lẫn thơ nên rất hâm mộ cao phong của Lý Bạch. Hoàng sáng tác bài Hoài Trích tiên ngâm để nói lên tấm lòng hoài mộ của mình. Bài đó được truyền tụng khắp nơi, các danh sĩ đều cho là thần bút. Bạn bè có người nói:*

– Tài hoa như ông, văn cũng như võ, nếu đi thi thì năm chắc cái chức Trạng nguyên. Sao ông không thử xuôi kinh ứng thí một lần?

Hoàng cười đáp:

– Chúng ta sinh ra ở thời thiên hạ thái bình, lại có đáng mình quân trị đời. Thử hỏi có Hoàng thì thiên hạ thêm được gì, mà không có Hoàng thì thiên hạ mất điều gì? Và lại tính tôi không ưa ràng buộc, chỉ muốn nghiên cứu tìm hiểu chỗ tận diệu của kiếm đạo thì có chết cũng cảm thấy không uổng phí bình sinh.

Một hôm, trời đổ tuyết lạnh buốt, Hoàng đang luyện kiếm đến chỗ cao hứng, kiếm quang vùng vẫy như con bạch long giữa trời, bỗng nhiên nghe có tiếng thở dài:

– Hỡi ơi! Thật đáng tiếc! Thật đáng tiếc!

Hoàng giật mình, dừng kiếm, nhìn ra cổng thấy một ông lão đội nón trời, dáng dấp thanh kỳ đang đứng dưới trời tuyết nhìn mình. Hoàng vội vã mời vào nhà, hồi lâu bộc bày rượu.

Sau khi phân ngôi chủ khách, Hoàng kính cẩn hỏi họ tên, ông lão chỉ mỉm cười không nói. Hoàng, hai tay nâng kiếm, thưa:

– Vãn sinh mê kiếm hơn cả sinh mạng, có điều tư chất ngu muội nên chỉ đáng làm trò cười cho bậc cao minh, hôm nay dun dùi có tiền bối ghé thăm, rất mong được chỉ giáo.

Ông lão cười rộ đáp:

– Họ Hoàng đất Canh Tang nổi tiếng thi kiếm vô địch, thiên hạ ai lại chẳng biết, hà tất phải nói những lời khách sáo? Già này nào có biết gì về kiếm, chỉ vô tình buộc miệng nói càn mấy câu, bỗng nhiên lại mang hệ lụy vào thân.

Hoàng cứ khần khoản mãi. Ông lão uống cạn chung rượu, xong nói:

– Nể lời công tử, già này đành liều phô cái dở của mình ra

Ông lão bèn đỡ thanh kiếm, ngưng thần trong thời gian khoảng uống cạn nửa tuần trà rồi đột nhiên vung tay một cái. Chỉ thấy kiếm quang lấp loáng trên bàn rồi tắt. Trong thâm tâm Hoàng mong đợi một điều kì diệu xảy ra, nên thấy chỉ có thế thì hơi thất vọng nhưng không dám nói ra. Ông lão đặt thanh kiếm xuống bàn, rồi ngâm:

Mỗi gót lê chân khắp đất trời

Mắt xanh đôi hết mấy trùng khơi

Nơi nơi chỉ thấy người múa kiếm

Nào biết tìm đâu kiếm múa người?

Ngâm xong chấp tay từ tạ, nài nỉ thế nào cũng không được. Tiễn khách xong, Hoàng vào nhà định uống rượu tiếp để luyện kiếm, tay vừa chạm vào chén rượu thì bỗng giật mình, toát cả mồ hôi. Đường kiếm tinh ảo của ông lão đã lưu lại trên mặt bàn bốn chữ: “*Hậu hội hữu kỳ*”, nét như rồng bay

phụng múa¹! Hoàng kinh hãi chạy theo thì chỉ thấy tuyết bay mù mịt, không thấy bóng dáng ông lão đâu. Ngẫm lại bài thơ, Hoàng mới biết đó là lời chỉ giáo, bao nhiêu tráng chí hùng tâm bỗng nhiên tan biến.

Từ đó, Hoàng đóng cửa tạ khách, ngày đêm nghiền ngẫm kiếm phổ. Ba năm sau kiếm thuật tăng tiến rất nhiều nhưng Hoàng tự biết chưa đạt đến chỗ tận diệu, nên quyết tâm đi tìm ông lão ngày xưa để mong được chỉ giáo

Trải qua năm năm trời lang bạt kì hồ, đi mòn không biết bao nhiêu đôi giày cỏ, khắp nơi từ kinh thành phố thị đến hoang mạc, non cao đều có dấu chân Hoàng nhưng ông lão vẫn biệt tích. Một hôm Hoàng đến một vùng sơn cước thì trời đã ngã bóng. Phong cảnh nơi đây vô cùng thanh tao, tiêu sái. Đi men theo con suối một lúc thì thấy thấp thoáng có một ngôi nhà trúc. Hoàng vội đến xin trú tạm qua đêm. Vừa đến nơi, chưa kịp gõ cửa sài, đã thấy một ông lão ra đón miệng cười hỏi:

– Chẳng phải họ Hoàng đất Canh Tang đấy ư?

Nhìn lại thấy đúng là ông lão ngày trước, Hoàng mừng khắp khởi, toan quì lạy ra mắt, nhưng ông lão đã cản và mời vào nhà. Vật dụng bên trong nhà toàn bằng trúc, bày biện cực kì u nhã. Trên án thư thấy để vài cuốn sách. Trên bức vách trúc treo một cây hồ cầm. Hoàng thấy lòng lâng lâng như lạc vào cõi khác.

Ông lão chỉ lưu Hoàng ở lại chứ tuyệt nhiên không thấy nói gì về kiếm. Sáng hôm sau, Hoàng bèn đem kiếm phổ trình lên nhờ ông lão giải đáp những điều chưa hiểu. Ông lão

¹ Lời cũ “Toàn bộ vành các chén rượu đã bị đường kiếm tinh ảo của ông lão gọt đứt mà không rơi hẳn ra bàn”.

cầm kiếm phổ, lướt nhìn qua rồi bỗng nhiên xé vụn và ném tung ra ngoài cửa trúc như một đàn bướm. Hoàng nhìn theo các mảnh giấy bay, tâm thần hoảng hốt, la lên:

– Tiên bối không biết kiếm phổ đó là di vật cực quý thời thượng cổ ư? Kiếm thuật nhà vân bối cũng đều nhờ vào đó mà dương danh thiên hạ. Sao tiên bối lại hủy đi?

Ông lão cười rộ, bảo:

– Người đọc sách nhiều mà sao lại chậm hiểu thế. Trước đây ta cho người là kẻ thông tuệ, muốn tìm cầu chỗ ảo diệu của kiếm đạo, đâu hay cũng chỉ là phường bị thịt, trích cú tầm chương. Trên đời này có hàng ngàn kiếm phổ, chả lẽ nhà người cũng ráng tìm đọc cho hết ư? Dầu người có thọ vạn tuổi cũng không làm được điều đó. Giả sử không có một kiếm phổ nào thì kiếm thuật trên đời này tự tiêu vong đi chẳng? Ta hỏi người cái diệu lí của kiếm thuật há có liên quan gì đến ngữ ngôn văn tự?

Hoàng như người chiêm bao sức tỉnh, mình toát mồ hôi đầm đìa, quì xuống, thưa:

– Đệ tử ngu muội, kính nhờ tiên bối chỉ điểm.

Ông lão từ tốn bảo:

– Nhà người vốn thông tuệ nhưng chỉ mới đăng đường chứ chưa nhập thất. Người đọc *Nam Hoa kinh*, mà sao không nhớ đến chuyện Trang Tử hóa bướm? Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa thành bướm. Tỉnh dậy không biết bướm hóa ra mình hay mình hóa ra bướm? Người chỉ lo tập múa kiếm mà sao không một lần thử để cho kiếm “múa” nhà người?

Hoàng hốt nhiên tỉnh ngộ, xin ở lại hầu hạ. Suốt ngày ngồi tĩnh tọa, quán tưởng về kiếm. Một đêm trăng, Hoàng đang luyện kiếm, bất giác đi vào cảnh giới vô ngã, nghe lâng lâng như

siêu thoát, kiếm chiêu cứ tùy tâm niệm mà thu phát, như nước chảy mây bay, không có chút gì ngăn ngại. Hoàng cao hứng hát:

*Nhấp nhô con sóng
Lấp lánh hạt sương
Kiếm ta làm cơn gió
Bồng hóa thành ánh trăng
Ta nương theo ánh sáng
Vút bay theo cánh bằng
Bao năm học kiếm mà đâu hiểu
Ta là kiếm hay kiếm là ta
Hôm nay chợt tỉnh giấc
Phiêu diêu cõi bao la*

Được một năm, ông lão gọi Hoàng lại bảo:

– Người luyện kiếm đến đâu rồi?

Hoàng thưa:

– Khi đệ tử luyện kiếm quên hẳn thân mình, không còn biết kiếm múa đệ tử hay đệ tử múa kiếm nữa.

Ông lão bảo:

– Cái không biết ấy cũng còn là biết đấy. Kiếm thân hợp nhất mới chỉ là ngã rẽ tạm thời, *chưa đạt đến chỗ tận diệu của kiếm đạo. Người hãy trở lại trạng thái tâm khi người mới đến đây mới là hay.*

Hoàng cung kính lui ra, không luyện kiếm nữa mà chỉ lo các công việc vặt vãnh hằng ngày. Ngày ngày ra suối gánh nước, đốn củi, nấu cơm.

Được một năm, ông lão bỗng bỏ đi đâu mất, để lại cho Hoàng một bài thơ từ biệt, đại khái như sau:

Khi mới luyện kiếm, thấy kiếm là kiếm, thấy ta là ta

Khi được bậc cao minh chỉ điểm cho đường vào, thấy kiếm chính là ta và ta chính là kiếm

Khi đạt được chỗ diệu lí của kiếm đạo, lại thấy kiếm chính là kiếm và ta chính là ta

Thời gian sau, người ta thấy Hoàng gánh củi vô chợ bán, được tiền thì uống rượu, say rồi lại ngâm thơ chứ không nghe bàn gì đến kiếm nữa.

CÙNG BÙI GIÁNG ĐỌC TRUYỆN VÕ HIỆP

Tặng Bùi Giáng và Đỗ Long Vân

Nhan đề bài viết có thể khiến bạn đọc ngạc nhiên, vì nói đến Bùi Giáng, người ta thường nghĩ đến các trước tác đồ sộ của ông về thơ ca và triết học. Ông nổi tiếng ở nhiều lĩnh vực, nhưng lại không có một tác phẩm hoặc một bài viết hoàn chỉnh nào về Kim Dung hoặc các tác giả võ hiệp nào cả. Song có lẽ ít ai biết vị “*Hồng Thất Công trong thi ca tư tưởng*” này lại rất mê mớ sách kiếm hiệp (mà ông thường gọi là *vũ hiệp*), và đã để lại cho đời những tản văn bình phẩm tuyệt vời.

Những nhận định của Bùi Giáng về Kim Dung, về Ngọa Long Sinh ... thường rất ngắn, chỉ khoảng nửa trang, thậm chí chỉ vài dòng, và nằm rải rác, tản mạn đâu đó ở những phần phụ lục của các cuốn sách biên khảo của ông về thi ca và tư tưởng. Nhưng chính các nhận định ngẫu hứng đó đã âm thầm giúp cho người đọc nhận ra một thông đạo từ sách võ hiệp tìm về cõi đạo đồng phương và những cội nguồn tư tưởng khác. Các bậc chân nhân phương đồng thường không nói nhiều về những điều tâm đắc, giống như thể cách Hồng Thất Công truyền thụ võ công. Khi ngẫu hứng thì truyền

chơi một vài chiêu của *Hàng Long Thập Bát Chương*, nhưng chỉ vài chiêu đó cũng đủ để người nhận tung hoành thiên hạ, hơn là một đồng tạp nham của đám Giang Nam thất quái. Các bậc chân nhân chỉ đơn giản nói dăm ba câu theo thể điệu “*cử nhất phản tam*” của Khổng Tử (vật có bốn góc thì chỉ nêu ra một góc để người học tự suy ra ba góc còn lại). Và dăm ba câu đó có khi trở thành nền tảng cho các học thuyết của hậu duệ đời sau. Một vài câu rơi rớt của *Cửu dương chân kinh* từ miệng Giác Viễn đại sư trước giờ viên tịch cũng đủ để Trương Tam Phong và Quách Tường đưa Võ Dương cùng Nga Mi lên đến đỉnh cao võ học. Mạnh Tử, Vương Dương Minh... có viết hàng vạn lời cũng chỉ nhằm để khoáng diễn thêm một vài câu nói cực kì đơn sơ của Khổng Tử!

Khi nghiên cứu sách triết học hoặc sách võ hiệp, thì những cách “*tổng hợp*” theo kiểu xã hội học hoặc thư tịch học... không thể giúp ta đi vào chiều sâu tư tưởng của một tác gia. Tưởng tổng hợp nhưng thực ra lại gây chia lìa, tưởng làm *bằng nhân* nhưng lại khiến chia ương rẽ thúy! Cánh hoa được phân tích dưới kính hiển vi đâu còn là cánh hoa thoảng hương theo gió ngoài đồng nội? Miễn vô ngôn thăm thẳm của tư tưởng không bao giờ lộ ra trên trang giấy để các học giả chộp lấy và tổng hợp, phân tích một cách hồ đồ theo thể lệ *biên-khảo-giáo-khoa*; mà đôi khi nó hiện ra trong những câu nói lửng lơ, trong những câu thơ tả cảnh, trong những *mệnh-đề-phụ*. Đọc sách thì điều quan trọng là phải lắng nghe ra những gì nằm đằng sau trang giấy, để liễu đạt được cái “*huyền ngoại chi âm*” hay “*ý tại ngôn ngoại*”. Như gặm xương thì phải đập vỡ được xương và ăn được tủy. Chính cái tủy đó mới là dưỡng chất nuôi dưỡng cho các nhận định thâm viễn hoằng đại. Mà không phải nhà nghiên cứu nào cũng có thể làm được việc này, nếu họ không mang một tâm hồn thông tuệ, ứng hợp

cơ duyên và có những đôi mắt “*soi thủng cả tấm da trâu*” của thiền sư Dục Sơn Duy Nghiễm¹, hoặc những “*cặp mắt trong nghìn thu*”² của Tô Đông Pha, hay hồn thơ mệnh mông như Bùi Giáng. Những pho sách võ hiệp đồ sộ và hàng vạn trang cổ lục, dù có đề cập đến vô biên vô lượng vấn đề bằng muôn ngàn thể cách, thì vẫn không nói gì khác ngoài *Cái Lẽ Một Như Nhiên*. Chỉ khi nào thấu hiểu điều đó, ta mới nhìn ra được dòng ẩn lưu chảy ngầm dưới tác phẩm của mọi thiên tài suốt dưới vòm trời kim cổ, mới thu nhiếp mọi vấn đề về một mối theo lẽ “*Nhất dĩ quán chi*”.

Dòng ẩn lưu đó vẫn trôi chảy trong mọi cuốn cổ lục đông tây, và có thể nối liền những bờ bến xa xôi, nhưng thường rất khó nhận ra bởi phần tinh hoa lắm phen bị che lấp dưới những ngôn ngữ xô bồ. Ẩn tàng trong mờ phôi, và hiển lộ trong khuất lấp, đó là thể điệu của tinh hoa phát tiết và cũng là chỗ u mật mà thơ Bùi Giáng đã nói một cách bóng bẩy:

Có hàng cây đứng ngóng thu

Em đi mất hút như mù sương bay

Chỉ còn hàng cây đứng lẻ loi cô độc đứng ngóng thu, nhưng cái hình ảnh huyền ảo của người em đi dưới hàng cây để mang linh hồn lại cho hàng cây và cho cả mùa thu thì không còn nữa. *Em đi mất hút như mù sương bay*. Tinh hoa của những tư tưởng võ hiệp không phát tiết trong tác phẩm mà tự thân ẩn tàng trong hiển lộ, qua những *mệnh–đề–phụ mệnh mông*. Phong Thanh Dương bất ngờ xuất hiện trên

¹ Dục Sơn Duy Nghiễm là thiền sư vĩ đại đời Đường, ông thường cầm môn đồ đọc kinh. Một hôm, môn đồ thấy ông đang ngồi đọc kinh, bèn hỏi, ông trả lời “Nếu các người muốn coi thì phải có con mắt soi thủng cả tấm da trâu!”.

² Lời bình của Lâm Tây Trọng về cách đọc *Nam Hoa kinh* của Tô Đông Pha (Xin đọc *Nam Hoa kinh*, bản dịch của Nhưộng Tổng)

đỉnh Hoa Sơn, truyền thụ “Độc cô kiếm pháp” cho Lệnh Hồ Xung, rồi biến mất như con thần long phiêu hốt trong sương mù của huyền thoại, một loại mệnh—để—phụ còn mang theo những ẩn ngữ nào giữa cõi nhân gian? Thạch Phá Thiên hồn nhiên liễu ngộ thần công trên vách đá chẳng phải là lời chú giải cho *Pháp bảo đàn kinh*?

Bùi Giáng đã từng dịch một phần nhỏ cuốn *Kim Kiếm Điều Linh* của Ngọa Long Sinh, (NXB Quế Sơn Võ Tánh, 1967) bằng thể điệu ngôn ngữ rất mực tài hoa phiêu dật (đĩ nhiên là chỉ đối với những ai quen với văn phong Bùi Giáng), với những lời chú giải thâm hậu nhằm triển khai phần ẩn mật trong tư tưởng Ngọa Long Sinh. Nếu có điều kiện, các bạn thử chịu khó tìm đọc bản dịch của Bùi Giáng một cách kỹ lưỡng và chậm rãi đối chiếu với nguyên tác, các bạn sẽ tìm thấy trong những lời bình của ông, những lời bình mà không thiếu người cho là bốc đồng nhảm nhí, thì ngay tại những chỗ “*nhảm nhí*” đó bạn có thể nghe ra những dư hưởng mệnh mang từ nhiều kiệt tác cổ kim. Đó là điều kỳ diệu trong ngôn ngữ dịch của “*trung niên thi sĩ*”. Bùi Giáng có một cái nhìn rất lạ về tác phẩm sách võ hiệp (“*lạ*” ở đây có nghĩa là “*lạ*” đối với những ai chưa “*quen*” với ngôn ngữ của *Mưa Nguồn*!).

Tôi xin trích ra đây một vài nhận định lai rai của ông về sách võ hiệp:

“Độc truyện vũ hiệp là một trong những phép tu dưỡng kí ức và khơi dẫn nguồn vui ẩn mật trong mình. Đọc theo lối hồn nhiên, hoặc vừa đọc vừa suy gẫm. Chương lục, kiếm thế, nội kinh phát ra có thể là tinh thể của tinh thần phát hiện.

Riêng đối với bạn thi sĩ, sách vũ hiệp có thể giúp bạn làm thơ lai láng một cách không ngờ. Điều đó không có chi lạ: ban sơ vũ học, văn học, thi nhạc cùng phát khởi tại một cội nguồn: uyên

nguyên của tinh thần xuất phóng”. (Kim Kiếm Điều Linh, NXB Quế sơn Võ tánh, 1973).

Võ học, thi ca, hội họa ... đều bắt nguồn từ một cội uyên nguyên sâu thẳm, chỉ khác nhau trong thể điệu trình bày. Nói một cách khệnh khang theo ngôn ngữ bác học của những học giả sính thuật ngữ, thì những thứ đó: “*Thế*” vốn là *Một*, nhưng “*Dụng*” và “*Tướng*” lại khác nhau. Do đó, thấu hiểu Dịch học cũng là nâng cao y thuật, tập viết thư pháp cũng là rèn luyện võ công. Tiếng đàn, nét bút đều có thể hàm chứa tinh hoa của võ học. Cho nên đôi khi đọc sách võ hiệp cũng là nguồn cảm hứng để làm thơ, hoặc để đọc lại kinh Hoa Nghiêm, kinh Duy Ma dưới cái nhìn thăm thẳm khác.

“Những kiệt tác của Ngọa Long Sinh (gồm mười mấy tác phẩm đồ sộ trong mười mấy năm nay) đi song song với Kim Dung và Gia Cát Thanh Vân – thực hiện một cuộc chuyển biến dị thường trong lịch sử văn học tư tưởng Trung Hoa –những kiệt tác ấy không gặp được nhiều cơ hội thuận tiện để thị hiện chon von trong cuộc phiêu bồng của dâu biển sử xanh Holzwege, Leaves Of Grass, Caligula vân vân.” (Sương bình nguyên, tr.498–499).

Nhận định về Thiên Long Bát Bộ, ông nói:

“Để ba người¹ kết nghĩa anh em, Kim Dung đã xây dựng tác phẩm trong mối tư lường sâu xa về Tồn thể uyên nguyên” (Thúy Vân, tr.94)

Những câu nói đơn sơ đó đã đi một vòng bao trùm những chân trời tư tưởng và mở ra những thông đạo thênh thang để người đọc, từ trung tâm thông đạo, đón nhận được vô số âm thanh ảo huyền vọng về từ các trang cổ lục đông

¹ Tức Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc

tây. Tinh hoa của sách võ hiệp, hay đúng hơn là tinh hoa của tất cả tư tưởng đông tây, vẫn cứ luôn thấp thoáng đằng sau mọi trang giấy nào nùng, và chờ đợi một đôi tai biết “nghe” theo thể điệu nghiêm mật phiêu bổng của “*như thị ngã văn*”. Bùi Giáng đã “nghe” ra tất cả điều đó, từ những trang cổ lục mông lung cho đến những trang sách võ hiệp hiện đại. Một cung bậc vang lên và tâm hồn kẻ tài hoa mở ra đón nhận rất nhanh những dư vang đồng điệu.

Lâu nay, trong tất cả bài viết của mình, đặc biệt là trong những bài viết về Kim Dung, tôi vẫn cố gắng đưa vào vài câu thơ Bùi Giáng làm lời nhiep dẫn, như sợi chỉ Ariane, để mong giúp bạn đọc –nhất là các bạn trẻ– nương theo mà tìm về cõi đạo phương đông. Đó cũng là cách để chúng ta thể hội những mạch ngầm trong tác phẩm võ hiệp, như ông nói:

“*Nhưng cái mệnh phụ đồ sộ Nam Hải Ngạc Thần¹, cái mệnh đề phụ lai láng Bách Lý Băng², cái mệnh đề phụ khôn hàn của những niềm riêng tỳ tử trong vũ hiệp, thấy thấy có đồng quy về một mối nhất quán nào trong thơ tả cảnh Nguyễn Du, trong Les Chimères Nerval, trong thi ca Trung Quốc, trong mười chương của Dostoievski, trong những vận tối hậu của Wilde, bốc tia từ huyền nhiệm thâm u Bà La Mật..., có hay không, đồng quy từ mọi nẻo thù đồ? Đó là điều xin để bạn thông dong tự suy gẫm*”. (Sương bình nguyên tr.9)

Đã có bao nhiêu bạn đã chịu khó “*thong dong tự suy gẫm*” về điều đó, trước khi cầm bút bàn tới Kim Dung hay sách võ hiệp? *Thiên kiếm Tuyệt đao, Kim Kiếm Điều Linh, Tiểu Ngạo Giang Hồ, Thiên Long Bát Bộ ...* vẫn chứa chan hàng sa ẩn ngữ để đón nhận những làn gió tương giao thổi qua

¹ Tên một nhân vật nam trong *Thiên Long Bát Bộ* của Kim Dung

² Tên một nhân vật nữ trong Kim kiếm điều linh của Ngọa Long Sinh

suốt “cõi người ta” từ vô thủy đến vô chung. Những *mệnh-đề-phụ* của tình yêu có giúp các bạn nghe ra được linh hồn của từng trang cổ lục? Những *mệnh-đề-phụ* thăm thăm Du Thần Chi và A Tử đã đạt đến cõi đoạn trường nào mà ngay những trang thơ thảm khốc nhất của Hàn Mặc Tử cũng chưa tả nổi, và đồng thời hé mở được câu nói đơn sơ nào của kinh Hoa Nghiêm? Những *mệnh-đề-phụ* Không Kiến thần tăng, Định Nhân sư thái đã nói gì về cảnh giới “*niệm hoa vi tiểu*” của Phật môn? *Mệnh-đề-phụ* Đào cốc lục tiên hé lộ những điều gì đã được Lão Tử nhắc tới trong Đạo đức kinh? Thấp thoáng trong *Adrienne* của Nerval, bạn có nhận ra hình bóng nào nùng của tiểu ni Nghi Lâm? *Lưỡng nghi đao pháp, Thái cực kiếm pháp* có giúp các bạn thể hội thêm huyền nghĩa của Dịch kinh? Liên Tuyết Kiều còn mang ẩn ngữ nào của truyện Kiều? Vô vàn câu hỏi còn bỏ lửng để chờ những đôi tai biết lắng nghe.

Chỉ khi nào ta đã “*nghe*” ra được những điều đó bằng tất cả tâm nguyện “*tín giải thọ trì*”, để “*thấy*” được mối đồng quy của mọi nẻo *thù đồ*, thì những “*nhận định*” của ta về sách võ hiệp mới không bị lệch lạc từ cơ bản. Đỗ Long Vân là một trong số hiếm hoi những người “*nghe*” ra điều đó bằng những suy niệm chân thành, để viết nên tác phẩm tuyệt hảo “*Vô Kỵ giữa chúng ta*”. Đỗ Long Vân là nhà nghiên cứu Kim Dung nghiêm túc bằng văn phong rất mực tài hoa, khác với phong cách hý ngữ lộng ngôn ồm ờ của Bùi Giáng. Những trang viết trầm ổn túc mục của ông về Kim Dung đã được Bùi Giáng nhiếp dẫn về giữa ngã ba Tam Giáo của Đông Phương, để mở ra cuộc hội thoại Đông Tây. Và chỉ Bùi Giáng mới là người có thừa thái công lực và thông tuệ để đẩy những suy tư của Đỗ Long Vân vào những đường bay huyền ảo:

“Cuốn sách ông¹ bàn về Kim Dung nằm trong vùng tư tưởng thâm viễn như cuốn Nho giáo của Trần Trọng Kim, Chẳng những giúp người Việt Nam hiểu tư tưởng lớn của thiên tài Trung Hoa, mà còn khiến người Trung Hoa, người Đông Phương, Tây Phương nói chung ngày sau sức tỉnh. Tầm quan trọng của cuốn sách kia quả thật rộng rãi không cùng.

Tôi có thể đưa ra vài nhận định khác ông ở đôi chi tiết. Nhưng không cần. Điều cốt yếu ông đã nói xong, và những dư vang vô số sẽ tỏa khắp mọi chốn. Và sẽ còn khiến người ta thể hội cái mạch ngầm trong những tác phẩm của những thiên tài xưa nay, bất luận là Đông Phương hay Tây Phương.

Sách tôi bị cháy hết, nhưng tôi sẽ tìm riêng cuốn Vô Kỵ giữa chúng ta để đọc lại” (Đi vào cõi thơ, tr.79).

Lời trích dẫn dài dòng trên được dùng để khép lại bài viết này, và hy vọng rằng nó cũng sẽ mở ra, đồng thời, những chân trời bao la hơn cho những nhận định, trong tương lai, về sách võ hiệp.

¹ Tức cuốn **Vô Kỵ** giữa chúng ta

ẨM NGŨ LIÊN TUYẾT KIỀU

Một cô gái dung nhan tuyệt đại, tài năng và trí thông minh đáng được liệt vào hàng cực phẩm của nhân gian, mà đành phải bặt tai trước tiếng lòng thổn thức để gán duyên cùng một nhân vật nửa người nửa vượn. Một thanh niên thông tuệ tuần tú phải chối bỏ tình yêu để người em kết nghĩa được tự thành ước nguyện. Một kẻ nửa người nửa vượn, – kết quả của một tấn thảm kịch não nùng giữa một con vượn và một cô gái đang tuổi thanh xuân – lại cứ hồn hồn ngạc ngạc giữa nhân gian, yêu say đắm người yêu của nghĩa huynh, mà không biết được rằng mình đã làm hai trái tim tan nát, cứ cuồng điên chiếm hữu cho được người ngọc theo sự sắp đặt của một nhân vật đa mưu túc trí. Tất cả bi kịch đó xảy ra cũng chỉ vì cái gọi là “*đại cục của võ lâm*”. Ngọa Long Sinh đã bài thiết một tình huống não nùng làm người đọc phải cháy bỏng cả tim gan. Nhưng chính sự tan nát lòng người đó lại là điều kiện để anh hoa phát tiết! Đó có thể xem như là “*chủ đề tư tưởng*” trong tác phẩm *Vô Danh Tiêu* của Ngọa Long Sinh¹.

Tôi không muốn tóm lược lại cốt truyện khi viết bài, vì điều đó chỉ thêm rườm rà vô ích đối với người đã đọc sách.

¹ Trước 1975, tại Sài Gòn, Thương Lan đã dịch cuốn này với tựa đề “*Điều sáo mê hồn*”. Song bản dịch lại bỏ mất phần cuối là đoạn quan trọng nhất trong tác phẩm, thành thử bạn đọc có cảm tưởng bị hổng khi đọc bản dịch này.

Nhưng riêng đối với tác phẩm Ngọa Long Sinh, thì tôi xin độc giả cho phép tôi được “lung khởi” dài dòng đôi chút, vì các tác phẩm của ông ít được phổ biến ở Việt Nam. Phần tóm lược có thêm vài lời nhắc dẫn, rất mong có thể giúp ích được chút gì đó đối với người chưa từng đọc qua Ngọa Long Sinh.

Nhân vật chính trong bộ *Vô Danh Tiêu* là Thượng Quan Kỳ – một thanh niên tuần tú thông tuệ – sau một biến cố của sự môn, phải lưu lạc giang hồ với thương thế trầm trọng do trúng độc. Y lưu lạc đến một ngôi cổ tự hoang phế và gặp một dị nhân là Tiêu Tiên – người chấp nhận giam mình trong gác vắng gần hai mươi năm trời để luyện võ công thượng thừa thù thắng, muốn đem nội kinh gởi vào tiếng tiêu để sát thương địch nhân ở xa hàng dặm, trong chỗ vô hình tích. Tiêu Tiên tâm tính hỷ nộ bất thường vì ông có một tâm sự bi thương khôn tả: người nghĩa đệ mà ông yêu thương đã đầu độc ông để cướp cả vợ lẫn con. Do phát hiện căn cơ cốt cách của Thượng Quan Kỳ, ông chấp thuận truyền toàn bộ tuyệt nghệ cho Thượng Quan Kỳ mà không cần danh nghĩa thầy trò, chỉ với một yêu cầu là Thượng Quan Kỳ sẽ giúp ông tâm thù rửa hận, vì hai chân ông đã bị tàn phế do trúng độc, nên dù võ công tuyệt cao, ông không muốn rong ruổi giữa giang hồ. Vốn bản chất quật cường, Thượng Quan Kỳ vẫn khẳng khái từ chối. Sau đó, Thượng Quan Kỳ gặp nạn và rơi vào một tuyệt cốc. Chính ở nơi đây, y đã biết được một thảm kịch nhân gian. Người cứu nạn cho y là một con vượn khổng lồ, và là “chồng” của một thiếu phụ đáng thương! Thiếu phụ ấy, thuở còn là con gái, sống trong một ngôi làng bình dị ở vùng sơn cước với tất cả các ước mơ bình dị của một thôn nữ hiền lành. Một ngày kia tai họa bỗng đổ ập xuống làng khi một con báo từ đầu đến gieo họa cho gia súc lẫn người. Dân làng hiền lành mộc mạc đang đau khổ vì không có cách đối

phó, thì bỗng nhiên xuất hiện một con vượn khổng lồ đánh chết con báo tai ác kia. Dân làng vô cùng mừng rỡ và hân hoan cảm tạ vị cứu tinh bất ngờ đó, đã đổ xô ra chứng kiến trận đánh kỳ lạ kia. Sở đoạn trưởng lại chọn mặt người vô duyên: cô gái ra đứng xem đã bị con vượn bắt mang đi. Kết quả cuộc hôn phối đầy oan nghiệt ấy là Viên Hiếu – đứa con trai nửa vượn nửa người.

Dưới sự sắp đặt bí mật của người mẹ bất hạnh, Viên Hiếu theo Thượng Quan Kỳ về lại “cõi người ta”, với tâm hồn ngẩn ngơ của một người sơ thủy vừa thoát khỏi cuộc sống vượn người. Sau khi học được võ công kỳ đặc của Tiêu Tiên, hai anh em dẫn thân vào giang hồ và gặp Liên Tuyết Kiều, trong bối cảnh cô này, dưới vai một cô gái có tang, đang tìm cách chi phối quần hùng. Cô gái cực kỳ diễm lệ và võ công cao cường đó là con nuôi của một kẻ gian hùng tuyệt đại võ lâm đang nuôi mộng bá chủ giang hồ: Cồn Long Vương. Tài trí, dã tâm và thủ đoạn lẫn võ công của Cồn Long Vương còn cao gấp nhiều lần so với Tả Lãnh Thiên trong *Tiểu Ngao Giang Hồ* của Kim Dung. Y hiện thân như là Caesar giữa chốn giang hồ, và chỉ có một người đủ mưu lược và tài trí để chống đối lại y là Đường Toàn – sư đệ của chính y. Đường Toàn chỉ là một thư sinh trói gà không chặt, nhưng làm quân sư cho Cùng Gia Bang để đối đầu với vị sư huynh gian hùng đó, bằng trí thông minh kiệt xuất của mình.

Liên Tuyết Kiều dùng mê dược của Cồn Long Vương để thu phục Thượng Quan Kỳ làm vệ sĩ. Một lòng trung thành với nghĩa huynh, Viên Hiếu cùng đi theo Thượng Quan Kỳ để bảo vệ. Cõi giang hồ đầy biến động dưới mắt y chẳng có gì đáng bận tâm, ngoài người nghĩa huynh và cô nàng Liên Tuyết Kiều diễm lệ. Viên Hiếu đối với Liên Tuyết Kiều như Du Thán Chi đối với A Tử. Trong tâm hồn yêu đương man

dại đó, chân dung Liên Tuyết Kiều hiện ra như Bồ Tát Quan Âm! Còn Liên Tuyết Kiều càng ngày càng khám phá ra một điều: chàng vệ sĩ võ công cao cường, dưới lớp hoá trang bệnh hoạn và đang bị mất thần trí vì mê được, không biết tự bao giờ đã chiếm trọn trái tim nàng. Về sau, do khiếp sợ trước dã tâm và thủ đoạn của Cỗ Long Vương, Liên Tuyết Kiều gia nhập Cùng Gia Bang để chống lại nghĩa phụ mình. Mê được được giải, Thượng Quan Kỳ khôi phục thần trí và hồi ời, nghiệt oan cũng khởi đầu từ đó, khi chàng thanh niên tuấn tú thông tuệ kia tự hỏi lòng mình, và thấy rằng mình đã cùng Liên Tuyết Kiều “hẹn nhau từ muôn kiếp trước”. Một bên nghĩa đệ, một bên người yêu. Làm thế nào để đôi đường đều trọn vẹn? Ở đây không khởi đầu cho một mối tình tay ba rẽ tiên, mà vấn đề tư tưởng được đẩy lên đỉnh cao chói vót. Và truyện Kiều của Nguyễn Du bỗng hiện ra như một lời giải đáp tuyệt kỳ!

Đường Toàn, với thân hoài tuyết học nhưng thể trạng lại bạc nhược, đang muốn tìm người để kế thừa y bát. Chính thời điểm đó, Liên Tuyết Kiều hiện ra trước mắt ông như một môn đồ lý tưởng. Giống như Khổng Minh tìm được Khương Duy. Vị quân sư thông minh trác tuyệt đó biết rõ tình cảm của Liên Tuyết Kiều với Thượng Quan Kỳ, nhưng ông cũng đã vô cùng sâu sắc để hiểu rằng một khi gái quốc sắc tìm được trai thiên tài thì mọi sự xem như chấm dứt. Nàng sẽ tự an phận với cuộc sống bình yên của một người vợ hiền, sẽ lo vá may nội trợ để chăm sóc hạnh phúc cho tổ ấm gia đình. Một thằng cu hay con bé ra đời nữa là xem như xong! Cuộc sống gia đình êm ấm luôn là ước mơ của con người, nhưng oái ăm thay, đối với khách tài hoa, thì nó cũng là nguyên nhân làm lụi tàn đi tinh thể. “*Ta biết ngày mai em cưới vợ. Ngày làm hai buổi tối về thăm. Cơm xong chén nước chờ bên cạnh. Em bế*

thằng con được mấy năm. Mới mấy năm thôi đủ phận chồng. Chàng trai ngày trước đã thành công. Không còn mộng ước thời trai trẻ. Mắt sáng phai rồi, má hóp không (Xuân Diệu). Xuân Diệu đã từng chua xót cho bè bạn hào hoa thuở cũ, khi cay đắng nhận ra rằng cuộc sống êm ả đơn điệu của gia đình đã nhận chìm mất nơi họ bao hoài bão thuở thanh xuân. “Ta bước lên đường kêu gọi mãi. Những người bạn cũ thuở anh niên” (X.D). Và lời kêu gọi đó của Xuân Diệu đã tìm được lời đồng vọng từ Ngọa Long Sinh.

Thôi thì từ đây, bao võ công bao tài trí từng làm khiếp đảm quần hùng, em xin gởi trả hết cho đời. Dầu gì đi nữa em cũng chỉ là phận nữ nhi “nghìn tâm gởi bóng tùng quân, nắng mưa che chở cho thân cát đẳng”, rong ruổi làm gì nữa, đem tài hoa ra ganh đua xông xáo với đời làm gì nữa, khi Thượng Đế đã ban cho em một đẳng lang quân như ý? Chàng cứ tha hồ tung hoành đi nhé. Em sẽ lo toan mọi chuyện nhà, để mỗi khi quay về là chàng sẽ thấy một tổ ấm dịu êm. Đôi mắt từng áp đảo quần hùng từ nay sẽ mất hết thần quang để chỉ nhìn con nhìn chồng. Đôi tay từng chỉ huy nhiều trận huyết chiến từ đây sẽ tìm bình yên bên mâm cơm cái chén!

Trong khi đó? Cục diện võ lâm đang cần một con người tài trí nhiều cơ biến như Liên Tuyết Kiều. Cái bản lĩnh ấy không thể để mất chìm trong tiếng ru con, và cái thông tuệ ấy không thể vùi mất nơi góc bếp. Nàng phải thay cho vị quân sư yếu mệnh kia để tiếp tục cứu vãn sát kiếp cho võ lâm. Và Đường Toàn bố trí để gá duyên nàng cùng Viên Hiếu. Mộng hoài thanh xuân đành đổ vỡ theo hình bóng ngậm ngùi. Thế thì từ nay ta sẽ đem hết tài hoa bạt tụy ra thi thố với đời để phát tiết cho hết mối hận lòng cay đắng. Trí tuệ bị ma chiết sẽ càng thêm sắc bén, khổ luyện đoạn trường sẽ càng làm thêm rõ nét tài hoa.

Tổ Như Tử viết truyện Kiều và Ngọa Long Sinh viết *Vô Danh Tiêu* đều giúp ta thể hội thêm một điểm: để cho hai cái tài hoa tuyệt đại gặp nhau ắt tình thế sẽ tan hoang. Rong gập mây đầu chắc sẽ thi thố được hết tài năng, mà lắm khi sự êm ấm lâu ngày sẽ biến nó thành con giun đất! Con người chỉ khám phá được mình khi phải đương đầu với khổ đau và trở ngại. Cảnh đoạn trường sẽ đưa con người qua muôn vạn cảnh đời dâu bể để con người triệt ngộ và có điều kiện phát tiết anh hoa. Tấm vải của mộng đời chân chính sẽ không được dệt bằng tơ lụa trường giả của gác tía lầu son, của ngọc đường kim mã, mà phải được dệt bằng nước mắt và cát bụi của trần gian. Cho nên Nguyễn Du không để Thúy Kiều đến với Kim Trọng, mà ông phải dặt nàng trôi nổi lênh đênh qua muôn ngàn sinh ly tử biệt, để cuối cùng con người đó mới tìm thấy lại “*bản lai diện mục*” của mình sau cuộc Lữ mười lăm năm lưu lạc. Cô nàng Thúy Vân vô tâm hồn nhiên hiện ra là điều cần yếu để điều hòa hai khối Thi – Nhạc Kim Kiều.

Ngọa Long Sinh cũng để Thượng Quan Kỳ và Liên Tuyết Kiều phải chia tay vĩnh viễn. Con người vô tâm Viên Hiếu phải kết duyên cùng Liên Tuyết Kiều để làm sáng tỏ thêm ẩn ngữ của nàng trong “cõi người ta”.

TÀN MẠN VIỆT NỮ KIẾM

Việt Nữ Kiếm chỉ là một truyện ngắn, không được Kim Dung liệt vào 14 bộ sách chính của ông. Câu chuyện được xây dựng trên bối cảnh cuộc đấu tranh giữa hai nước Ngô–Việt thời Chiến quốc.

Nhân vật chính trong truyện là một cô bé chăn dê tên A Thanh. A Thanh là một cô gái chăn dê ở nước Việt. Hằng ngày, có một con vượn trắng dùng cây đánh nhau với cô trên đồng cỏ để đùa bỡn, vô tình qua những phản xạ khi giao đấu, cô lại học được một loại kiếm pháp thượng thừa. Quan tể tướng nước Việt là Phạm Lãi mời cô về luyện kiếm cho các kiếm sĩ nước Việt. Cô không biết dạy, mà chỉ biểu diễn kiếm pháp một vài lần cho các tay kiếm xem, sau đó lại biệt tích. Nhưng những gì cô để lại đủ giúp cho kiếm sĩ nước Việt trở nên những tay kiếm cừ khôi, và giúp nước Việt tiêu diệt nước Ngô.

Việt vương Câu Tiễn theo kế của Phạm Lãi dâng người đẹp Tây Thi cho vua Ngô là Phù Sai để dùng “mỹ nhân kế” làm lụn bại nước Ngô. Nhân vật Tây Thi đã là nguồn cảm hứng cho thi nhân của biết bao thế hệ. Và tính nhẫn nại kinh người cùng bản chất nham hiểm của của Việt vương Câu Tiễn vẫn là bài học ngàn đời.

Phạm Lãi yêu người đẹp Tây Thi, nên ông muốn phá được nước Ngô để sớm gặp lại người đẹp thôn Trữ La. Cô bé chăn dê ngây thơ A Thanh lại đem lòng yêu Phạm Lãi, nên cô rất tò mò muốn biết Tây Thi là ai. A Thanh cũng âm thầm theo chân đoàn quân nước Việt tiến vào kinh đô nước Ngô. Lúc kinh đô nước Ngô bị phá, Phạm Lãi hội ngộ Tây Thi cũng là lúc cô xông vào trướng phủ để giết Tây Thi. Khi thanh âm của cây kiếm trong tay người giáp sĩ cuối cùng rơi xuống, cũng là lúc cây gậy trúc trong tay A Thanh điểm đến tâm khẩu của Tây Thi. Nhưng cô liền dừng tay vì sững sờ trước dung nhan tuyệt tục của Tây Thi và cô không còn nghĩ đến chuyện ghen tương nữa. Cô không dám đẩy mạnh cây gậy trúc đã đặt nơi tâm khẩu Tây Thi, có lẽ vì sợ mang tội phá hủy một tuyệt tác của hóa công. Cô bèn hú lên một tiếng thật dài rồi nhảy qua cửa sổ mà đi mất, mang theo tâm trạng thê lương vì mối tình đầu tuyệt vọng của một cô gái chăn dê nước Việt.

Đại khái đó là nội dung của tác phẩm “*Việt Nữ Kiếm*”. Có lẽ câu chuyện đơn giản với nội dung chỉ có 58 trang trong nguyên tác không thể sánh với những tác phẩm đồ sộ khác của Kim Dung, nhưng điều hấp dẫn của tác phẩm là cô gái A Thanh trong câu chuyện ấy không phải là nhân vật hoàn toàn hư cấu mà dựa theo truyền thuyết lịch sử, thậm chí cả con vượn trắng trong “*Việt Nữ Kiếm*” cũng được nhắc được chép trong các cổ lục Trung Hoa như “*Ngô Việt xuân thu*”, “*Đông Chu liệt quốc chí diễn nghĩa*”, “*Văn nghệ loại tự*”. Có vậy ta mới thấy hết được sự cẩn trọng của Kim Dung, khi dùng lịch sử làm cái mốc để xây dựng cốt chuyện.

Ngô Việt xuân thu kể lại chuyện này như sau:

“*Việt vương Câu Tiễn hỏi Phạm Lãi:*

– Cô¹ mưu tính phục thù, dưới nước thì dùng thuyền, trên bộ thì đi xe. Xe thuyền đã đầy đủ, binh khí đã được sửa sang chỉnh đốn. Nay ông vì ta bày mưu tính kế, có còn sơ sót gì nữa không?

Phạm Lãi tâu:

– Thần nghe nói rằng bậc thánh nhân ngày xưa, chẳng ai là không dùng binh và luyện tập chiến đấu. Thế nhưng việc bày binh bố trận, rốt cuộc tốt hay xấu là thì sự quyết định là do ở chỗ tài khéo. Nay nghe nói ở nước Triệu có một xử nữ², sống ở Nam Lâm, người trong nước ai cũng khen là tài giỏi. Nay xin đại vương cho mời vào yết kiến ngay đi.

Câu Tiễn bèn nghe theo, cho mời vào để hỏi về thuật đánh kiếm, thương.

Cô gái nước Triệu trên đường đi đến nước Việt để gặp Câu Tiễn, thì gặp một ông lão tự xưng là “Viên công”³. Ông lão hỏi cô gái:

– Ta nghe nói cô nương giỏi kiếm, xin được xem qua.

Cô gái nói:

– Thiếp không dám đấu kiếm gì, xin mời lão trượng cứ thử.

Ông lão lập tức vung cây gậy trúc lâm vu⁴ ra. Cảnh trúc tung vút lên, người con gái liền đưa tay nắm lấy ngọn trúc. Ông già bỗng nhảy lên cây và hoá thành con vượn trắng mà bỏ đi mất.

Cô gái vào yết kiến Việt vương. Câu Tiễn hỏi:

– Cái đạo của kiếm như thế nào?

¹ Các vị vua thời xưa, thường tự xưng là “cô” hay “quả nhân” ý nói mình là ít tài kém đức.

² Cô gái chưa chồng.

³ Viên có nghĩa là con vượn

⁴ Tên một loại trúc

Cô gái nói:

– Thiếp sống trong chốn rừng sâu, lớn lên ở vùng hoang dã, thường rèn luyện kiếm không lúc nào nghỉ. Kiếm đạo này không ai truyền thụ mà thiếp tự ngộ ra.

Câu Tiễn hỏi:

– Đạo đó ra sao?

Cô gái nói:

– Đạo lý này rất vi diệu mà lại vô cùng giản dị, nhưng ý nghĩa thì u uẩn sâu xa. Đạo có môn hộ, lại có âm dương. Phàm khi chiến đấu thì bên trong tinh thần phải sung mãn mà bên ngoài thì phải bình thản. Nhìn thì dịu dàng như con gái, mà khi tấn công thì như mãnh hổ, vọt vọt như mặt trời mà như tung mình vô thỏ, đuổi hình theo bóng, như ánh sáng chớp chờn, điều hòa hơi thở, tung hoành xuôi ngược, co duỗi kín đáo. Dùng đạo lý này thì một người có thể địch lại trăm người, trăm người có thể địch lại vạn người. Nếu đại vương muốn thử, sẽ thấy hiệu nghiệm ngay.

Hỏi đến tên, cô gái chỉ bảo là “Việt nữ” (cô gái nước Việt).

Việt vương bèn sai tổ chức luyện tập cho quân sĩ. Thời bấy giờ không có ai địch nổi kiếm pháp của cô gái nước Việt” (Đương thời mạc thắng Việt nữ chi kiếm).

Qua “Văn nghệ loại tự” và “Đông Chu liệt quốc chí liệt truyện” thì nội dung trên có biến đổi chút ít. Theo hồi thứ 81 trong “Đông Chu liệt quốc” thì:

“Ông lão nhổ cây tre như nhổ đám cỏ khô để đâm cô gái. Ngọn trúc gãy rơi xuống đất. Cô gái liền nhặt lấy ngọn trúc đâm lại. Ông lão bèn nhảy lên cây hóa thành con vượn, hú một tiếng dài rồi bỏ đi. Sứ giả lấy làm kinh dị.”

Kim Dung đã dựa vào nhân vật nữ này để xây dựng nhân vật

A Thanh. Ông chỉ hư cấu thêm tình yêu của cô gái với Phạm Lãi.

Ta có thể hiểu nguyên văn “*Việt nữ chi kiếm*” trong trong “*Ngô Việt xuân thu*” là kiếm pháp do cô gái nước Việt truyền thụ hoặc kiếm pháp trong chính tay cô gái đó. Lời nói của cô gái trong tài liệu đó đúng là chỗ tâm yếu tối thượng thừa trong võ học, không ngoài các nguyên tắc võ học đông phương mà Kim Dung thường triển khai trong tác phẩm mình: “*nội động ngoại tĩnh, hậu phát tiên chí, toàn thần dụng quán, phản ứng tức tiếp, ứng hóa đa đoan, xuất địch bất ý*”. (trong động mà ngoại tĩnh, ra chiêu sau mà đến trước, tập trung toàn bộ tinh thần, phản ứng mau lẹ, biến hóa trăm bề, tấn công đột ngột).

Nguyên lý về kiếm thuật cũng thấy được nhắc đến một cách tương đối hệ thống trong chương “*Thuyết kiếm*” trong *Nam Hoa kinh* của Trang Tử (Cf. *Tập thiên, Nam Hoa kinh*). Có điều chương này mang văn phong của các nhà du thuyết thời Chiến Quốc, khác hẳn với văn phong mênh mông kỳ ảo của Trang Tử nên chắc là ngụy tác của đời sau. Nhưng qua đó chúng ta cũng nhận thấy lý luận về kiếm thuật, dù chưa hình thành một trường phái trong bách gia chư tử, cũng đã ẩn tàng trong các cổ thư Trung Quốc. Chính những giòng cổ lục ít ỏi và ngắn ngủi đó đã là cơ sở để các nhà kiếm hiệp đời sau kế thừa và phát triển. Trong tác phẩm *Tuyết Sơn Phi Hồ*, Kim Dung cũng để nhân vật Hồ Phi đọc bài *Thuyết kiếm* này trong phòng của Mã Xuân Hoa, tại phủ Phúc Khang An.

Thơ Đỗ Mục có câu:

Thụ đồ Hoàng Thạch lão

Học kiếm Bạch Viên công

(Bạch viên dạy kiếm pháp

Hoàng Thạch trao binh thư)

“Hoàng thạch” ở đây có lẽ lấy điển tích Trương Lương gặp ông lão trao cho bộ *Thái Công binh pháp* dưới chân cầu Hạ Bì để giúp Lưu Bang lập nên cơ nghiệp năm trăm năm nhà Hán. Sau khi thành công, Trương Lương tìm về chỗ hẹn năm xưa chỉ thấy một tảng đá vàng, biết rằng đó là hóa thân của ông lão, người sau kêu là *Hoàng thạch công*.

Trong các bài thơ *Nam viên* (vườn nam), Lý Hạ cũng có một bài nói về vị “*Viên công*” này, bài thứ bảy có câu:

Kiến mai Nhược lang khô thủy kiếm

Minh triều qui khứ sự Viên Công

(Mua được Nhược Lang thanh kiếm báu

Sớm mai tìm đến giúp Viên Công)

Câu chuyện viên đá vàng và con vượn trắng nói trên có thể là sự thật lịch sử hoặc cũng có thể chỉ là truyền thuyết dân gian, nhưng bao hàm biết bao nét nên thơ để mở rộng tâm thức nhân gian. Bi kịch lớn nhất của con người hiện đại là cứ luôn muốn định lượng và tìm tòi thế giới bằng thứ ánh sáng lạnh lùng của lý trí. Thiên nhiên đã phoir bày tất cả, nhưng càng phoir bày thì con người lại càng mơ hồ cảm nhận được cái huyền ảo vô cùng vi tế.

Mọi sự sáng tạo nhiều khi bị chìm chết trong cái gọi là “*ánh sáng của lý trí*”, mà có một thời gian rất dài nhân loại vẫn cho đó là “*cội nguồn của sáng tạo*”. Đó là lý do vì sao đến thế kỷ 20, chủ nghĩa hiện thực phải được thay bằng “*chủ nghĩa hiện thực huyền ảo*”. Tôi cho rằng chữ đó là thừa, vì bản thân hiện thực đã là huyền ảo rồi. Người xưa đã sống trong cái *thế giới hiện thực huyền ảo* đó với hòn đá vàng cùng con vượn trắng, cũng như những con chồn đáng yêu trong “*Liêu trai chí dị*”.

Vượn biết học kiếm là điều thấy có chép trong văn học Trung Quốc cổ. Trong “*Bạch viên truyện*” (Truyện con vượn trắng) mô tả thì có:

“Một con vượn trắng to lớn, lông dài mấy tấc, thường đọc sách trên thẻ tre, chữ viết tựa như chữ triện. Nhiều lúc múa song kiếm bao bọc lấy toàn thân nhanh như điện chớp, ánh sáng lấp lánh như ánh trăng”.

Còn theo cuốn tiểu thuyết Trung Quốc cổ “*Lục dã tiên tung*” (Dấu vết tiên ngoài đồng nội) thì đại đệ tử của tiên nhân là một con vượn trắng. Và theo “*Độc tiên kiếm hiệp truyện*” (Truyện kể về vị tiên cô độc) thì đại đệ tử của nhân vật nữ chính Lý Anh Quỳnh cũng là một con vượn trắng.

Thế giới văn học cổ Trung Quốc quả luôn luôn hấp dẫn người đọc bằng những lớp sương mù huyền thoại. Cùng với “*Liêu trai chí dị*” của Bồ Tùng Linh, chúng ta đi vào cái thế giới huyền ảo của những con chốn tinh độc ác mà cũng đáng yêu, thì cùng với các cổ thư Trung Quốc và câu chuyện “*Việt Nữ Kiếm*” ngắn ngủi, ta lại đi vào thế giới ảo huyền của loài vượn trắng.

VÀI CẢM NHẬN VỀ CỔ LONG

Cùng với Kim Dung và Ngọa Long Sinh, Cổ Long là một trong những tác giả võ hiệp gây được ấn tượng sâu sắc đối với độc giả Việt Nam. Có điểm khác biệt là nếu Kim Dung và Ngọa Long Sinh được mọi giới đón đọc, thì tác phẩm Cổ Long dường như chỉ phổ biến trong giới trẻ. Đặc biệt là ở miền Nam trước 1975.

Chưa cần bàn về nội dung, chúng ta có thể thấy rằng tác phẩm Kim Dung dễ dàng đến với độc giả một phần là nhờ những bản dịch tuyệt vời của cố dịch giả Hàn Giang Nhạn. Cứ thử đối chiếu nguyên tác của Kim Dung với bản dịch, bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy văn phong trôi chảy và ngôn ngữ đầy sáng tạo của dịch giả tài hoa này, đặc biệt là trong cách xưng hô giữa các nhân vật. Hàn Giang Nhạn đã tạo nên một văn phong riêng biệt trong ngôn ngữ dịch, nghe ra rất mực “*giang hồ*”! Chính điều đó đã lột tả được cái “thần” của nguyên tác. Dịch báo ngày theo kiểu *feuilleton* mà đạt đến trình hạn đó, tôi cho là ngòi bút Hàn Giang Nhạn đã gần đạt đến chỗ “*lô hỏa thuần thanh*”.

Cổ Long có lẽ không có được may mắn đó. Trước 1975, không có một Hàn Giang Nhạn thứ hai để có thể đưa Cổ Long đến với đông đảo bạn đọc miền Nam. Khi đọc lại Cổ Long trong nguyên tác, ta dễ dàng nhận thấy nhiều bản dịch

tác phẩm Cổ Long trước 1975, sau này được các bạn trẻ tải lên mạng InterNet, là những bản dịch hết sức tùy tiện. Một câu có khi được “chế” thành cả một đoạn đối thoại, có lẽ để nhằm mục đích câu trang. Thậm chí có những đoạn do dịch giả tự thêm vào và xuyên tạc hoàn toàn nội dung văn bản, hầu để gây yếu tố “giật gân”. Không rõ sự khác biệt này có phải là do chính Cổ Long hiệu đính lại trong nguyên tác khi in tác phẩm thành tập, như Kim Dung, hay không. Có lẽ chính lối dịch tùy tiện đó đã khiến Cổ Long mất đi rất nhiều độc giả ở miền Nam. Từ nhỏ, lần đầu tiên đọc Cổ Long, tôi bị “dị ứng” ngay với tác phẩm, có lẽ do lúc đó tôi chưa cảm nổi ngôn ngữ dịch hoặc chưa cảm nổi văn phong Cổ Long, nên đành bỏ dở không đọc.

Nếu người đọc mê Kim Dung như là bậc thầy hướng dẫn nhập môn vào nền văn hóa Trung Quốc, bởi kiến văn bác đại tinh thâm của ông, thì đối với Cổ Long thì điều này hoàn toàn không có. Bởi một lý do rất đơn giản là dường như những sở đắc của Cổ Long về văn hóa phương Đông không đủ sâu sắc để có thể thâm nhập vào lãnh địa này.

Trước đây, khi đọc lời phê bình của nhà văn Trung Quốc Vương Sóc đề cao Cổ Long và phê phán gần như mang tính nhục mạ đối với Kim Dung, tôi hết sức ngạc nhiên. Sau này được đọc một tác phẩm khác của Vương Sóc, tôi chợt hiểu. Vương Sóc là một nhà văn Trung Quốc hiện đại khá nổi tiếng lại tự nhận không biết đến Lão Tử là ai! Với một nền tảng về văn hóa Trung Quốc như thế, thì tác giả làm gì cảm nhận được nội hàm văn hóa trong tác phẩm Kim Dung, cho nên việc phê phán kiểu đó cũng là điều dễ hiểu, nếu không nói là tất yếu!

Trong tác phẩm Cổ Long, ta thường gặp cách tả các trận giao đấu rất thô gọn, kiểu như “*chỉ trong nháy mắt, y đã*

tung ra bảy quyền, tám cước. Và đối phương đánh trả lại mười chưởng”... (!). Sự ngoạn mục trong giao đấu, và nội hàm văn hóa trong võ học, cái nội hàm mà qua đó người đọc có thể tiếp cận với tinh thần phương Đông, như trong tác phẩm của Kim Dung, không còn nữa. Trong hầu hết các trận giao đấu, diễn biến đều bị lướt qua hoặc được mô tả rất sơ sài, mà chỉ còn lại kết quả.

Cảnh tượng một con chim én bay lạc bị đánh bật ra khỏi vùng sát khí vô hình bàng bạc giữa hai cao thủ đang tương trì giữa hai thế “*tĩnh*” và “*động*”, trong trận đấu giữa Hoa Vô Khuyết và Tiểu Ngư Nhi trong *Tuyệt Đại Song Kiêu*, là một trong những đoạn văn đẹp và hiếm hoi, và do đó khá lạc lõng, trong tác phẩm Cổ Long. Dù nó làm cho độc giả thấp thoáng thấy lại cảnh chiến đấu, bằng nội lực cao thâm, giữa tiếng tiêu réo rất của Hoàng Dục Sư và tiếng đàn tranh gay gắt của Âu Dương Phong, trong một đêm trăng thanh trên mặt biển, trong tác phẩm *Xạ điêu anh hùng truyện* của Kim Dung!

Tác phẩm võ hiệp của Cổ Long, yếu tố “*võ*” khá mờ nhạt, chỉ còn lại “*hiệp*”. Bố cục câu chuyện cũng không được coi trọng. Lắm khi đó chỉ là tác phẩm của những sự kiện rời rạc được chấp nối ngẫu hứng, và được gán “*mác*” võ hiệp, như *Tiêu Thập Nhị Lang* và *Hòa Tĩnh Tiêu Thập Nhị Lang*. Có thể đây là một điểm cách tân của Cổ Long, khi nhìn từ góc độ tiểu thuyết võ hiệp truyền thống?

Nếu trong tác phẩm Kim Dung, nguồn gốc và bản thân của võ học, thậm chí cả tên gọi, là một trong những điểm hấp dẫn độc giả, dầu đó hầu hết đều là võ bịa, thì trong tác phẩm Cổ Long, điều này hầu như vắng bóng. Do đó, trong tác phẩm Cổ Long cũng vắng bóng, hoặc chỉ được mô tả sơ sài, quá trình luyện tập võ công. Hầu hết các nhân vật chính, khi xuất hiện, đều đã mang một thân võ học. Cho nên trong

tác phẩm Cổ Long, hiếm khi ta gặp những bậc kỳ nhân dị sĩ ẩn cư nơi hang cùng núi thẳm để truyền tuyệt học lại cho nhân vật hữu duyên. Các đại môn phái có thực trong lịch sử võ học truyền thống Trung Quốc như Thiếu Lâm và Võ Đang, vốn được coi là Thái Sơn – Bắc Đẩu trong tác phẩm Kim Dung, cũng không được Cổ Long đánh giá cao.

Có thể đó là quan điểm của Cổ Long về võ học, hoặc có thể Cổ Long cố tình né tránh điểm này, để khỏi phải nấp dưới cái bóng quá lớn của người đàn anh Kim Dung.

Nhà soạn nhạc nhà Pháp là Berlioz, khi so sánh âm nhạc của Schubert với Beethoven, đã nói: “*Con bướm xinh đẹp đã bay trùng với đường bay của con chim ưng, nhưng nó đã khôn khéo né tránh, để khỏi bị đôi cánh khổng lồ kia làm cho dập nát*”. Ta có thể lấy lời phê bình này để so sánh cánh bướm màu sắc sỡ Cổ Long và con chim ưng Kim Dung, trong phạm vi bàn về võ học. Chúng ta có cảm tưởng nếu Cổ Long bàn về võ học theo kiểu Kim Dung thì chắc chắn ông sẽ thất bại, như văn hào Lev Tolstoi đã từng thất bại khi bàn về lịch sử, trong phần cuối của kiệt tác “*Chiến tranh và Hòa bình*”!

Có một bản dịch tiếng Việt khác khá hấp dẫn được gán cho Cổ Long, mà tôi đọc cách đây khá lâu, với tựa đề “*Ân Thủ Kiếm Lục*”, không rõ dịch giả là ai. Trong tác phẩm này, cảnh giao đấu giữa các cao thủ trong cảnh giới võ học thượng thừa được mô tả với bút lực khá thâm hậu. Nhân vật bạch y khách bí ẩn đến từ Đông Doanh như là hiện thân của kiếm đạo. Y tìm đến các cao thủ tuyệt đỉnh ở Trung Nguyên để giao đấu, không phải vì thói sinh cường háo thắng, mà chỉ nhằm ẩn chứng võ công và đi tìm sự tận diệu của võ học. Trong tác phẩm này lại bằng bạc không khí Thiên Tông ở giai đoạn “*Nhập triển thủy thủ*” (Thống tay vào chọi), khi nhân vật bạch y khách lui về Đông Doanh, sống một đời bình thường

với thể nhân để nghiên cứu kiếm đạo. Đây thường được xem là cảnh giới tối cao trong võ học, theo truyền thống phương Đông, chứng tỏ tác giả có những sở đắc nhất định về Phật học.

Song rất tiếc, chúng ta không thể tìm thấy tên tác phẩm này trong danh mục tác phẩm của Cổ Long, và cũng không biết được có phải đây là dịch phẩm từ một nguyên tác nào đó của Cổ Long hay không, nên khó lòng khẳng định. Bạn đọc có thể tham khảo danh mục nguyên tác các tác phẩm Cổ Long từ trang Web www.millionbook.net/wx/g/gulong/index.html để đối chiếu. Nếu *Ân Thủ Kiếm Lục* đúng là tác phẩm của Cổ Long thì đây quả là bước chuyển lạ lùng trong tư tưởng của tác giả này, một điều chúng ta khó lòng tưởng tượng, sau khi đã đọc một vài tác phẩm chính của ông, trong đó quan điểm về võ học được trình bày quá đỗi hời hợt.

Nhưng về việc mô tả nhan sắc và tâm lý phụ nữ thì Cổ Long có nhiều đoạn văn thật đầy ấn tượng. Có những trang sách như ngời sáng lên bởi nhan sắc của những người đẹp mà ông mô tả. Dường như ông bị ám ảnh và mang một nỗi mặc cảm nào đó đối với những người phụ nữ xinh đẹp có thật ngoài đời, trong chính cuộc sống của ông. Bởi vậy, nỗi căm hận lẫn cảm giác ngưỡng mộ và thậm chí khinh thường cứ hòa quện nhau trong những câu văn xuất thần đó.

Điều dí dỏm nhất trong những tác phẩm của Cổ Long, là có những cô gái võ công tuyệt cao, từng là nỗi kinh hoàng cho không biết bao nhiêu lũ ma đầu giết người chẳng gớm tay, như Tiểu Tiên Nữ trong *Tuyệt Đại Song Kiều*, thế mà nhiều khi xuất thủ lại được mô tả như một cô gái đang chơi nhảy dây! Dường như Cổ Long ít quan tâm đến võ công của những nhân vật nữ được ông gán cho bản lĩnh siêu phàm, mà chỉ quan tâm đến trạng thái tâm lý và “thói con gái” của họ.

Về điểm này, Cổ Long có những nhận định rất sâu sắc, có thể gây thích thú cho nhiều bạn trẻ.

Các nhân vật chính của Cổ Long khá giống nhau ở điểm: cờ bạc, rượu và đàn bà, cùng những tâm sự trĩu nặng! Đó dường như là bản sao của chính tác giả, để ký thác tâm sự dưới vài góc độ. Vì bản thân Cổ Long cũng là một đại tửu đồ, và ông đã chết vì rượu cùng với những nỗi buồn ở tuổi 48. Chính điều này khiến Cổ Long dễ dàng lặp lại chính mình, chỉ sau một vài tác phẩm.

Tên gọi nhân vật và tiêu đề tác phẩm lắm khi cũng là một đặc điểm của Cổ Long: hoa hòe và cường điệu, nên dễ đi vào chỗ sáo rỗng. Một tác phẩm giá trị thực sự không cần đến những ngôn ngữ phù hoa. Bởi vậy, *Truyện Kiều* muôn đời vẫn làm lay động hồn người hơn là *Chinh Phụ Ngâm Khúc* và *Cung oán Ngâm Khúc*, dù ngôn ngữ trong hai tác phẩm sau nhiều khi lại bóng bẩy và hoa mỹ hơn.

Ta gặp trong tác phẩm Cổ Long nào là *Hoa Vô Khuyết* nào là *Vô Tình Kiếm Khách Đa Tình Kiếm* ... Đó là những điểm ta hiếm khi gặp ở Kim Dung. Trong *Thiên Long Bát Bộ*, đối với một nhân vật dung nhan tuyệt tục là Vương Ngữ Yên, thì Đoàn Dự chỉ thầm tiếc sao cái tên của nàng lại hay quá, cao sang quá. Giá như nó tầm thường một chút thì nàng đã là con người toàn bích!

Trên đây là một vài cảm nhận nhỏ ban đầu của tôi, khi gần đây đọc lại Cổ Long, với mong muốn tìm được ở tác giả này một điểm gì đó, để cùng bạn đọc tiếp tục “*Lai rai chén rượu giang hồ*”.

NHÂN MỘT CÂU VĂN CỦA CỔ LONG

Bóng tối cùng sự yên tĩnh mênh mông đó, há chẳng phải là ân sủng mà trời cao ban tặng cho những cặp tình nhân? Tình yêu là một đóa hoa kỳ dị, không cần đến ánh nắng mặt trời, cũng không cần đến những giọt mưa, mà vẫn nở ra những cánh hoa diễm lệ trong bóng tối.

這無邊的黑暗与靜寂，豈非正是上天對情人們的恩賜？愛情是一種奇異的花朵，它并不需要陽光，也不需要雨露，在黑暗中，它反而開放得更美麗。

(Giá vô biên đích hắc ám dữ tĩnh tịch, khởi phi chính thị thượng thiên đối tình nhân môn đích ân tứ? Ái tình thị nhất chủng kỳ dị đích hoa đóa, tha tịnh bất nhu yếu dương quang, dã bất nhu yếu vũ lộ, tại hắc ám trung, tha phân nhi khai phóng đắc tiện mỹ lệ. –Tuyệt Đại Song Kiều, chương 124).

Bắt gặp một cuốn sách hay trong đống sách cũ bày bán sale off sẽ đem lại cho ta sự thích thú hơn là tìm thấy nó trong thư viện lớn. Tìm được một mặt vàng trên đồng sỏi đá, có lẽ ta còn sung sướng hơn là tìm thấy được một viên kim cương trong tiệm kim hoàn. Đọc sách cũng vậy. Tình cờ đọc được một đoạn văn hay trong một tác phẩm bình thường của một nhà văn không đặc sắc, lắm khi ta lại thấy

thích thú vô ngần. Chính sự bất ngờ đó đem lại niềm hứng thú. Đó cũng là cảm giác của tôi, khi đọc được đoạn văn trên trong *Tuyệt Đại Song Kiều*.

Trong tác phẩm này, một tác phẩm cũng bình thường như bao tác phẩm khác của mình, Cổ Long đã có nhiều câu văn mô tả về phụ nữ cực kỳ tinh tế. Từ tàn nhẫn đến thiết tha, từ ngộ nghĩnh đến chua cay. Song chính đoạn văn trên, theo cảm nhận của riêng tôi, mới thực sự là diệu bút.

Thiết Tâm Lan yêu thiết tha Tiểu Ngư Nhi vì tình, song chỉ yêu Hoa Vô Khuyết vì nghĩa. Trong trận đấu quyết định một mất một còn mang tính định mệnh giữa Hoa Vô Khuyết và Tiểu Ngư Nhi, Thiết Tâm Lan đã chủ động tìm đến Hoa Vô Khuyết để yêu cầu vị truyền nhân duy nhất của Di Hoa Cung này đừng giết Tiểu Ngư Nhi, và điều đó có nghĩa là y phải chết! Chính bản thân Thiết Tâm Lan cũng quyết định dùng cái chết để tạ lòng tri kỷ. Vì Thiết Tâm Lan và Hoa Vô Khuyết, mà Cổ Long đột nhiên đã có một đoạn văn xuất thần.

Một người con gái, trong đêm khuya, khẩn cầu một người yêu mình phải chết để cứu một người mình yêu, rồi quyết định tự vẫn để tạ lòng tri kỷ, cũng là một chi tiết rung động lòng người. Bút lực Cổ Long không đủ sức để diễn đạt sự thăm thẳm của những diễn biến trong tâm hồn, khi con người, vì Tình Yêu, tự nguyện đổi diện với Cái Chết bằng tất cả sự hân hoan và cay đắng. Song cảnh tượng Thiết Tâm Lan nửa đêm tìm đến Hoa Vô Khuyết để thỉnh cầu và bày tỏ nỗi lòng cho nhau trong đêm khuya thật là cảm động.

Nói đến “màu tình yêu”, thì chắc hẳn người ta sẽ nghĩ đến bài thơ “Màu thời gian” của Đoàn Phú Tứ:

Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh

Có nhiều người bông đùa thường bảo “màu tình yêu” chính là “màu thời gian tím ngắt” đó. Mà màu tím lại là “màu nho”, theo cách nói lái tình nghịch của người dân xứ Quảng!

Còn Cổ Long lại muốn đồng hóa tình yêu với bóng tối! Người ta thường nói bóng tối đồng nghĩa với tội lỗi. Song với Cổ Long lại khác.

“Bóng tối cùng sự yên tĩnh mệnh mông đó, há chẳng phải là ân sủng mà trời cao ban tặng cho những cặp tình nhân? Tình yêu là một đóa hoa kỳ dị, không cần đến ánh nắng mặt trời, cũng không cần đến những giọt mưa, mà vẫn nở ra những cánh hoa diễm lệ trong bóng tối.”

Người cầm bút, trong những phút linh cầu, đôi khi viết được những câu văn xuất thần, mà bản thân họ cũng không ngờ tới. Chỉ với câu văn này, Cổ Long như muốn vượt ra khỏi dòng văn chương võ hiệp truyền thống. Song đáng tiếc đó chỉ là cái bước hụt hơi, vì dường như Cổ Long không đủ nội lực để đi tiếp!

Gérard de Nerval – nhà thơ kỳ diệu của nước Pháp, người đã sống cùng với tình yêu như là một điều huyền nhiệm – đã có một khổ thơ tinh tế:

C'est peut-être la seule au monde

Dont le coeur au mien répondrait

Qui venant dans ma nuit profonde

D'un seul regard l'éclaircirait?

*Em là người duy nhất trong đời
Mà trái tim hòa nhịp tim tôi
Em về trong bóng đêm thăm thăm
Ánh mắt bừng lên nét rạng ngời.*

(Une allée du Luxembourg)

Tôi muốn bạn đọc hiểu nghĩa “*nuit profonde*” (bóng đêm thăm thăm) theo nghĩa bóng tối của những buổi hẹn hò. Để cảm nhận thêm sự mênh mông trong câu văn Cổ Long.

Và từ đó ta sẽ nghe ra sự đồng vọng mênh mông trong câu thơ Huy Cận:

*Bóng đêm tỏa không lấp niêm thương nhớ
Tình đi mau, sầu ở lại lâu dài
Ta đã để hồn tan trong tiếng thở
Kêu gọi người đưa tiễn nổi tàn phai.*

(Bi ca – Huy Cận)

Ngày mai, trong trận đấu, Hoa Vô Khuyết sẽ tự nguyện chết để Tiểu Ngư Nhi được sống. Thiết Tâm Lan cũng sẽ chết theo Hoa Vô Khuyết. Họ tỏ tình với nhau trong đêm tối cuối cùng, và trong bóng tối, hai linh hồn sẽ hợp nhất, để tình yêu nở ra những cánh hoa kỳ dị. Họ muốn tìm đến nhau trong tình yêu và cõi chết. Câu văn lạ lùng của Cổ Long dành cho cặp tình nhân đó làm tôi đột nhiên nhớ lại câu văn tuyệt diệu của Novalis, nhà thơ lãng mạn Đức, được các nhà phê bình đánh giá là thuộc số ít nhà thơ biết được “*sự huyền bí của tình yêu*” (*le mystère de l'Amour*).

« L'union conclue aussi pour la mort, ce sont des nocces qui nous donnent une compagne pour la Nuit. Dans la mort est

*l'amour le plus doux; la mort est pour qui aime une nuit nuptiale:
un secret de mystères très doux. »*

Tôi xin dịch trên tinh thần mở rộng câu văn của Cổ Long:

“Sự hợp nhất đó cũng là để kết thúc trong cõi chết. Đó là những cuộc hôn phối đem lại cho chúng ta một người bạn nữ đồng hành trên đường về Đêm Tối. Trong cõi chết kia vẫn tồn tại một tình yêu dịu ngọt nhất trên đời. Đối với kẻ đang yêu thì cái chết là đêm tối của cuộc hôn phối: đó là sự bí ẩn của điều huyền mật rất đối dịu dàng”.

Có những bản nhạc như Senenade của F.Schubert, có những câu thơ như “Bi ca” của Huy Cận, ta chỉ có thể cảm thụ được chiều sâu của nó trong bóng đêm yên tĩnh. Bóng tối sẽ khép lại ngoại cảnh để mở rộng con đường đi vào nội tâm, khiến tình cảm con người mênh mông hơn nhiều lần. Và câu văn của Novalis cũng như của Cổ Long ta cũng nên cảm nhận trong cái “bóng đêm thăm thẳm” của Nerval!

DI HOA CUNG CHỦ: ĐỈNH CAO VÀ ĐỜI THƯỜNG

Tôi đọc Cổ Long quá muộn, khi tóc đã nhuộm sương chiều, là lúc mà cái nhìn về “*cõi giang hồ*” không còn sự đắm say bông bột và háo hức của tuổi trẻ. Đó là những yếu tố có thể dẫn đến sai lầm, nhưng lại đem cho ta sức sống dạt dào. Bởi vậy tôi đọc tác phẩm Cổ Long không như đọc Kim Dung. Cái nhìn đã có phần thờ ơ lạnh nhạt. Tôi chưa bao giờ đánh giá cao Cổ Long. Ta không thể tìm được ở Cổ Long những tư tưởng thâm trầm về võ học hay triết học, nhưng lại có thể tìm thấy trong tác phẩm ông những miêu tả rất lãng mạn và những nhận định rất đặc sắc về tâm lý nhân vật nữ.

Tôi thích bộ “*Tuyệt Đại Song Kiều*”, không phải vì nội dung hấp dẫn hay tư tưởng sâu sắc, nhưng vì trong đó hầu như chứa “*cái nhìn tổng hợp*” của Cổ Long về các nhân vật nữ, vốn là một mặt mạnh của Cổ Long. Có lẽ không có tác phẩm võ hiệp nào mô tả được những trạng thái tâm lý của phụ nữ đa dạng đến vậy.

Ngay từ các chương đầu tiên, người đọc đã bắt gặp ngay cảnh tượng kinh hoàng vì ghen tuông của hai nhân vật dung nhan tuyệt tục và võ công cực cao là Di Hoa Cung Chủ. Đây hai nhân vật đã thành huyền thoại đối với võ lâm. Nơi họ

ở –Di Hoa Cung– đã trở thành thánh địa, và đó đó, cấm địa của võ lâm. Họ tồn tại dưới mắt khách giang hồ, qua truyền thuyết, như là những nữ thánh, chứ không phải là những người phạm.

Cả hai chị em Di Hoa Cung Chủ là Khiêu Nguyệt và Linh Tinh đều yêu Giang Phong – người được xem là mỹ nam tử đệ nhất võ lâm. Một loại *Alain Delon* thời vàng son của điện ảnh Âu châu! Giang Phong được đại cung chủ cứu mạng và mang về Di Hoa Cung chăm sóc. Vị đại cung chủ kia tin rằng Giang Phong phải yêu mình vì hào quang danh vọng, và vì mối ân tình sâu nặng. Không ngờ Giang Phong lại yêu một người nô tỳ của Di Hoa Cung là Hoa Nguyệt Nô và đem cô này bỏ trốn. Chính điều đó khơi dậy thêm lòng thù hận của hai nhân vật được xem là thánh nữ của võ lâm. Trên đời này, có bà chủ xinh đẹp và đầy danh vọng nào lại không thấy hổ thẹn và căm tức, và do đó càng thêm hận thù, khi người mình yêu lại khước từ mình để đi yêu một người đầy tớ gái? Cảnh tượng đại cung chủ là Khiêu Nguyệt hằng đêm dùng kim châm vào cánh tay trắng muốt như ngọc, để muốn dùng nỗi đau thể xác làm vơi đi nỗi thống khổ trong lòng, quả là một chi tiết kinh người, mà ta không hề thấy trong tác phẩm của Kim Dung.

Còn Giang Phong? Trước khi chết, Giang Phong đã mô tả Khiêu Nguyệt Cung chủ:

“Nàng ta là một khối lửa, một đồng băng, một thanh kiếm, thậm chí có thể nói đó là một con quỷ, một vị thần, nhưng tuyệt nhiên không phải là một con người!” (Tha thị nhất đoàn hỏa, nhất khối băng, nhất bình kiếm, tha thậm chí khả thuyết thị quỷ, thị thần, đãn tuyệt bất thị nhân!) (Tuyệt Đại Song Kiều, Chương 3)

Mà tự cổ chí kim, hầu hết đàn ông chỉ muốn yêu phụ nữ không phải như một vị thần, mà như một con người, để che chở thương yêu và sẻ chia tâm sự. Những người đàn bà xinh đẹp, thông minh trí xảo và đầy quyền lực có thể đem lại hào quang cho chồng, nhưng dường như khó lòng đem lại hạnh phúc bình dị cho cuộc sống gia đình. Người vợ chỉ có thể trở nên vĩ đại khi họ cảm thấy nhỏ bé trước mắt chồng!

Trên đường trốn sự truy sát của Di Hoa Cung, Hoa Nguyệt Nô hạ sinh một cặp anh em sinh đôi là Hoa Vô Khuyết và Tiểu Ngư Nhi. Cái nắm tay của Giang Phong với Hoa Nguyệt Nô, trước khi cả hai gục ngã trong vũng máu, đã khiến hai vị cung chủ, mà khách giang hồ không dám nhắc cả đến cái tên kia, càng thêm chua xót và căm hờn. Giết chết hai đứa nhỏ để thỏa mãn lòng ghen tức và thù hận là điều quá dễ. Vị đệ nhị cung chủ mà nhan sắc làm điên đảo hồn người kia lập ra một kế hoạch cực kỳ tàn độc và thâm hiểm: làm thế nào để hai đứa bé khi lớn lên hoàn toàn không biết chúng là hai anh em song sinh, mà sẽ xem nhau là thù địch và đối mặt trong một trận đấu tử sinh. Khi một trong hai anh em song sinh ngã xuống, họ sẽ nói rõ sự thật, để đẩy dọa linh hồn của cặp tình nhân bất hạnh kia ngay cả trong cõi chết! Cái tâm địa ghen tuông kinh dị và cách trả thù tàn độc đó khiến giới mày râu không khỏi sờn da gà.

Họ bắt một đứa bé về Di Hoa Cung nuôi dưỡng, và tạo hiện trường để người anh kết nghĩa của Giang Phong là Đệ nhất thần kiếm Yến Nam Thiên – một tuyệt đại cao thủ khác – đến cứu đứa bé còn lại.

Gần hai mươi năm ròng rã, cả hai vị cung chủ đã hao phí biết bao tâm huyết để tạo nên cuộc chiến đấu một mất, một còn giữa hai anh em song sinh, ở đoạn cuối tác phẩm. Do ghen tuông mà kéo dài sự hận thù suốt hai mươi năm, bắt hai người

con phải gánh chịu hậu quả, đó là điều khó lòng tưởng tượng nổi, trong đời thật. Có lẽ hai vị cung chủ kia là những nhân vật phi thường nên sự ghen tuông của họ cũng kinh dị phi thường!

Ngụy Vô Nha là một nhân vật cực kỳ thông minh nhưng xấu xí vô tưởng. Lão đến tận Di Hoa Cung để cầu hôn với hai vị cung chủ và bị từ chối, tất nhiên. Lão lập mưu lừa được hai vị cung chủ Di Hoa Cung vào sơn động của mình rồi phong tỏa đường ra, mục đích để chứng kiến cảnh tượng hai vị tiên nga kia chết trong cảnh đói. Lão muốn dùng cái đói để giữ sạch lớp hào quang chung quanh thân tượng mà lão đã một thời tôn thờ, để trả thù cho một mối tình tuyệt vọng.

Lão muốn tận mắt chứng kiến cảnh tượng đau khổ của họ trước khi chết. Lão muốn thấy họ bị dày vò bởi sự đói khát lẫn sự phẫn nộ, kinh hãi, để xem thử họ còn giữ vẹn phong thái của bậc thánh nữ hay không. Ngụy Vô Nha muốn thấy cảnh hai vị tuyệt đại giai nhân kia luôn xuất hiện trong áo bào trắng như tuyết, thanh khiết như băng kia khi mệt lã sẽ phải nằm gục trên tấm ván bẩn thỉu mà bọn nam nhân xấu xí đã ngủ, và muốn nhìn cả cảnh họ phải ăn cả những con chuột chết, khi bị cơn đói dày vò!

Cái ghen của Di Hoa Cung Chủ đã kinh dị, còn cách trả thù của Ngụy Vô Nha cũng cực kỳ tàn nhẫn. Cảnh tượng Ngụy Vô Nha ném một trái cam vào hang động cho cả bốn người – hai vị cung chủ cùng hai đối thủ của họ là Tiểu Ngưu Nhi và Tô Anh – trong cơn đói lã, thật là dã man. Lão muốn tận mắt nhìn thấy cảnh tượng những nhân vật được xem là thánh nữ của giới giang hồ đó, phải cúi lượm trái cam vất bỏ để giải quyết cái đói đang dày vò.

Cái đói không chỉ đánh quỵ thân xác mà còn đánh quỵ cả nhân cách con người nữa, cho dầu đó là những con người

đã từng một thời đứng ở đỉnh cao quyền lực và được bao phủ bởi những hào quang danh vọng. Chết từ từ vì cái đói có lẽ là điều khủng khiếp nhất trần gian. Chương trình “*Thế giới động vật*” trên TV, đôi khi cho chúng ta chứng cái chết vì đói của những con sư tử hay những con báo gấm kiêu hùng. Cảnh tượng những con vật một thời tung hoành như chúa tể khắp rừng xanh đang lê từng bước nặng nhọc với bộ lông xơ xác trước khi gục ngã, quả thật thảm não đau lòng.

Có lẽ ít ai lại quên được nhân vật Sinh trong truyện ngắn “*Đói*” của Thạch Lam. Và trong truyện ngắn “*Một chuyện xúyonia*” của Nam Cao đã kết thúc bằng một đoạn văn mà ai đã đọc một lần hẳn không sao quên được:

“Bọn trẻ con tưởng rằng, người ta có thể sống bằng tình yêu mà chẳng cần ăn. Hồi những cô gái quê rất có thể đáng yêu nếu không đói cơm kia! Các cô đã dạy khôn Hàn. Bây giờ Hàn mới biết rằng, trước khi nghĩ đến việc đặt những cái hôn lên cái miệng hoa của người yêu, cũng nên nghĩ đến việc đổ cơm vào đấy đã. Cái ý nghĩ có lẽ chẳng được thơ cho lắm, nhưng cuộc sống vốn không tha thứ những cái gì quá thơ.”

Cảnh tượng vị cung chủ của Di Hoa Cung khi bước tới lượm trái cam bị Ngụy Vô Nha vắt lăn long lóc trên đất quả là chuyện đau lòng đối với tất cả những ai muốn tôn vinh cái Đẹp của trần gian. Cái miệng hoa yêu kiều của hai vị thánh nữ võ lâm kia có thể thét gió gấm mây trên đỉnh cao quyền lực, song khi đói thì vẫn cần đến cả cơm thừa canh cặn để đổ vào!

Mỹ nhân là vưu vật của tạo hóa, dùng để tô điểm thêm vẻ đẹp của trần gian, cho nên không nên để cho nhân gian thấy ở chỗ bất toàn. Trương Trào bảo: “*Ngắm đàn bà trang điểm buổi sáng, nên đợi lúc phấn son xong*” (*Khán hiểu trang nghi ư phó phần chi hậu*). Cảnh người đẹp mới thức dậy đã không nên xem vì có

thể làm người ta thất vọng, hướng gì cảnh thảm nào của một người đẹp tuyệt tục đang bị sự đói khát dày vò. Cleopâtre muốn hình ảnh mình vẫn mãi mãi bất tử trong lòng mọi người, nên chọn cái chết nhẹ nhàng bằng nọc rắn sông Nile!

Cổ Long còn tàn nhẫn hơn nữa khi mô tả cảnh hai vị cung chủ và cả người đẹp Tô Anh lúng túng muốn cần giải quyết nhu cầu ... toilet ở trong sơn động, ngay trước mặt Tiểu Ngư Nhi! Thử hỏi có người đẹp nào thể giữ được dáng yêu kiều hay vẻ tôn nghiêm trước mặt người khác với cái bàng quang đang căng đầy nước, hay với cái bụng đang đòi hỏi nhu cầu giải quyết chuyện vệ sinh?

“Hai nhân vật vĩnh viễn chót vót trên cao, ai cũng một lòng kính ngưỡng, song từng bước biến thành những người tầm thường, không khác chi với bao người khác. Đến lúc này, Tiểu Ngư Nhi mới hiểu rằng dù sao họ cũng vẫn là những con người, cũng có những nhu cầu như con người, có những tình cảm như con người, thậm chí có cả nước mắt nữa.”

(Vĩnh viễn cao cao tại thượng, linh nhân bất khả ngưỡng thị đích Di Hoa Cung Chủ, chung vu dã tiệm tiệm biến đặc hòa biệt nhân đồng dạng bình phàm. Tiểu Ngư Nhi đảo giá thời hầu, tài giác đặc tha môn nguyên lai dã thị cá nhân, dã hữu nhân đích các chủng nhu yếu, dã hữu nhân đích các chủng tình cảm, thậm chí dã hữu nhân lệ – Tuyệt Đại Song Kiều, chương 107).

Xác thân con người, từ thượng lưu trí thức đến kẻ bần cùng đều yếu đuối như nhau khi đối diện với cái đói và những nhu cầu thiết yếu đời thường.

Song Cổ Long hẳn đã không làm cho độc giả thất vọng, khi để Tiểu Ngư Nhi bước tới lượm trái cam, bẻ đôi một nửa cho Tô Anh, một nửa cung kính đưa cho Linh Tinh cung chủ mà nói:

– Nửa trái quít này là phần của hai vị! Tại hạ biết các vị không thèm sờ tới những thứ mà kẻ khác đem vất đi. Song nửa trái này là do tại hạ cung cung kính kính dâng tặng, xin hai vị cứ yên tâm mà ăn. (Giá nhất bán dĩ thị nễ môn đích. Ngã tri đạo nễ môn tuyệt bất khăng ngật biệt nhân đầu điệu đích đông tây. Giá bán cố quất tử khước thị ngā cung cung kính kính tổng lai đích, nễ môn dĩ khả phóng tâm ngật liễu) (Tuyệt Đại Song Kiều, chương 106).

Đây là một chi tiết rất nhỏ nhưng lại vô cùng tế nhị, đáng để người đọc trân trọng Cổ Long, khi cứu vãn danh dự cho Di Hoa Cung Chủ, có nghĩa là cứu hình ảnh của cái Đẹp giữa cảnh dung tục đời thường. Nếu không thế thì bức tranh đời sẽ buồn thêm biết mấy?

Sài Gòn tháng 7 năm 2007

TRÌNH LINH TỔ: NHẤT PHIẾN BĂNG TÂM TẠI NGỌC HỒ*

Liêu An

Trên đồng đồ nát, bụi mù cuốn đi những dấu vết cuối cùng của thành Troy kiều ngạo sừng sững phương Đông, vì người con gái đẹp nhất cõi đời Hélène mà tan thành cát bụi sau cuộc chiến vô nghĩa suốt mười năm ròng rã. Cô Tô dài trong đồng tro tàn vẫn luyện lưu gót ngọc Tây Thi, những bước đi tha thướt tưởng chừng vô lực lại kéo theo sự sụp đổ của một vương triều. Giang sơn Đại Đường nghiêng ngã, Mã Ngôi pha chôn vùi cảnh hoa tươi thắm, sương móc đọng mùi hương “*Nhất chi nùng diễm lộ ngưng hương*”(**) Dương Quý Phi để *Trường Hận Ca* vang vọng mãi chốn nhân gian. Hóa công ưu ái tặng thêm linh khí cho những đóa hoa tươi thắm tạo ra tuyệt sắc mỹ nhân để làm công cụ đắc lực cho cuộc bầy phá của mình hay để cười nhạo sự mê si của con người? Dù thế nhân có lạnh lùng gán cho mỹ nhân tiếng chua cay “*Hồng nhan họa thủy*”, cái đẹp muôn đời vẫn được phụng hiến và tôn thờ trong nhạc họa thi ca. Dòng lịch sử tiếp tục tuôn chảy, cuốn theo nó bao nhiêu định kiến, thị phi của con người để lấy lại công bằng cho giai nhân, để tội lỗi trả về cho

những kẻ say hương đắm sắc. Dáng kiều thấp thoáng dật nên màn sương khói lung linh, tô thêm muôn phần diễm lệ cho bao tác phẩm bất hủ xưa nay.

Tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình cuốn hút người đọc bởi bên những chén rượu nồng say khước không thôi, võ công quán tuyệt thiên thu, hào khí ngất trời còn có bao bóng hồng kiều mỹ. Sự xuất hiện của mỗi giai nhân trong tác phẩm Kim Dung đều khiến ta phải xao xuyến ngẩn ngơ. Vương Ngũ Yên diễm lệ vô song như ngọc tượng cho anh đồ gàn Đoàn Dự hồn xiêu phách tán. Hoàng Dung cời bỏ lớp áo ăn mày, xinh tươi khôn tả khiến chàng khờ Quách Tĩnh chấn động tâm thần. Nhan sắc mỹ miều của Triệu Mẫn, tú lệ của Chu Chi Chước, rạng rỡ của Tiểu Chiêu đẩy Trương Vô Kỵ khốn quẫn trong vòng vây tình ái. Tiểu Long Nữ thanh thoát lướt đi với tà áo trắng tung bay trong gió, đóa hoa thiên giới hương thơm vượt lên mọi cỏ cây trần tục ấy đã xóa nhòa hết thảy khái niệm giai nhân trong kim cổ... Ôi, rừng hoa sắc nước hương trời mới muôn màu muôn vẻ biết chừng nào!

Chỉ đến “*Phi Hồ Ngoại Truyện*”, ta mới bắt gặp một nhân vật nữ không có dung nhan xinh đẹp. Ấn tượng đầu tiên của bạn đọc về Trình Linh Tố chỉ là một cô bé da dẻ vàng vọt, còm cõi, ốm yếu, mãi mê chăm sóc vườn hoa. Hẳn Kim Dung cảm thấy như vậy thật bất công nên dù không tặng nàng nụ cười hàm tiếu, chân dung Linh Tố vẫn được điểm tô bởi khóe mắt thu ba.

Em có đôi mắt như sâu xanh soi bóng,

Hồ gương ơi! Sao sóng lục vô chừng!

(Ly tao – Bùi Giáng)

Nàng tựa hồ đóa cúc đại hương thơm nhẹ nhàng tỏa khắp Động Đình hồ. Dù màu trắng ngần thơ có bị sắc màu

rực rỡ của bao loài hoa tươi đẹp khác lẫn át, đóa cúc vẫn hài lòng với những gì tạo hoá ban cho, mãn nguyện xòe tung bộ áo như vầng thái dương thu nhỏ quanh mình.

Tại vườn hoa, gánh nước giúp nàng thôn nữ, Hồ Phi không biết mình vô tình khiến trái tim Linh Tố rung lên những cung bậc đầu tiên của ái tình kỳ diệu. Ngay khi trao cho chàng đóa hoa Thất tâm hải đường, sợi tơ mỏng manh nhưng bền chắc của Nguyệt lão vĩnh viễn cột chặt Linh Tố vào mối tình vô vọng đơn phương.

Phải đâu Hồ Phi vì dung nhan Linh Tố không sánh được với Viên Tử Y mà không yêu nàng. Hồ Phi chẳng là hạng phàm phu tục tử chỉ biết đánh giá con người qua nhan sắc, huống chi chàng đã nghiêng mình thán phục trước sự thông minh, tinh tế của nàng đệ tử Độc thủ được vương. Nếu đem mấy chữ “*trọng sắc khinh hương*” gói trọn tâm tình Hồ Phi há chẳng phải quá bất công? Trái tim chàng không thể chứa thêm ai bởi trước mắt chỉ phất phơ bóng hình tà áo tím. Con ngọc phụng Viên Tử Y để lại có khác chi vết sẹo Ân Ly mang theo từ thuở thiếu thời? Vết thương đã liền da mà trong tim dạt dào một biển yêu thương, phụng hoàng tưởng vô tri lại chờ theo đôi cánh ngọc một trời nhung nhớ. Bên cạnh Nhậm Doanh Doanh dung nhan tuyệt tục, hết lòng yêu thương, Lệnh Hồ Xung vẫn quay quắt đón đau, nhát dạ chung tình với Nhạc Linh San sư muội. Ân Ly ngoảnh mặt đi với Tăng A Ngưu Trương Vô Kỵ để tìm kiếm vô vọng bóng hình cậu bé bướng bình ngày xưa. Mối tình đầu tuyệt đích đã khiến con tim si mê, cố chấp đến nhường thế sao nỡ trách nếu Hồ Phi không đáp lại tình yêu của Linh Tố?

Sau này trái tim Hồ Phi lại một lần nữa rung động trước người con gái của kẻ thù không đội chung trời Miêu Nhân Phượng. Khác với mối tình đầu đời ngọt ngào dù kết thúc

trong dang dở dành cho Tử Y, cảm xúc của Hồ Phi đối với Miêu Nhược Lan hẳn giống như một con thuyền bôn ba qua bao sóng to gió lớn chợt nhìn thấy một bến đỗ bình yên và muốn ngừng lại nương náu. Ngọn khói bốc lên từ mái nhà thấp thoáng, sưởi ấm cõi lòng người lữ khách dày dạn phong sương, mỗi mắt ngóng trông nơi cố quận. Giọng hát trầm thiết ân tình của Miêu Nhược Lan khiến trái tim của kẻ hành tẩu giang hồ độc vãng độc lai ngân lên những giai điệu hạnh phúc tưởng đã xa vời. Trước người con gái mỏng mai như khói, dịu dàng như cành liễu nương mình theo gió, có người đàn ông nào lại không động lòng, lại không muốn che chở yêu thương?

Trong ba tri kỉ bên cạnh Hồ Phi, Trình Linh Tố chưa bao giờ hưởng được mật ngọt tình yêu bởi chàng vĩnh viễn dành cho nàng tình thương trọn vẹn của người anh đối với cô em gái bé bỏng. Linh Tố vẫn lặng lẽ chấp nhận đóng trọn vai “Nhị muội”, giấu đi tiếng lòng thổn thức khôn nguôi để kẻ cận người yêu dấu, hoan hỉ chấp nhận tất cả để ngày ngày cùng chàng hành tẩu giang hồ: *“Nếu anh là chân trời xa xôi, em sẽ là một cánh chim rong ruổi. Nếu anh là mặt trời, em sẽ muôn đời làm một kiếp hướng dương”*(***).

Trình Linh Tố không xinh đẹp nhưng tính cách tựa hồ không tỳ vết, khí chất cao nhã ấy trên đời liệu đã có mấy ai? Thông minh, cơ trí nhưng không kiêu ngạo, tính toán; dụng độc thuần thực mà chẳng tàn ác nhẫn tâm; sắc sảo, khôn ngoan vẫn mềm yếu, dịu dàng. Nếu người đọc chỉ vì dung nhan không mấy cuốn hút mà quay lưng lại với nhân vật Linh Tố há chẳng phải là vô tình lắm ru?

Suy nghĩ của nàng giống như chiếc hộp khóa chặt, mọi hành động đều lặng lẽ, không khoa trương, nhưng sắp đặt vô cùng chu đáo, nghiêm mật. Cả khu vườn Thất tâm hải

đường bị sói lang phá hỏng, Linh Tố vẫn thản nhiên. Ba vị sư huynh sư tỷ hèn hạ ích kỷ, chỉ nghĩ đến pho Dược vương thần biên mà không quan hoài đến cái chết của sư phụ nàng khôn ngoan giáo huấn. Nàng vừa trị độc cho Tiểu Thiết bằng phương pháp lạ kỳ vừa giúp tên thợ rèn Vương Thiết Trượng trả được mối thâm thù. Mọi việc tưởng chừng như nằm gọn trong lòng bàn tay, mặc ý nàng sắp đặt, đùa bỡn, đưa người độc đi hết bất ngờ này sang thú vị khác. Tư chất thông minh, Linh Tố thừa kế toàn bộ kiến thức của Độc Thủ dược vương Tăng Vô Sân chữa bệnh cứu người. Dụng độc tài tình, nàng nghĩ ra bao thủ pháp hạ độc khéo léo khiến không ai đoán trước để phòng hay né tránh. Kế vai sát cánh bên Hồ Phi, nhiều phen ra tử vào sinh, không biết bao lần cứu chàng ra khỏi tử huyệt. Sự hiện diện của Linh Tố tạo cho ta một sự an tâm kỳ lạ, có sự cơ trí của nàng hẳn Hồ Phi sẽ chẳng lúc nào bị dồn vào ngõ cụt.

Trong trang phục mới, đỏ mặt mắc cỡ khi nghe Hồ Phi trêu mình giống tân nương tử, trông thấy ngọc phụng, sinh ra mối ghen tuông, hờn giận vu vơ... Linh Tố giữ vẹn nguyên tính cách ngây thơ của người thiếu nữ. Phải chăng Kim Dung sợ rằng nếu ưu ái thêm nhan sắc diễm tuyệt, Linh Tố sẽ trở thành con người quá hoàn hảo?

Bánh xe số phận vẫn vô tình lăn những vòng quay nghiệt ngã nghiêng nát hạnh phúc nhỏ nhoi của con người. Người con gái đáng yêu dù thông minh đến mấy cũng đành cúi đầu khuất phục trước số mệnh tàn nhẫn. Đứng trước mọi sự lựa chọn, kiều nữ đành giành lấy phần thiệt về bản thân mình, như A Châu ra đi tức tưởi, như Tiểu Chiêu ngậm ngùi gạt lệ đến xứ sở Ba Tư, như Kỷ Hiếu Phù chấp nhận cái chết, bất phục mệnh lệnh tôn sư, như Công Tôn Lục Ngạc đỡ cho Dương Qua nhất đao trí mạng...

Hồ Phi vì cứu mạng Linh Tố khỏi bàn tay tàn ác của Thạch Vạn Sơn không ngại lãnh lấy ba thứ độc dược hàng đầu thiên hạ, nàng sao đành đoạn nhìn người mình yêu thương nhất ra đi? Chất độc các lang y trên thế gian lắc đầu bất lực nay đã tìm ra thuốc chữa bởi cuối cùng đã có một người dám hy sinh tính mệnh cho bệnh nhân. Hành động của Linh Tố bí hiểm khiến người ta khó đoán cũng như tình yêu của nàng hết dòng sông ít ai hiểu nông sâu. Chỉ đến khi nàng kể mọi hút độc trên tay Hồ Phi, người ta mới vỡ lẽ dòng sông ấy hóa ra mênh mông như biển. Chất độc ngấm vào cơ thể cũng chính là lúc nàng đặt chân lên bến bờ của tình yêu đích thực sau cuộc lữ hành ngăn ngủ chốn trần gian.

Thanh Thạch kiều, ra tay ngộ sát, Tiêu Phong ôm xác A Châu gào khóc trong trận mưa phủ nhòa nhân thế, nỗi khổ đau vô hạn tưởng tan tác đất trời. Trong miếu hoang, thuốc giải chưa tan, Hồ Phi bất lực bên xác Linh Tố giữa màn đêm u tối, niềm thê lương cực điểm đến tái tê cây cỏ. Thời gian chậm rãi rơi từng giọt thánh thót, ngọn nến Thất tâm hải đường leo lắt cháy, đường nhỏ lệ khôn nguôi xót thương nàng thiếu nữ đốt cháy sinh mệnh hiến dâng cho mối tình đầu. Linh Tố thanh thân ra đi nhưng vẫn lo lắng chu toàn cho ý trung nhân, một lần nữa cứu chàng thoát khỏi bàn tay hung ác của Độc thủ thần kiều. Mối tình đậm thắm của nàng có khác chi con tằm đến chết mà tơ tình vẫn còn vương vấn, ngọn nến kia tàn rồi lệ đã hắt khô chưa?

Xuân tàn áo tử ti phương tận,

Lạp chúc thành hôi lệ thủy can.

(Vô đề – Lý Thương Ẩn)

(Con tằm mùa xuân rút mãi đường tơ đến khi ruột tằm khô héo; ngọn nến cứ rỏ mãi bao nhiêu hàng lệ đến bao giờ nến cạn thành tro thì dòng lệ mới khô.)

Viên Tử Y nhúng chân vào vũng bùn tục lụy, vì lời trọng thệ đành dứt bỏ tơ tình. Hóa công thật khéo trên người, đẩy những người trong cõi thanh tu vào mê cung luẩn quẩn của tình duyên luyến ái. Mỗi tình của Viên Tử Y thiết tha, da diết chứ không man mác “*hồn bướm mơ tiên*” như Nghi Lâm, cô tiểu ni đáng yêu ngày ngày ở phái Hằng Sơn cầu nguyện cho Lệnh Hồ đại ca và người chàng yêu hạnh phúc. Nàng và Hồ Phi đã trải qua biết bao nhiêu kỷ niệm ngọt ngào cùng cay đắng, trái tim nàng đã giương cờ trắng nhưng lý trí không dám quy hàng. Tử Y không đủ can đảm vì chàng mà rũ bỏ lớp áo ni cô dù một khi vương lớp bụi trần ai, áo kia khó lòng thanh sạch như ngày trước. Đến khi biết sự hy sinh không oán than của Linh Tố, Tử Y chỉ biết ngậm ngùi thương cảm và tự trách không thể bằng nàng.

Vẻ đẹp sáng trong, thanh nhã của Miêu Nhược Lan làm mọi người choáng ngợp nhưng dần dần tính cách mờ nhạt khiến ta nhầm chán, và sinh lòng hoài cảm Trình Linh Tố. Thế giới nội tâm của Linh Tố đến lúc ra đi không ai hiểu hết, độc giả thán phục sự thông minh, dũng cảm; thích thú trước mưu mẹo khôn ngoan để bảo vệ ý trung nhân; thương cảm cho tình yêu đơn phương tuyệt vọng và xót xa cùng cực vì cái chết nhẹ tựa như lông hồng. Một chiếc áo thêu rồng đính ngọc, ai nhìn cũng thích nhưng có làm ấm áp lòng người, có giúp người ta qua được cái giá rét của mùa đông như áo bông giản dị đơn sơ?

Sự hi sinh của Trình Linh Tố gần với Công Tôn Lục Ngạc biết mấy! Một đoá cúc trắng trong, một đài hoa xanh biếc, hơi ôi, hy sinh cho người yêu dấu mà nhụy nát hoa tan. Lục Ngạc lớn lên trong thế giới khắc nghiệt chốn Tuyệt Tình cốc, chịu đựng sự nhẫn tâm, độc ác của người cha, trái tim vĩnh viễn trong suốt như pha lê, vì Dương Quá hân hoan rời

xa côi thế. Trình Linh Tố từ bé sống giữa muôn vàn chất độc nơi Dục Vương trang, chấp nhận sự ích kỷ hẹp hòi của các sư huynh sư tỷ, tấm lòng vẫn là “*nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ*” vì Hồ Phi bình thân bước vào chốn vĩnh hằng.

Người đời khi mê mãi ngắm dòng sông mênh mông sóng nước sẽ quên đi con suối nhỏ âm thầm chảy dưới chân, khi say sưa với hoa hồng, hoa huệ xinh tươi khoe sắc sẽ quên đi những bông hoa dại ngát hương nơi vệ đường, có vầng trăng vàng vạc chiếu soi sẽ quên mất những ngôi sao nhạt nhòa ánh sáng. Ôi, trước sự vô tình của con người, sao tinh tú vẫn cố sức tỏa ánh sáng lung linh, suối lặng lẽ tuôn dòng nước mát, hoa dại miệt mài tỏa hương cho đời? Đâu phải sao muốn đua cùng nhật nguyệt, suối muốn tranh với giang hà, hoa mong mỗi sẽ có kẻ đoái thương? Chúng vì thiên tính mà tự nguyện hiến dâng. Và hi sinh vì người yêu không hề nuối tiếc phải chăng chính là thiên tính của bao kẻ si tình tự thiên cổ?

(*) Một tấm lòng băng tại hồ ngọc (Phù Dung lâu tống Tân Tiệm – Vương Xương Linh)

(**) Thanh bình điệu – Lý Bạch

(***) Mượn ý bài “Gọi em” của Nguyên Sa “Nếu em là chân trời xa, tôi sẽ là một cánh chim băng rong ruổi. Nếu em là mặt trời thì trên đường xích đạo, tôi sẽ muôn đời làm một kiếp hướng dương”

LỤC BÁT KIM DUNG

(Cảm ứng Nguyễn Tôn Nhan)

Nghi Lâm

Chuông khuya dẫn mối sầu về
Giọt buồn ai để rơi nhòe trang kinh
Chao ơi! Sư nữ đa tình

Lệnh Hồ Xung

Giang hồ đen trắng thị phi
Chính tà, chìm lắng trong ly rượu nồng
Bước chân lãng tử phiêu bồng

A Châu

Linh hồn thực nữ bao dung
Nhạn môn quan hẹn mộng trùng lai xưa
Lệ thương biết mấy cho vừa

Mạc Đại tiên sinh

Bắc nam xuôi ngược âm thầm
Kiếm chiêu tinh ảo, hồ cầm diệu thanh
Có ai hiểu nỗi u tình?

Đoàn Dự

Hồn anh một khối tình si
Ngai vàng đổi cỗi nhu mì của em
Phất phơ tà áo Ngũ Yên

Du Thản Chi

Cuồng điên máu lệ tình cầm
Bước chân A Tử xa xăm muôn trùng
Bóng chiều quan ải mộng lung

Hoàng Đông Tà

Chính tà nguồn cội là đâu?
Độc tôn duy ngã, chốn Đào Hoa chơi
Mệnh mộng tiếng sáo trùng khơi

Bất Giới hòa thượng

Sá gì thân náu cửa Không
Cạo đầu bởi chút má hồng ni cô
Tam quy Ngũ giới? Nam mô!

Tiêu Phong

Hán Liêu nào biết về đầu?
Ngâm ngủi tiếng hát A Châu thuở nào
Rượu chìm trong cội chiêm bao

Phong Thanh Dương

Thần long rất mực phiêu bông
Ngẫu nhiên về cội trần hồng dạo chơi
Linh quang còn tỏa sáng ngời

Thạch Phá Thiên

Tâm không một chữ cũng không
Hồn nhiên liễu đặc thần công tuyệt trần
Cơ duyên vẫn thắng cơ tâm

Nhâm Doanh Doanh

Đem thân bỏ chốn ngục tù
Mộng hồn vương vấn tình đầu thiết tha
Thánh Cô hiện giữa Ta Bà

Đông Phương Bất Bại

Hùng tâm trùm khắp càn khôn
Té ra là mảnh xiêm hồng vô duyên
Cuộc đời quá đổi đảo điên

Nhạc Linh San

Sơn ca Phúc Kiến lời ru
Còn say đắm gọi cội u tình nào
Băng tâm vùi giữa rừng sâu

Tạ Tồn

Đồ long đao, lệ anh hùng
Bước chân vào chốn Mê Cung, để rồi
Óan ân thăm thẳm trùng khơi

A Tử

Trái tim tàn nhẫn vô tình
Chỉ chôn chặt mỗi bóng hình tỷ phụ
Hận lòng máu nhỏ thiên thu

Hân Tố Tố

Tóc tơ chưa vẹn hương nguyên
Thì xin hẹn chốn hoàng tuyền gặp nhau
Đêm Băng hỏa đảo nhiệm màu

Đào cốc lục tiên

Tưởng rằng ăn nói quàng xiềng
Ngẫm ra lắm lúc thâm huyền tuyệt luân
Hay là Lão Tử vô tâm?

Đoàn Nam Đế

Bổng đứng ngộ được chữ danh
Phiêu nhiên thành vị chân tăng giữa đời
Nhất Đăng – Nam Đế mấy người?

Tô Tinh Hà

Thông minh vốn dĩ hơn người
Nên dang dở cả một đời tài hoa
Bước chân lạc nẻo Đông Pha ¹

Long Mộc đảo chủ

Tâm cơ phí uổng một đời
Thần công vách đá chờ người hữu duyên
Để gì nhân định thắng thiên

Năm 2005, có nhà xuất bản dự định in lịch Tết bằng chân dung của các nữ diễn viên đóng những vai nữ nổi tiếng trong tác phẩm Kim Dung, với chủ đề “*Kim Dung mỹ nhân đồ*”, và nhờ tôi viết vài câu thơ minh họa. Tôi bèn làm các câu thơ này. Rốt cuộc, dự định không thành, nhưng đó là một kỷ niệm rất đáng ghi nhớ, nên tôi xin phép được ghi lại ở đây.

¹ Tô Đông Pha có hai câu thơ “*Nhân giai dưỡng tử cầu thông minh, Ngã vị thông minh ngộ nhất sinh* (Người ta sinh con ai cũng cầu cho thông minh, còn ta vì thông minh mà lâm lỡ cả một đời người)

NGHI LÂM

*Bối điệp khả lân câu hữu lệ,
Trúc lâm tâm sự ký chung thanh.*

貝葉可憐俱有淚
竹林心事寄鐘聲

NHÂM DOANH DOANH

*Chư tử nhân trung đô thảo mộc,
Bình sinh đề thủ Lệnh Hồ Xung.*

諸子眼中都草木
平生低首令狐沖

VƯƠNG NGŨ YÊN

*Từ tông nhất kiến khanh khanh hậu,
Trần thế giai nhân tổng thị không.*

自從一見卿卿後
陳世佳人總是空

HÂN TỔ TỔ

*Tâm sự dĩ thành Băng hỏa đảo,
Trùng lai Trung thổ mộng hồn tiêu.*

心事已成冰火島
重來中土夢魂消

LÝ MẠC SẦU

Nhân gian một hữu vô tình xứ,

Thiên hạ ứng lân Lý Mạc Sầu.

人間沒有無情處

天下應憐李莫愁

A CHÂU

Tự cổ hiếu tình nan lưỡng báo,

Mộng hôn thùý lệ Nhạn môn quan.

自古孝情難兩報

夢魂垂淚雁門關

TIỂU LONG NỮ

Phiêu nhiên ngọc nữ thừa phong khứ,

Lưu thủ giang hồ nhất phiến tâm.

飄然玉女乘風去

留守江湖一片心

MỘC UYỂN THANH

Già diện tung hoành phi tự ngạo,

Kiểu thân dân khùng bá phương hình.

遮面縱橫非自傲

嬌身旦恐百方馨

VIÊN TÍNH

Ái tự bản lai nan tỵ miễn

Không môn hà xứ thác sầu tâm?

愛字本來難避免

空門何處托愁心?

TRÌNH LINH TỔ

Độc thủ Phật tâm chân khả ái,

Tuần tình tức sử thế gian bi

毒手佛心真可愛

殉情足使世間悲

MỤC LỤC

Lời Tựa	5
Lời Tựa Bản In Lần Thứ Nhất.....	7
Lời Tựa Bản In Lần Thứ Hai	9
Lời Tựa Bản In Lần Thứ Ba	11
Ghi Chú.....	13
Tiểu Thuyết Vô Hiệp Kim Dung Nhìn Qua Lăng Kính Triết Học Truyền Thống Phương Đông.....	15
Tàn Mạn Về Ảnh Hưởng Của Kinh Kim Cương Trong Tác Phẩm Kim Dung.....	23
Tình Yêu: Mệnh Đề Phụ Trong Tác Phẩm Kim Dung	28
Nghĩ Vấn Đạo Lý Qua Kiến Giải Kim Dung	35
Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ	43
Thử Nhìn Thế Giới Kim Dung Qua Triết Học Hiện Sinh ...	50
Nhiệm Màu Hai Chữ Cơ Duyên.....	57
Vô Học: Đường Về Tâm Pháp	63
Suy Ngẫm Về “Dạy Và Học” Trong Tác Phẩm Kim Dung ..	69
Chiêu “Bàng Xao Trắc Kích” Và Văn Hóa Trong Tranh Luận	75
Hàng Long Thập Bát Chương.....	80
Tây Thi: Từ Lý Bạch Đến Kim Dung	87

Hòa Âm Tiểu Ngạo Giang Hồ.....	95
Ghen Tuông – “ Sản Phẩm Phụ Của Tình Yêu” – Trong Tác Phẩm Kim Dung	112
Kim Dung Và Ngọa Long Sinh: Thiên Kiếm Với Tuyệt Dao	119
Lộc Đình Ký Và Viên Viên Khúc.....	126
Bá Chủ Vô Lâm: Bi Kịch Của Quyền Lực.....	149
Bi Kịch Tạ Tốn.....	155
Tiêu Phong: Người Anh Hùng Trong Mê Cung Định Mệnh	161
Bi Kịch Dân Tộc Qua Thân Phận Tiêu Phong.....	168
A Châu: Nước Mắt Oan Cờ.....	174
Nhậm Ngã Hành: Cái Tôi Và Bản Lĩnh.....	179
Mạc Đại Tiên Sinh: Cánh Độc Hạc U Hoài	186
Lệnh Hồ Xung: Chân Dung Gã Tù Đọa Lãng Tử	192
Giang Nam Tứ Hữu: Thảm Kịch Của Tài Hoa	199
Đoàn Dự: Kẻ Phụng Hiến Trong Tình Yêu	205
Đào Cốc Lục Tiên: Một Sáng Tạo Độc Đáo Của Kim Dung.....	212
Du Thán Chi: Thảm Kịch Khúc Phượng Cầu Lạc Diệu..	218
Tâm Sự Nghi Lâm: Giọt Lệ Giữa Trang Kinh.....	225
Vài Suy Ngẫm Về Viên Tính.....	231
Hư Trúc: Nhà Sư Vương ... Mộng.....	239
Tiểu Chiêu: Nàng Iphigenia Của Kim Dung.....	247
Thế Diệu Trông Trời.....	254
Huyền Nghĩa Vô Danh Tăng.....	259
Cửu Ma Trí: Nạn Nhân Của Võ Học	265

“Cuộc Chơi” Của Vi Tiểu Bảo	272
Mộ Dung Phục: Con Rồng Chưa Điểm Nhân	280
Nam Lan: Bến Bờ Ảo Vọng.....	287
Địch Vân: Kẻ Lữ Hành Cô Độc	293
Trương Vô Kỵ Và Giác Mơ Thống Nhất Của Kim Dung ..	300
Diệt Tuyệt Sư Thái: Quái Tượng Chấn Thiên Môn.....	307
Lăng Sương Hoa: Cái Chết Của Nhàn Lục Cúc	314
Đoàn Nam Đế: Lụy Phù Danh.....	320
Hằng Sơn Tam Định.....	327
Hoàng Dược Sư: Một Cõi Trời Riêng.....	334
Nỗi Lòng A Tử	341
Tạ Yên Khách: Giá Trả Cho Thói Cuồng Ngông.....	347
Bạch Tự Tại: Căn Bệnh Vĩ Cuồng	354
Quách Tương Tiểu Muội.....	361
Châu Bá Thông: Trăm Năm Còn Vị Thành Niên.....	367
Góp Phần Đánh Giá Sự Đánh Giá Kim Dung Tại Việt Nam..	374
Phụ Lục	381
Kiểm Đạo.....	382
Cùng Bùi Giáng Đọc Truyện Võ Hiệp	389
Ẩn Ngữ Liên Tuyệt Kiều	397
Tản Mạn Việt Nữ Kiếm.....	403
Vài Cảm Nhận Về Cổ Long.....	410
Nhân Một Câu Văn Của Cổ Long	416
Di Hoa Cung Chủ: Đỉnh Cao Và Đời Thường.....	421
Trình Linh Tố: Nhất Phiến Băng Tâm Tại Ngọc Hồ*	428
Lục Bát Kim Dung	436

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39260024 - Fax: (024) 39260031

HUỲNH NGỌC CHIẾN

LAI RAI

CHÉN RƯỢU GIANG HỒ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập:

PHAN THỊ NGỌC MINH

Bìa: **NHẤT NHÂN**

Trình bày: **THÙY DƯƠNG**

Sửa bản in: **HÀ NHÂN**

Đơn vị liên kết xuất bản:



In 1.000 cuốn, khổ 13.5x20.5cm, tại Cty CP In Long An, 409 QL1, TP Tân An, Long An.

Số ĐKKHB: 4270-2019/CXBIPH/21-74/HĐ. QĐXB: 765/QĐ-NXBHĐ/22.12.2019.

ISBN: 978-604-951-481-4. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2019.